**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT**

ĐỊA CHỈ: THẮNG TRÍ - KIM ANH - HÀ NỘI

TEL : 0243. 5996 883; FAX : 0243. 5996 883

MAIL : BANDODAIVIET@GMAIL.COM


CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT - M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P - X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

U.B.N.D XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰN VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 05.08 / APEX - DCTT

Ngày 08 tháng 05 năm 2026

Nguyễn Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐÃ PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA

Ngày 9 tháng 5 năm 2026

Ký tên:

Vũ Trọng Khánh

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT

Ngày 8 tháng 5 năm 2026

Người thẩm định ký tên:

Nguyễn Đình Tùng

QUYỂN 2/3 GỒM:

+ HỒ SƠ THIẾT KẾ TUYẾN 3

+ HỒ SƠ THIẾT KẾ TUYẾN 4.

**DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI**

**ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI**

**CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT**

NỘI BÀI: NĂM 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:
Vũ Trọng Chánh

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/ APEX-BCTT
Ngày 08 tháng 05 năm 2026
Nguyễn Thanh Tùng

QUYỂN 2/3 GỒM:

+ HỒ SƠ THIẾT KẾ TUYẾN 3
+ HỒ SƠ THIẾT KẾ TUYẾN 4.

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:
Nguyễn Đình Tùng

## DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI

**ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI**

**CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT**

| CHỦ ĐẦU TƯ | ĐƠN VỊ TƯ VẤN |
|---|---|
| BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT |
| U.B.N.D XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG | M.S.D.N: 0102017419 C.T.C.P – CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT – X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI |
| PHÓ GIÁM ĐỐC | PHÓ GIÁM ĐỐC |
| Nguyễn Kim Lữ | Nguyễn Thế Long |

NỘI BÀI: NĂM 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# HỒ SƠ THIẾT KẾ TUYẾN- 03

U.B.N.D XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

M.S.D.N: 0102617419-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

NỘI BÀI: NĂM 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

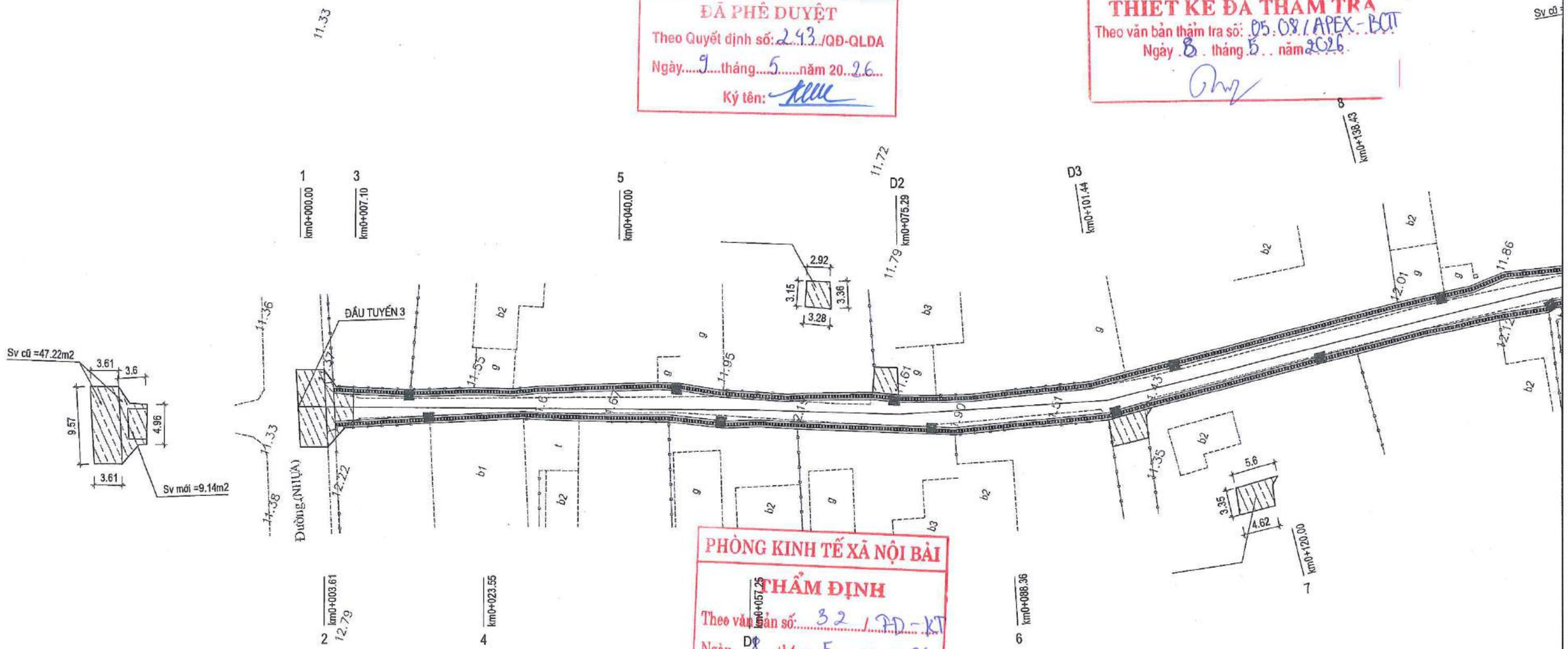


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

11.27 RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1:500 | SỐ HIỆU: T3-BDTK-01 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX+BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

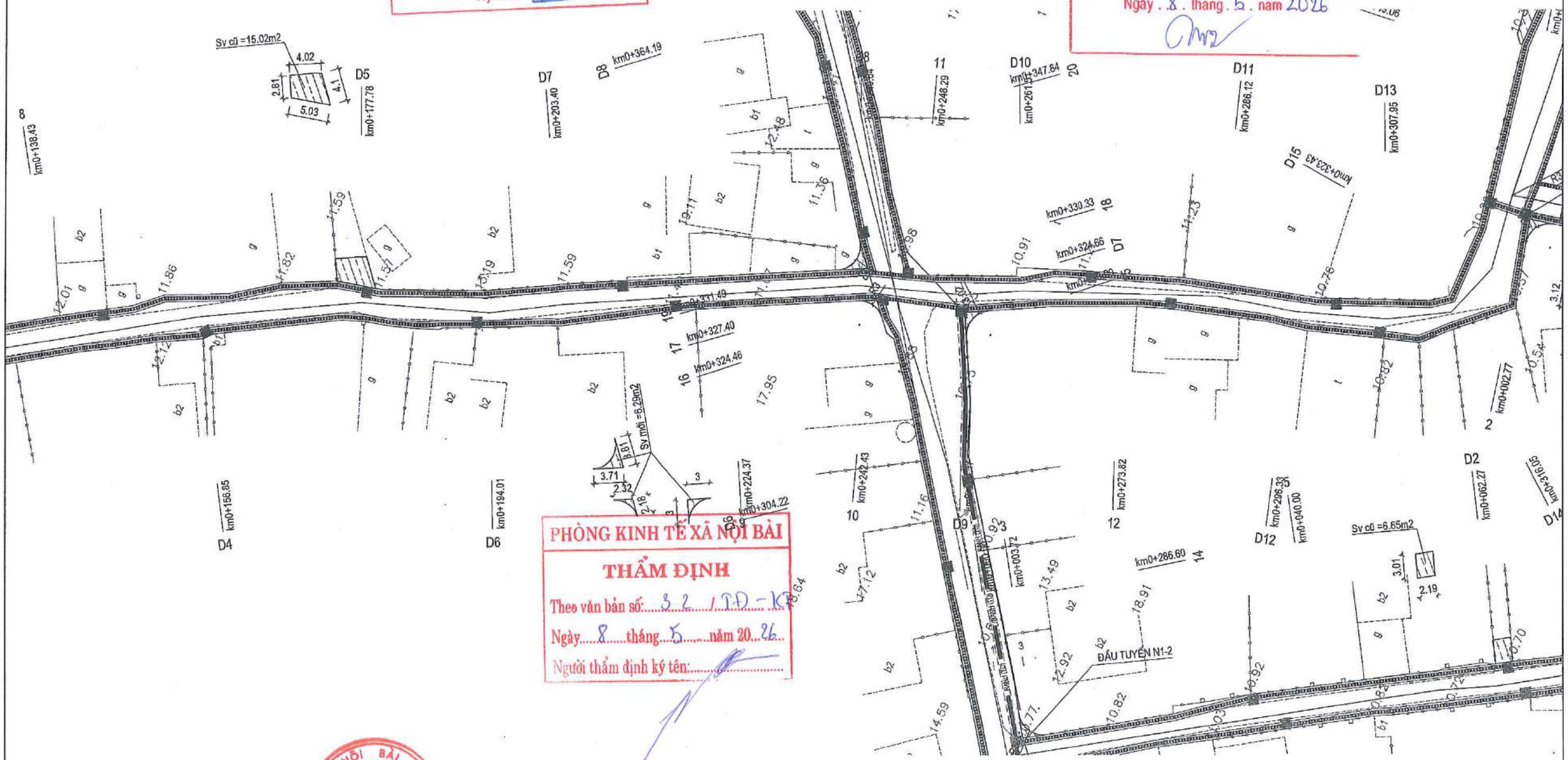


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RANH (TD)
MX-B50

RÃNH TẬN DỤNG
RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:500 / SỐ HIỆU: T3-BDTK-02 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P
X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08 /APEX - BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

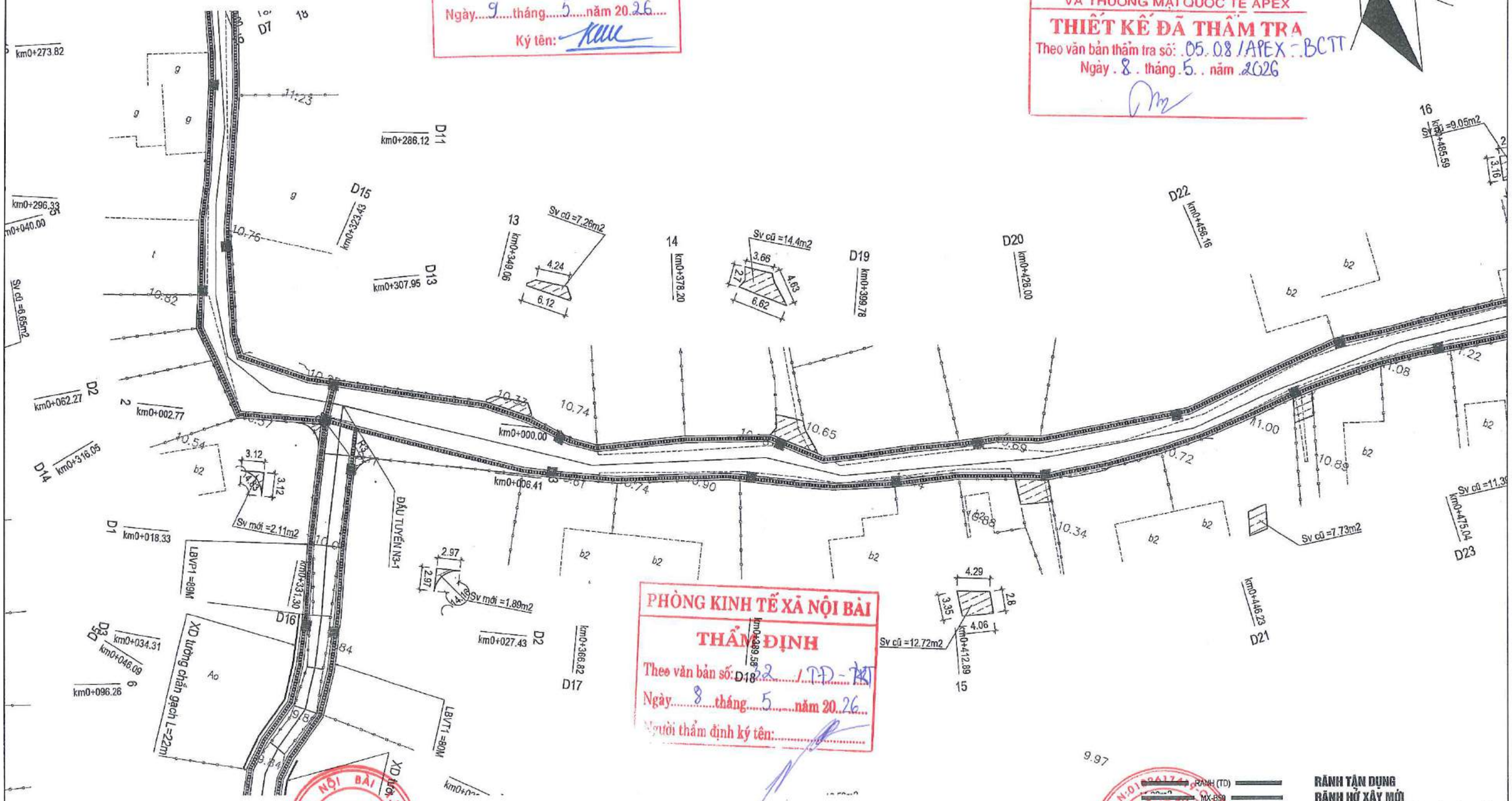


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 22 /TTĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RÃNH (TD)
MX-B50

RÃNH TẬN DỤNG
RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP DAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | ĐẠI VIỆT | TỶ LỆ: 1:500 | SỐ HIỆU: T3-BDTK-03 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

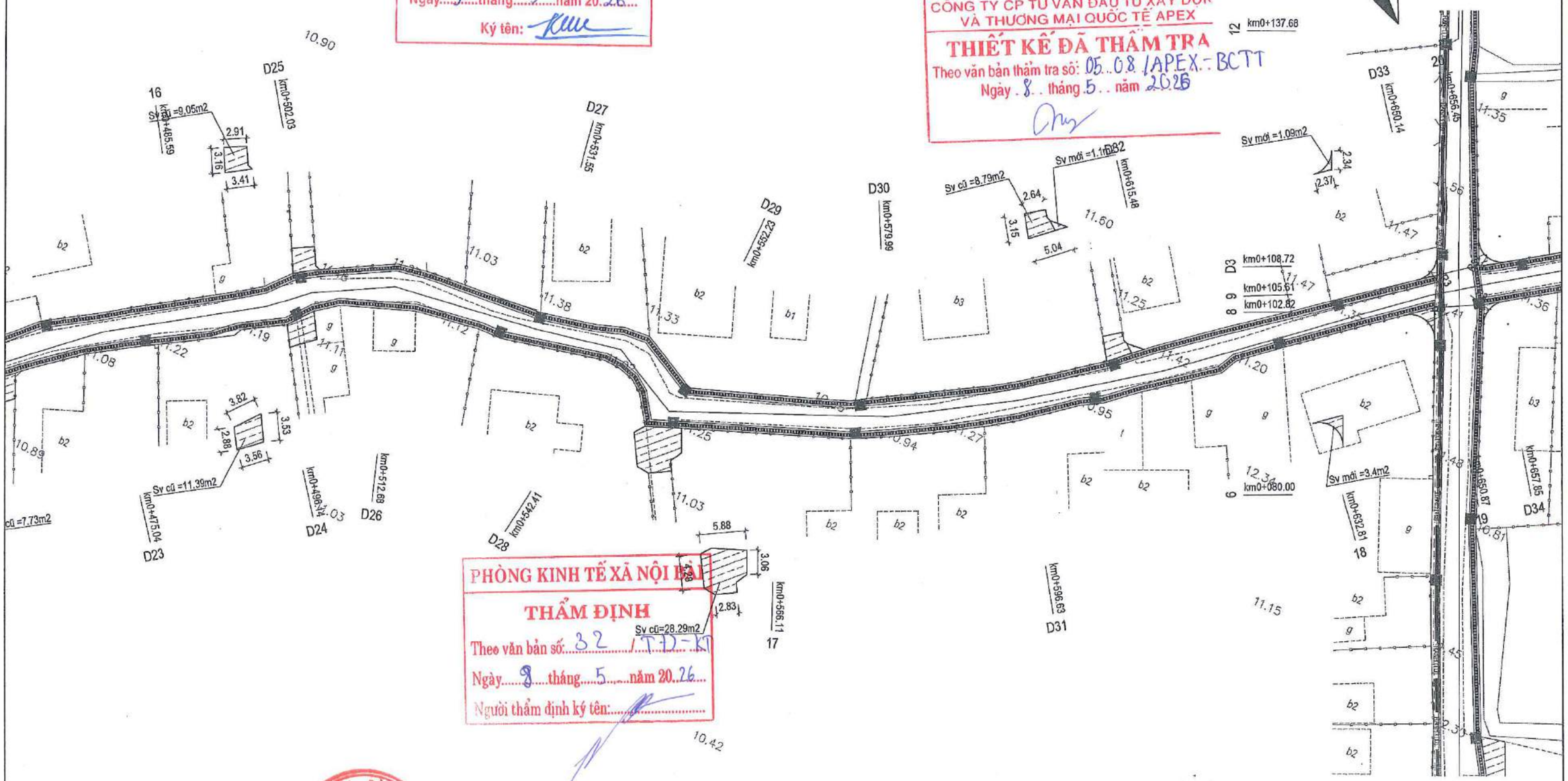


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1:500 | SỐ HIỆU: T3-BDTK-04 |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

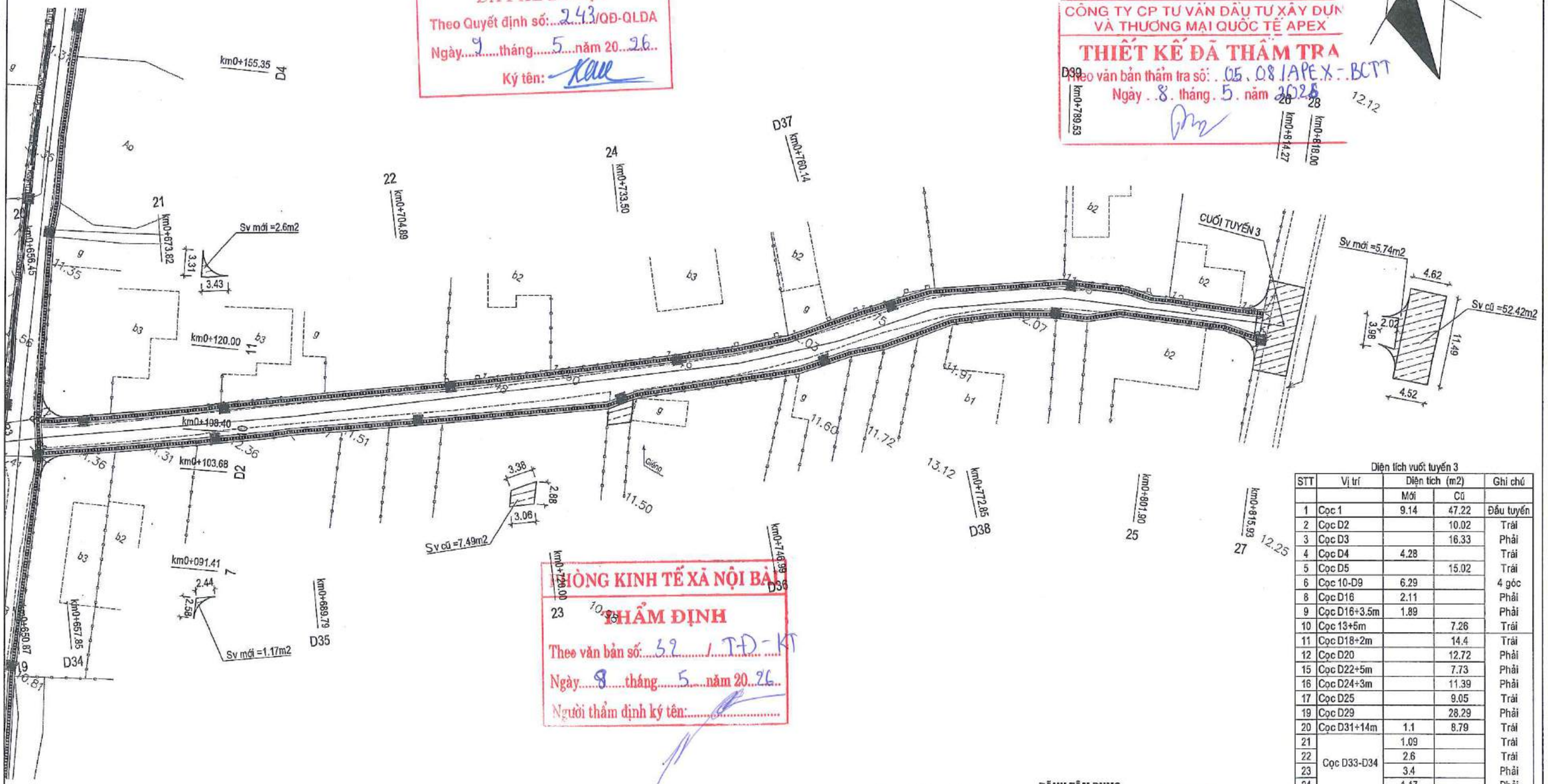


THÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

Diện tích vuốt tuyến 3

| STT | Vị trí | Diện tích (m2) | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Mới | Cũ | |
| 1 | Cọc 1 | 9.14 | 47.22 | Đầu tuyến |
| 2 | Cọc D2 | | 10.02 | Trái |
| 3 | Cọc D3 | | 16.33 | Phải |
| 4 | Cọc D4 | 4.28 | | Trái |
| 5 | Cọc D5 | | 15.02 | Trái |
| 6 | Cọc 10-D9 | 6.29 | | 4 góc |
| 8 | Cọc D16 | 2.11 | | Phải |
| 9 | Cọc D16+3.5m | 1.89 | | Phải |
| 10 | Cọc 13+5m | | 7.26 | Trái |
| 11 | Cọc D18+2m | | 14.4 | Trái |
| 12 | Cọc D20 | | 12.72 | Phải |
| 15 | Cọc D22+5m | | 7.73 | Phải |
| 16 | Cọc D24+3m | | 11.39 | Phải |
| 17 | Cọc D25 | | 9.05 | Trái |
| 19 | Cọc D29 | | 28.29 | Phải |
| 20 | Cọc D31+14m | 1.1 | 8.79 | Trái |
| 21 | Cọc D33-D34 | 1.09 | | Trái |
| 22 | | 2.6 | | Trái |
| 23 | | 3.4 | | Phải |
| 24 | | 1.17 | | Phải |
| 25 | Cọc 24 | | 7.49 | Phải |
| 26 | Cọc 28 | 5.74 | 52.42 | Cuối tuyến |
| | Tổng | 38.81 | 248.13 | |

RANH (TD)
MX-B50

RÃNH TẬN DỤNG
RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 3**

TỶ LỆ: 1:500 | SỐ HIỆU: T3-BDTK-05
HOÀN THÀNH | NĂM 2026

Bảng tọa độ cọc(Đầy đủ)

| TT | Tên Cọc | X | Y | Lý trình |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | 2,350,247.92 | 581,734.22 | KM0+000.00 |
| 2 | 2 | 2,350,244.52 | 581,735.43 | KM0+003.61 |
| 3 | 3 | 2,350,241.23 | 581,736.60 | KM0+007.10 |
| 4 | 4 | 2,350,225.73 | 581,742.12 | KM0+023.55 |
| 5 | 5 | 2,350,210.24 | 581,747.63 | KM0+040.00 |
| 6 | D1 | 2,350,193.99 | 581,753.42 | KM0+057.25 |
| 7 | D2 | 2,350,176.85 | 581,759.04 | KM0+075.29 |
| 8 | 6 | 2,350,164.88 | 581,764.31 | KM0+088.36 |
| 9 | D3 | 2,350,152.91 | 581,769.58 | KM0+101.44 |
| 10 | 7 | 2,350,137.52 | 581,779.96 | KM0+120.00 |
| 11 | 8 | 2,350,122.24 | 581,790.25 | KM0+138.43 |
| 12 | D4 | 2,350,106.96 | 581,800.55 | KM0+156.85 |
| 13 | D5 | 2,350,088.82 | 581,810.99 | KM0+177.78 |
| 14 | D6 | 2,350,073.62 | 581,816.67 | KM0+194.01 |
| 15 | D7 | 2,350,065.60 | 581,821.55 | KM0+203.40 |
| 16 | 9 | 2,350,047.19 | 581,831.59 | KM0+224.37 |
| 17 | D8 | 2,350,032.91 | 581,839.39 | KM0+240.64 |
| 18 | 10 | 2,350,031.23 | 581,840.00 | KM0+242.43 |
| 19 | 11 | 2,350,025.72 | 581,842.00 | KM0+248.29 |
| 20 | D9 | 2,350,020.19 | 581,844.00 | KM0+254.17 |
| 21 | D10 | 2,350,013.74 | 581,847.51 | KM0+261.51 |
| 22 | 12 | 2,350,002.45 | 581,852.40 | KM0+273.82 |
| 23 | D11 | 2,349,991.16 | 581,857.29 | KM0+286.12 |
| 24 | D12 | 2,349,981.25 | 581,859.75 | KM0+296.33 |
| 25 | D13 | 2,349,970.35 | 581,863.78 | KM0+307.95 |
| 26 | D14 | 2,349,963.40 | 581,867.94 | KM0+316.05 |
| 27 | D15 | 2,349,961.12 | 581,874.96 | KM0+323.43 |
| 28 | D16 | 2,349,962.46 | 581,882.71 | KM0+331.30 |
| 29 | 13 | 2,349,964.54 | 581,900.35 | KM0+349.06 |
| 30 | D17 | 2,349,966.62 | 581,917.99 | KM0+366.82 |
| 31 | 14 | 2,349,970.95 | 581,928.52 | KM0+378.20 |
| 32 | D18 | 2,349,975.28 | 581,939.04 | KM0+389.58 |
| 33 | D19 | 2,349,976.48 | 581,949.16 | KM0+399.78 |

Bảng tọa độ cọc(Đầy đủ)

| TT | Tên Cọc | X | Y | Lý trình |
|---|---|---|---|---|
| 34 | 15 | 2,349,981.99 | 581,961.06 | KM0+412.89 |
| 35 | D20 | 2,349,987.51 | 581,972.96 | KM0+426.00 |
| 36 | D21 | 2,349,997.90 | 581,990.31 | KM0+446.23 |
| 37 | D22 | 2,350,004.82 | 581,997.44 | KM0+456.16 |
| 38 | D23 | 2,350,017.31 | 582,011.59 | KM0+475.04 |
| 39 | 16 | 2,350,023.15 | 582,020.37 | KM0+485.59 |
| 40 | D24 | 2,350,028.99 | 582,029.16 | KM0+496.14 |
| 41 | D25 | 2,350,032.90 | 582,033.58 | KM0+502.03 |
| 42 | D26 | 2,350,038.06 | 582,042.89 | KM0+512.68 |
| 43 | D27 | 2,350,040.84 | 582,061.55 | KM0+531.55 |
| 44 | D28 | 2,350,043.02 | 582,072.19 | KM0+542.41 |
| 45 | D29 | 2,350,038.53 | 582,080.92 | KM0+552.23 |
| 46 | 17 | 2,350,044.06 | 582,093.66 | KM0+566.11 |
| 47 | D30 | 2,350,049.59 | 582,106.39 | KM0+579.99 |
| 48 | D31 | 2,350,058.36 | 582,120.52 | KM0+596.62 |
| 49 | D32 | 2,350,069.49 | 582,135.75 | KM0+615.48 |
| 50 | 18 | 2,350,080.75 | 582,148.91 | KM0+632.81 |
| 51 | D33 | 2,350,092.01 | 582,162.08 | KM0+650.14 |
| 52 | 19 | 2,350,092.45 | 582,162.68 | KM0+650.87 |
| 53 | 20 | 2,350,095.72 | 582,167.19 | KM0+656.45 |
| 54 | D34 | 2,350,096.55 | 582,168.33 | KM0+657.85 |
| 55 | 21 | 2,350,105.67 | 582,181.43 | KM0+673.82 |
| 56 | D35 | 2,350,114.79 | 582,194.54 | KM0+689.79 |
| 57 | 22 | 2,350,123.82 | 582,206.64 | KM0+704.89 |
| 58 | 23 | 2,350,132.86 | 582,218.75 | KM0+720.00 |
| 59 | 24 | 2,350,140.94 | 582,229.56 | KM0+733.50 |
| 60 | D36 | 2,350,149.01 | 582,240.38 | KM0+746.99 |
| 61 | D37 | 2,350,157.91 | 582,250.05 | KM0+760.14 |
| 62 | D38 | 2,350,167.43 | 582,258.48 | KM0+772.85 |
| 63 | D39 | 2,350,176.89 | 582,272.22 | KM0+789.53 |
| 64 | 25 | 2,350,181.65 | 582,283.64 | KM0+801.90 |
| 65 | 26 | 2,350,186.42 | 582,295.05 | KM0+814.27 |
| 66 | 27 | 2,350,187.06 | 582,296.58 | KM0+815.93 |
| 67 | 28 | 2,350,187.85 | 582,298.49 | KM0+818.00 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 22/QĐ-BQLDA ngày 9 tháng 5 năm 2026
KT. TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THẨM TRA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
Theo văn bản thẩm tra số: 05-08/APEX-2026
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TTr-KT
Ngày 11 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BẢNG TỌA ĐỘ CỌC: TUYẾN 3 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: / SỐ HIỆU: T3-TD-01 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## BẢNG THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN TUYẾN

| Tuyến | Chiều cao rãnh TB (m) | Rãnh B40 mới | Rãnh B50 mới Loại 1 (tấm đan đổ trực tiếp) | Rãnh B50 mới Loại 2 (tấm đan đúc sẵn) | Tấm đan B40 cũ | Tấm đan B50 cũ | Hố ga (B40) | | Hố ga (B40 cũ) | | Hố ga (B50) | | Hố ga (B50 cũ) | Kênh hở B50 mới | Rãnh B80 mới | Tường chắn xây gạch | | | Cửa xả | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Giữa | Đầu | Giữa | Ngoài | Giữa | Đầu | Giữa | | | Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | B50 | B80 |
| Tuyến 1 | 0,79 | 1.781,00 | | | 260,00 | | 64,00 | 8,00 | 4,00 | 2,00 | | | | | | | | | | |
| Tuyến 2 | 0,79 | 498,00 | | | 486,00 | | 15,00 | | 16,00 | | | | | | | | | | | |
| Tuyến 3 | 0,79 | 1.539,00 | | | | | 58,00 | 1,00 | | | | | | | | | | | | |
| Tuyến 4 | 1,12 | | | 215,28 | | | | | | | | | | 200,00 | | 81,60 | 197,00 | | 2,00 | |
| | 1,05 | | 7,22 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,48 | | 10,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,82 | | 6,50 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,47 | | 10,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,87 | | 6,50 | | | | | | | | | | | | | | | | 1,00 | |
| | 0,86 | | 5,50 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,80 | | 6,30 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,68 | | 5,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,75 | | 6,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,73 | | 6,70 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,90 | | 10,00 | | | | | | | | | | | | | | | | 1,00 | |
| | 0,84 | | 1.337,00 | | | | | | | | 55,00 | 1,00 | | | | | | | | |
| | | | | | 103,34 | 94,76 | | | 3,00 | | | | 4,00 | | | | | | | |
| Tuyến 4-1 | | | | | | | | | | | | | | | 150,70 | | | | | 1,00 |
| Tuyến 4-2 | | | | | | | | | | | | | | | 296,60 | | | | 2,00 | 1,00 |
| Tuyến N1-1 | 0,75 | 414,00 | | | | | 12,00 | | | | | | | | | | | | | |
| Tuyến N1-2 | 0,81 | 282,00 | | | | | 8,00 | 2,00 | | | | | | | | | | | | |
| Tuyến N1-3 | 0,81 | 505,00 | | | | | 18,00 | | | | | | | | | | | | | |
| Tuyến N3-1 | 0,74 | 168,00 | | | | | 5,00 | | | | | | | | | | | 31,00 | | |
| Tổng | | 5.187,00 | 1.416,72 | 215,28 | 849,34 | 94,76 | 180,00 | 11,00 | 23,00 | 2,00 | 55,00 | 1,00 | 4,00 | 200,00 | 447,30 | 81,60 | 197,00 | 31,00 | 6,00 | 2,00 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08.1APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BẢNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN TUYẾN | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: | SỐ HIỆU: T3-GTTT-01 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3

TỪ CỌC 1 (LÝ TRÌNH KM0+000.00) ĐẾN CỌC 7 (LÝ TRÌNH KM0+120.00) VÀ TỪ CỌC 9(LÝ TRÌNH KM0+224.37) ĐẾN CỌC D20 (LÝ TRÌNH 0+426.00)
VÀ TỪ CỌC D27(LÝ TRÌNH KM0+531.55) ĐẾN CỌC 17 (LÝ TRÌNH KM0+566.11) VÀ TỪ CỌC 18 (LÝ TRÌNH 632.81) ĐẾN CỌC 23 (LÝ TRÌNH KM0+720.00)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3

TỪ CỌC 7 (LÝ TRÌNH KM0+120.00) ĐẾN CỌC 9(LÝ TRÌNH KM0+224.37) VÀ TỪ CỌC D20 (LÝ TRÌNH 0+426.00) ĐẾN CỌC D27(LÝ TRÌNH KM0+531.55)
VÀ TỪ CỌC 17 (LÝ TRÌNH KM0+566.11) ĐẾN CỌC 18 (LÝ TRÌNH 632.81) VÀ TỪ CỌC 23 (LÝ TRÌNH KM0+720.00) ĐẾN CỌC 28( LÝ TRÌNH KM0+810.00)

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

### KẾT CẤU 1
KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI

- Bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm
- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0.8kg/m2
- Bê tông mặt đường mác 250# dày 20cm
- Nilon lót chống mất nước
- Móng CPDD loại 2 dày 15cm

Eyc>=122Mpa

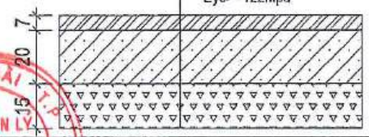


### KẾT CẤU 2
TRÊN MẶT RÃNH XÂY

- Bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm
- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0.8kg/m2
- Tấm đan mặt rãnh xây mới

Eyc>=122Mpa

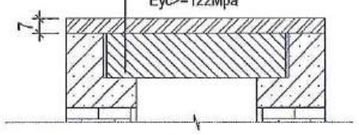


### KẾT CẤU 3
KẾT CẤU TRÊN MẶT ĐƯỜNG CŨ

- Bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm
- Bù vênh bê tông nhựa chặt C16
- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0.8kg/m2
- Lưới cốt sợi thủy tinh cường độ chịu kéo 100KN
- Mặt đường cũ

Eyc>=122Mpa

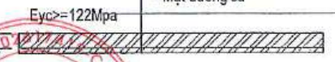

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T3-ĐH-01 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# MẶT BẰNG KHE KHE CO GIÃN

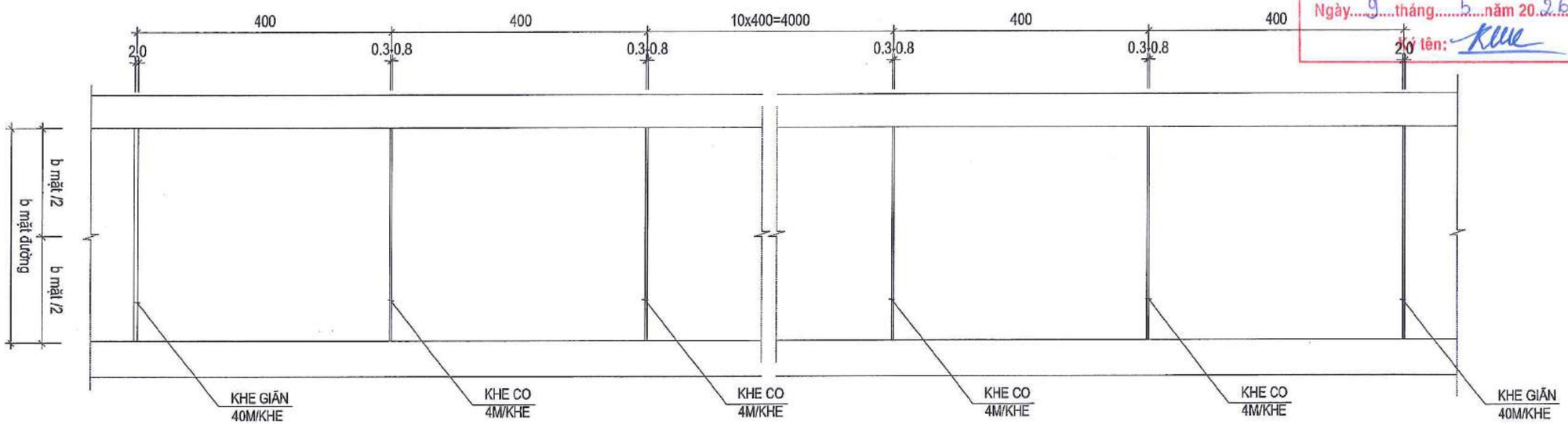


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## CHI TIẾT KHE CO

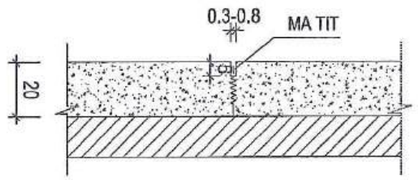


## CHI TIẾT KHE GIÃN

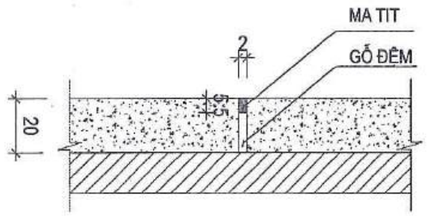


## GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ CM.
- 4M BỐ TRÍ 01 KHE CO, 40M BỐ TRÍ 01 KHE GIÃN
- SAU KHI ĐỔ XONG BÊ TÔNG MẶT ĐƯỜNG MỚI THỰC HIỆN CẮT ĐỂ HOÀN THIỆN KHE CO, KHE GIÃN.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | MẶT BẰNG KHE CO GIÃN | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T3-DH-02 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

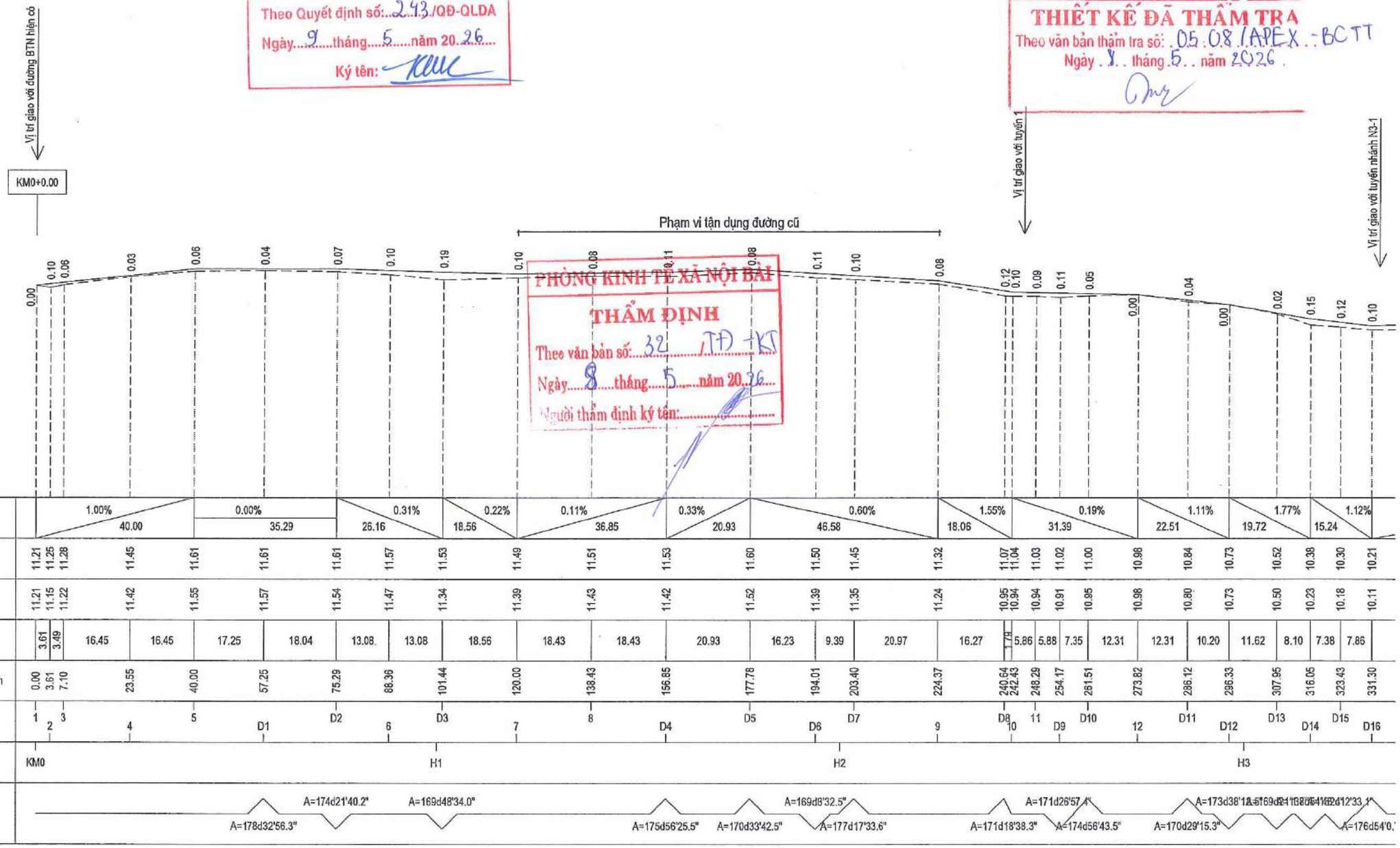


| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC DỌC TUYẾN 3**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000;1/100 | SỐ HIỆU: T3-TD-01 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên: [signature]

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
[signature]

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên: [signature]

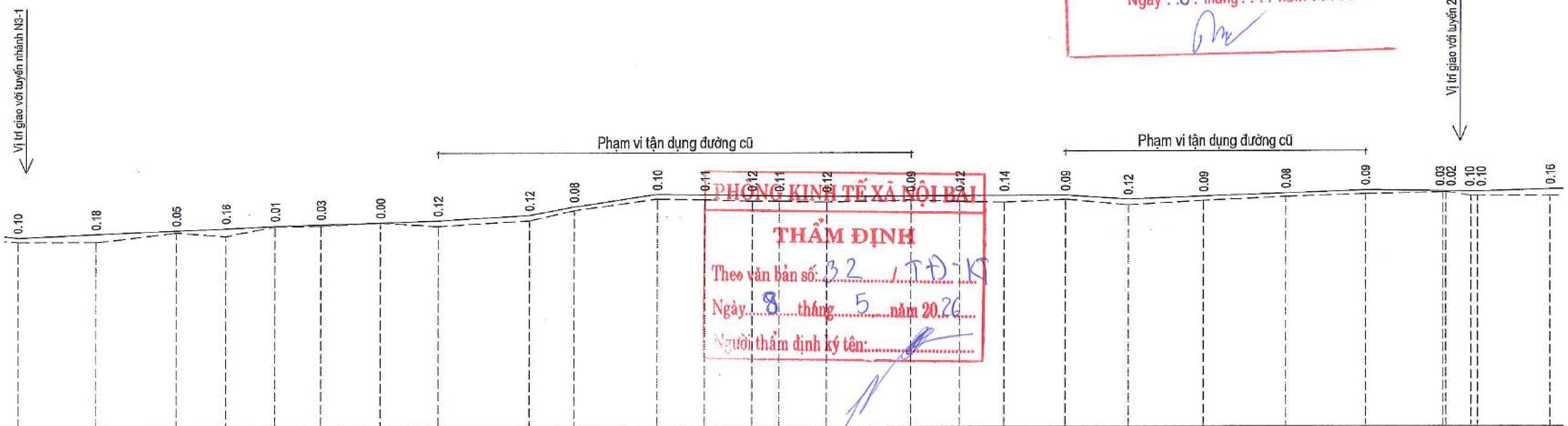


Độ dốc thiết kế: 2% | 0.45% – 58.29 | 0.30% – 36.42 | 0.59% – 20.23 | 1.91% – 9.93 | 1.43% – 18.88 | 0.13% – 37.64 | 0.04% – 53.43 | 0.65% – 13.88 | 0.38% – 52.82 | 0.12% – 25.04

| Tên cọc | D16 | 13 | D17 | 14 | D18 | D19 | 15 | D20 | D21 | D22 | D23 | 16 | D24 | D25 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.21 | 10.29 | 10.37 | 10.42 | 10.47 | 10.50 | 10.54 | 10.58 | 10.70 | 10.89 | 11.16 | 11.15 | 11.13 | 11.12 |
| Cao độ tự nhiên | 10.11 | 10.11 | 10.32 | 10.24 | 10.46 | 10.47 | 10.54 | 10.46 | 10.58 | 10.81 | 11.06 | 11.04 | 11.01 | 11.01 |
| Khoảng cách lẻ | 6 | 17.76 | 17.76 | 11.38 | 11.38 | 10.19 | 13.11 | 13.11 | 20.23 | 9.93 | 18.88 | 10.55 | 10.55 | 5.90 |
| Khoảng cách cộng dồn | 331.30 | 349.06 | 366.82 | 378.20 | 389.58 | 399.78 | 412.89 | 426.00 | 446.23 | 456.16 | 475.04 | 485.59 | 496.14 | 502.03 |
| Lý trình | | | | | | H4 | | | | | | | | H5 |

| Tên cọc | D26 | D27 | D28 | D29 | 17 | D30 | D31 | D32 | 18 | D33 | 19 | 20 | D34 | 21 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.11 | 11.12 | 11.12 | 11.12 | 11.13 | 11.04 | 11.10 | 11.17 | 11.24 | 11.22 | 11.22 | 11.21 | 11.21 | 11.26 |
| Cao độ tự nhiên | 10.99 | 11.03 | 11.00 | 10.98 | 11.04 | 10.92 | 11.01 | 11.09 | 11.15 | 11.19 | 11.20 | 11.11 | 11.11 | 11.10 |
| Khoảng cách lẻ | 10.65 | 18.87 | 10.86 | 9.82 | 13.88 | 13.88 | 16.64 | 18.86 | 17.33 | 17.33 | 0.73 | 5.58 | 1.41 | 15.97 |
| Khoảng cách cộng dồn | 512.68 | 531.55 | 542.41 | 552.23 | 566.11 | 579.99 | 596.62 | 615.48 | 632.81 | 650.14 | 650.87 | 656.45 | 657.85 | 673.82 |
| Lý trình | | | | | | | H6 | | | | | | | |

Sơ họa tuyến: 3,1" ; 76d54'0.7" ; A=164d20'15.6" ; A=164d21'35.3" ; A=161d51'42.9" ; A=173d56'48.3" ; A=166d47'39.4" ; A=177d18'57.3" ; A=172d9'40.3" ; A=172d10'4.7" ; A=167d33'3… 159d27'53.2" ; A=176d52'57.9" ; A=129d19'12.7" ; A=141d12'53.5" ; A=171d38'13.8" ; A=175d40'52.3" ; A=175d37'5.9" ; A=175d26'3…52'0.3"

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | [signature] | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | [signature] | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC DỌC TUYẾN 3 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | [signature] | NGUYỄN VĂN THUẬN | [signature] | TỶ LỆ: 1/1000;1/100 — SỐ HIỆU: T3-TD-02 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | [signature] | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

Stamps: XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG; M.S.D.N: 0102617419 – C.T.C.P – CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT – KIM ANH - TP. HÀ NỘI

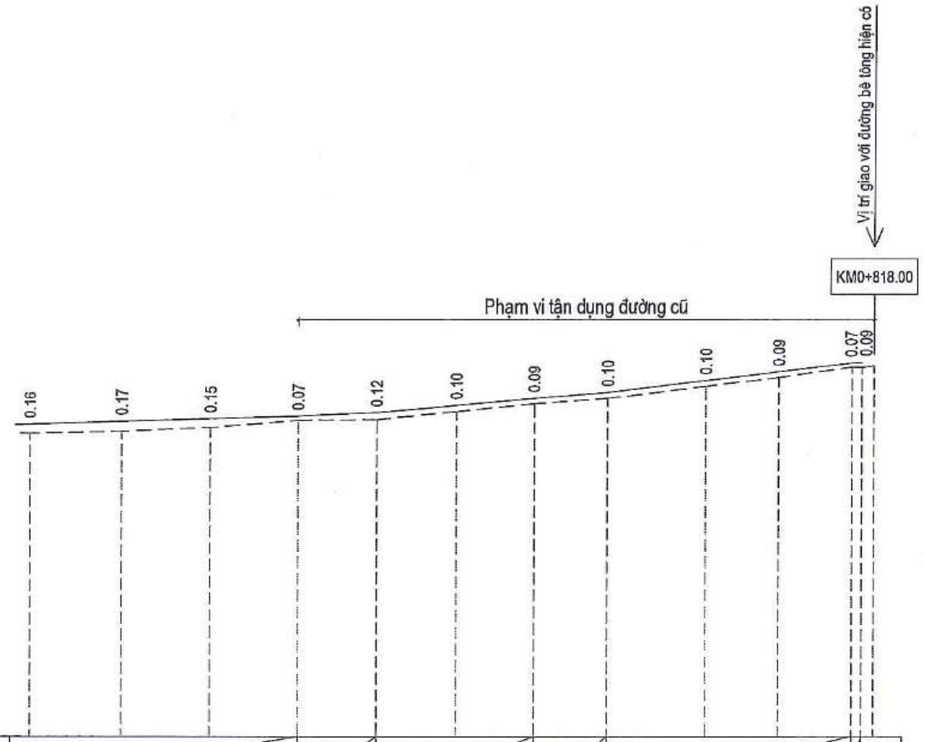


| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế | 0.29% / 62.15 | | | 0.44% / 13.50 | 0.90% / 26.64 | | 0.79% / 12.71 | 1.18% / 41.42 | | | 0.54% / 1.66 |
| Cao độ thiết kế | 11.26 | 11.30 | 11.35 | 11.39 | 11.45 | 11.57 | 11.69 | 11.79 | 11.99 | 12.13 | 12.28 / 12.29 |
| Cao độ tự nhiên | 11.10 | 11.13 | 11.20 | 11.32 | 11.33 | 11.47 | 11.60 | 11.69 | 11.89 | 12.04 | 12.21 / 12.23 |
| Khoảng cách lẻ | 15.97 | 15.11 | 15.11 | 13.50 | 13.50 | 13.15 | 12.71 | 16.68 | 12.37 | 12.37 | 1.66 / 2.00 |
| Khoảng cách cộng dồn | 673.82 | 689.79 | 704.89 | 720.00 | 733.50 | 746.99 | 760.14 | 772.85 | 789.53 | 801.90 | 814.27 / 818.00 |
| Tên cọc | 21 | D35 | 22 | 23 | 24 | D36 | D37 | D38 | D39 | 25 | 26 / 27 / 28 |
| Lý trình | | | H7 | | | | | | | H8 | |
| Sơ họa tuyến | A=178d4'58.9" | | | | A=174d9'40.0\=174d6'24.0" | | | A=166d3'42.7" | A=168d7'4.0" | | |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-K
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC DỌC TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/1000;1/100 | SỐ HIỆU: T3-TD-03 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

Cọc: 1
KM0+000.00

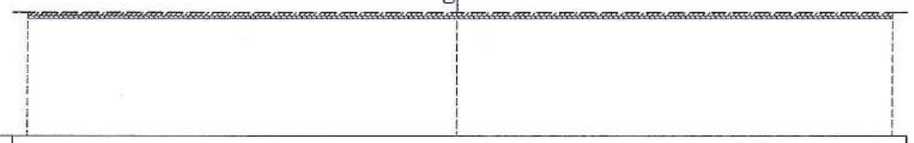


MSS: 7.00

| | | | |
|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.21 | 11.21 | 11.21 |
| Khoảng cách mia | 15.00 | 15.00 | |

Cọc: 2
KM0+003.61

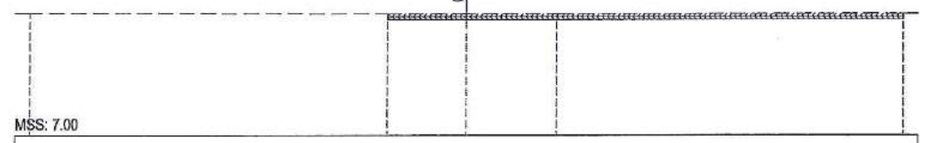


MSS: 7.00

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| 11.18 | 11.15 | 11.15 | 11.15 | | 11.15 |
| 12.30 | 2.70 | 3.13 | 11.87 | | |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 3.22 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.04 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.48 m2
Diện tích móng BTXM : 0.64 m2

Đào khuôn đường làm mới : 1.20 m2
Đào rãnh : 2.09 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

Cọc: 3
KM0+007.10

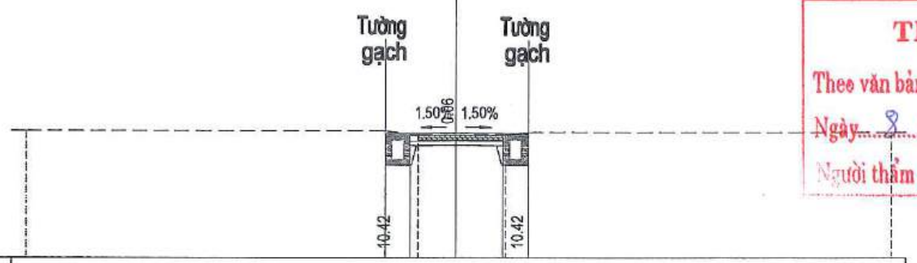


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | 11.24 | 11.26 | 11.28 | 11.26 | 11.24 | 11.29 | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | 0.87 | 1.59 | 1.63 | 0.87 | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.34 | 11.34 | 11.22 | 11.22 | 11.22 | 11.29 | | | | | 11.29 |
| Khoảng cách mia | 12.54 | | 1.15 | 1.31 | 1.73 | 0.77 | 12.50 | | | | |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TD - K
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 2.27 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.04 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.34 m2
Diện tích móng BTXM : 0.45 m2

Đào khuôn đường làm mới : 0.92 m2
Đào rãnh : 2.16 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

Cọc: 4
KM0+023.55

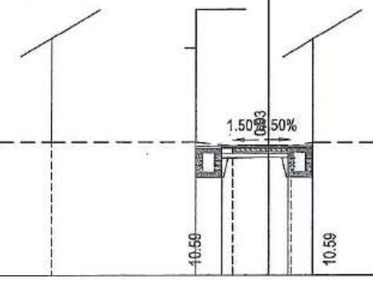


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 11.55 11.41 | 11.42 | 11.45 | 11.44 | 11.42 11.53 | | | | |
| | | | 0.87 | 1.60 | 0.67 | 0.87 | | | | | |
| 11.55 | 11.55 | 11.55 | 11.42 | 11.42 | 11.42 | 11.53 | | | | | 11.53 |
| 7.60 | 4.93 | 1.23 | 1.24 | 0.80 | 0.75 | 13.45 | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

**TÊN BẢN VẼ**
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-01 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 2.93 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.94 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.44 m2
Diện tích móng BTXM : 0.59 m2

Đào khuôn đường làm mới : 1.12 m2
Đào rãnh : 2.15 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

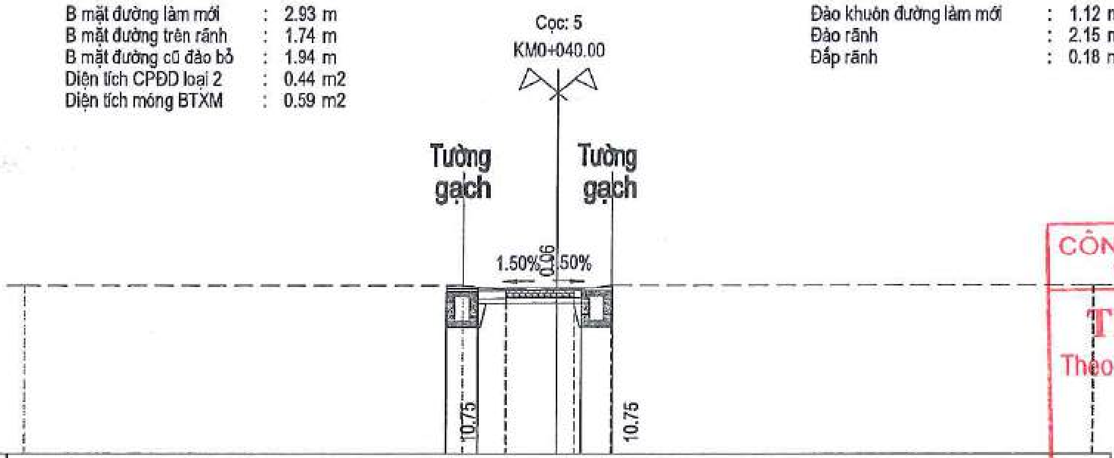


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.66 11.56 11.58 · 11.61 11.60 11.59 11.67 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 · 2.24 · 0.69 · 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.66 · 11.66 · 11.55 · 11.55 11.55 · 11.67 · 11.67 11.67 |
| Khoảng cách mia | 12.36 · 1.19 · 1.45 · 0.49 · 1.05 · 13.44 · 0.02 |

B mặt đường làm mới : 2.58 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.39 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.39 m2
Diện tích móng BTXM : 0.52 m2

Đào khuôn đường làm mới : 1.01 m2
Đào rãnh : 2.12 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

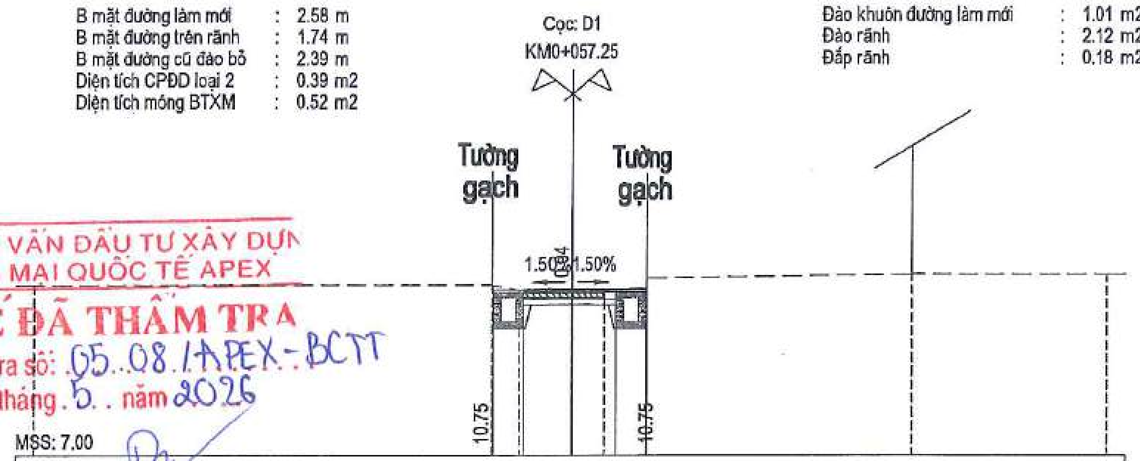


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.71 11.58 11.59 · 11.61 · 11.59 11.58 11.65 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 · 1.31 · 1.27 · 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.72 · 11.72 11.57 · 11.57 · 11.57 · 11.65 11.90 · 12.00 · 12.00 |
| Khoảng cách mia | 12.79 · 0.77 · 1.44 · 0.95 · 1.19 · 7.39 · 5.47 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 2.94 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.80 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.44 m2
Diện tích móng BTXM : 0.59 m2

Đào khuôn đường làm mới : 1.06 m2
Đào rãnh : 2.05 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

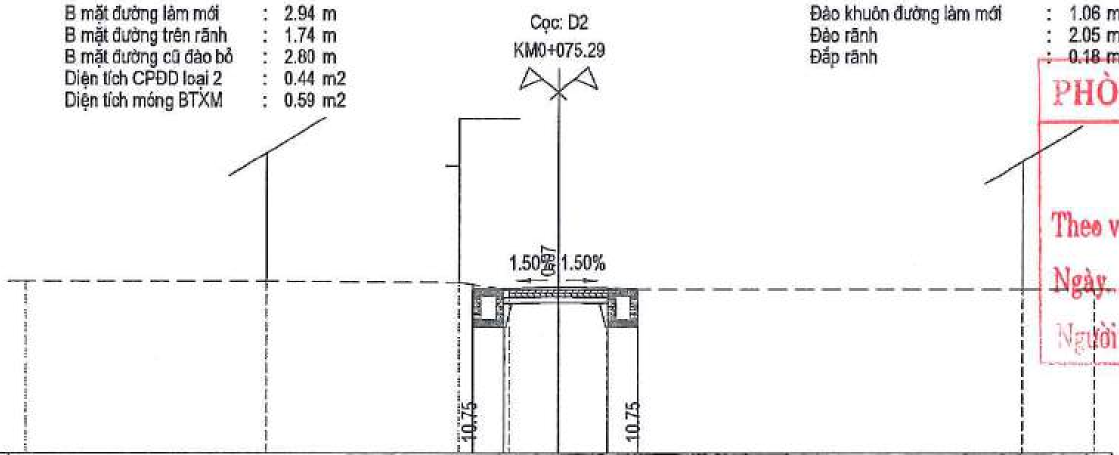


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.69 11.57 11.59 · 11.61 · 11.59 · 11.58 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 · 1.54 · 1.40 · 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.77 · 11.77 · 11.74 · 11.54 · 11.54 · 11.54 · 11.54 · 11.54 · 11.54 |
| Khoảng cách mia | 6.79 · 5.42 · 1.39 · 1.40 · 1.40 · 0.87 · 10.72 · 2.01 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 3.08 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.89 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.46 m2
Diện tích móng BTXM : 0.62 m2

Đào khuôn đường làm mới : 1.04 m2
Đào rãnh : 1.94 m2
Đắp rãnh : 0.16 m2

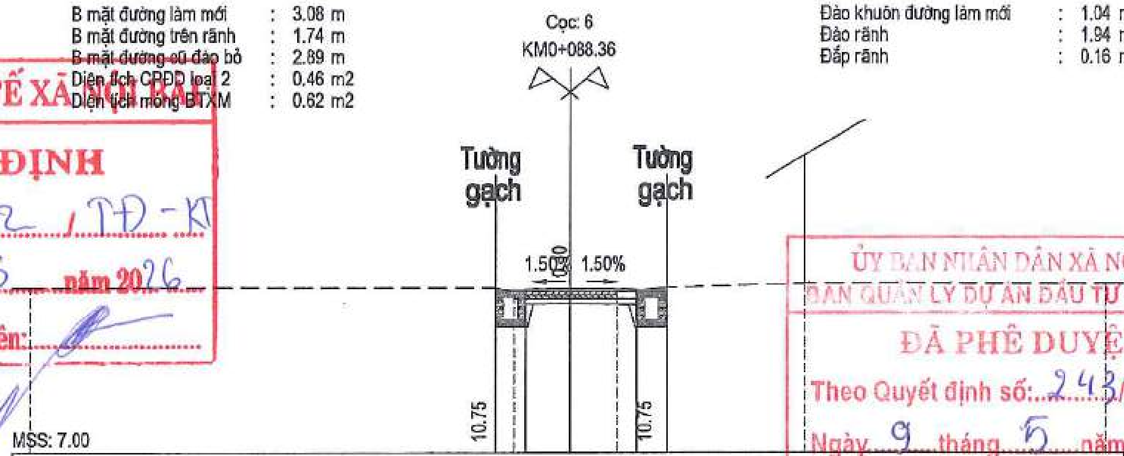


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.58 11.54 11.55 · 11.57 · 11.54 11.53 11.59 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 · 1.18 · 1.90 · 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.58 · 11.58 11.47 · 11.47 · 11.47 · 11.59 · 11.70 · 11.70 11.70 |
| Khoảng cách mia | 12.95 · 0.53 · 1.52 · 1.37 · 1.40 · 3.81 · 8.41 · 0.01 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-02 |
| 2 | | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN - U.B.N.D XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT - M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P - X. KIM ANH - T.P HÀ NỘI

B mặt đường làm mới : 3.46 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 4.29 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.52 m2
Diện tích móng BTXM : 0.69 m2

Cọc: D3
KM0+101.44

Đào khuôn đường làm mới : 0.84 m2
Đào rãnh : 1.70 m2
Đắp rãnh : 0.14 m2

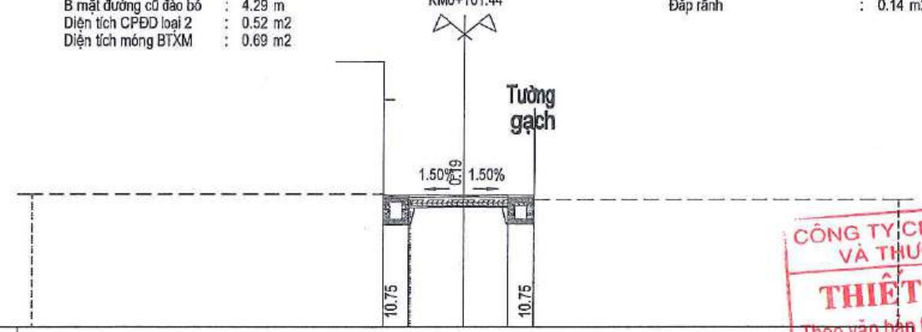


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | 11.54 | 11.49 | 11.50 | | 11.53 | | 11.51 | | 11.49 | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | 0.87 | | 1.92 | | 1.54 | | 0.87 | | | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.54 | | | | | | | | 11.54 | 11.34 | | | 11.34 | | | 11.34 | 11.36 | | | | | | | | | | | | | 11.36 |
| Khoảng cách mia | | 12.22 | | | | | | | | 0.92 | | 1.86 | | 2.43 | | | | | | 12.57 | | | | | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 0.66 m
B mặt đường tận dụng : 2.59 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.10 m2
Diện tích móng BTXM : 0.13 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.99 m

Cọc: 7
KM0+120.00

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.23 m2
Đào rãnh : 1.74 m2
Đắp rãnh : 0.13 m2

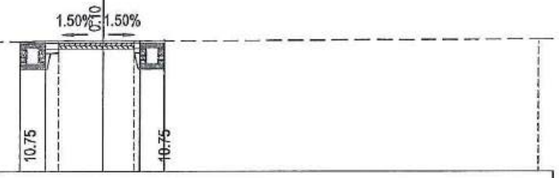


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 11.45 | 11.46 | | 11.49 | | 11.47 | 11.46 | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 0.87 | | 1.99 | | 1.26 | 0.87 | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.44 | | | | | | | | 11.44 | | | | | | | | | | 11.44 | | 11.39 | 11.39 | 11.39 | 11.46 | | | | | | 11.50 |
| Khoảng cách mia | | 4.45 | | | | | | | | 7.69 | | | | | | | | | | 1.33 | 1.53 | 1.06 | 1.07 | | 12.87 | | | | | |

B mặt đường làm mới : 0.66 m
B mặt đường tận dụng : 2.52 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.23 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.10 m2
Diện tích móng BTXM : 0.13 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.92 m

Cọc: 8
KM0+138.43

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.24 m2
Đào rãnh : 1.87 m2
Đắp rãnh : 0.14 m2

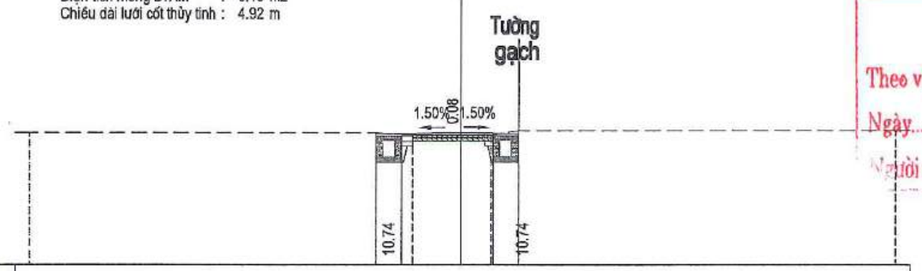


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | 11.50 | 11.47 | 11.48 | | 11.51 | | 11.49 | 11.48 | 11.58 | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | 0.87 | | 2.06 | | 1.12 | | 0.87 | | | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.50 | | | | | | | | 11.50 | | 11.43 | | 11.43 | | 11.43 | | 11.58 | | | | | | | | | | | | | 11.58 |
| Khoảng cách mia | | 12.07 | | | | | | | | 1.23 | | 1.70 | | 1.05 | | 0.94 | | | | 13.01 | | | | | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 1.26 m
B mặt đường tận dụng : 2.59 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.19 m2
Diện tích móng BTXM : 0.25 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.59 m

Cọc: D4
KM0+156.85

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.08 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.46 m2
Đào rãnh : 1.96 m2
Đắp rãnh : 0.15 m2

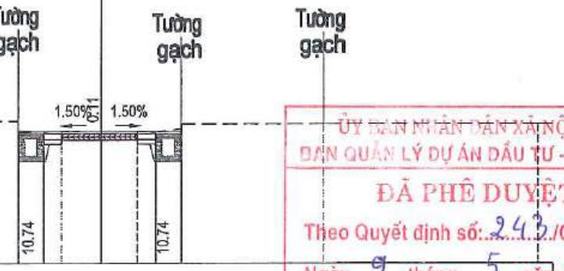


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 11.55 | 11.49 | 11.50 | | 11.53 | | 11.50 | 11.49 | 11.76 | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | | 0.87 | | 1.97 | | 1.88 | | 0.87 | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.86 | | | | | | | | | | | | 11.86 | 11.55 | 11.42 | | 11.42 | | 11.42 | 11.60 | 11.76 | | | 11.76 | | | | | | 11.76 |
| Khoảng cách mia | | 12.15 | | | | | | | | | | | | 1.49 | | 1.36 | | 1.23 | | 1.51 | | | 4.96 | | | 7.30 | | | | |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.68 / APEX - BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

CÔNG TY KINH TẾ XÂY DỰNG
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-03 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## Cọc: D5 — KM0+177.78

B mặt đường làm mới : 0.60 m
B mặt đường tận dụng : 2.12 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.06 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.09 m2
Diện tích móng BTXM : 0.12 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.46 m

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.22 m2
Đào rãnh : 2.02 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

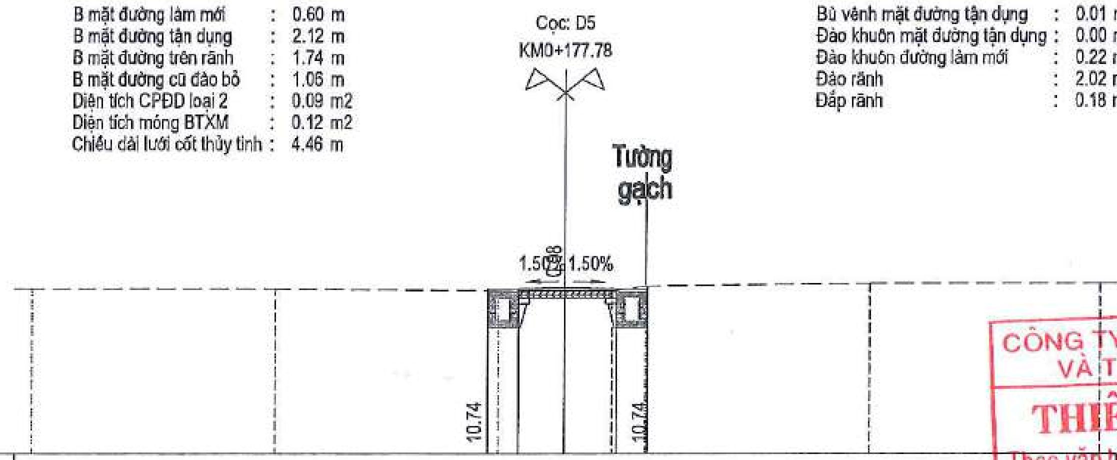


MSS: 7.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.57 11.58 11.60 11.58 11.56 11.65 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.25 1.47 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.57 11.57 11.52 11.52 11.52 11.65 11.73 11.73 |
| Khoảng cách mia | 6.87 6.31 1.82 1.36 0.94 6.25 6.45 |

## Cọc: D6 — KM0+194.01

B mặt đường làm mới : 0.60 m
B mặt đường tận dụng : 2.30 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.59 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.09 m2
Diện tích móng BTXM : 0.12 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.64 m

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.07 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.20 m2
Đào rãnh : 1.98 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

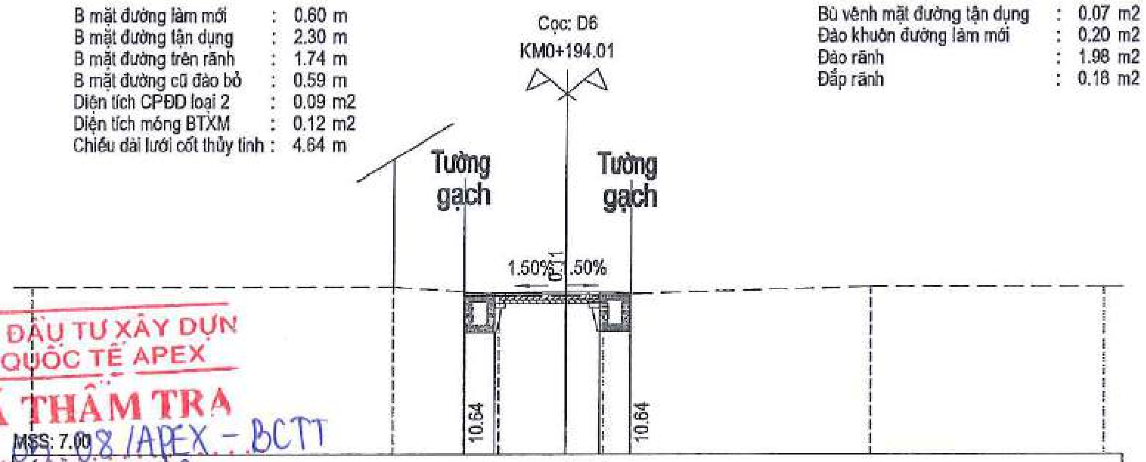


MSS: 7.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.51 11.46 11.47 11.50 11.49 11.48 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.97 0.93 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.64 11.64 11.51 11.39 11.39 11.39 11.45 11.64 11.64 |
| Khoảng cách mia | 10.12 2.03 1.00 1.85 1.04 0.78 6.71 6.47 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## Cọc: D7 — KM0+203.40

B mặt đường làm mới : 0.92 m
B mặt đường tận dụng : 2.50 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.24 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.14 m2
Diện tích móng BTXM : 0.18 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.16 m

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.04 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.33 m2
Đào rãnh : 2.11 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

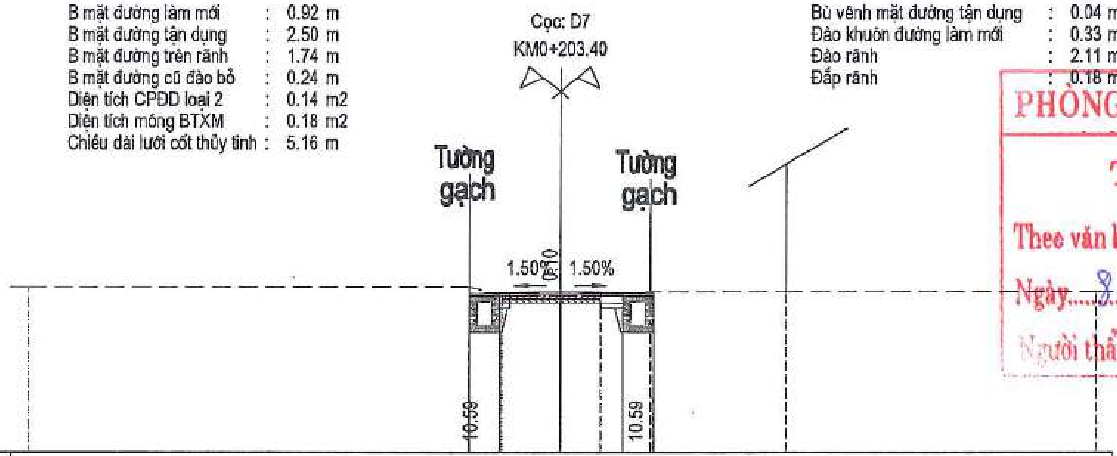


MSS: 7.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.59 11.41 11.42 11.45 11.42 11.41 11.45 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.67 1.75 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.59 11.59 11.35 11.35 11.35 11.45 11.45 11.45 |
| Khoảng cách mia | 12.46 0.93 1.61 1.13 1.40 3.82 8.65 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## Cọc: 9 — KM0+224.37

B mặt đường làm mới : 0.60 m
B mặt đường tận dụng : 1.68 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.84 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.09 m2
Diện tích móng BTXM : 0.12 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.02 m

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.21 m2
Đào rãnh : 2.04 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

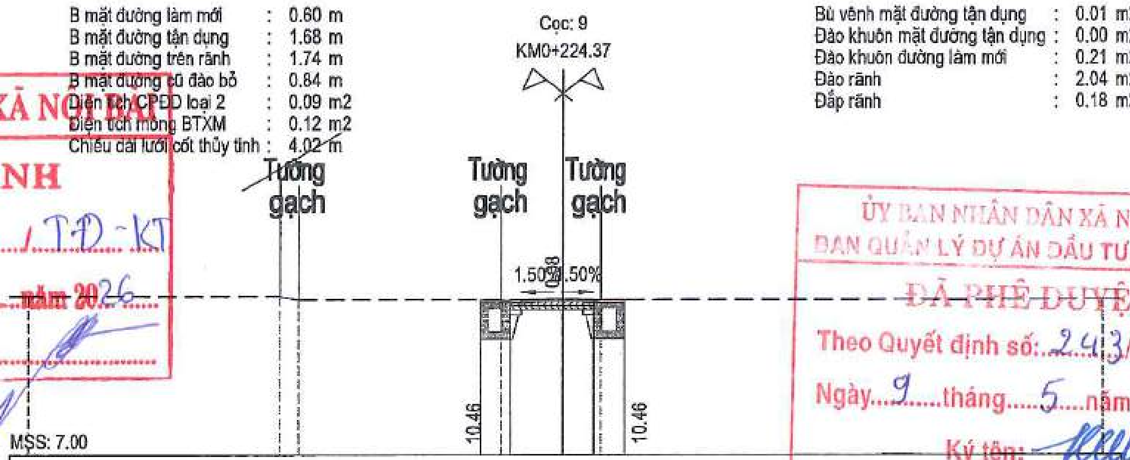


MSS: 7.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.31 11.29 11.30 11.32 11.31 11.29 11.30 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.44 0.84 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.40 11.40 11.31 11.31 11.24 11.24 11.24 11.30 11.30 11.30 |
| Khoảng cách mia | 7.05 0.51 5.75 1.69 0.83 0.21 13.95 0.01 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-04 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 2.26 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.53 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.34 m2
Diện tích móng BTXM : 0.45 m2

Đào khuôn đường làm mới : 0.70 m2
Đào rãnh : 1.89 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

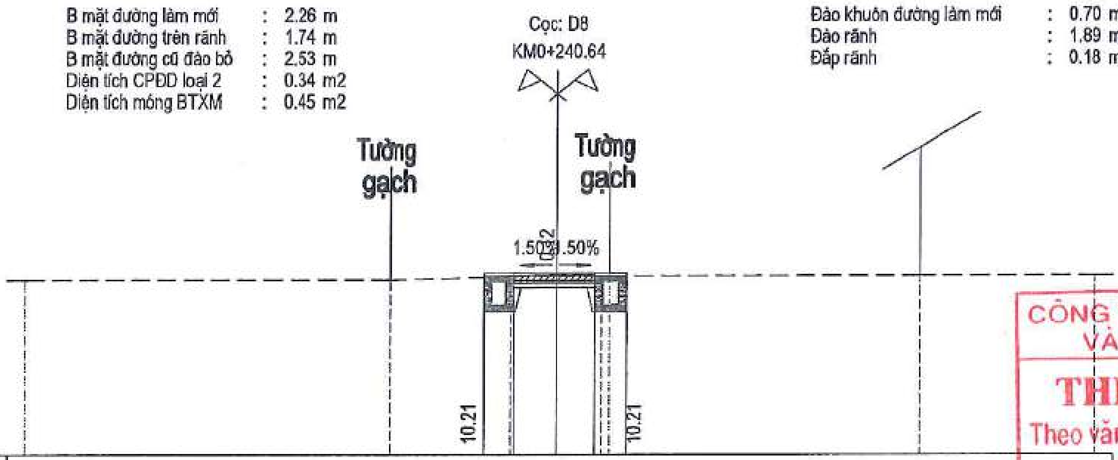


| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.04 | 11.05 | 11.07 | 11.05 | 11.04 | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 1.21 | 1.05 | 0.87 | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 10.86 | 10.86 | 10.95 | 10.95 | 10.95 | 10.97 | 10.97 | 10.97 |
| Khoảng cách mia | 10.29 | 3.41 | 1.30 | 1.23 | 0.21 | 8.69 | 4.87 | |

B mặt đường làm mới : 2.21 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.30 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.33 m2
Diện tích móng BTXM : 0.44 m2

Đào khuôn đường làm mới : 0.72 m2
Đào rãnh : 1.89 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

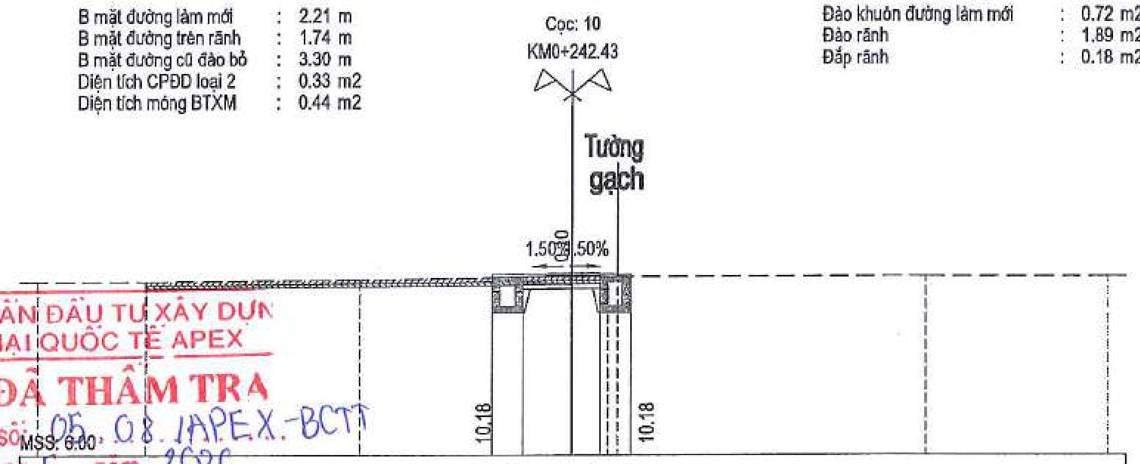


| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.92 | 11.01 | 11.02 | 11.04 | 11.03 | 11.01 | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 1.40 | 0.81 | 0.87 | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 10.82 | 10.82 | 10.87 | 10.94 | 10.94 | 10.94 | 10.94 | 10.94 |
| Khoảng cách mia | 3.02 | 5.98 | 6.00 | 1.03 | 0.26 | 8.63 | 5.06 | |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08.1APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 2.18 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.92 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.33 m2
Diện tích móng BTXM : 0.44 m2

Đào khuôn đường làm mới : 0.72 m2
Đào rãnh : 1.90 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

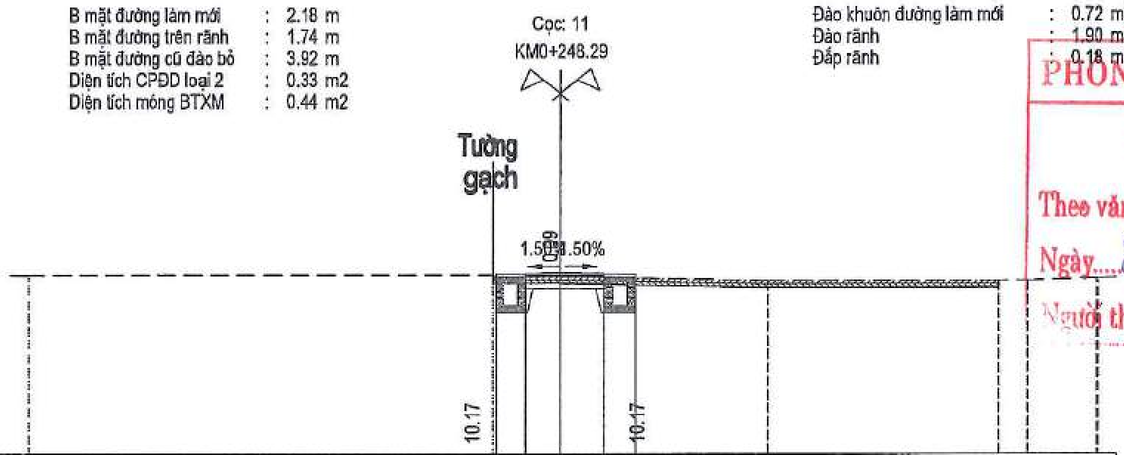


| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.00 | 11.01 | 11.03 | 11.01 | 11.00 | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 0.97 | 1.21 | 0.87 | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 10.97 | 10.97 | 10.94 | 10.94 | 10.82 | 10.82 | 10.82 | 10.89 | 10.89 |
| Khoảng cách mia | 13.07 | 1.93 | 5.75 | 6.49 | 0.82 | 1.90 | 0.04 | | |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 2.97 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.79 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.45 m2
Diện tích móng BTXM : 0.59 m2

Đào khuôn đường làm mới : 0.98 m2
Đào rãnh : 1.73 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

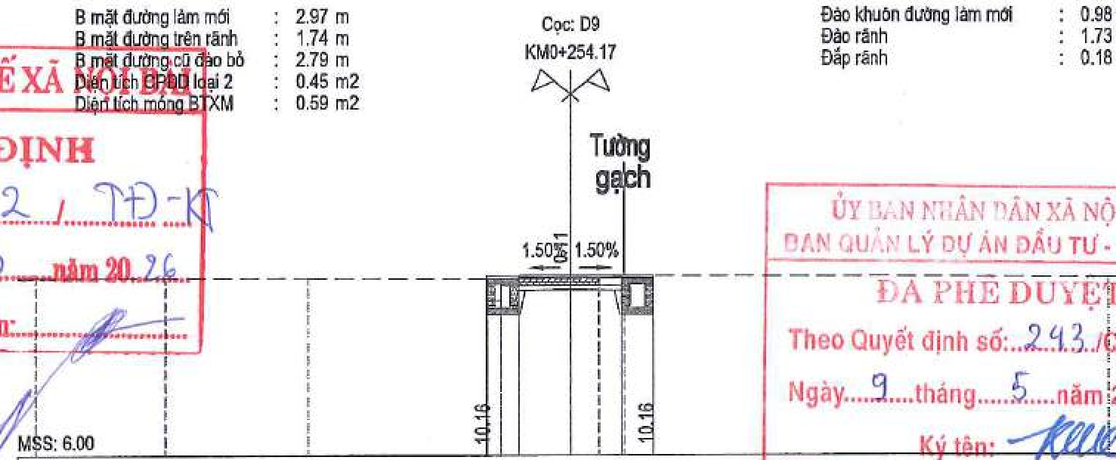


| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.98 | 10.99 | 11.02 | 11.00 | 10.98 | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 1.51 | 1.46 | 0.87 | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 10.92 | 10.92 | 10.92 | 10.90 | 10.30 | 10.30 | 10.91 | 10.91 | 10.91 | 10.99 | 10.93 |
| Khoảng cách mia | 3.62 | 4.00 | 5.00 | 0.40 | 1.98 | 0.81 | 0.72 | 13.47 | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-05 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 3.39 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.32 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.51 m2
Diện tích móng BTXM : 0.68 m2

Cọc: D10
KM0+261.51

Đào khuôn đường làm mới : 1.33 m2
Đào rãnh : 1.71 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

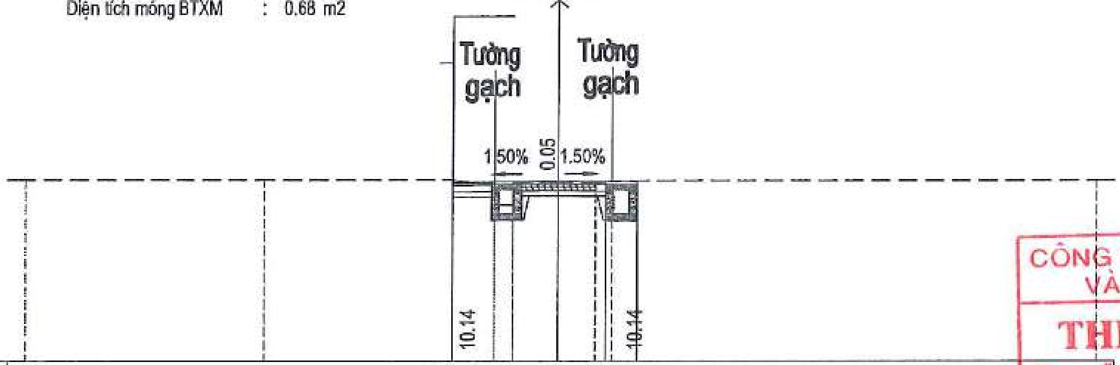


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.03 10.96 11.00 10.98 10.97 11.00 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.00 2.94 1.32 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.03 11.03 11.03 10.91 10.33 10.33 10.95 10.95 10.95 11.00 11.00 |
| Khoảng cách mia | 6.76 5.31 1.14 0.52 1.27 1.05 0.44 13.51 |

B mặt đường làm mới : 2.42 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.03 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.36 m2
Diện tích móng BTXM : 0.48 m2

Cọc: 12
KM0+273.82

Đào khuôn đường làm mới : 1.02 m2
Đào rãnh : 2.31 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

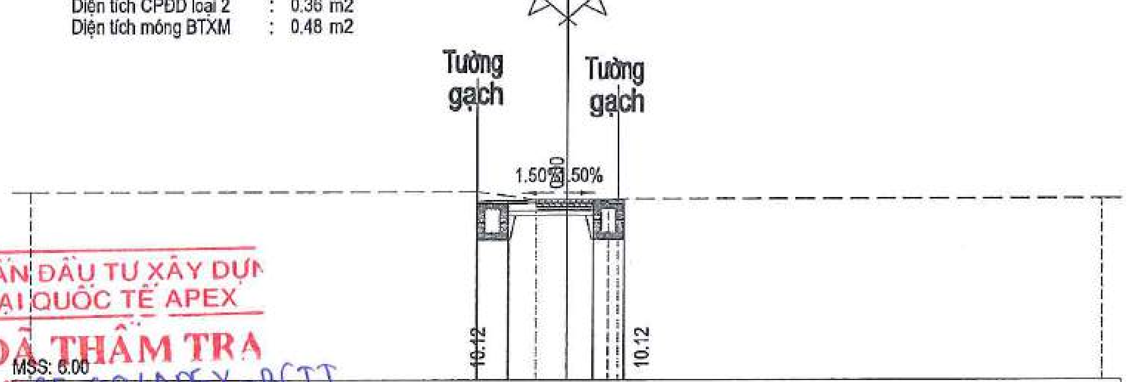


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.20 10.94 10.96 10.98 10.97 10.96 11.00 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.87 1.66 0.76 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.20 11.20 10.98 10.98 10.98 11.00 11.00 11.00 |
| Khoảng cách mia | 12.47 1.67 0.86 1.17 0.30 13.52 0.01 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 2.26 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.29 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.34 m2
Diện tích móng BTXM : 0.45 m2

Cọc: D11
KM0+286.12

Đào khuôn đường làm mới : 0.88 m2
Đào rãnh : 2.20 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

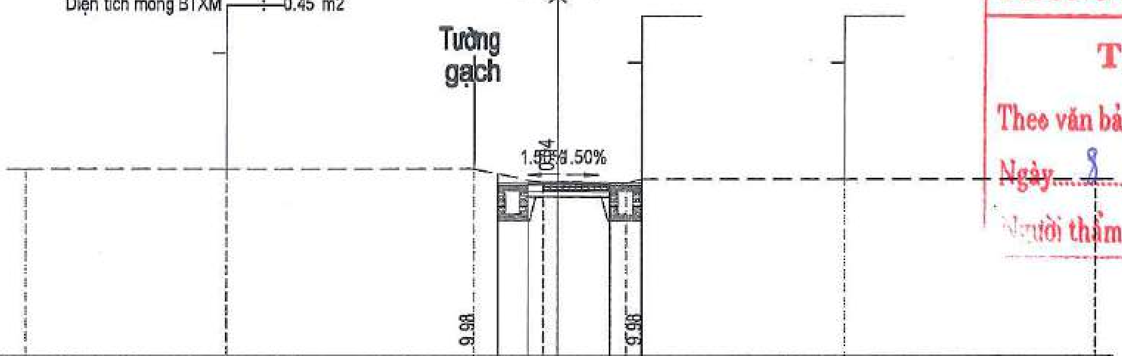


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.07 10.82 10.83 10.84 10.82 10.81 10.91 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.87 0.81 1.45 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.20 11.20 11.20 10.80 10.80 10.80 10.91 10.91 10.91 |
| Khoảng cách mia | 5.68 7.00 1.94 0.38 1.91 0.41 5.67 7.01 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 2.39 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.66 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.36 m2
Diện tích móng BTXM : 0.48 m2

Cọc: D12
KM0+296.33

Đào khuôn đường làm mới : 1.00 m2
Đào rãnh : 2.14 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

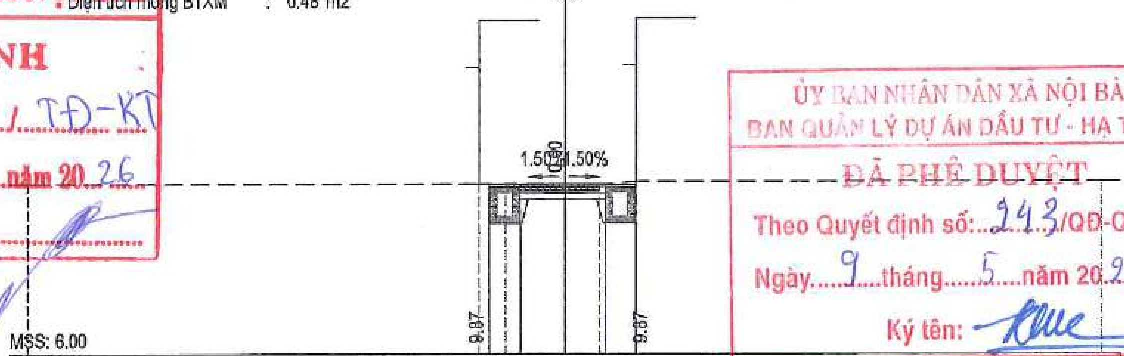


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.72 10.70 10.71 10.73 10.71 10.70 10.79 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.87 1.26 1.13 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.72 10.72 10.73 10.73 10.73 10.79 10.79 |
| Khoảng cách mia | 12.58 0.74 1.68 0.98 1.03 12.99 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T3-TN-06 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

M.S.D.N: 0102617419 – C.T.C.P – CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT – X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

B mặt đường làm mới : 3.16 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.34 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.47 m2
Diện tích móng BTXM : 0.63 m2

Cọc: D13
KM0+307.95

Đào khuôn đường làm mới : 1.28 m2
Đào rãnh : 2.00 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

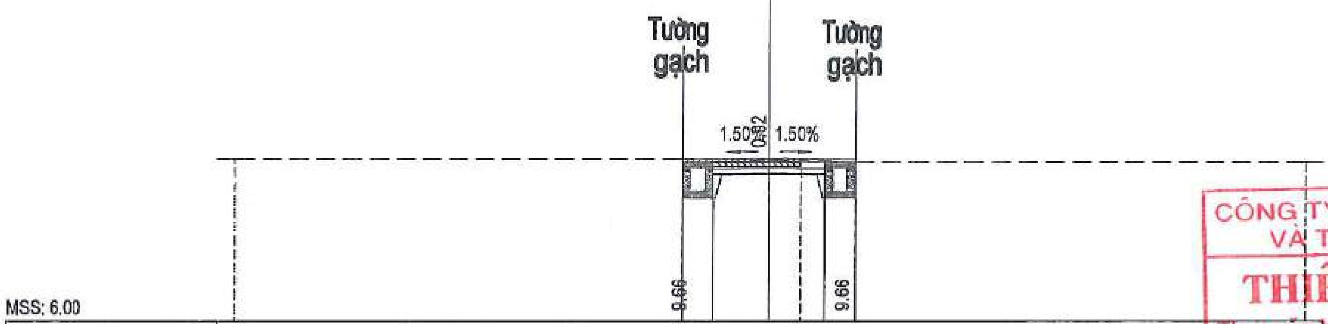


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.50 10.49 10.50 10.52 10.50 10.49 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.55 1.61 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.50 10.50 10.50 10.50 10.50 10.41 10.41 |
| Khoảng cách mia | 12.58 2.42 0.92 1.56 12.52 |

B mặt đường làm mới : 2.46 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.37 m2
Diện tích móng BTXM : 0.49 m2

Cọc: D14
KM0+316.05

Đào khuôn đường làm mới : 0.69 m2
Đào rãnh : 1.83 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

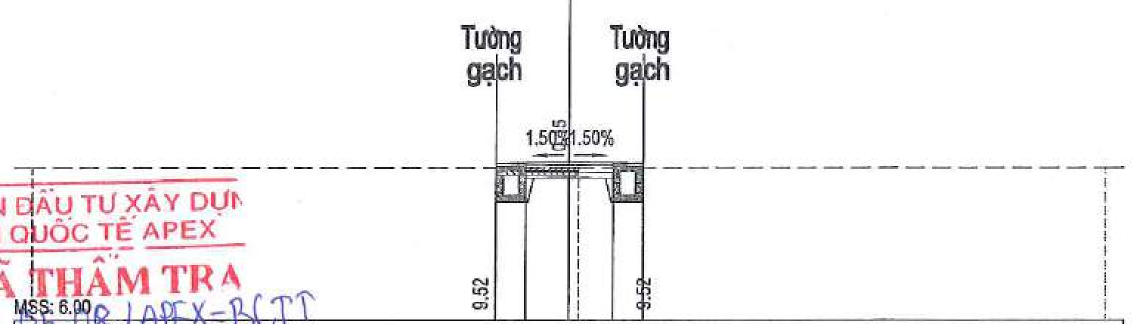


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.35 10.36 10.38 10.36 10.35 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.22 1.24 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.23 10.23 10.23 10.23 10.23 10.23 10.23 |
| Khoảng cách mia | 12.91 2.09 0.27 1.84 12.89 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08.1APEX-BCTT
Ngày 18 tháng 6 năm 2026

B mặt đường làm mới : 5.71 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 6.77 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.86 m2
Diện tích móng BTXM : 1.14 m2

Cọc: D15
KM0+323.43

Đào khuôn đường làm mới : 1.85 m2
Đào rãnh : 1.99 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

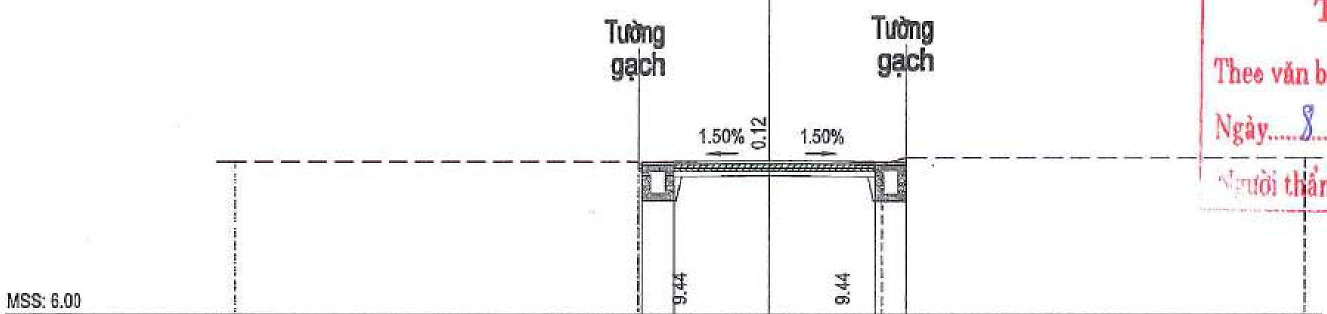


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.24 10.26 10.30 10.25 10.24 10.37 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 2.66 3.05 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.25 10.25 10.18 10.18 10.18 10.37 10.37 |
| Khoảng cách mia | 11.38 3.62 3.24 0.68 11.08 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 4.20 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 5.91 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.63 m2
Diện tích móng BTXM : 0.84 m2

Cọc: D16
KM0+331.30

Đào khuôn đường làm mới : 1.41 m2
Đào rãnh : 1.94 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

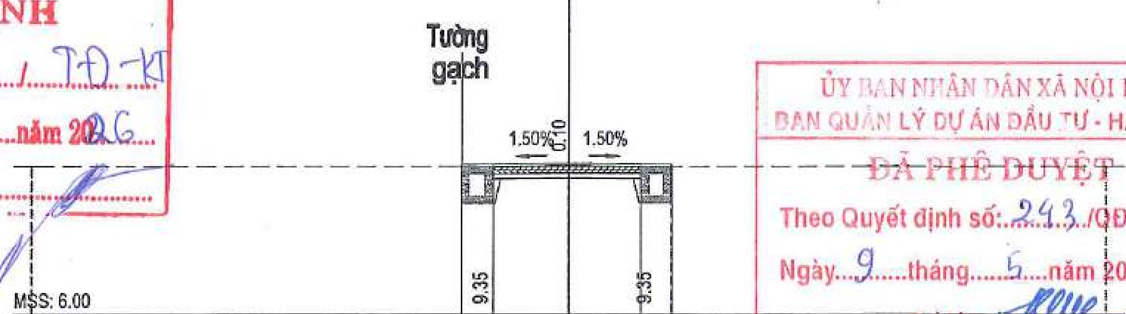


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.16 10.18 10.21 10.18 10.17 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 2.16 2.04 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.12 10.12 10.12 10.11 10.11 10.11 10.11 10.11 |
| Khoảng cách mia | 0.02 11.97 3.01 2.90 12.10 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T3-TN-07 |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT - KIM ANH - TP. HÀ NỘI

B mặt đường làm mới : 7.26 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 9.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 1.09 m2
Diện tích móng BTXM : 1.45 m2

Cọc: 13
KM0+349.06

Đào khuôn đường làm mới : 1.95 m2
Đào rãnh : 1.86 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

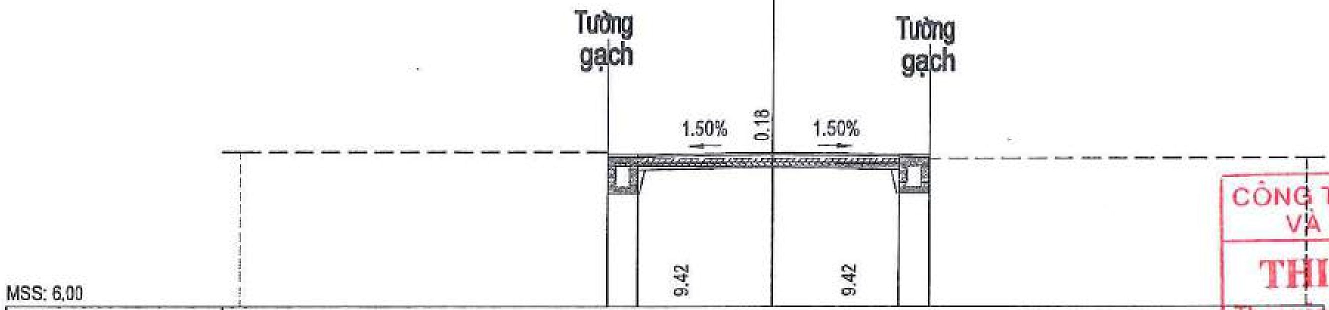


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.22 10.23 10.29 10.24 10.22 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 3.74 3.52 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.29 10.29 10.11 10.11 10.11 10.11 |
| Khoảng cách mia | 10.39 4.61 4.39 10.61 |

B mặt đường làm mới : 3.06 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 4.05 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.46 m2
Diện tích móng BTXM : 0.61 m2

Cọc: D17
KM0+366.82

Đào khuôn đường làm mới : 1.17 m2
Đào rãnh : 2.10 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

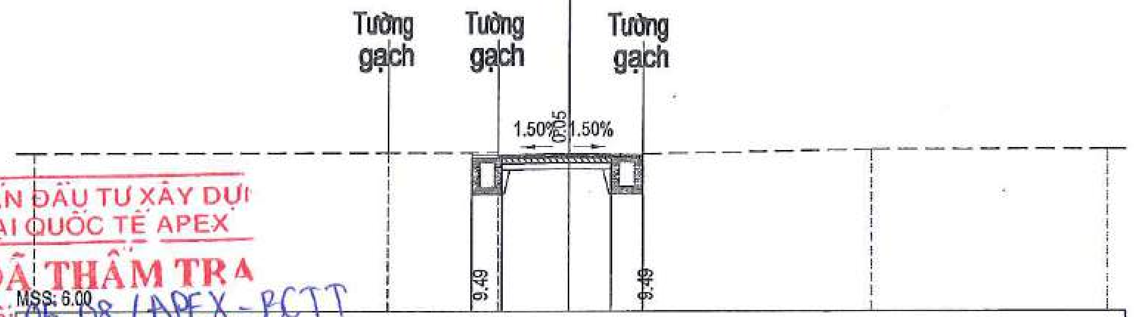


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.33 10.34 10.37 10.35 10.34 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.88 1.18 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.38 10.38 10.38 10.32 10.32 10.32 10.35 10.46 10.46 |
| Khoảng cách mia | 9.86 3.14 2.00 2.05 6.47 6.48 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày ..8. tháng 5.. năm 2026

B mặt đường làm mới : 4.02 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.75 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.60 m2
Diện tích móng BTXM : 0.80 m2

Cọc: 14
KM0+378.20

Đào khuôn đường làm mới : 1.05 m2
Đào rãnh : 1.93 m2
Đắp rãnh : 0.19 m2

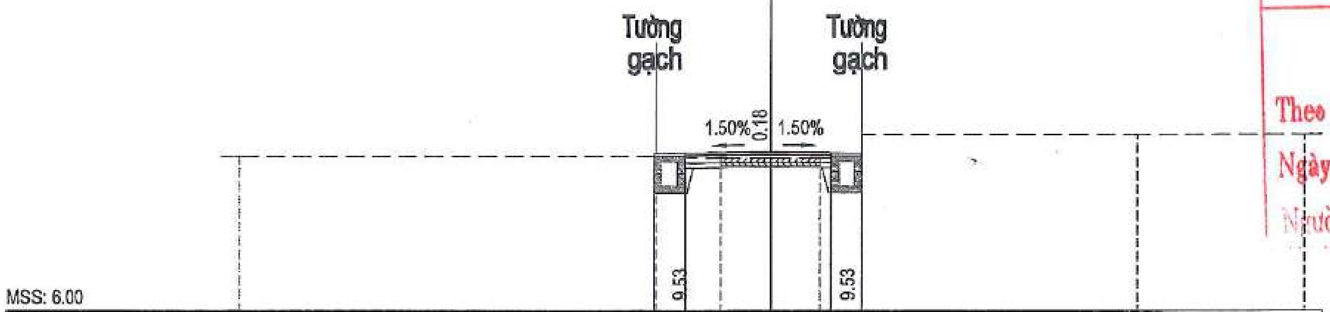


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.37 10.38 10.42 10.39 10.38 10.90 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 2.36 1.66 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.30 10.30 10.24 10.24 10.24 10.30 10.90 10.90 10.90 |
| Khoảng cách mia | 11.83 1.80 1.37 1.38 1.14 7.79 4.69 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 4.64 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.62 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.70 m2
Diện tích móng BTXM : 0.93 m2

Cọc: D18
KM0+389.58

Đào khuôn đường làm mới : 1.94 m2
Đào rãnh : 2.28 m2
Đắp rãnh : 0.19 m2

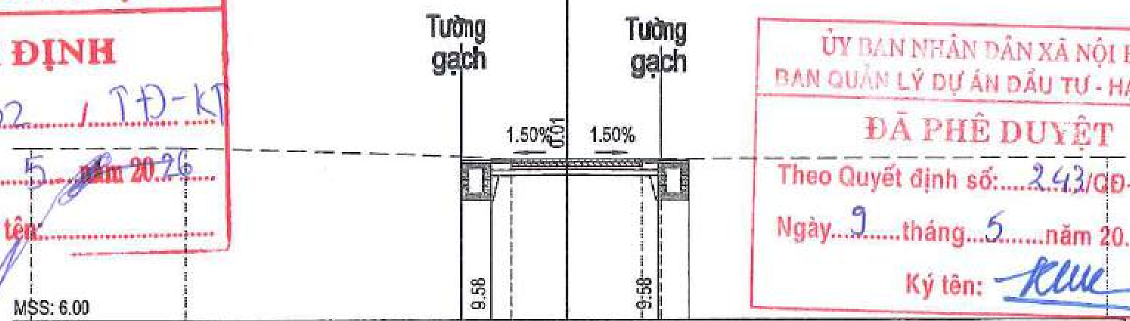


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.55 10.42 10.44 10.47 10.43 10.42 10.46 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 2.14 2.50 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.80 10.80 10.55 10.46 10.46 10.46 10.46 10.49 |
| Khoảng cách mia | 4.36 7.63 1.46 1.55 2.07 0.52 12.41 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | |
| 1 | | | | | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T3-TN-08 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT - KIM ANH - TP. HÀ NỘI

Cọc: D19
KM0+399.78

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 2.89 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.74 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 2.33 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.43 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.58 m2 |

| | | |
|---|---|---|
| Đào khuôn đường làm mới | : | 1.16 m2 |
| Đào rãnh | : | 2.14 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.19 m2 |

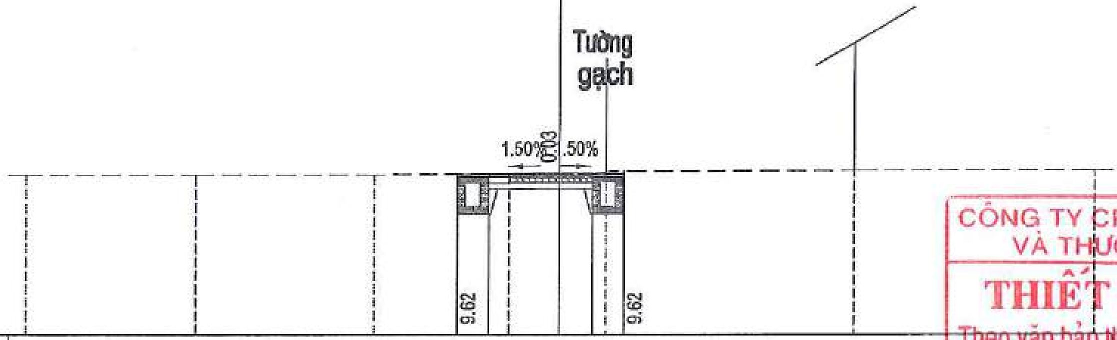


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.46, 10.47, 10.50, 10.49, 10.47, 10.54 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87, 1.95, 0.94, 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.45, 10.45, 10.45, 10.47, 10.47, 10.47, 10.54, 10.56, 10.56 |
| Khoảng cách mia | 4.81, 5.00, 3.81, 1.38, 0.95, 0.38, 6.93, 6.74 |

Cọc: 15
KM0+412.89

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 3.30 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.74 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 2.42 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.50 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.66 m2 |

| | | |
|---|---|---|
| Đào khuôn đường làm mới | : | 1.39 m2 |
| Đào rãnh | : | 2.26 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.18 m2 |

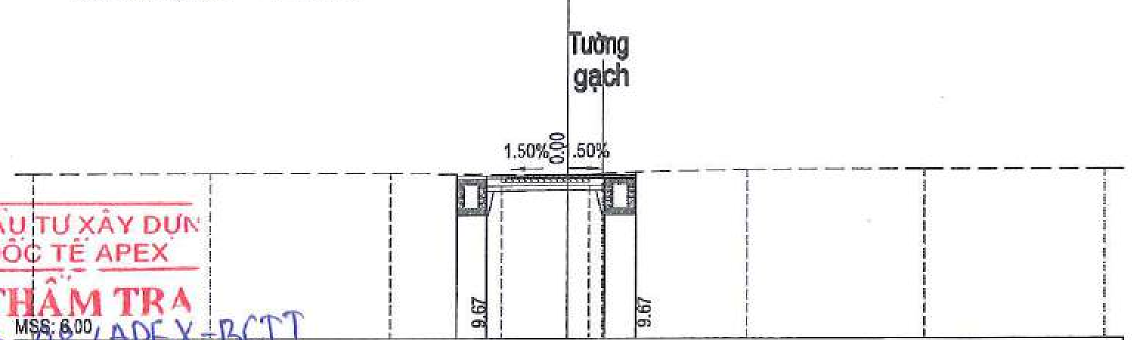


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.57, 10.49, 10.51, 10.54, 10.53, 10.51, 10.62 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87, 2.29, 1.01, 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.60, 10.60, 10.60, 10.54, 10.54, 10.54, 10.59, 10.70, 10.70, 10.70 |
| Khoảng cách mia | 5.00, 5.00, 3.18, 1.82, 0.60, 0.36, 4.04, 5.00, 5.00 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

Cọc: D20
KM0+426.00

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 1.39 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 2.60 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.74 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.60 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.21 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.28 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.73 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.09 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.47 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.95 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.18 m2 |

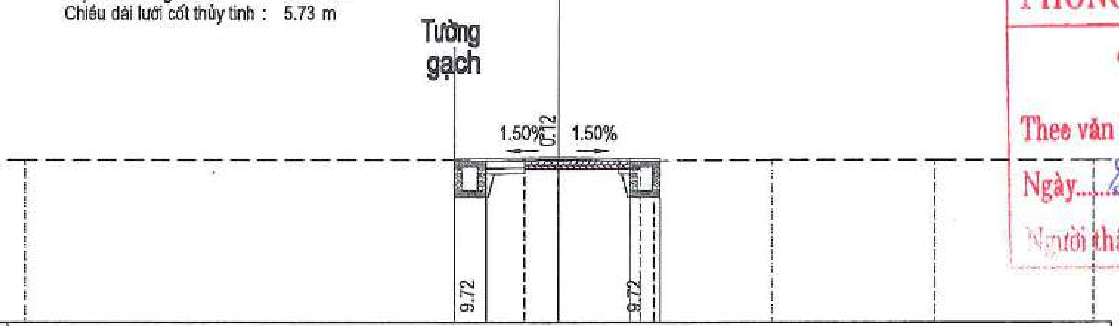


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.54, 10.55, 10.58, 10.55, 10.54 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87, 1.99, 2.00, 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.50, 10.50, 10.46, 10.46, 10.48, 10.48, 10.50, 10.50, 10.50 |
| Khoảng cách mia | 12.14, 1.96, 0.90, 2.30, 0.38, 3.34, 4.50, 4.48 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

Cọc: D21
KM0+446.23

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 0.87 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 1.86 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.74 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.77 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.13 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.17 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 4.47 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.08 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.28 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.81 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.18 m2 |

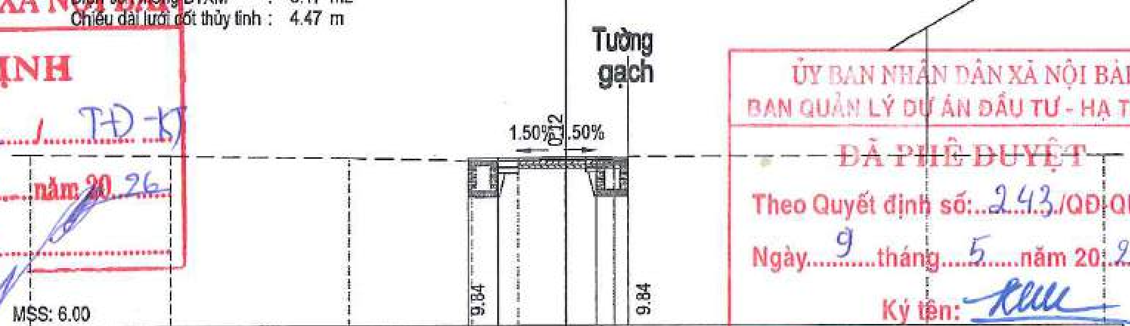


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.66, 10.67, 10.70, 10.69, 10.67, 10.68, 10.72 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87, 1.90, 0.83, 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.80, 10.75, 10.68, 10.60, 10.58, 10.58, 10.58, 10.35, 10.35, 10.70, 10.72, 10.72 |
| Khoảng cách mia | 3.91, 5.00, 3.44, 1.32, 1.33, 1.30, 0.40, 8.40, 4.90 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-09 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 0.73 m
B mặt đường tận dụng : 2.37 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.10 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.11 m2
Diện tích móng BTXM : 0.15 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.84 m

Cọc: D22
KM0+456.16

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.20 m2
Đào rãnh : 1.99 m2
Đắp rãnh : 0.19 m2

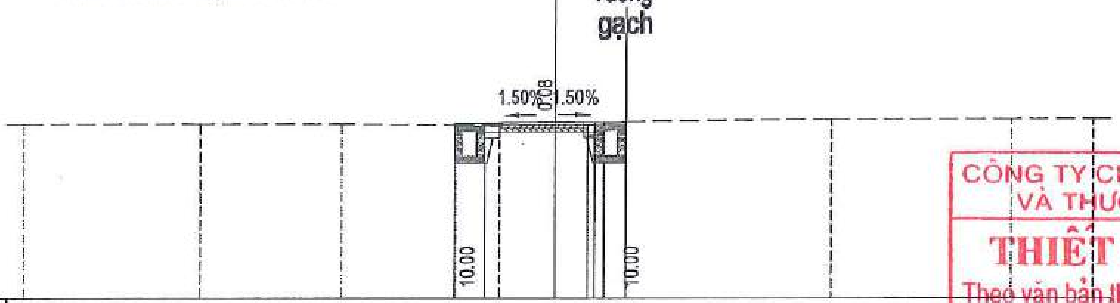


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.85 10.86 10.89 10.87 10.86 10.90 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 2.01 1.09 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 10.84 10.84 10.84 10.81 10.81 10.81 10.81 10.50 10.50 10.85 10.90 10.96 10.96 10.96 |
| Khoảng cách mia | 4.99 4.00 3.18 1.25 1.58 0.89 0.46 0.62 5.75 5.00 2.28 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05/.../APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 0.50 m
B mặt đường tận dụng : 2.58 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.07 m2
Diện tích móng BTXM : 0.10 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.82 m

Cọc: D23
KM0+475.04

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.11 m2
Đào rãnh : 2.04 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

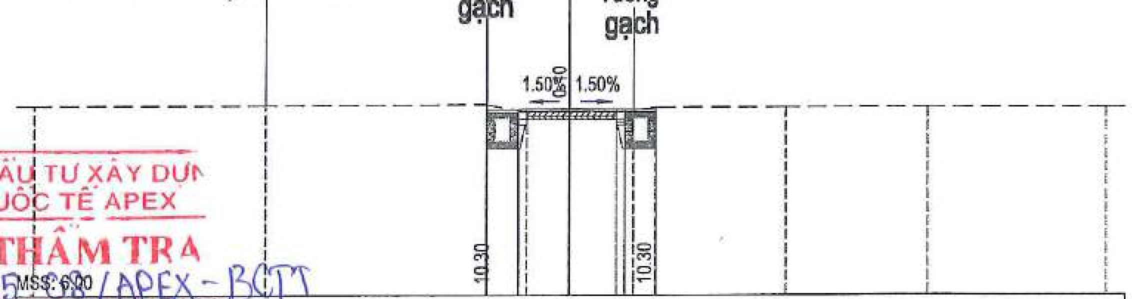


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.27 11.12 11.14 11.16 11.14 11.12 11.19 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.50 1.58 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.25 11.25 11.27 11.06 11.06 11.06 10.80 10.80 11.12 11.19 11.19 11.19 11.19 |
| Khoảng cách mia | 6.46 6.17 1.13 1.24 1.34 0.47 0.63 3.60 4.00 4.96 |

B mặt đường làm mới : 0.64 m
B mặt đường tận dụng : 2.81 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.10 m2
Diện tích móng BTXM : 0.13 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.19 m

Cọc: 16
KM0+485.59

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.07 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.10 m2
Đào rãnh : 2.04 m2
Đắp rãnh : 0.17 m2

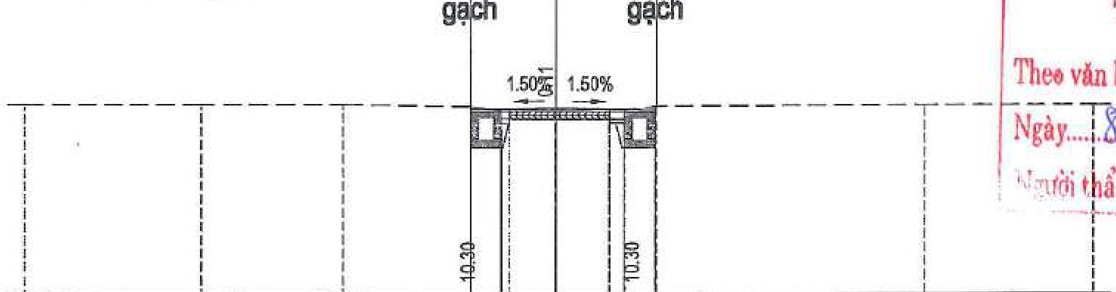


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.19 11.11 11.12 11.15 11.12 11.10 11.20 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.55 1.90 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.25 11.25 11.25 11.19 11.04 11.04 11.04 10.75 10.75 11.10 11.20 11.24 11.24 |
| Khoảng cách mia | 5.00 4.00 3.58 1.10 1.32 1.49 0.46 0.86 7.52 4.67 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 0.60 m
B mặt đường tận dụng : 2.73 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.05 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.09 m2
Diện tích móng BTXM : 0.12 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.07 m

Cọc: D24
KM0+496.14

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.11 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.19 m2
Đào rãnh : 1.72 m2
Đắp rãnh : 0.16 m2

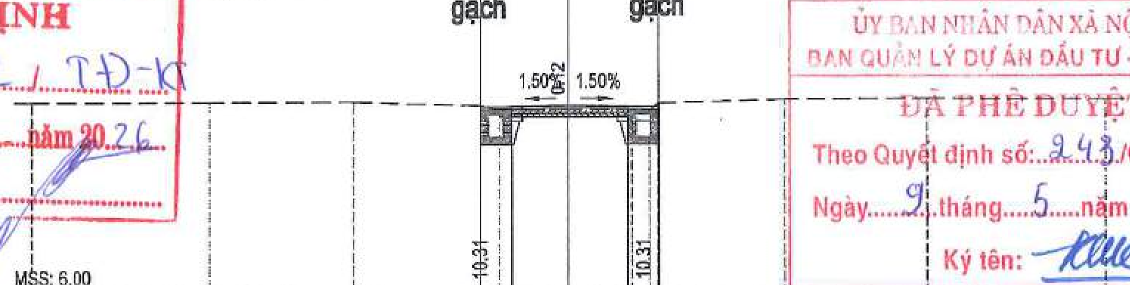


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.13 11.09 11.11 11.13 11.11 11.09 11.19 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 1.63 1.70 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.23 11.23 11.23 11.13 11.01 11.01 11.01 10.70 10.70 11.00 11.19 11.27 11.27 11.27 |
| Khoảng cách mia | 4.97 4.00 3.53 0.53 1.97 1.81 0.50 0.25 3.47 4.00 4.97 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

U.B.N.D XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P – CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT – X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-10 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

Cọc: D25
KM0+502.03

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 0.65 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 2.69 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.74 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.65 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.10 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.13 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.08 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.09 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.21 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.86 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.16 m2 |

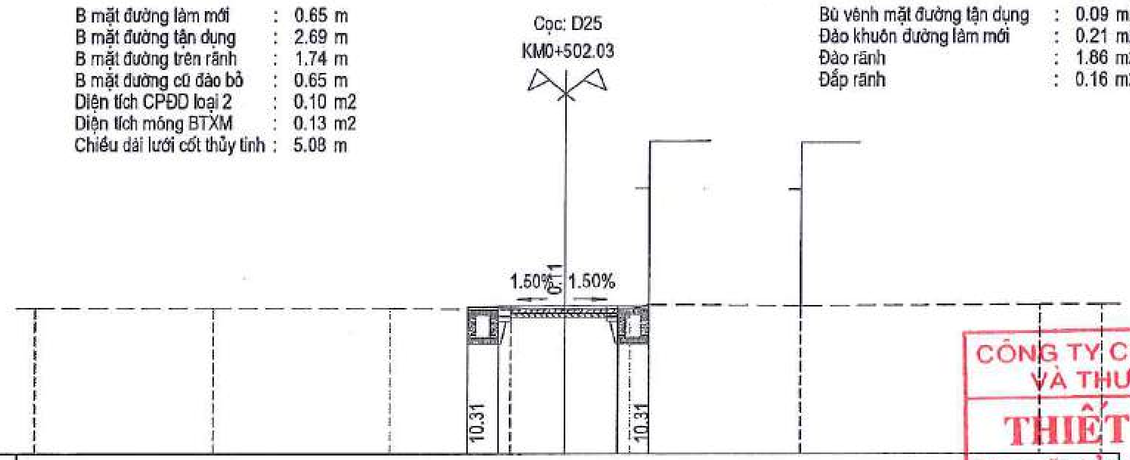


MSS: 7.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.02 11.08 11.10 11.12 11.10 11.09 11.15 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.87 1.90 1.44 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.05 11.05 11.05 11.05 11.01 11.01 11.01 11.15 11.11 11.15 11.15 |
| Khoảng cách mia | 0.02 5.00 5.00 3.43 1.55 1.79 0.51 4.23 6.74 1.73 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

Cọc: D26
KM0+512.68

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 1.28 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 2.70 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.74 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.23 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.19 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.26 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.72 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.11 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.48 m2 |
| Đào rãnh | : | 2.01 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.15 m2 |

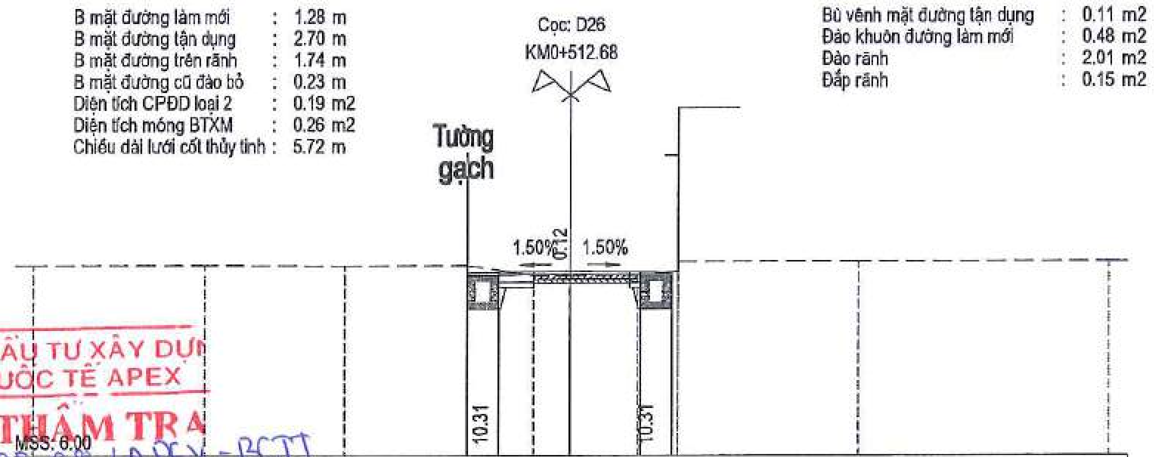


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.27 11.07 11.08 11.11 11.08 11.07 11.08 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.87 2.01 1.97 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.29 11.29 11.27 11.27 10.99 10.99 10.99 11.10 11.37 11.37 11.37 |
| Khoảng cách mia | 4.75 4.00 3.37 1.85 1.03 1.90 1.12 5.05 6.93 |

Cọc: D27
KM0+531.55

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 0.70 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 1.74 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.74 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.77 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.11 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.14 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 4.18 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.02 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.26 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.98 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.15 m2 |

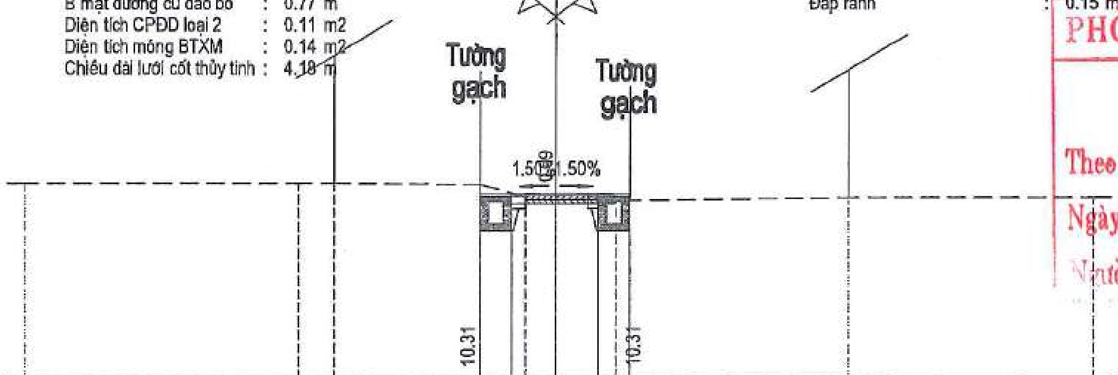


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.35 11.08 11.10 11.12 11.10 11.09 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.87 1.28 1.16 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.38 11.38 11.38 11.35 11.03 11.03 11.03 10.91 10.98 10.98 |
| Khoảng cách mia | 7.69 0.98 4.18 1.27 0.88 1.63 0.41 6.09 6.87 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

Cọc: D28
KM0+542.41

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 3.21 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.74 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 2.98 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.48 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.64 m2 |

| | | |
|---|---|---|
| Đào khuôn đường làm mới | : | 1.03 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.94 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.15 m2 |

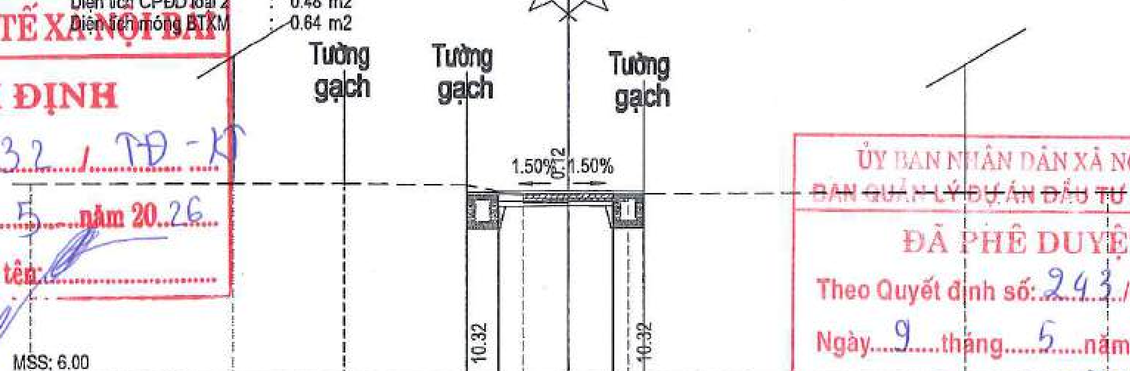


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.27 11.08 11.09 11.12 11.10 11.09 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.87 1.96 1.25 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 11.33 11.33 11.33 11.27 10.99 11.00 11.00 11.02 11.02 11.02 |
| Khoảng cách mia | 5.65 3.14 3.38 1.55 1.28 1.70 0.42 8.95 3.93 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T3-TN-11 |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

UBND XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P – CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT – X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

B mặt đường làm mới : 4.69 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 4.32 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.70 m2
Diện tích móng BTXM : 0.94 m2

Cọc: D29
KM0+552.23

Đào khuôn đường làm mới : 1.50 m2
Đào rãnh : 1.88 m2
Đắp rãnh : 0.15 m2

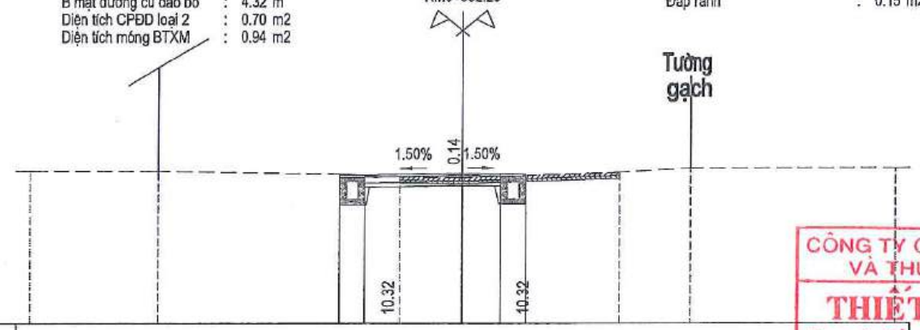


MSS: 6.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | 11.10 11.06 11.07 | | | 11.12 | | 11.10 11.09 11.07 | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | 0.87 | 3.35 | | 1.34 | | 0.87 | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.20 | | 11.20 | | 11.10 | 11.00 | 10.98 | | | 11.15 | | 11.30 | | | 11.30 | | | | | | | | | |
| Khoảng cách mia | | 4.49 | | 6.29 | 2.11 | 2.11 | | 5.47 | | | 2.42 | | 7.11 | | | | | | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 0.52 m
B mặt đường tận dụng : 2.57 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.08 m2
Diện tích móng BTXM : 0.10 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.83 m

Cọc: 17
KM0+566.11

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.03 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.18 m2
Đào rãnh : 1.86 m2
Đắp rãnh : 0.15 m2

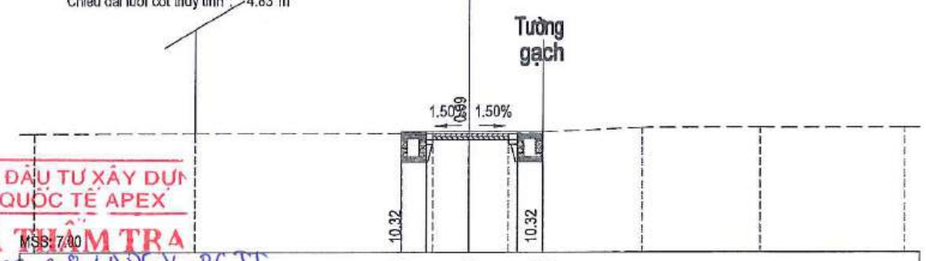


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 11.04 11.10 11.11 | | 11.13 | | 11.11 11.09 11.10 | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 0.87 | 1.44 | | 1.65 | 0.87 | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.04 | | 11.04 | | | | | 11.04 | 11.04 | 11.04 | 11.04 | 11.10 | | | 11.25 | | | | 11.25 | | | 11.25 | | |
| Khoảng cách mia | | 5.52 | | 7.21 | | | | 1.06 | 1.21 | 1.36 | 1.17 | | 3.48 | | | 4.00 | | | | 4.99 | | | | |

B mặt đường làm mới : 0.74 m
B mặt đường tận dụng : 2.52 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.11 m2
Diện tích móng BTXM : 0.15 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.00 m

Cọc: D30
KM0+579.99

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.10 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.24 m2
Đào rãnh : 1.65 m2
Đắp rãnh : 0.12 m2

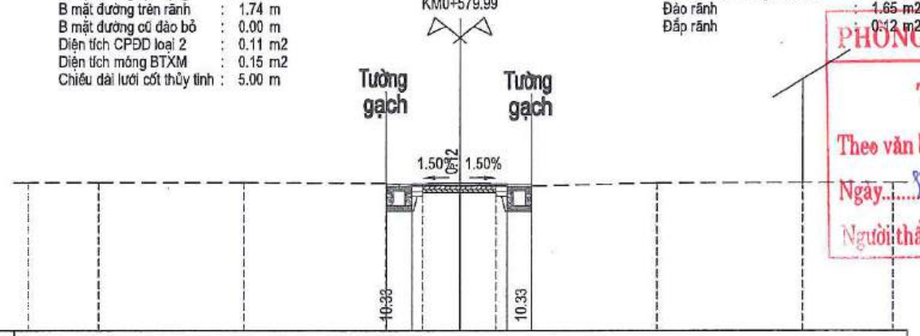


MSS: 6.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | 11.02 11.00 11.02 | | | 11.04 | | 11.02 11.00 | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | 0.87 | 1.63 | | 1.63 | | 0.87 | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.05 | | 11.05 | | 11.05 | | 11.02 | 10.92 | 10.92 | 10.92 | 10.94 | | 11.04 | | | 11.04 | | | 11.04 | | | | | |
| Khoảng cách mia | | 2.49 | | 5.00 | | 5.00 | 1.25 | 1.26 | 1.26 | 1.24 | | 4.33 | | | 5.00 | | | 3.17 | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 1.07 m
B mặt đường tận dụng : 2.00 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.41 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.16 m2
Diện tích móng BTXM : 0.21 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.81 m

Cọc: D31
KM0+596.63

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.03 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.40 m2
Đào rãnh : 1.91 m2
Đắp rãnh : 0.14 m2

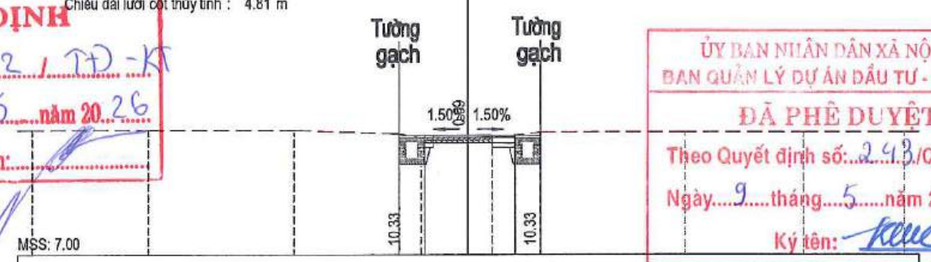


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 11.14 11.07 11.08 | | 11.10 | | 11.08 11.07 11.18 | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 0.87 | 1.46 | | 1.61 | 0.87 | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.25 | | 11.25 | | 11.25 | | | 11.14 11.01 | 11.01 11.01 | | 11.18 | | | | 11.18 | | | 11.18 | | | 11.18 | | | |
| Khoảng cách mia | | 3.99 | | 5.00 | | 3.68 | 0.76 | 1.57 | 0.84 | 1.64 | | 5.00 | | | 4.00 | | | 3.52 | | | | | | |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 321/TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-12 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | | |

B mặt đường làm mới : 1.04 m
B mặt đường tận dụng : 2.44 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.15 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.16 m2
Diện tích móng BTXM : 0.21 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.22 m

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.41 m2
Đào rãnh : 2.12 m2
Đắp rãnh : 0.17 m2

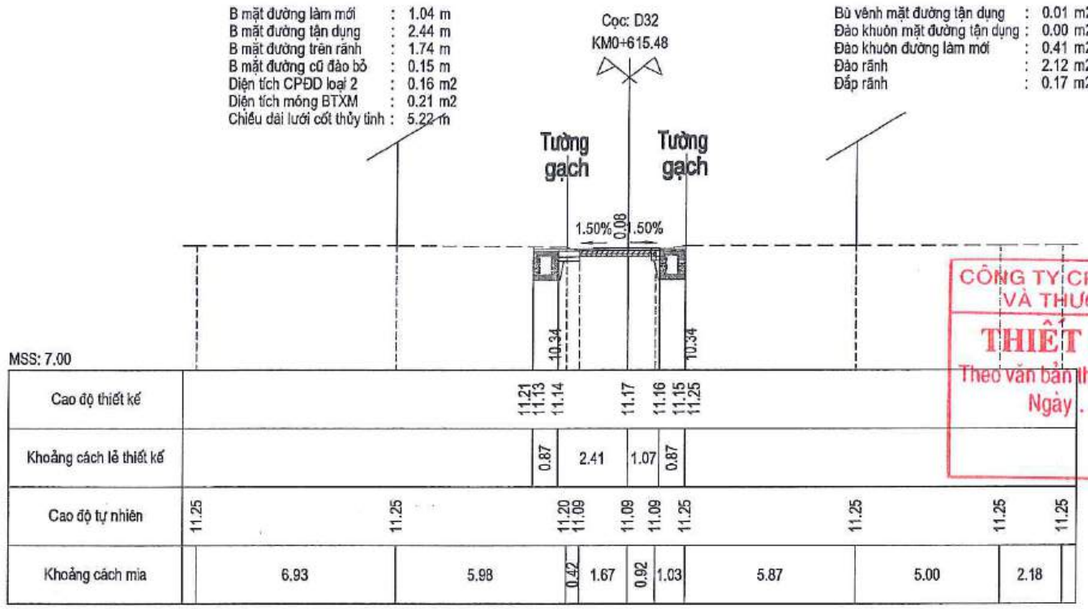


B mặt đường làm mới : 0.64 m
B mặt đường tận dụng : 1.75 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.17 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.10 m2
Diện tích móng BTXM : 0.13 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.13 m

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.22 m2
Đào rãnh : 2.05 m2
Đắp rãnh : 0.19 m2

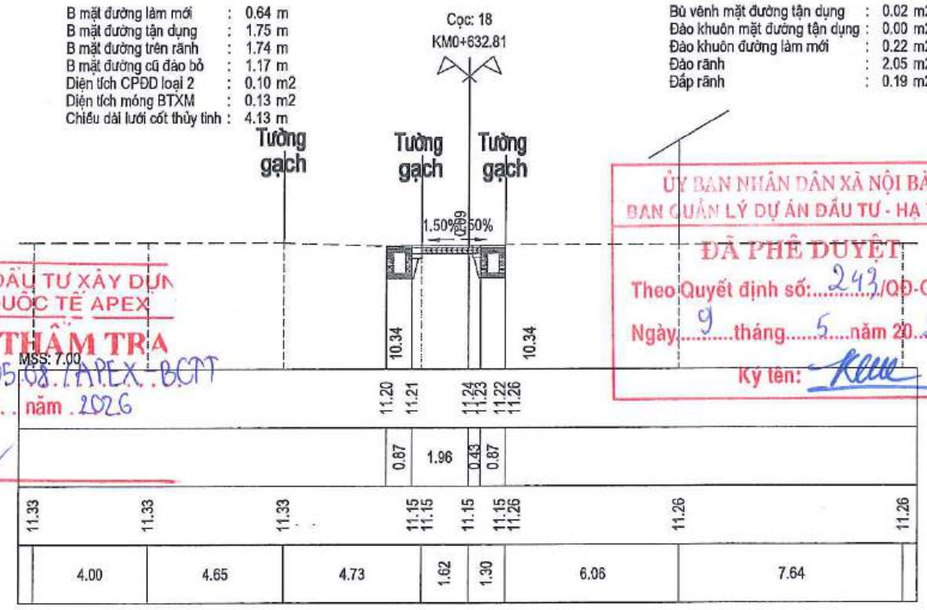


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05/08/TAPEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 2.11 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.88 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.32 m2
Diện tích móng BTXM : 0.42 m2

Đào khuôn đường làm mới : 0.84 m2
Đào rãnh : 2.09 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

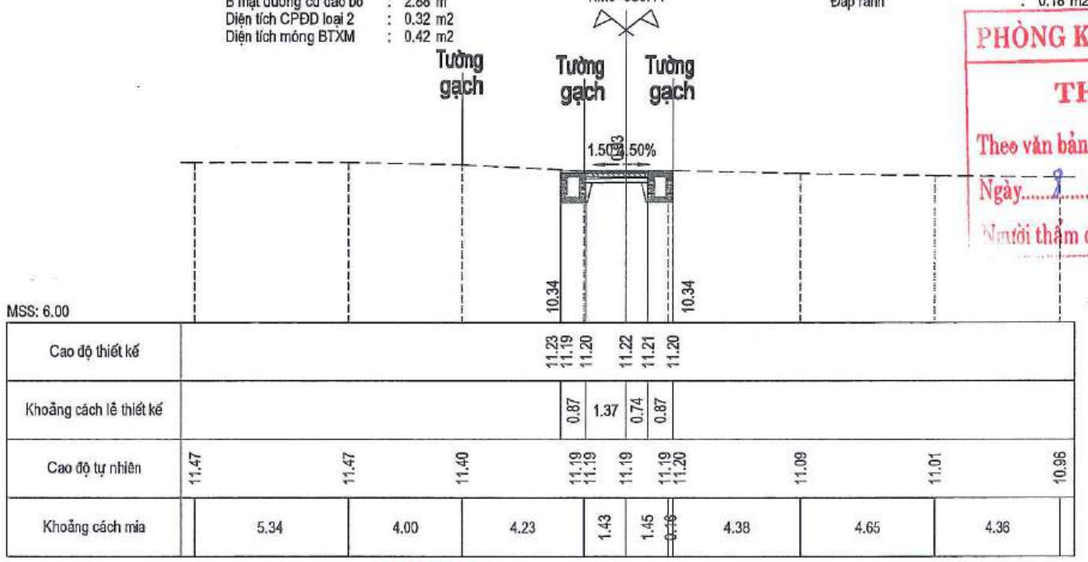


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 7 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 2.23 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.05 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.33 m2
Diện tích móng BTXM : 0.45 m2

Đào khuôn đường làm mới : 0.92 m2
Đào rãnh : 2.10 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

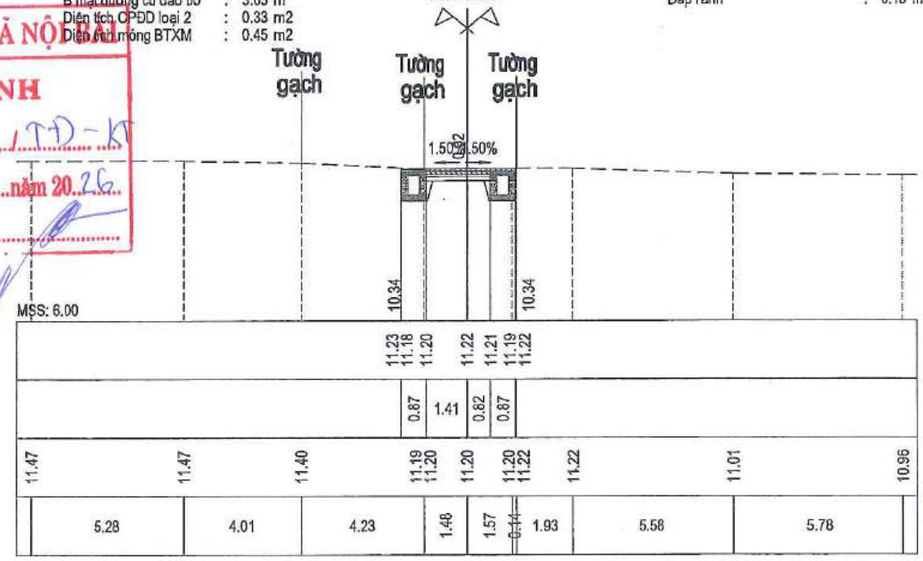


| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-13 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 3.22 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.05 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.48 m2
Diện tích móng BTXM : 0.64 m2

Cọc: 20
KM0+656.45

Đào khuôn đường làm mới : 1.06 m2
Đào rãnh : 2.00 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

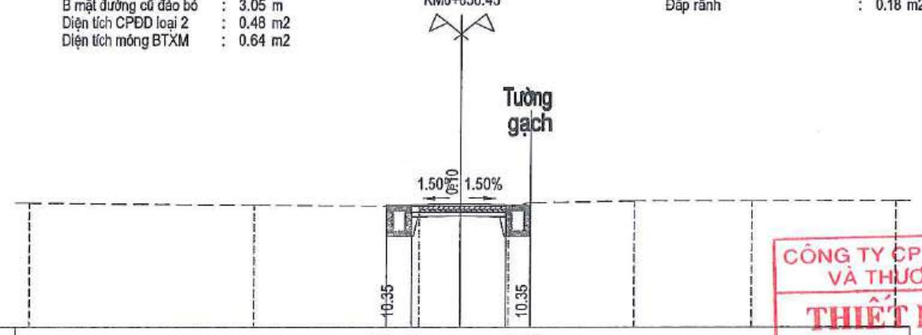


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 11.12 11.17 11.19 | | 11.21 | | 11.19 11.18 11.25 | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 0.87 | | 1.67 | | 1.55 | | 0.87 | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.23 | | | | 11.16 | | | | 11.11 | | 11.11 | | 11.11 | 11.25 | | | | 11.30 | | | 11.30 | | | | 11.30 | | | | | |
| Khoảng cách mia | | 7.83 | | | | 5.77 | | | | 1.40 | | 1.65 | | 0.77 | | 3.58 | | | 4.00 | | | 5.00 | | | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 3.10 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.59 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.46 m2
Diện tích móng BTXM : 0.62 m2

Cọc: D34
KM0+657.85

Đào khuôn đường làm mới : 1.04 m2
Đào rãnh : 2.06 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

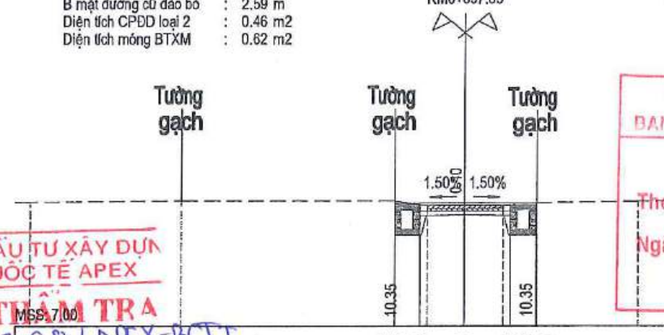


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 11.27 11.17 11.19 | | 11.21 | | 11.19 11.17 11.20 | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 0.87 | | 1.51 | | 1.59 | | 0.87 | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.23 | | | | 11.27 | | | | 11.27 | | 11.11 | | 11.11 | | 11.11 | 11.20 | | | | 11.25 | | | | 11.25 | | | | 11.25 | | |
| Khoảng cách mia | | 5.25 | | | | 7.37 | | | | 1.13 | | 1.25 | | 1.34 | | 1.13 | | 3.53 | | | 4.00 | | | | 5.00 | | | | | |

B mặt đường làm mới : 3.16 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.67 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.47 m2
Diện tích móng BTXM : 0.63 m2

Cọc: 21
KM0+673.82

Đào khuôn đường làm mới : 0.87 m2
Đào rãnh : 1.87 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

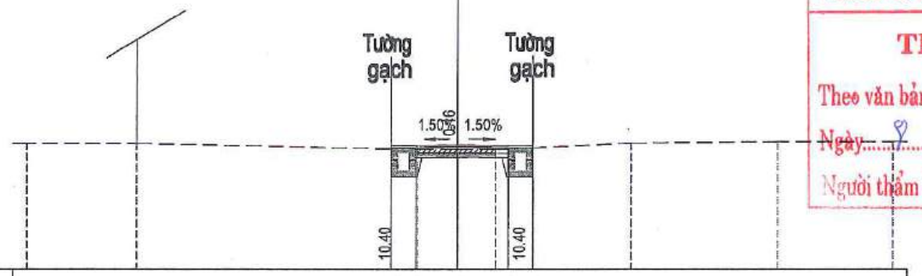


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 11.22 11.23 | | 11.26 | | 11.23 11.22 | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 0.87 | | 1.43 | | 1.73 | | 0.87 | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.30 | | | | 11.30 | | | | 11.12 | | 11.10 | | 11.10 | | 11.10 | 11.15 | | | | 11.31 | | | | 11.35 | | | | 11.35 | | |
| Khoảng cách mia | | 3.87 | | | | 8.83 | | | | 0.93 | | 1.37 | | 1.30 | | 1.30 | | 3.40 | | | 5.00 | | | | 4.00 | | | | | |

B mặt đường làm mới : 3.17 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.47 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.48 m2
Diện tích móng BTXM : 0.63 m2

Cọc: D35
KM0+689.79

Đào khuôn đường làm mới : 0.84 m2
Đào rãnh : 1.99 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

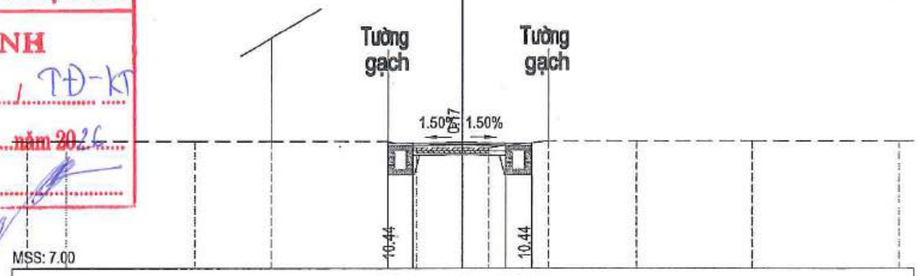


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 11.33 11.26 11.28 | | 11.30 | | 11.28 11.27 11.29 | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | 0.87 | | 1.67 | | 1.50 | | 0.87 | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.33 | | | | 11.33 | | | | 11.33 | | 11.33 | | 11.33 | | 11.13 | 11.13 | | 11.13 | | 11.35 | | | | 11.35 | | | | 11.35 | | |
| Khoảng cách mia | | 1.35 | | | | 4.48 | | | | 2.60 | | 4.04 | | 0.98 | | 1.55 | | 0.92 | | 2.03 | | 3.05 | | | 4.00 | | | | 5.00 | |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08.1/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 247/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-14 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 3.39 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.50 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.51 m2
Diện tích móng BTXM : 0.68 m2

Đào khuôn đường làm mới : 0.98 m2
Đào rãnh : 1.88 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

Cọc: 22
KM0+704.89

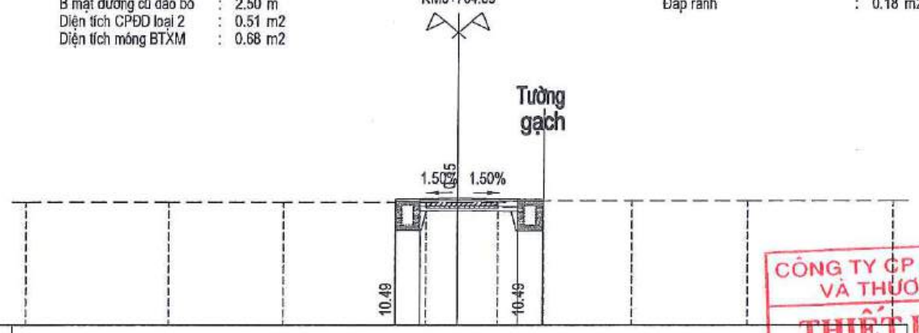


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.31 | 11.33 | 11.35 | 11.31 | 11.30 | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 1.30 | 2.09 | 0.87 | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.20 | 11.20 | 11.20 | 11.20 | 11.20 | 11.20 | 11.20 | 11.25 | 11.25 | 11.25 | 11.25 |
| Khoảng cách mia | 5.00 | 4.00 | 3.83 | 1.09 | 1.08 | 1.42 | 1.57 | 3.01 | 4.00 | 5.00 | |

B mặt đường làm mới : 1.19 m
B mặt đường tận dụng : 2.50 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.18 m2
Diện tích móng BTXM : 0.24 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.43 m

Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.03 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.45 m2
Đào rãnh : 2.02 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

Cọc: 23
KM0+720.00

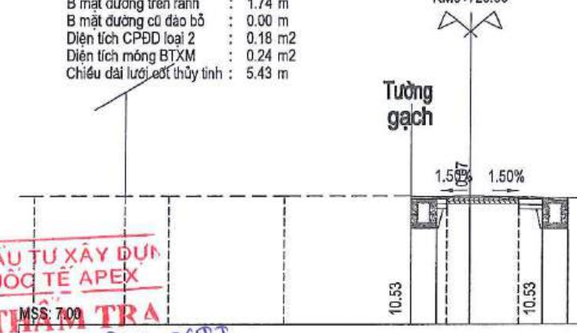


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.39 | 11.36 | 11.37 | 11.39 | 11.35 | 11.34 | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 1.12 | 2.57 | 0.87 | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.39 | 11.39 | 11.39 | 11.39 | 11.39 | 11.32 | 11.32 | 11.32 | 11.32 | 11.32 | 11.35 | 11.35 |
| Khoảng cách mia | 3.12 | 1.51 | 4.00 | 4.38 | 1.21 | 0.78 | 1.72 | 1.73 | 3.56 | 4.00 | 3.99 |

B mặt đường làm mới : 0.53 m
B mặt đường tận dụng : 2.56 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.15 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.08 m2
Diện tích móng BTXM : 0.11 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.83 m

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.10 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.18 m2
Đào rãnh : 1.94 m2
Đắp rãnh : 0.16 m2

Cọc: 24
KM0+733.50

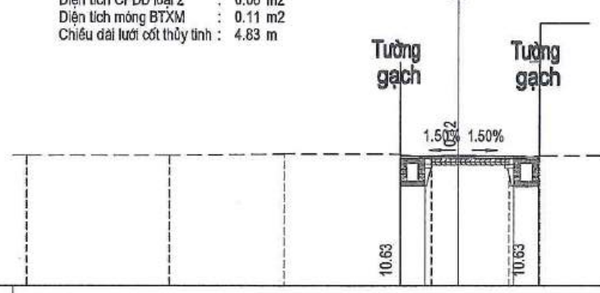


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.35 | 11.38 | 11.42 | 11.43 | 11.45 | 11.42 | 11.41 | 11.43 | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 1.14 | 1.95 | 0.87 | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.45 | 11.45 | 11.50 | 11.49 | 11.33 | 11.33 | 11.33 | 11.43 | 11.43 | 11.45 | 11.45 | 11.45 |
| Khoảng cách mia | 5.00 | 4.00 | 3.99 | 1.10 | 0.91 | 1.80 | 1.03 | 0.94 | 2.93 | 3.07 | 6.13 |

B mặt đường làm mới : 0.44 m
B mặt đường tận dụng : 2.46 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.07 m2
Diện tích móng BTXM : 0.09 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.64 m

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.16 m2
Đào rãnh : 2.14 m2
Đắp rãnh : 0.17 m2

Cọc: D36
KM0+746.99

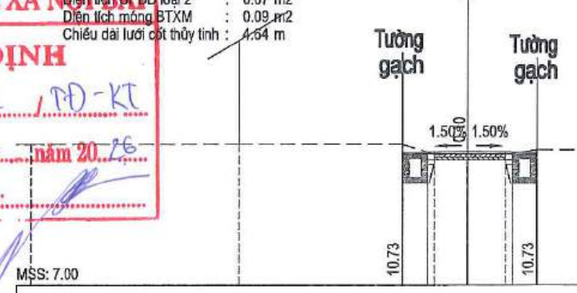


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.53 | 11.54 | 11.55 | 11.57 | 11.55 | 11.53 | 11.47 | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 1.33 | 1.57 | 0.87 | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.62 | 11.62 | 11.62 | 11.47 | 11.47 | 11.47 | 11.63 | 11.63 | 11.63 | 11.63 |
| Khoảng cách mia | 7.16 | 5.64 | 1.09 | 1.11 | 1.35 | 1.10 | 3.58 | 4.00 | 4.97 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG X. NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT M.S.D.N: 0102617419-C.T.C X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-15 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 1.01 m
B mặt đường tận dụng : 2.49 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.15 m2
Diện tích móng BTXM : 0.20 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.24 m

Cọc: D37
KM0+760.14

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.37 m2
Đào rãnh : 2.08 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

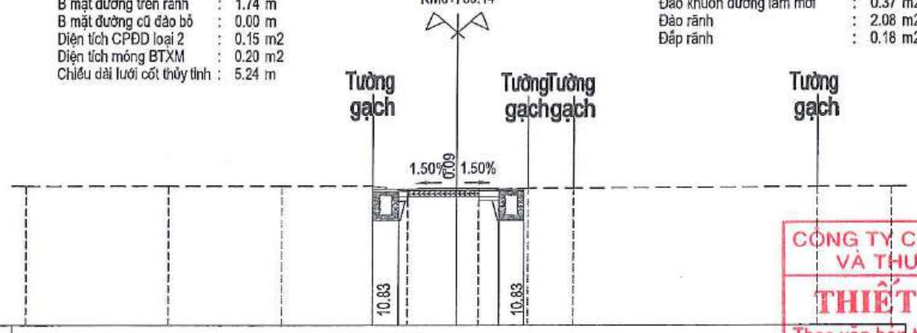


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | 11.75 11.65 11.66 | | | 11.69 | | | 11.67 11.65 11.67 | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | 0.87 | 2.01 | | 1.49 | | | 0.87 | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.75 | | 11.75 | | 11.75 | | 11.75 | 11.60 | 11.60 | 11.60 | 11.60 | 11.68 | | 11.68 | | | | | | 11.72 | | | | 11.72 | | | | |
| Khoảng cách mia | | 4.98 | | 4.00 | | 3.14 | 1.17 | 1.71 | 0.78 | 1.73 | 1.60 | | 8.37 | | | | | 2.52 | | | | | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 0.98 m
B mặt đường tận dụng : 2.63 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.15 m2
Diện tích móng BTXM : 0.20 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.35 m

Cọc: D38
KM0+772.85

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.35 m2
Đào rãnh : 1.90 m2
Đắp rãnh : 0.16 m2

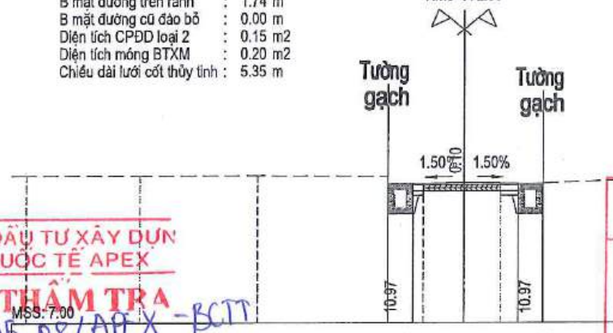


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | | | 12.00 11.70 11.76 | | 11.79 | | | 11.76 11.75 11.76 | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | | | 0.87 | 1.73 | | 1.88 | | 0.87 | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 12.03 | | 12.03 | | 12.03 | | 12.00 11.70 | 11.69 | 11.69 | 11.69 | 11.76 | | 11.91 | | | | | | | | | | 11.91 | | | | | |
| Khoảng cách mia | | 3.89 | | 4.00 | | 4.51 | 1.25 | 1.35 | 1.28 | 1.48 | 4.26 | | 7.98 | | | | | | | | | | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 0.78 m
B mặt đường tận dụng : 2.46 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.12 m2
Diện tích móng BTXM : 0.16 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.98 m

Cọc: D39
KM0+789.53

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.28 m2
Đào rãnh : 1.97 m2
Đắp rãnh : 0.17 m2

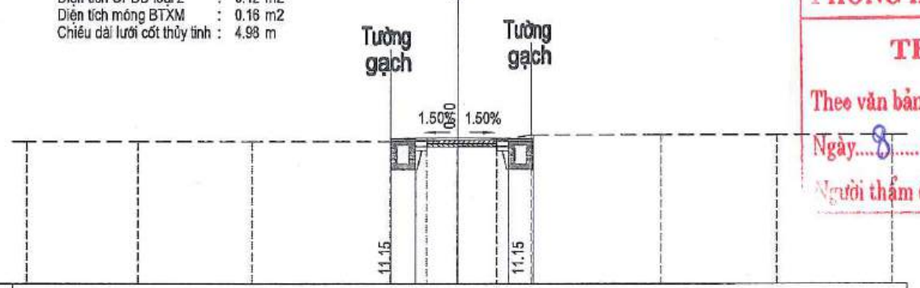


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | 11.95 11.97 | | | 11.99 | | | 11.96 11.95 12.08 | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | 0.87 | 1.45 | | 1.79 | | | 0.87 | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.85 | | 11.85 | | 11.85 | | 11.85 | 11.88 | 11.89 | 11.89 | 12.08 | | | | 12.08 | | | | 12.08 | | | | 12.08 | | | | | |
| Khoảng cách mia | | 3.91 | | 4.00 | | 4.76 | 1.26 | 1.07 | 1.39 | 1.20 | 4.49 | | | | 4.00 | | | | 3.92 | | | | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 0.60 m
B mặt đường tận dụng : 0.88 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.75 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.09 m2
Diện tích móng BTXM : 0.12 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 3.22 m

Cọc: 25
KM0+801.90

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.20 m2
Đào rãnh : 1.91 m2
Đắp rãnh : 0.17 m2

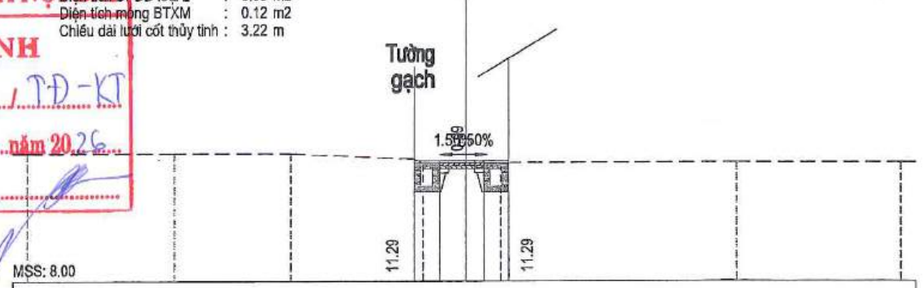


MSS: 8.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | | | | | | | | | | | | | 12.18 12.11 12.12 | | 12.13 12.12 | | 12.11 | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | | | | | | | | | | | | | 0.87 | | 0.87 | 0.61 | 0.87 | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 12.36 | | 12.36 | | 12.36 | | 12.18 12.04 | 12.04 | 12.04 12.06 | | | | | | | | | | | | 12.06 | | | | | | 12.06 12.06 | |
| Khoảng cách mia | | 5.00 | | 4.00 | | 4.26 | 0.33 | 1.43 | 1.20 | 0.28 | 7.88 | | | | | | | | 5.65 | | | | | | | | 0.01 | |

XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T3-TN-16 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 0.60 m
B mặt đường tận dụng : 2.00 m
B mặt đường trên rãnh : 1.74 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.05 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.09 m2
Diện tích móng BTXM : 0.12 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.34 m

Cọc: 26
KM0+814.27

Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.22 m2
Đào rãnh : 2.03 m2
Đắp rãnh : 0.18 m2

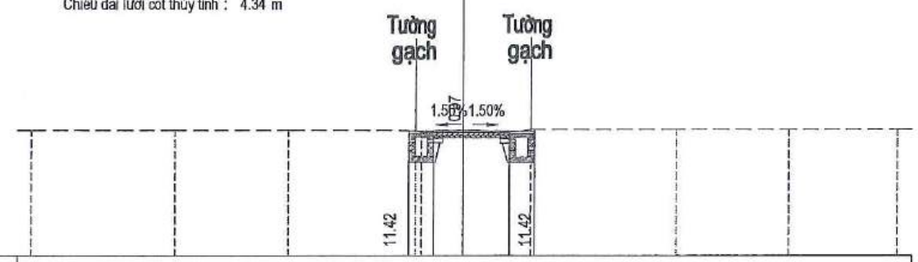


MSS: 8.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 12.27 | 12.25 | 12.26 | 12.28 | 12.26 | 12.24 | 12.30 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.87 | 1.01 | 1.59 | 0.87 |
| Cao độ tự nhiên | 12.28 | 12.28 | 12.28 | 12.27 | 12.21 | 12.21 | 12.21 | 12.30 | 12.30 | 12.30 | 12.30 |
| Khoảng cách mia | 4.99 | 4.00 | 4.36 | 0.21 | 1.44 | 1.61 | 0.73 | 5.00 | 3.85 | 3.81 |

B mặt đường tận dụng : 5.50 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.50 m

Cọc: 27
KM0+815.93

Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.10 m2
Đắp rãnh : 0.00 m2

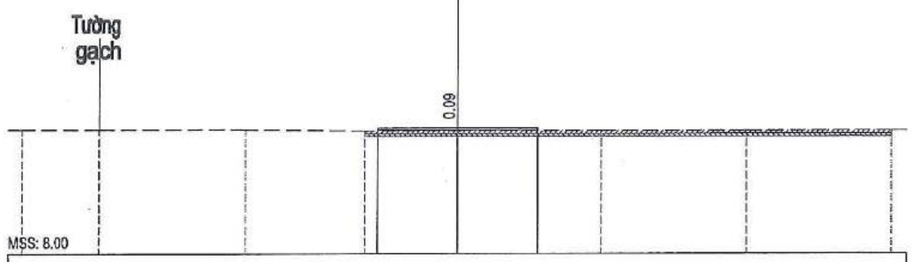


MSS: 8.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 12.29 | 12.29 | 12.29 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 2.75 | 2.75 |
| Cao độ tự nhiên | 12.24 | 12.24 | 12.24 | 12.20 | 12.20 | 12.20 | 12.20 | 12.20 |
| Khoảng cách mia | 2.69 | 5.00 | 4.12 | 3.19 | 5.00 | 5.00 | 5.00 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08.1.APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

Cọc: 28
KM0+818.00

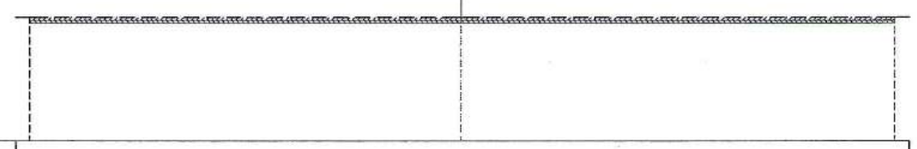

MSS: 8.00

| | | | |
|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | | | |
| Cao độ tự nhiên | 12.23 | 12.23 | 12.23 |
| Khoảng cách mia | 15.00 | 15.00 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 3

TỶ LỆ: 1:200
SỐ HIỆU: T3-TN-17
HOÀN THÀNH
NĂM 2026

Bảng tổng hợp khối lượng : Tuyến 3

| Tên cọc | K.Cách lẻ | Diện tích: B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh | Khối lượng: B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | | | | | | | | | | | | |
| | 0.00 | | | | | | | | | | | | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | | | | | | | | | | | | |
| | 0.00 | | | | | | | | | | | | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 3 | | 3.22 | 0.00 | 1.74 | 3.04 | 0.48 | 0.64 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.20 | 2.09 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 16.45 | | | | | | | | | | | | | 45.16 | 0.00 | 28.62 | 41.78 | 6.74 | 8.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 17.44 | 34.96 | 2.96 |
| 4 | | 2.27 | 0.00 | 1.74 | 2.04 | 0.34 | 0.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.92 | 2.16 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 16.45 | | | | | | | | | | | | | 42.77 | 0.00 | 28.62 | 32.74 | 6.42 | 8.55 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.78 | 35.45 | 2.96 |
| 5 | | 2.93 | 0.00 | 1.74 | 1.94 | 0.44 | 0.59 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.12 | 2.15 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 17.25 | | | | | | | | | | | | | 47.52 | 0.00 | 30.02 | 37.35 | 7.16 | 9.57 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 18.37 | 36.83 | 3.11 |
| D1 | | 2.58 | 0.00 | 1.74 | 2.39 | 0.39 | 0.52 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.01 | 2.12 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 18.04 | | | | | | | | | | | | | 49.79 | 0.00 | 31.39 | 46.81 | 7.49 | 10.01 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 18.67 | 37.61 | 3.25 |
| D2 | | 2.94 | 0.00 | 1.74 | 2.80 | 0.44 | 0.59 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.06 | 2.05 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.08 | | | | | | | | | | | | | 39.37 | 0.00 | 22.76 | 37.21 | 5.89 | 7.91 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.73 | 26.09 | 2.22 |
| 6 | | 3.08 | 0.00 | 1.74 | 2.89 | 0.46 | 0.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.04 | 1.94 | 0.16 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.08 | | | | | | | | | | | | | 42.77 | 0.00 | 22.76 | 46.96 | 6.41 | 8.57 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.30 | 23.81 | 1.96 |
| D3 | | 3.46 | 0.00 | 1.74 | 4.29 | 0.52 | 0.69 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.84 | 1.70 | 0.14 | | | | | | | | | | | | |
| | 18.58 | | | | | | | | | | | | | 38.28 | 24.04 | 32.29 | 39.81 | 5.75 | 7.61 | 46.31 | 0.46 | 0.00 | 9.93 | 31.92 | 2.51 |
| 7 | | 0.66 | 2.59 | 1.74 | 0.00 | 0.10 | 0.13 | 4.99 | 0.05 | 0.00 | 0.23 | 1.74 | 0.13 | | | | | | | | | | | | |
| | 18.43 | | | | | | | | | | | | | 12.16 | 47.09 | 32.07 | 2.12 | 1.84 | 2.40 | 91.32 | 0.55 | 0.09 | 4.33 | 33.27 | 2.49 |
| 8 | | 0.66 | 2.52 | 1.74 | 0.23 | 0.10 | 0.13 | 4.92 | 0.01 | 0.01 | 0.24 | 1.87 | 0.14 | | | | | | | | | | | | |
| | 19.43 | | | | | | | | | | | | | 17.69 | 47.09 | 32.07 | 2.12 | 2.67 | 3.50 | 96.85 | 0.83 | 0.09 | 6.45 | 35.29 | 2.67 |
| D4 | | 1.26 | 2.59 | 1.74 | 0.00 | 0.19 | 0.25 | 5.59 | 0.08 | 0.00 | 0.46 | 1.86 | 0.15 | | | | | | | | | | | | |
| | 20.93 | | | | | | | | | | | | | 19.46 | 49.29 | 36.42 | 11.09 | 2.93 | 3.87 | 105.17 | 0.94 | 0.00 | 7.12 | 41.65 | 3.45 |
| D5 | | 0.60 | 2.12 | 1.74 | 1.06 | 0.09 | 0.12 | 4.46 | 0.01 | 0.00 | 0.22 | 2.02 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 16.23 | | | | | | | | | | | | | 9.74 | 35.87 | 28.24 | 13.39 | 1.46 | 1.95 | 73.85 | 0.65 | 0.00 | 3.41 | 32.46 | 2.92 |
| D6 | | 0.60 | 2.30 | 1.74 | 0.59 | 0.09 | 0.12 | 4.64 | 0.07 | 0.00 | 0.20 | 1.98 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 9.39 | | | | | | | | | | | | | 7.14 | 22.54 | 16.34 | 3.90 | 1.08 | 1.41 | 46.01 | 0.52 | 0.00 | 2.49 | 19.20 | 1.69 |
| D7 | | 0.92 | 2.50 | 1.74 | 0.24 | 0.14 | 0.18 | 5.16 | 0.04 | 0.00 | 0.33 | 2.11 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 20.97 | | | | | | | | | | | | | 15.94 | 43.83 | 36.49 | 11.32 | 2.41 | 3.15 | 96.25 | 0.52 | 0.00 | 5.66 | 43.51 | 3.77 |
| 9 | | 0.60 | 1.68 | 1.74 | 0.84 | 0.09 | 0.12 | 4.02 | 0.01 | 0.00 | 0.21 | 2.04 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 16.27 | | | | | | | | | | | | | 23.27 | 13.67 | 28.31 | 27.41 | 3.50 | 4.64 | 32.70 | 0.08 | 0.00 | 7.40 | 31.97 | 2.93 |
| D8 | | 2.26 | 0.00 | 1.74 | 2.53 | 0.34 | 0.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.70 | 1.89 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 1.79 | | | | | | | | | | | | | 4.00 | 0.00 | 3.11 | 5.22 | 0.60 | 0.80 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.27 | 3.38 | 0.32 |
| 10 | | 2.21 | 0.00 | 1.74 | 3.30 | 0.33 | 0.44 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 1.89 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 5.86 | | | | | | | | | | | | | 12.86 | 0.00 | 10.20 | 21.15 | 1.93 | 2.58 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.22 | 11.10 | 1.05 |
| 11 | | 2.18 | 0.00 | 1.74 | 3.92 | 0.33 | 0.44 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 1.90 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 5.88 | | | | | | | | | | | | | 15.14 | 0.00 | 10.23 | 19.73 | 2.29 | 3.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.00 | 10.67 | 1.06 |
| D9 | | 2.97 | 0.00 | 1.74 | 2.79 | 0.45 | 0.59 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.98 | 1.73 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 7.35 | | | | | | | | | | | | | 23.37 | 0.00 | 12.79 | 18.78 | 3.53 | 4.67 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 8.49 | 12.64 | 1.32 |
| D10 | | 3.39 | 0.00 | 1.74 | 2.32 | 0.51 | 0.68 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.33 | 1.71 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 12.31 | | | | | | | | | | | | | 35.76 | 0.00 | 21.42 | 26.77 | 5.35 | 7.14 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 14.46 | 24.74 | 2.22 |
| 12 | | 2.42 | 0.00 | 1.74 | 2.03 | 0.36 | 0.48 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.02 | 2.31 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 12.31 | | | | | | | | | | | | | 28.81 | 0.00 | 21.42 | 26.59 | 4.31 | 5.72 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.69 | 27.76 | 2.22 |
| D11 | | 2.26 | 0.00 | 1.74 | 2.29 | 0.34 | 0.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.88 | 2.20 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 10.20 | | | | | | | | | | | | | 23.72 | 0.00 | 17.75 | 25.25 | 3.57 | 4.74 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.59 | 22.13 | 1.84 |
| D12 | | 2.39 | 0.00 | 1.74 | 2.66 | 0.36 | 0.48 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.00 | 2.14 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 11.62 | | | | | | | | | | | | | 32.25 | 0.00 | 20.22 | 34.86 | 4.82 | 6.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.25 | 24.05 | 2.09 |
| D13 | | 3.16 | 0.00 | 1.74 | 3.34 | 0.47 | 0.63 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.28 | 2.00 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 8.10 | | | | | | | | | | | | | 22.76 | 0.00 | 14.09 | 13.53 | 3.40 | 4.54 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 7.98 | 15.51 | 1.46 |
| D14 | | 2.46 | 0.00 | 1.74 | 0.00 | 0.37 | 0.49 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.69 | 1.83 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 7.38 | | | | | | | | | | | | | 30.15 | 0.00 | 12.84 | 24.98 | 4.54 | 6.01 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.37 | 14.10 | 1.33 |
| D15 | | 5.71 | 0.00 | 1.74 | 6.77 | 0.86 | 1.14 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.85 | 1.99 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 7.86 | | | | | | | | | | | | | 38.95 | 0.00 | 13.68 | 49.83 | 5.86 | 7.78 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.81 | 15.44 | 1.41 |
| D16 | | 4.20 | 0.00 | 1.74 | 5.91 | 0.63 | 0.84 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.41 | 1.94 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 17.76 | | | | | | | | | | | | | 101.76 | 0.00 | 30.90 | 132.40 | 15.27 | 20.34 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 29.84 | 33.74 | 3.20 |
| 13 | | 7.26 | 0.00 | 1.74 | 9.00 | 1.09 | 1.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.95 | 1.86 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 17.76 | | | | | | | | | | | | | 91.64 | 0.00 | 30.90 | 115.88 | 13.76 | 18.29 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 27.71 | 35.16 | 3.20 |
| D17 | | 3.06 | 0.00 | 1.74 | 4.05 | 0.46 | 0.61 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.17 | 2.10 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 11.38 | | | | | | | | | | | | | 40.29 | 0.00 | 19.80 | 38.69 | 6.03 | 8.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.63 | 22.93 | 2.11 |
| 14 | | 4.02 | 0.00 | 1.74 | 2.75 | 0.60 | 0.80 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.93 | 0.19 | | | | | | | | | | | | |
| | 11.38 | | | | | | | | | | | | | 49.28 | 0.00 | 19.80 | 36.25 | 7.40 | 9.84 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 17.01 | 23.95 | 2.16 |
| D18 | | 4.64 | 0.00 | 1.74 | 3.62 | 0.70 | 0.93 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.94 | 2.28 | 0.19 | | | | | | | | | | | | |
| | 10.19 | | | | | | | | | | | | | 38.37 | 0.00 | 17.73 | 30.32 | 5.76 | 7.69 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.79 | 22.52 | 1.94 |
| D19 | | 2.89 | 0.00 | 1.74 | 2.33 | 0.43 | 0.58 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.16 | 2.14 | 0.19 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.11 | | | | | | | | | | | | | 40.58 | 0.00 | 22.81 | 31.14 | 6.10 | 8.13 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.72 | 28.84 | 2.43 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 273/QĐ-UBND
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ANPEX
THẨM TRA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
Theo văn bản thẩm tra số: 05.CS/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Đã thẩm định bổ sung:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
BẢNG KHỐI LƯỢNG XUẤT: TUYẾN 3

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:1000 | SỐ HIỆU: T3-KL-01 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

Bảng tổng hợp khối lượng : Tuyến 3

| Tên cọc | K.Cách lẻ | Diện tích | | | | | | | | | | | | Khối lượng | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh | B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh |
| 15 | | 3.30 | 0.00 | 1.74 | 2.42 | 0.50 | 0.66 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.39 | 2.26 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.11 | | | | | | | | | | | | | 30.74 | 17.04 | 22.81 | 19.80 | 4.65 | 6.16 | 37.56 | 0.59 | 0.00 | 12.19 | 27.60 | 2.36 |
| D20 | | 1.39 | 2.60 | 1.74 | 0.60 | 0.21 | 0.28 | 5.73 | 0.09 | 0.00 | 0.47 | 1.95 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 20.23 | | | | | | | | | | | | | 22.86 | 45.11 | 35.20 | 13.86 | 3.44 | 4.55 | 103.17 | 1.72 | 0.00 | 7.59 | 38.03 | 3.64 |
| D21 | | 0.87 | 1.86 | 1.74 | 0.77 | 0.13 | 0.17 | 4.47 | 0.08 | 0.00 | 0.28 | 1.81 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 9.93 | | | | | | | | | | | | | 7.94 | 21.00 | 17.28 | 4.32 | 1.19 | 1.59 | 46.22 | 0.45 | 0.05 | 2.38 | 18.87 | 1.84 |
| D22 | | 0.73 | 2.37 | 1.74 | 0.10 | 0.11 | 0.15 | 4.84 | 0.01 | 0.01 | 0.20 | 1.99 | 0.19 | | | | | | | | | | | | |
| | 18.88 | | | | | | | | | | | | | 11.61 | 46.73 | 32.85 | 0.94 | 1.70 | 2.36 | 91.19 | 0.57 | 0.09 | 2.93 | 38.04 | 3.49 |
| D23 | | 0.50 | 2.58 | 1.74 | 0.00 | 0.07 | 0.10 | 4.82 | 0.05 | 0.00 | 0.11 | 2.04 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 10.55 | | | | | | | | | | | | | 6.01 | 28.43 | 18.36 | 0.00 | 0.90 | 1.21 | 52.80 | 0.63 | 0.00 | 1.11 | 21.82 | 1.85 |
| 16 | | 0.64 | 2.81 | 1.74 | 0.00 | 0.10 | 0.13 | 5.19 | 0.07 | 0.00 | 0.10 | 2.04 | 0.17 | | | | | | | | | | | | |
| | 10.55 | | | | | | | | | | | | | 6.54 | 29.22 | 18.36 | 5.54 | 1.00 | 1.32 | 54.12 | 0.95 | 0.00 | 1.53 | 19.83 | 1.74 |
| D24 | | 0.60 | 2.73 | 1.74 | 1.05 | 0.09 | 0.12 | 5.07 | 0.11 | 0.00 | 0.19 | 1.72 | 0.16 | | | | | | | | | | | | |
| | 5.90 | | | | | | | | | | | | | 3.69 | 15.99 | 10.27 | 5.02 | 0.56 | 0.74 | 29.94 | 0.59 | 0.00 | 1.18 | 10.56 | 0.94 |
| D25 | | 0.65 | 2.69 | 1.74 | 0.65 | 0.10 | 0.13 | 5.08 | 0.09 | 0.00 | 0.21 | 1.86 | 0.16 | | | | | | | | | | | | |
| | 10.65 | | | | | | | | | | | | | 10.26 | 28.70 | 18.53 | 4.69 | 1.54 | 2.08 | 57.51 | 1.07 | 0.00 | 3.67 | 20.61 | 1.65 |
| D26 | | 1.28 | 2.70 | 1.74 | 0.23 | 0.19 | 0.26 | 5.72 | 0.11 | 0.00 | 0.48 | 2.01 | 0.15 | | | | | | | | | | | | |
| | 18.87 | | | | | | | | | | | | | 18.68 | 41.89 | 32.83 | 9.44 | 2.83 | 3.77 | 93.41 | 1.23 | 0.00 | 6.98 | 37.65 | 2.83 |
| D27 | | 0.70 | 1.74 | 1.74 | 0.77 | 0.11 | 0.14 | 4.18 | 0.02 | 0.00 | 0.26 | 1.98 | 0.15 | | | | | | | | | | | | |
| | 10.86 | | | | | | | | | | | | | 21.23 | 9.45 | 18.90 | 20.36 | 3.20 | 4.24 | 22.70 | 0.11 | 0.00 | 7.00 | 21.29 | 1.63 |
| D28 | | 3.21 | 0.00 | 1.74 | 2.98 | 0.48 | 0.64 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.03 | 1.94 | 0.15 | | | | | | | | | | | | |
| | 9.82 | | | | | | | | | | | | | 38.79 | 0.00 | 17.09 | 35.84 | 5.79 | 7.76 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.42 | 18.76 | 1.47 |
| D29 | | 4.69 | 0.00 | 1.74 | 4.32 | 0.70 | 0.94 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.50 | 1.88 | 0.15 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.88 | | | | | | | | | | | | | 36.16 | 17.84 | 24.15 | 29.98 | 5.41 | 7.22 | 33.52 | 0.21 | 0.00 | 11.66 | 25.96 | 2.08 |
| 17 | | 0.52 | 2.57 | 1.74 | 0.00 | 0.08 | 0.10 | 4.83 | 0.03 | 0.00 | 0.18 | 1.86 | 0.15 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.88 | | | | | | | | | | | | | 8.74 | 35.32 | 24.15 | 0.00 | 1.32 | 1.74 | 68.22 | 0.90 | 0.00 | 2.91 | 24.36 | 1.87 |
| D30 | | 0.74 | 2.52 | 1.74 | 0.00 | 0.11 | 0.15 | 5.00 | 0.10 | 0.00 | 0.24 | 1.65 | 0.12 | | | | | | | | | | | | |
| | 16.64 | | | | | | | | | | | | | 15.06 | 37.61 | 28.95 | 3.41 | 2.25 | 3.00 | 81.62 | 1.08 | 0.00 | 5.32 | 29.62 | 2.16 |
| D31 | | 1.07 | 2.00 | 1.74 | 0.41 | 0.16 | 0.21 | 4.81 | 0.03 | 0.00 | 0.40 | 1.91 | 0.14 | | | | | | | | | | | | |
| | 18.86 | | | | | | | | | | | | | 19.90 | 41.87 | 32.82 | 5.28 | 3.02 | 3.96 | 94.58 | 0.38 | 0.00 | 7.64 | 38.00 | 2.92 |
| D32 | | 1.04 | 2.44 | 1.74 | 0.15 | 0.16 | 0.21 | 5.22 | 0.01 | 0.00 | 0.41 | 2.12 | 0.17 | | | | | | | | | | | | |
| | 17.33 | | | | | | | | | | | | | 14.56 | 36.31 | 30.15 | 11.44 | 2.25 | 2.95 | 81.02 | 0.26 | 0.00 | 5.46 | 36.13 | 3.12 |
| 18 | | 0.64 | 1.75 | 1.74 | 1.17 | 0.10 | 0.13 | 4.13 | 0.02 | 0.00 | 0.22 | 2.05 | 0.19 | | | | | | | | | | | | |
| | 17.33 | | | | | | | | | | | | | 23.83 | 15.16 | 30.15 | 35.09 | 3.64 | 4.77 | 35.79 | 0.17 | 0.00 | 9.18 | 35.87 | 3.21 |
| D33 | | 2.11 | 0.00 | 1.74 | 2.88 | 0.32 | 0.42 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.84 | 2.09 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 0.73 | | | | | | | | | | | | | 1.58 | 0.00 | 1.27 | 2.16 | 0.24 | 0.32 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.64 | 1.53 | 0.13 |
| 19 | | 2.23 | 0.00 | 1.74 | 3.05 | 0.33 | 0.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.92 | 2.10 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 5.58 | | | | | | | | | | | | | 15.21 | 0.00 | 9.71 | 17.02 | 2.26 | 3.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.52 | 11.44 | 1.00 |
| 20 | | 3.22 | 0.00 | 1.74 | 3.05 | 0.48 | 0.64 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.06 | 2.00 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 1.41 | | | | | | | | | | | | | 4.46 | 0.00 | 2.45 | 3.98 | 0.66 | 0.89 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.48 | 2.56 | 0.25 |
| D34 | | 3.10 | 0.00 | 1.74 | 2.59 | 0.46 | 0.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.04 | 2.06 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 15.97 | | | | | | | | | | | | | 49.99 | 0.00 | 27.79 | 42.00 | 7.43 | 9.98 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.25 | 31.38 | 2.87 |
| 21 | | 3.16 | 0.00 | 1.74 | 2.67 | 0.47 | 0.63 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.87 | 1.87 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 15.97 | | | | | | | | | | | | | 50.55 | 0.00 | 27.79 | 41.04 | 7.59 | 10.06 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.65 | 30.82 | 2.87 |
| D35 | | 3.17 | 0.00 | 1.74 | 2.47 | 0.48 | 0.63 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.84 | 1.99 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 15.11 | | | | | | | | | | | | | 49.56 | 0.00 | 26.29 | 37.55 | 7.48 | 9.90 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.75 | 29.24 | 2.72 |
| 22 | | 3.39 | 0.00 | 1.74 | 2.50 | 0.51 | 0.68 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.98 | 1.86 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 15.11 | | | | | | | | | | | | | 34.60 | 18.89 | 26.29 | 18.89 | 5.21 | 6.95 | 41.02 | 0.00 | 0.23 | 10.80 | 29.46 | 2.72 |
| 23 | | 1.19 | 2.50 | 1.74 | 0.00 | 0.18 | 0.24 | 5.43 | 0.00 | 0.03 | 0.45 | 2.02 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.50 | | | | | | | | | | | | | 11.61 | 34.16 | 23.49 | 1.01 | 1.76 | 2.36 | 69.26 | 0.68 | 0.20 | 4.25 | 26.73 | 2.30 |
| 24 | | 0.53 | 2.56 | 1.74 | 0.15 | 0.08 | 0.11 | 4.83 | 0.10 | 0.00 | 0.18 | 1.94 | 0.16 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.50 | | | | | | | | | | | | | 6.55 | 33.89 | 23.49 | 1.01 | 1.01 | 1.35 | 63.92 | 1.01 | 0.00 | 2.30 | 27.54 | 2.23 |
| D36 | | 0.44 | 2.46 | 1.74 | 0.00 | 0.07 | 0.09 | 4.64 | 0.05 | 0.00 | 0.16 | 2.14 | 0.17 | | | | | | | | | | | | |
| | 13.15 | | | | | | | | | | | | | 9.53 | 32.55 | 22.88 | 0.00 | 1.45 | 1.91 | 64.96 | 0.46 | 0.00 | 3.48 | 27.75 | 2.30 |
| D37 | | 1.01 | 2.49 | 1.74 | 0.00 | 0.15 | 0.20 | 5.24 | 0.02 | 0.00 | 0.37 | 2.08 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 12.71 | | | | | | | | | | | | | 12.65 | 32.54 | 22.12 | 0.00 | 1.91 | 2.54 | 67.30 | 0.44 | 0.00 | 4.58 | 25.29 | 2.16 |
| D38 | | 0.98 | 2.63 | 1.74 | 0.00 | 0.15 | 0.20 | 5.35 | 0.05 | 0.00 | 0.35 | 1.90 | 0.16 | | | | | | | | | | | | |
| | 16.68 | | | | | | | | | | | | | 14.68 | 42.45 | 29.02 | 0.00 | 2.25 | 3.00 | 86.15 | 0.83 | 0.00 | 5.25 | 32.28 | 2.75 |
| D39 | | 0.78 | 2.46 | 1.74 | 0.00 | 0.12 | 0.16 | 4.98 | 0.05 | 0.00 | 0.28 | 1.97 | 0.17 | | | | | | | | | | | | |
| | 12.37 | | | | | | | | | | | | | 8.54 | 20.66 | 21.52 | 10.82 | 1.30 | 1.73 | 50.72 | 0.43 | 0.00 | 2.97 | 24.00 | 2.10 |
| 25 | | 0.60 | 0.88 | 1.74 | 1.75 | 0.09 | 0.12 | 3.22 | 0.02 | 0.00 | 0.20 | 1.91 | 0.17 | | | | | | | | | | | | |
| | 12.37 | | | | | | | | | | | | | 7.42 | 17.81 | 21.52 | 17.32 | 1.11 | 1.48 | 46.76 | 0.12 | 0.12 | 2.60 | 24.37 | 2.16 |
| 26 | | 0.60 | 2.00 | 1.74 | 1.05 | 0.09 | 0.12 | 4.34 | 0.00 | 0.02 | 0.22 | 2.03 | 0.18 | | | | | | | | | | | | |
| | 0.00 | | | | | | | | | | | | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 27 | | 0.00 | 5.50 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.50 | 0.10 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | | | | | | | | | | | | |
| | 0.00 | | | | | | | | | | | | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 28 | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | | | | | | | | | | | | |
| | 807.23 | | | | | | | | | | | | Tổng | 1,614.22 | 984.01 | 1,404.58 | 1,403.19 | 242.63 | 322.79 | 2,061.93 | 19.44 | 0.88 | 549.61 | 1,600.11 | 137.63 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TTD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | | BẢNG KHỐI LƯỢNG XUẤT: TUYẾN 3 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | TỶ LỆ: 1:1000 / SỐ HIỆU: T3-KL-02 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | | | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# HẠNG MỤC THOÁT NƯỚC T3

M.S.D.N: 0102617419-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

NỘI BÀI: NĂM 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 143 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 ..08 / APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản 32 / TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP6 — TK: 10.28 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA) — ĐR: 9.40 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH) — ĐG: 9.10 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA)

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m, Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

RANH (TD)
MX-B50

RÃNH TẬN DỤNG
RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3

TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T3-BDTN-01
HOÀN THÀNH — NĂM 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 4 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

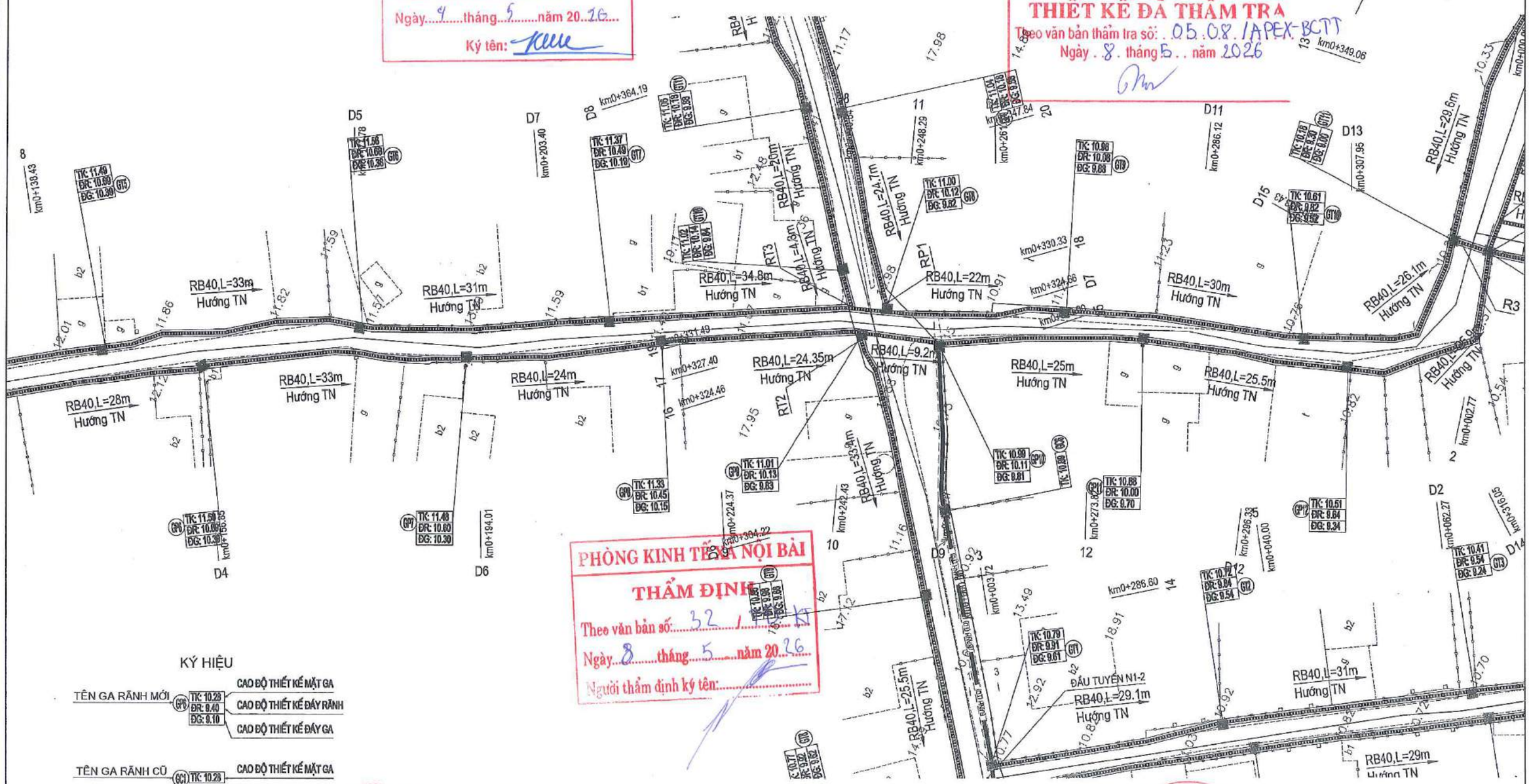


PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — TK: 10.29 / ĐR: 9.40 / ĐG: 9.10
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — TK: 10.28
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC RB40,L=23m Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

RANH (TD)
MX-B50

RÃNH TẬN DỤNG
RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3 | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T3-BDTN-02 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.081.APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

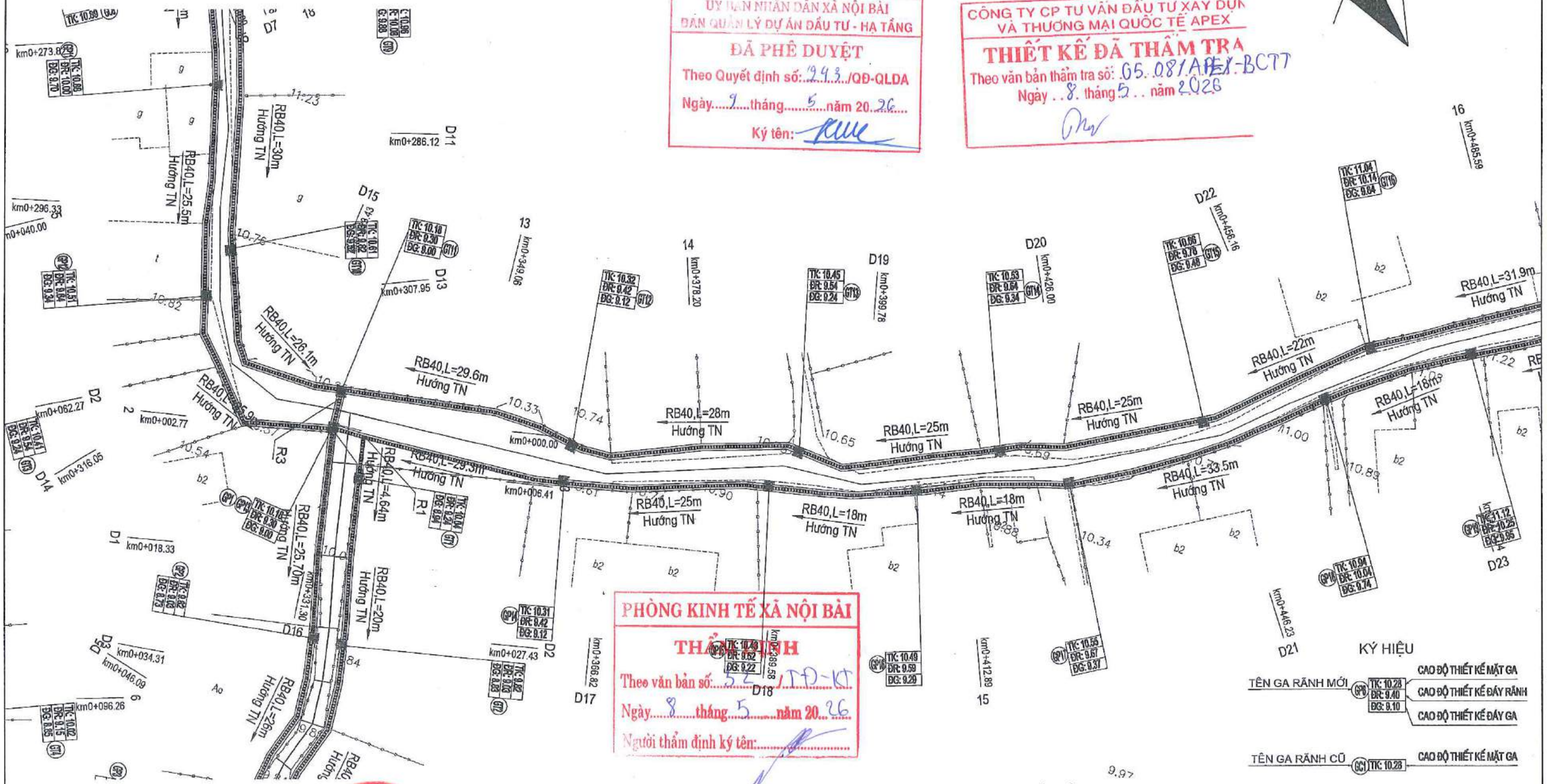


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP10 — TK: 10.28 — ĐR: 9.40 — ĐG: 9.10
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

RANH (TD)
MX-B50
RÃNH TẬN DỤNG
RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
| 1 | | | CHỦ ĐẦU TƯ | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3 |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T3-BDTN-03 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 242 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

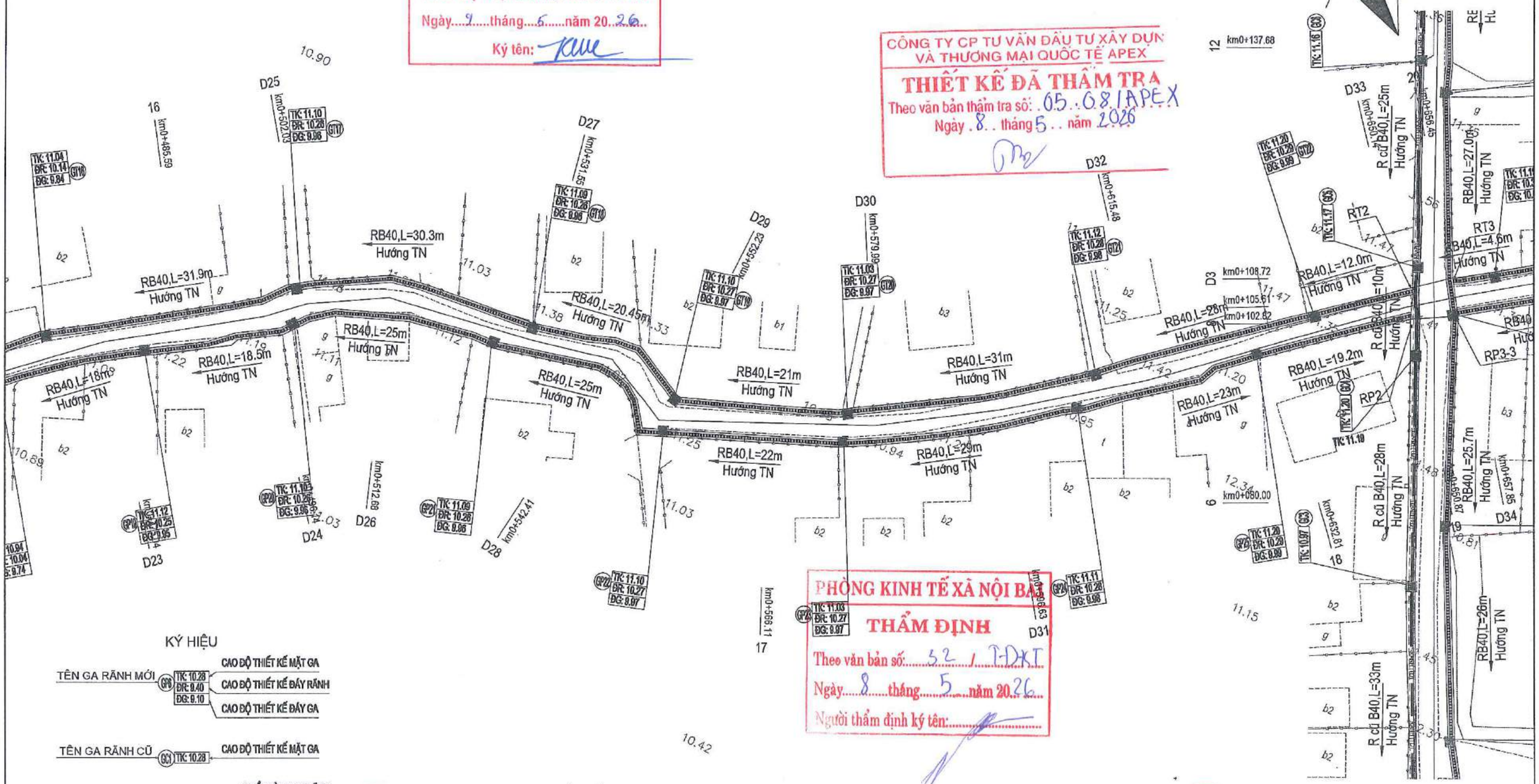


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / T-DKT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T3-BDTN-04 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

CHỦ ĐẦU TƯ — BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT — M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰN
VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

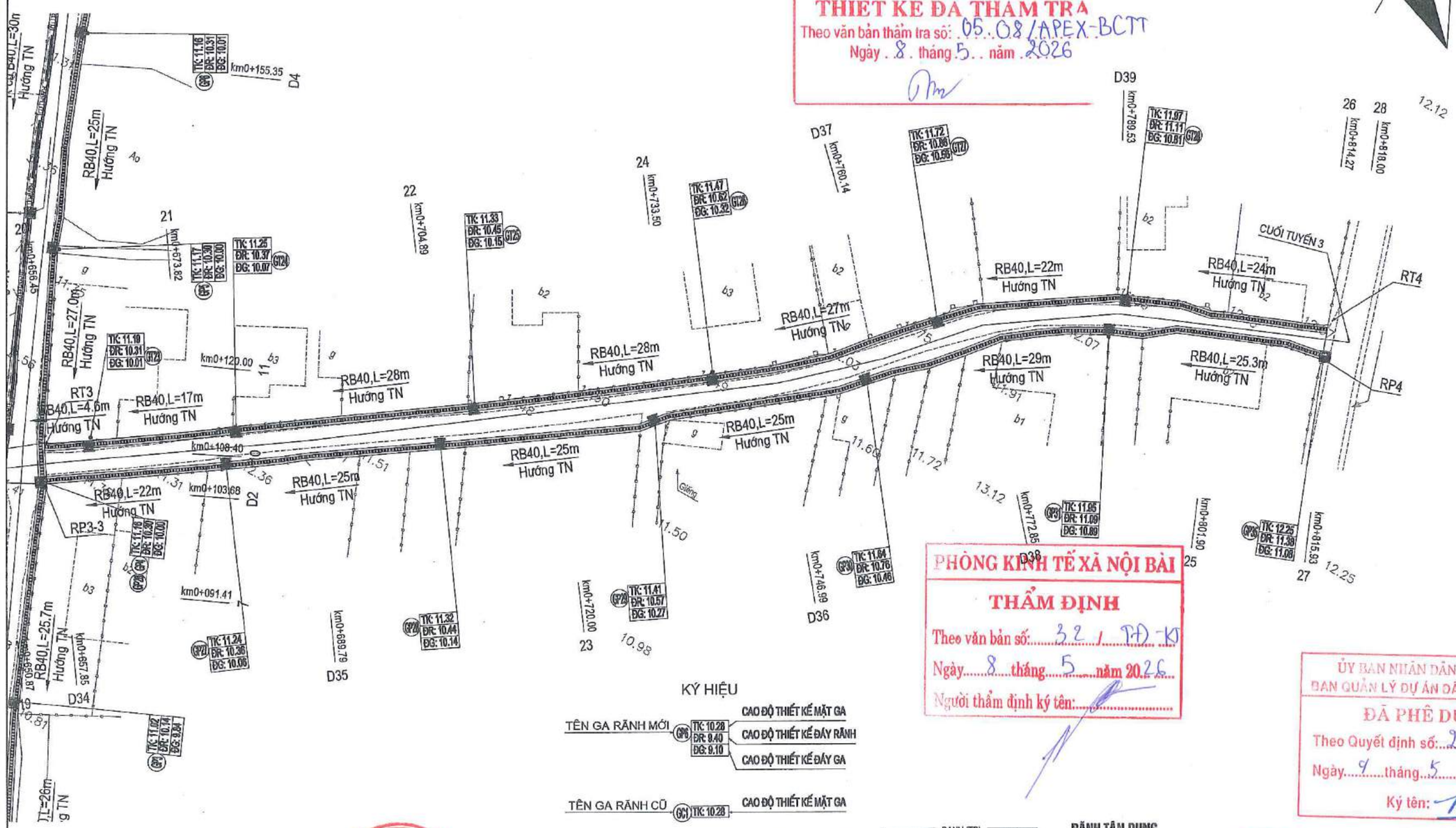


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP6 — TK: 10.28 / ĐR: 9.40 / ĐG: 9.10
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m Hướng TN
- CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

RANH (TD)
MX-Đ50

RÃNH TẬN DỤNG
RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHỦ ĐẦU TƯ TẦNG XÃ NỘI BÀI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 3**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T3-BDTN-05 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3
RÃNH TRÁI ĐOẠN 1

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 7 tháng 5 năm 20 26
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 20 26
Người thẩm định ký tên:

| | |
|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.00% ; 1.00% / 2.56 / 32.93 ; 0.00% / 35.33 ; 0.01% / 102.63 ; 0.60% / 46.43 ; 1.53% / 18.32 ; 0.19% / 31.38 ; 1.10% / 22.67 ; 1.87% / 18.76 ; 1.23% / 13.78 |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 10.37 10.37 10.44 10.53 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.69 10.69 10.69 10.69 10.69 10.59 10.54 10.49 10.41 10.16 10.13 10.12 10.12 10.11 10.09 10.08 10.07 9.93 9.82 9.72 9.61 9.47 9.39 9.30 9.30 |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 11.18 11.18 11.25 11.34 11.50 11.50 11.51 11.51 11.51 11.47 11.42 11.40 11.38 11.40 11.41 11.42 11.50 11.49 11.39 11.34 11.30 11.22 10.97 10.94 10.93 10.93 10.91 10.91 10.89 10.88 10.75 10.63 10.54 10.42 10.28 10.18 10.10 10.10 |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 11.25 11.25 11.32 11.41 11.57 11.57 11.58 11.58 11.58 11.54 11.49 11.47 11.45 11.47 11.48 11.49 11.57 11.56 11.46 11.41 11.37 11.29 11.04 11.01 11.00 11.00 10.98 10.98 10.96 10.95 10.82 10.70 10.61 10.49 10.35 10.25 10.17 10.17 |
| Khoảng cách lẻ | 2.56 7.10 9.36 16.47 7.49 9.85 17.47 0.52 13.00 12.91 8.89 9.46 18.43 6.43 12.18 21.34 0.81 15.39 9.21 7.72 13.30 16.39 1.92 4.50 1.36 5.75 7.29 8.93 3.55 12.45 10.22 5.10 6.27 7.40 6.54 7.21 0.02 1 |
| Lý trình cọc | 0.00 2.56 9.66 19.02 35.49 42.98 52.83 70.30 70.82 83.83 96.73 105.62 115.08 133.51 139.94 152.12 173.45 174.26 189.65 198.86 206.58 219.88 236.27 238.20 242.70 244.06 249.80 257.09 266.02 269.57 282.02 292.24 297.34 303.61 311.01 317.55 324.76 324.78 |
| Tên cọc | RT1 3 GT1 4 5 GT2 D1 D2 GT3 6 D3 GT4 7 8 GT5 D4 D5 GT6 D6 D7 GT7 9 D8 10 GT8 11 D9 D10 GT9 12 D11 D12 GT10 D13 D14 D15 GT11 D16 |
| Hướng thoát nước | |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/1000,1/100 — SỐ HIỆU: TDR-T3-01 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3
RÃNH TRÁI ĐOẠN 1

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 242/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

KM0+644.22

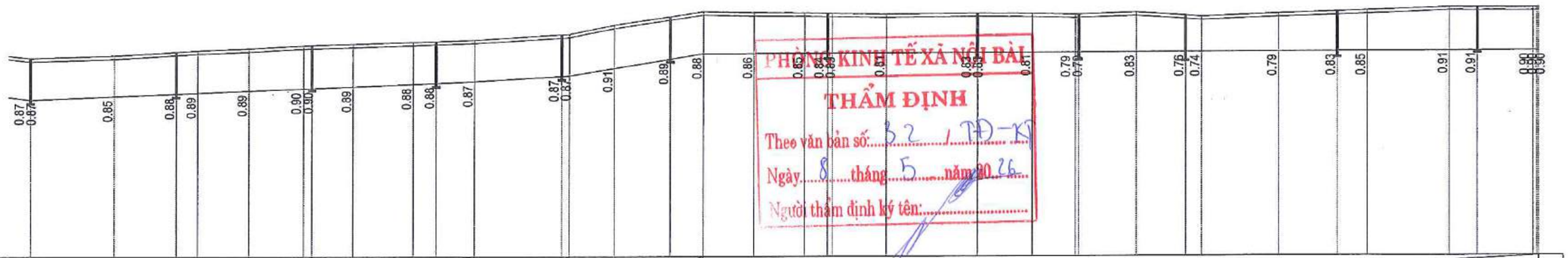

| | |
|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.23%; 0.39% (94.58); 0.60% (19.84); 1.59% (28.91); 0.02% (176.11) |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 9.30 9.30; 9.37; 9.42; 9.44; 9.48; 9.53 9.54; 9.57; 9.62; 9.64; 9.67; 9.78 9.79; 9.94; 10.14; 10.25; 10.25; 10.25; 10.26 10.26; 10.26; 10.26 10.26; 10.27; 10.27 10.27; 10.27; 10.27 10.27; 10.28; 10.28; 10.28; 10.29; 10.29; 10.29 10.29 10.29 |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 10.10 10.10; 10.15; 10.23; 10.26; 10.30; 10.36 10.37; 10.39; 10.43; 10.45; 10.47; 10.58 10.59; 10.78; 10.96; 11.06; 11.04; 11.03; 11.02 11.02; 11.00; 11.02 11.02; 11.01; 10.99 10.99; 11.03; 10.96 10.94; 11.00; 11.04; 11.06; 11.13; 11.13; 11.12 11.12 11.12 |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 10.17 10.17; 10.22; 10.30; 10.33; 10.37; 10.43 10.44; 10.46; 10.50; 10.52; 10.54; 10.65 10.66; 10.85; 11.03; 11.13; 11.11; 11.10; 11.09 11.09; 11.07; 11.09 11.09; 11.08; 11.06 11.06; 11.10; 11.03 11.01; 11.07; 11.11; 11.13; 11.20; 11.20; 11.19 11.19 11.19 |
| Khoảng cách lẻ | .21; 0.92; 17.90; 13.00; 4.66; 11.10; 11.73; 1.82; 8.59; 12.75; 4.98; 8.04; 18.28; 1.56; 9.72; 12.04; 7.15; 10.68; 10.41; 4.98; 1.09; 11.34; 19.20; 0.09; 11.64; 9.36; 0.69; 11.94; 10.38; 3.41; 16.42; 12.49; 6.23; 17.23; 5.87; 11.54; 0.34 |
| Lý trình cọc | 324.76 324.78; 342.68; 355.68; 360.34; 371.44; 383.18 385.00; 393.59; 406.34; 411.32; 419.36; 437.64 439.20; 448.92; 460.96; 468.11; 478.79; 489.20; 494.18 495.27; 506.60; 525.80 525.89; 537.52; 546.88 547.57; 559.51; 569.89 573.30; 589.72; 602.21; 608.44; 625.66; 631.53; 643.07 643.36 644.22 |
| Tên cọc | GT11 D16; 13; GT12; D17; 14; D18; GT13; D19; 15; GT14; D20; GT15; D21; D22; GT16; D23; 16; D24; GT17; D25; D26; GT18; D27; D28; GT19; D29; 17; GT20; D30; D31; GT21; D32; 18; GT22; 19; D32 |
| Hướng thoát nước | |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000,1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T3-02 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3
RÃNH TRÁI ĐOẠN 2

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCT7
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

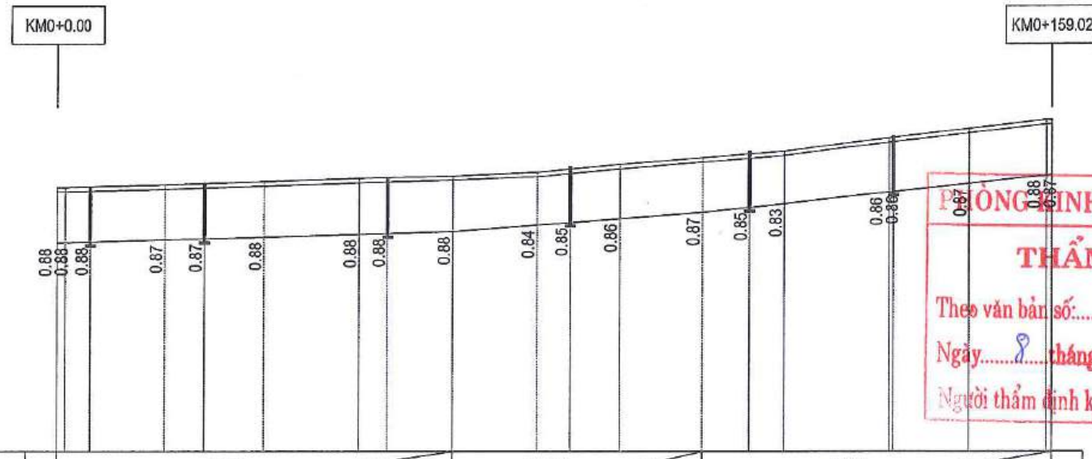


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.28% / 63.31 | 0.75% / 39.89 | 1.07% / 55.83 |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 10.30 10.30 10.31 10.35 10.37 10.39 10.44 10.45 10.48 | 10.58 10.62 10.68 10.76 10.86 10.92 | 11.10 11.11 11.24 11.37 11.38 |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 11.11 11.11 11.12 11.15 11.17 11.20 11.25 11.26 11.29 | 11.35 11.40 11.47 11.58 11.64 11.68 | 11.89 11.90 12.04 12.18 12.18 |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 11.18 11.18 11.19 11.22 11.24 11.27 11.32 11.33 11.36 | 11.42 11.47 11.54 11.65 11.71 11.75 | 11.96 11.97 12.11 12.25 12.25 |
| Khoảng cách lẻ | 1.20 4.06 11.93 6.39 9.55 15.08 4.70 10.41 13.50 | 5.42 7.99 12.98 7.34 5.51 17.14 | 0.87 11.97 12.37 0.32 |
| Lý trình cọc | 0.00 1.20 5.26 17.19 23.58 33.13 48.20 52.90 63.31 | 76.80 82.22 90.21 103.20 110.54 116.05 | 133.19 133.86 145.83 158.21 159.02 |
| Tên cọc | RT3 GT23 D34 21 GT24 D35 22 GT25 23 | 24 GT26 D36 D37 GT27 D38 | GT28 D39 25 26 RT4 |
| Hướng thoát nước | ←□ ←□ ←□ | ←□ ←□ ←□ | ←□ |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000,1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T3-03 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 20 26
Ký tên:

# TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3
## RÃNH PHẢI ĐOẠN 1

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 20 26
Người thẩm định ký tên:

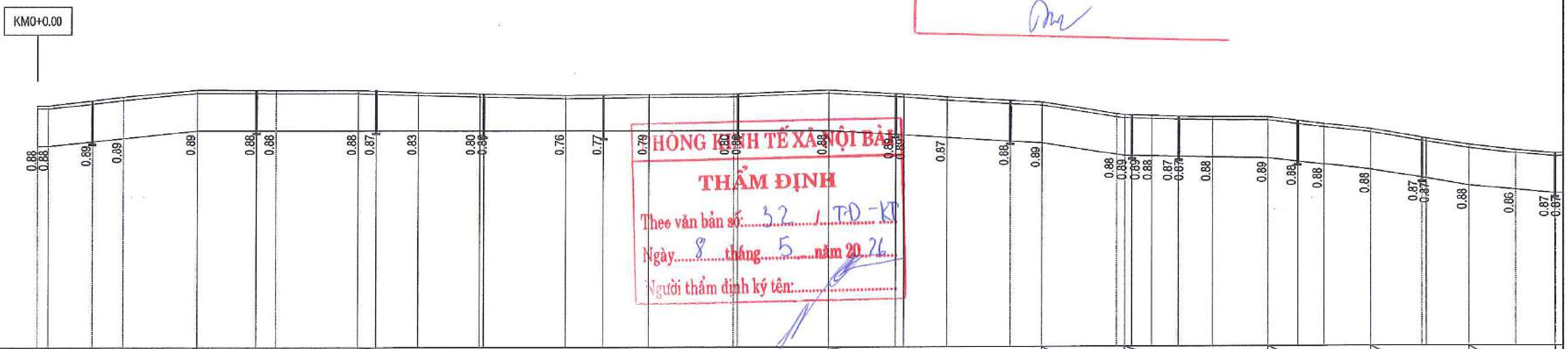


| Hạng mục | Giá trị |
|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.00% ; 1.00% (2.30, 32.94) ; 0.00% (35.38) ; 0.01% (102.82) ; 0.60% (46.72) ; 1.57% (17.85) ; 0.19% (31.53) ; 1.12% (22.33) ; 1.66% (21.08) ; 0.90% (18.87) |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 10.37 10.37 10.47 10.54 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.70 10.69 10.69 10.69 10.69 10.69 10.60 10.59 10.54 10.45 10.41 10.16 10.13 10.13 10.12 10.11 10.11 10.09 10.07 10.00 9.93 9.82 9.64 9.62 9.47 9.38 9.30 |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 11.18 11.18 11.29 11.36 11.52 11.51 11.51 11.51 11.49 11.46 11.43 11.43 11.39 11.40 11.41 11.42 11.42 11.50 11.42 11.41 11.34 11.27 11.23 10.97 10.95 10.94 10.93 10.91 10.91 10.90 10.89 10.81 10.74 10.63 10.44 10.42 10.28 10.17 10.10 |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 11.25 11.25 11.36 11.43 11.59 11.58 11.58 11.58 11.56 11.53 11.50 11.50 11.46 11.47 11.48 11.49 11.49 11.57 11.49 11.48 11.41 11.34 11.30 11.04 11.02 11.01 11.00 10.98 10.98 10.97 10.96 10.88 10.81 10.70 10.51 10.49 10.35 10.24 10.17 |
| Khoảng cách lẻ | 2.30 9.66 6.81 16.46 13.05 4.22 18.11 3.99 9.22 13.26 0.84 17.89 8.43 10.00 18.37 0.95 19.87 14.45 1.81 9.51 14.00 6.95 16.16 1.69 [illegible] 4.35 5.87 0.14 7.40 12.25 6.53 5.66 10.15 11.01 0.90 9.16 10.20 8.56 0.11 |
| Lý trình cọc | 0.00 2.30 11.96 18.77 35.23 48.28 52.50 70.61 74.60 83.82 97.08 97.92 115.81 124.24 134.24 152.61 153.56 173.43 187.88 189.69 199.20 213.20 220.15 236.31 238.00 239.52 243.87 249.74 249.88 257.29 269.53 276.06 281.72 291.87 302.88 303.78 312.94 323.14 331.70 |
| Tên cọc | RP1 3 GP1 4 5 GP2 D1 D2 GP3 6 D3 GP4 7 GP5 8 GP6 D4 D5 GP7 D6 D7 GP8 9 10 D8 GP9 11 D9 GP10 D10 12 GP11 D11 D12 GP12 D13 D14 D15 [illegible] [illegible] |
| Hướng thoát nước | |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T3-04 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3
RÃNH PHẢI ĐOẠN 1

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 : 68/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

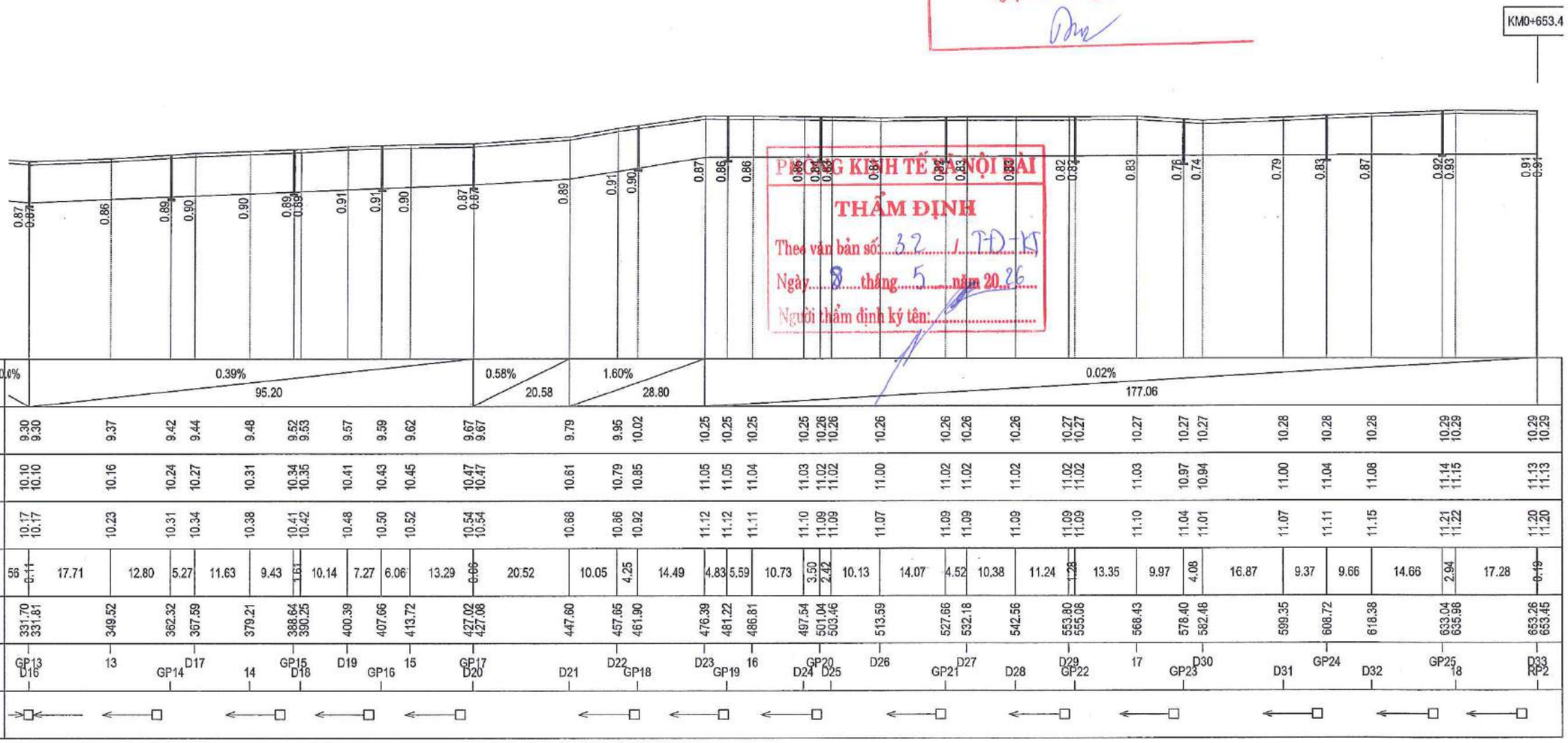


| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T3-05 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3
RÃNH PHẢI ĐOẠN 2

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.:08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

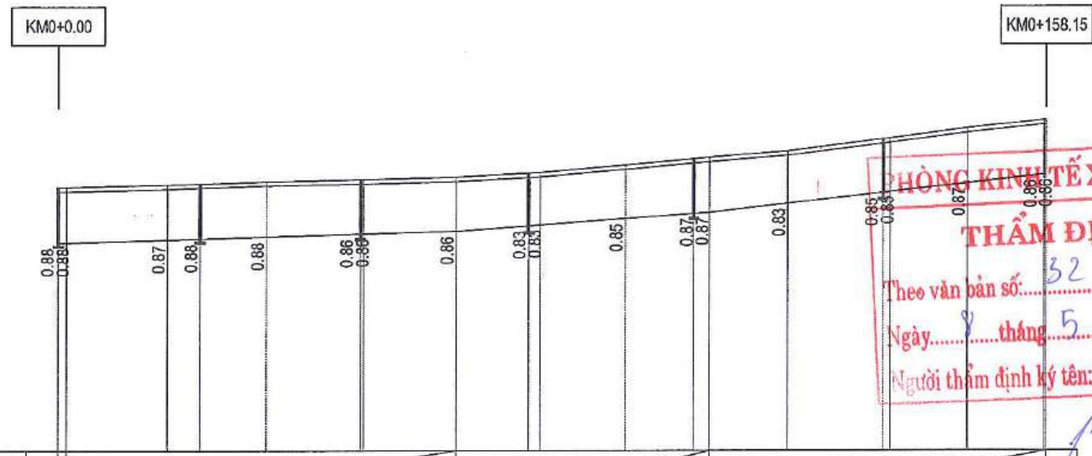


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / PD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.00% | 1.36 | 0.29% | 62.22 | 0.74% | 40.60 | 1.11% | 53.97 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 10.30 | 10.30 | 10.35 | 10.36 | 10.39 | 10.44 | 10.44 | 10.48 | 10.57 | 10.58 | 10.68 | 10.76 | 10.78 | 10.92 | 11.09 | 11.10 | 11.24 | 11.38 | 11.38 | | | | | | |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 11.11 | 11.11 | 11.15 | 11.17 | 11.20 | 11.23 | 11.23 | 11.27 | 11.33 | 11.34 | 11.46 | 11.56 | 11.58 | 11.68 | 11.87 | 11.88 | 12.04 | 12.17 | 12.17 | | | | | | |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 11.18 | 11.18 | 11.22 | 11.24 | 11.27 | 11.30 | 11.30 | 11.34 | 11.40 | 11.41 | 11.53 | 11.63 | 11.65 | 11.75 | 11.94 | 11.95 | 12.11 | 12.24 | 12.24 | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ | 1.36 | 15.95 | 5.35 | 10.66 | 15.15 | 0.52 | 14.60 | 11.72 | 1.88 | 13.60 | 10.83 | 2.56 | 12.57 | 15.19 | 1.10 | 12.31 | 12.46 | 0.94 | | | | | | | |
| Lý trình cọc | 0.00 | 1.36 | 17.31 | 22.66 | 33.32 | 48.46 | 48.98 | 63.58 | 75.30 | 77.18 | 90.79 | 101.62 | 104.18 | 116.75 | 131.94 | 133.04 | 145.35 | 157.81 | 158.15 | | | | | | |
| Tên cọc | GP26 D34 | | 21 GP27 | | D35 | GP28 22 | | 23 | GP29 24 | | D36 | D37 GP30 | | D38 | GP31 D39 | | 25 | GP32 26 | | | | | | | |
| Hướng thoát nước | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T3-06 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 3

**BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH B40**

| STT | Tên ga, tên cọc | Khoảng cách lẻ (a) | Cao độ mặt đường | Cao độ mặt rãnh (b) | Cao độ đáy rãnh (c) | Chiều cao rãnh | Chiều cao trung bình (e) | i=a*e |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đoạn 3-1 (Phải tuyến) | | | | | |
| 1 | RP1 | 0.00 | 11.25 | 11.18 | 10.37 | 0.81 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | 3 | 2.30 | 11.25 | 11.18 | 10.37 | 0.81 | 0.81 | 1.86 |
| 3 | GP1 | 9.66 | 11.36 | 11.29 | 10.47 | 0.82 | 0.81 | 7.86 |
| 4 | 4 | 6.81 | 11.43 | 11.36 | 10.54 | 0.82 | 0.82 | 5.57 |
| 5 | 5 | 16.46 | 11.59 | 11.52 | 10.70 | 0.82 | 0.82 | 13.50 |
| 6 | GP2 | 13.05 | 11.58 | 11.51 | 10.70 | 0.81 | 0.82 | 10.65 |
| 7 | D1 | 4.22 | 11.58 | 11.51 | 10.70 | 0.81 | 0.81 | 3.42 |
| 8 | D2 | 18.11 | 11.58 | 11.51 | 10.70 | 0.81 | 0.81 | 14.67 |
| 9 | GP3 | 3.99 | 11.56 | 11.49 | 10.70 | 0.79 | 0.80 | 3.20 |
| 10 | 6 | 9.22 | 11.53 | 11.46 | 10.70 | 0.76 | 0.78 | 7.17 |
| 11 | D3 | 13.26 | 11.50 | 11.43 | 10.70 | 0.73 | 0.75 | 9.88 |
| 12 | GP4 | 0.84 | 11.50 | 11.43 | 10.70 | 0.73 | 0.73 | 0.61 |
| 13 | 7 | 17.89 | 11.46 | 11.39 | 10.70 | 0.69 | 0.71 | 12.69 |
| 14 | GP5 | 8.43 | 11.47 | 11.40 | 10.69 | 0.71 | 0.70 | 5.89 |
| 15 | 8 | 10.00 | 11.48 | 11.41 | 10.69 | 0.72 | 0.71 | 7.15 |
| 16 | D4 | 18.37 | 11.49 | 11.42 | 10.69 | 0.73 | 0.73 | 13.32 |
| 17 | GP6 | 0.95 | 11.49 | 11.42 | 10.69 | 0.73 | 0.73 | 0.69 |
| 18 | D5 | 19.87 | 11.57 | 11.50 | 10.69 | 0.81 | 0.77 | 15.33 |
| 19 | GP7 | 14.45 | 11.49 | 11.42 | 10.60 | 0.82 | 0.82 | 11.78 |
| 20 | D6 | 1.81 | 11.48 | 11.41 | 10.59 | 0.82 | 0.82 | 1.49 |
| 21 | D7 | 9.51 | 11.41 | 11.34 | 10.54 | 0.80 | 0.81 | 7.70 |
| 22 | GP8 | 14.00 | 11.34 | 11.27 | 10.45 | 0.82 | 0.81 | 11.31 |
| 23 | 9 | 6.95 | 11.30 | 11.23 | 10.41 | 0.82 | 0.82 | 5.68 |
| 24 | D8 | 16.16 | 11.04 | 10.97 | 10.16 | 0.81 | 0.82 | 13.17 |
| 25 | 10 | 1.69 | 11.02 | 10.95 | 10.13 | 0.82 | 0.81 | 1.38 |
| 26 | GP9 | 1.52 | 11.01 | 10.94 | 10.13 | 0.81 | 0.82 | 1.24 |
| 27 | 11 | 4.35 | 11.00 | 10.93 | 10.12 | 0.81 | 0.81 | 3.53 |
| 28 | GP10 | 5.87 | 10.98 | 10.91 | 10.11 | 0.80 | 0.81 | 4.73 |
| 29 | D9 | 0.14 | 10.98 | 10.91 | 10.11 | 0.80 | 0.80 | 0.11 |
| 30 | D10 | 7.40 | 10.97 | 10.90 | 10.09 | 0.81 | 0.81 | 5.95 |
| 31 | 12 | 12.25 | 10.96 | 10.89 | 10.07 | 0.82 | 0.82 | 9.98 |
| 32 | GP11 | 6.53 | 10.88 | 10.81 | 10.00 | 0.81 | 0.81 | 5.32 |
| 33 | D11 | 5.66 | 10.81 | 10.74 | 9.93 | 0.81 | 0.81 | 4.58 |
| 34 | D12 | 10.15 | 10.70 | 10.63 | 9.82 | 0.81 | 0.81 | 8.22 |
| 35 | GP12 | 11.01 | 10.51 | 10.44 | 9.64 | 0.80 | 0.80 | 8.84 |
| 36 | D13 | 0.90 | 10.49 | 10.42 | 9.62 | 0.80 | 0.80 | 0.72 |
| 37 | D14 | 9.16 | 10.35 | 10.28 | 9.47 | 0.81 | 0.81 | 7.37 |
| 38 | D15 | 10.20 | 10.24 | 10.17 | 9.38 | 0.79 | 0.80 | 8.16 |
| 39 | GP13 | 8.56 | 10.17 | 10.10 | 9.30 | 0.80 | 0.80 | 6.81 |
| 40 | D16 | 0.11 | 10.17 | 10.10 | 9.30 | 0.80 | 0.80 | 0.09 |
| 41 | 13 | 17.71 | 10.23 | 10.16 | 9.37 | 0.79 | 0.80 | 14.08 |
| 42 | GP14 | 12.80 | 10.31 | 10.24 | 9.42 | 0.82 | 0.80 | 10.29 |
| 43 | D17 | 5.27 | 10.34 | 10.27 | 9.44 | 0.83 | 0.82 | 4.34 |
| 44 | 14 | 11.63 | 10.38 | 10.31 | 9.48 | 0.83 | 0.83 | 9.65 |
| 45 | GP15 | 9.43 | 10.41 | 10.34 | 9.52 | 0.82 | 0.83 | 7.80 |
| 46 | D18 | 1.61 | 10.42 | 10.35 | 9.53 | 0.82 | 0.82 | 1.32 |
| 47 | D19 | 10.14 | 10.48 | 10.41 | 9.57 | 0.84 | 0.83 | 8.42 |
| 48 | GP16 | 7.27 | 10.50 | 10.43 | 9.59 | 0.84 | 0.84 | 6.12 |
| 49 | 15 | 6.06 | 10.52 | 10.45 | 9.62 | 0.83 | 0.84 | 5.07 |
| 50 | D20 | 13.29 | 10.54 | 10.47 | 9.67 | 0.80 | 0.82 | 10.83 |
| 51 | GP17 | 0.06 | 10.54 | 10.47 | 9.67 | 0.80 | 0.80 | 0.05 |
| 52 | D21 | 20.52 | 10.68 | 10.61 | 9.79 | 0.82 | 0.81 | 16.62 |
| 53 | D22 | 10.05 | 10.86 | 10.79 | 9.95 | 0.84 | 0.83 | 8.34 |
| 54 | GP18 | 4.25 | 10.92 | 10.85 | 10.02 | 0.83 | 0.83 | 3.55 |
| 55 | D23 | 14.49 | 11.12 | 11.05 | 10.25 | 0.80 | 0.81 | 11.80 |
| 56 | GP19 | 4.83 | 11.12 | 11.05 | 10.25 | 0.80 | 0.80 | 3.85 |
| 57 | 16 | 5.59 | 11.11 | 11.04 | 10.25 | 0.79 | 0.79 | 4.43 |
| 58 | D24 | 10.73 | 11.10 | 11.03 | 10.25 | 0.78 | 0.78 | 8.42 |
| 59 | GP20 | 3.50 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.77 | 2.70 |
| 60 | D25 | 2.42 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.76 | 1.84 |
| 61 | D26 | 10.13 | 11.07 | 11.00 | 10.26 | 0.74 | 0.75 | 7.60 |
| 62 | GP21 | 14.07 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.75 | 10.52 |
| 63 | D27 | 4.52 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.76 | 3.42 |
| 64 | D28 | 10.38 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.76 | 7.89 |
| 65 | D29 | 11.24 | 11.09 | 11.02 | 10.27 | 0.75 | 0.76 | 8.49 |
| 66 | GP22 | 1.28 | 11.09 | 11.02 | 10.27 | 0.75 | 0.75 | 0.96 |
| 67 | 17 | 13.35 | 11.10 | 11.03 | 10.27 | 0.76 | 0.76 | 10.08 |
| 68 | GP23 | 9.97 | 11.04 | 10.97 | 10.27 | 0.70 | 0.73 | 7.26 |
| 69 | D30 | 4.08 | 11.01 | 10.94 | 10.27 | 0.67 | 0.68 | 2.79 |
| 70 | D31 | 16.87 | 11.07 | 11.00 | 10.28 | 0.72 | 0.70 | 11.73 |
| 71 | GP24 | 9.37 | 11.11 | 11.04 | 10.28 | 0.76 | 0.74 | 6.93 |
| 72 | D32 | 9.66 | 11.15 | 11.08 | 10.28 | 0.80 | 0.78 | 7.53 |
| 73 | GP25 | 14.66 | 11.21 | 11.14 | 10.29 | 0.85 | 0.82 | 12.08 |
| 74 | 18 | 2.94 | 11.22 | 11.15 | 10.29 | 0.86 | 0.85 | 2.51 |
| 75 | D33 | 17.28 | 11.20 | 11.13 | 10.29 | 0.84 | 0.85 | 14.69 |
| 76 | RP2 | 0.19 | 11.20 | 11.13 | 10.29 | 0.84 | 0.84 | 0.16 |
| | Tổng | 653.45 | | | | | | 515.82 |
| | | | Đoạn 3-2 (Phải tuyến) | | | | | |
| 1 | GP26 | 0.00 | 11.18 | 11.11 | 10.30 | 0.81 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | D34 | 1.36 | 11.18 | 11.11 | 10.30 | 0.81 | 0.81 | 1.10 |
| 3 | 21 | 15.95 | 11.22 | 11.15 | 10.35 | 0.80 | 0.81 | 12.84 |
| 4 | GP27 | 5.35 | 11.24 | 11.17 | 10.36 | 0.81 | 0.80 | 4.30 |
| 5 | D35 | 10.66 | 11.27 | 11.20 | 10.39 | 0.81 | 0.81 | 8.61 |
| 6 | 22 | 15.15 | 11.30 | 11.23 | 10.44 | 0.79 | 0.80 | 12.12 |
| 7 | GP28 | 0.52 | 11.30 | 11.23 | 10.44 | 0.79 | 0.79 | 0.41 |
| 8 | 23 | 14.60 | 11.34 | 11.27 | 10.48 | 0.79 | 0.79 | 11.54 |
| 9 | GP29 | 11.72 | 11.40 | 11.33 | 10.57 | 0.76 | 0.78 | 9.09 |
| 10 | 24 | 1.88 | 11.41 | 11.34 | 10.58 | 0.76 | 0.76 | 1.43 |
| 11 | D36 | 13.60 | 11.53 | 11.46 | 10.68 | 0.78 | 0.77 | 10.47 |
| 12 | GP30 | 10.83 | 11.63 | 11.56 | 10.76 | 0.80 | 0.79 | 8.54 |
| 13 | D37 | 2.56 | 11.65 | 11.58 | 10.78 | 0.80 | 0.80 | 2.04 |
| 14 | D38 | 12.57 | 11.75 | 11.68 | 10.92 | 0.76 | 0.78 | 9.80 |
| 15 | GP31 | 15.19 | 11.94 | 11.87 | 11.09 | 0.78 | 0.77 | 11.67 |
| 16 | D39 | 1.10 | 11.95 | 11.88 | 11.10 | 0.78 | 0.78 | 0.86 |
| 17 | 25 | 12.31 | 12.11 | 12.04 | 11.24 | 0.80 | 0.79 | 9.72 |
| 18 | 26 | 12.46 | 12.24 | 12.17 | 11.38 | 0.79 | 0.79 | 9.90 |
| 19 | GP32 | 0.34 | 12.24 | 12.17 | 11.38 | 0.79 | 0.79 | 0.27 |
| | Tổng | 158.15 | | | | | | 124.73 |

**BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH B40**

| STT | Tên ga, tên cọc | Khoảng cách lẻ (a) | Cao độ mặt đường | Cao độ mặt rãnh (b) | Cao độ đáy rãnh (c) | Chiều cao rãnh | Chiều cao trung bình (e) | i=a*e |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đoạn 3-1 (Trái tuyến) | | | | | |
| 1 | RT1 | 0.00 | 11.25 | 11.18 | 10.37 | 0.81 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | 3 | 2.56 | 11.25 | 11.18 | 10.37 | 0.81 | 0.81 | 2.07 |
| 3 | GT1 | 7.10 | 11.32 | 11.25 | 10.44 | 0.81 | 0.81 | 5.75 |
| 4 | 4 | 9.36 | 11.41 | 11.34 | 10.53 | 0.81 | 0.81 | 7.57 |
| 5 | 5 | 16.47 | 11.57 | 11.50 | 10.70 | 0.80 | 0.81 | 13.26 |
| 6 | GT2 | 7.49 | 11.57 | 11.50 | 10.70 | 0.80 | 0.80 | 6.01 |
| 7 | D1 | 9.85 | 11.58 | 11.51 | 10.70 | 0.81 | 0.81 | 7.95 |
| 8 | GT3 | 17.47 | 11.58 | 11.51 | 10.70 | 0.81 | 0.81 | 14.15 |
| 9 | D2 | 0.52 | 11.58 | 11.51 | 10.70 | 0.81 | 0.81 | 0.42 |
| 10 | 6 | 13.00 | 11.54 | 11.47 | 10.70 | 0.77 | 0.79 | 10.27 |
| 11 | D3 | 12.91 | 11.49 | 11.42 | 10.70 | 0.72 | 0.75 | 9.62 |
| 12 | GT4 | 8.89 | 11.47 | 11.40 | 10.70 | 0.70 | 0.71 | 6.31 |
| 13 | 7 | 9.46 | 11.45 | 11.38 | 10.70 | 0.68 | 0.69 | 6.53 |
| 14 | 8 | 18.43 | 11.47 | 11.40 | 10.69 | 0.71 | 0.70 | 12.81 |
| 15 | GT5 | 6.43 | 11.48 | 11.41 | 10.69 | 0.72 | 0.71 | 4.59 |
| 16 | D4 | 12.18 | 11.49 | 11.42 | 10.69 | 0.73 | 0.72 | 8.81 |
| 17 | D5 | 21.34 | 11.57 | 11.50 | 10.69 | 0.81 | 0.77 | 16.43 |
| 18 | GT6 | 0.81 | 11.56 | 11.49 | 10.69 | 0.80 | 0.81 | 0.65 |
| 19 | D6 | 15.39 | 11.46 | 11.39 | 10.59 | 0.80 | 0.80 | 12.34 |
| 20 | D7 | 9.21 | 11.41 | 11.34 | 10.54 | 0.80 | 0.80 | 7.37 |
| 21 | GT7 | 7.72 | 11.37 | 11.30 | 10.49 | 0.81 | 0.80 | 6.20 |
| 22 | 9 | 13.30 | 11.29 | 11.22 | 10.41 | 0.81 | 0.81 | 10.75 |
| 23 | D8 | 16.39 | 11.04 | 10.97 | 10.16 | 0.81 | 0.81 | 13.28 |
| 24 | 10 | 1.92 | 11.01 | 10.94 | 10.13 | 0.81 | 0.81 | 1.56 |
| 25 | GT8 | 4.50 | 11.00 | 10.93 | 10.12 | 0.81 | 0.81 | 3.65 |
| 26 | 11 | 1.36 | 11.00 | 10.93 | 10.12 | 0.81 | 0.81 | 1.10 |
| 27 | D9 | 5.75 | 10.98 | 10.91 | 10.11 | 0.80 | 0.81 | 4.63 |
| 28 | D10 | 7.29 | 10.98 | 10.91 | 10.09 | 0.82 | 0.81 | 5.90 |
| 29 | GT9 | 8.93 | 10.96 | 10.89 | 10.08 | 0.81 | 0.81 | 7.27 |
| 30 | 12 | 3.55 | 10.95 | 10.88 | 10.07 | 0.81 | 0.81 | 2.88 |
| 31 | D11 | 12.45 | 10.82 | 10.75 | 9.93 | 0.82 | 0.82 | 10.14 |
| 32 | D12 | 10.22 | 10.70 | 10.63 | 9.82 | 0.81 | 0.82 | 8.33 |
| 33 | GT10 | 5.10 | 10.61 | 10.54 | 9.72 | 0.82 | 0.81 | 4.14 |
| 34 | D13 | 6.27 | 10.49 | 10.42 | 9.61 | 0.81 | 0.81 | 5.09 |
| 35 | D14 | 7.40 | 10.35 | 10.28 | 9.47 | 0.81 | 0.81 | 5.99 |
| 36 | D15 | 6.55 | 10.25 | 10.18 | 9.39 | 0.79 | 0.80 | 5.24 |
| 37 | GT11 | 7.21 | 10.17 | 10.10 | 9.30 | 0.80 | 0.80 | 5.73 |
| 38 | D16 | 0.02 | 10.17 | 10.10 | 9.30 | 0.80 | 0.80 | 0.02 |
| 39 | 13 | 17.90 | 10.22 | 10.15 | 9.37 | 0.78 | 0.79 | 14.14 |
| 40 | GT12 | 13.00 | 10.30 | 10.23 | 9.42 | 0.81 | 0.80 | 10.34 |
| 41 | D17 | 4.66 | 10.33 | 10.26 | 9.44 | 0.82 | 0.82 | 3.80 |
| 42 | 14 | 11.10 | 10.37 | 10.30 | 9.48 | 0.82 | 0.82 | 9.10 |
| 43 | D18 | 11.73 | 10.43 | 10.36 | 9.53 | 0.83 | 0.82 | 9.68 |
| 44 | GT13 | 1.82 | 10.44 | 10.37 | 9.54 | 0.83 | 0.83 | 1.51 |
| 45 | D19 | 8.59 | 10.46 | 10.39 | 9.57 | 0.82 | 0.82 | 7.07 |
| 46 | 15 | 12.75 | 10.50 | 10.43 | 9.62 | 0.81 | 0.82 | 10.3[illegible] |
| 47 | GT14 | 4.98 | 10.52 | 10.45 | 9.64 | 0.81 | 0.81 | 4.03 |
| 48 | D20 | 8.04 | 10.54 | 10.47 | 9.67 | 0.80 | 0.80 | 6.45 |
| 49 | GT15 | 18.28 | 10.65 | 10.58 | 9.78 | 0.80 | 0.80 | 14.63 |
| 50 | D21 | 1.56 | 10.66 | 10.59 | 9.79 | 0.80 | 0.80 | 1.25 |
| 51 | D22 | 9.72 | 10.85 | 10.78 | 9.94 | 0.84 | 0.82 | 7.97 |
| 52 | GT16 | 12.04 | 11.03 | 10.96 | 10.14 | 0.82 | 0.83 | 9.96 |
| 53 | D23 | 7.15 | 11.13 | 11.06 | 10.25 | 0.81 | 0.81 | 5.81 |
| 54 | 16 | 10.68 | 11.11 | 11.04 | 10.25 | 0.79 | 0.80 | 8.55 |
| 55 | D24 | 10.41 | 11.10 | 11.03 | 10.25 | 0.78 | 0.78 | 8.17 |
| 56 | GT17 | 4.98 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.77 | 3.84 |
| 57 | D25 | 1.09 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.76 | 0.83 |
| 58 | D26 | 11.34 | 11.07 | 11.00 | 10.26 | 0.74 | 0.75 | 8.50 |
| 59 | GT18 | 19.20 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.75 | 14.40 |
| 60 | D27 | 0.09 | 11.09 | 11.02 | 10.26 | 0.76 | 0.76 | 0.07 |
| 61 | D28 | 11.64 | 11.08 | 11.01 | 10.27 | 0.74 | 0.75 | 8.73 |
| 62 | D29 | 9.36 | 11.06 | 10.99 | 10.27 | 0.72 | 0.73 | 6.83 |
| 63 | GT19 | 0.69 | 11.06 | 10.99 | 10.27 | 0.72 | 0.72 | 0.50 |
| 64 | 17 | 11.94 | 11.10 | 11.03 | 10.27 | 0.76 | 0.74 | 8.85 |
| 65 | GT20 | 10.38 | 11.03 | 10.96 | 10.27 | 0.69 | 0.73 | 7.53 |
| 66 | D30 | 3.41 | 11.01 | 10.94 | 10.27 | 0.67 | 0.68 | 2.32 |
| 67 | D31 | 16.42 | 11.07 | 11.00 | 10.28 | 0.72 | 0.70 | 11.41 |
| 68 | GT21 | 12.49 | 11.11 | 11.04 | 10.28 | 0.76 | 0.74 | 9.24 |
| 69 | D32 | 6.23 | 11.13 | 11.06 | 10.28 | 0.78 | 0.77 | 4.79 |
| 70 | 18 | 17.23 | 11.20 | 11.13 | 10.29 | 0.84 | 0.81 | 13.95 |
| 71 | GT22 | 5.87 | 11.20 | 11.13 | 10.29 | 0.84 | 0.84 | 4.92 |
| 72 | D33 | 11.54 | 11.19 | 11.12 | 10.29 | 0.83 | 0.83 | 9.62 |
| 73 | 19 | 0.81 | 11.19 | 11.12 | 10.29 | 0.83 | 0.83 | 0.67 |
| 74 | RP2 | 0.34 | 11.19 | 11.12 | 10.29 | 0.83 | 0.83 | 0.28 |
| | Tổng | 644.22 | | | | | | 504.96 |
| | | | Đoạn 3-2 (Trái tuyến) | | | | | |
| 1 | RT3 | 0.00 | 11.18 | 11.11 | 10.30 | 0.81 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | D34 | 1.20 | 11.18 | 11.11 | 10.30 | 0.81 | 0.81 | 0.98 |
| 3 | GT23 | 4.06 | 11.19 | 11.12 | 10.31 | 0.81 | 0.81 | 3.29 |
| 4 | 21 | 11.93 | 11.22 | 11.15 | 10.35 | 0.80 | 0.81 | 9.61 |
| 5 | GT24 | 6.39 | 11.24 | 11.17 | 10.37 | 0.80 | 0.80 | 5.11 |
| 6 | D35 | 9.55 | 11.27 | 11.20 | 10.39 | 0.81 | 0.81 | 7.68 |
| 7 | 22 | 15.08 | 11.32 | 11.25 | 10.44 | 0.81 | 0.81 | 12.21 |
| 8 | GT25 | 4.70 | 11.33 | 11.26 | 10.45 | 0.81 | 0.81 | 3.81 |
| 9 | 23 | 10.41 | 11.36 | 11.29 | 10.48 | 0.81 | 0.81 | 8.44 |
| 10 | 24 | 13.50 | 11.42 | 11.35 | 10.58 | 0.77 | 0.79 | 10.66 |
| 11 | GT26 | 5.42 | 11.47 | 11.40 | 10.62 | 0.78 | 0.77 | 4.19 |
| 12 | D36 | 7.99 | 11.54 | 11.47 | 10.68 | 0.79 | 0.78 | 6.27 |
| 13 | D37 | 12.98 | 11.65 | 11.58 | 10.78 | 0.80 | 0.80 | 10.32 |
| 14 | GT27 | 7.34 | 11.71 | 11.64 | 10.86 | 0.78 | 0.79 | 5.79 |
| 15 | D38 | 5.51 | 11.75 | 11.68 | 10.92 | 0.76 | 0.77 | 4.24 |
| 16 | D39 | 17.14 | 11.96 | 11.89 | 11.10 | 0.79 | 0.78 | 13.28 |
| 17 | GT28 | 0.67 | 11.97 | 11.90 | 11.11 | 0.79 | 0.79 | 0.53 |
| 18 | 25 | 11.97 | 12.11 | 12.04 | 11.24 | 0.80 | 0.79 | 9.51 |
| 19 | 26 | 12.37 | 12.25 | 12.18 | 11.37 | 0.81 | 0.81 | 9.96 |
| 20 | RT4 | 0.82 | 12.25 | 12.18 | 11.38 | 0.80 | 0.81 | 0.66 |
| | Tổng | 159.02 | | | | | | 126.54 |
| | Tổng các đoạn | 1614.84 | | | | | | 1272.04 |

- Chiều cao trung bình rãnh B40: 0.79 m

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐKT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH TRUNG BÌNH

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T3-07 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH MỚI B40 TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05/08/APEX-BCTT
Ngày 08 tháng 05 năm 2026

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=40X64CM

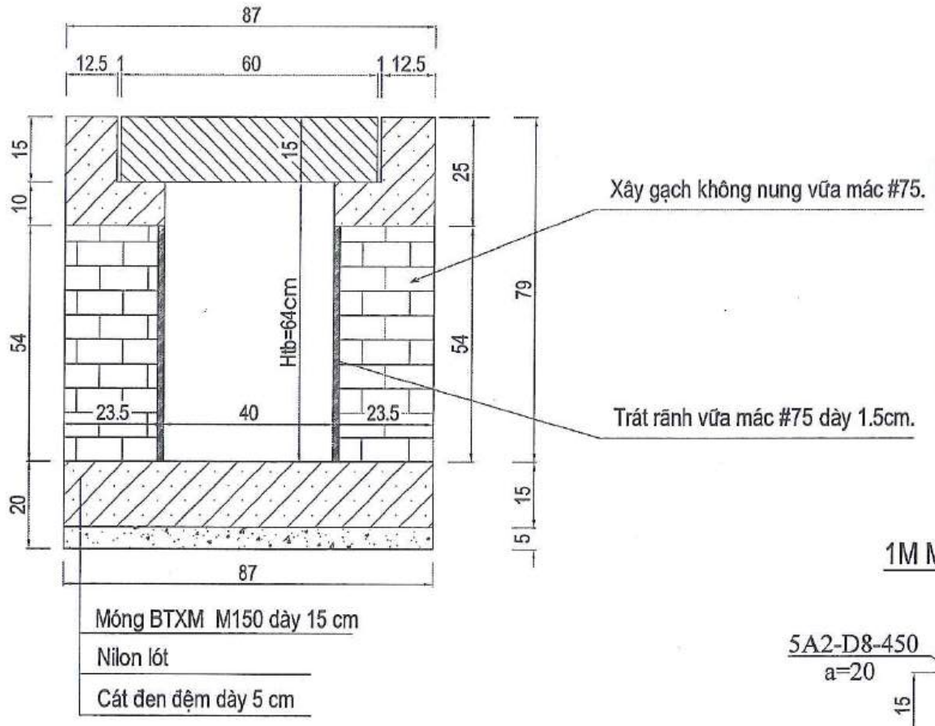


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY BXH=(0,4X0,64)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,238 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,080 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,131 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,044 |

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

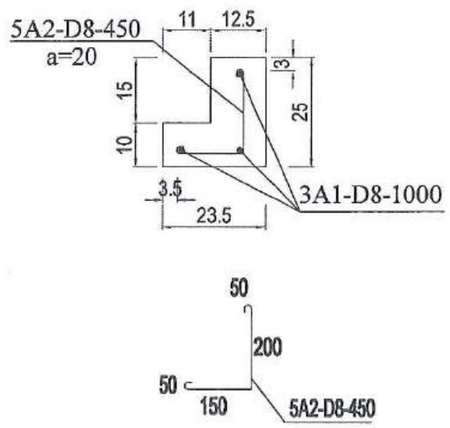


## BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.4m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đen đệm dày 10cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x60x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT RÃNH B40CM

TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T3-CT- 01
HOÀN THÀNH | NĂM 2026

(HỐ GA CỬA RÃNH MỚI GẠCH XÂY BXH=40X64CM)- ĐẤU NỐI 2 CỬA RÃNH (SỐ LƯỢNG:53 CÁI)

## MẶT BẰNG HỐ GA

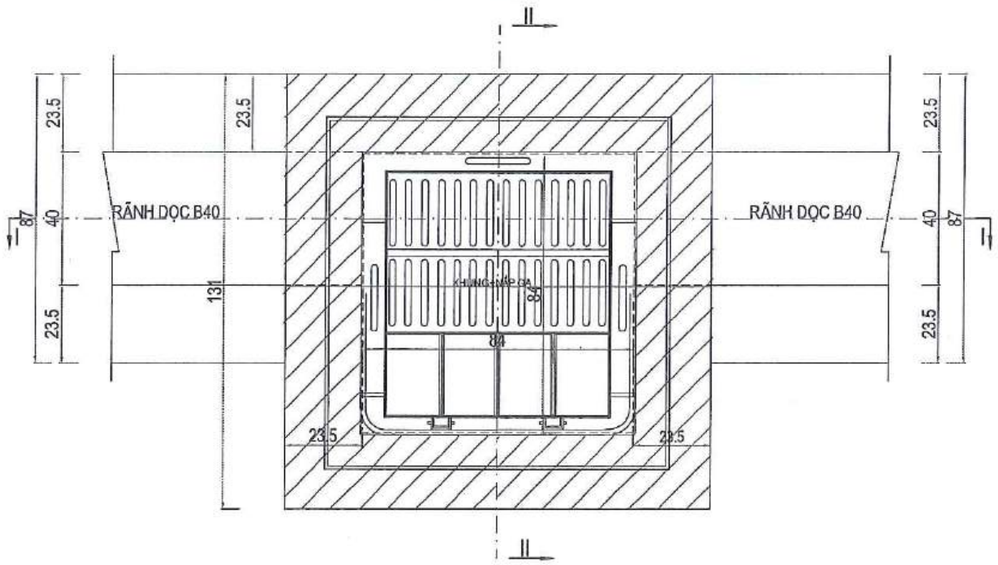


## MẶT CẮT II - II

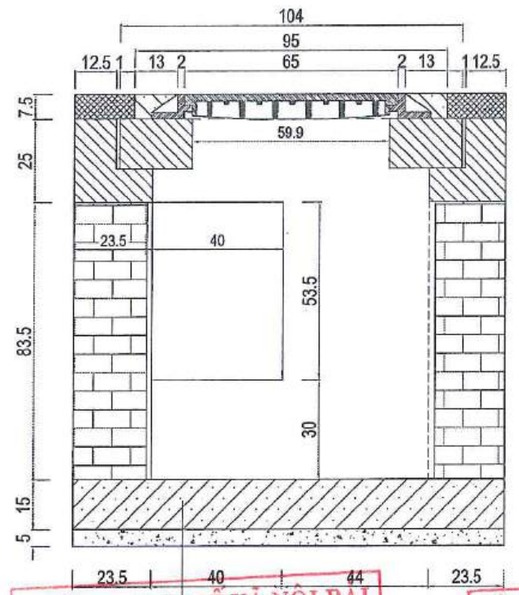


## MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP GA

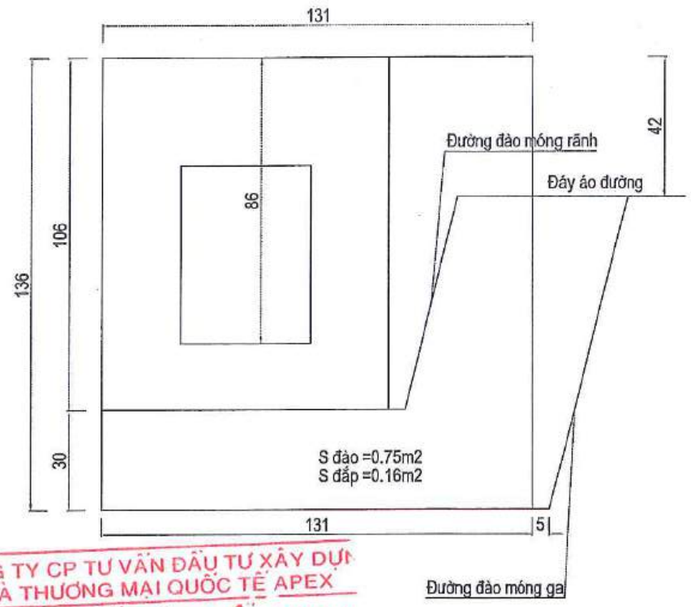


## MẶT CẮT I - I

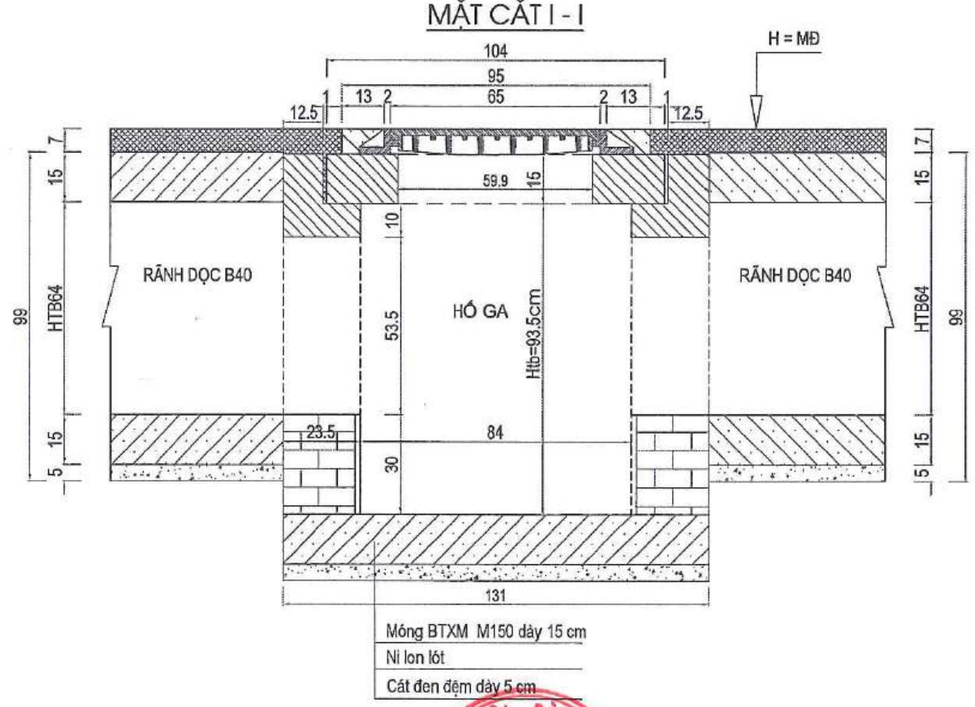


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 HỐ GA

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,143 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 2,150 |
| 3 | Gạch xây hố ga | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,696 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 3,81 |
| 5 | Bê tông đáy hố ga | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,257 |
| 6 | Ván khuôn móng | Ván khuôn | $m^2$ | 0,786 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,086 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ: HỐ GA RÃNH MỚI B40 (LOẠI 2)

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T3-CT- 02 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

(HỐ GA CỦA RÃNH MỚI GẠCH XÂY BXH=40X64CM)-ĐẤU NỐI 3 CỬA RÃNH (SỐ LƯỢNG:5 CÁI)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 7 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## MẶT BẰNG HỐ GA

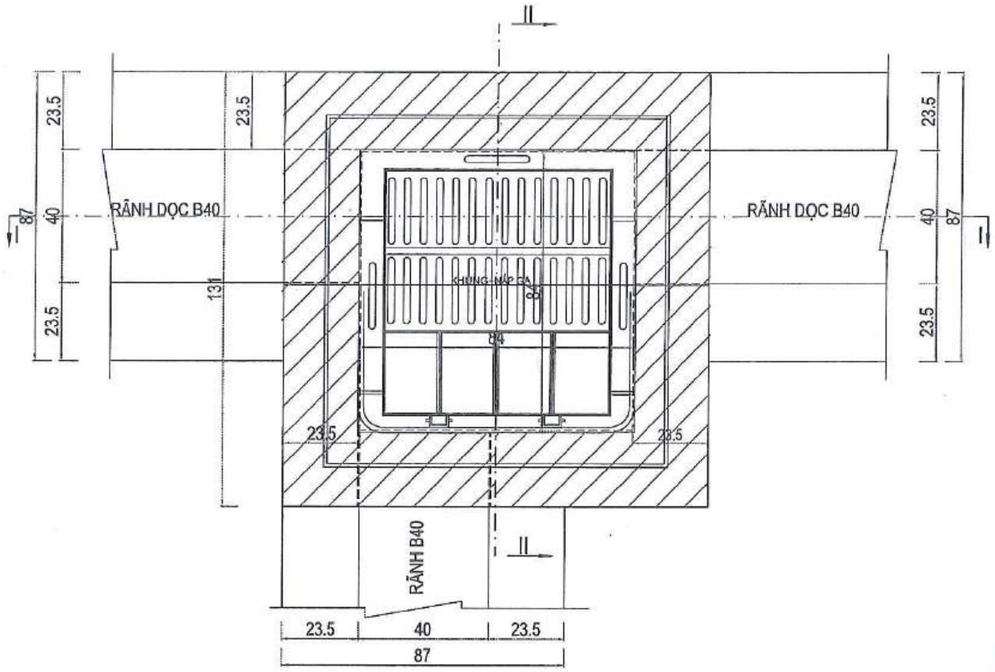


## MẶT CẮT II - II

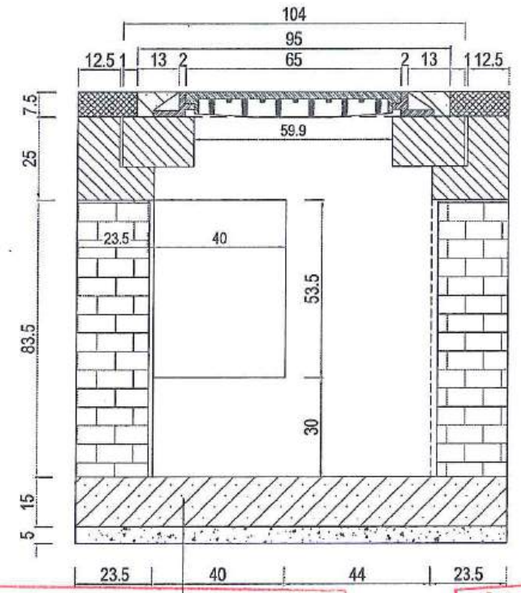


## MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP GA

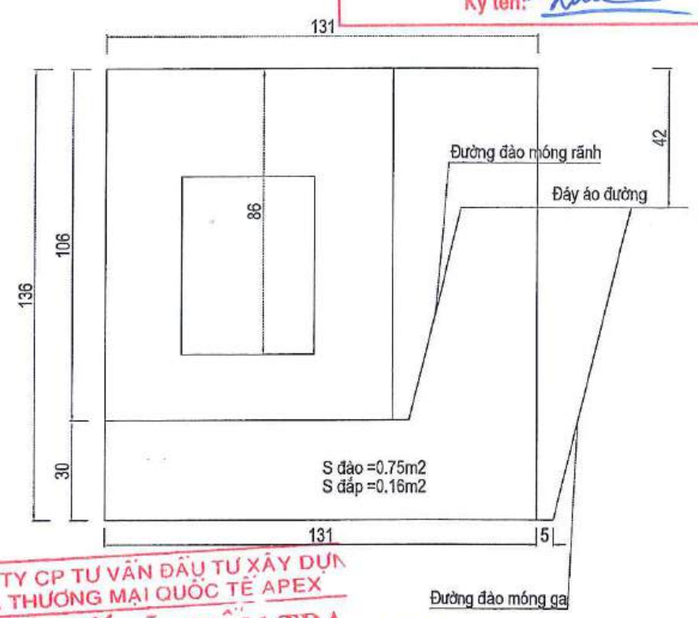


## MẶT CẮT I - I

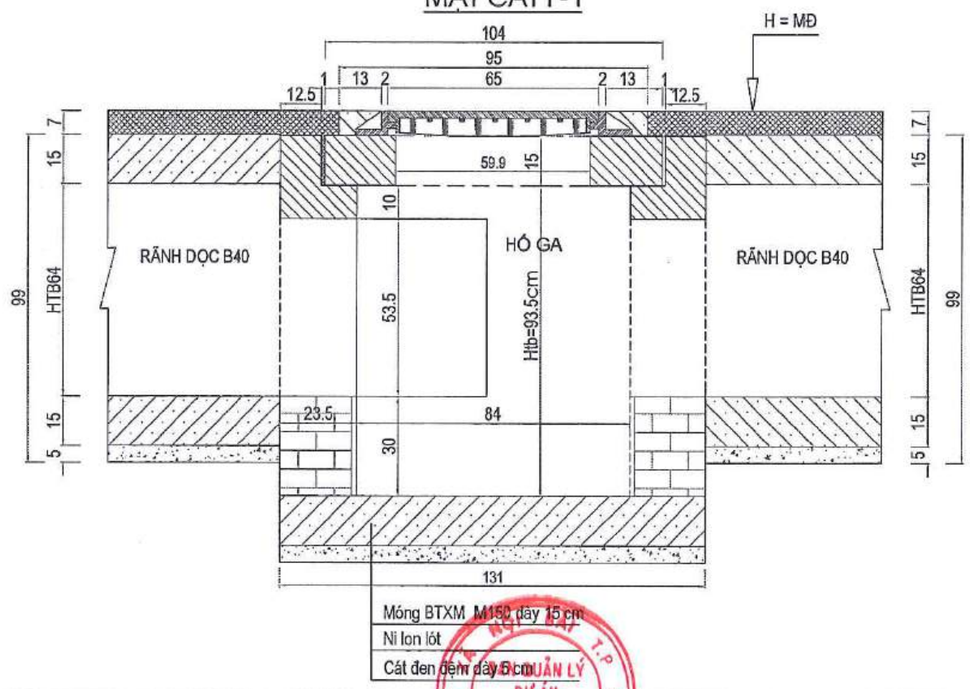


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.06/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 HỐ GA

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,143 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 2,150 |
| 3 | Gạch xây hố ga | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,649 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 3,92 |
| 5 | Bê tông đáy hố ga | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,257 |
| 6 | Ván khuôn móng | Ván khuôn | $m^2$ | 0,786 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,086 |

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: HỐ GA RÃNH MỚI B40 (LOẠI 3) |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | TỶ LỆ: 1/20 — SỐ HIỆU: T1-CT-02A |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

(HỐ GA CỦA RÃNH MỚI GẠCH XÂY BXH=40X64CM)-ĐẤU NỐI 4 CỬA RÃNH (SỐ LƯỢNG:1 CÁI)

## MẶT BẰNG HỐ GA

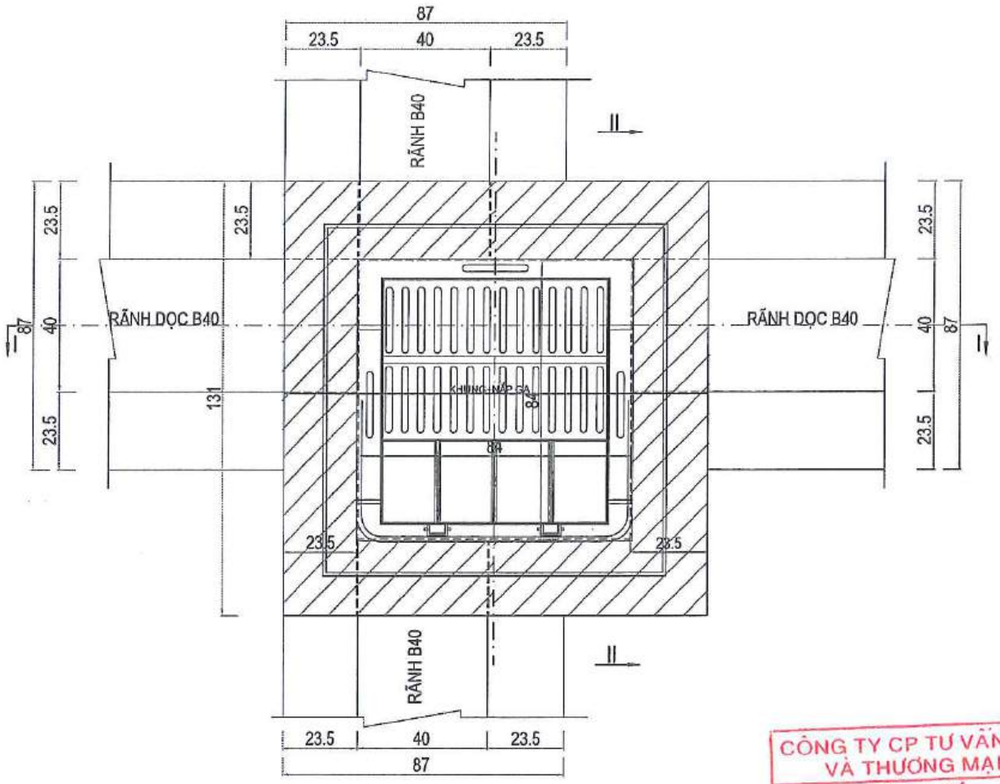


## MẶT CẮT II - II

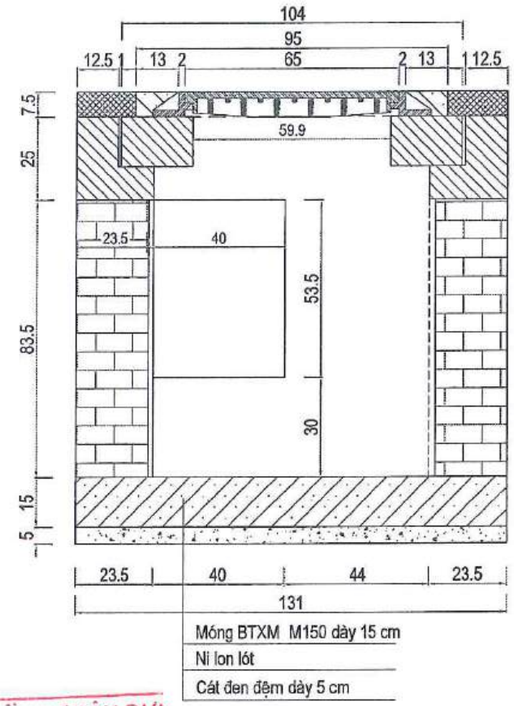


## MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP GA

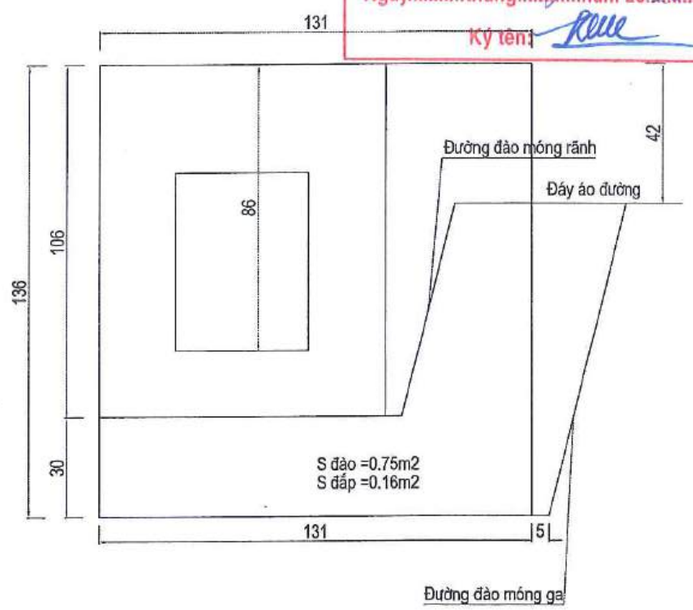


## MẶT CẮT I - I

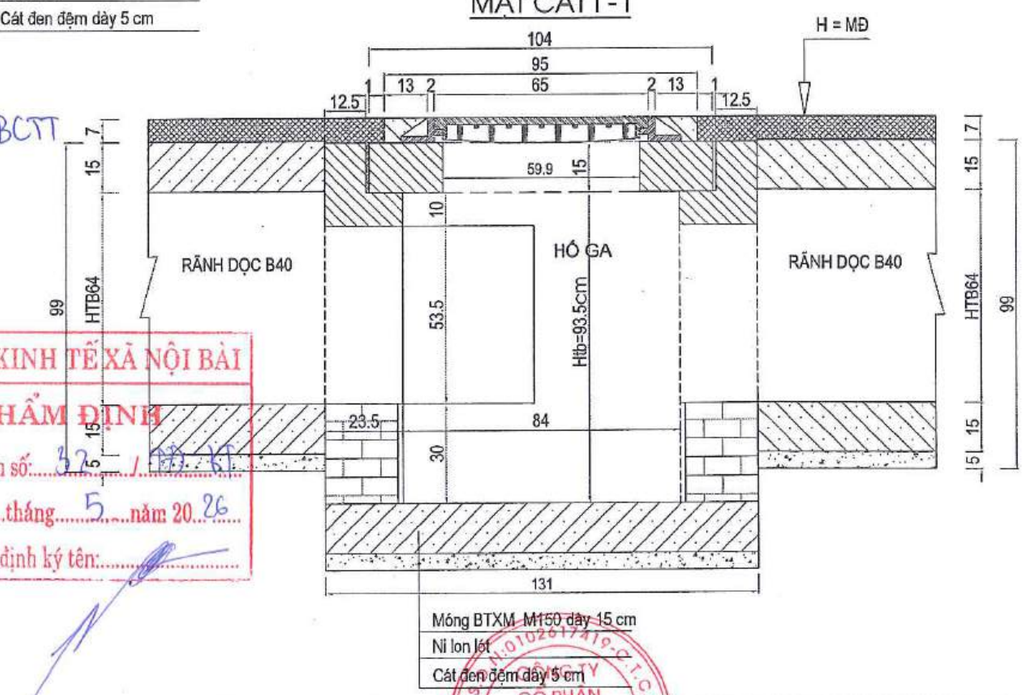


## BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 HỐ GA

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,143 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 2,150 |
| 3 | Gạch xây hố ga | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,602 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 4,03 |
| 5 | Bê tông đáy hố ga | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,257 |
| 6 | Ván khuôn móng | Ván khuôn | $m^2$ | 0,786 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,086 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05..08./.APEX-BCTT
Ngày . 8 . tháng . 5 . năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TT-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ ĐẠI VIỆT
KT. GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
HỐ GA RÃNH MỚI B40 (LOẠI 4)

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T1-CT- 02B |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# TẤM ĐAN RÃNH B40CM

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## CẤU TẠO TẤM ĐAN RÃNH ĐỔ TRỰC TIẾP TÍNH CHO ĐƠN NGUYÊN 3M

### MẶT CẮT III - III

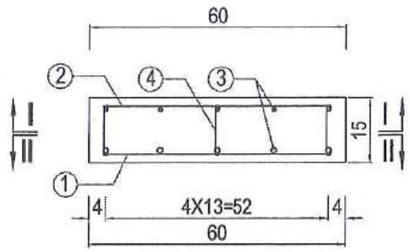


### MẶT CẮT II - II (LƯỚI DƯỚI)

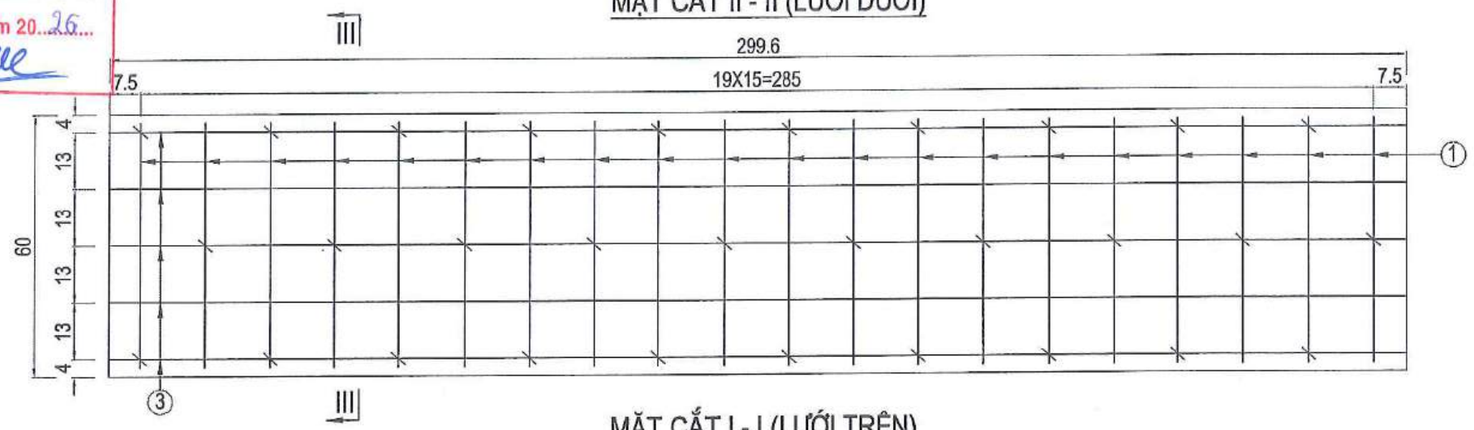


### MẶT CẮT I - I (LƯỚI TRÊN)

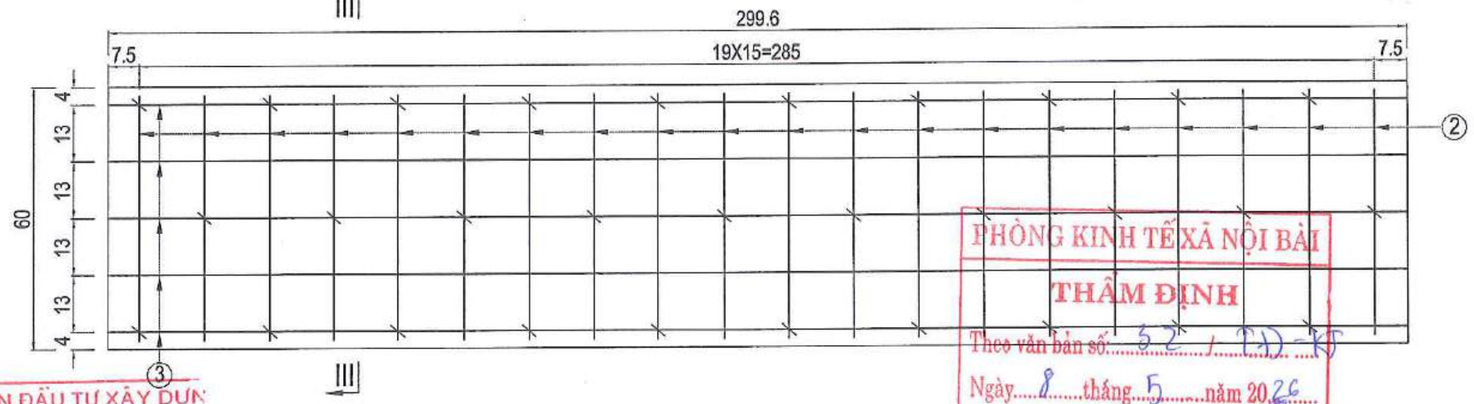


### CHI TIẾT THÉP

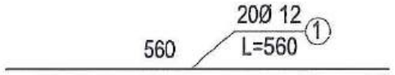


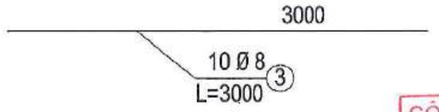


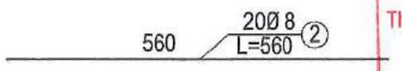


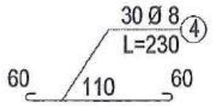


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2025

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 TẤM ĐAN RÃNH ĐỔ TRỰC TIẾP KT(300X60X15)CM | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài 1 thanh | Số thanh | Khối lượng | Đơn vị |
| 1 | 12 | 560 | 20 | 9,94 | Kg |
| 2 | 8 | 560 | 20 | 4,42 | Kg |
| 3 | 8 | 3000 | 10 | 11,84 | Kg |
| 4 | 8 | 230 | 30 | 2,72 | Kg |
| Bê tông M250# | | | | 0,27 | $m^3$ |
| Ván khuôn | | | | 1,2 | $m^2$ |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT TẤM ĐAN RÃNH B40CM

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T3-CT- 03 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## CỐT THÉP TẤM ĐAN HỐ GA ĐẶT MÉP ĐƯỜNG

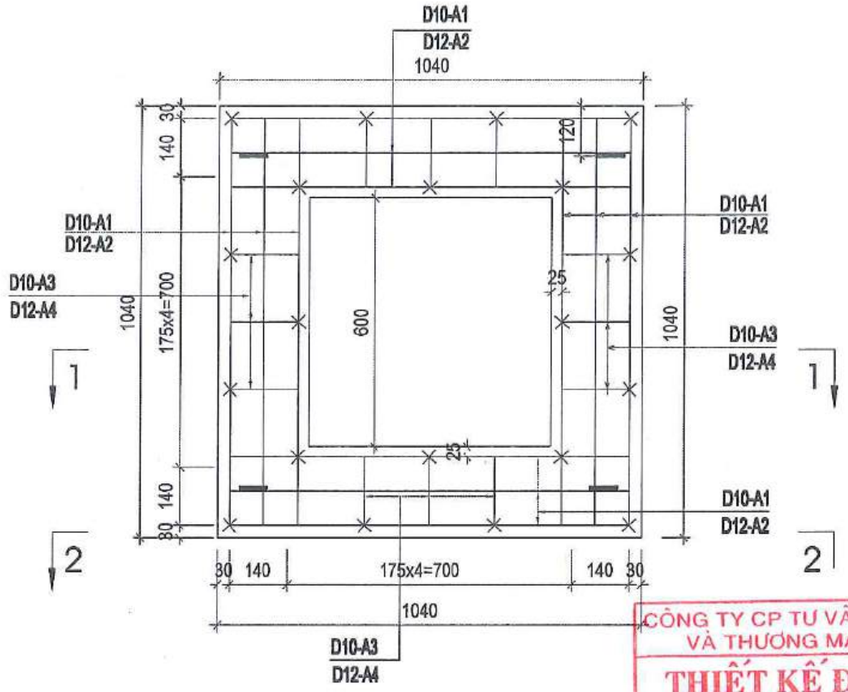


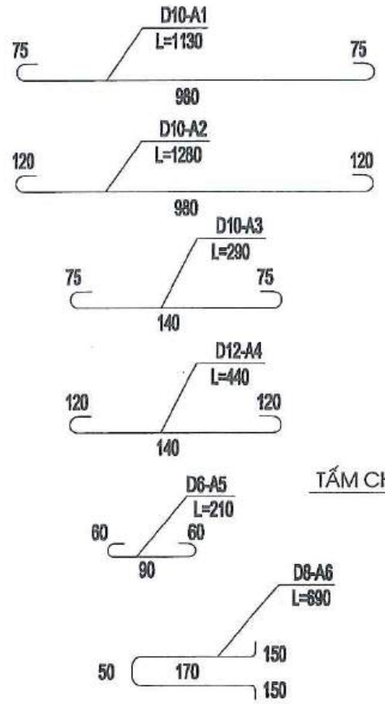


## NẮP GA THÂN VUÔNG BẰNG COMPOSITE CÓ BẢN LỀ (LOẠI TẢI TRONG 25 TẤN)

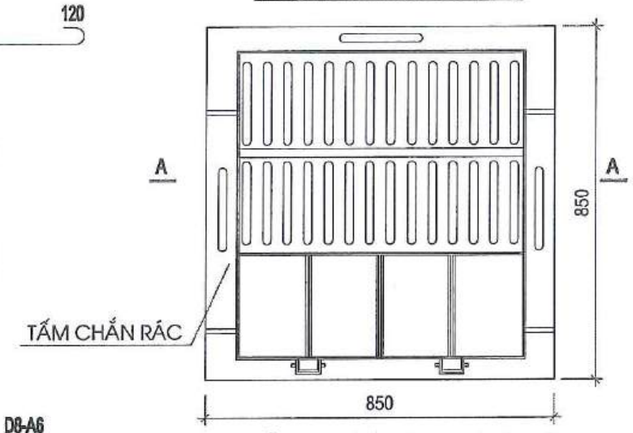


## NẮP GA THÂN VUÔNG, CÓ BẢN LỀ MẶT CẮT A-A

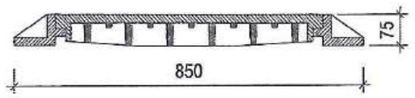


## MŨ TƯỜNG HỐ GA

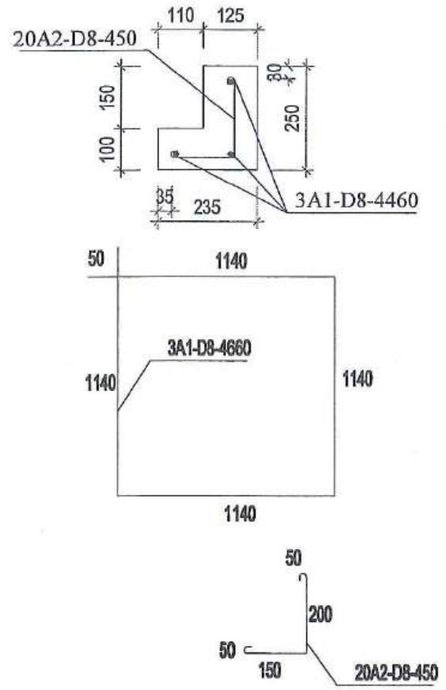


## MẶT CẮT 1 - 1

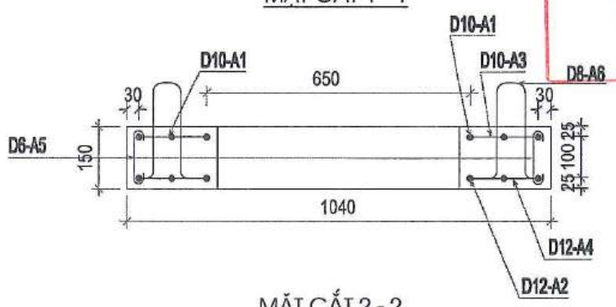


## MẶT CẮT 2 - 2

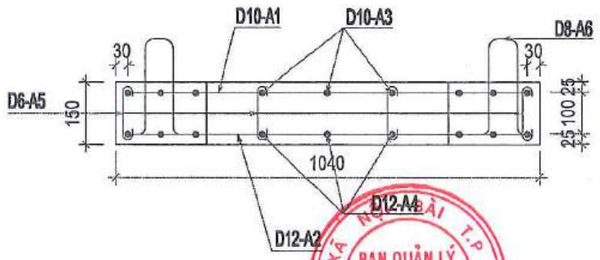


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05..08/ APEX-BCTT
Ngày . 8 . tháng . 5 . năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TTHĐ
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 TẤM NẮP HỐ GA (MÉP ĐƯỜNG) BÊ TÔNG CHỊU LỰC KT (1.04X1.04X0.15)M, TƯỜNG MŨ BTCT 01 HỐ GA

| Loại tấm nắp | Tên thanh (A) | Đường kính (mm) | Chiều dài (mm) | Số lượng | Tổng chiều dài (m) | Trọng lượng riêng (kg/m) | Tổng trọng lượng (kg) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Khối lượng nắp hố ga | 01 | 10 | 1130 | 12 | 13.56 | 0.617 | 8.37 |
| | 02 | 12 | 1280 | 12 | 15.36 | 0.888 | 13.64 |
| | 03 | 10 | 290 | 12 | 3.48 | 0.617 | 2.15 |
| | 04 | 12 | 440 | 12 | 5.28 | 0.888 | 4.69 |
| | 05 | 6 | 210 | 20 | 4.20 | 0.222 | 0.93 |
| | 06 | 8 | 690 | 4 | 2.76 | 0.395 | 1.09 |
| | Ván khuôn (m2) | 0.984 | Bê tông M250# (m3) | 0.108 | Tổng cộng | Thép CB300-V | 18.33 |
| | | | | | | Thép CB240-T | 12.54 |
| Cốt thép tường mũ 01 hố ga | A1 | 8 | 4660 | 3 | 13.98 | 0.395 | 5.517 |
| | A2 | 8 | 450 | 20 | 9 | 0.395 | 3.552 |
| | Ván khuôn (m2) | 2.150 | Bê tông M200# (m3) | 0.143 | Tổng cộng | Thép CB300-V | - |
| | | | | | | Thép CB240-T | 9.069 |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ: NẮP ĐAN, TƯỜNG MŨ HỐ GA MÉP ĐƯỜNG

TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T3-CT- 04
HOÀN THÀNH | NĂM 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 4 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT TUYẾN 3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P
X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

NỘI BÀI: NĂM 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 1 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: P.05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

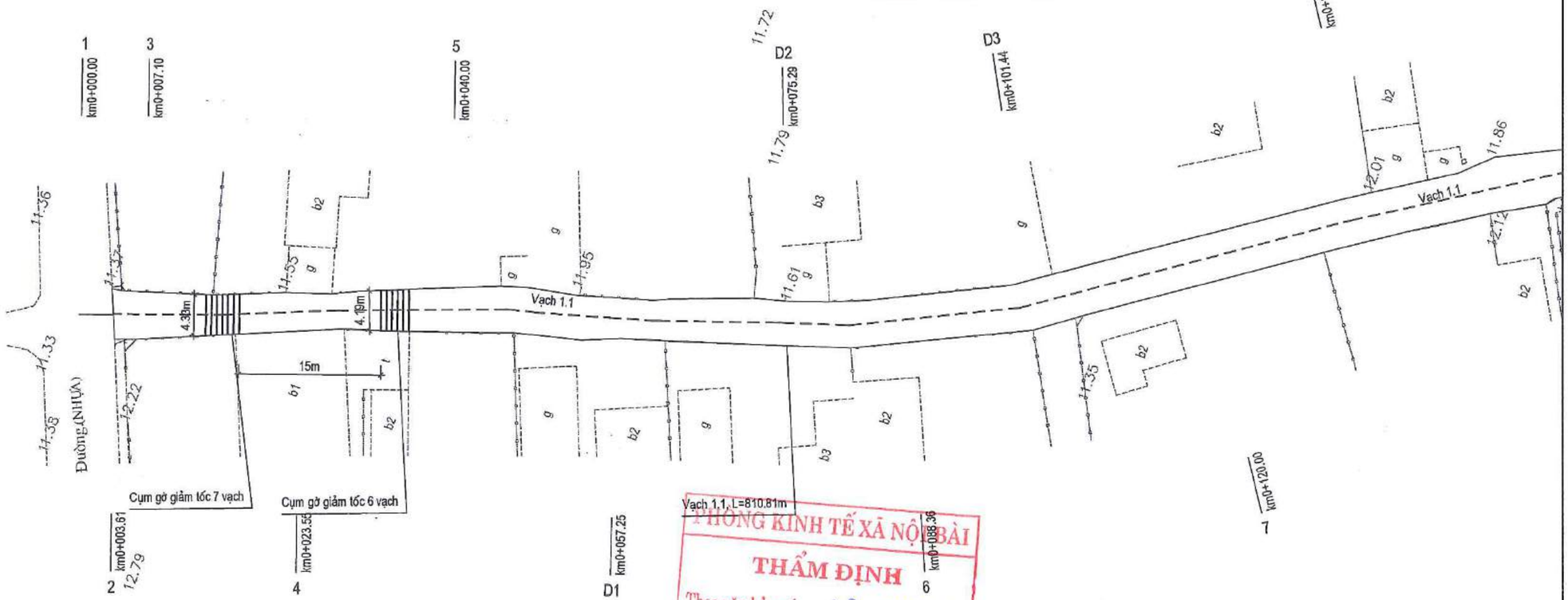


THÔNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T3-BDGT-01 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

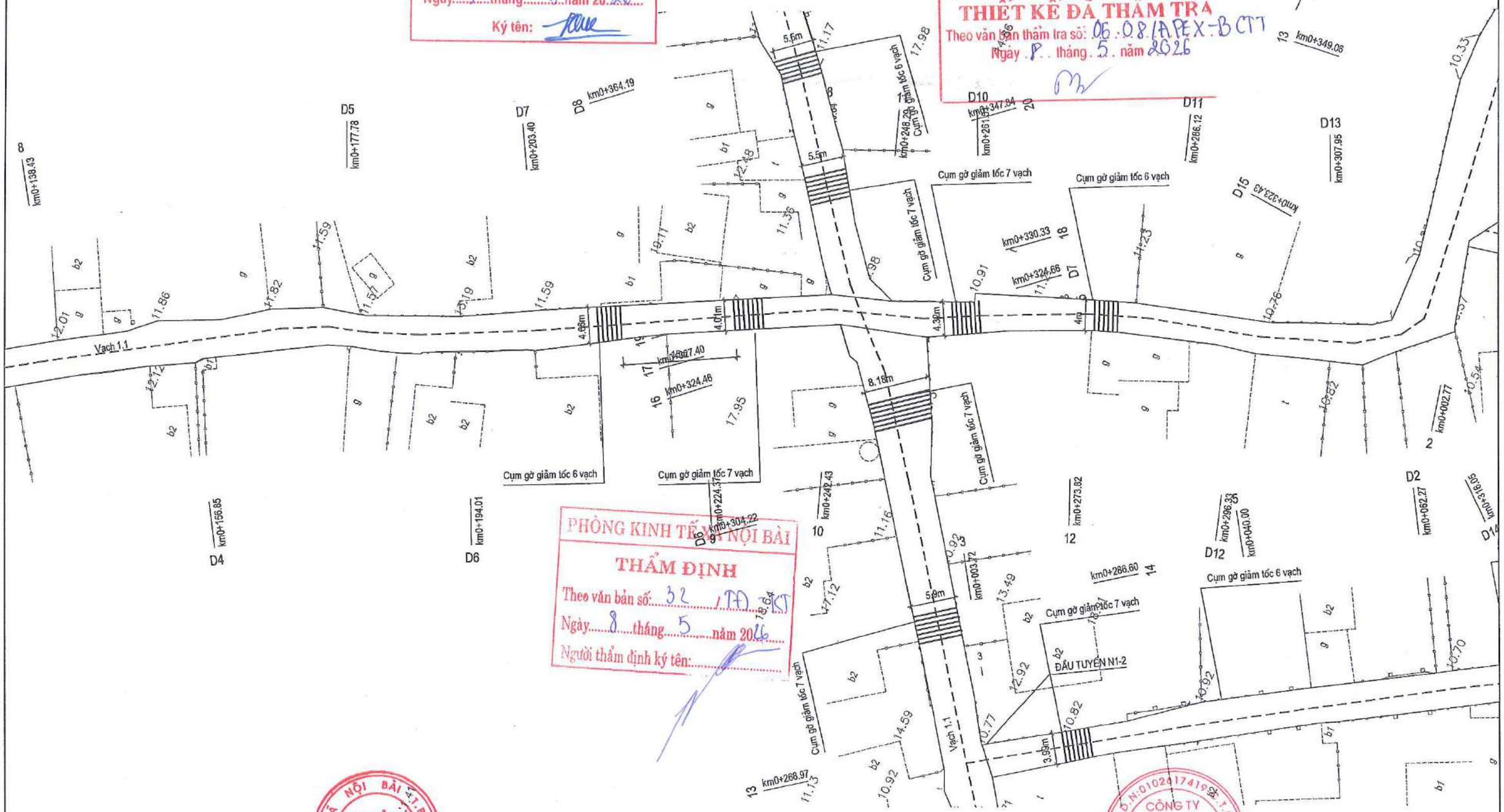


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TTĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T3-BDGT-02 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08 / APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

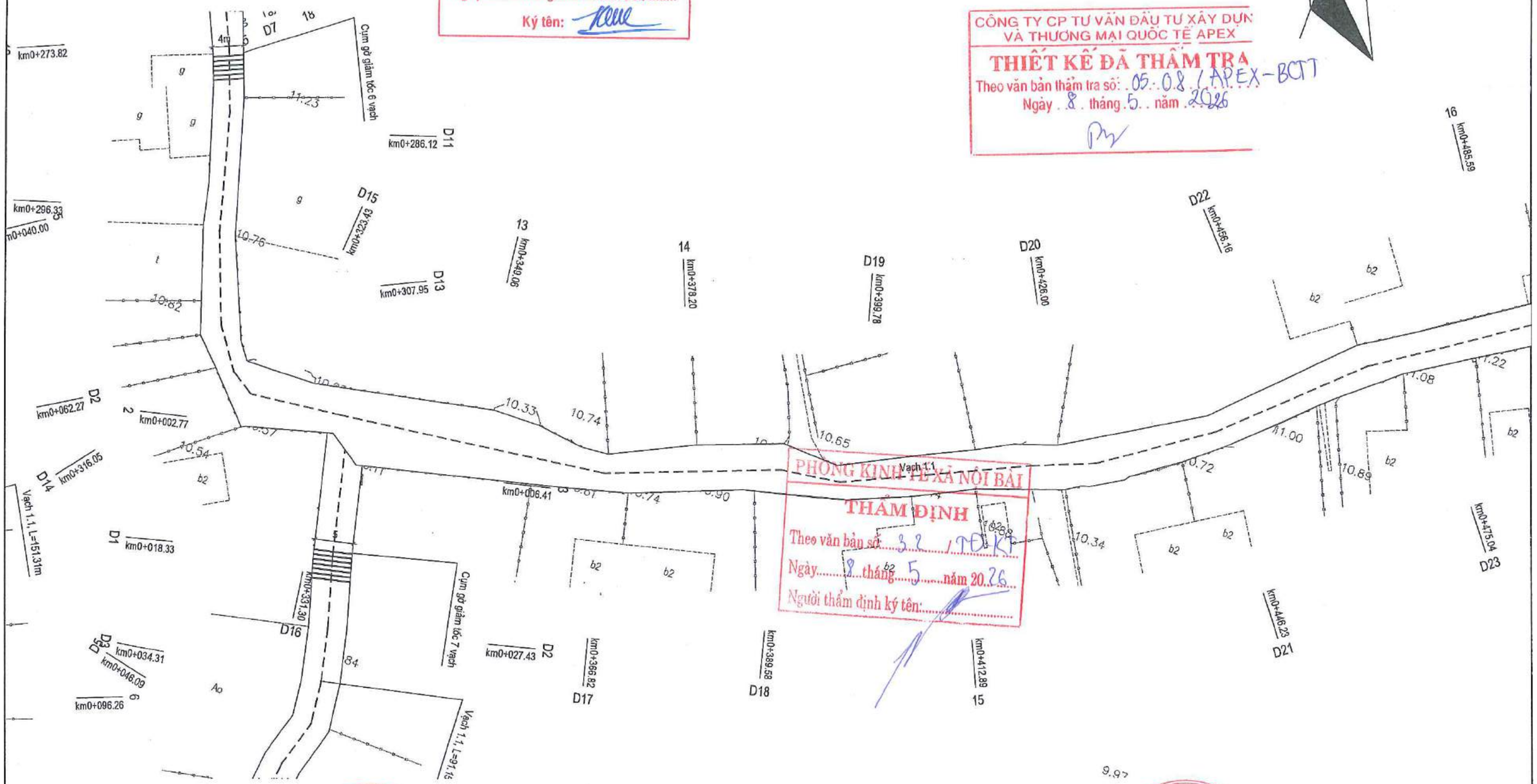


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 32 / TĐKT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T3-BDGT-03 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 242 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T3-BDGT-04 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

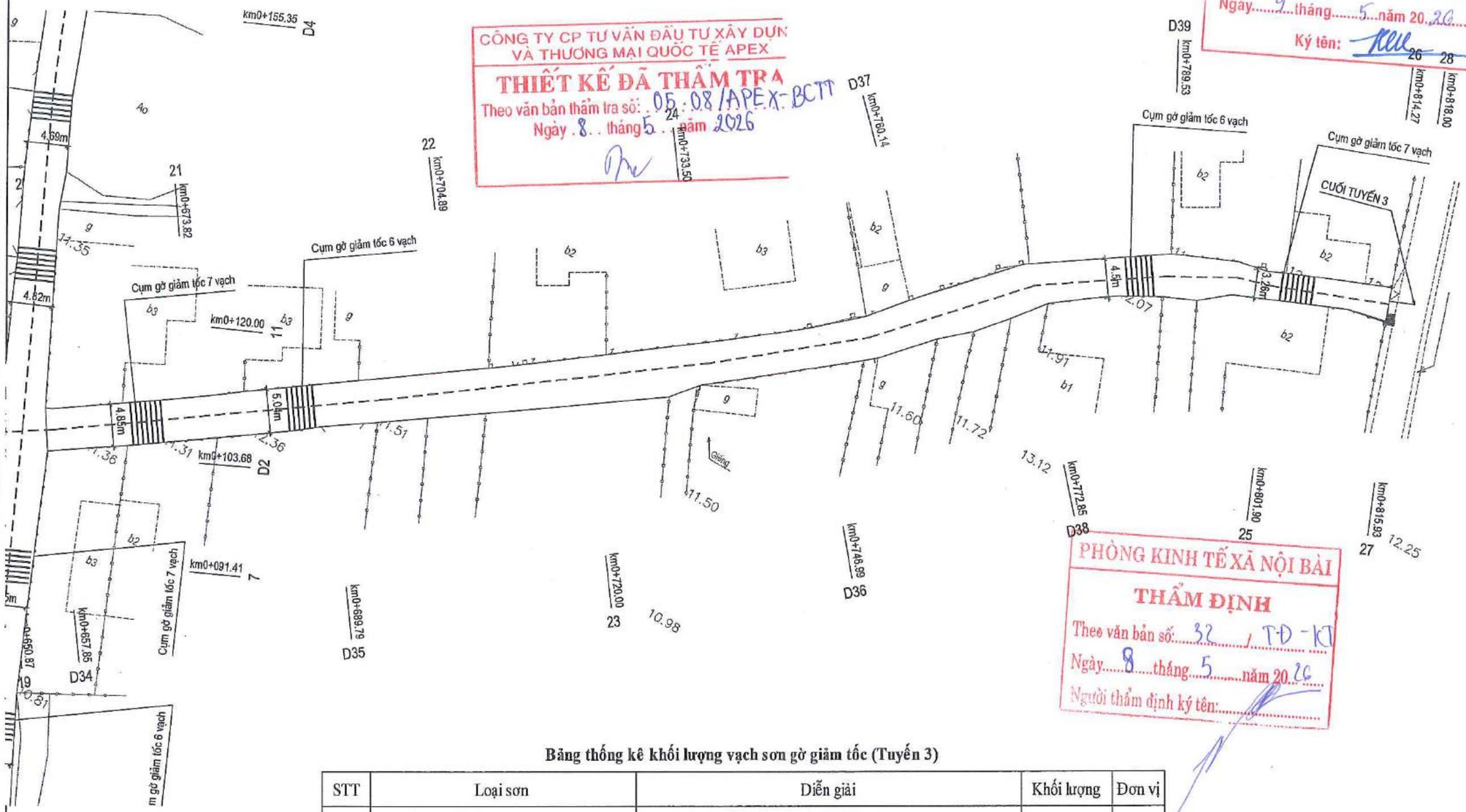


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

**Bảng thống kê khối lượng vạch sơn gờ giảm tốc (Tuyến 3)**

| STT | Loại sơn | Diễn giải | Khối lượng | Đơn vị |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Vạch sơn gờ giảm tốc dày 6mm | (4.33*7+4.19*6+4.66*6+4.01*7+4.32*7+4*6+5.3*6+4.12*7+4.85*7+5.04*6+4.5*6+3.26*7)/2 = | **170.185** | m |
| 2 | Vạch sơn gờ giảm tốc dày 2mm | (4.33*7+4.19*6+4.66*6+4.01*7+4.32*7+4*6+5.3*6+4.12*7+4.85*7+5.04*6+4.5*6+3.26*7)/2 = | **170.185** | m |
| 3 | Vạch tim đường V1.1 | 810.81 | **810.81** | m |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 3 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T3-BDGT-05 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# HỒ SƠ THIẾT KẾ TUYẾN 4

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
M.S.D.N: 0102617419-C.T.C.P
X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

NỘI BÀI: NĂM 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰN
VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 : 08 /APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

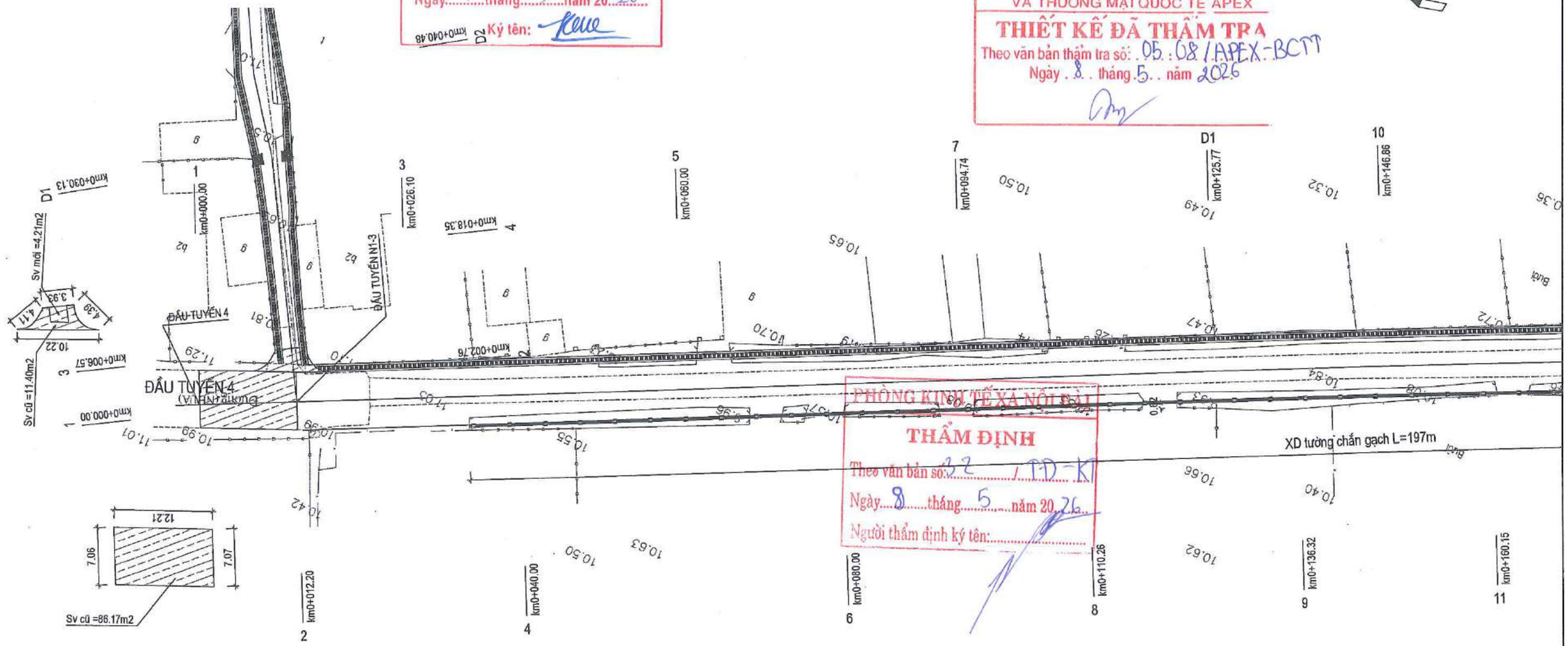


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | |
|---|---|
| RANH (TD) | RÃNH TẬN DỤNG |
| MX-B50 | RÃNH HỞ XÂY MỚI |
| | RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI |
| | TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH |

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T4-BDTK-01 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

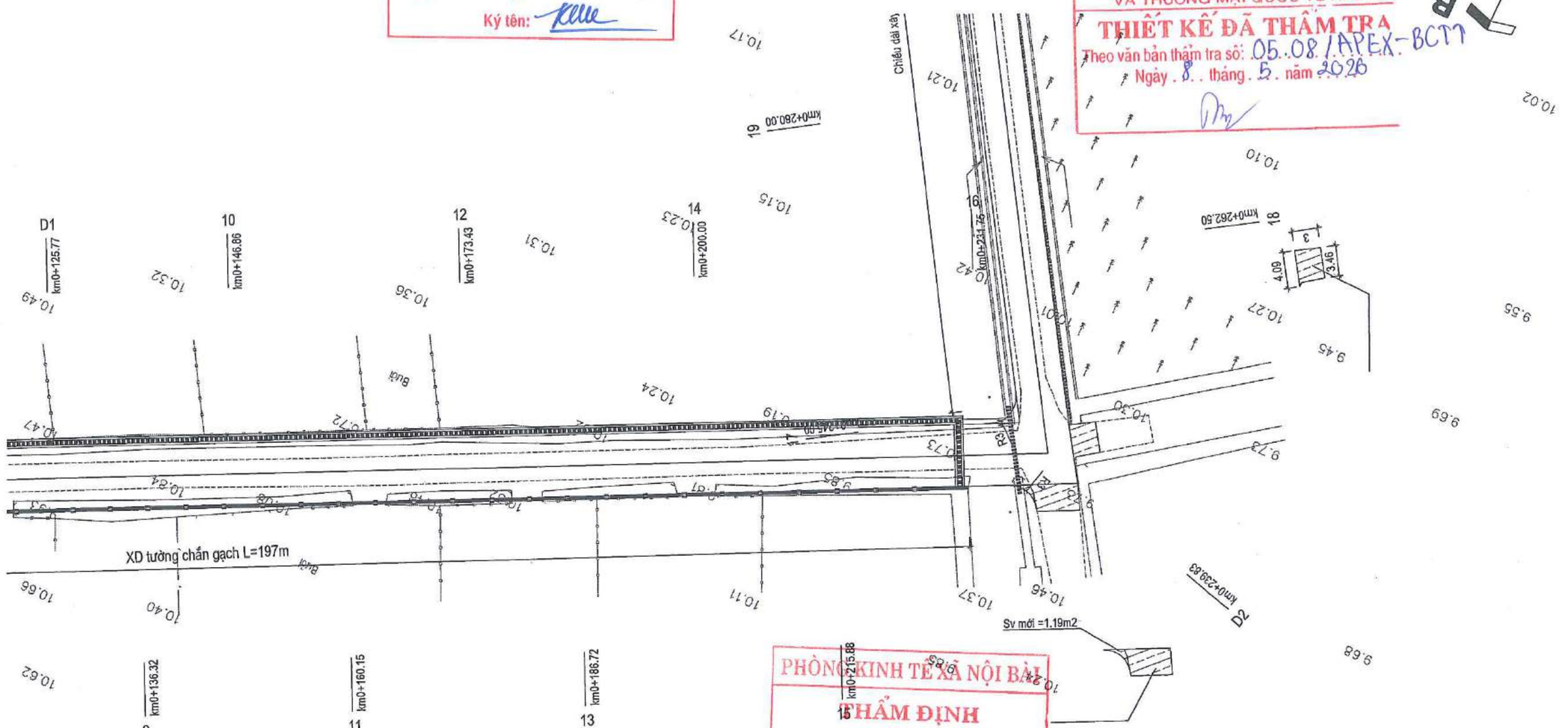


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-02 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHỦ ĐẦU TƯ - XÃ NỘI BÀI - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT - M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P - KIM ANH - TP. HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

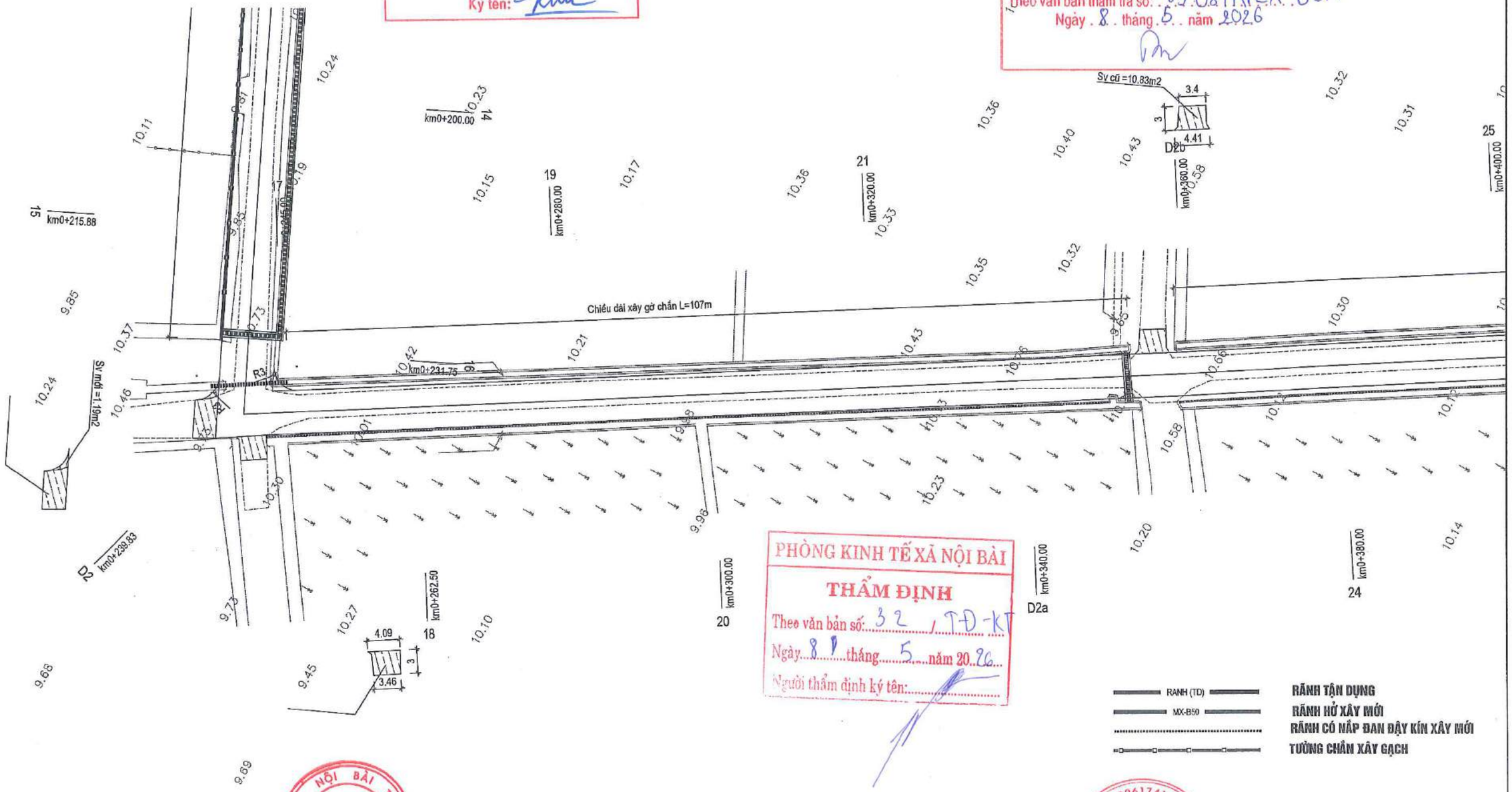


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-03 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

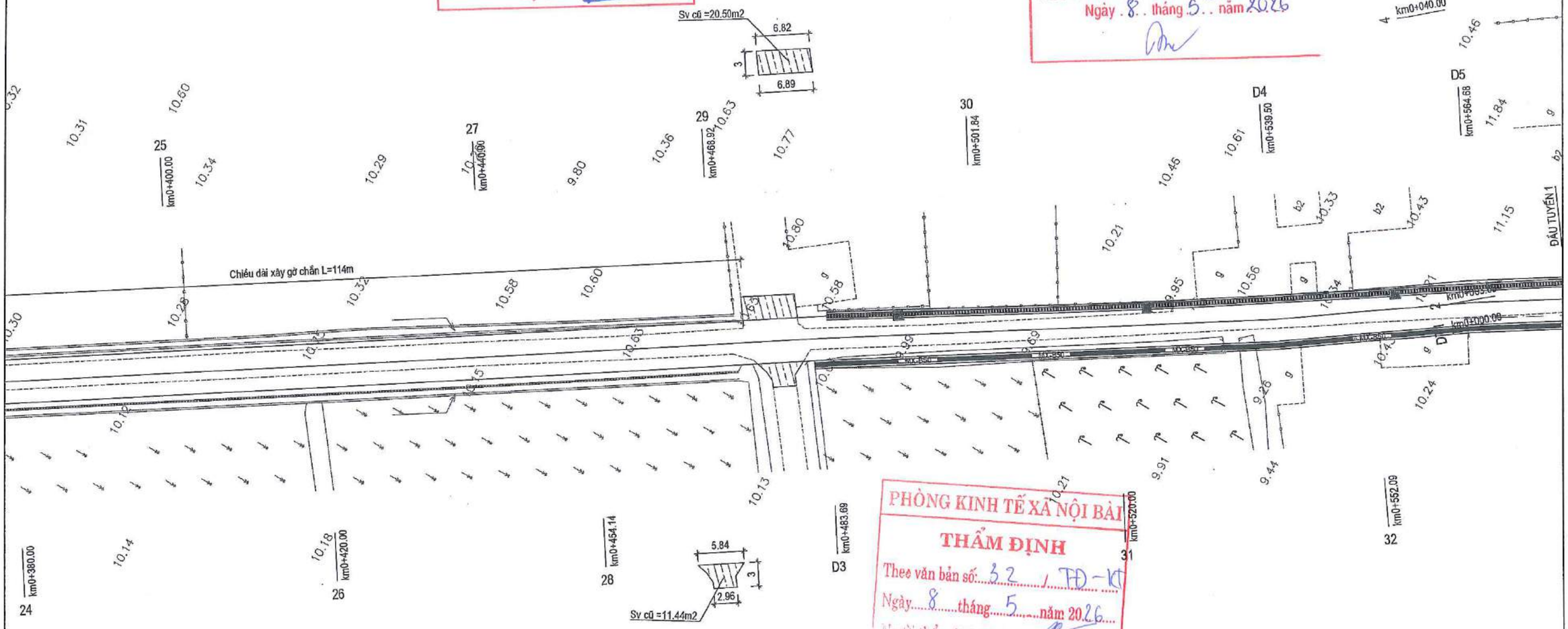


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-04 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 242 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 . 08 / APEX - BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

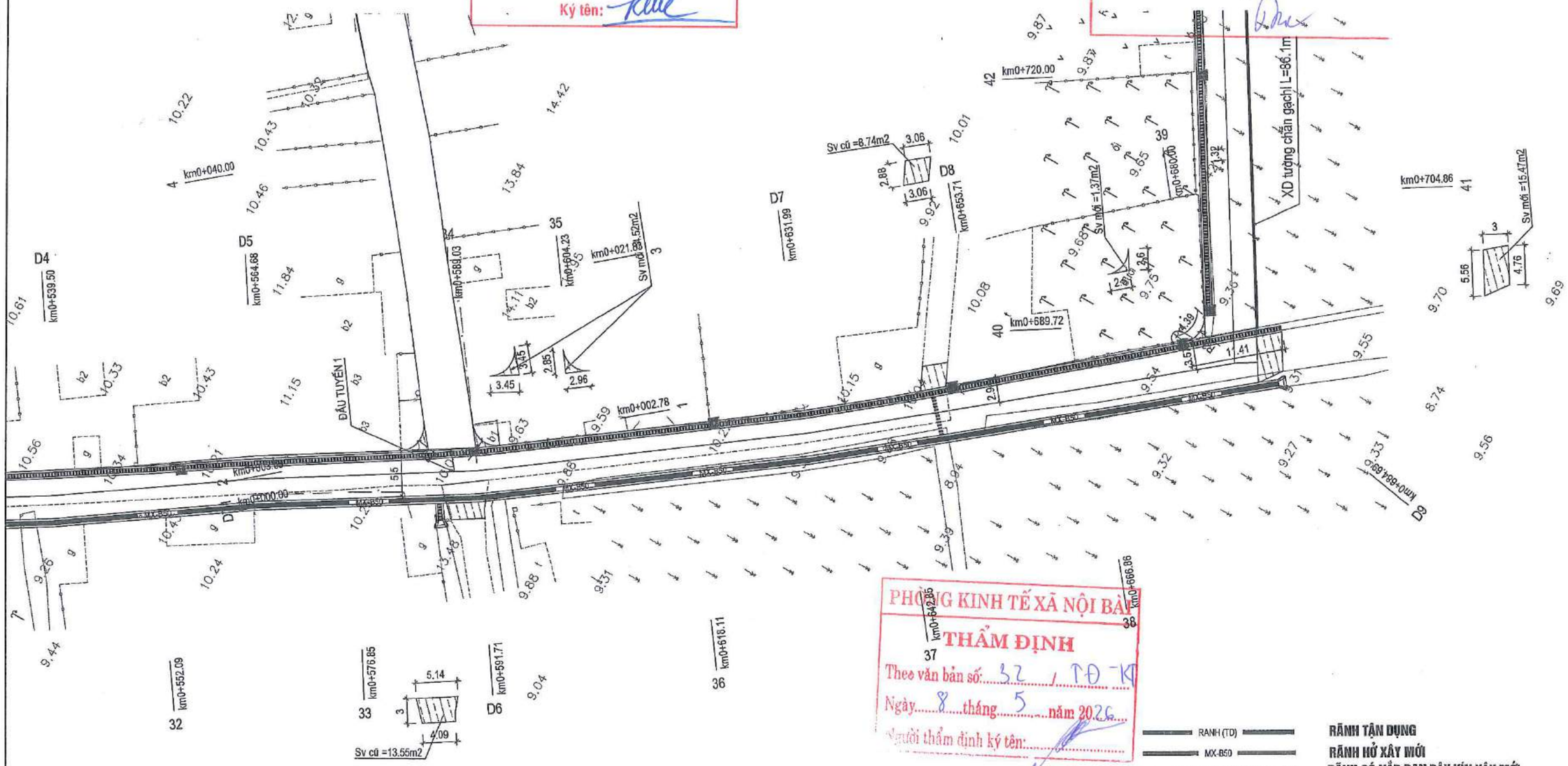


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - TT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-05 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

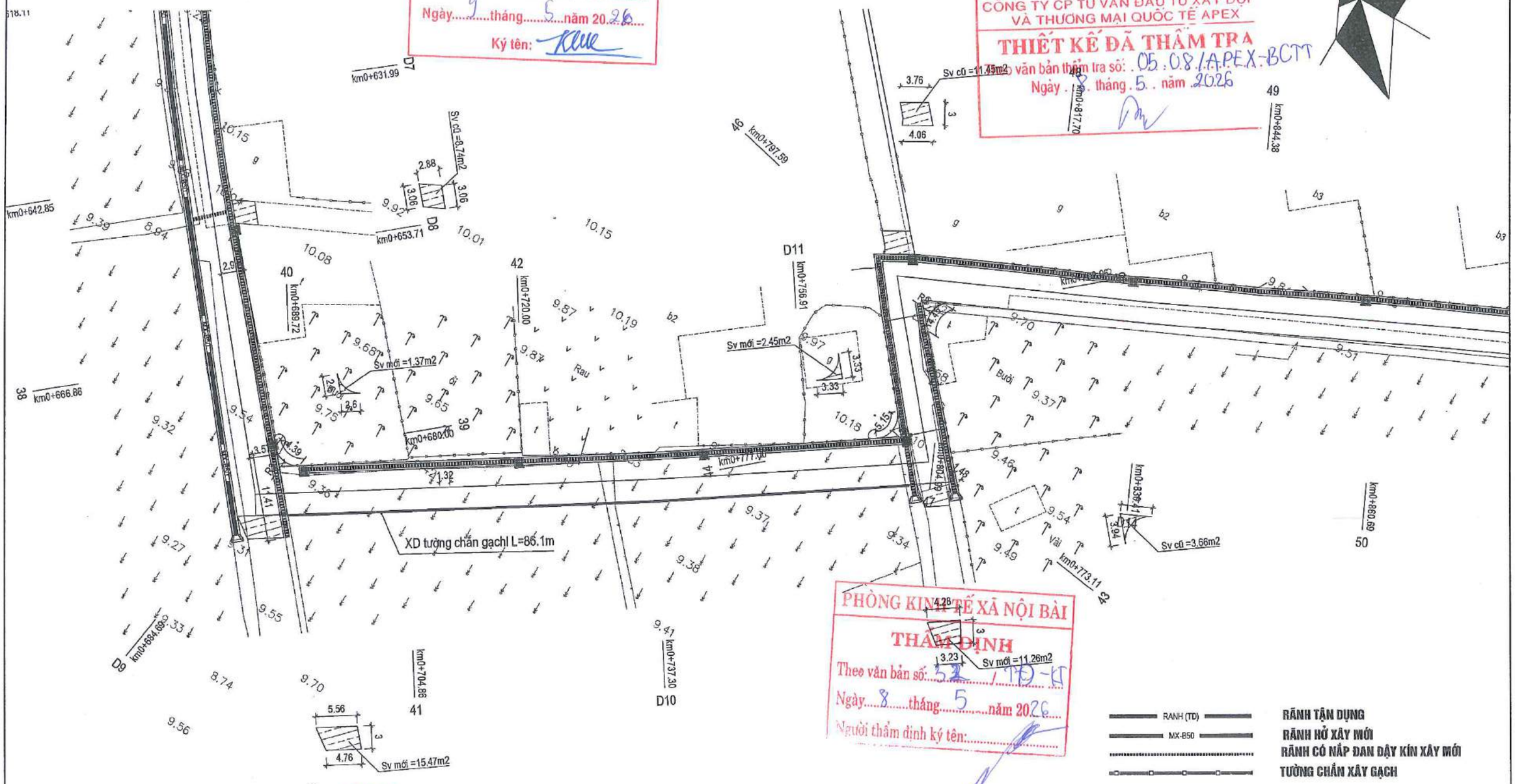


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 / TTD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-06 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐKT
Ngày 18 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

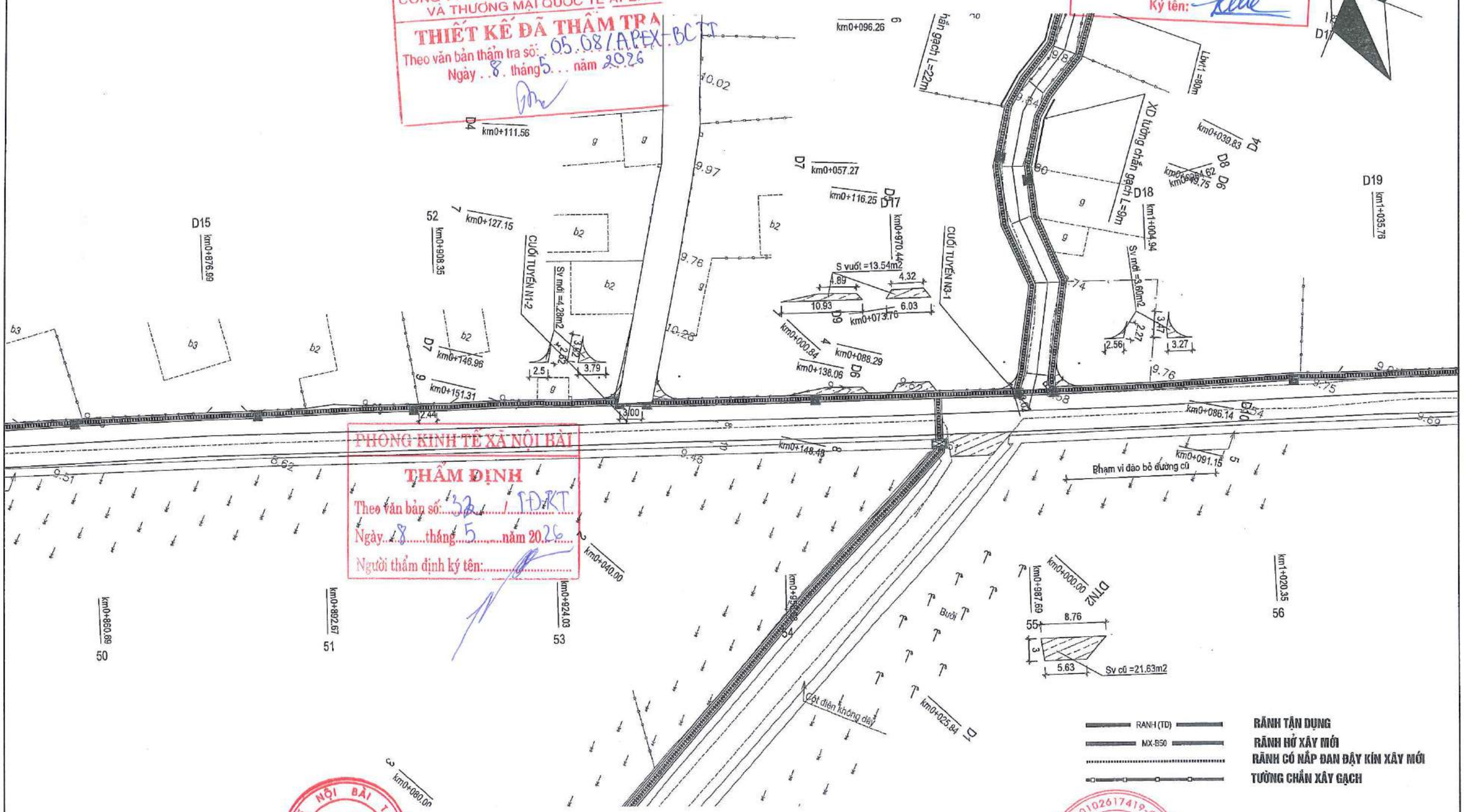


| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
| | | | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 / SỐ HIỆU: T4-BDTK-07 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT M.S.D.N: 0102617419-C.T.C.P KIM ANH - TP. HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 15 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

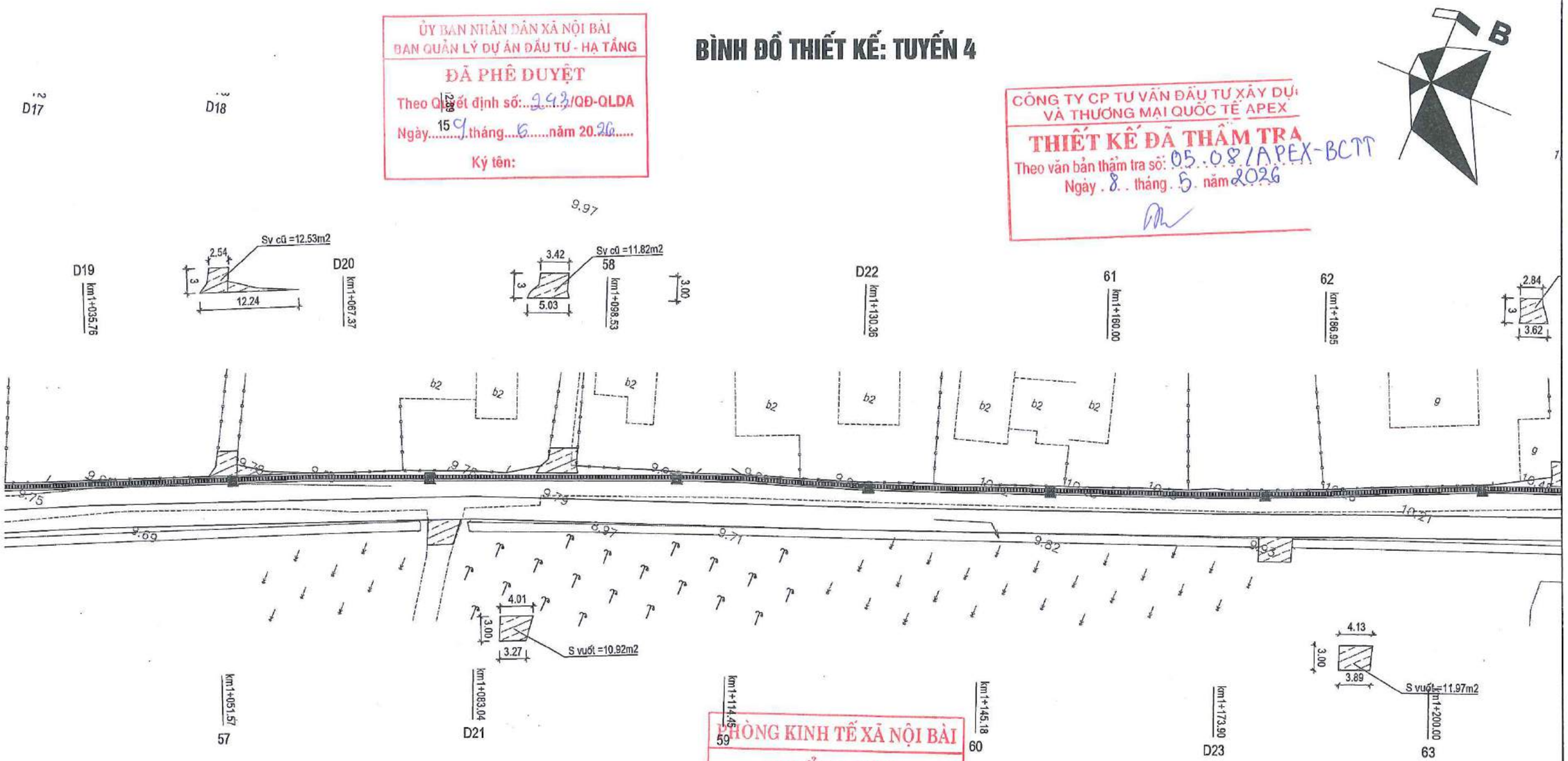


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT — PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T4-BDTK-08 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

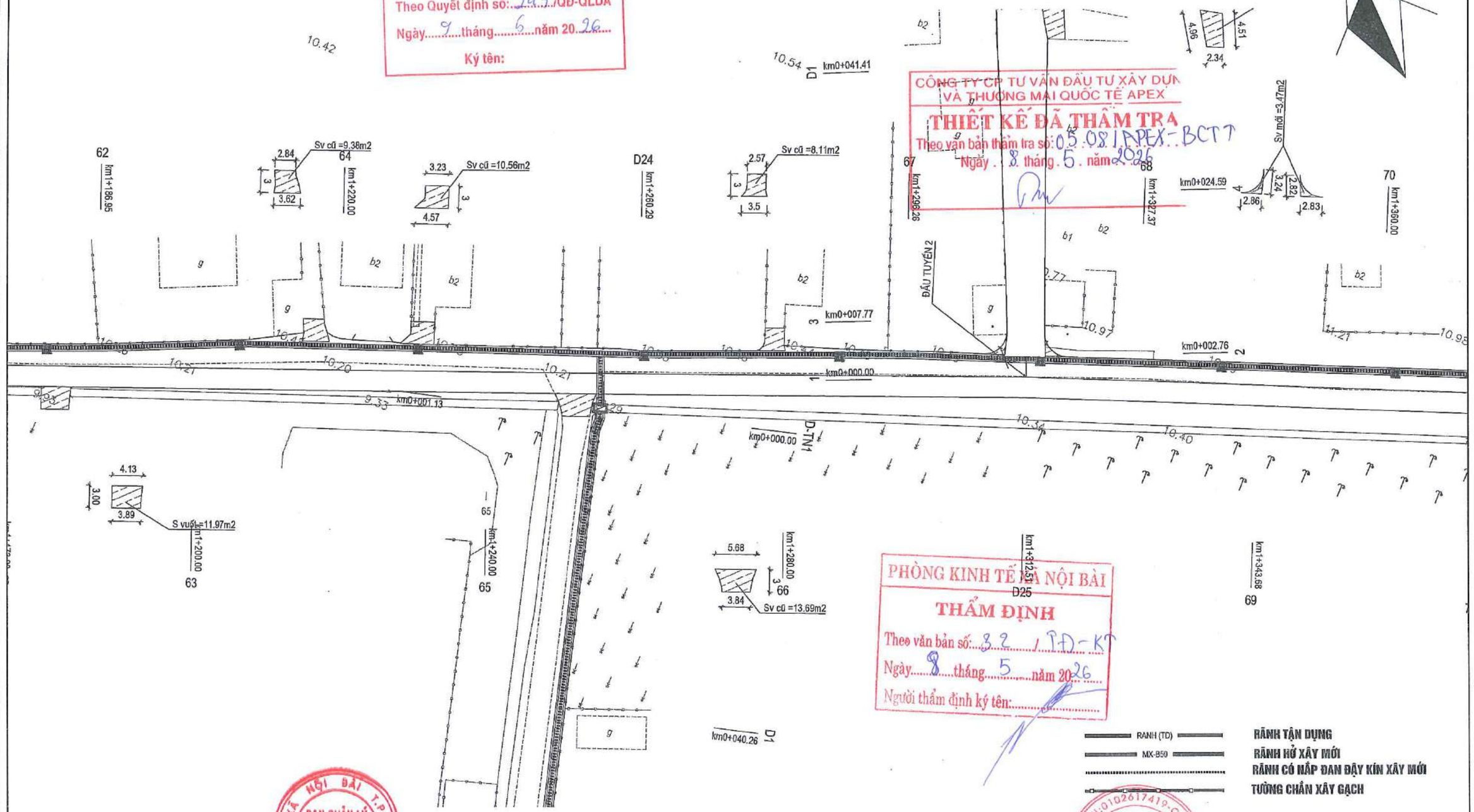


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RANH (TD)
MX-B50
RÃNH TẬN DỤNG
RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-09 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

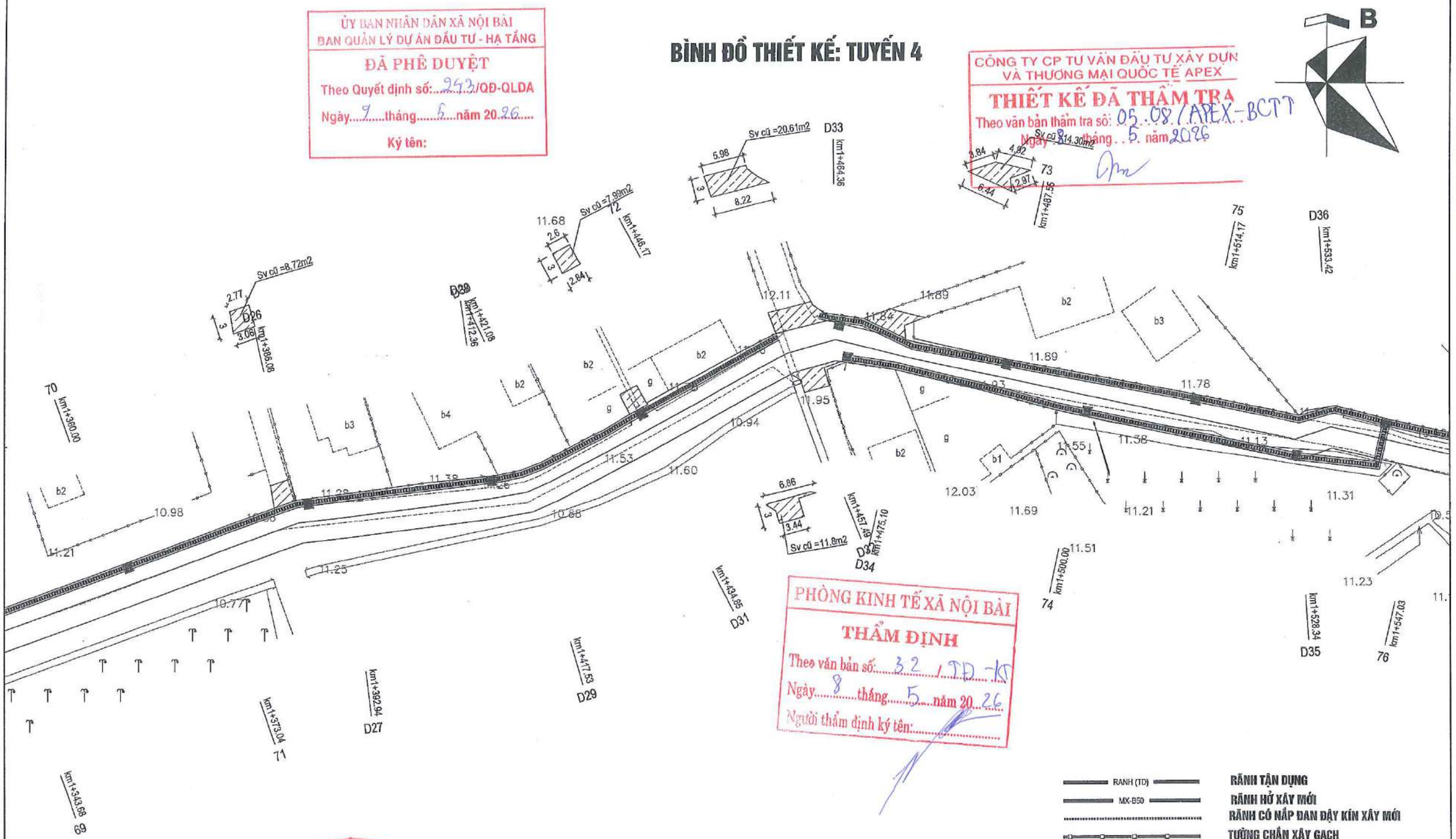


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-10 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 - 08 / APEX-BC
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

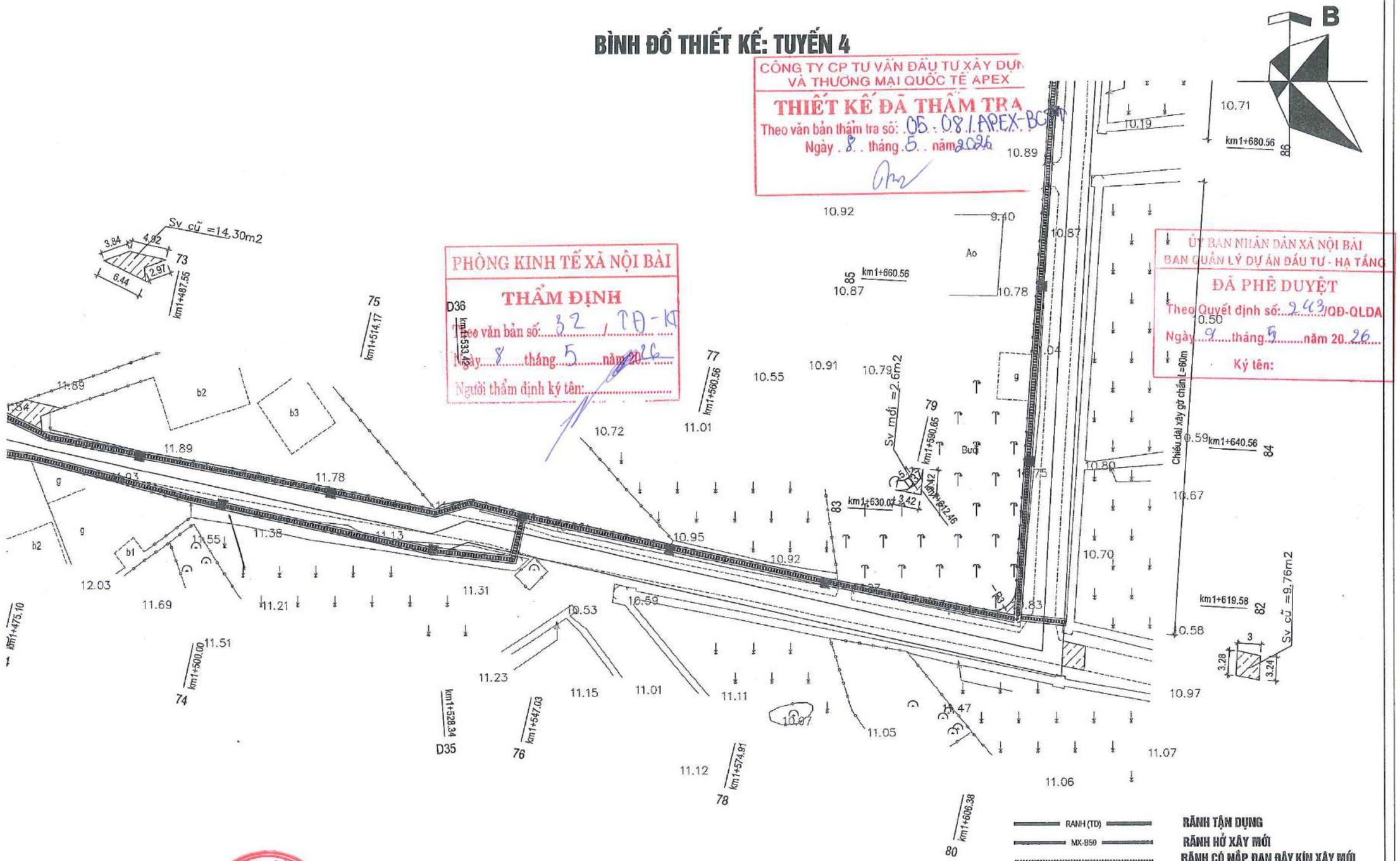


| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-11 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

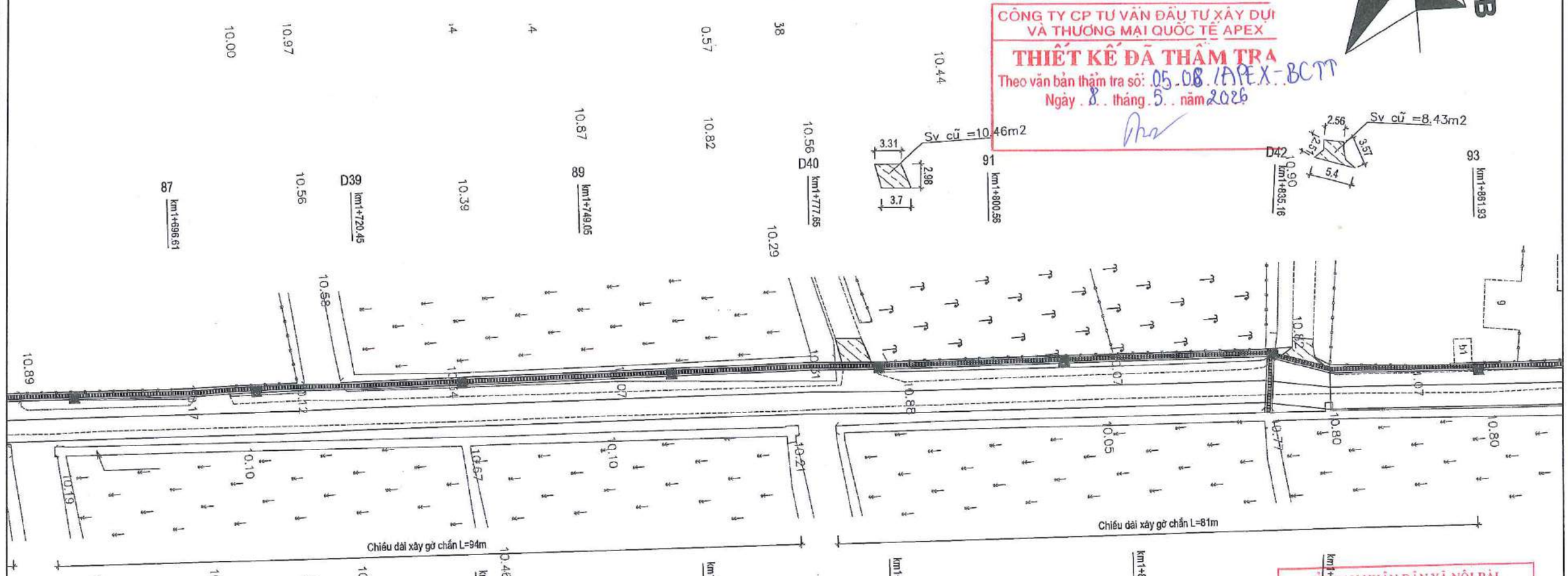


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 4 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-12 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4

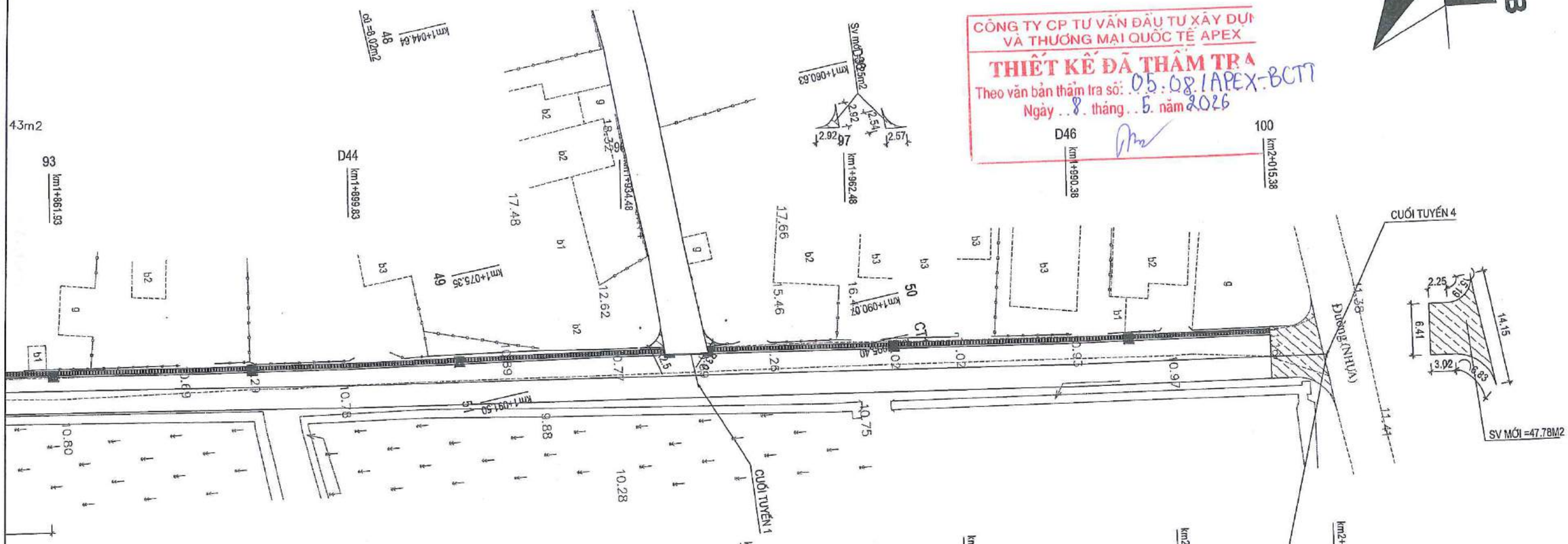


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

RANH (TD) — RÃNH TẬN DỤNG
MX-B50 — RÃNH HỞ XÂY MỚI
RÃNH CÓ NẮP ĐAN ĐẬY KÍN XÂY MỚI
TƯỜNG CHẮN XÂY GẠCH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-13 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

Diện tích vuốt tuyến 4

| STT | Vị trí | Diện tích (m2) | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Mới | Cũ | |
| 1 | Cọc 1-2 | | 86.17 | Đầu tuyến |
| 2 | Cọc D2 | 1.19 | 15.09 | Phải |
| 3 | Cọc 17 | | 10.74 | Phải |
| 4 | Cọc D2b | | 10.83 | Trái |
| 5 | Cọc 29+7m | | 20.50 | Trái |
| 6 | Cọc 29+7m | | 11.44 | Phải |
| 7 | Cọc D6 | | 13.55 | Phải |
| 8 | Cọc 37+5m | | 8.74 | Trái |
| 9 | Cọc D9 | 15.47 | | Phải |
| 10 | Cọc D9 | 1.37 | | Trái |
| 11 | Cọc 43 | 11.26 | | Phải |
| 12 | Cọc 43 | 2.45 | | Trái |
| 13 | Cọc 46 | | 11.45 | Trái |
| 14 | Cọc 46 | | 3.66 | Phải |
| 15 | Cọc D17 | | 13.54 | Trái |
| 16 | Cọc D17+10m | | 21.63 | Phải |
| 17 | Cọc 57 | | 12.53 | Trái |
| 18 | Cọc D21+10m | | 11.82 | Trái |
| 19 | Cọc 63+16m | | 9.38 | Trái |
| 20 | Cọc 64+11m | | 10.56 | Trái |
| 21 | Cọc 65+10m | | 13.69 | Phải |
| 22 | Cọc 66 | | 8.11 | Trái |
| 23 | Cọc D26 | | 8.72 | Trái |
| 24 | Cọc D31 | | 7.99 | Trái |
| 25 | Cọc D32 | | 20.61 | Trái |
| 26 | Cọc D32 | | 11.80 | Phải |
| 27 | Cọc D34 | | 14.30 | Trái |
| 28 | Cọc D37 | 2.60 | 9.76 | 2 bên |
| 29 | Cọc D40+5m | | 10.46 | Trái |
| 30 | Cọc D42+4m | | 8.43 | Trái |
| 31 | Cọc 100-101 | 47.78 | | Cuối tuyến |
| **Tổng** | | **82.12** | **385.50** | |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / PTD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTK-14 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | | |

Bảng tọa độ cọc(Đầy đủ)

| TT | Tên Cọc | X | Y | Lý trình |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | 2,350,210.38 | 581,642.07 | KM0+000.00 |
| 2 | 2 | 2,350,204.90 | 581,631.18 | KM0+012.20 |
| 3 | 3 | 2,350,198.64 | 581,618.76 | KM0+026.10 |
| 4 | 4 | 2,350,192.39 | 581,606.35 | KM0+040.00 |
| 5 | 5 | 2,350,183.39 | 581,588.48 | KM0+060.00 |
| 6 | 6 | 2,350,174.40 | 581,570.62 | KM0+080.00 |
| 7 | 7 | 2,350,167.77 | 581,557.45 | KM0+094.74 |
| 8 | 8 | 2,350,160.79 | 581,543.60 | KM0+110.26 |
| 9 | D1 | 2,350,153.81 | 581,529.74 | KM0+125.77 |
| 10 | 9 | 2,350,149.13 | 581,520.29 | KM0+136.32 |
| 11 | 10 | 2,350,144.45 | 581,510.84 | KM0+146.86 |
| 12 | 11 | 2,350,138.55 | 581,498.93 | KM0+160.15 |
| 13 | 12 | 2,350,132.66 | 581,487.03 | KM0+173.43 |
| 14 | 13 | 2,350,126.76 | 581,475.13 | KM0+186.72 |
| 15 | 14 | 2,350,120.87 | 581,463.22 | KM0+200.00 |
| 16 | 15 | 2,350,113.82 | 581,448.99 | KM0+215.88 |
| 17 | 16 | 2,350,106.78 | 581,434.77 | KM0+231.75 |
| 18 | D2 | 2,350,103.19 | 581,427.52 | KM0+239.83 |
| 19 | 17 | 2,350,098.82 | 581,430.29 | KM0+245.00 |
| 20 | 18 | 2,350,084.04 | 581,439.64 | KM0+262.50 |
| 21 | 19 | 2,350,069.25 | 581,449.00 | KM0+280.00 |
| 22 | 20 | 2,350,052.35 | 581,459.69 | KM0+300.00 |
| 23 | 21 | 2,350,035.45 | 581,470.39 | KM0+320.00 |
| 24 | D2a | 2,350,018.55 | 581,481.08 | KM0+340.00 |
| 25 | D2b | 2,350,001.61 | 581,491.73 | KM0+360.00 |
| 26 | 24 | 2,349,984.82 | 581,502.59 | KM0+380.00 |
| 27 | 25 | 2,349,968.03 | 581,513.45 | KM0+400.00 |
| 28 | 26 | 2,349,951.24 | 581,524.31 | KM0+420.00 |
| 29 | 27 | 2,349,934.44 | 581,535.17 | KM0+440.00 |
| 30 | 28 | 2,349,922.57 | 581,542.86 | KM0+454.14 |
| 31 | 29 | 2,349,910.16 | 581,550.88 | KM0+468.92 |
| 32 | D3 | 2,349,897.76 | 581,558.90 | KM0+483.69 |
| 33 | 30 | 2,349,882.37 | 581,568.53 | KM0+501.84 |
| 34 | 31 | 2,349,866.97 | 581,578.16 | KM0+520.00 |
| 35 | D4 | 2,349,850.44 | 581,588.50 | KM0+539.50 |
| 36 | 32 | 2,349,840.09 | 581,595.66 | KM0+552.09 |
| 37 | D5 | 2,349,829.73 | 581,602.83 | KM0+564.68 |
| 38 | 33 | 2,349,819.41 | 581,609.29 | KM0+576.85 |
| 39 | 34 | 2,349,809.10 | 581,615.74 | KM0+589.03 |
| 40 | D6 | 2,349,806.82 | 581,617.17 | KM0+591.71 |
| 41 | 35 | 2,349,796.73 | 581,624.57 | KM0+604.23 |
| 42 | 36 | 2,349,785.54 | 581,632.78 | KM0+618.11 |
| 43 | D7 | 2,349,774.35 | 581,641.00 | KM0+631.99 |
| 44 | 37 | 2,349,765.88 | 581,647.79 | KM0+642.85 |
| 45 | D8 | 2,349,757.41 | 581,654.59 | KM0+653.71 |
| 46 | 38 | 2,349,747.20 | 581,662.88 | KM0+666.86 |
| 47 | 39 | 2,349,737.00 | 581,671.16 | KM0+680.00 |
| 48 | D9 | 2,349,733.36 | 581,674.12 | KM0+684.69 |
| 49 | 40 | 2,349,736.03 | 581,678.38 | KM0+689.72 |
| 50 | 41 | 2,349,744.07 | 581,691.21 | KM0+704.86 |

Bảng tọa độ cọc(Đầy đủ)

| TT | Tên Cọc | X | Y | Lý trình |
|---|---|---|---|---|
| 51 | 42 | 2,349,752.12 | 581,704.04 | KM0+720.00 |
| 52 | D10 | 2,349,761.31 | 581,718.70 | KM0+737.30 |
| 53 | D11 | 2,349,772.06 | 581,735.09 | KM0+756.91 |
| 54 | 43 | 2,349,781.01 | 581,748.59 | KM0+773.11 |
| 55 | 44 | 2,349,783.99 | 581,746.08 | KM0+777.00 |
| 56 | 45 | 2,349,795.52 | 581,736.38 | KM0+792.06 |
| 57 | 46 | 2,349,799.75 | 581,732.82 | KM0+797.59 |
| 58 | 47 | 2,349,802.73 | 581,739.59 | KM0+804.99 |
| 59 | 48 | 2,349,807.86 | 581,751.22 | KM0+817.70 |
| 60 | D14 | 2,349,812.98 | 581,762.86 | KM0+830.41 |
| 61 | 49 | 2,349,818.90 | 581,775.51 | KM0+844.38 |
| 62 | 50 | 2,349,825.81 | 581,790.27 | KM0+860.69 |
| 63 | D15 | 2,349,832.72 | 581,805.04 | KM0+876.99 |
| 64 | 51 | 2,349,839.01 | 581,819.40 | KM0+892.67 |
| 65 | 52 | 2,349,845.30 | 581,833.77 | KM0+908.35 |
| 66 | 53 | 2,349,851.59 | 581,848.13 | KM0+924.03 |
| 67 | D16 | 2,349,857.89 | 581,862.50 | KM0+939.71 |
| 68 | 54 | 2,349,863.99 | 581,876.60 | KM0+955.08 |
| 69 | D17 | 2,349,870.09 | 581,890.70 | KM0+970.44 |
| 70 | 55 | 2,349,877.09 | 581,906.46 | KM0+987.69 |
| 71 | D18 | 2,349,884.09 | 581,922.23 | KM1+004.94 |
| 72 | 56 | 2,349,890.58 | 581,936.20 | KM1+020.35 |
| 73 | D19 | 2,349,897.08 | 581,950.18 | KM1+035.76 |
| 74 | 57 | 2,349,903.34 | 581,964.69 | KM1+051.57 |
| 75 | D20 | 2,349,909.60 | 581,979.20 | KM1+067.37 |
| 76 | D21 | 2,349,915.76 | 581,993.61 | KM1+083.04 |
| 77 | 58 | 2,349,921.11 | 582,008.14 | KM1+098.53 |
| 78 | 59 | 2,349,926.61 | 582,023.08 | KM1+114.45 |
| 79 | D22 | 2,349,932.11 | 582,038.02 | KM1+130.36 |
| 80 | 60 | 2,349,937.34 | 582,051.88 | KM1+145.18 |
| 81 | 61 | 2,349,942.57 | 582,065.75 | KM1+160.00 |
| 82 | D23 | 2,349,947.47 | 582,078.75 | KM1+173.90 |
| 83 | 62 | 2,349,952.18 | 582,090.92 | KM1+186.95 |
| 84 | 63 | 2,349,956.88 | 582,103.10 | KM1+200.00 |
| 85 | 64 | 2,349,964.10 | 582,121.75 | KM1+220.00 |
| 86 | 65 | 2,349,971.31 | 582,140.40 | KM1+240.00 |
| 87 | D24 | 2,349,978.63 | 582,159.33 | KM1+260.29 |
| 88 | 66 | 2,349,985.81 | 582,177.68 | KM1+280.00 |
| 89 | 67 | 2,349,991.74 | 582,192.82 | KM1+296.26 |
| 90 | D25 | 2,349,997.66 | 582,207.96 | KM1+312.51 |
| 91 | 68 | 2,350,002.67 | 582,221.94 | KM1+327.37 |
| 92 | 69 | 2,350,008.17 | 582,237.30 | KM1+343.68 |
| 93 | 70 | 2,350,013.68 | 582,252.67 | KM1+360.00 |
| 94 | 71 | 2,350,018.08 | 582,264.94 | KM1+373.04 |
| 95 | D26 | 2,350,022.47 | 582,277.21 | KM1+386.08 |
| 96 | D27 | 2,350,023.26 | 582,284.03 | KM1+392.94 |
| 97 | D28 | 2,350,025.69 | 582,303.30 | KM1+412.36 |

Bảng tọa độ cọc(Đầy đủ)

| TT | Tên Cọc | X | Y | Lý trình |
|---|---|---|---|---|
| 98 | D29 | 2,350,026.56 | 582,308.40 | KM1+417.53 |
| 99 | D30 | 2,350,027.97 | 582,311.65 | KM1+421.08 |
| 100 | D31 | 2,350,034.35 | 582,323.85 | KM1+434.85 |
| 101 | 72 | 2,350,039.76 | 582,333.80 | KM1+446.17 |
| 102 | D32 | 2,350,045.18 | 582,343.74 | KM1+457.49 |
| 103 | D33 | 2,350,047.03 | 582,350.35 | KM1+464.36 |
| 104 | D34 | 2,350,044.47 | 582,360.79 | KM1+475.10 |
| 105 | 73 | 2,350,041.85 | 582,372.96 | KM1+487.55 |
| 106 | 74 | 2,350,039.24 | 582,385.13 | KM1+500.00 |
| 107 | 75 | 2,350,036.26 | 582,398.98 | KM1+514.17 |
| 108 | D35 | 2,350,033.28 | 582,412.84 | KM1+528.34 |
| 109 | D36 | 2,350,034.98 | 582,417.62 | KM1+533.42 |
| 110 | 76 | 2,350,031.96 | 582,430.89 | KM1+547.03 |
| 111 | 77 | 2,350,028.97 | 582,444.08 | KM1+560.56 |
| 112 | 78 | 2,350,025.79 | 582,458.08 | KM1+574.91 |
| 113 | 79 | 2,350,022.30 | 582,473.42 | KM1+590.65 |
| 114 | 80 | 2,350,018.81 | 582,488.77 | KM1+606.38 |
| 115 | D37 | 2,350,017.47 | 582,494.70 | KM1+612.46 |
| 116 | 82 | 2,350,024.57 | 582,495.10 | KM1+619.58 |
| 117 | 83 | 2,350,035.04 | 582,495.70 | KM1+630.07 |
| 118 | 84 | 2,350,045.52 | 582,496.30 | KM1+640.56 |
| 119 | 85 | 2,350,065.48 | 582,497.45 | KM1+660.56 |
| 120 | 86 | 2,350,085.45 | 582,498.59 | KM1+680.56 |
| 121 | 87 | 2,350,101.48 | 582,499.51 | KM1+696.61 |
| 122 | D38 | 2,350,117.50 | 582,500.43 | KM1+712.66 |
| 123 | D39 | 2,350,125.29 | 582,500.74 | KM1+720.45 |
| 124 | 88 | 2,350,139.56 | 582,501.53 | KM1+734.75 |
| 125 | 89 | 2,350,153.84 | 582,502.32 | KM1+749.05 |
| 126 | 90 | 2,350,168.12 | 582,503.11 | KM1+763.35 |
| 127 | D40 | 2,350,182.40 | 582,503.90 | KM1+777.65 |
| 128 | D41 | 2,350,192.10 | 582,504.75 | KM1+787.39 |
| 129 | 91 | 2,350,205.24 | 582,505.60 | KM1+800.56 |
| 130 | 92 | 2,350,222.51 | 582,506.72 | KM1+817.86 |
| 131 | D42 | 2,350,239.77 | 582,507.84 | KM1+835.16 |
| 132 | D43 | 2,350,247.75 | 582,509.45 | KM1+843.30 |
| 133 | 93 | 2,350,266.34 | 582,510.70 | KM1+861.93 |
| 134 | 94 | 2,350,284.92 | 582,511.95 | KM1+880.56 |
| 135 | D44 | 2,350,304.16 | 582,513.25 | KM1+899.83 |
| 136 | 95 | 2,350,324.85 | 582,514.44 | KM1+920.56 |
| 137 | 96 | 2,350,338.74 | 582,515.25 | KM1+934.48 |
| 138 | D45 | 2,350,352.63 | 582,516.05 | KM1+948.39 |
| 139 | 97 | 2,350,366.70 | 582,516.91 | KM1+962.48 |
| 140 | 98 | 2,350,380.62 | 582,517.76 | KM1+976.43 |
| 141 | D46 | 2,350,394.54 | 582,518.61 | KM1+990.38 |
| 142 | 99 | 2,350,407.03 | 582,519.23 | KM2+002.88 |
| 143 | 100 | 2,350,419.51 | 582,519.85 | KM2+015.38 |
| 144 | 101 | 2,350,426.49 | 582,520.19 | KM2+022.36 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ ÂY DỰNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THẨM TRA KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 12 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 32 / TĐ
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 6 năm 2026

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | BẢNG TỌA ĐỘ CỌC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-TD-01 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## BẢNG THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN TUYẾN

| Tuyến | Chiều cao rãnh TB (m) | Rãnh B40 mới | Rãnh B50 mới Loại 1 (tấm đan đổ trực tiếp) | Rãnh B50 mới Loại 2 (tấm đan đúc sẵn) | Tấm đan B40 cũ | Tấm đan B50 cũ | Hố ga (B40) | | Hố ga (B40 cũ) | | Hố ga (B50) | | Hố ga (B50 cũ) | Kênh hở B50 mới | Rãnh B80 mới | Tường chắn xây gạch | | | Cửa xả | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Giữa | Đầu | Giữa | Ngoài | Giữa | Đầu | Giữa | | | Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | B50 | B80 |
| Tuyến 1 | 0,79 | 1.781,00 | | | 260,00 | | 64,00 | 8,00 | 4,00 | 2,00 | | | | | | | | | | |
| Tuyến 2 | 0,79 | 498,00 | | | 486,00 | | 15,00 | | 16,00 | | | | | | | | | | | |
| Tuyến 3 | 0,79 | 1.539,00 | | | | | 58,00 | 1,00 | | | | | | | | | | | | |
| Tuyến 4 | 1,12 | | | 215,28 | | | | | | | | | | 200,00 | | 81,60 | 197,00 | | 2,00 | |
| | 1,05 | | 7,22 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,48 | | 10,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,82 | | 6,50 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,47 | | 10,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,87 | | 6,50 | | | | | | | | | | | | | | | | 1,00 | |
| | 0,86 | | 5,50 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,80 | | 6,30 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,68 | | 5,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,75 | | 6,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,73 | | 6,70 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 0,90 | | 10,00 | | | | | | | | | | | | | | | | 1,00 | |
| | 0,84 | | 1.337,00 | | | | | | | | 55,00 | 1,00 | | | | | | | | |
| | | | | | 103,34 | 94,76 | | | 3,00 | | | | 4,00 | | | | | | | |
| Tuyến 4-1 | | | | | | | | | | | | | | | 150,70 | | | | | 1,00 |
| Tuyến 4-2 | | | | | | | | | | | | | | | 296,60 | | | | 2,00 | 1,00 |
| Tuyến N1-1 | 0,75 | 414,00 | | | | | 12,00 | | | | | | | | | | | | | |
| Tuyến N1-2 | 0,81 | 282,00 | | | | | 8,00 | 2,00 | | | | | | | | | | | | |
| Tuyến N1-3 | 0,81 | 505,00 | | | | | 18,00 | | | | | | | | | | | | | |
| Tuyến N3-1 | 0,74 | 168,00 | | | | | 5,00 | | | | | | | | | | | 31,00 | | |
| Tổng | | 5.187,00 | 1.416,72 | 215,28 | 849,34 | 94,76 | 180,00 | 11,00 | 23,00 | 2,00 | 55,00 | 1,00 | 4,00 | 200,00 | 447,30 | 81,60 | 197,00 | 31,00 | 6,00 | 2,00 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
BẢNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN TUYẾN

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: | SỐ HIỆU: T4-CTTT-01 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
TỪ CỌC 1 (LÝ TRÌNH KM0+000.00) ĐẾN CỌC 16 (LÝ TRÌNH KM0+231.75)

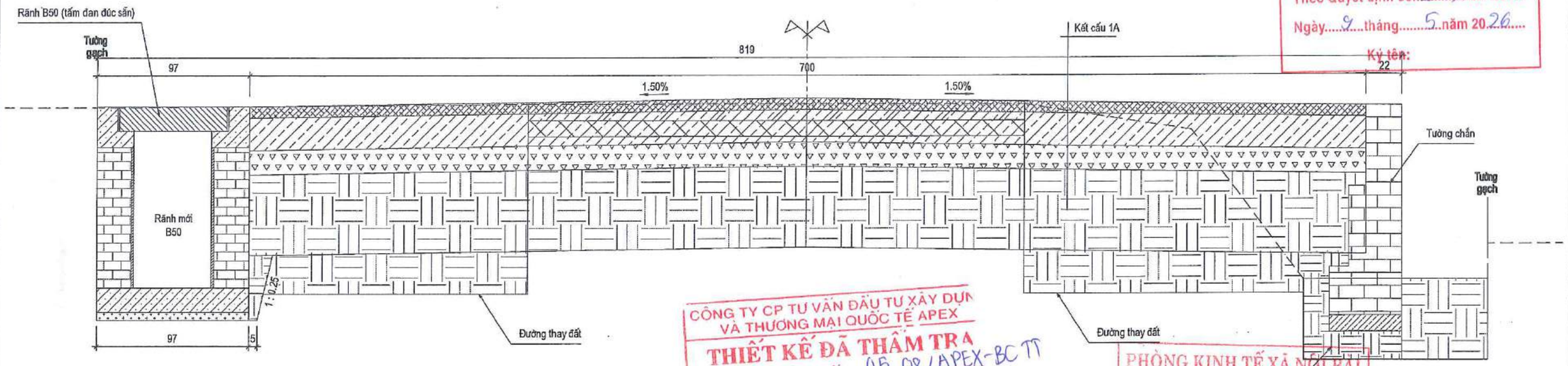


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BC TT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
TỪ CỌC 16 (LÝ TRÌNH KM0+231.75) ĐẾN CỌC D2B (LÝ TRÌNH KM0+360.00)
TỪ CỌC 28 (LÝ TRÌNH KM0+454.14) ĐẾN CỌC D3 (LÝ TRÌNH KM0+483.69)

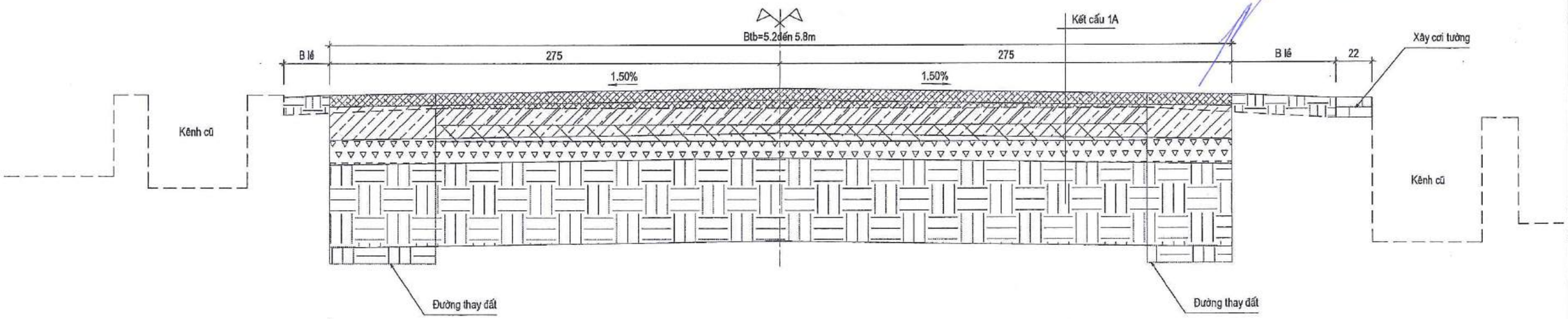


| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH | |
| 1 | | | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-DH-01 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
### TỪ CỌC D2B (LÝ TRÌNH KM0+360.00) ĐẾN CỌC 28 (LÝ TRÌNH KM0+454.14)

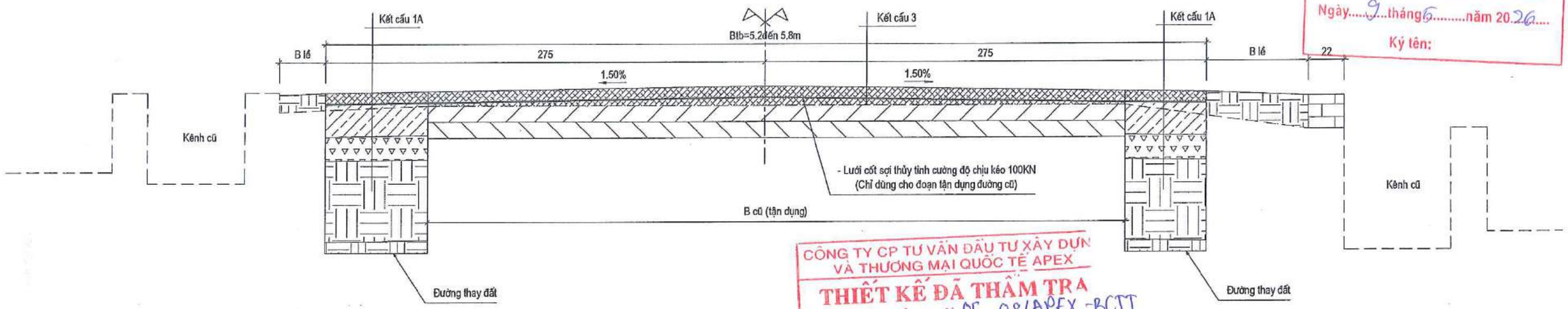


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰN
VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05..08/APEX-BCTT
Ngày .8.. tháng .5.. năm 2026

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
### TỪ CỌC D3 (LÝ TRÌNH KM0+483.69) ĐẾN CỌC 30 (LÝ TRÌNH KM0+501.84)
### TỪ CỌC D7 (LÝ TRÌNH KM0+631.99) ĐẾN CỌC D9 (LÝ TRÌNH KM0+684.69)

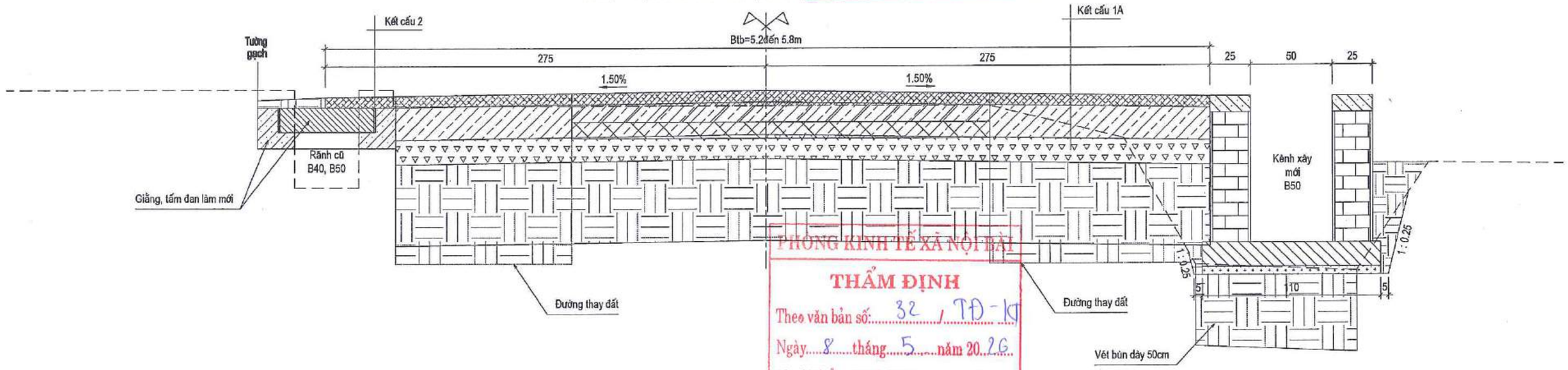


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-BH-02 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
### TỪ CỌC 30 (LÝ TRÌNH KM0+501.84) ĐẾN CỌC D7 (LÝ TRÌNH KM0+631.99)

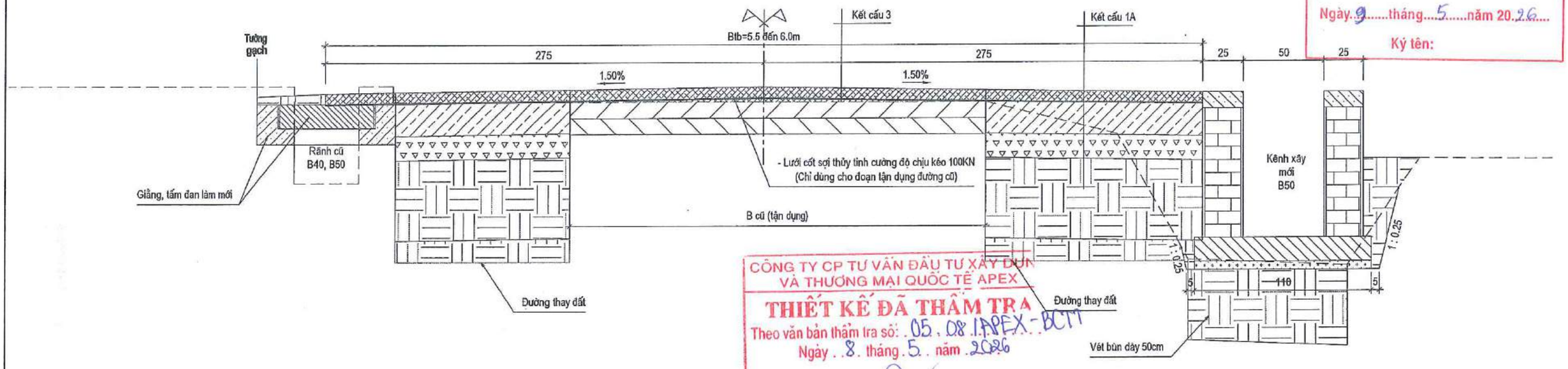


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
### TỪ CỌC D9 (LÝ TRÌNH KM0+684.69) ĐẾN CỌC D11 (LÝ TRÌNH KM0+756.91)

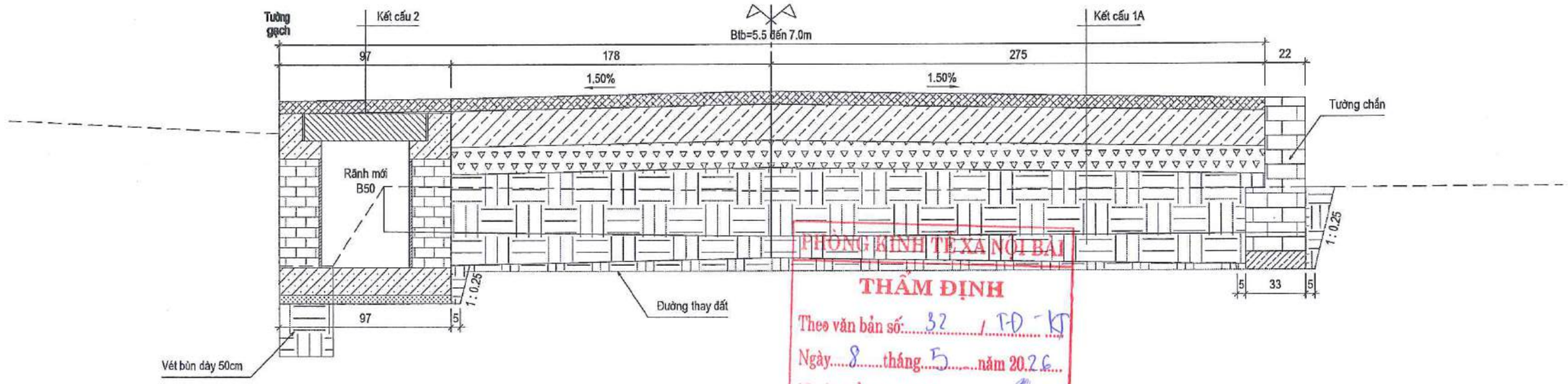


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TỶ LỆ: 1/20 — SỐ HIỆU: T4-ĐH-03 |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243../QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
TỪ CỌC D11 (LÝ TRÌNH KM0+756.91) ĐẾN CỌC 46 (LÝ TRÌNH KM0+797.59)

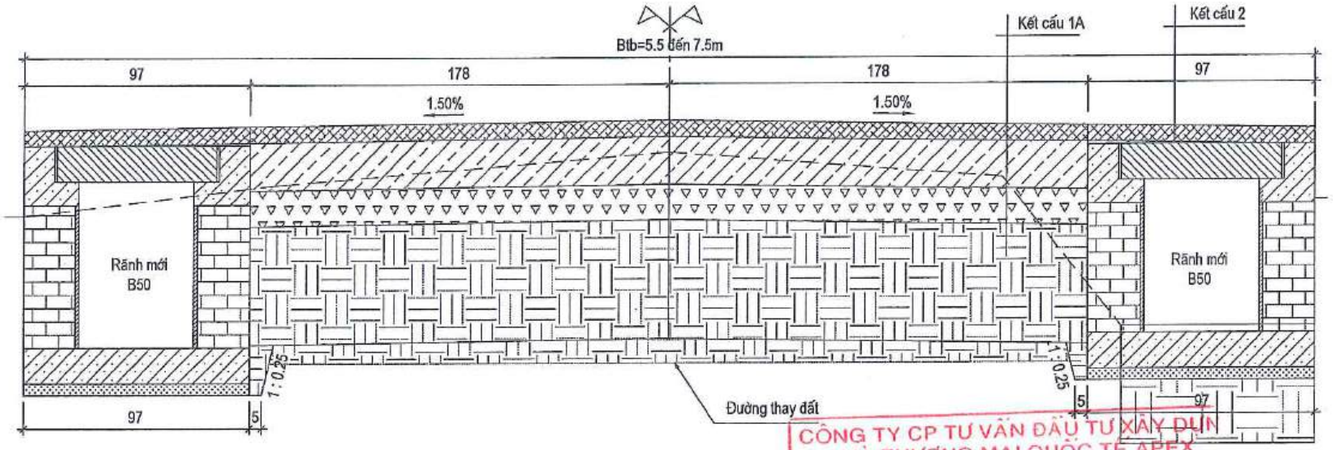


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08.IAPEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
TỪ CỌC 46 (LÝ TRÌNH KM0+797.59) ĐẾN CỌC D14 (LÝ TRÌNH KM0+830.41)
TỪ CỌC 53 (LÝ TRÌNH KM0+924.03) ĐẾN CỌC D19 (LÝ TRÌNH KM1+035.76)
TỪ CỌC D21 (LÝ TRÌNH KM1+083.04) ĐẾN CỌC D33 (LÝ TRÌNH KM1+464.36)
VÀ TỪ CỌC D92 (LÝ TRÌNH KM1+817.86) ĐẾN CỌC 101 (LÝ TRÌNH KM2+022.36)

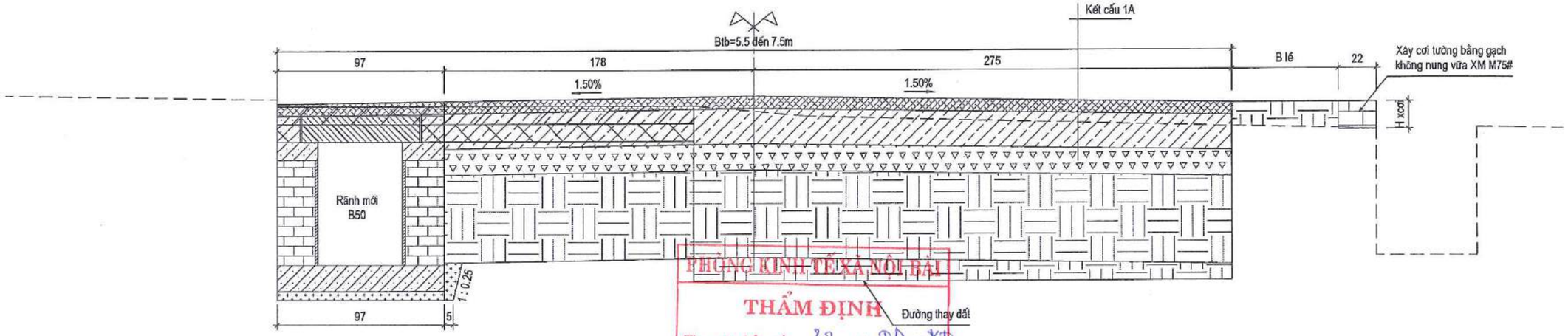


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/20 — SỐ HIỆU: T4-ĐH-04 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT M.S.D.N: 0102617419-C.T.C.P X. YÊN NINH - TP. HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
TỪ CỌC D34 (LÝ TRÌNH KM1+475.10) ĐẾN CỌC D36 (LÝ TRÌNH KM1+533.42)

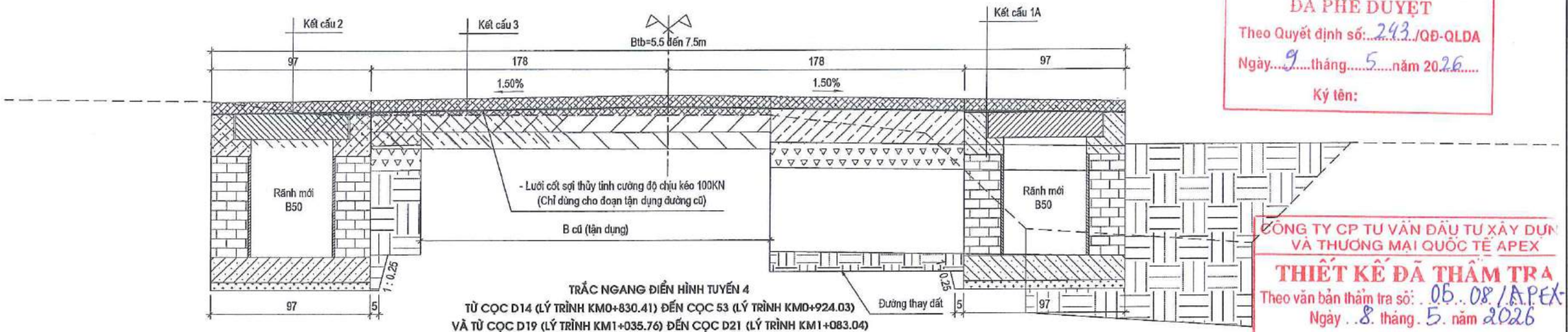


## TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4
TỪ CỌC D14 (LÝ TRÌNH KM0+830.41) ĐẾN CỌC 53 (LÝ TRÌNH KM0+924.03)
VÀ TỪ CỌC D19 (LÝ TRÌNH KM1+035.76) ĐẾN CỌC D21 (LÝ TRÌNH KM1+083.04)
VÀ TỪ CỌC D33 (LÝ TRÌNH KM1+464.36) ĐẾN CỌC D34 (LÝ TRÌNH KM1+475.10)
VÀ TỪ CỌC D36 (LÝ TRÌNH KM1+533.42) ĐẾN CỌC 92 (LÝ TRÌNH KM1+817.86)

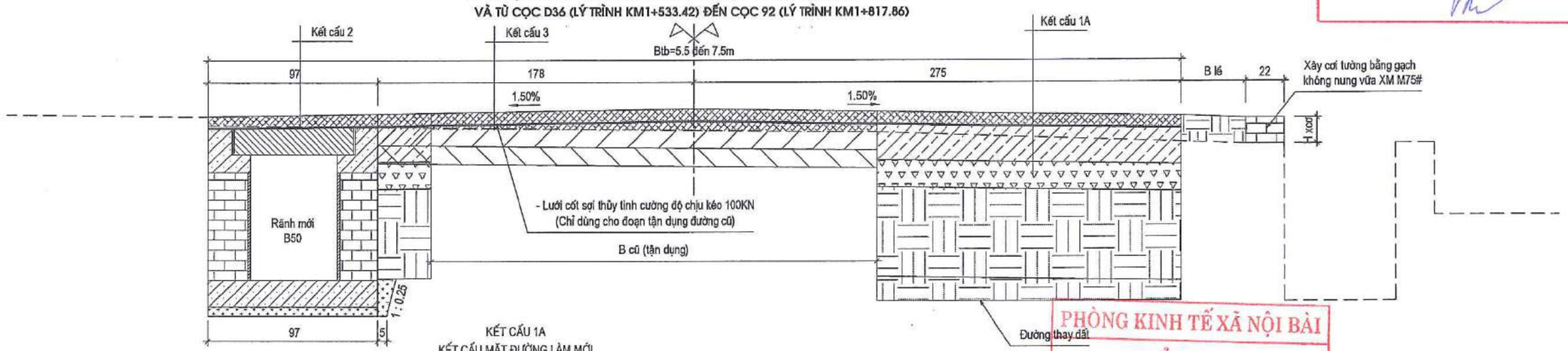


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

KẾT CẤU 1A
KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI

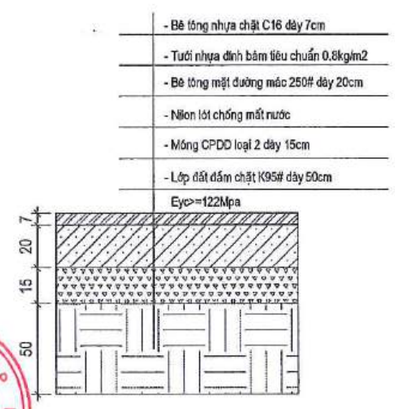


KẾT CẤU 2
TRÊN MẶT RÃNH XÂY

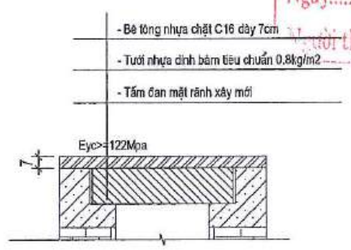


KẾT CẤU 3
KẾT CẤU TRÊN MẶT ĐƯỜNG CŨ

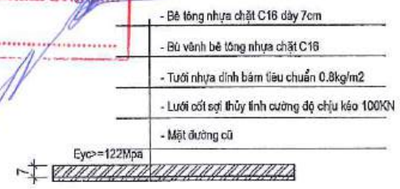


| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-DH-05 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

# MẶT BẰNG KHE KHE CO GIÃN

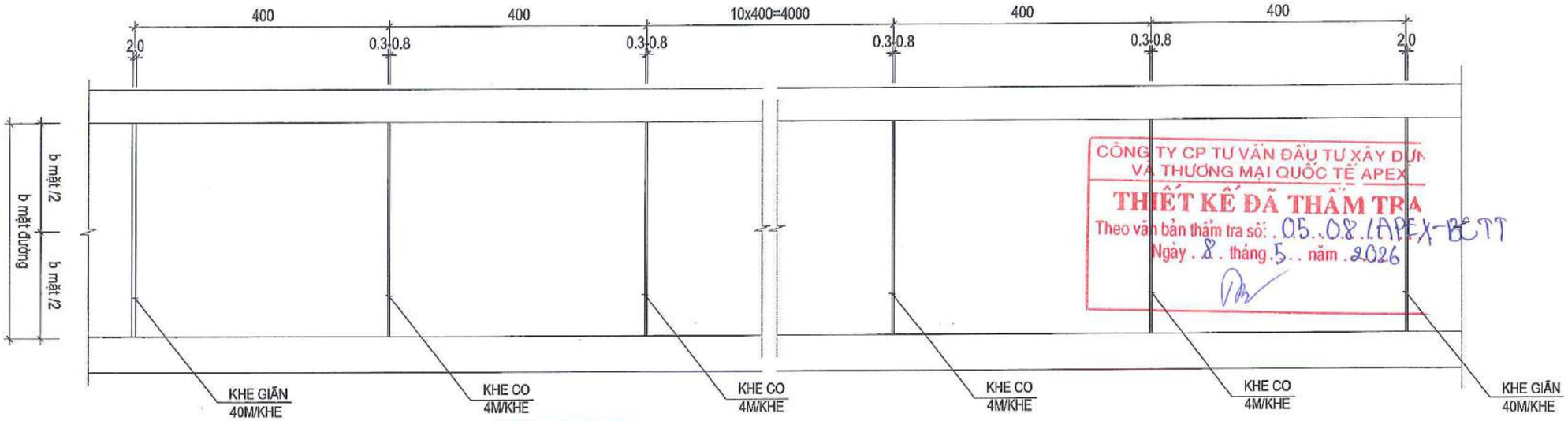


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## CHI TIẾT KHE CO

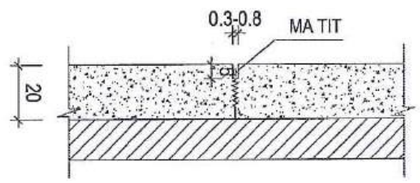


## CHI TIẾT KHE GIÃN

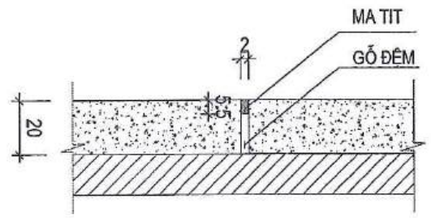


## GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ CM.
- 4M BỐ TRÍ 01 KHE CO, 40M BỐ TRÍ 01 KHE GIÃN
- SAU KHI ĐỔ XONG BÊ TÔNG MẶT ĐƯỜNG MỚI THỰC HIỆN CẮT ĐỂ HOÀN THIỆN KHE CO, KHE GIÃN.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | MẶT BẰNG KHE CO GIÃN | |
| 1 | | | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-DH-06 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH TƯỜNG CHẮN TUYẾN 4 (LOẠI 1)

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.:08./APEX-BCTT
Ngày ..8. tháng 5.. năm 2026

## MẶT CẮT NGANG TƯỜNG CHẮN

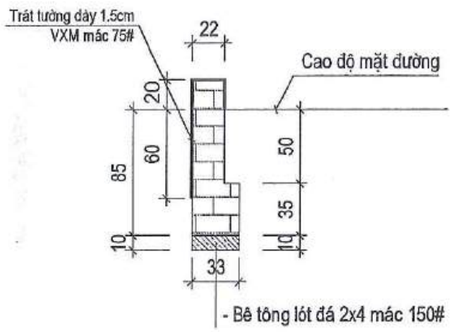


## MẶT CẮT DỌC TƯỜNG CHẮN

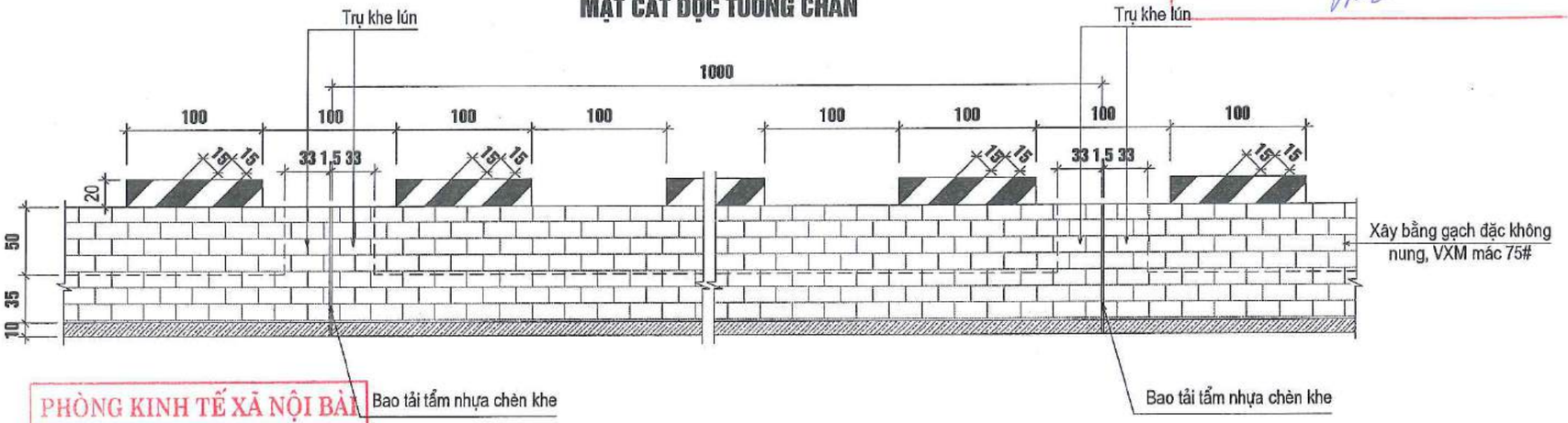


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## MẶT BẰNG TƯỜNG CHẮN

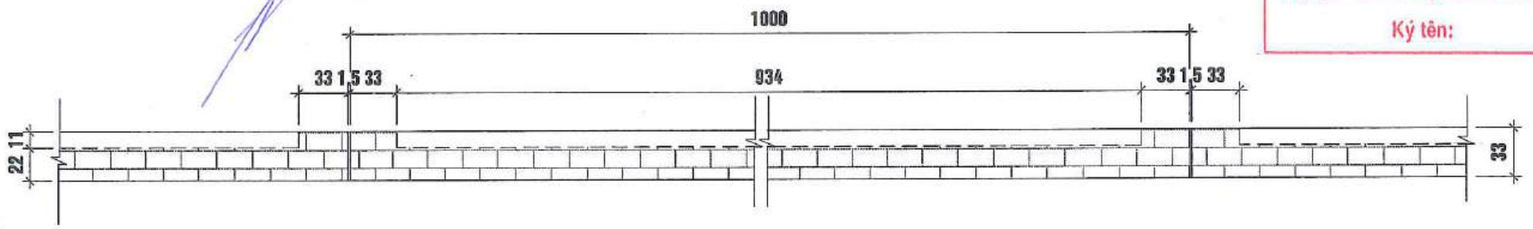


| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | ĐIỂN HÌNH TƯỜNG CHẮN | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-ĐH-07 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH TƯỜNG CHẮN TUYẾN 4 (LOẠI 2)

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05..08/APEX-BCTT
Ngày .8.. tháng .5.. năm 2026

## MẶT CẮT NGANG TƯỜNG CHẮN

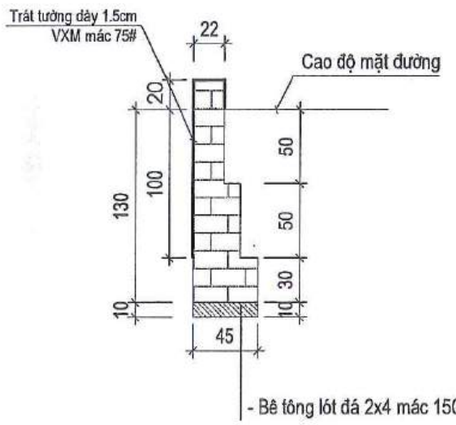


## MẶT CẮT DỌC TƯỜNG CHẮN

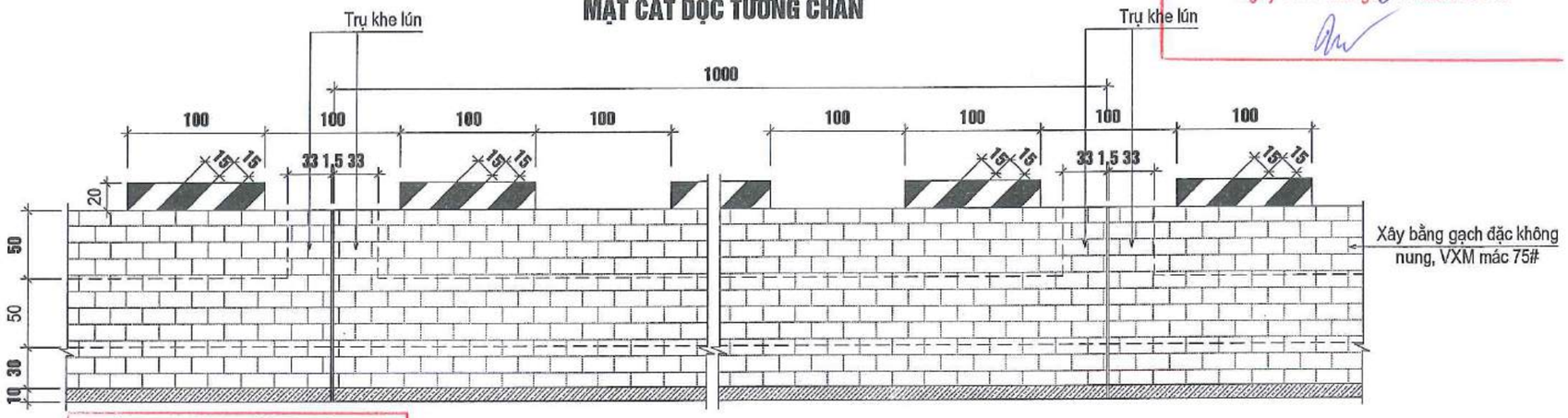


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TTD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## MẶT BẰNG TƯỜNG CHẮN

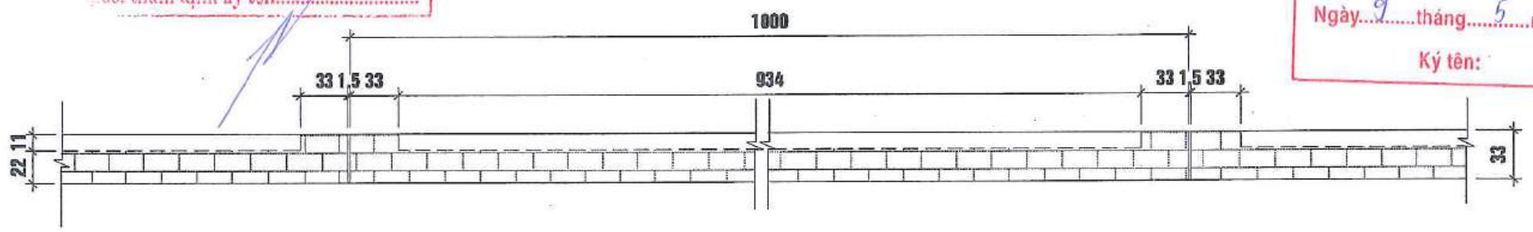


| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | ĐIỂN HÌNH TƯỜNG CHẮN | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-DH-08 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH XÂY CƠI TƯỜNG TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05..08./APEX-BCTT
Ngày . 8 . tháng . 5 . năm . 2026

## MẶT CẮT NGANG XÂY CƠI TƯỜNG

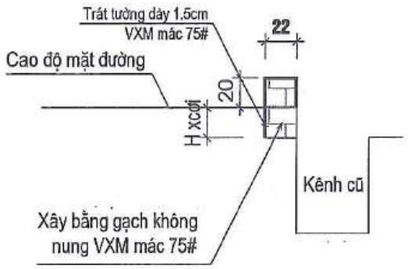


## MẶT CẮT DỌC XÂY CƠI TƯỜNG

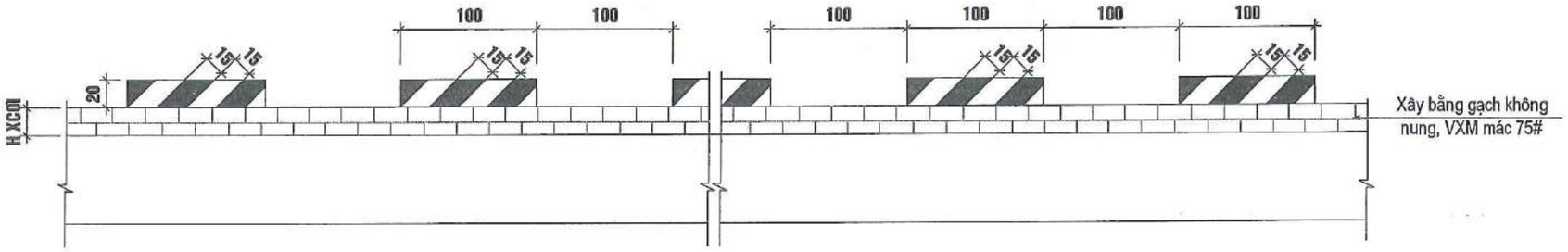


## MẶT CẮT NGANG XÂY GỜ CHẮN

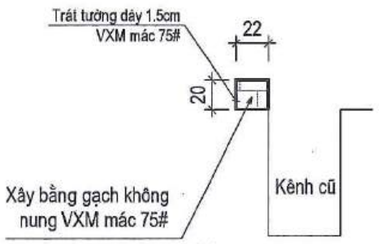


## MẶT CẮT DỌC XÂY GỜ CHẮN

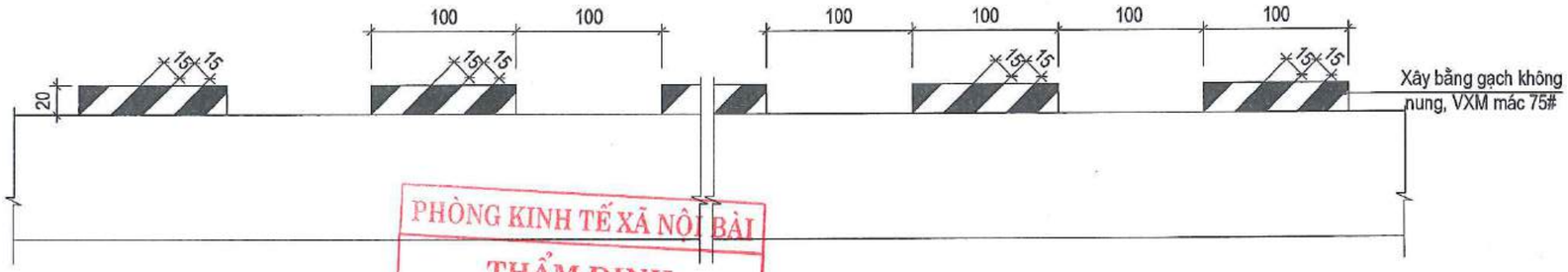


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 242/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | ĐIỂN HÌNH XÂY CƠI TƯỜNG | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-DH-09 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

Bảng tổng hợp khối lượng xây cơi : Tuyến 4

| Tên cọc | K.Cách lẻ (a) | Hxcơi | Hxcoi tb (b) | i=axb |
|---|---|---|---|---|
| D2 | 0.00 | 0.23 | 0.00 | 0.00 |
| 17 | 5.17 | 0.50 | 0.37 | 1.89 |
| 18 | 17.50 | 0.57 | 0.54 | 9.36 |
| 19 | 17.50 | 0.52 | 0.55 | 9.54 |
| 20 | 20.00 | 0.34 | 0.43 | 8.60 |
| 21 | 20.00 | 0.33 | 0.34 | 6.70 |
| D2a | 20.00 | 0.32 | 0.33 | 6.50 |
| D2b | 20.00 | 0.32 | 0.32 | 6.40 |
| 24 | 20.00 | 0.34 | 0.33 | 6.60 |
| 25 | 20.00 | 0.32 | 0.33 | 6.60 |
| 26 | 20.00 | 0.29 | 0.31 | 6.10 |
| 27 | 20.00 | 0.25 | 0.27 | 5.40 |
| 28 | 14.14 | 0.22 | 0.24 | 3.32 |
| 29 | 14.77 | 0.08 | 0.15 | 2.22 |
| Tổng | 229.08 | | | 79.23 |
| Chiều cao xây cơi trung bình Htb= | | | | 0.35 |
| | | | | |
| | | | | |
| 48 | 0.00 | 0.09 | 0.00 | 0.00 |
| D14 | 12.71 | 0.11 | 0.10 | 1.27 |
| 49 | 13.97 | 0.26 | 0.19 | 2.58 |
| 50 | 16.30 | 0.14 | 0.20 | 3.26 |
| D15 | 16.30 | 0.15 | 0.15 | 2.36 |
| 51 | 15.68 | 0.14 | 0.15 | 2.27 |
| 52 | 15.68 | 0.20 | 0.17 | 2.67 |
| 53 | 15.68 | 0.16 | 0.18 | 2.82 |
| D16 | 15.68 | 0.15 | 0.16 | 2.43 |
| 54 | 15.36 | 0.16 | 0.16 | 2.38 |
| D17 | 15.36 | 0.14 | 0.15 | 2.30 |
| 55 | 17.25 | 0.15 | 0.15 | 2.50 |
| D18 | 17.25 | 0.16 | 0.16 | 2.67 |
| 56 | 15.41 | 0.08 | 0.12 | 1.85 |
| D19 | 15.41 | 0.08 | 0.08 | 1.23 |
| D20 | 15.80 | 0.08 | 0.08 | 1.26 |
| Tổng | 233.84 | | | 33.88 |
| Chiều cao xây cơi trung bình Htb= | | | | 0.14 |

Bảng tổng hợp khối lượng xây cơi : Tuyến 4

| Tên cọc | K.Cách lẻ (a) | Hxcơi | Hxcoi tb (b) | i=axb |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| 58 | 8.39 | 0.19 | 0.00 | 0.00 |
| 59 | 15.92 | 0.22 | 0.21 | 3.26 |
| D22 | 15.92 | 0.28 | 0.25 | 3.98 |
| 60 | 14.82 | 0.22 | 0.25 | 3.71 |
| 61 | 14.82 | 0.25 | 0.24 | 3.48 |
| D23 | 13.90 | 0.21 | 0.23 | 3.20 |
| 62 | 9.05 | 0.19 | 0.20 | 1.81 |
| 63 | 13.05 | 0.14 | 0.17 | 2.15 |
| 64 | 20.00 | 0.16 | 0.15 | 3.00 |
| 65 | 29.10 | 0.15 | 0.16 | 4.51 |
| | 154.97 | | | 29.10 |
| Chiều cao xây cơi trung bình Htb= | | | | 0.19 |
| | | | | |
| 93 | 0.00 | 0.12 | 0.00 | 0.00 |
| 94 | 18.63 | 0.13 | 0.13 | 2.33 |
| D44 | 19.28 | 0.27 | 0.20 | 3.86 |
| 95 | 20.72 | 0.26 | 0.27 | 5.49 |
| 96 | 13.92 | 0.29 | 0.28 | 3.83 |
| D45 | 13.92 | 0.29 | 0.29 | 4.04 |
| 97 | 14.09 | 0.28 | 0.29 | 4.02 |
| 98 | 13.95 | 0.24 | 0.26 | 3.63 |
| D46 | 13.95 | 0.15 | 0.20 | 2.72 |
| 99 | 12.50 | 0.17 | 0.16 | 2.00 |
| 100 | 16.18 | 0.35 | 0.26 | 4.21 |
| | 157.14 | | | 36.11 |
| Chiều cao xây cơi trung bình Htb= | | | | 0.23 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
CHIỀU CAO XÂY CƠI TRUNG BÌNH

TỶ LỆ:
SỐ HIỆU: T4-DH-10
HOÀN THÀNH
NĂM 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

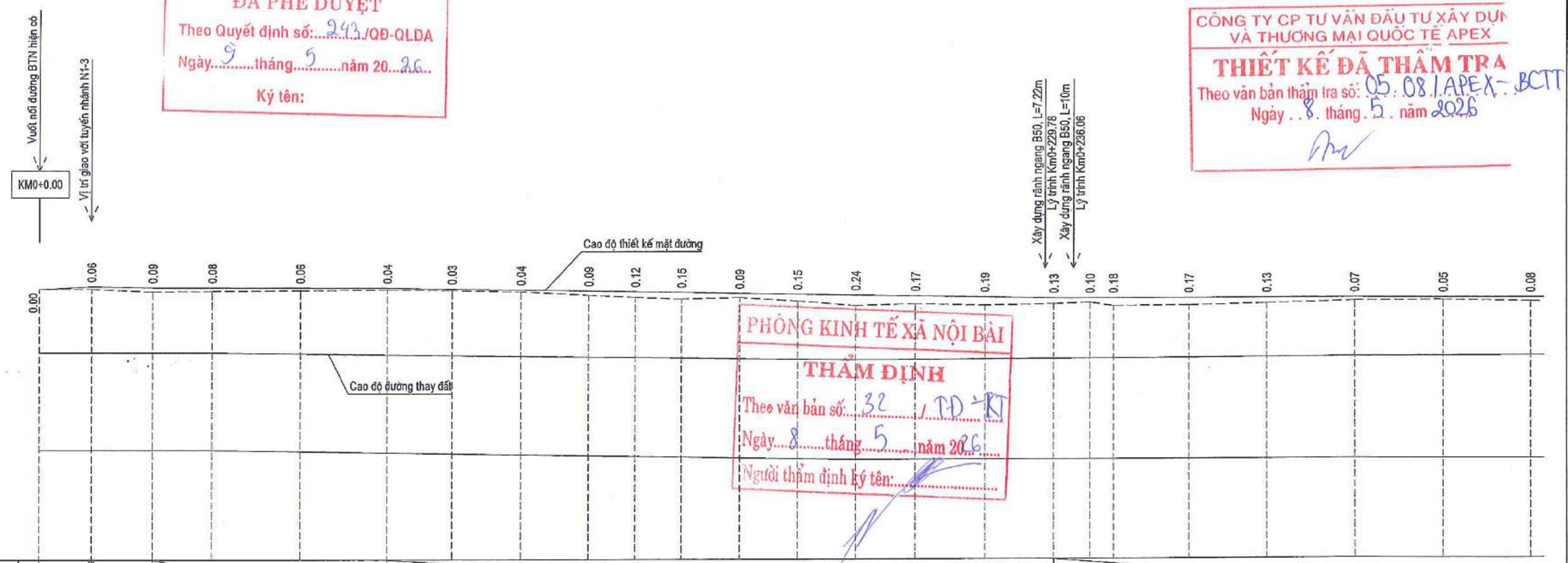


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
**THẨM ĐỊNH**
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế | 0.49% | 12.20 | 13.90 | 0.19% | 53.90 | 0.03% | 151.75 | 0.17% | | | | | | | | | | 128.25 | 0.01% | | | | | | | |
| Cao độ thiết kế | 11.11 | 11.17 | 11.14 | 11.14 | 11.14 | 11.13 | 11.10 | 11.08 | 11.05 | 11.03 | 11.02 | 10.99 | 10.97 | 10.95 | 10.92 | 10.90 | 10.87 | 10.87 | 10.87 | 10.87 | 10.87 | 10.86 | 10.86 | 10.86 | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.11 | 11.11 | 11.05 | 11.06 | 11.07 | 11.09 | 11.07 | 11.04 | 10.96 | 10.91 | 10.87 | 10.90 | 10.82 | 10.71 | 10.75 | 10.71 | 10.74 | 10.77 | 10.69 | 10.70 | 10.74 | 10.79 | 10.81 | 10.78 | | |
| Cao độ đường thay đất | 9.67 | 9.67 | 9.67 | 9.67 | 9.65 | 9.62 | 9.60 | 9.58 | 9.56 | 9.55 | 9.54 | 9.52 | 9.51 | 9.49 | 9.50 | 9.50 | 9.51 | 9.51 | 9.52 | 9.53 | 9.53 | 9.54 | 9.55 | 9.56 | | |
| Khoảng cách lẻ | | 12.20 | 13.90 | 13.90 | 20.00 | 20.00 | 14.74 | 15.51 | 15.51 | 10.55 | 10.55 | 13.28 | 13.28 | 13.28 | 13.28 | 15.88 | 15.88 | 8.08 | 5.17 | 17.50 | 17.50 | 20.00 | 20.00 | 20.00 | | |
| Khoảng cách cộng dồn | 0.00 | 12.20 | 26.10 | 40.00 | 60.00 | 80.00 | 94.74 | 110.26 | 125.77 | 136.32 | 146.86 | 160.15 | 173.43 | 186.72 | 200.00 | 215.88 | 231.75 | 239.83 | 245.00 | 262.50 | 280.00 | 300.00 | 320.00 | 340.00 | | |
| Tên cọc | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | D1 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | D2 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | D2a | | |
| Lý trình | KM0 | | | | | | H1 | | | | | | | | H2 | | | | | | | H3 | | | | |
| Sơ họa tuyến | | | | | | | A=179d36'48.3" | | | | | | | | | | A=84d1'22.9" | | | | | | | A=179d50' | | |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC DỌC TUYẾN 4 | |
| 1 | | | | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/1000;1/100 | SỐ HIỆU: T4-TD-01 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 - 08 /APEX - BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

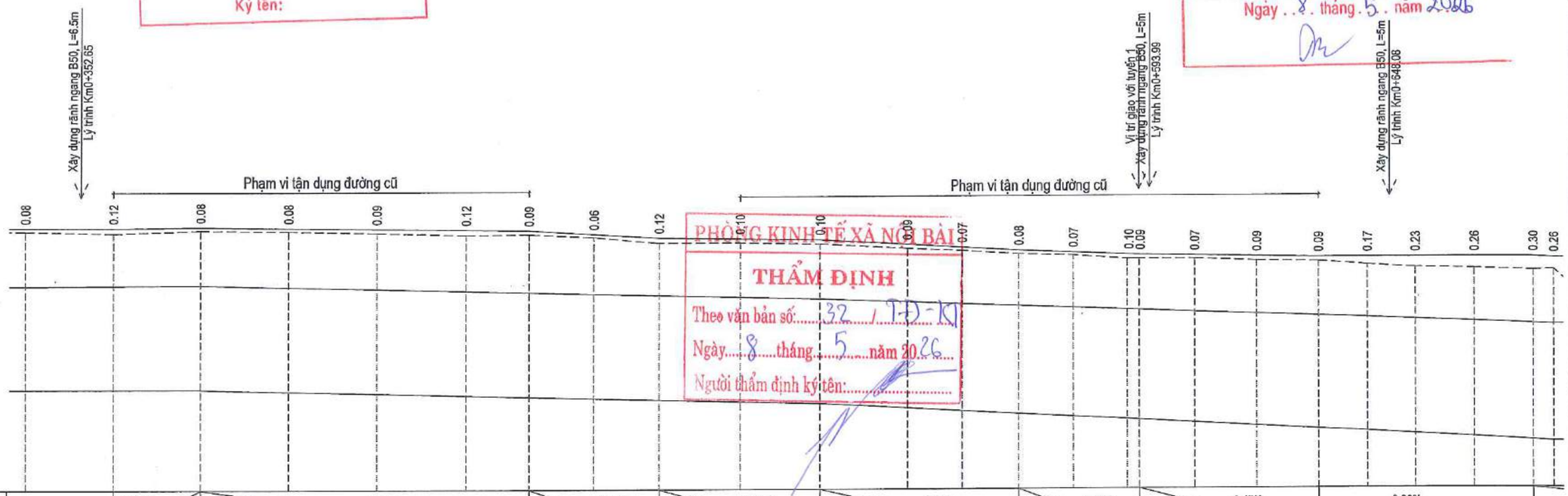


| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế | | 0.10% | | 0.12% | | | | 0.58% | | 0.14% | | 0.56% | | | 0.41% | | 0.17% | | | 0.00% | | | | | | | |
| | | 20.00 | | 74.14 | | | | 29.54 | | 36.31 | | 44.68 | | | 27.03 | | 40.28 | | | 48.01 | | | | | | | |
| Cao độ thiết kế | 10.86 | 10.86 | 10.88 | 10.86 | 10.83 | 10.81 | 10.79 | 10.70 | 10.62 | 10.60 | 10.57 | 10.46 | 10.39 | 10.32 | 10.27 | 10.22 10.21 | 10.19 | 10.16 | 10.14 | 10.14 | 10.14 | 10.14 | 10.14 | 10.14 | 10.12 | | | |
| Cao độ tự nhiên | 10.78 | 10.74 | 10.80 | 10.78 | 10.74 | 10.69 | 10.70 | 10.64 | 10.50 | 10.50 | 10.47 | 10.37 | 10.32 | 10.24 | 10.20 | 10.12 10.12 | 10.12 | 10.07 | 10.05 | 9.97 | 9.91 | 9.88 | 9.84 | 9.86 | | | | |
| Cao độ đường thay đất | 9.56 | 9.57 | 9.58 | 9.53 | 9.49 | 9.44 | 9.41 | 9.37 | 9.34 | 9.29 | 9.25 | 9.18 | 9.13 | 9.08 | 9.04 | 8.99 8.98 | 8.94 | 8.89 | 8.84 | 8.79 | 8.75 | 8.71 | 8.66 | 8.64 | | | | |
| Khoảng cách lẻ | | 20.00 | 20.00 | 20.00 | 20.00 | 20.00 | 14.14 | 14.77 | 14.77 | 18.16 | 18.16 | 19.50 | 12.59 | 12.59 | 12.17 | 12.17 | 2.69 | 12.52 | 13.88 | 13.88 | 10.86 | 10.86 | 13.14 | 13.14 | 4.69 | 5. | | |
| Khoảng cách cộng dồn | 340.00 | 360.00 | 380.00 | 400.00 | 420.00 | 440.00 | 454.14 | 468.92 | 483.69 | 501.84 | 520.00 | 539.50 | 552.09 | 564.68 | 576.85 | 589.03 591.71 | 604.23 | 618.11 | 631.99 | 642.85 | 653.71 | 666.86 | 680.00 | 684.69 | | | | |
| Tên cọc | D2a | D2b | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | D3 | 30 | 31 | D4 | 32 | D5 | 33 | 34 D6 | 35 | 36 | D7 | 37 | D8 | 38 | 39 | D9 | | | | |
| Lý trình | | | | H4 | | | | | | H5 | | | | | | | H6 | | | | | | | | | | | |
| Sơ họa tuyến | 79d50'15.8" | A=179d15'48.5" | | | | | | | A=179d7'50.4" | | | A=177d20'38.0" | | A=177d21'0.0" | | A=175d45'33.4" | | | A=177d31'40.6" | | A=179d40'3.9" | | | A=96d59' | | | | |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC TUYẾN 4

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000;1/100 | SỐ HIỆU: T4-TD-02 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 20 26
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
**THẨM ĐỊNH**
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 20 26
Người thẩm định ký tên:

| | D9 | 40 | 41 | 42 | D10 | D11 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | D14 | 49 | 50 | D15 | 51 | 52 | 53 | D16 | 54 | D17 | 55 | D18 | 56 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 0.26 | 0.69 | 0.70 | 0.62 | 0.55 | 0.47 | 0.13 | 0.14 | 0.09 | 0.11 | 0.18 | 0.05 | 0.10 | 0.12 | 0.12 | 0.08 | 0.12 | 0.07 | 0.08 | 0.11 | 0.14 | 0.19 | 0.18 | 0.18 | 0.17 |
| Độ dốc thiết kế | 0.37% 93.11 | | | | | | 0.16% 57.31 | | | | | | 0.63% 30.27 | | 0.16% 31.98 | | 0.10% 31.36 | | 0.02% 46.41 | | | 0.23% 65.32 | | | |
| Cao độ thiết kế | 10.12 | 10.10 | 10.05 | 9.99 | 9.93 | 9.86 | 9.80 | 9.81 | 9.83 | 9.84 | 9.85 | 9.87 | 9.89 | 9.80 | 9.70 | 9.67 | 9.65 | 9.66 | 9.68 | 9.68 | 9.69 | 9.69 | 9.73 | 9.77 | 9.80 |
| Cao độ tự nhiên | 9.86 | 9.41 | 9.35 | 9.37 | 9.38 | 9.39 | 9.67 | 9.67 | 9.74 | 9.73 | 9.67 | 9.82 | 9.79 | 9.68 | 9.58 | 9.59 | 9.53 | 9.59 | 9.60 | 9.57 | 9.55 | 9.50 | 9.55 | 9.59 | 9.63 |
| Cao độ đường thay đất | 8.64 | 8.64 | 8.65 | 8.65 | 8.66 | 8.66 | 8.67 | 8.67 | 8.68 | 8.68 | 8.68 | 8.69 | 8.69 | 8.66 | 8.63 | 8.59 | 8.56 | 8.53 | 8.50 | 8.46 | 8.43 | 8.40 | 8.46 | 8.53 | 8.59 |
| Khoảng cách lẻ | 69 | 5.03 | 15.14 | 15.14 | 17.30 | 19.60 | 16.20 | 3.89 | 15.07 | 5.53 | 7.40 | 12.71 | 12.71 | 13.97 | 16.30 | 16.30 | 15.68 | 15.68 | 15.68 | 15.68 | 15.36 | 15.36 | 17.25 | 17.25 | 15.41 |
| Khoảng cách cộng dồn | 684.69 | 689.72 | 704.86 | 720.00 | 737.30 | 756.91 | 773.11 | 777.00 | 792.06 | 797.59 | 804.99 | 817.70 | 830.41 | 844.38 | 860.69 | 876.99 | 892.67 | 908.35 | 924.03 | 939.71 | 955.08 | 970.44 | 987.69 | 1004.94 | 1020.35 |
| Tên cọc | D9 | 40 | 41 | 42 | D10 | D11 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | D14 | 49 | 50 | D15 | 51 | 52 | 53 | D16 | 54 | D17 | 55 | D18 | 56 |
| Lý trình | | | H7 | | | | | | | H8 | | | | | | | H9 | | | | | | | KM1 | |

Sơ họa tuyến: d59'25.7" · A=178d49'43.0" · A=179d42'15.7" · A=83d28'6.8" · A=73d41'34.8" · A=178d42'12.9" · A=178d34'41.7" · A=179d44'28.2" · A=179d27'3.4" · A=179d0'40.8"

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC DỌC TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000;1/100 | SỐ HIỆU: T4-TD-03 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX.-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

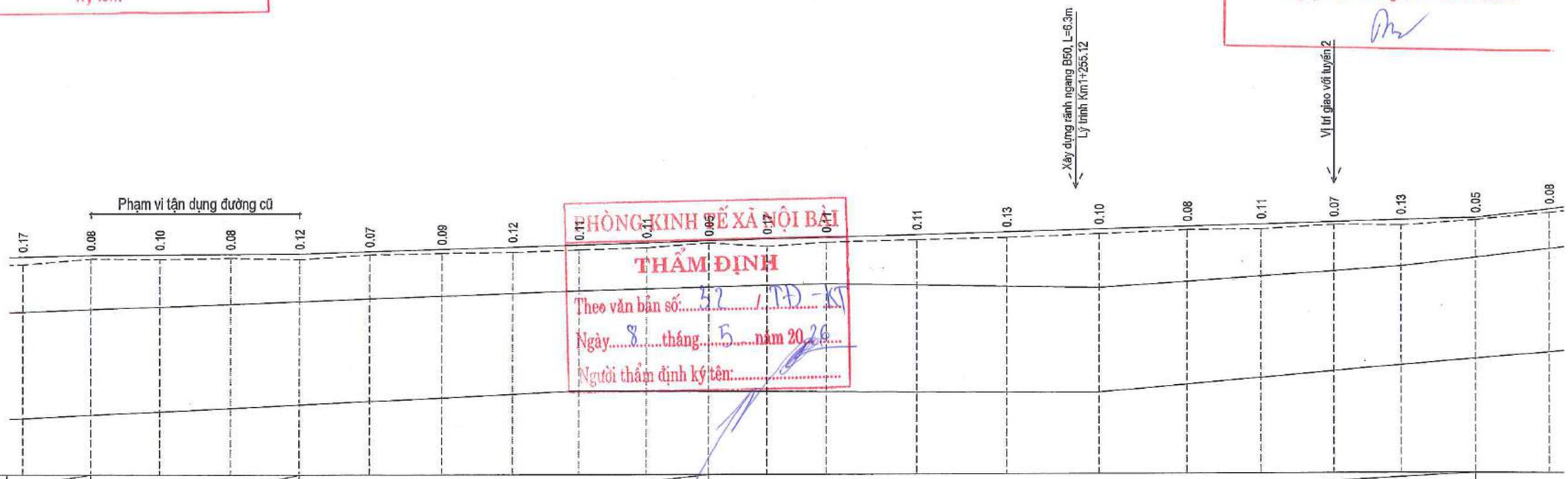


| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế | | 0.06% 47.28 | | | | 0.31% 90.85 | | | | | | 0.27% 169.79 | | | | | | | | | | |
| Cao độ thiết kế | 9.80 | 9.84 | 9.85 | 9.86 | 9.87 | 9.92 | 9.97 | 10.02 | 10.06 | 10.11 | 10.15 | 10.19 | 10.22 | 10.27 | 10.33 | 10.38 | 10.44 | 10.48 | 10.53 | 10.57 | 10.61 | 10.80 |
| Cao độ tự nhiên | 9.63 | 9.76 | 9.75 | 9.78 | 9.75 | 9.85 | 9.88 | 9.90 | 9.95 | 10.00 | 10.10 | 10.02 | 10.11 | 10.16 | 10.20 | 10.28 | 10.36 | 10.37 | 10.46 | 10.44 | 10.56 | 10.72 |
| Cao độ đường thay đất | 8.59 | 8.64 | 8.70 | 8.76 | 8.82 | 8.88 | 8.94 | 8.99 | 9.05 | 9.09 | 9.13 | 9.16 | 9.20 | 9.16 | 9.13 | 9.09 | 9.22 | 9.33 | 9.44 | 9.54 | 9.73 | 9.93 |
| Khoảng cách lẻ | 15.41 | 15.80 | 15.80 | 15.68 | 15.48 | 15.92 | 15.92 | 14.82 | 14.82 | 13.90 | 13.05 | 13.05 | 20.00 | 20.00 | 20.29 | 19.71 | 16.26 | 16.26 | 14.85 | 16.32 | 16.32 | |
| Khoảng cách cộng dồn | 1020.35 | 1035.76 | 1051.57 | 1067.37 | 1083.04 | 1098.53 | 1114.45 | 1130.36 | 1145.18 | 1160.00 | 1173.90 | 1186.95 | 1200.00 | 1220.00 | 1240.00 | 1260.29 | 1280.00 | 1296.26 | 1312.51 | 1327.37 | 1343.68 | 1360.00 |
| Tên cọc | 56 | D19 | 57 | D20 | D21 | 58 | 59 | D22 | 60 | 61 | D23 | 62 | 63 | 64 | 65 | D24 | 66 | 67 | D25 | 68 | 69 | 70 |
| Lý trình | | | | | | H1 | | | | | | | H2 | | | | | H3 | | | | |
| Sơ họa tuyến | | A=178d24'27.0" | | A=179d48'26.1" | A=177d3'44.3" | | | A=179d33'8.9" | | | A=179d30'42.7" | | | | | A=179d46'43.1" | | | | A=178d20'57.0" | | |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC DỌC TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000;1/100 | SỐ HIỆU: T4-TD-04 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-TCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2025

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

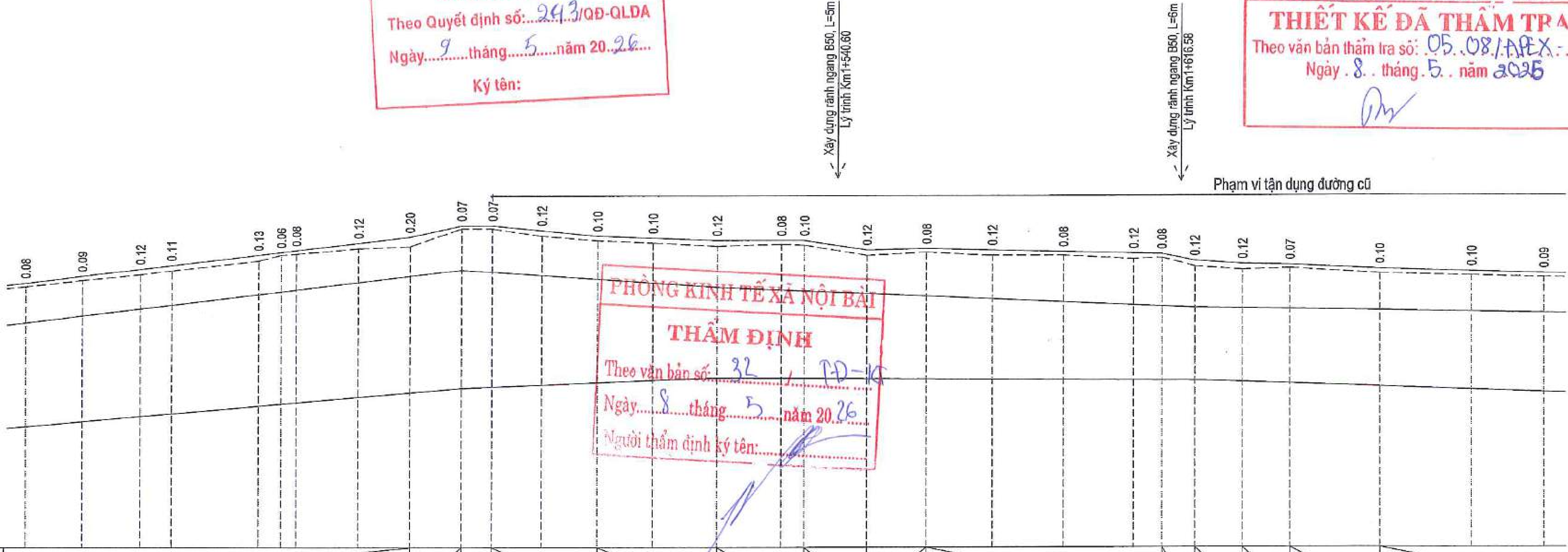


| Độ dốc thiết kế | 1.16% | 2.21% | 0.00% | 0.99% | 0.38% | 0.00% | 1.54% | 0.22% | 0.23% | 2.11% | 0.67% | 0.19% | 0.45% | 0.27% |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Chiều dài | 102.49 | 11.32 | 6.87 | 23.19 | 26.62 | 19.23 | 13.63 | 13.53 | 51.90 | 7.12 | 10.49 | 10.49 | 20.00 | 52.10 |

| Tên cọc | 70 | 71 | D26 | D27 | D28 | D29 | D30 | D31 | 72 | D32 | D33 | D34 | 73 | 74 | 75 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.80 | 10.95 | 11.10 | 11.18 | 11.41 | 11.47 | 11.51 | 11.67 | 11.80 | 12.05 | 12.05 | 11.94 | 11.82 | 11.77 | 11.72 |
| Cao độ tự nhiên | 10.72 | 10.86 | 10.98 | 11.07 | 11.28 | 11.41 | 11.43 | 11.55 | 11.60 | 11.98 | 11.98 | 11.82 | 11.72 | 11.67 | 11.60 |
| Cao độ đường thay đất | 9.93 | 10.08 | 10.23 | 10.32 | 10.55 | 10.61 | 10.65 | 10.81 | 10.95 | 11.08 | 11.03 | 10.96 | 10.88 | 10.80 | 10.70 |
| Khoảng cách cộng dồn | 1360.00 | 1373.04 | 1386.08 | 1392.94 | 1412.36 | 1417.53 | 1421.08 | 1434.85 | 1446.17 | 1457.49 | 1464.36 | 1475.10 | 1487.55 | 1500.00 | 1514.17 |

| Tên cọc | D35 | D36 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 | D37 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.72 | 11.72 | 11.51 | 11.54 | 11.51 | 11.47 | 11.43 | 11.42 | 11.27 | 11.20 | 11.18 | 11.09 | 11.04 | 10.99 |
| Cao độ tự nhiên | 11.64 | 11.62 | 11.39 | 11.46 | 11.39 | 11.39 | 11.31 | 11.34 | 11.15 | 11.08 | 11.11 | 10.99 | 10.94 | 10.90 |
| Cao độ đường thay đất | 10.64 | 10.62 | 10.56 | 10.50 | 10.44 | 10.37 | 10.31 | 10.28 | 10.25 | 10.23 | 10.22 | 10.18 | 10.15 | 10.13 |
| Khoảng cách cộng dồn | 1528.34 | 1533.42 | 1547.03 | 1560.56 | 1574.91 | 1590.65 | 1606.38 | 1612.46 | 1619.58 | 1630.07 | 1640.56 | 1660.56 | 1680.56 | 1696.61 |

| Khoảng cách lẻ | 13.04 | 13.04 | 6.86 | 19.42 | 5.17 | 3.55 | 13.77 | 11.32 | 11.32 | 6.87 | 10.75 | 12.45 | 12.45 | 14.17 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Khoảng cách lẻ (tiếp) | 14.17 | 5.08 | 13.61 | 13.53 | 14.36 | 15.73 | 15.73 | 6.08 | 7.12 | 10.49 | 10.49 | 20.00 | 20.00 | 16.05 |

Lý trình: H4, H5, H6, H7

Sơ họa tuyến: A=179d24'46.5" A=177d...76.7 A=179d1'4.9" A=178d21'16.1" A=148d17'42.2" A=80d28'38.5" A=166d51'56.4" A=167d...233'58.2" A=147d37'45.9"

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ<br>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ<br>TRẮC DỌC TUYẾN 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI<br>ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/1000;1/100 \| SỐ HIỆU: T4-TD-05 |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH \| NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTD
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

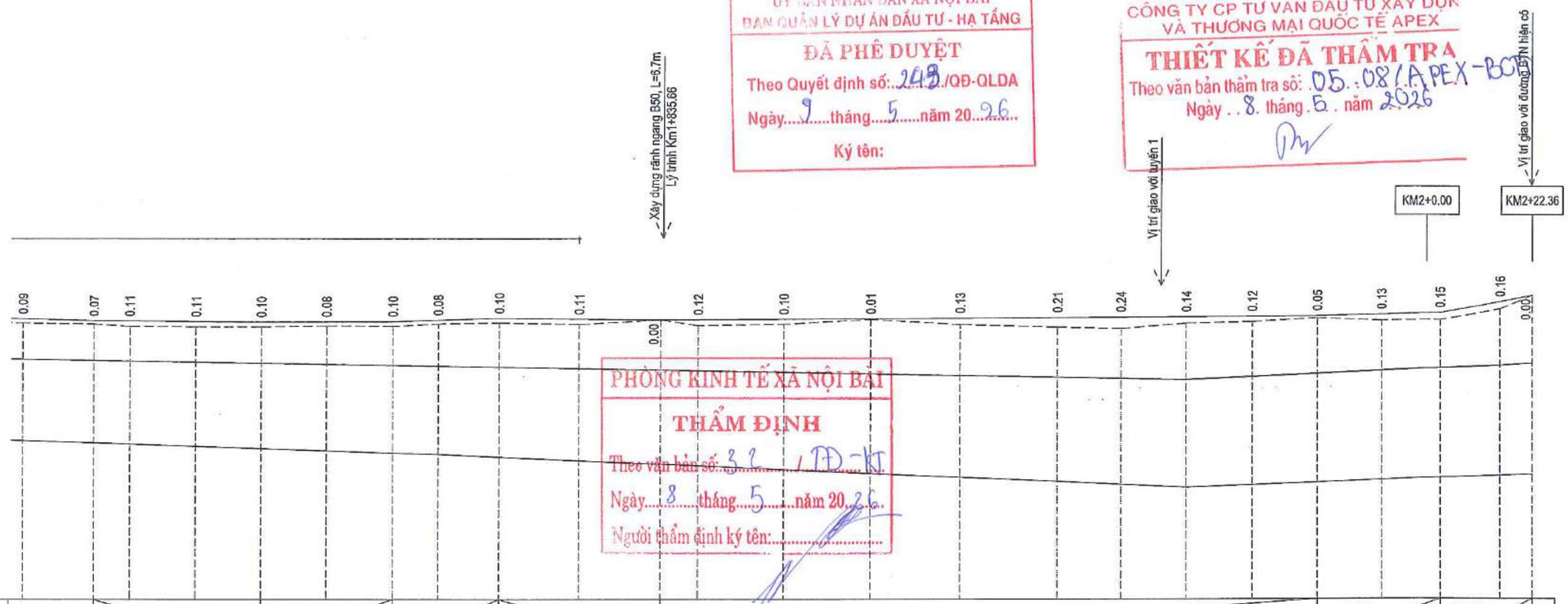


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
**THẨM ĐỊNH**
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế | | 0.08% 36.39 | | 0.03% 28.60 | | 0.31% 22.91 | | 0.12% 34.60 | | | 0.05% 141.27 | | | | | | | | | 0.20% 26.45 | | 1.90% 19.48 | | | |
| Cao độ thiết kế | 10.99 | 10.95 | 10.94 | 10.93 | 10.92 | 10.92 | 10.93 | 10.96 | 11.00 | 10.98 | 10.96 | 10.96 | 10.97 | 10.98 | 10.99 | 11.01 | 11.01 | 11.02 | 11.03 | 11.04 | 11.06 | 11.09 | 11.33 | 11.46 | | |
| Cao độ tự nhiên | 10.90 | 10.88 | 10.83 | 10.82 | 10.82 | 10.84 | 10.83 | 10.88 | 10.90 | 10.87 | 10.96 | 10.84 | 10.87 | 10.97 | 10.86 | 10.80 | 10.77 | 10.88 | 10.91 | 10.99 | 10.93 | 10.94 | 11.17 | 11.46 | | |
| Cao độ đường thay đất | 10.13 | 10.10 | 10.09 | 10.06 | 10.04 | 10.02 | 10.00 | 9.98 | 9.96 | 9.92 | 9.89 | 9.88 | 9.84 | 9.81 | 9.77 | 9.73 | 9.71 | 9.68 | 9.74 | 9.80 | 9.86 | 9.92 | 9.97 | 10.02 | | |
| Khoảng cách lẻ | | 16.05 | 7.79 | 14.30 | 14.30 | 14.30 | 14.30 | 9.74 | 13.17 | 17.30 | 17.30 | 8.13 | 18.63 | 18.63 | 19.28 | 20.73 | 13.92 | 13.92 | 14.09 | 13.95 | 13.95 | 12.50 | 12.50 | 6.98 | | |
| Khoảng cách cộng dồn | 1696.61 | 1712.66 | 1720.45 | 1734.75 | 1749.05 | 1763.35 | 1777.65 | 1787.39 | 1800.56 | 1817.86 | 1835.16 | 1843.30 | 1861.93 | 1880.56 | 1899.83 | 1920.56 | 1934.48 | 1948.39 | 1962.48 | 1976.43 | 1990.38 | 2002.86 | 2015.38 | 2022.36 | | |
| Tên cọc | 87 | D38 | D39 | 88 | 89 | 90 | D40 | D41 | 91 | 92 | D42 | D43 | 93 | 94 | D44 | 95 | 96 | D45 | 97 | 98 | D46 | 99 | 100 | 101 | | |
| Lý trình | H7 | | | | | | | | H8 | | | | | | H9 | | | | | | | KM2 | | | | |
| Sơ họa tuyến | A=179d1'37.1" | A=179d8'10.7" | | | | | A=178d43'53.2" | A=178d11'13.1" | | | A=172d30'24.6" | A=172d21'41.3" | | | A=179d26'32.1" | | | A=179d47'48.9" | | | | | A=179d19'37.3" | | | |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC DỌC TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000;1/100 | SỐ HIỆU: T4-TD-06 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

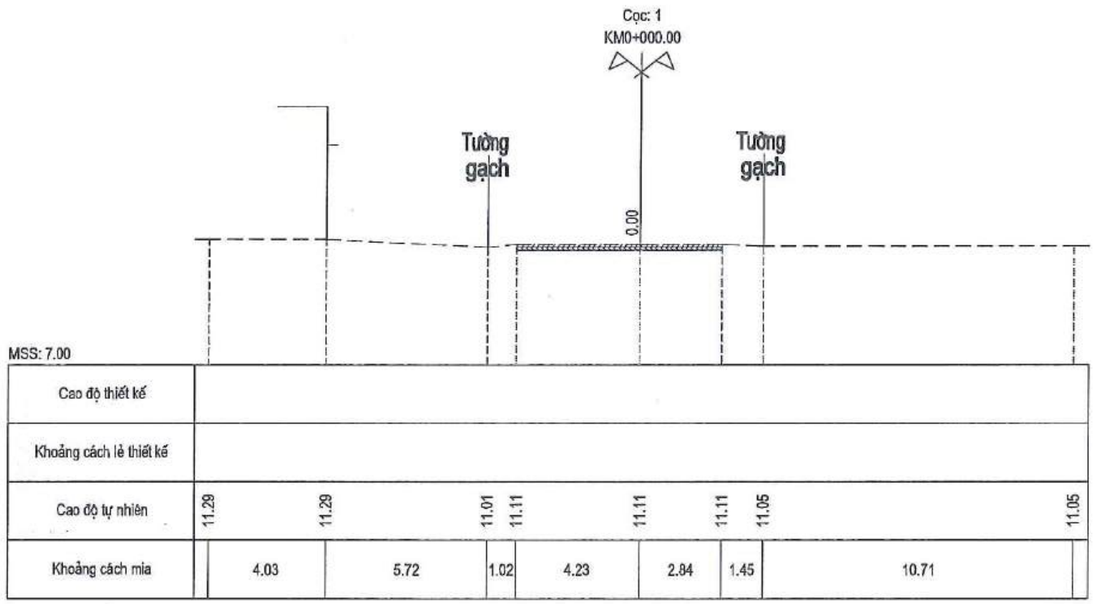


B mặt đường tận dụng : 6.95 m

Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.07 m2

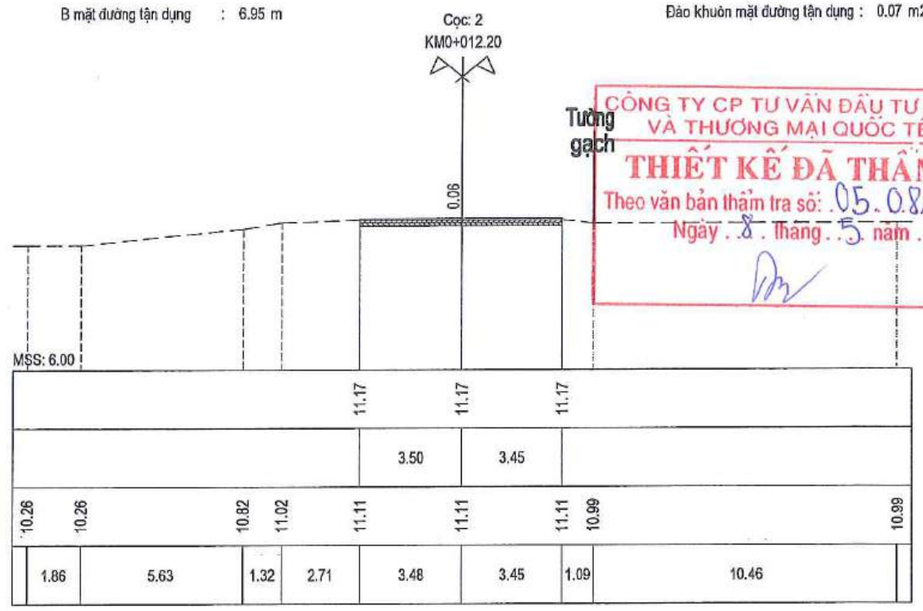


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/AP.EX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 7.00 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.24 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 1.05 m2
Diện tích móng BTXM : 1.40 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 3.50 m2
Đào Thay đất : 5.15 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.95 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.73 m2
Đào rãnh : 1.15 m2

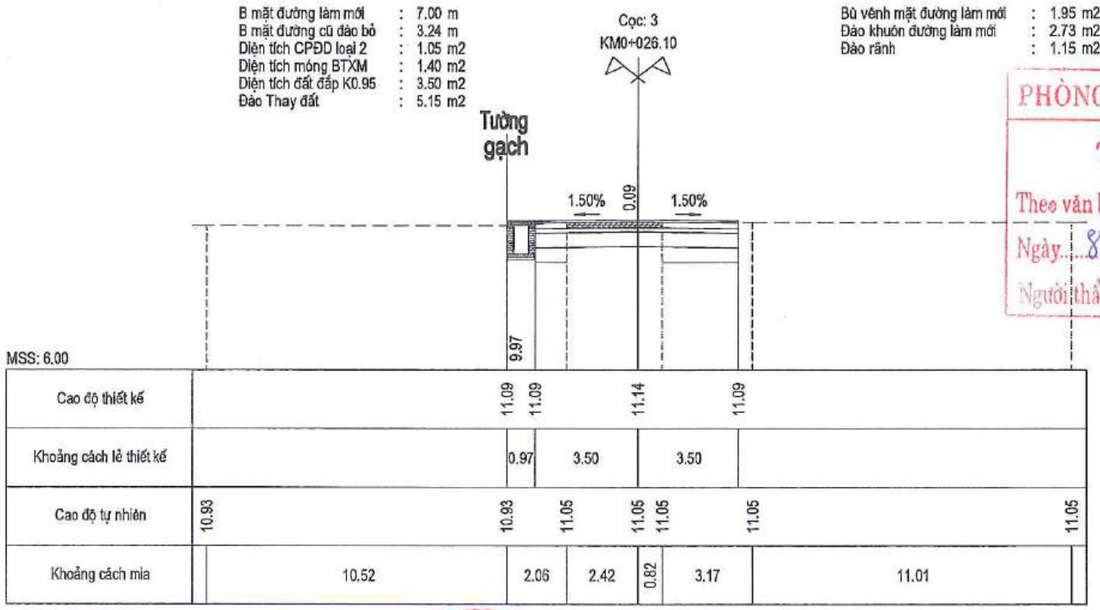


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 7.00 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.92 m
Vét bùn : 0.61 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 1.05 m2
Diện tích móng BTXM : 1.40 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 3.50 m2
Đào Thay đất : 4.49 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 2.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.49 m2
Đào rãnh : 1.17 m2
Đắp rãnh : 0.00 m2
Đào tường chắn : 0.00 m2
Đắp tường chắn : 0.28 m2

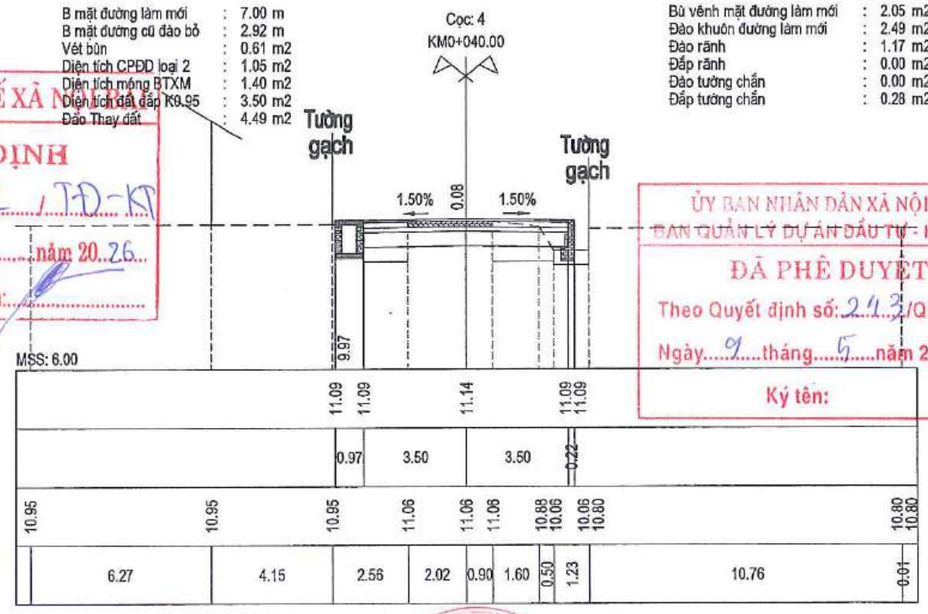


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-01 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 7.00 m | Bù vênh mặt đường làm mới | : 1.89 m2 |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 2.98 m | Đào khuôn đường làm mới | : 2.58 m2 |
| Vét bùn | : 1.52 m2 | Đào rãnh | : 0.00 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 1.05 m2 | Đắp rãnh | : 0.12 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 1.40 m2 | Đào tường chắn | : 0.03 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 3.50 m2 | Đắp tường chắn | : 0.10 m2 |
| Đào Thay đất | : 4.48 m2 | Đắp lề | : 1.82 m2 |

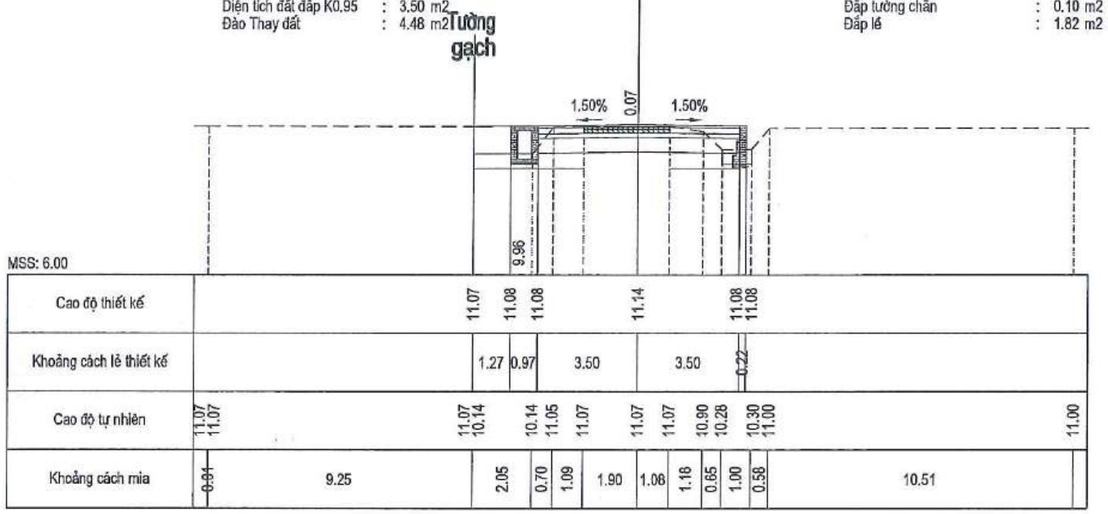


| | | | |
|---|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 7.00 m | Bù vênh mặt đường làm mới | : 2.08 m2 |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 3.04 m | Đào khuôn đường làm mới | : 2.71 m2 |
| Vét bùn | : 0.50 m2 | Đào rãnh | : 0.01 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 1.05 m2 | Đắp rãnh | : 0.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 1.40 m2 | Đào tường chắn | : 0.37 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 3.50 m2 | Đắp tường chắn | : 0.15 m2 |
| Đào Thay đất | : 4.81 m2 | Đắp lề | : 0.26 m2 |

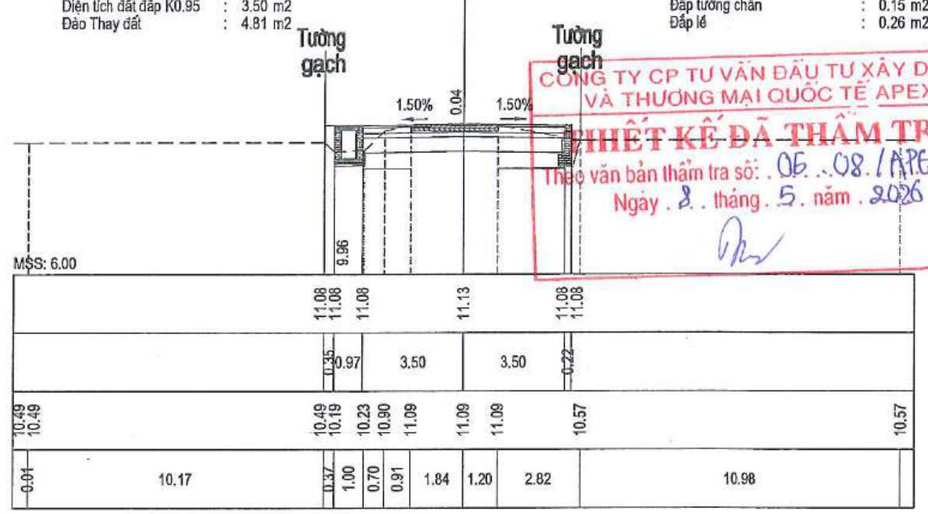


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 06..08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

| | | | |
|---|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 7.00 m | Bù vênh mặt đường làm mới | : 2.03 m2 |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 3.09 m | Đào khuôn đường làm mới | : 2.77 m2 |
| Vét bùn | : 0.67 m2 | Đào rãnh | : 0.00 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 1.05 m2 | Đắp rãnh | : 0.02 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 1.40 m2 | Đào tường chắn | : 0.58 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 3.50 m2 | Đắp tường chắn | : 0.28 m2 |
| Đào Thay đất | : 5.16 m2 | Đắp lề | : 0.31 m2 |

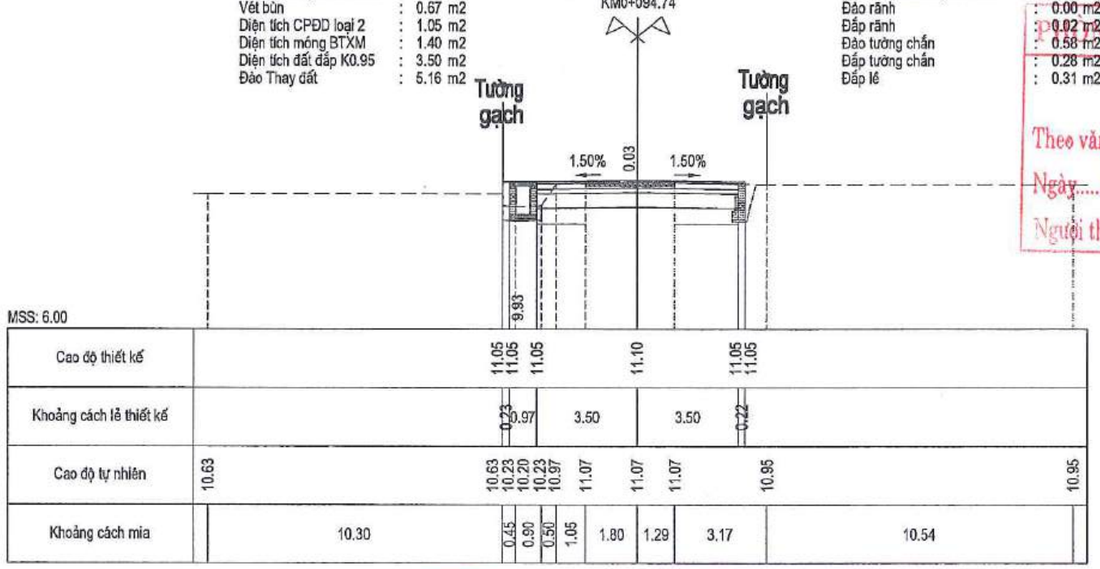


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | | | |
|---|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 7.00 m | Bù vênh mặt đường làm mới | : 2.04 m2 |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 3.10 m | Đào khuôn đường làm mới | : 2.77 m2 |
| Vét bùn | : 0.58 m2 | Đào rãnh | : 1.28 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 1.05 m2 | Đắp rãnh | : 0.00 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 1.40 m2 | Đào tường chắn | : 0.00 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 3.50 m2 | Đắp tường chắn | : 0.31 m2 |
| Đào Thay đất | : 4.58 m2 | | |

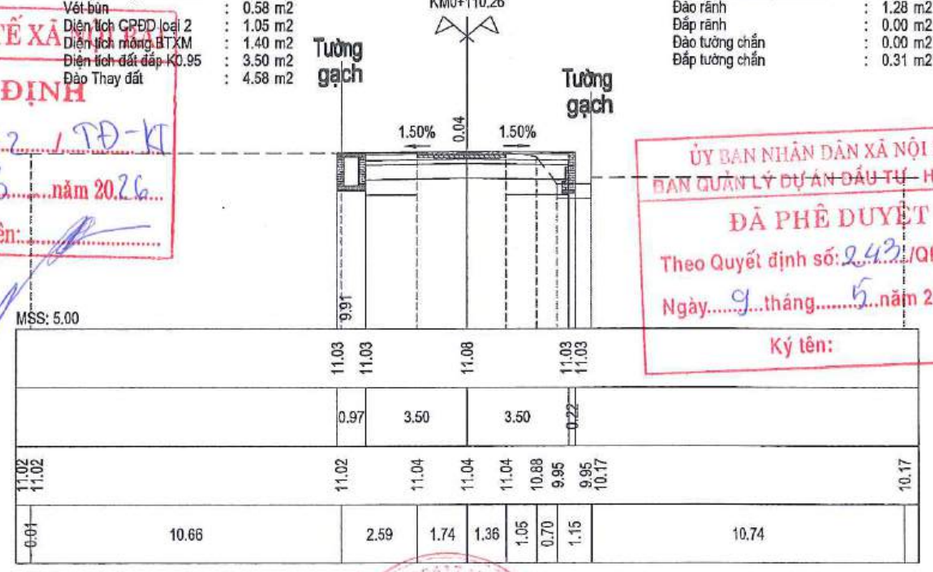


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T4-TN-02 |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

## Cọc: D1 — KM0+125.77

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.09 m |
| Vét bùn | : | 1.36 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.81 m2 |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 2.03 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.60 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.03 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.00 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.00 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.43 m2 |

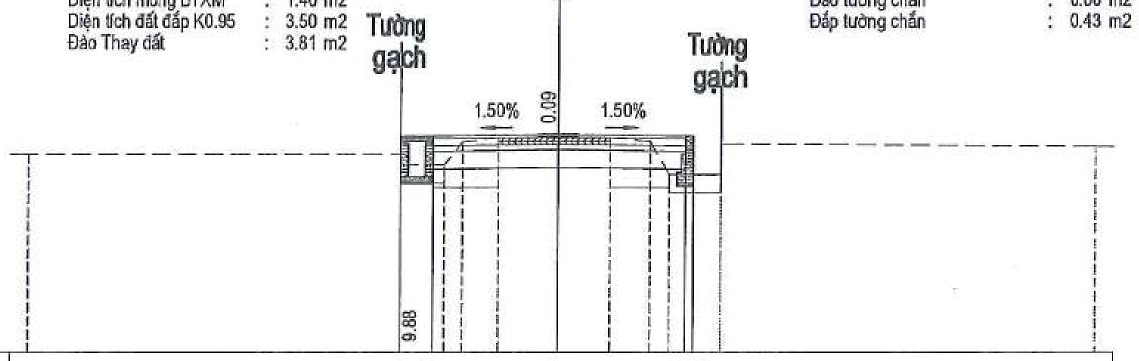


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.00, 11.00, 11.05, 11.00, 11.00 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97, 3.50, 3.50, 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.48, 10.48, 10.48, 10.20, 10.20, 10.85, 10.96, 10.96, 10.96, 10.86, 9.93, 9.93, 10.80, 10.70 |
| Khoảng cách mia | 0.01, 10.53, 1.28, 0.50, 1.00, 1.68, 1.41, 1.11, 0.54, 1.45, 10.49 |

## Cọc: 9 — KM0+136.32

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.05 m |
| Vét bùn | : | 0.95 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.74 m2 |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.99 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.46 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.17 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.03 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.00 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.35 m2 |

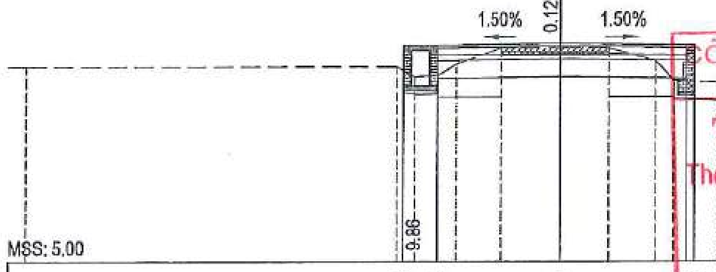


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.98, 10.98, 11.03, 10.98, 10.98 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97, 3.50, 3.50, 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.39, 10.39, 10.10, 10.15, 10.47, 10.91, 10.91, 10.91, 10.55, 10.00, 9.95, 10.50, 10.50 |
| Khoảng cách mia | 10.35, 0.50, 0.67, 0.50, 1.30, 1.68, 1.37, 1.29, 0.50, 1.22, 0.50, 10.12 |

## Cọc: 10 — KM0+146.86

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.07 m |
| Vét bùn | : | 0.86 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : | 4.16 m2 |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.96 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.41 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.00 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.00 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.00 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.10 m2 |

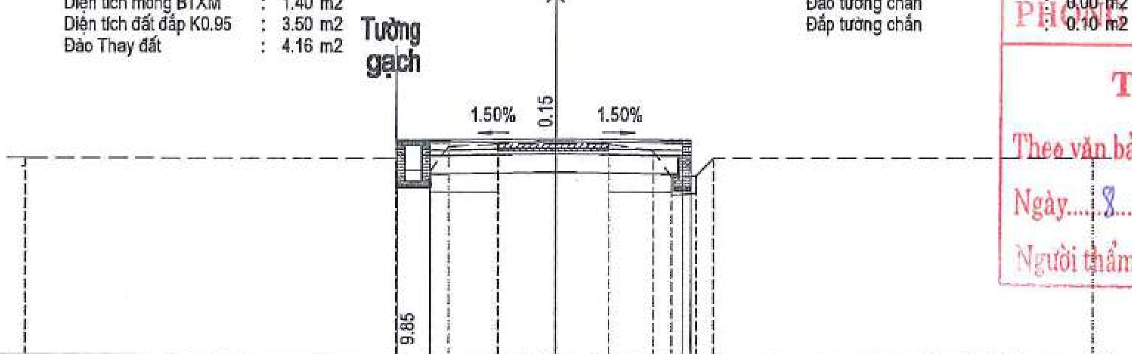


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐKT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.96, 10.96, 11.02, 10.96, 10.96 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97, 3.50, 3.50, 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.48, 10.45, 10.15, 10.15, 10.80, 10.87, 10.87, 10.87, 10.68, 9.96, 10.00, 10.46, 10.46 |
| Khoảng cách mia | 10.50, 1.02, 0.50, 1.37, 1.61, 1.46, 1.23, 0.50, 0.69, 0.50, 10.62 |

## Cọc: 11 — KM0+160.15

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.19 m |
| Vét bùn | : | 1.20 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.45 m2 |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.94 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.68 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.00 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.06 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.00 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.13 m2 |
| Đắp lề | : | 0.16 m2 |

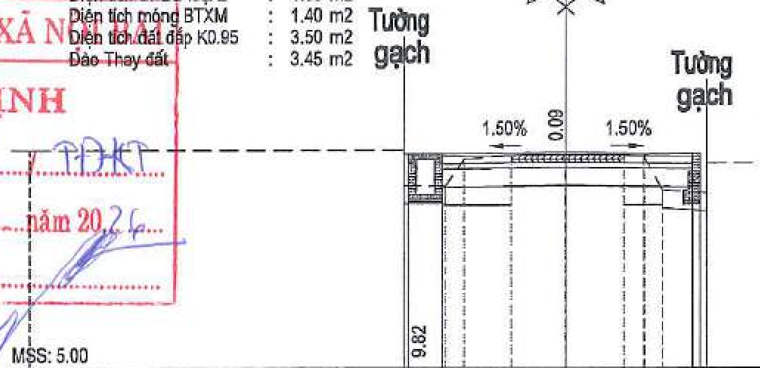


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.94, 10.94, 10.94, 10.99, 10.94, 10.94 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.12, 0.97, 3.50, 3.50, 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 11.05, 11.05, 11.05, 10.07, 10.06, 10.80, 10.90, 10.90, 10.90, 10.87, 9.94, 9.85, 10.68, 10.68, 10.68 |
| Khoảng cách mia | 0.01, 10.40, 1.18, 0.50, 1.36, 1.55, 1.64, 0.55, 0.50, 1.21, 11.09, 0.01 |

XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI — BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-03 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.29 m |
| Vét bùn | : | 0.91 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.53 m2 |

Cọc: 12
KM0+173.43

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.84 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.55 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.17 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.05 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.00 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.21 m2 |
| Đắp lề | : | 0.02 m2 |

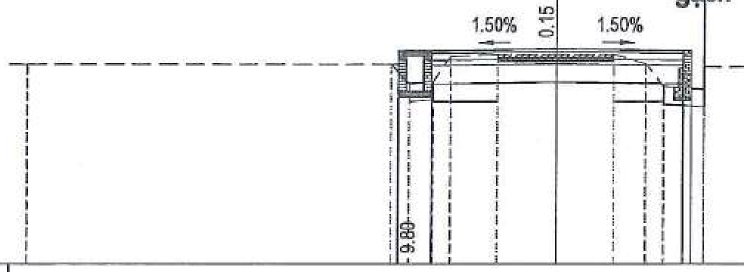


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.92, 10.92, 10.97, 10.92, 10.92 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97, 3.50, 3.50, 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.53, 10.53, 10.00, 10.06, 10.76, 10.82, 10.82, 10.82, 10.55, 9.93, 9.85, 10.46, 10.46 |
| Khoảng cách mia | 10.34, 0.50, 0.70, 0.50, 1.31, 1.65, 1.61, 0.87, 0.50, 1.11, 10.91 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.17 m |
| Vét bùn | : | 0.68 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.05 m2 |

Cọc: 13
KM0+186.72

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.85 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.20 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.57 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.00 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.08 m2 |

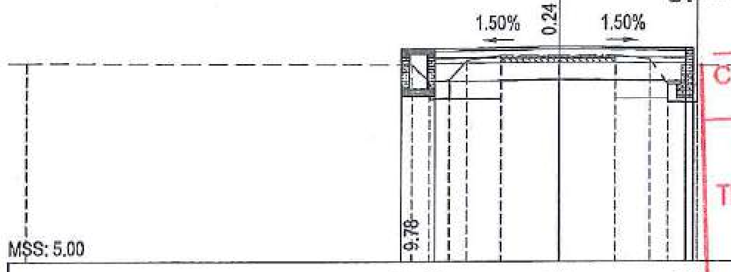


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BQT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.89, 10.89, 10.95, 10.89, 10.89 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97, 3.50, 3.50, 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.50, 10.43, 9.98, 10.02, 10.56, 10.71, 10.71, 10.71, 10.59, 9.90, 9.89, 10.39, 10.39, 10.39 |
| Khoảng cách mia | 10.83, 0.50, 0.55, 0.50, 0.99, 1.63, 1.54, 0.98, 0.50, 0.81, 11.16, 0.01 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.09 m |
| Vét bùn | : | 0.36 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.96 m2 |

Cọc: 14
KM0+200.00

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.75 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.34 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.48 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.53 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.25 m2 |
| Đắp lề | : | 0.00 m2 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

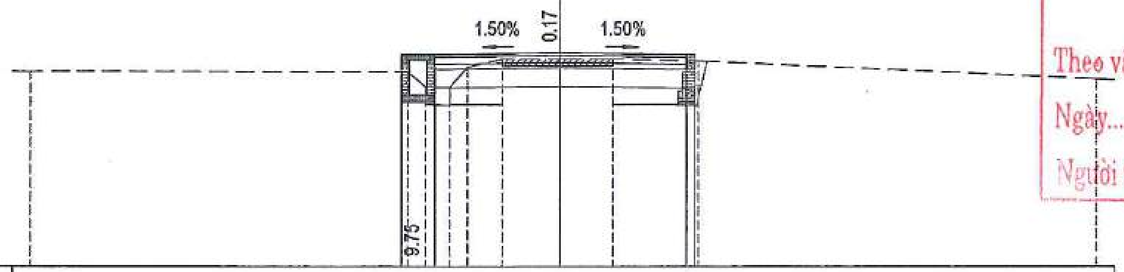


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.87, 10.87, 10.92, 10.87, 10.87 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97, 3.50, 3.50, 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.40, 10.40, 10.39, 10.00, 9.98, 10.52, 10.75, 10.75, 10.75, 10.70, 10.20 |
| Khoảng cách mia | 0.01, 10.71, 0.50, 0.71, 0.50, 0.96, 1.61, 1.48, 2.34, 11.18 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.49 m |
| Vét bùn | : | 0.69 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.43 m2 |

Cọc: 15
KM0+215.88

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.61 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.60 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.42 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.08 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.06 m2 |

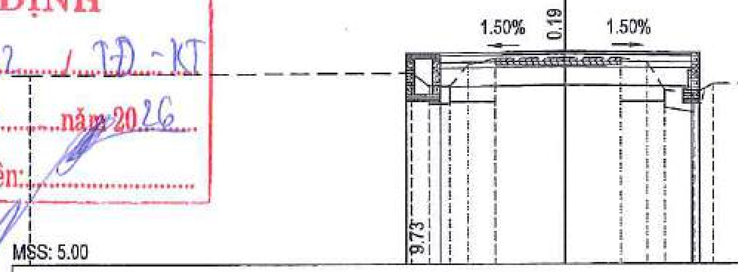


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 242/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.84, 10.84, 10.90, 10.84, 10.84 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97, 3.50, 3.50, 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.25, 10.30, 9.96, 9.95, 10.52, 10.71, 10.71, 10.71, 10.58, 9.82, 9.70, 10.00, 10.00 |
| Khoảng cách mia | 10.68, 0.50, 0.59, 0.50, 0.77, 1.96, 1.53, 0.75, 0.50, 0.80, 0.50, 10.92 |

XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

| HIỆU CHỈNH | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ<br>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

| ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|
| PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-04 |
| NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## Cọc: 16 — KM0+231.75

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 7.00 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 4.05 m |
| Vét bùn | : 0.20 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 1.05 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 1.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 3.50 m2 |
| Đào Thay đất | : 3.05 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 1.18 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 3.26 m2 |
| Đắp lề | : 1.03 m2 |

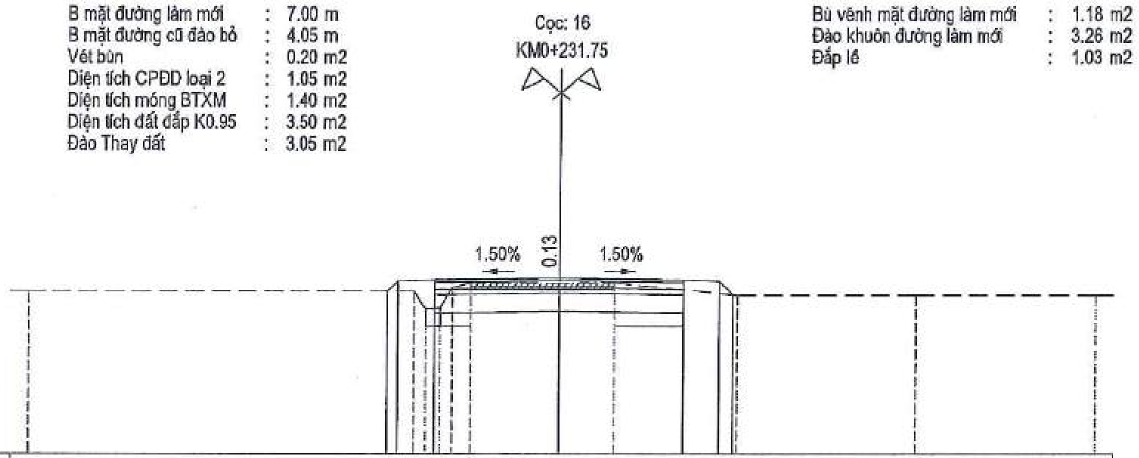


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.49 10.78 10.82 10.87 10.82 10.78 10.39 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.29 1.00 3.50 3.50 1.00 0.39 |
| Cao độ tự nhiên | 10.49 10.49 10.00 10.04 10.60 10.74 10.74 10.74 10.38 10.38 10.38 |
| Khoảng cách mia | 10.94 0.33 0.40 0.33 0.52 2.48 1.57 3.43 5.00 5.00 |

## Cọc: D2 — KM0+239.83

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 8.79 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 8.79 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 1.32 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 1.76 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 4.40 m2 |
| Đào Thay đất | : 0.00 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 6.86 m2 |
| Đắp lề | : 0.03 m2 |
| Hxcơi | : 0.23 m |

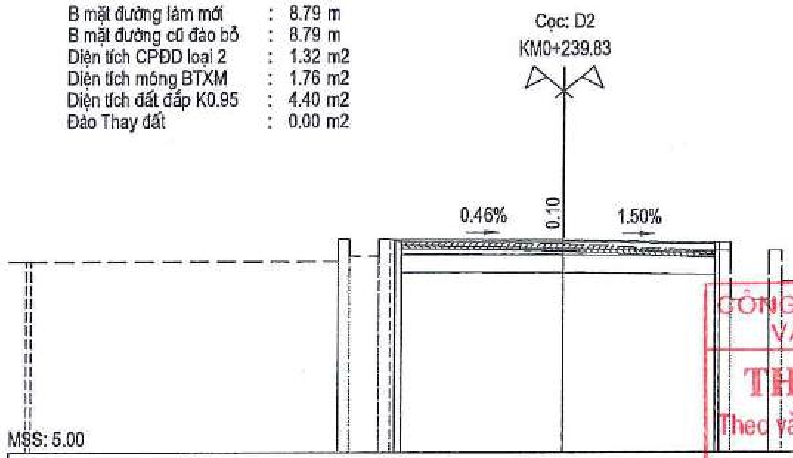


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.88 10.89 10.87 10.80 10.80 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.19 4.48 4.31 0.11 |
| Cao độ tự nhiên | 10.28 10.28 10.28 10.91 10.91 10.43 10.43 10.91 10.91 10.84 10.77 10.57 10.57 10.57 9.22 9.22 10.57 10.57 9.73 9.73 |
| Khoảng cách mia | 0.15 8.57 0.33 0.83 0.32 0.32 4.48 4.31 0.11 0.33 1.05 0.35 8.85 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## Cọc: 17 — KM0+245.00

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 5.50 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 4.21 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.82 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 1.10 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 2.75 m2 |
| Đào Thay đất | : 1.29 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.51 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 3.10 m2 |
| Đắp lề | : 0.13 m2 |
| Hxcơi | : 0.50 m |

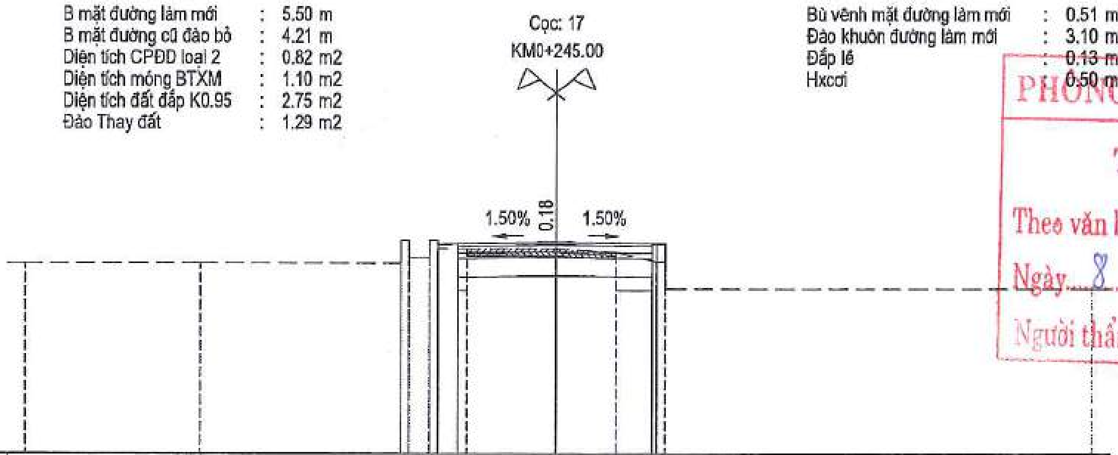


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.81 10.83 10.87 10.83 10.82 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.56 2.75 2.75 0.13 |
| Cao độ tự nhiên | 10.28 10.28 10.28 10.91 10.91 10.43 10.43 10.91 10.89 10.70 10.69 10.59 10.32 10.32 9.57 9.57 |
| Khoảng cách mia | 4.99 5.70 0.22 0.55 0.22 0.83 2.48 1.73 1.15 0.22 11.90 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## Cọc: 18 — KM0+262.50

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 5.50 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 3.10 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.82 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 1.10 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 2.75 m2 |
| Đào Thay đất | : 2.30 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.94 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 2.38 m2 |
| Đắp lề | : 0.10 m2 |
| Hxcơi | : 0.57 m |

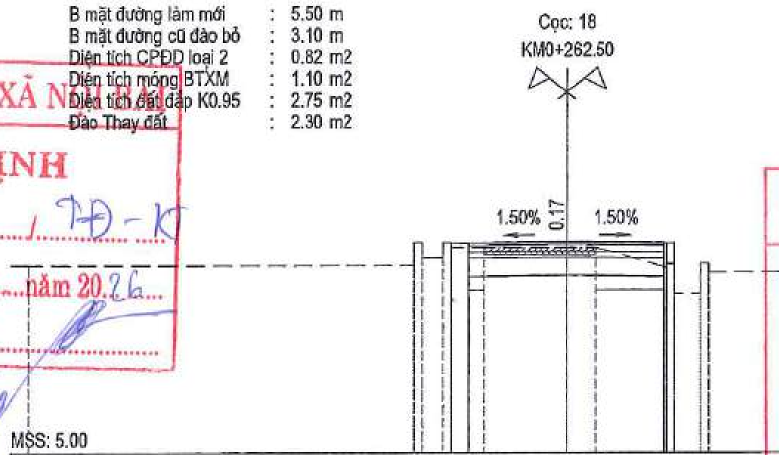


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.81 10.83 10.87 10.83 10.82 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.47 2.75 2.75 0.07 |
| Cao độ tự nhiên | 10.20 10.20 10.84 10.84 10.42 10.42 10.84 10.89 10.70 10.70 10.70 10.15 10.25 10.25 9.42 9.42 10.26 10.26 10.01 10.01 10.01 |
| Khoảng cách mia | 10.77 0.22 0.57 0.22 0.91 2.31 0.79 2.03 0.22 0.75 0.22 10.98 0.01 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 — SỐ HIỆU: T4-TN-05 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 5.50 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.18 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.82 m2
Diện tích móng BTXM : 1.10 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.75 m2
Đào Thay đất : 2.38 m2

Cọc: 19
KM0+280.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.89 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.57 m2
Đắp lề : 0.04 m2
Hxcơi : 0.52 m

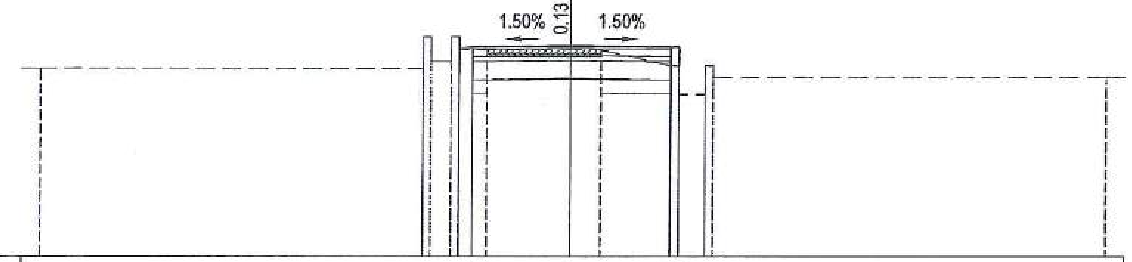


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.81 10.82 · 10.87 · 10.82 10.82 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.37 · 2.75 · 2.75 · 0.02 |
| Cao độ tự nhiên | 10.21 · 10.21 11.10 11.10 10.41 10.41 11.10 10.76 10.76 10.75 · 10.74 · 10.74 10.30 10.30 9.49 9.49 10.30 10.30 9.98 · 9.98 9.98 |
| Khoảng cách mia | 10.87 · 0.22 0.57 0.22 0.77 · 2.35 · 0.83 · 1.94 · 0.22 0.75 0.22 · 11.03 · 0.01 |

B mặt đường làm mới : 5.50 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.08 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.82 m2
Diện tích móng BTXM : 1.10 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.75 m2
Đào Thay đất : 2.74 m2

Cọc: 20
KM0+300.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.90 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.65 m2
Đắp lề : 0.02 m2
Hxcơi : 0.34 m

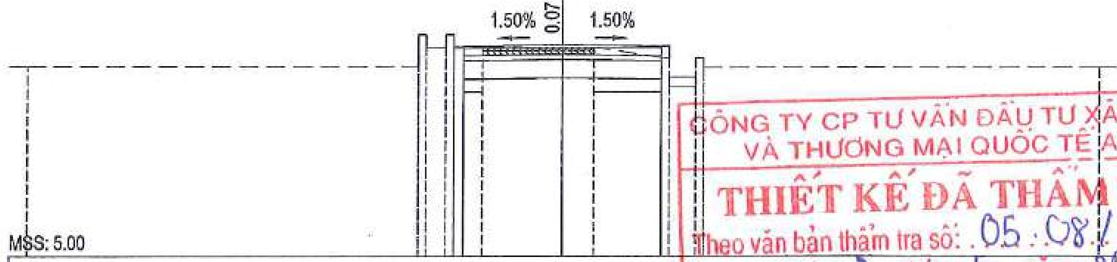


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.81 10.82 · 10.86 · 10.82 10.82 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.27 · 2.75 · 2.75 · 0.01 |
| Cao độ tự nhiên | 10.26 · 10.26 11.13 11.13 10.79 10.79 11.13 10.78 10.78 10.76 · 10.79 · 10.79 10.50 10.48 9.69 9.69 10.48 10.48 10.22 · 10.22 10.22 |
| Khoảng cách mia | 10.97 · 0.22 0.57 0.22 0.82 · 2.20 · 0.88 · 1.88 · 0.22 0.75 0.22 · 11.04 · 0.01 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 5.50 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.04 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.82 m2
Diện tích móng BTXM : 1.10 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.75 m2
Đào Thay đất : 2.82 m2

Cọc: 21
KM0+320.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.89 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.68 m2
Đắp lề : 0.05 m2
Hxcơi : 0.33 m

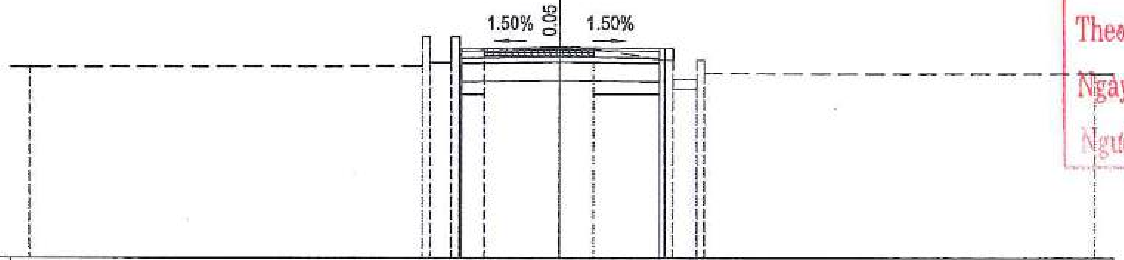


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.82 10.82 · 10.86 · 10.82 10.82 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.06 · 2.75 · 2.75 · 0.15 |
| Cao độ tự nhiên | 10.30 10.30 · 10.33 11.15 11.15 10.43 10.43 11.15 10.85 11.15 10.80 · 10.81 · 10.81 10.49 10.49 9.69 9.69 10.49 10.49 10.13 · 10.13 |
| Khoảng cách mia | 0.01 · 11.16 · 0.22 0.58 0.22 0.70 · 2.11 · 0.93 · 1.97 · 0.22 0.68 0.22 · 10.98 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 5.50 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.04 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.82 m2
Diện tích móng BTXM : 1.10 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.75 m2
Đào Thay đất : 2.75 m2

Cọc: D2a
KM0+340.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.86 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.59 m2
Đắp lề : 0.06 m2
Hxcơi : 0.32 m

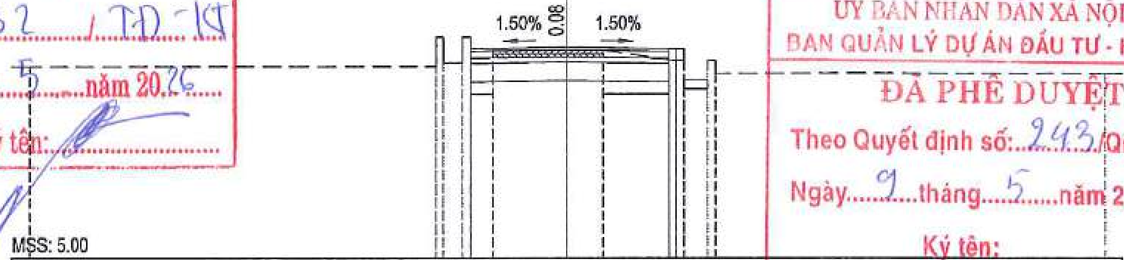


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.82 · 10.86 · 10.82 10.81 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 2.66 · 2.84 · 0.20 |
| Cao độ tự nhiên | 10.32 · 10.32 11.14 11.14 10.42 10.42 11.14 10.78 11.14 10.74 · 10.78 · 10.78 10.49 10.49 9.69 9.69 10.49 10.49 10.13 · 10.13 |
| Khoảng cách mia | 11.36 · 0.22 0.54 0.22 0.63 · 2.03 · 1.01 · 2.03 · 0.22 0.67 0.22 · 10.85 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-06 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 0.84 m
B mặt đường tận dụng : 4.66 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.13 m2
Diện tích móng BTXM : 0.17 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.42 m2
Đào Thay đất : 0.97 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.50 m

Cọc: D2b
KM0+360.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.28 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.15 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đắp lề : 0.18 m2
Hxcơi : 0.32 m

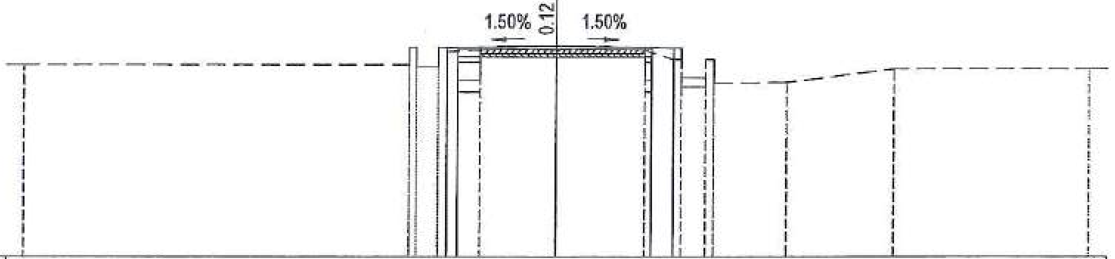


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.81 10.82 10.86 10.82 10.79 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.29 2.75 2.75 0.63 |
| Cao độ tự nhiên | 10.33 10.33 10.82 10.82 10.26 10.26 10.82 10.84 10.70 10.74 10.74 10.47 10.47 9.72 9.72 10.47 10.47 9.83 9.85 10.20 10.20 |
| Khoảng cách mia | 10.91 0.22 0.61 0.22 0.94 2.10 2.56 0.82 0.22 0.67 0.22 2.00 2.99 5.52 |

B mặt đường làm mới : 2.40 m
B mặt đường tận dụng : 3.10 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.36 m2
Diện tích móng BTXM : 0.48 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.20 m2
Đào Thay đất : 2.71 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.50 m

Cọc: 24
KM0+380.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.84 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đắp lề : 0.23 m2
Hxcơi : 0.34 m

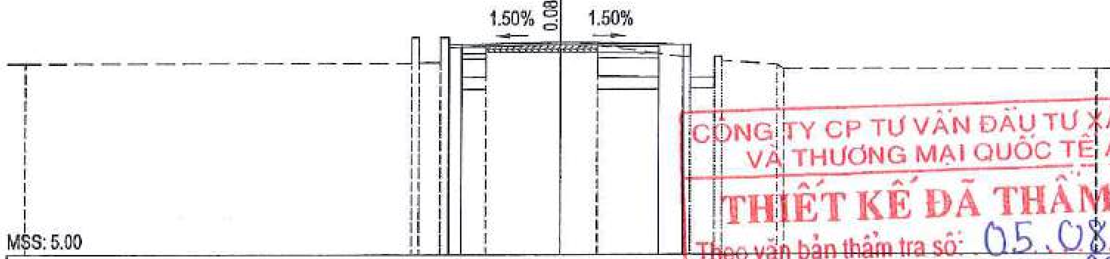


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.83 10.84 10.88 10.84 10.81 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.34 2.75 2.75 0.67 |
| Cao độ tự nhiên | 10.30 10.30 11.02 11.02 10.32 10.32 11.02 10.88 10.75 10.80 10.80 10.47 10.47 9.59 9.59 10.47 10.47 10.36 10.25 10.12 10.12 10.12 |
| Khoảng cách mia | 10.86 0.22 0.61 0.22 1.01 2.08 1.02 2.40 0.22 0.68 0.22 1.54 0.20 8.70 0.02 |

B mặt đường làm mới : 2.38 m
B mặt đường tận dụng : 3.12 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.36 m2
Diện tích móng BTXM : 0.48 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.19 m2
Đào Thay đất : 2.80 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.50 m

Cọc: 25
KM0+400.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.88 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đắp lề : 0.19 m2
Hxcơi : 0.32 m

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 /PKT-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

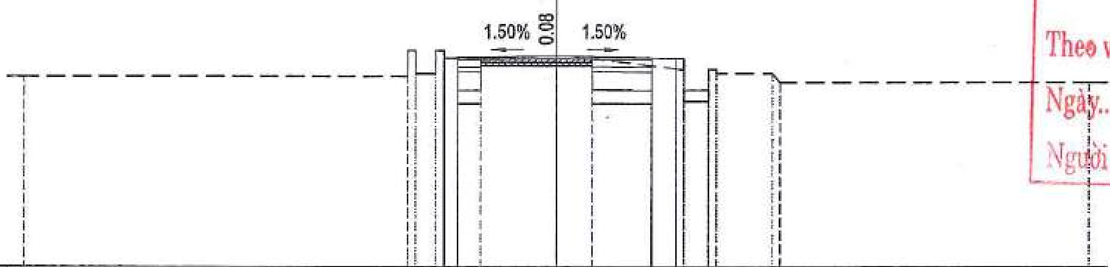


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.80 10.81 10.86 10.81 10.79 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.36 2.75 2.75 0.71 |
| Cao độ tự nhiên | 10.28 10.28 11.00 11.00 10.35 10.35 11.00 10.99 10.78 10.78 10.78 10.50 10.47 9.59 9.59 10.47 10.47 10.36 10.36 10.12 10.12 |
| Khoảng cách mia | 10.87 0.22 0.58 0.22 1.03 2.08 1.04 2.42 0.22 0.68 0.22 1.54 0.20 8.68 |

B mặt đường làm mới : 2.38 m
B mặt đường tận dụng : 3.12 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.36 m2
Diện tích móng BTXM : 0.48 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.19 m2
Đào Thay đất : 2.83 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.50 m

Cọc: 26
KM0+420.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.93 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.03 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đắp lề : 0.20 m2
Hxcơi : 0.29 m

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 943/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

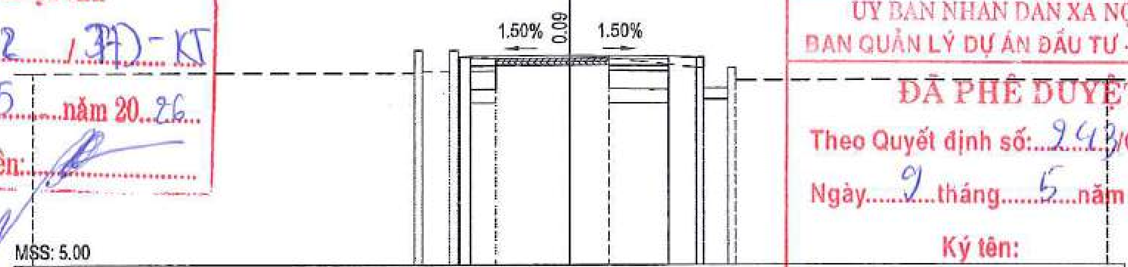


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.78 10.79 10.83 10.79 10.76 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.29 2.75 2.75 0.76 |
| Cao độ tự nhiên | 10.32 10.32 10.32 10.95 10.95 10.35 10.35 10.95 10.94 10.78 10.74 10.74 10.48 10.47 9.59 9.59 10.47 10.47 10.12 10.12 10.12 |
| Khoảng cách mia | 0.02 10.68 0.22 0.78 0.22 1.03 2.05 1.07 2.44 0.22 0.68 0.22 10.36 0.01 |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI<br>ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 \| SỐ HIỆU: T4-TN-07 |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH \| NĂM 2026 |

## Cọc: 27 — KM0+440.00

B mặt đường làm mới : 2.51 m
B mặt đường tận dụng : 2.99 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.38 m2
Diện tích móng BTXM : 0.50 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.26 m2
Đào Thay đất : 3.03 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.50 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.06 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.10 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đắp lề : 0.20 m2
Hxcơi : 0.25 m

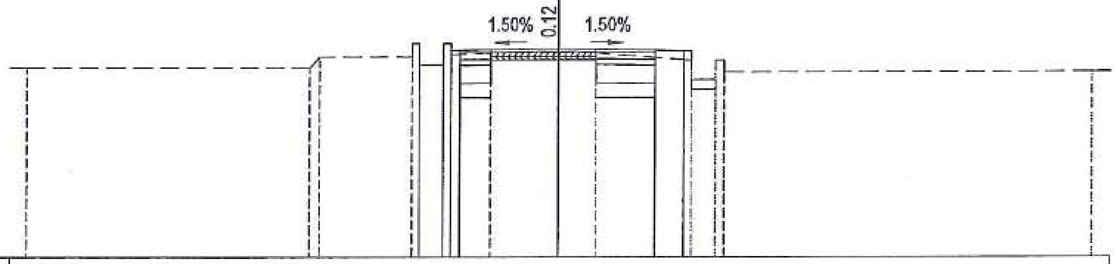


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.76 10.77 10.81 10.77 10.73 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.24 2.75 2.75 0.79 |
| Cao độ tự nhiên | 10.27 10.27 10.58 10.58 10.95 10.95 10.35 10.35 10.95 10.95 10.65 10.69 10.69 10.69 10.50 10.48 9.67 9.67 10.48 10.48 10.15 10.15 |
| Khoảng cách mia | 8.03 0.30 2.56 0.22 0.68 0.22 1.07 1.92 1.07 2.47 0.22 0.68 0.22 10.34 |

## Cọc: 28 — KM0+454.14

B mặt đường làm mới : 2.53 m
B mặt đường tận dụng : 2.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.38 m2
Diện tích móng BTXM : 0.51 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.27 m2
Đào Thay đất : 3.19 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.50 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.10 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.03 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đắp lề : 0.15 m2
Hxcơi : 0.22 m

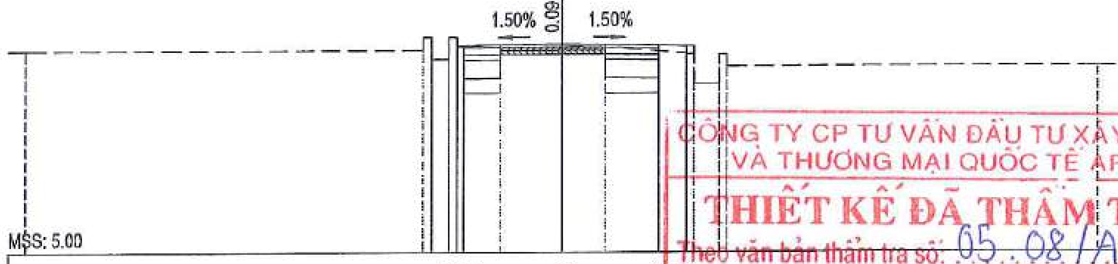


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2025

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.74 10.75 10.79 10.75 10.72 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.17 2.75 2.75 0.78 |
| Cao độ tự nhiên | 10.61 10.61 10.61 10.97 10.97 10.35 10.35 10.97 10.97 10.70 10.70 10.70 10.52 10.50 10.50 9.68 9.68 10.48 10.48 10.15 10.15 |
| Khoảng cách mia | 0.01 11.15 0.22 0.48 0.22 1.19 1.73 1.24 2.29 0.22 0.70 0.22 10.33 |

## Cọc: 29 — KM0+468.92

B mặt đường làm mới : 5.50 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.11 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.82 m2
Diện tích móng BTXM : 1.10 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.75 m2
Đào Thay đất : 2.98 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.91 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.70 m2
Đắp lề : 0.06 m2
Hxcơi : 0.08 m

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

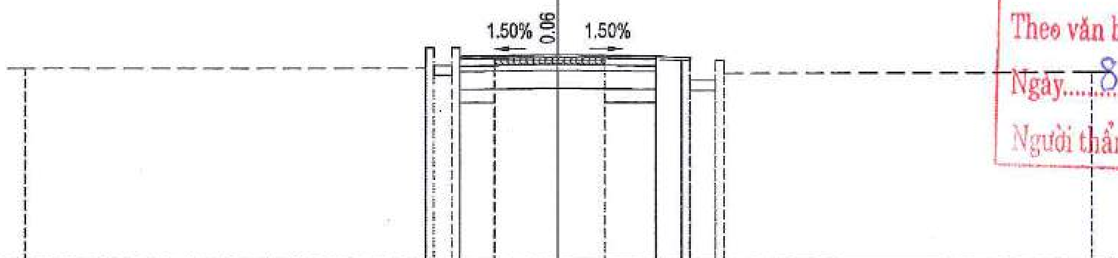


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.66 10.71 10.66 10.63 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 2.71 2.79 0.72 |
| Cao độ tự nhiên | 10.34 10.34 10.91 10.91 10.15 10.15 10.91 10.94 10.64 10.64 10.64 10.55 10.55 9.71 9.71 10.55 10.55 10.19 10.19 10.19 |
| Khoảng cách mia | 11.34 0.22 0.51 0.22 0.93 1.78 1.33 2.18 0.22 0.73 0.22 10.31 0.01 |

## Cọc: D3 — KM0+483.69

B mặt đường làm mới : 5.03 m
B mặt đường trên rãnh : 0.47 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.64 m
Vét bùn : 0.22 m2
Đào kênh : 0.49 m2
Đắp kênh : 0.22 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.75 m2
Diện tích móng BTXM : 1.01 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.51 m2
Đào Thay đất : 2.71 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.79 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.14 m2
Đắp lề : 0.02 m2

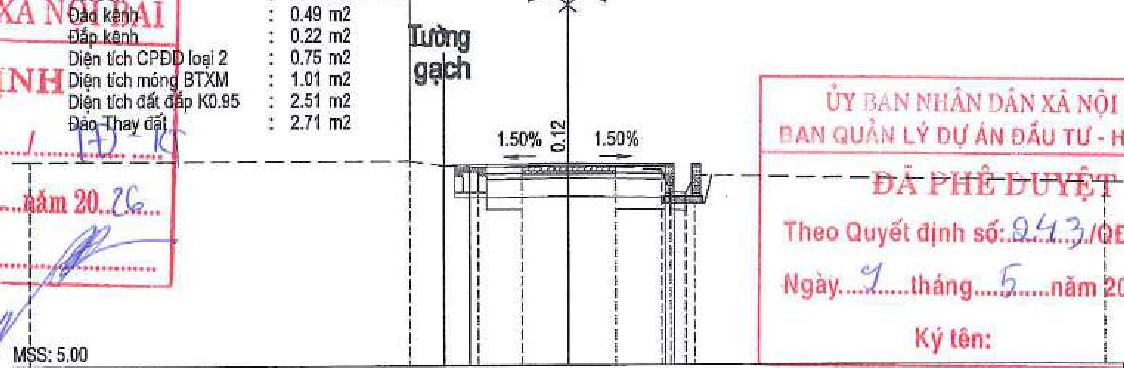


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 943/QĐ-QLDA
Ngày 7 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.55 10.58 10.62 10.58 10.58 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.69 2.75 2.75 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.69 10.69 10.55 10.52 10.50 10.50 10.50 10.42 9.82 9.78 10.26 10.04 10.04 |
| Khoảng cách mia | 10.64 0.93 0.92 1.22 1.29 1.35 1.30 0.25 0.44 0.25 11.40 0.01 |

XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI — BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-08 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 2.45 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 2.60 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.45 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.00 m |
| Vét bùn | : | 0.49 m2 |
| Đào kênh | : | 0.05 m2 |
| Đắp kênh | : | 0.53 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.37 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.49 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 1.23 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.51 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.50 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.89 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.04 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.00 m2 |

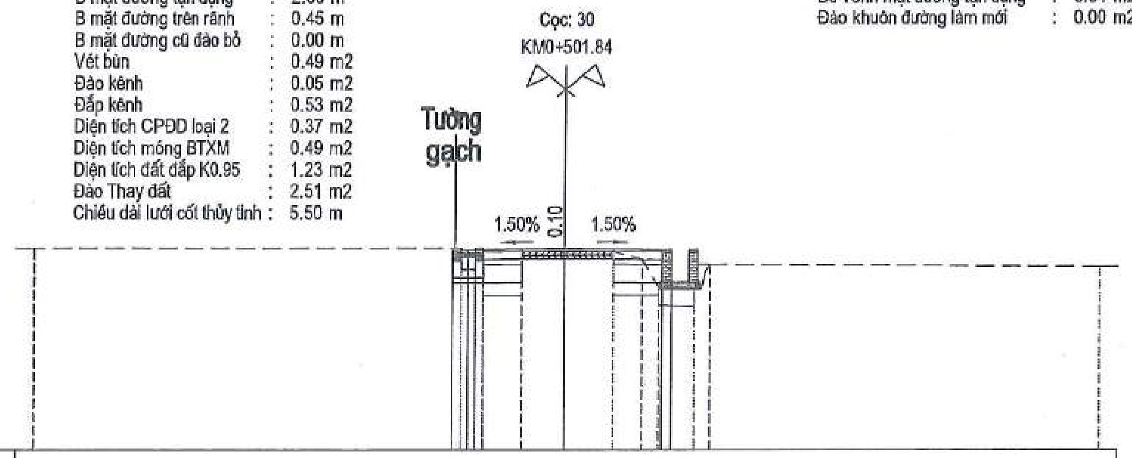


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.54 10.55 \| 10.60 \| 10.55 10.55 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.42 \| 2.75 \| 2.75 \| 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.60 10.60 \| 10.60 10.00 10.00 10.60 10.60 10.50 \| 10.50 \| 10.50 \| 10.30 9.52 \| 9.48 10.14 \| 10.07 |
| Khoảng cách mia | 0.01 \| 12.05 \| 0.40 0.22 \| 1.11 \| 1.21 \| 1.39 \| 0.82 \| 0.45 \| 0.99 \| 0.45 \| 10.90 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 2.23 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 2.68 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.59 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.00 m |
| Vét bùn | : | 0.44 m2 |
| Đào kênh | : | 0.21 m2 |
| Đắp kênh | : | 0.47 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.34 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.45 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 1.12 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.24 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.50 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.58 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.05 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.00 m2 |
| Đắp lề | : | 0.40 m2 |

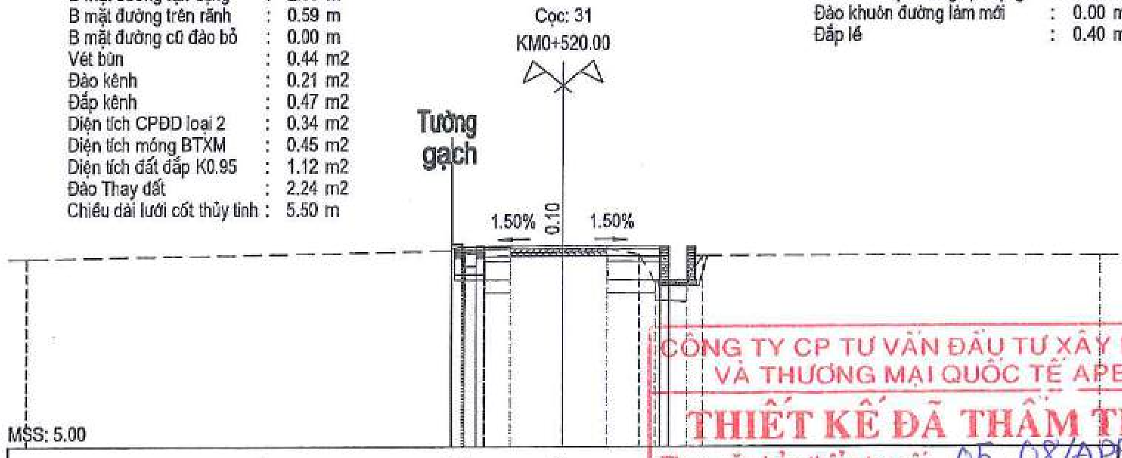


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.51 10.53 \| 10.57 \| 10.53 10.53 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.35 \| 2.75 \| 2.75 \| 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.21 \| 10.42 10.60 10.60 9.99 9.99 10.56 10.46 10.56 10.45 10.47 \| 10.47 \| 10.32 9.55 \| 9.50 10.27 \| 10.27 |
| Khoảng cách mia | 11.89 \| 0.31 0.30 0.22 0.22 \| 0.74 \| 1.44 \| 1.24 \| 0.92 \| 0.45 \| 0.89 \| 0.45 \| 11.05 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 1.67 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 3.32 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.51 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.00 m |
| Đào kênh | : | 1.15 m2 |
| Đắp kênh | : | 0.20 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.25 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.33 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 0.84 m2 |
| Đào Thay đất | : | 1.92 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.50 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.55 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.05 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.00 m2 |

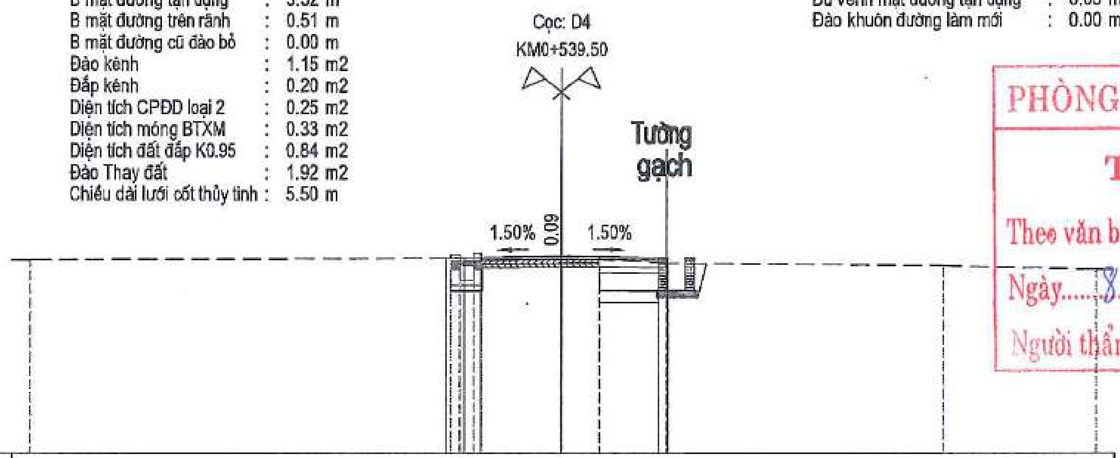


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/PD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.40 10.42 \| 10.46 \| 10.42 10.42 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.50 \| 2.75 \| 2.75 \| 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.36 \| 10.40 10.50 10.50 9.79 9.79 10.55 10.55 10.35 10.37 \| 10.37 \| 10.27 \| 10.20 \| 10.10 |
| Khoảng cách mia | 11.88 \| [illegible] \| 2.28 \| 1.08 \| 1.88 \| 7.74 \| 4.30 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 1.31 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 3.28 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.91 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.00 m |
| Đào kênh | : | 1.30 m2 |
| Đắp kênh | : | 0.23 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.20 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.26 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 0.66 m2 |
| Đào Thay đất | : | 1.55 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.50 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.39 m2 |
| Đào khuôn mặt đường tận dụng | : | 0.04 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.00 m2 |

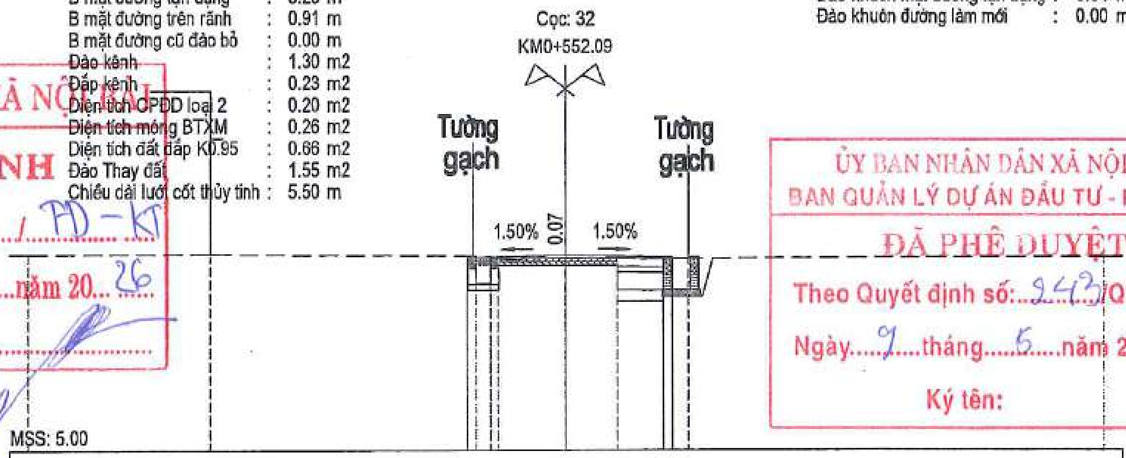


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.35 \| 10.39 \| 10.35 10.35 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 2.75 \| 2.75 \| 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.43 \| 10.43 \| 10.38 9.65 9.65 10.32 10.32 \| 10.32 \| 10.32 \| 10.30 \| 10.34 |
| Khoảng cách mia | 5.06 \| 7.46 \| [illegible] \| 1.88 \| 1.44 \| 2.01 \| 11.55 |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T4-TN-09 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

## Cọc: D5 — KM0+564.68

| | | | |
|---|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 1.04 m | Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.26 m2 |
| B mặt đường tận dụng | : 3.59 m | Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.01 m2 |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.87 m | Đào khuôn mặt đường tận dụng | : 0.02 m2 |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m | Đào khuôn đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đào kênh | : 1.26 m2 | | |
| Đắp kênh | : 0.23 m2 | | |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.16 m2 | | |
| Diện tích móng BTXM | : 0.21 m2 | | |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 0.52 m2 | | |
| Đào Thay đất | : 1.05 m2 | | |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 5.50 m | | |

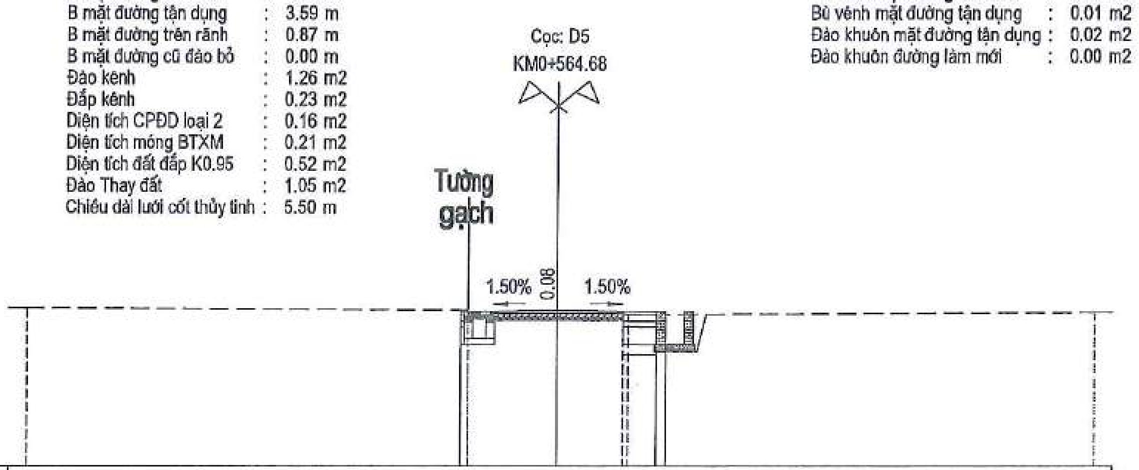


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.28; 10.32; 10.28 10.28 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 2.75; 2.75; 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.38; 10.32 10.24; 10.24; 10.24 10.20; 10.26 |
| Khoảng cách mia | 12.46; 2.54; 1.81; 0.15; 13.04 |

## Cọc: 33 — KM0+576.85

| | | | |
|---|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 1.26 m | Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.31 m2 |
| B mặt đường tận dụng | : 3.37 m | Đào khuôn mặt đường tận dụng | : 0.04 m2 |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.87 m | Đào khuôn đường làm mới | : 0.00 m2 |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m | | |
| Đào kênh | : 1.34 m2 | | |
| Đắp kênh | : 0.25 m2 | | |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.19 m2 | | |
| Diện tích móng BTXM | : 0.25 m2 | | |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 0.63 m2 | | |
| Đào Thay đất | : 1.33 m2 | | |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 5.50 m | | |

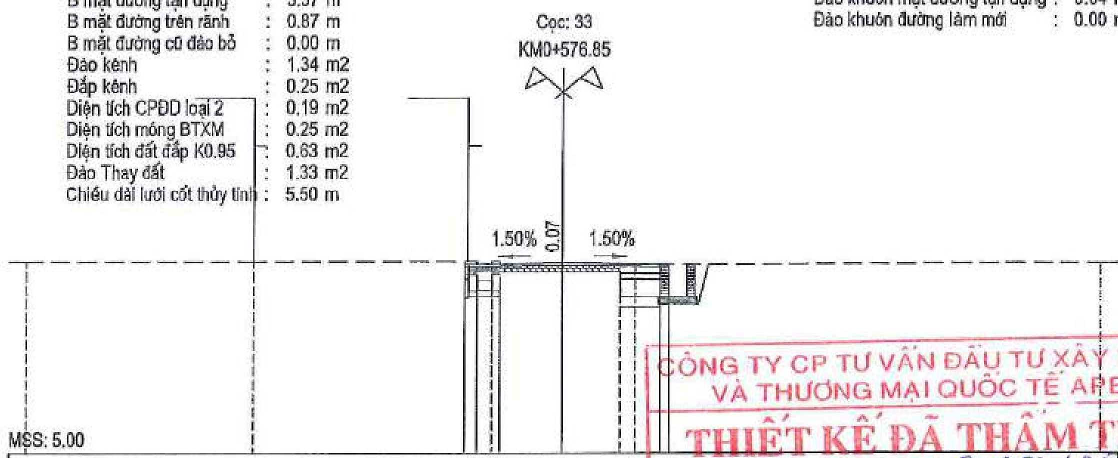


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.30 10.23; 10.27; 10.23 10.23 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 2.75; 2.75; 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.30; 10.30; 10.30 9.50 9.50 10.30 10.30 10.20 10.20; 10.20 10.21; 10.25 |
| Khoảng cách mia | 6.39; 6.22; 0.40 0.23; 1.76; 1.61; 0.43; 12.96 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## Cọc: 34 — KM0+589.03

| | | | |
|---|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 2.18 m | Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.35 m2 |
| B mặt đường tận dụng | : 3.32 m | Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.04 m2 |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m | Đào khuôn mặt đường tận dụng | : 0.01 m2 |
| Đào kênh | : 1.28 m2 | Đào khuôn đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đắp kênh | : 0.23 m2 | | |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.33 m2 | | |
| Diện tích móng BTXM | : 0.44 m2 | | |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.09 m2 | | |
| Đào Thay đất | : 1.48 m2 | | |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 5.50 m | | |

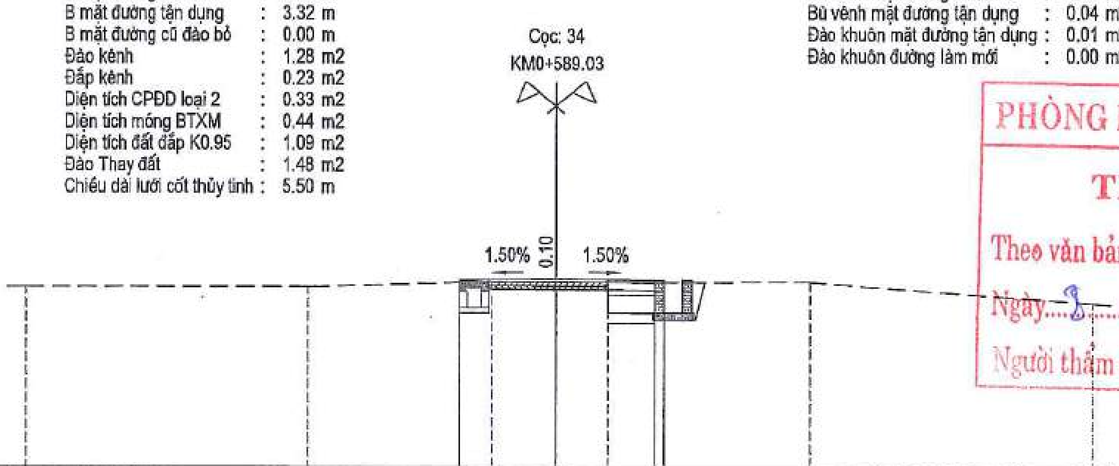


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.18; 10.22; 10.18 10.18 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 2.75; 2.75; 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.01; 10.01; 10.15; 10.12; 10.12; 10.13; 9.52 |
| Khoảng cách mia | 8.00; 5.20; 1.80; 1.44; 5.67; 7.89 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 20 26
Người thẩm định ký tên:

## Cọc: D6 — KM0+591.71

| | | | |
|---|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 1.51 m | Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.41 m2 |
| B mặt đường tận dụng | : 3.02 m | Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.03 m2 |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m | Đào khuôn mặt đường tận dụng | : 0.00 m2 |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m | Đào khuôn đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đào kênh | : 1.29 m2 | | |
| Đắp kênh | : 0.23 m2 | | |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.23 m2 | | |
| Diện tích móng BTXM | : 0.30 m2 | | |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 0.76 m2 | | |
| Đào Thay đất | : 1.71 m2 | | |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 5.50 m | | |

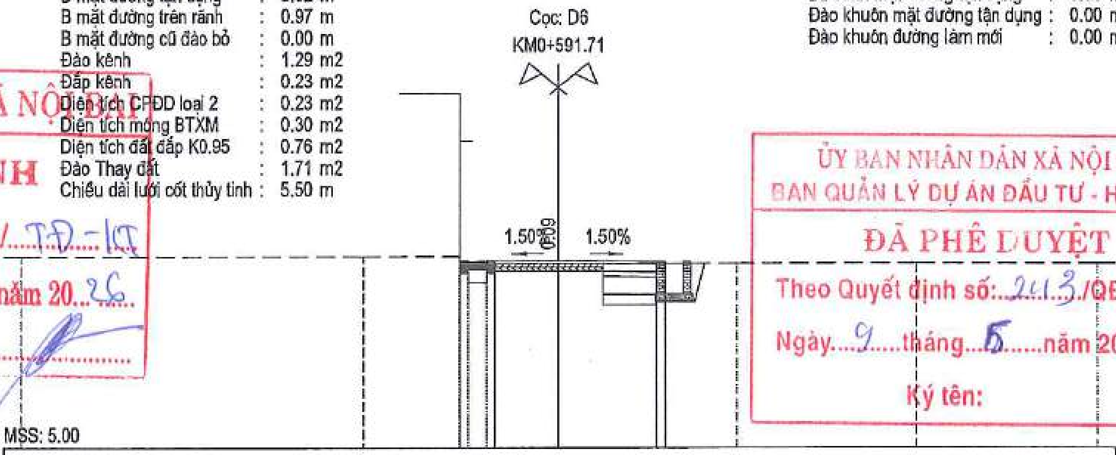


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.98 10.17; 10.18; 10.21; 10.17 10.17 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97; 1.78; 2.75; 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.31; 10.31 10.31 10.20 10.20 9.58 9.58 10.20 10.20 10.12; 10.12; 10.12; 10.12; 10.12 |
| Khoảng cách mia | 9.57; 2.67; 0.25 0.50 0.23; 1.78; 5.00; 5.00; 5.00 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 213 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 20 26
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | | | | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-10 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 1.50 m
B mặt đường tận dụng : 3.13 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.38 m2
Đào kênh : 0.34 m2
Đắp kênh : 0.32 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.23 m2
Diện tích móng BTXM : 0.30 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.75 m2
Đào Thay đất : 1.64 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.60 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.44 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.04 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2

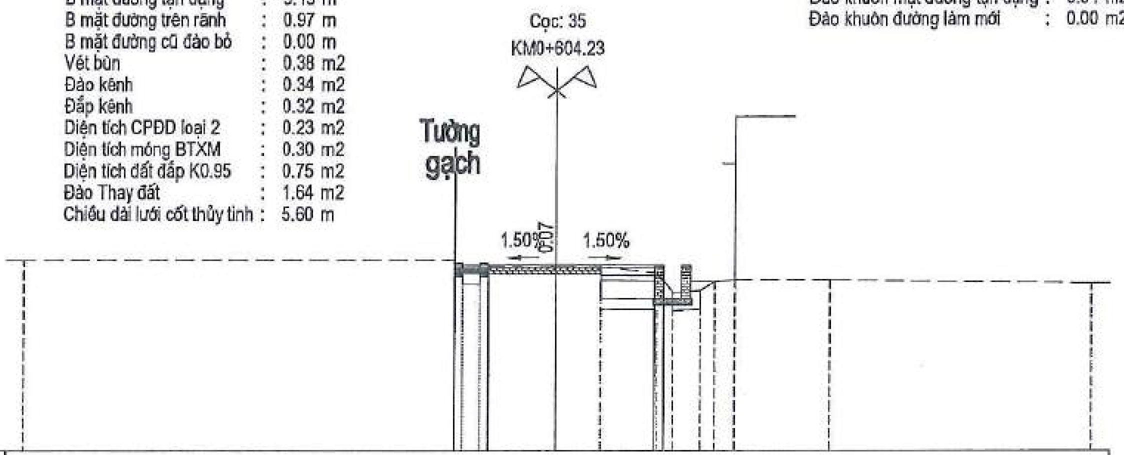


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.15 10.16 10.19 10.15 10.15 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 1.88 2.75 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.30 10.30 10.20 10.20 9.63 9.63 10.20 10.20 10.12 10.12 10.12 9.94 9.40 9.45 9.70 9.75 9.75 9.65 9.65 |
| Khoảng cách mia | 12.15 0.23 0.50 0.24 1.88 1.25 1.57 0.45 0.76 0.40 0.55 2.65 7.36 0.01 |

B mặt đường làm mới : 1.54 m
B mặt đường tận dụng : 3.14 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.35 m2
Đào kênh : 0.32 m2
Đắp kênh : 0.27 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.23 m2
Diện tích móng BTXM : 0.31 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.77 m2
Đào Thay đất : 1.66 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.65 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.50 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.04 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2

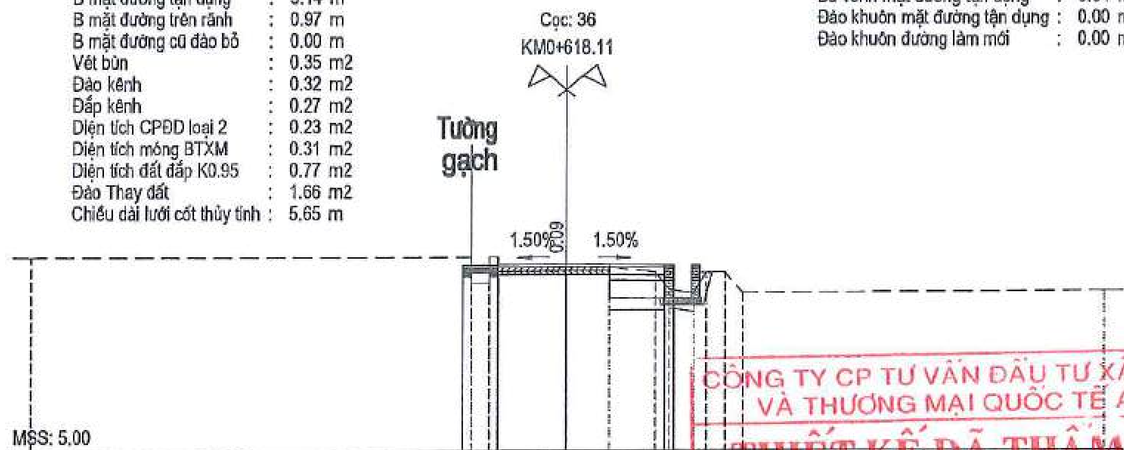


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.89 10.12 10.14 10.16 10.12 10.12 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 1.93 2.75 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.35 10.35 9.65 9.65 10.36 10.36 10.07 10.07 10.07 9.94 9.45 9.34 9.93 9.93 9.35 9.40 |
| Khoảng cách mia | 12.33 0.50 0.24 1.93 1.21 1.27 0.40 0.69 0.35 0.53 0.50 10.05 |

B mặt đường làm mới : 1.64 m
B mặt đường tận dụng : 3.14 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.38 m2
Đào kênh : 0.29 m2
Đắp kênh : 0.21 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.25 m2
Diện tích móng BTXM : 0.33 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.82 m2
Đào Thay đất : 1.65 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.75 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.57 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.03 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

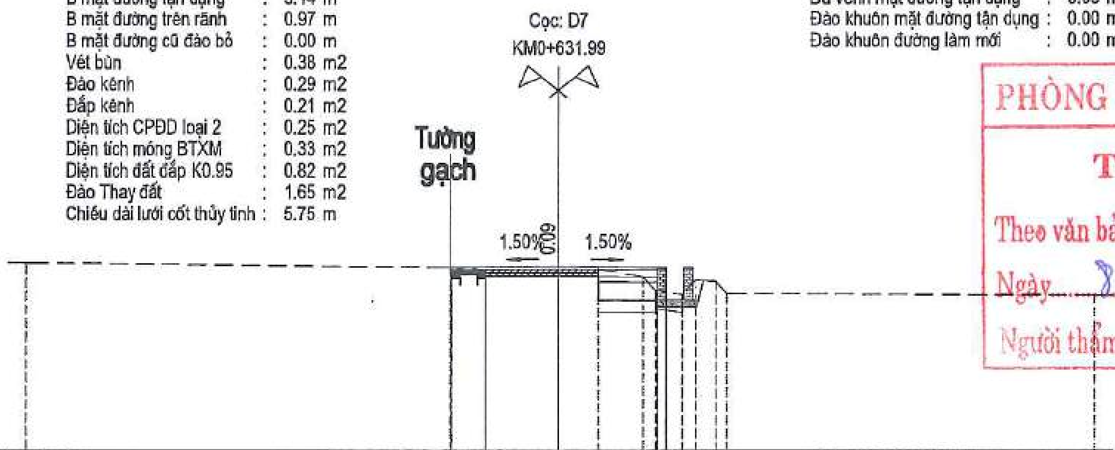


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.84 10.10 10.11 10.14 10.10 10.10 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.03 2.75 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.23 10.10 10.05 10.05 10.05 9.84 9.45 9.34 9.75 9.71 9.37 9.31 |
| Khoảng cách mia | 11.96 1.01 2.03 1.11 1.24 0.35 0.76 0.35 0.58 0.30 10.31 |

B mặt đường làm mới : 4.60 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.03 m
Vét bùn : 0.39 m2
Đào kênh : 0.40 m2
Đắp kênh : 0.20 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.69 m2
Diện tích móng BTXM : 0.92 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.30 m2
Đào Thay đất : 1.31 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.61 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.31 m2

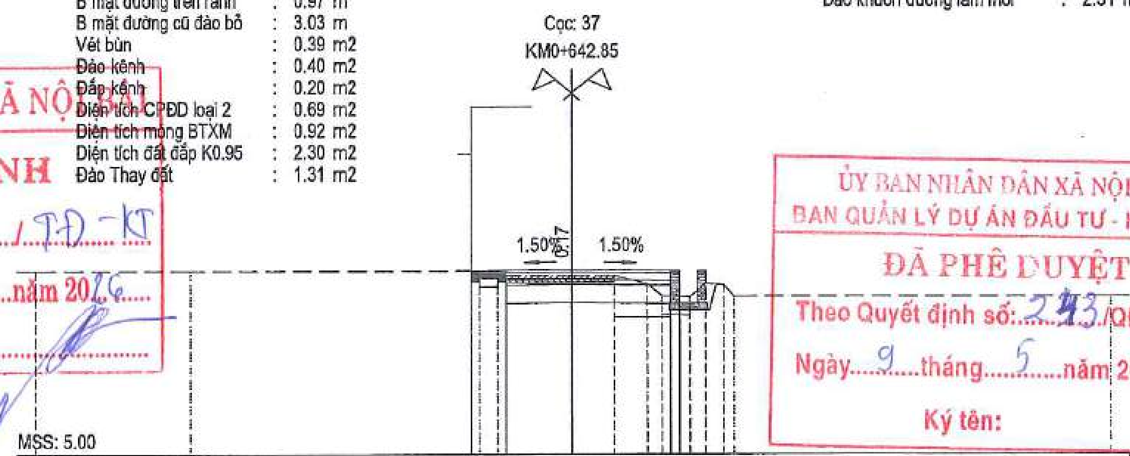


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.10 10.11 10.14 10.10 10.10 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 1.85 2.75 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.09 10.09 10.10 10.05 10.05 9.65 9.65 10.05 10.05 9.97 9.97 9.97 9.73 9.40 9.36 9.75 9.70 9.38 9.38 |
| Khoảng cách mia | 4.35 7.83 0.23 0.50 0.24 1.85 1.18 0.93 0.40 0.78 0.45 0.50 0.30 10.46 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-11 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 4.80 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Đào kênh : 0.98 m2
Đắp kênh : 0.15 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.72 m2
Diện tích móng BTXM : 0.96 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.40 m2
Đào Thay đất : 5.39 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 2.14 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2

Cọc: D8
KM0+653.71

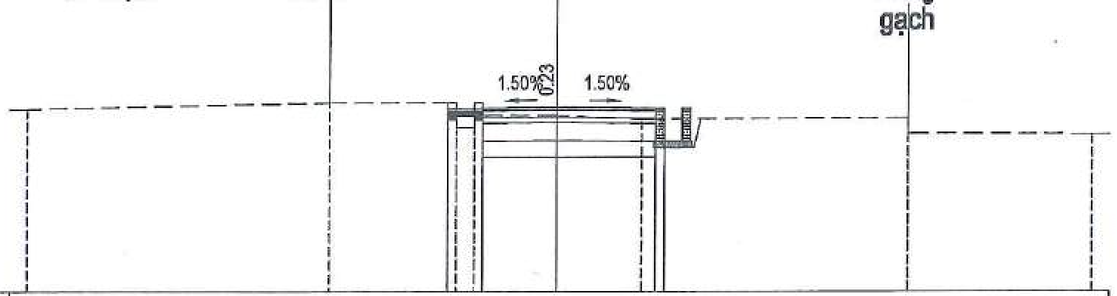


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.25 10.09 10.11 10.14 10.10 10.10 |
| Khoảng cách lẽ thiết kế | 0.97 2.05 2.75 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 10.08 10.25 10.25 10.25 9.56 9.56 10.25 10.25 9.91 9.91 9.81 9.83 9.39 9.36 9.36 |
| Khoảng cách mia | 8.60 3.39 0.22 0.50 0.23 2.05 2.37 7.45 5.17 0.01 |

B mặt đường làm mới : 5.23 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.59 m2
Đào kênh : 0.19 m2
Đắp kênh : 0.40 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.78 m2
Diện tích móng BTXM : 1.05 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.62 m2
Đào Thay đất : 5.26 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 2.60 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2

Cọc: 38
KM0+666.86

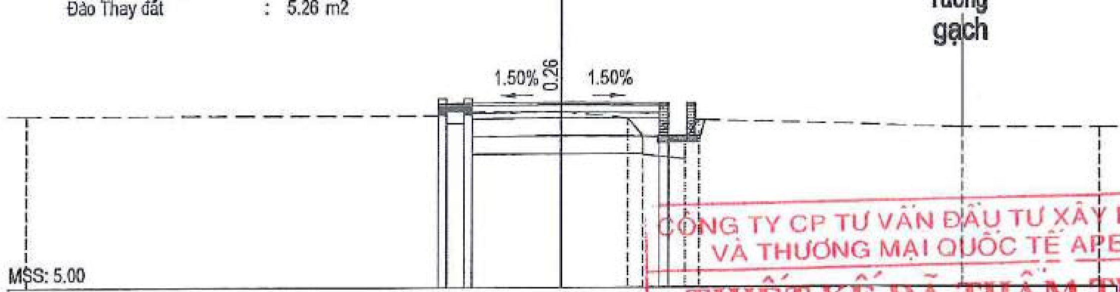


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.09 10.10 10.14 10.10 10.10 |
| Khoảng cách lẽ thiết kế | 0.97 2.48 2.75 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 9.77 9.77 10.24 10.24 9.55 9.55 10.24 10.24 9.88 9.88 9.70 9.19 9.05 9.65 9.40 9.40 9.40 |
| Khoảng cách mia | 11.55 0.23 0.50 0.23 2.48 1.89 0.40 1.17 0.40 7.35 3.78 0.01 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 06.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 5.48 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.52 m2
Đào kênh : 0.15 m2
Đắp kênh : 0.37 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.82 m2
Diện tích móng BTXM : 1.10 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.74 m2
Đào Thay đất : 5.47 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 3.07 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2

Cọc: 39
KM0+680.00

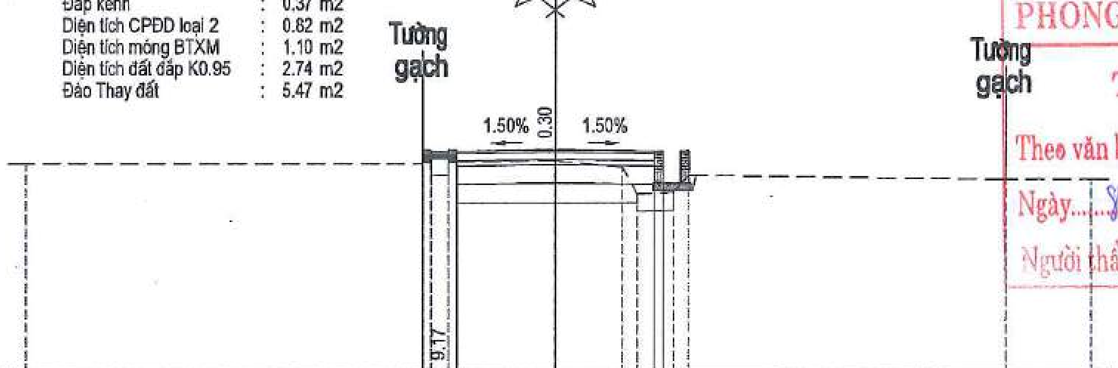


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.08 10.10 10.14 10.10 10.10 |
| Khoảng cách lẽ thiết kế | 0.97 2.73 2.75 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 9.75 9.75 10.13 10.13 9.43 9.43 10.13 10.13 9.80 9.84 9.65 8.91 8.95 9.42 9.27 9.27 9.27 |
| Khoảng cách mia | 11.30 0.22 0.50 0.23 2.73 1.88 0.40 1.04 0.40 8.86 2.41 0.01 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 7.36 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.87 m2
Đào kênh : 0.00 m2
Đắp kênh : 1.12 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 1.10 m2
Diện tích móng BTXM : 1.47 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 3.68 m2
Đào Thay đất : 7.31 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 4.19 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2

Cọc: D9
KM0+684.69

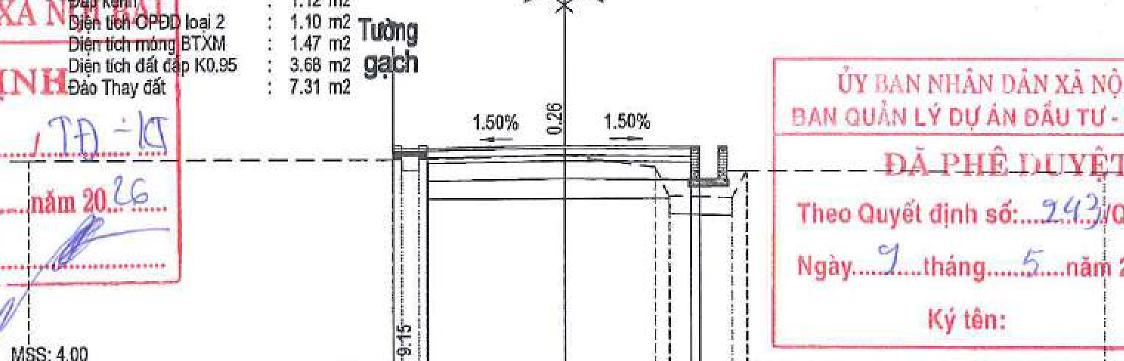


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.05 10.06 10.12 10.07 10.07 |
| Khoảng cách lẽ thiết kế | 0.97 3.86 3.50 0.25 |
| Cao độ tự nhiên | 9.75 9.75 10.13 10.13 9.45 9.45 10.13 10.13 9.75 9.86 9.51 8.71 8.65 9.39 9.31 |
| Khoảng cách mia | 10.17 0.24 0.50 0.24 3.86 2.51 0.40 1.74 0.40 9.95 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T4-TN-12 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 6.24 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.35 m2
Vét hữu cơ : 1.45 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.94 m2
Diện tích móng BTXM : 1.25 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 3.12 m2
Đào Thay đất : 3.03 m2

Cọc: 40
KM0+689.72

Bù vênh mặt đường làm mới : 3.24 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào tường chắn : 0.04 m2
Đắp tường chắn : 0.03 m2
Đắp lề : 0.00 m2

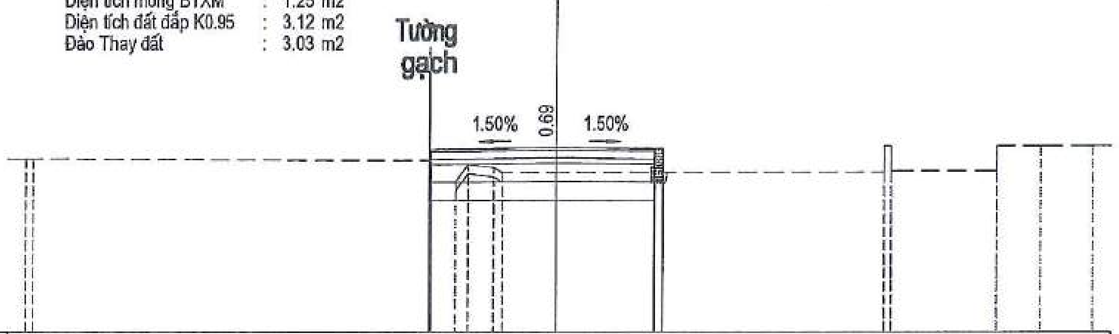


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.64 10.05 · 10.10 · 10.06 10.06 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 3.49 · 2.75 · 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.80 9.80 · 9.75 9.15 9.15 9.64 9.55 9.40 · 9.41 · 9.41 10.14 10.14 9.45 · 9.45 10.14 · 10.14 · 10.14 |
| Khoảng cách mia | 0.22 · 11.25 · 0.70 0.35 0.73 0.25 · 1.50 · 9.17 · 0.22 · 2.94 · 1.24 · 1.43 |

B mặt đường làm mới : 5.27 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.47 m2
Vét hữu cơ : 1.16 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.79 m2
Diện tích móng BTXM : 1.05 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.64 m2
Đào Thay đất : 2.72 m2

Cọc: 41
KM0+704.86

Bù vênh mặt đường làm mới : 2.43 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.17 m2
Đắp rãnh : 0.08 m2
Đào tường chắn : 0.03 m2
Đắp tường chắn : 0.03 m2
Đắp lề : 0.35 m2

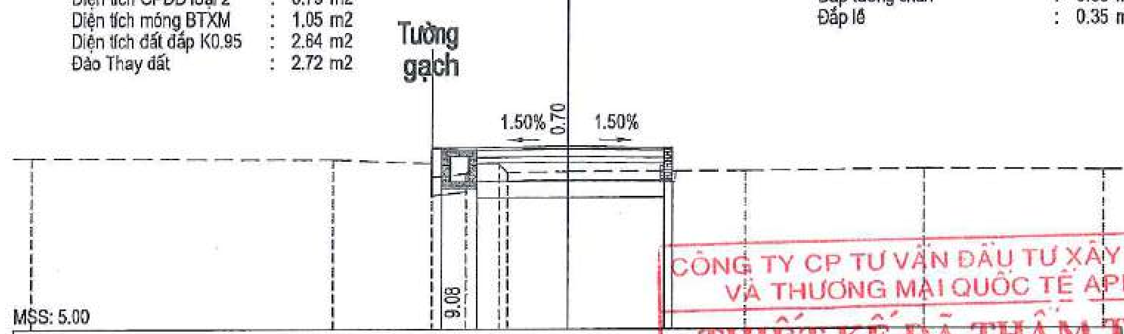


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.00 · 10.01 · 10.05 · 10.01 10.01 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 · 2.52 · 2.75 · 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.75 · 9.70 · 9.59 9.20 9.30 9.57 9.57 9.32 · 9.35 · 9.35 · 9.40 · 9.37 |
| Khoảng cách mia | 8.48 · 2.76 · 0.94 0.30 0.59 0.25 · 1.68 · 5.00 · 5.00 · 5.00 |

B mặt đường làm mới : 5.27 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.49 m2
Vét hữu cơ : 1.12 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.79 m2
Diện tích móng BTXM : 1.05 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.64 m2
Đào Thay đất : 2.87 m2

Cọc: 42
KM0+720.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 2.12 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.12 m2
Đắp rãnh : 0.11 m2
Đào tường chắn : 0.06 m2
Đắp tường chắn : 0.04 m2
Đắp lề : 0.33 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

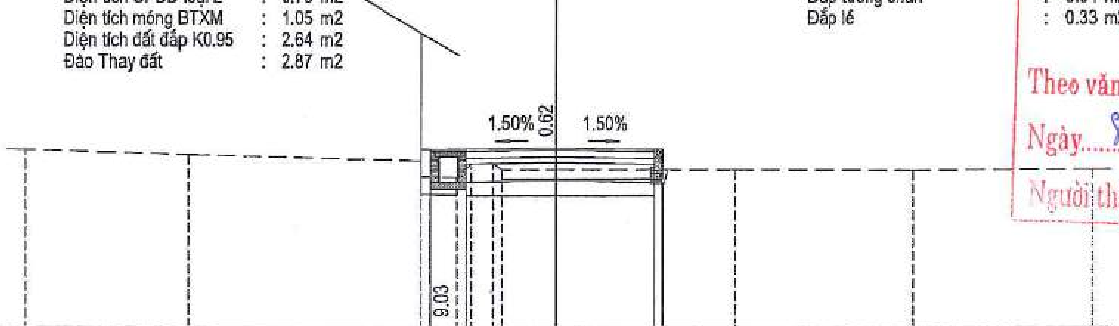


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.94 · 9.96 · 9.99 · 9.95 9.95 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 · 2.52 · 2.75 · 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.95 · 9.80 · 9.62 9.19 9.17 9.54 9.56 9.37 · 9.37 · 9.37 · 9.35 · 9.40 |
| Khoảng cách mia | 4.57 · 6.68 · 0.97 0.40 0.63 0.25 · 1.50 · 5.00 · 5.00 · 5.00 |

B mặt đường làm mới : 5.27 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.15 m2
Vét hữu cơ : 1.47 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.79 m2
Diện tích móng BTXM : 1.05 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.64 m2
Đào Thay đất : 2.54 m2

Cọc: D10
KM0+737.30

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.75 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.27 m2
Đắp rãnh : 0.09 m2
Đào tường chắn : 0.09 m2
Đắp tường chắn : 0.05 m2
Đắp lề : 0.00 m2

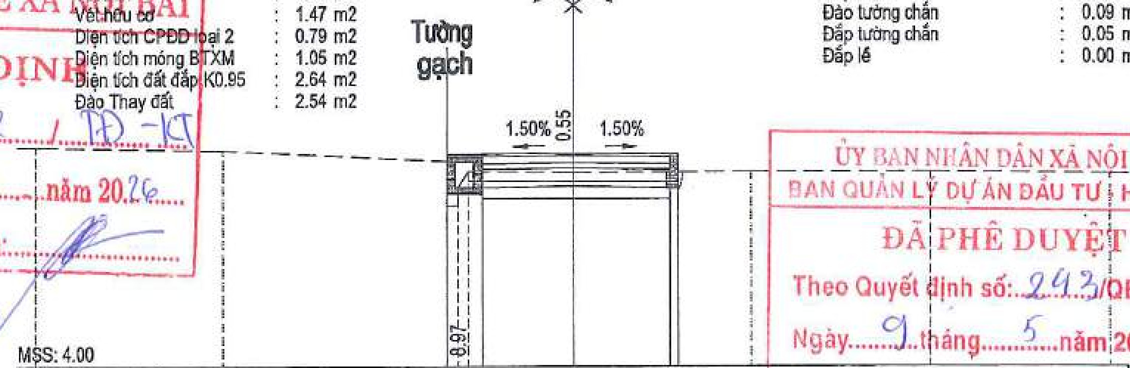


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

MSS: 4.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.88 · 9.89 · 9.93 · 9.89 9.89 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 · 2.52 · 2.75 · 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.10 10.10 · 10.00 · 9.70 8.97 8.97 9.41 · 9.38 · 9.40 · 9.40 · 9.35 |
| Khoảng cách mia | 0.01 · 5.20 · 6.30 · 0.30 0.29 · 2.90 · 5.00 · 5.00 · 5.00 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-13 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 5.27 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.00 m |
| Vét bùn | : | 0.15 m2 |
| Vét hữu cơ | : | 1.46 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.79 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.05 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.64 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.42 m2 |

Cọc: D11
KM0+756.91

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.36 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.00 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.24 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.12 m2 |
| Đào tường chắn | : | 0.11 m2 |
| Đắp tường chắn | : | 0.06 m2 |
| Đắp lề | : | 0.00 m2 |

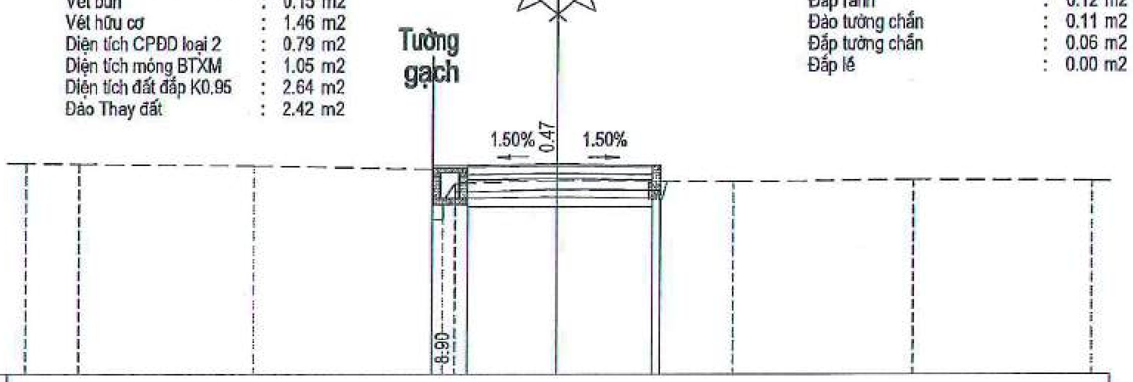


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.81 9.82 9.86 9.82 9.82 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.52 2.75 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.87 9.85 9.80 9.70 8.80 8.80 9.31 9.39 9.35 9.40 9.37 |
| Khoảng cách mia | 1.51 5.00 5.00 0.30 0.33 2.86 5.00 5.00 5.00 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 7.46 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 2.45 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.00 m |
| Vét bùn | : | 1.67 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 1.12 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.49 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 3.73 m2 |
| Đào Thay đất | : | 5.51 m2 |

Cọc: 43
KM0+773.11

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 1.67 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.00 m2 |
| Đắp rãnh | : | 1.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.00 m2 |

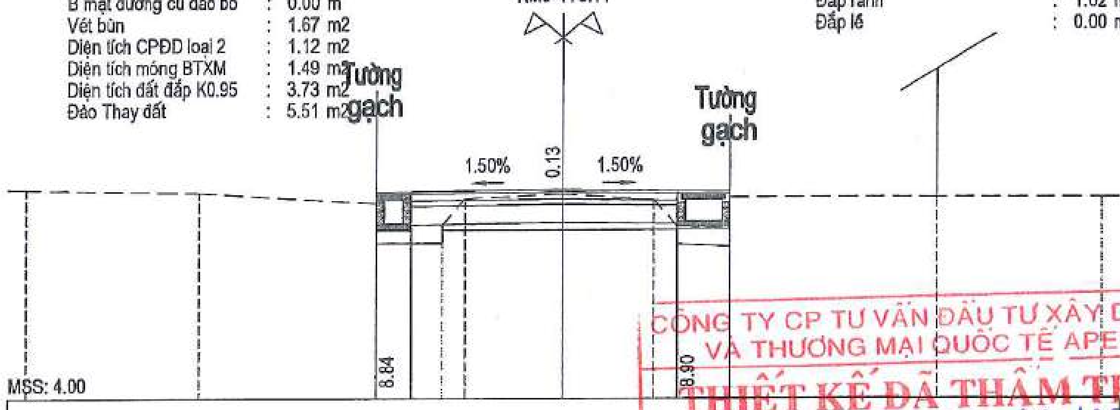


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.67 9.72 9.74 9.80 9.75 9.73 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 4.26 3.20 1.48 |
| Cao độ tự nhiên | 9.80 9.80 9.70 9.40 8.80 8.81 9.53 9.67 9.50 8.77 8.70 9.56 9.56 9.56 |
| Khoảng cách mia | 0.02 4.75 5.00 1.85 0.63 2.75 2.55 0.65 1.48 5.74 4.58 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 4.08 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.94 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.00 m |
| Vét bùn | : | 0.42 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.61 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.82 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.04 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.71 m2 |

Cọc: 44
KM0+777.00

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.81 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.00 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.83 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.23 m2 |
| Đắp lề | : | 0.00 m2 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

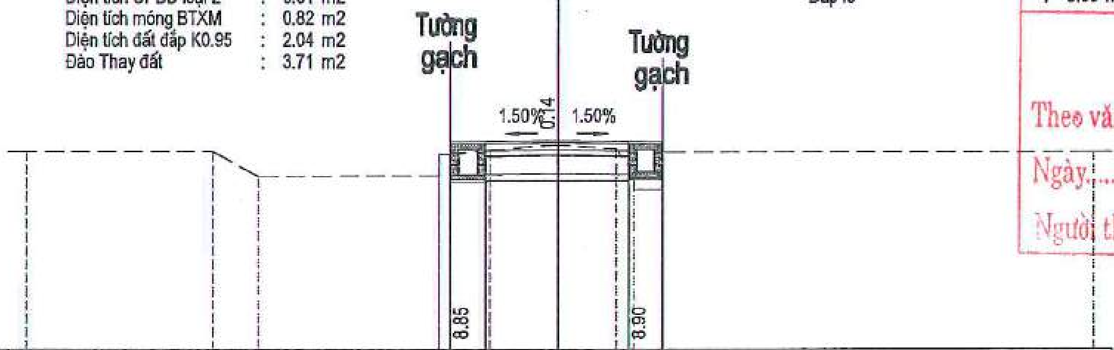


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.76 9.78 9.81 9.78 9.76 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.04 2.04 0.97 |
| Cao độ tự nhiên | 9.48 9.48 8.80 8.81 9.40 9.40 9.53 9.67 9.56 8.93 8.93 9.46 9.46 |
| Khoảng cách mia | 5.32 1.30 5.06 0.31 1.10 1.91 1.68 0.50 0.83 11.99 |

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 3.66 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 1.94 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 0.00 m |
| Vét bùn | : | 0.50 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.55 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.73 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 1.83 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.37 m2 |

Cọc: 45
KM0+792.06

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.89 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.00 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.11 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.29 m2 |
| Đắp lề | : | 0.00 m2 |

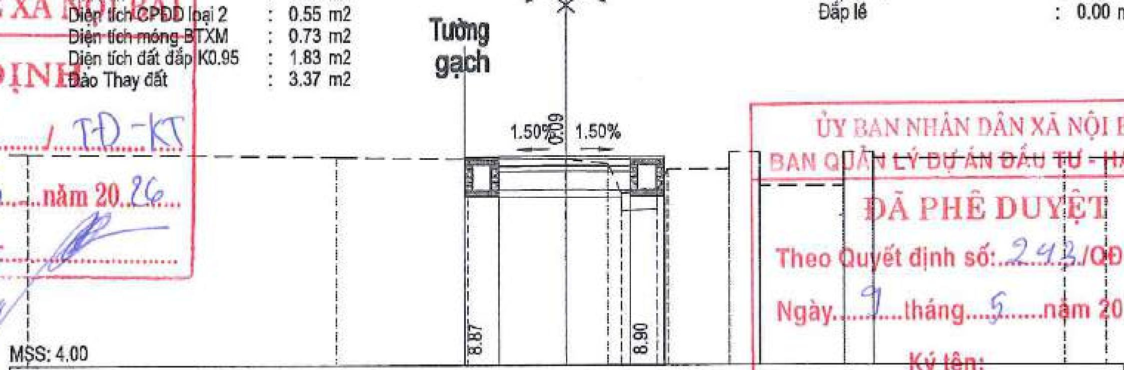


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.79 9.80 9.83 9.80 9.79 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 1.88 1.78 0.97 |
| Cao độ tự nhiên | 9.90 9.80 9.74 9.74 9.61 8.79 8.85 9.44 9.44 9.92 9.92 8.99 8.99 9.92 9.92 9.74 9.74 9.74 |
| Khoảng cách mia | 8.58 3.66 2.76 1.17 0.38 1.00 0.30 1.71 0.82 2.29 0.83 5.39 1.11 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ<br>TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 \| SỐ HIỆU: T4-TN-14 |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH \| NĂM 2026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT M.S.D.N: 0102617419

B mặt đường làm mới : 7.79 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 7.04 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 1.17 m2
Diện tích móng BTXM : 1.56 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 3.89 m2
Đào Thay đất : 0.79 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.15 m2
Đào khuôn đường làm mới : 5.81 m2
Đào rãnh : 1.04 m2
Đắp rãnh : 0.00 m2

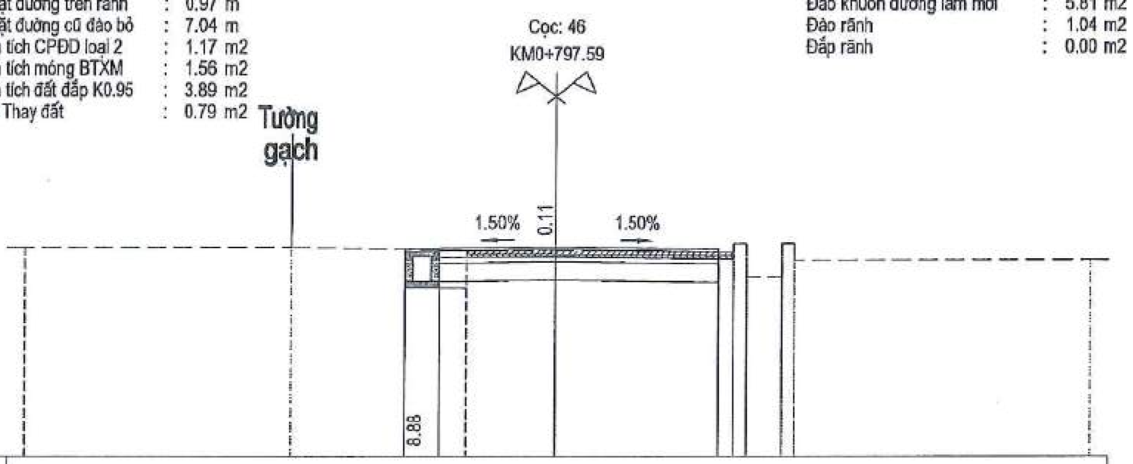


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.78 9.79 9.84 9.77 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 3.20 4.59 |
| Cao độ tự nhiên | 9.82 9.82 9.73 9.73 9.68 9.92 9.92 8.99 8.99 9.92 9.92 9.45 9.45 |
| Khoảng cách mia | 7.55 5.00 2.45 5.03 0.36 0.97 0.36 8.28 |

B mặt đường làm mới : 5.06 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 6.03 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.76 m2
Diện tích móng BTXM : 1.01 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.53 m2
Đào Thay đất : 0.00 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 3.84 m2
Đào rãnh : 0.97 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2

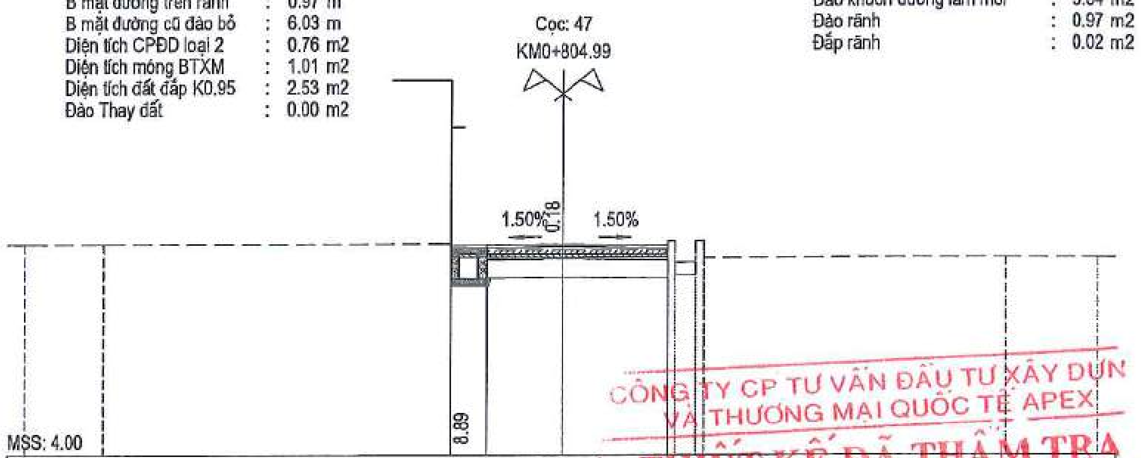


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.80 9.82 9.85 9.81 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.10 2.96 |
| Cao độ tự nhiên | 9.85 9.85 9.85 9.67 9.67 9.67 9.92 9.92 8.99 8.99 9.92 9.92 9.45 9.45 9.45 |
| Khoảng cách mia | 2.21 9.72 3.07 2.96 0.22 0.51 0.22 8.37 2.62 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 4.83 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.98 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.72 m2
Diện tích móng BTXM : 0.97 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.41 m2
Đào Thay đất : 2.01 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.44 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.62 m2
Đào rãnh : 1.09 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.00 m2
Hxcơi : 0.09 m

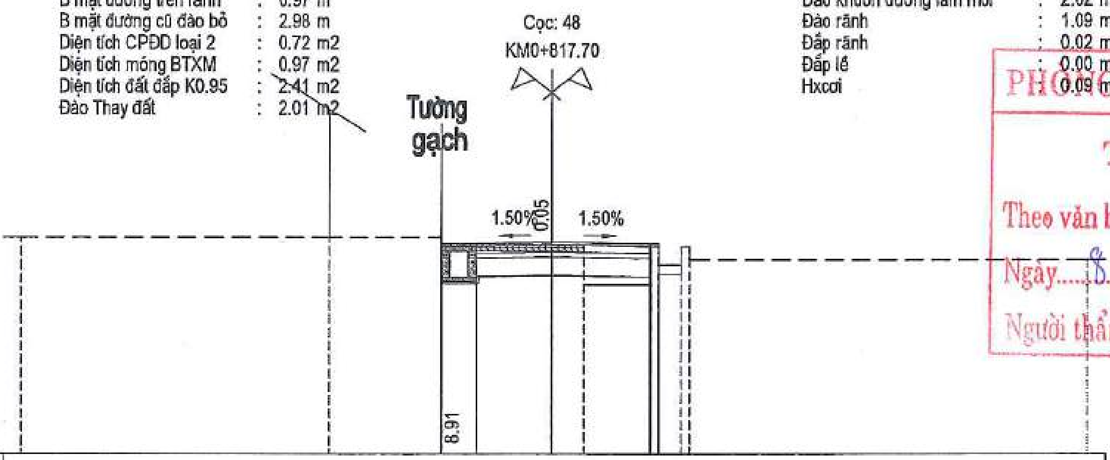


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.82 9.84 9.87 9.83 9.83 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.08 2.75 0.04 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.00 10.00 10.00 9.82 9.82 9.80 9.74 9.74 8.99 8.99 9.74 9.74 9.37 9.37 |
| Khoảng cách mia | 8.75 3.20 3.05 0.90 1.89 0.22 0.65 0.22 11.12 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 2.30 m
B mặt đường tận dụng : 2.60 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.27 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.34 m2
Diện tích móng BTXM : 0.46 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.15 m2
Đào Thay đất : 2.15 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.87 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.51 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.26 m2
Đào rãnh : 1.04 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.00 m2
Hxcơi : 0.11 m

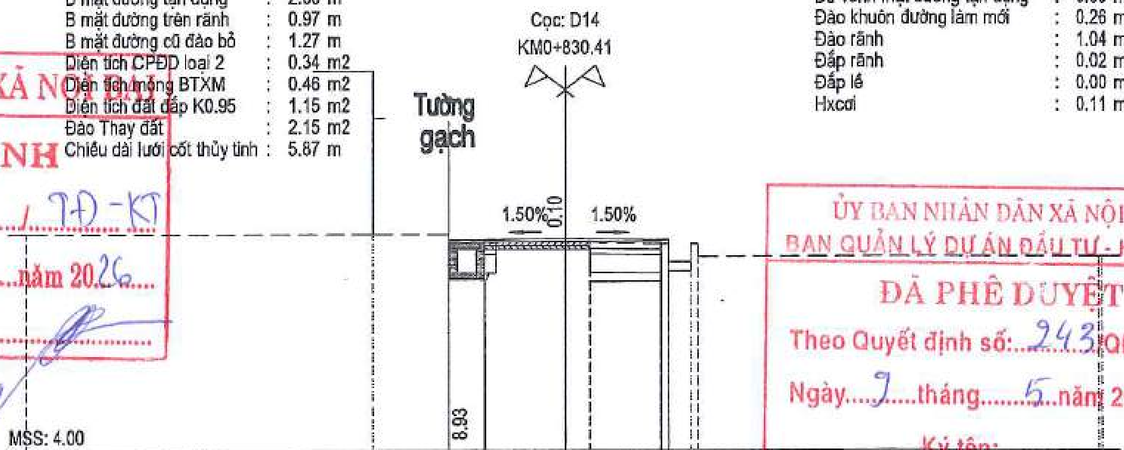


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.84 9.86 9.89 9.85 9.85 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.22 2.68 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.00 10.00 10.00 9.79 9.79 9.79 9.74 9.74 8.99 8.99 9.74 9.74 9.37 9.37 9.37 |
| Khoảng cách mia | 9.65 2.16 3.19 0.68 2.00 0.22 0.64 0.22 11.13 0.14 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 20 26
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-15 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## Cọc: 49 — KM0+844.38

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 2.25 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 2.60 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 1.27 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.34 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.45 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 1.12 m2 |
| Đào Thay đất | : | 1.82 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.82 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.38 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.11 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.25 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.02 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.04 m2 |
| Hxcơi | : | 0.26 m |

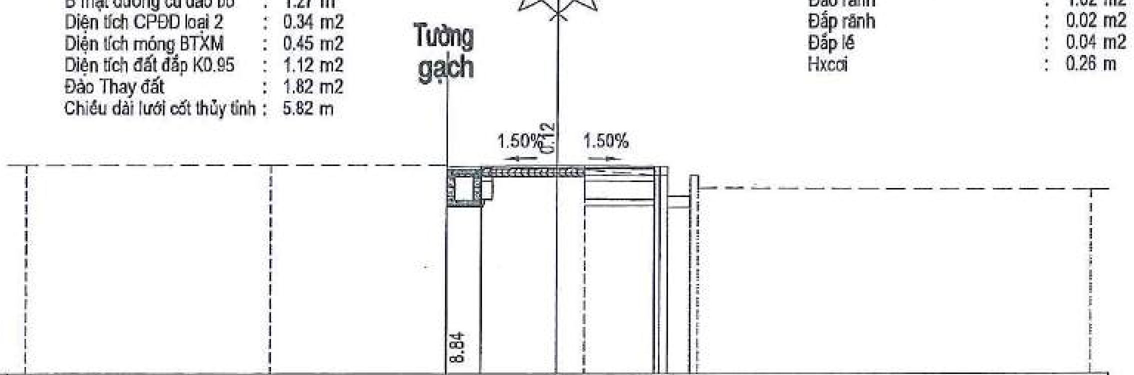


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.81 9.76 9.77 9.80 9.76 9.76 9.76 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.10 2.75 0.12 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.80 9.81 9.81 9.68 9.68 9.68 9.50 9.50 8.62 8.62 9.50 9.50 9.15 9.10 |
| Khoảng cách mia | 6.93 5.00 3.07 0.80 2.09 0.22 0.64 0.22 11.03 |

## Cọc: 50 — KM0+860.69

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 2.02 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 2.98 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 1.27 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.30 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 1.01 m2 |
| Đào Thay đất | : | 1.57 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.97 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.21 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.11 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.25 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.04 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.05 m2 |
| Hxcơi | : | 0.14 m |

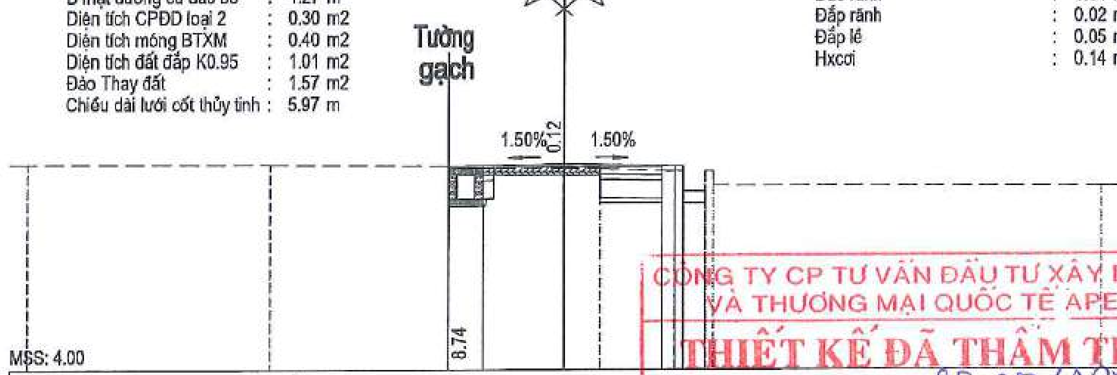


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.65 9.67 9.70 9.65 9.65 9.65 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.25 2.75 0.35 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.70 9.70 9.65 9.60 9.58 9.57 9.50 9.50 8.62 8.62 9.50 9.50 9.10 9.06 |
| Khoảng cách mia | 6.78 5.00 3.22 1.03 2.08 0.22 0.63 0.22 10.82 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## Cọc: D15 — KM0+876.99

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 1.79 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 3.07 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 1.17 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.27 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.36 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 0.90 m2 |
| Đào Thay đất | : | 1.40 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 5.83 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.20 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.02 m2 |
| Đào khuôn mặt đường tận dụng | : | 0.01 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.26 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.04 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.01 m2 |
| Đắp lề | : | 0.08 m2 |
| Hxcơi | : | 0.15 m |

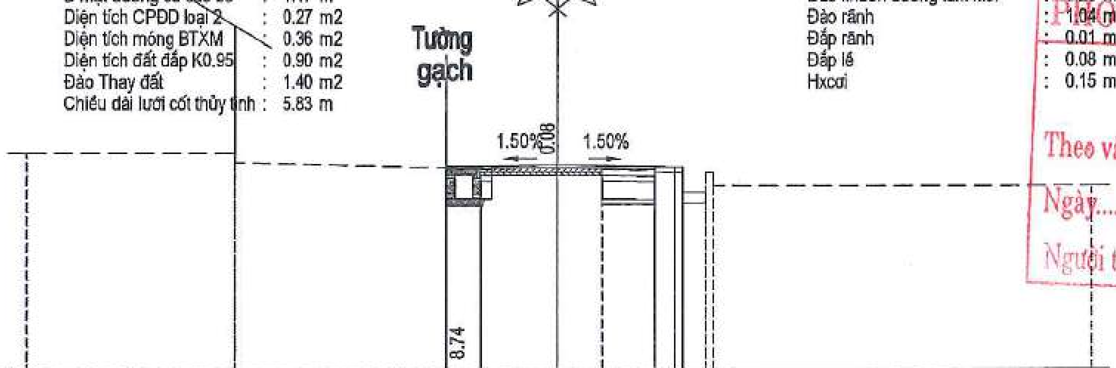


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.63 9.64 9.67 9.63 9.61 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.11 2.75 0.55 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.00 10.00 10.00 9.75 9.60 9.59 9.58 9.46 9.46 8.62 8.62 9.46 9.46 9.10 9.10 |
| Khoảng cách mia | 0.03 5.86 6.03 3.08 1.26 2.04 0.22 0.64 0.22 10.62 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## Cọc: 51 — KM0+892.67

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 2.07 m |
| B mặt đường tận dụng | : | 3.25 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 1.45 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.31 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.41 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 1.03 m2 |
| Đào Thay đất | : | 1.49 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : | 6.29 m |

| | | |
|---|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.22 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : | 0.11 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 0.41 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.99 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.01 m2 |
| Đắp lề | : | 0.07 m2 |
| Hxcơi | : | 0.14 m |

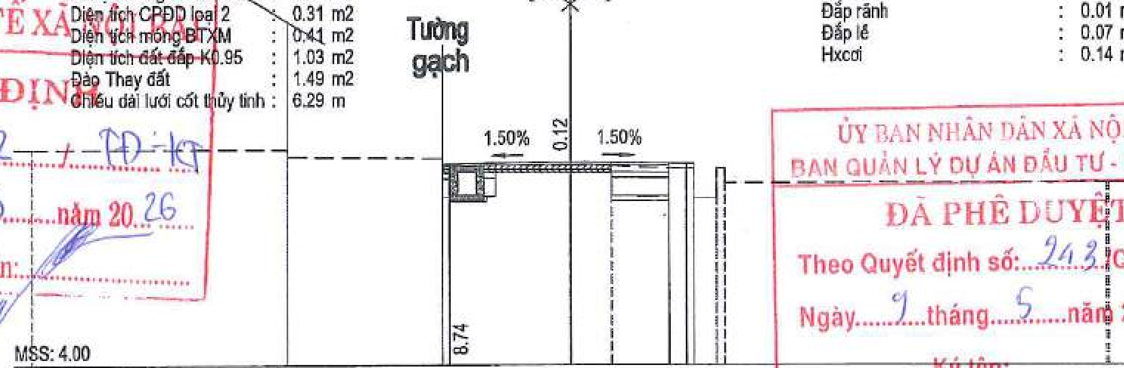


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.56 9.60 9.60 9.65 9.61 9.59 9.59 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 3.54 2.75 0.48 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.00 10.00 9.80 9.75 9.55 9.53 9.53 9.45 9.45 8.62 8.62 9.46 9.46 9.05 9.05 9.05 |
| Khoảng cách mia | 7.13 4.33 3.54 1.16 2.07 0.22 0.53 0.22 10.62 0.08 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T4-TN-16 |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 1.93 m
B mặt đường tận dụng : 3.26 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.27 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.29 m2
Diện tích móng BTXM : 0.39 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.97 m2
Đào Thay đất : 1.61 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.16 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.31 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.04 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.27 m2
Đào rãnh : 1.05 m2
Đắp rãnh : 0.01 m2
Đắp lề : 0.11 m2
Hxcơi : 0.20 m

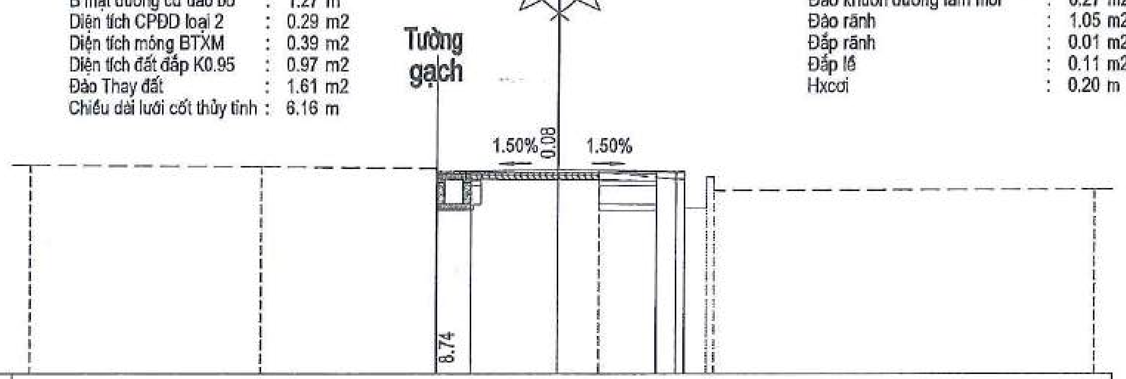


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.70 9.61 9.63 9.67 9.62 9.60 9.60 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.44 2.75 0.56 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.80 9.75 9.70 9.61 9.59 9.59 9.40 9.40 8.60 8.60 9.45 9.45 9.08 9.10 9.10 |
| Khoảng cách mia | 6.59 5.00 3.41 1.12 2.19 0.22 0.62 0.22 10.62 0.01 |

B mặt đường làm mới : 1.97 m
B mặt đường tận dụng : 3.28 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.27 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.30 m2
Diện tích móng BTXM : 0.39 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.99 m2
Đào Thay đất : 1.75 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.22 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.39 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.26 m2
Đào rãnh : 1.05 m2
Đắp rãnh : 0.01 m2
Đắp lề : 0.10 m2
Hxcơi : 0.16 m

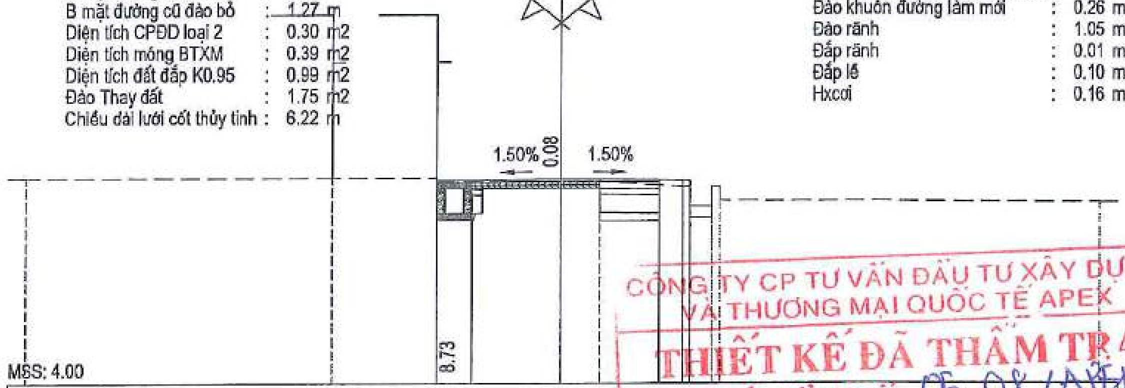


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.70 9.63 9.64 9.68 9.66 9.61 9.61 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.50 2.75 0.64 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.70 9.70 9.70 9.60 9.60 9.60 9.45 9.45 8.60 8.60 9.45 9.45 9.05 9.00 |
| Khoảng cách mia | 8.53 3.00 3.47 1.08 2.31 0.22 0.60 0.22 10.57 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX..BCTT
Ngày . 8. . tháng . 5. năm 2026

B mặt đường làm mới : 4.84 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.14 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.73 m2
Diện tích móng BTXM : 0.97 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.42 m2
Đào Thay đất : 1.82 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.46 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.57 m2
Đào rãnh : 1.03 m2
Đắp rãnh : 0.01 m2
Đắp lề : 0.11 m2
Hxcơi : 0.15 m

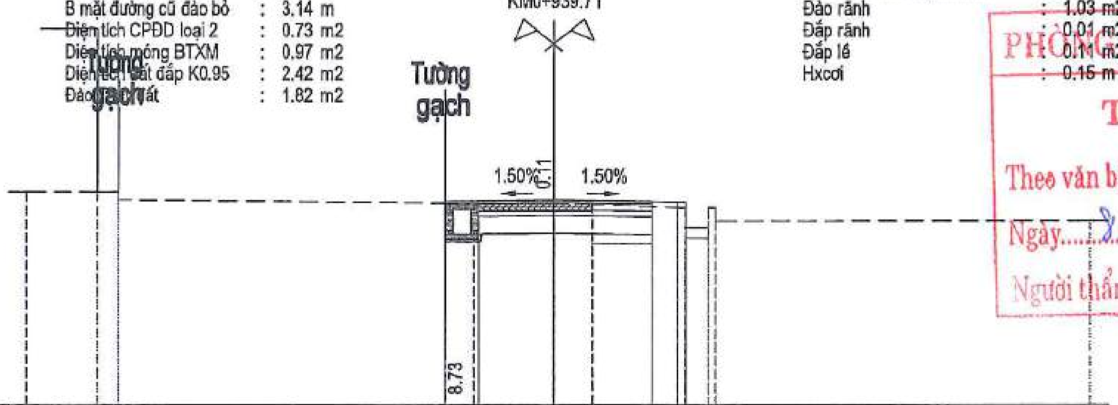


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.46 9.64 9.65 9.68 9.64 9.61 9.61 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.09 2.75 0.72 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.90 9.90 9.90 9.68 9.60 9.57 9.57 9.57 9.46 9.46 8.62 8.62 9.46 9.46 9.10 9.10 |
| Khoảng cách mia | 2.07 0.61 9.26 0.82 2.24 1.05 2.42 0.22 0.62 0.22 10.47 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 4.85 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.10 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.73 m2
Diện tích móng BTXM : 0.97 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.42 m2
Đào Thay đất : 1.96 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.56 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.44 m2
Đào rãnh : 1.06 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.10 m2
Hxcơi : 0.16 m

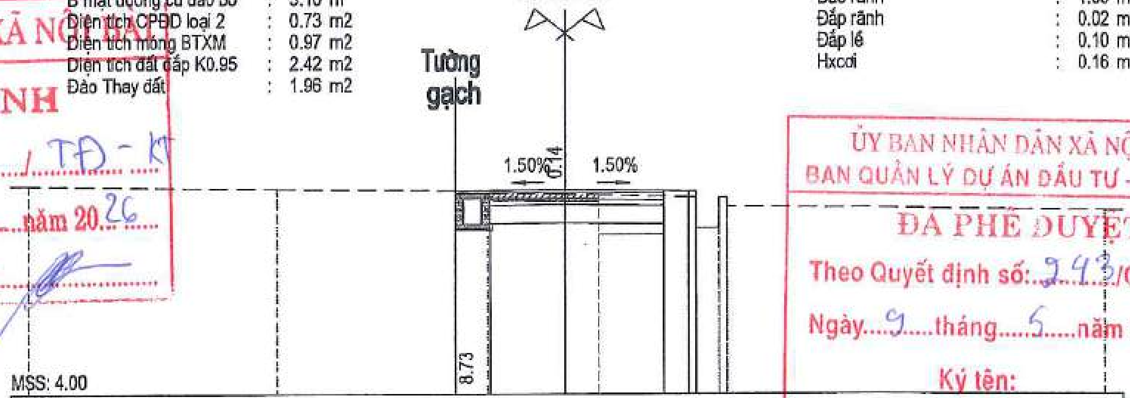


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.65 9.64 9.66 9.69 9.65 9.62 9.62 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.10 2.75 0.67 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.80 9.70 9.65 9.57 9.55 9.54 9.47 9.46 8.60 8.60 9.45 9.45 9.20 9.10 |
| Khoảng cách mia | 6.93 5.00 0.91 2.16 0.94 2.48 0.22 0.63 0.22 10.51 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-17 |
| 2 | | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

Cọc: D17
KM0+970.44

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 4.84 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.00 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.73 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.97 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.42 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.09 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.66 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.22 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.02 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.10 m2 |
| Hxcơi | : | 0.14 m |

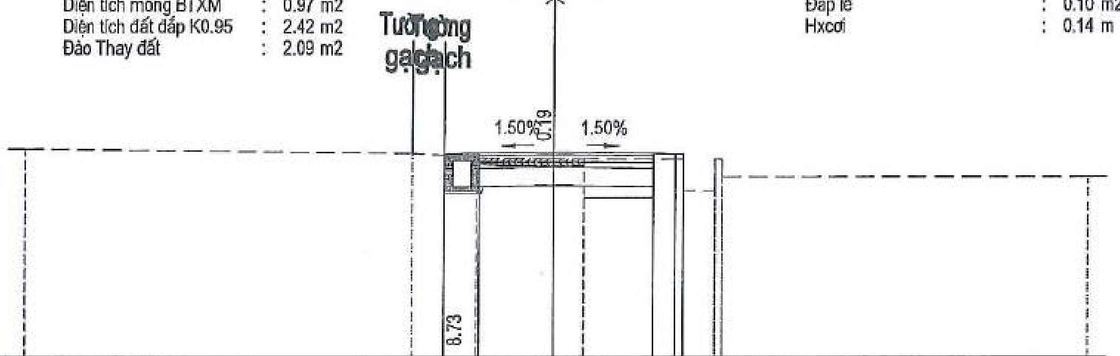


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.64 9.66 9.69 9.65 9.62 9.62 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.09 2.75 0.63 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.78 9.76 9.65 9.60 9.54 9.50 9.50 9.48 9.48 8.61 8.61 9.48 9.48 8.99 8.99 |
| Khoảng cách mia | 0.01 11.05 0.88 0.90 2.16 0.84 2.54 0.22 0.88 0.20 10.32 |

Cọc: 55
KM0+987.69

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 4.81 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.00 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.72 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.96 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.41 m2 |
| Đào Thay đất | : | 1.86 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.55 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.32 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.97 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.07 m2 |
| Hxcơi | : | 0.15 m |

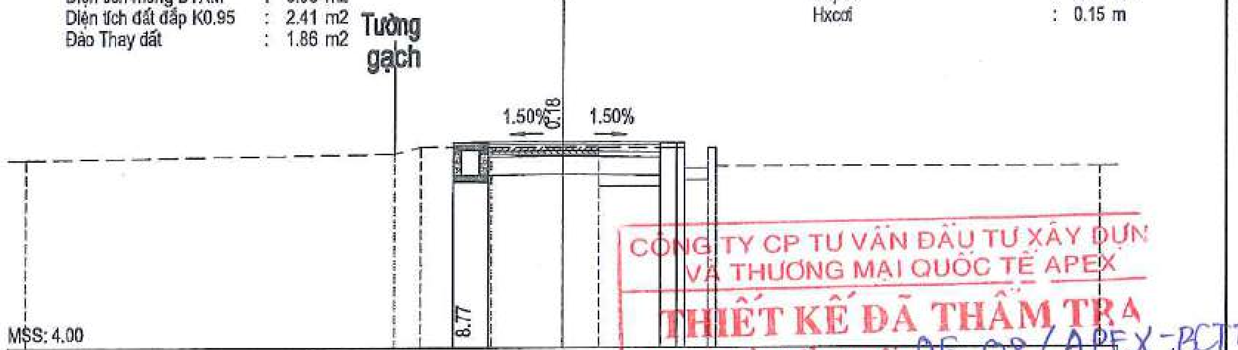


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.68 9.70 9.73 9.69 9.67 9.67 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.06 2.75 0.45 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.20 9.37 9.56 9.55 9.55 9.55 9.52 9.52 8.65 8.65 9.52 9.52 9.00 9.00 9.00 |
| Khoảng cách mia | 10.33 0.74 1.95 1.98 1.02 2.18 0.22 0.66 0.22 10.69 0.01 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

Cọc: D18
KM1+004.94

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 4.89 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.02 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.73 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.98 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.45 m2 |
| Đào Thay đất | : | 1.86 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.52 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.35 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.03 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.06 m2 |
| Hxcơi | : | 0.16 m |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

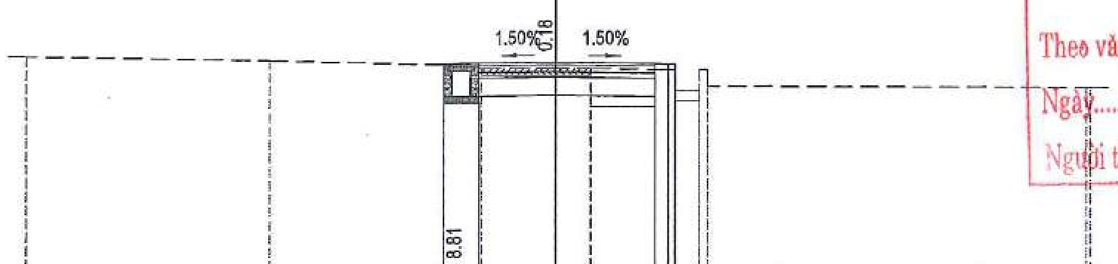


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.72 9.74 9.77 9.73 9.71 9.71 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.14 2.75 0.36 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.90 9.90 9.80 9.70 9.59 9.59 9.59 9.55 9.55 8.68 8.68 9.55 9.55 9.10 9.05 9.05 |
| Khoảng cách mia | 0.01 6.89 5.00 1.05 2.05 0.97 2.14 0.22 0.66 0.22 10.69 0.10 |

Cọc: 56
KM1+020.35

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 5.05 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.07 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.76 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.01 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.53 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.07 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.40 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.32 m2 |
| Đào rãnh | : | 0.87 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.00 m2 |
| Đắp lề | : | 0.05 m2 |
| Hxcơi | : | 0.08 m |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

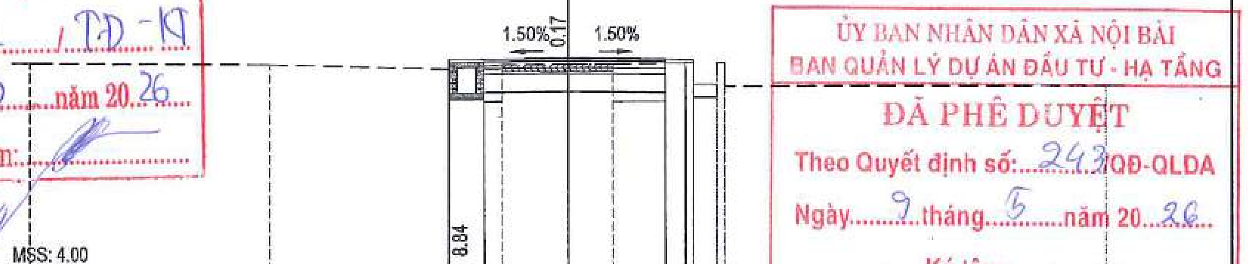


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.76 9.77 9.80 9.76 9.74 9.74 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.30 2.75 0.54 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.70 9.65 9.50 9.62 9.63 9.63 9.66 9.66 8.70 8.70 9.66 9.66 9.00 9.00 |
| Khoảng cách mia | 6.73 5.00 1.46 1.81 1.26 2.03 0.22 0.66 0.22 10.61 |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ<br>TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-18 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## Cọc: D19 — KM1+035.76

B mặt đường làm mới : 1.98 m
B mặt đường tận dụng : 2.86 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.26 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.30 m2
Diện tích móng BTXM : 0.40 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.99 m2
Đào Thay đất : 1.84 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.81 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.42 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.26 m2
Đào rãnh : 1.10 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.06 m2
Hxcơi : 0.08 m

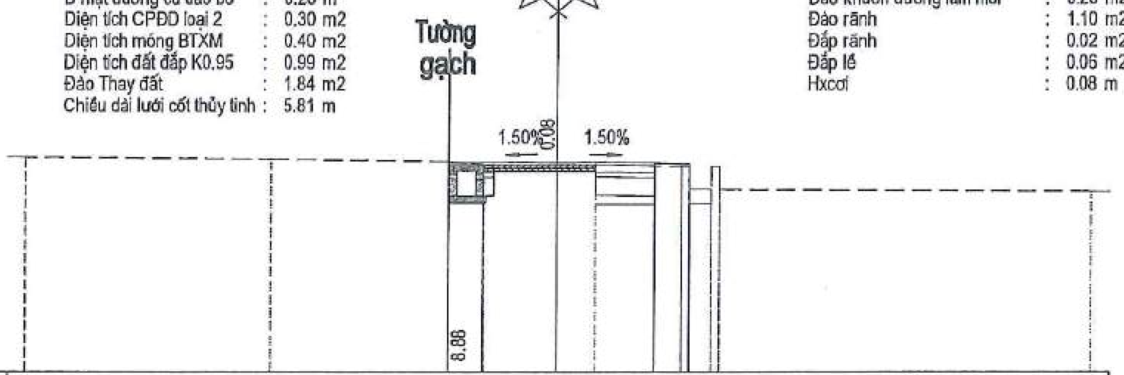


MSS: 4.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.84 9.79 9.81 9.84 9.80 9.77 9.77 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.09 2.75 0.73 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.95 9.90 9.84 9.76 9.76 9.76 9.69 9.69 8.68 8.68 9.69 9.69 9.05 9.00 |
| Khoảng cách mia | 6.94 5.00 1.01 2.05 1.07 2.41 0.22 0.65 0.22 10.43 |

## Cọc: 57 — KM1+051.57

B mặt đường làm mới : 2.12 m
B mặt đường tận dụng : 2.82 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.30 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.32 m2
Diện tích móng BTXM : 0.42 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.06 m2
Đào Thay đất : 1.87 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.91 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.37 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.04 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.26 m2
Đào rãnh : 1.08 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.05 m2

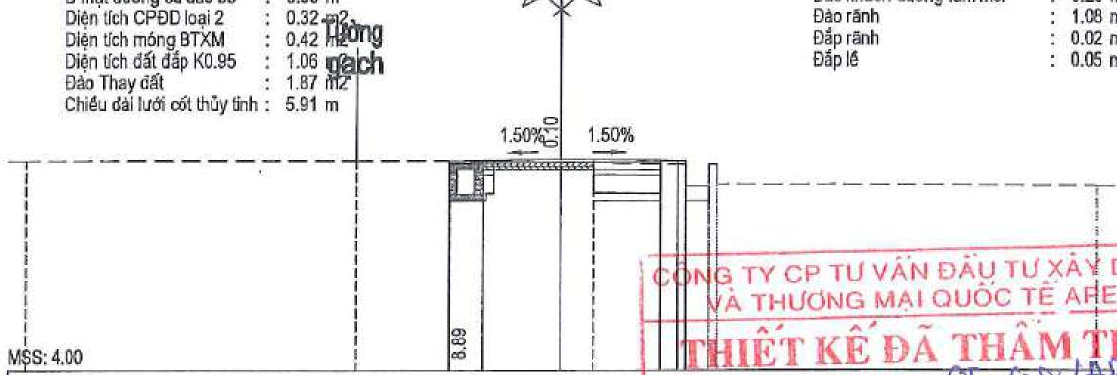


MSS: 4.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.70 9.81 9.80 9.82 9.85 [illegible] |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.19 2.75 0.48 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 9.81 9.81 9.81 9.81 9.77 9.75 9.75 9.70 9.70 8.70 8.70 9.70 9.70 9.15 9.10 |
| Khoảng cách mia | 0.01 9.23 2.62 0.95 2.19 0.93 2.30 0.22 0.65 0.22 10.68 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ AREX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/AREX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## Cọc: D20 — KM1+067.37

B mặt đường làm mới : 1.82 m
B mặt đường tận dụng : 3.19 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.27 m2
Diện tích móng BTXM : 0.36 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.91 m2
Đào Thay đất : 1.25 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.98 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.18 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.03 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.51 m2
Đào rãnh : 1.11 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.02 m2
Hxcơi : 0.08 m

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

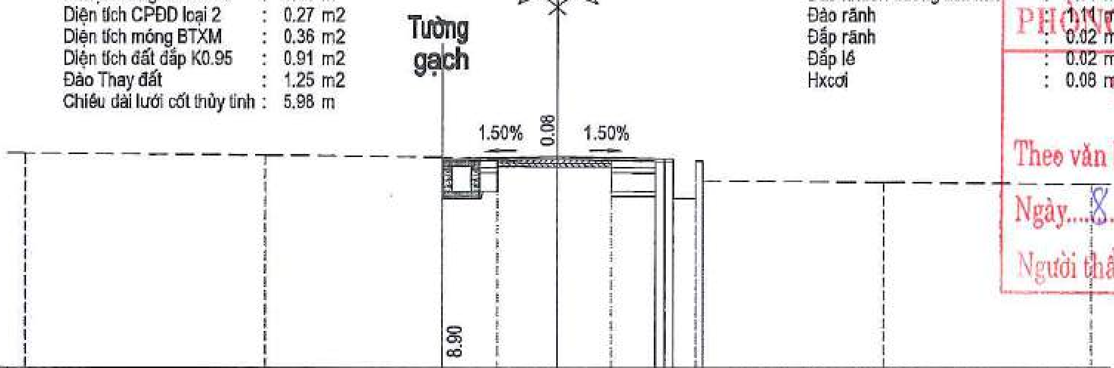


MSS: 4.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.85 9.81 9.86 9.82 9.81 9.81 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 3.23 2.75 0.25 0.49 |
| Cao độ tự nhiên | 9.95 9.90 9.85 9.80 9.78 9.78 9.73 9.73 8.70 8.70 9.75 9.75 9.20 9.15 9.10 |
| Khoảng cách mia | 6.77 5.00 1.54 1.69 1.50 1.50 0.22 0.66 0.22 5.00 5.90 |

## Cọc: D21 — KM1+083.04

B mặt đường làm mới : 1.89 m
B mặt đường tận dụng : 2.96 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.48 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.28 m2
Diện tích móng BTXM : 0.38 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.95 m2
Đào Thay đất : 1.30 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.82 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.14 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.10 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.44 m2
Đào rãnh : 1.05 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.02 m2

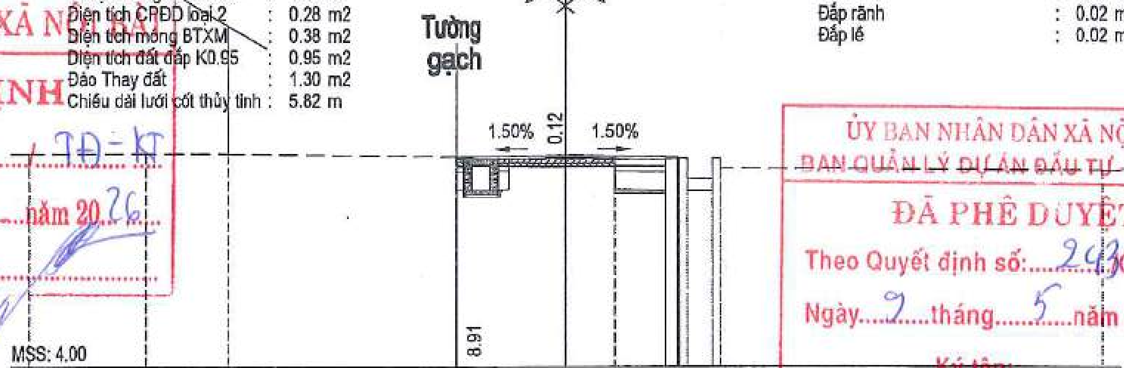


MSS: 4.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.82 9.87 9.83 9.80 9.78 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 3.07 2.75 [illegible] |
| Cao độ tự nhiên | 9.90 9.90 9.90 9.90 9.83 9.78 9.75 9.75 9.78 9.78 8.90 8.90 9.78 9.78 9.50 9.45 |
| Khoảng cách mia | 0.02 3.28 2.28 6.35 3.07 1.37 1.77 0.22 0.69 0.22 10.73 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ — PHÓ GIÁM ĐỐC — NGUYỄN THẾ LONG |
| | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | |
| ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | |
| SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | |

| TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|
| TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-19 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## Cọc: 58 — KM1+098.53

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 5.76 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 3.50 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.86 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.15 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.88 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.93 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.33 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 2.35 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.13 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.03 m2 |
| Đắp lề | : | 0.03 m2 |
| Hxcơi | : | 0.19 m |

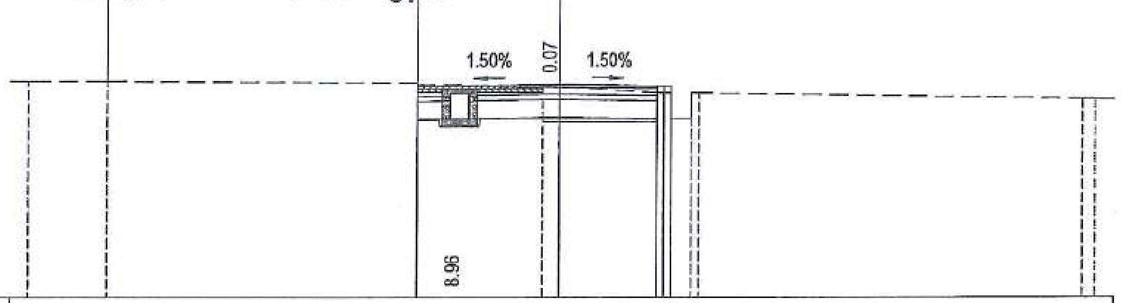


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.90 9.86 9.92 9.88 9.87 9.87 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 3.98 2.75 0.18 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.00 10.00 9.95 9.90 9.89 9.85 9.68 9.68 8.97 8.97 9.68 9.68 9.50 9.49 |
| Khoảng cách mia | 2.24 8.78 3.50 0.48 2.93 0.22 0.55 0.22 10.74 0.34 |

## Cọc: 59 — KM1+114.45

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 5.35 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 2.87 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.80 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 1.07 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.67 m2 |
| Đào Thay đất | : | 3.04 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.32 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 1.72 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.12 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.02 m2 |
| Hxcơi | : | 0.22 m |

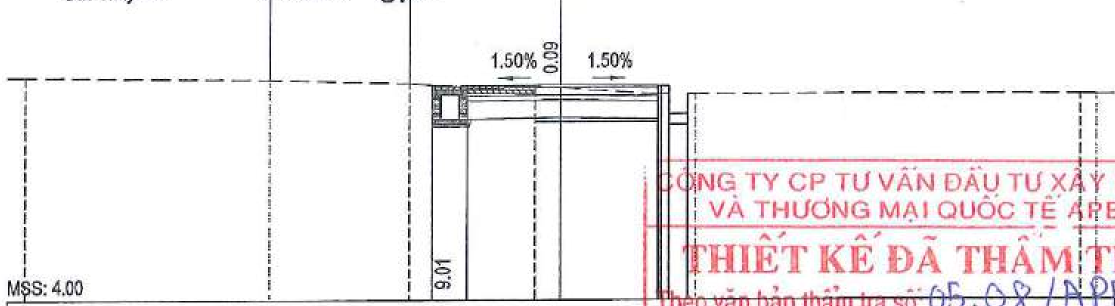


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 8.94 8.95 9.91 9.93 9.97 9.93 9.92 9.92 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.60 2.75 0.22 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.18 10.10 10.00 9.95 9.92 9.88 9.70 9.70 8.85 8.85 9.70 9.70 9.69 9.69 |
| Khoảng cách mia | 6.86 3.93 0.63 2.87 0.71 2.84 0.22 0.54 0.22 10.74 0.44 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## Cọc: D22 — KM1+130.36

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 4.85 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 2.41 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.73 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.97 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.42 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.83 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.28 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 1.27 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.09 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.00 m2 |
| Hxcơi | : | 0.28 m |

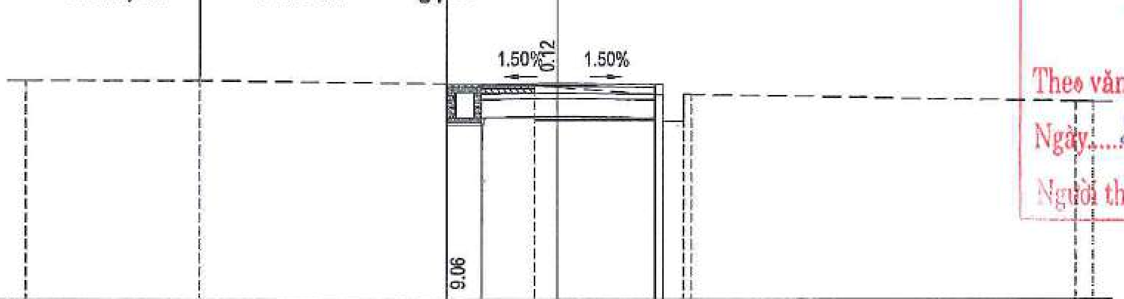


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.97 9.98 10.02 9.97 9.97 9.97 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.10 2.75 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.10 10.10 10.00 9.96 9.96 9.90 9.70 9.69 8.97 8.97 9.70 9.70 9.50 9.49 |
| Khoảng cách mia | 4.94 6.99 2.41 0.66 2.76 0.22 0.57 0.22 10.74 0.49 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## Cọc: 60 — KM1+145.18

| | | |
|---|---|---|
| B mặt đường làm mới | : | 4.83 m |
| B mặt đường trên rãnh | : | 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : | 2.52 m |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : | 0.72 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : | 0.97 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : | 2.42 m2 |
| Đào Thay đất | : | 2.77 m2 |
| Bù vênh mặt đường làm mới | : | 0.24 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : | 1.43 m2 |
| Đào rãnh | : | 1.12 m2 |
| Đắp rãnh | : | 0.02 m2 |
| Đắp lề | : | 0.01 m2 |
| Hxcơi | : | 0.22 m |

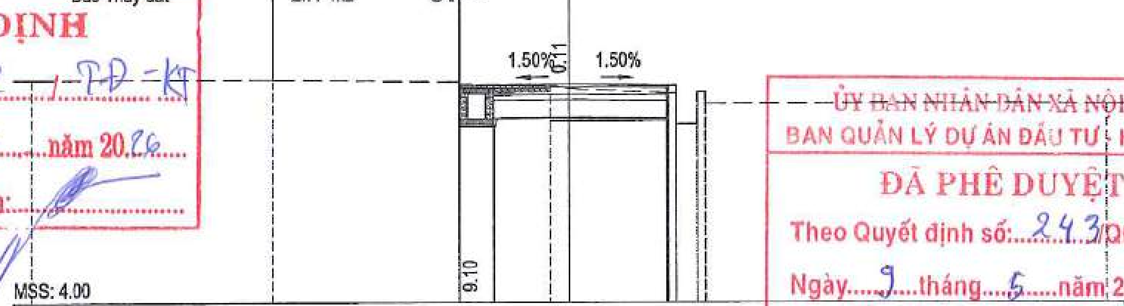


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.05 10.02 10.03 10.06 10.02 10.02 10.02 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.08 2.75 0.25 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.20 10.20 10.12 10.05 10.04 9.95 9.80 9.80 8.95 8.95 9.83 9.83 9.50 9.50 |
| Khoảng cách mia | 6.74 5.21 2.52 0.53 2.80 0.22 0.50 0.22 11.16 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 — SỐ HIỆU: T4-TN-20 |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 4.70 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.50 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.70 m2
Diện tích móng BTXM : 0.94 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.35 m2
Đào Thay đất : 2.66 m2

Cọc: 61
KM1+160.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.25 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.40 m2
Đào rãnh : 1.13 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.02 m2
Hxcơi : 0.25 m

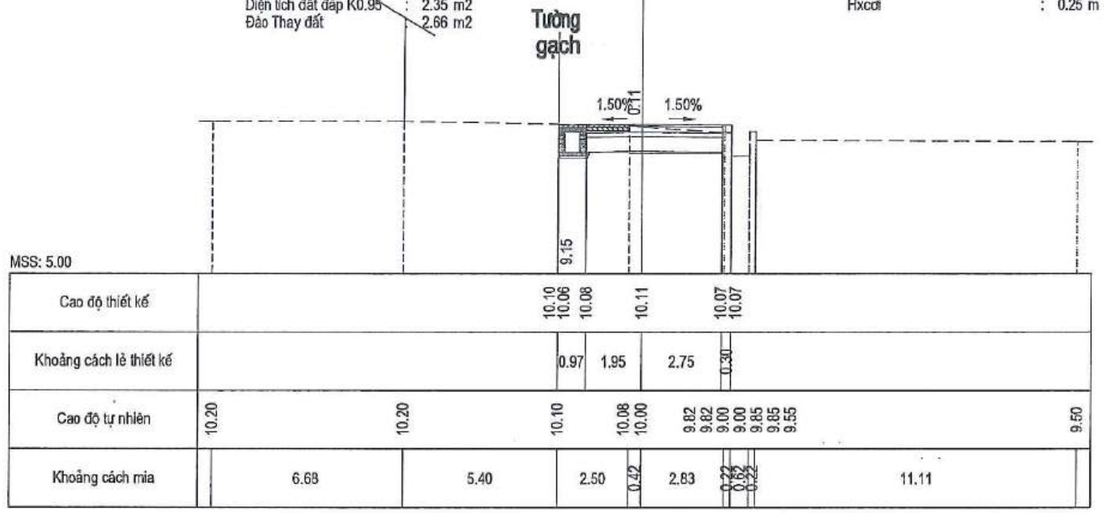


B mặt đường làm mới : 4.84 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.75 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.73 m2
Diện tích móng BTXM : 0.97 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.42 m2
Đào Thay đất : 2.72 m2

Cọc: D23
KM1+173.90

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.26 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.70 m2
Đào rãnh : 1.19 m2
Đắp rãnh : 0.03 m2
Đắp lề : 0.02 m2
Hxcơi : 0.21 m

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰN
VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 4.81 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.70 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.72 m2
Diện tích móng BTXM : 0.96 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.41 m2
Đào Thay đất : 2.58 m2

Cọc: 62
KM1+186.95

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.26 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.42 m2
Đào rãnh : 1.04 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.05 m2
Hxcơi : 0.19 m

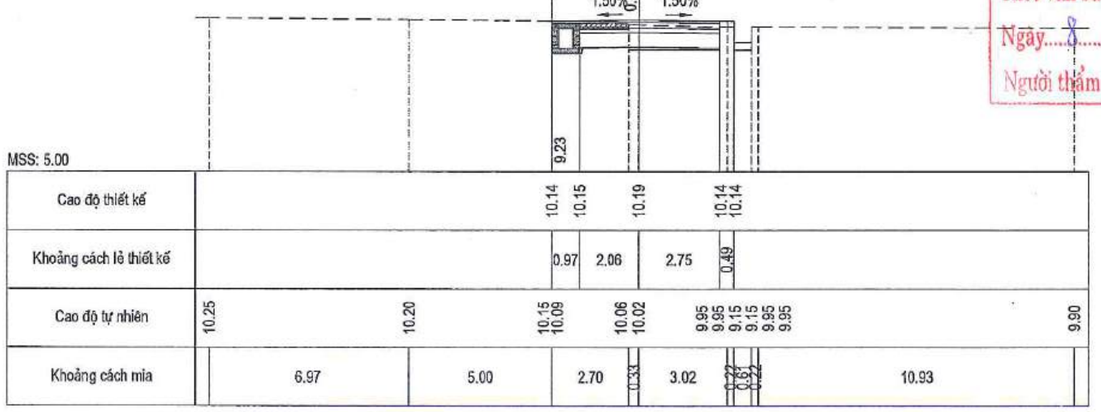


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 5.34 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.01 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.80 m2
Diện tích móng BTXM : 1.07 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.67 m2
Đào Thay đất : 2.91 m2

Cọc: 63
KM1+200.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.28 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.77 m2
Đào rãnh : 1.07 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.06 m2
Hxcơi : 0.14 m

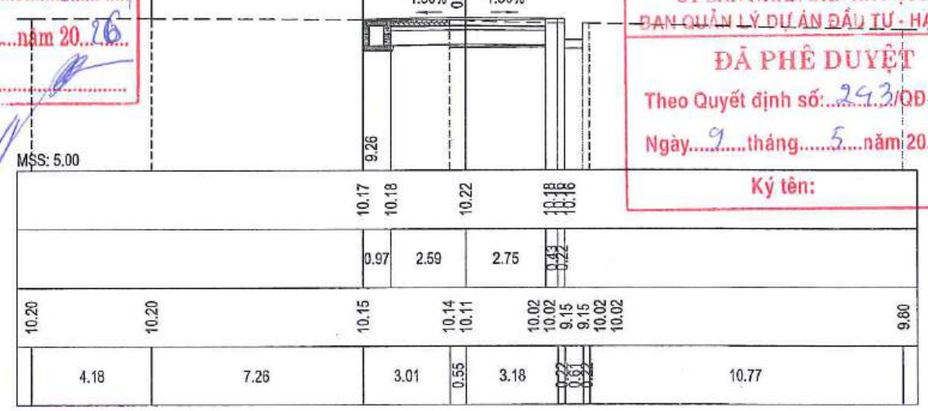


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-21 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

B mặt đường làm mới : 5.96 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.18 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.89 m2
Diện tích móng BTXM : 1.19 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.98 m2
Đào Thay đất : 3.64 m2

Cọc: 64
KM1+220.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.65 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.99 m2
Đào rãnh : 1.11 m2
Đắp rãnh : 0.03 m2
Đắp lề : 0.11 m2
Hxcơi : 0.16 m

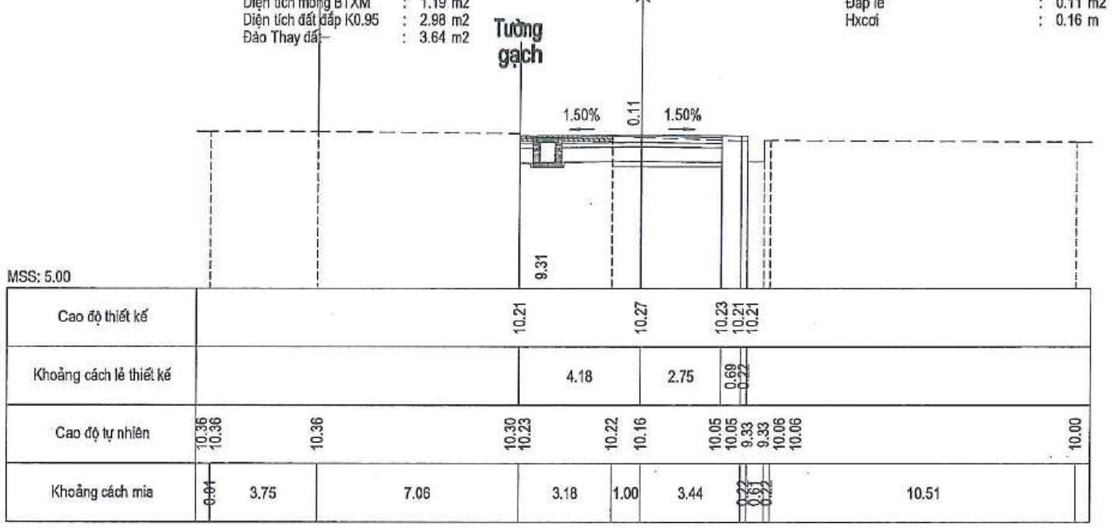


B mặt đường làm mới : 5.29 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.88 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.79 m2
Diện tích móng BTXM : 1.06 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.65 m2
Đào Thay đất : 3.53 m2

Cọc: 65
KM1+240.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.89 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.63 m2
Đào rãnh : 1.06 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.15 m2
Hxcơi : 0.15 m

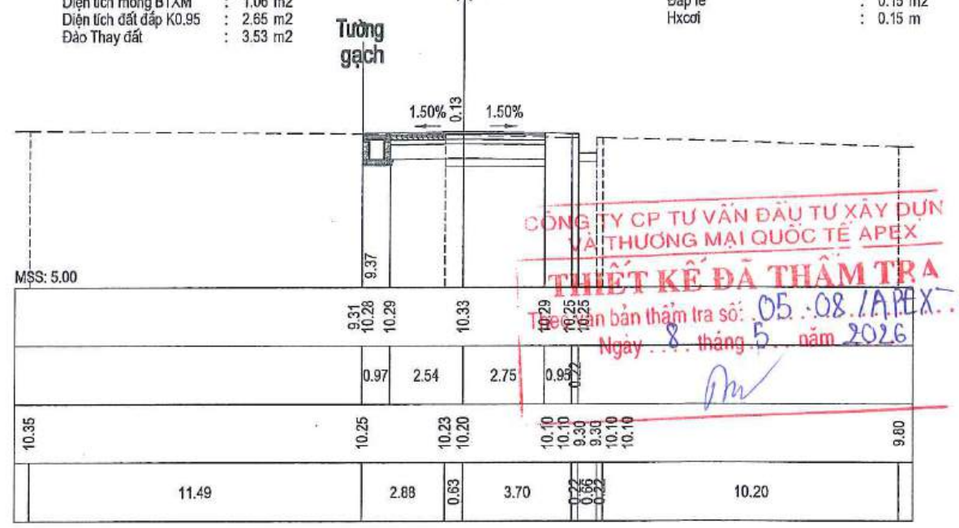


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 .08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 4.90 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.87 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.74 m2
Diện tích móng BTXM : 0.98 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.45 m2
Đào Thay đất : 3.51 m2

Cọc: D24
KM1+260.29

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.65 m2
Đào rãnh : 1.09 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.07 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

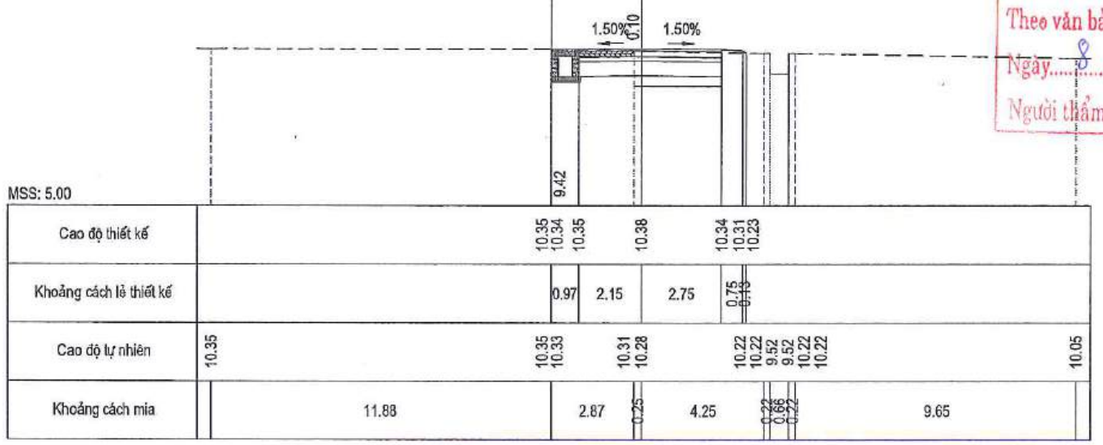


B mặt đường làm mới : 5.71 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.70 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.86 m2
Diện tích móng BTXM : 1.14 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.86 m2
Đào Thay đất : 3.28 m2

Cọc: 66
KM1+280.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.84 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.38 m2
Đào rãnh : 1.08 m2
Đắp rãnh : 0.03 m2
Đắp lề : 0.11 m2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

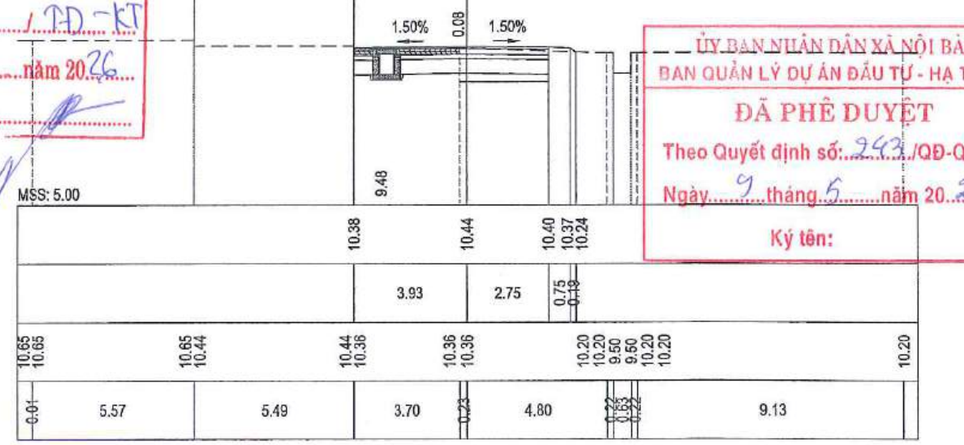


| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T4-TN-22 |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

B mặt đường làm mới : 5.11 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.15 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.77 m2
Diện tích móng BTXM : 1.02 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.55 m2
Đào Thay đất : 2.98 m2

Cọc: 67
KM1+296.26

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.62 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.88 m2
Đào rãnh : 1.08 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.09 m2

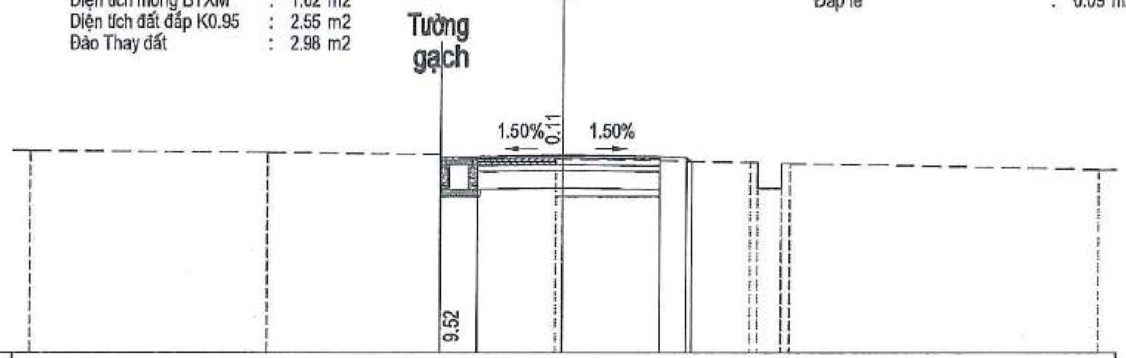


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.50 10.43 10.45 10.48 10.44 10.41 10.31 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.36 2.75 0.75 0.15 |
| Cao độ tự nhiên | 10.60 10.55 10.50 10.42 10.40 10.37 10.28 10.28 9.55 9.55 10.25 10.25 10.08 |
| Khoảng cách mia | 6.67 5.00 3.15 0.18 5.26 0.22 0.66 0.22 8.64 |

B mặt đường làm mới : 4.64 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.69 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.70 m2
Diện tích móng BTXM : 0.93 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.32 m2
Đào Thay đất : 2.83 m2

Cọc: D25
KM1+312.51

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.42 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.61 m2
Đào rãnh : 1.13 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.03 m2

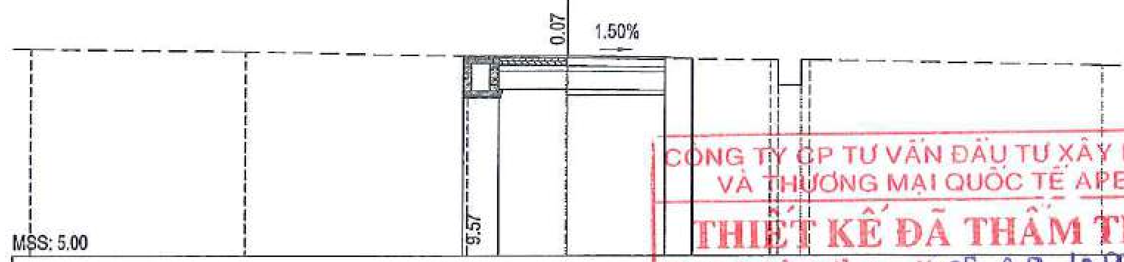


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.52 10.56 10.53 10.53 10.53 10.48 10.45 10.42 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 1.89 2.75 0.75 0.03 |
| Cao độ tự nhiên | 10.73 10.66 10.52 10.46 10.46 10.40 10.40 9.71 9.71 10.40 10.40 10.25 |
| Khoảng cách mia | 5.99 6.27 2.69 0.05 5.73 0.22 0.67 0.22 8.16 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày .8.. tháng .6.. năm .2026

B mặt đường làm mới : 4.66 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.65 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.70 m2
Diện tích móng BTXM : 0.93 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.33 m2
Đào Thay đất : 2.70 m2

Cọc: 68
KM1+327.37

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.26 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.36 m2
Đào rãnh : 1.03 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.07 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

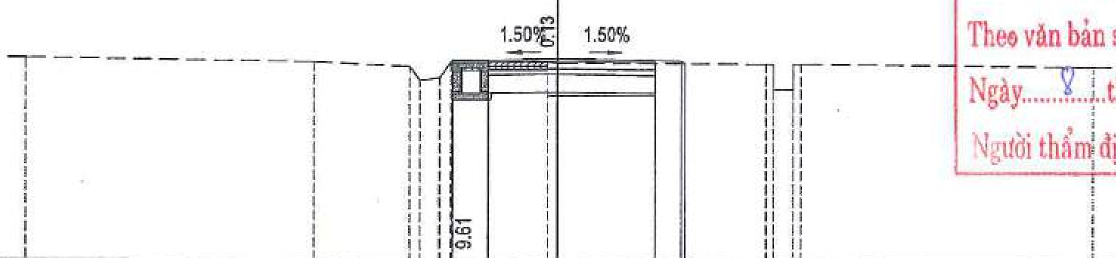


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.52 10.54 10.57 10.52 10.49 10.42 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 1.91 2.75 0.75 0.11 |
| Cao độ tự nhiên | 10.61 10.48 10.35 9.98 10.05 10.45 10.46 10.44 10.41 10.41 9.71 9.71 10.41 10.41 10.33 |
| Khoảng cách mia | 8.15 2.77 0.30 0.56 0.30 2.65 0.27 5.85 0.22 0.53 0.22 8.18 |

B mặt đường làm mới : 4.69 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.60 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.70 m2
Diện tích móng BTXM : 0.94 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.34 m2
Đào Thay đất : 2.24 m2

Cọc: 69
KM1+343.68

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.88 m2
Đào rãnh : 1.08 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.02 m2

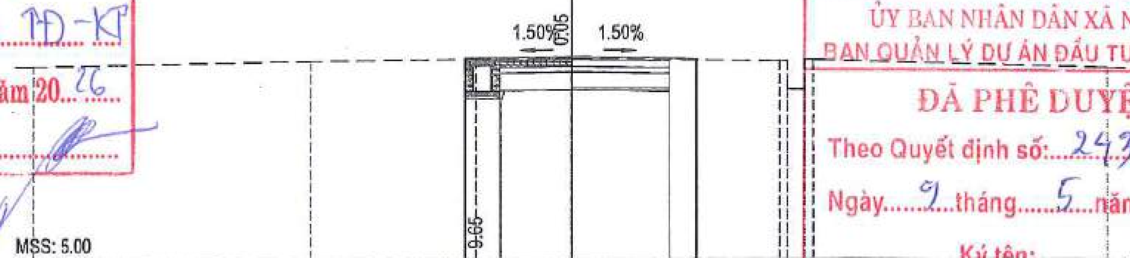


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.88 10.57 10.58 10.61 10.57 10.54 10.52 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 1.94 2.75 0.75 0.02 |
| Cao độ tự nhiên | 10.33 10.48 10.55 10.56 10.56 10.50 10.50 9.70 9.70 10.52 10.52 10.30 |
| Khoảng cách mia | 7.74 4.65 2.60 0.01 5.87 0.22 0.26 0.22 8.20 |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T4-TN-23 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 4.71 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.62 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.71 m2
Diện tích móng BTXM : 0.94 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.35 m2
Đào Thay đất : [illegible] m2

Cọc: 70
KM1+360.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.95 m2
Đào rãnh : 1.08 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.03 m2

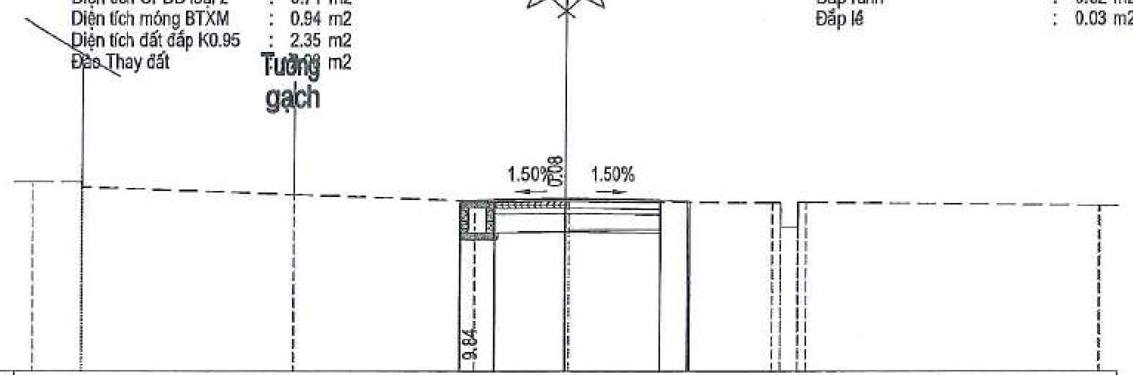


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.08 10.76 10.77 10.80 10.76 10.73 10.70 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 1.96 2.75 0.75 0.05 |
| Cao độ tự nhiên | 11.25 11.25 11.10 10.90 10.73 10.72 10.72 10.68 10.68 10.00 10.00 10.70 10.70 10.60 10.60 |
| Khoảng cách mia | 1.42 6.00 5.06 2.52 0.10 5.76 0.22 0.48 0.22 8.18 0.03 |

B mặt đường làm mới : 4.73 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.61 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.71 m2
Diện tích móng BTXM : 0.95 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.36 m2
Đào Thay đất : [illegible] m2

Cọc: 71
KM1+373.04

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.89 m2
Đào rãnh : 1.05 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.07 m2

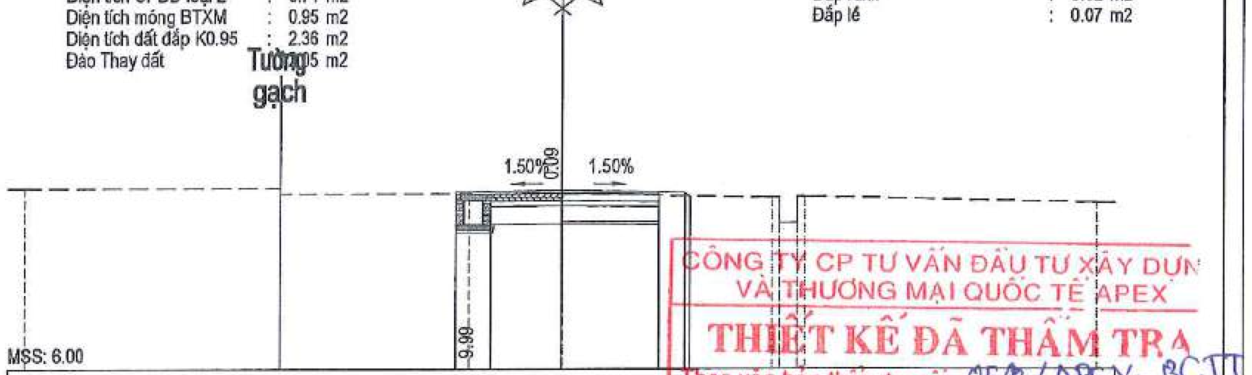


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.23 10.91 10.92 10.95 10.91 10.88 10.79 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 1.98 2.75 0.75 0.13 |
| Cao độ tự nhiên | 11.00 11.00 10.86 10.86 10.86 10.86 10.75 10.75 10.05 10.05 10.77 10.77 10.62 |
| Khoảng cách mia | 7.10 5.32 2.58 0.03 5.87 0.22 0.49 0.22 8.17 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 058/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 4.78 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.97 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.72 m2
Diện tích móng BTXM : 0.96 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.39 m2
Đào Thay đất : 1.62 m2

Cọc: D26
KM1+386.08

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.32 m2
Đào rãnh : 1.05 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.03 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

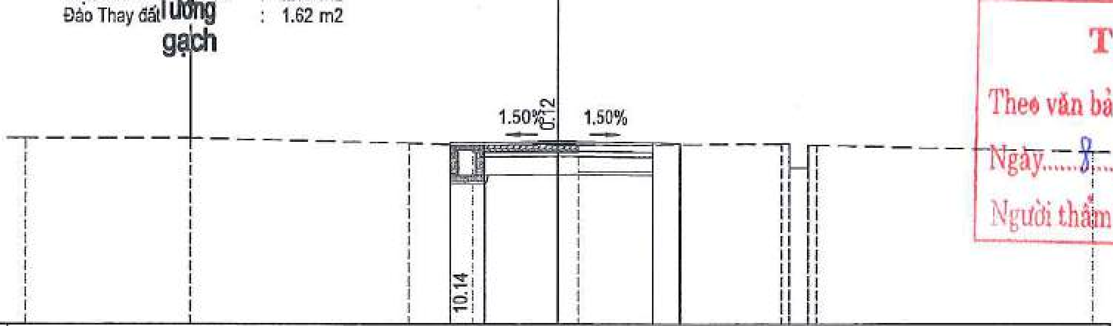


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.06 11.07 11.10 11.06 11.03 11.01 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.03 2.75 0.75 0.05 |
| Cao độ tự nhiên | 11.18 11.18 11.05 11.00 10.98 10.98 11.03 11.03 10.35 10.35 11.00 11.00 10.80 |
| Khoảng cách mia | 4.71 6.14 1.78 2.37 0.60 5.72 0.22 0.53 0.22 7.71 |

B mặt đường làm mới : 4.92 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.75 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.74 m2
Diện tích móng BTXM : 0.98 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.46 m2
Đào Thay đất : 1.54 m2

Cọc: D27
KM1+392.94

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.50 m2
Đào rãnh : 1.03 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.07 m2

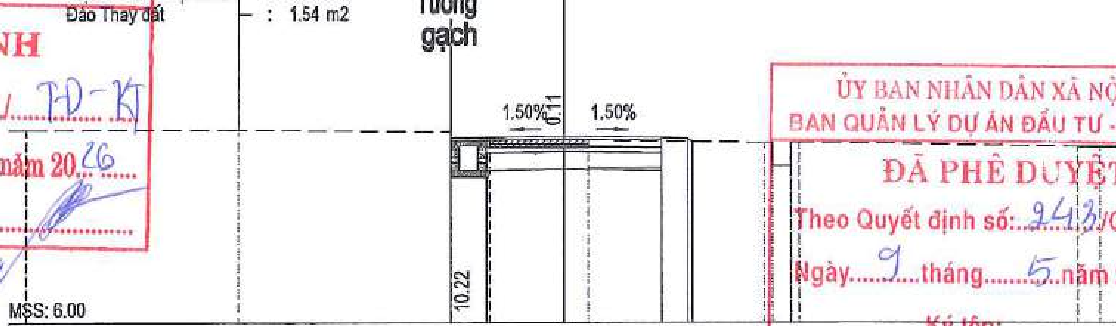


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.30 11.13 11.15 11.18 11.14 11.11 11.03 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.00 0.97 2.17 2.75 0.75 0.12 |
| Cao độ tự nhiên | 11.35 11.35 11.30 11.07 11.07 11.07 11.07 11.00 11.00 10.35 10.35 11.00 11.00 10.90 10.89 |
| Khoảng cách mia | 5.86 6.00 1.06 2.08 0.67 4.94 0.22 0.52 0.22 7.80 0.63 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI, T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-24 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 4.82 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.60 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.72 m2
Diện tích móng BTXM : 0.96 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.41 m2
Đào Thay đất : 1.64 m2

Cọc: D28
KM1+412.36

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.28 m2
Đào rãnh : 1.02 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.04 m2

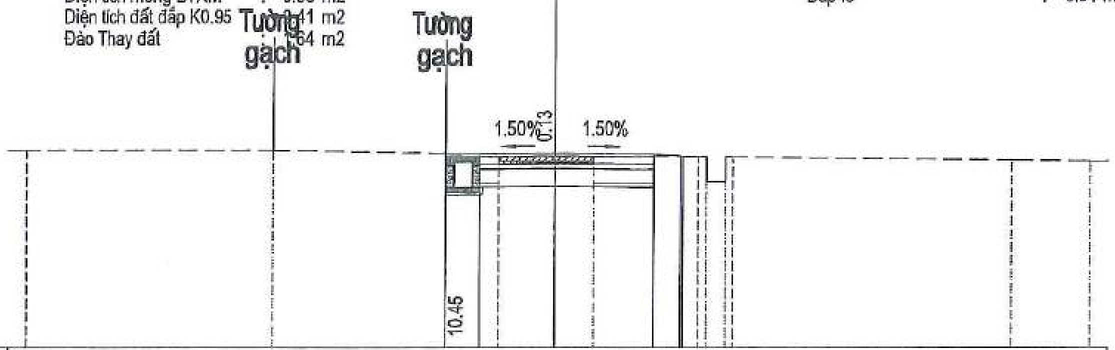


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.40 11.36 11.38 11.41 11.37 11.34 11.30 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.07 2.75 0.75 0.06 |
| Cao độ tự nhiên | 11.48 11.48 11.40 11.28 11.28 11.28 11.28 11.30 11.30 10.60 10.60 11.30 11.30 11.20 11.17 |
| Khoảng cách mia | 7.05 4.91 1.51 1.53 1.07 2.93 0.22 0.54 0.22 7.80 2.22 |

B mặt đường làm mới : 4.86 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.76 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.73 m2
Diện tích móng BTXM : 0.97 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.43 m2
Đào Thay đất : 1.66 m2

Cọc: D29
KM1+417.53

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.61 m2
Đào rãnh : 1.16 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.07 m2

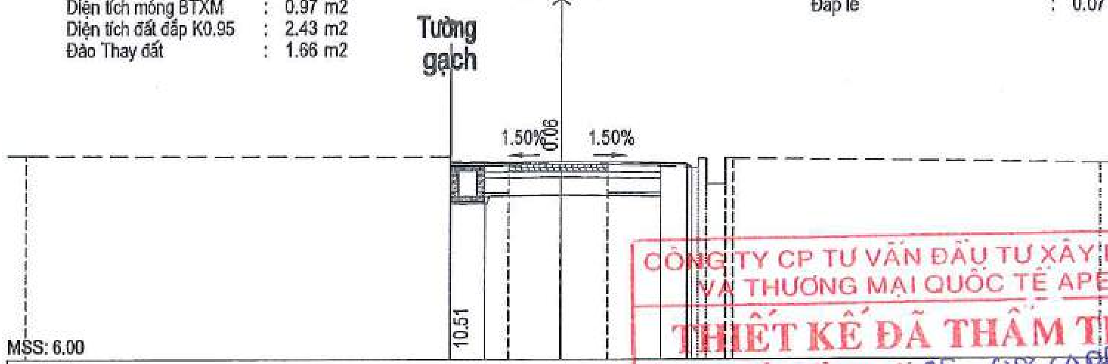


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.50 11.42 11.44 11.47 11.43 11.40 11.31 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.11 2.75 0.75 0.13 |
| Cao độ tự nhiên | 11.65 11.60 11.50 11.44 11.41 11.40 11.30 11.55 11.55 10.85 10.85 11.56 11.56 11.40 |
| Khoảng cách mia | 11.92 1.62 1.46 1.30 2.52 0.22 0.54 0.22 10.20 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 4.70 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.45 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.70 m2
Diện tích móng BTXM : 0.94 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.35 m2
Đào Thay đất : 1.72 m2

Cọc: D30
KM1+421.08

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.28 m2
Đào rãnh : 1.07 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.06 m2

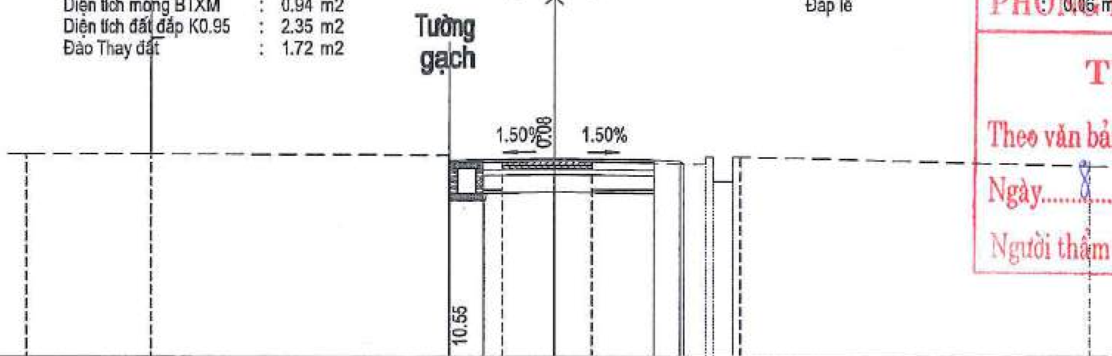


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.61 11.46 11.48 11.51 11.47 11.44 11.37 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.00 0.97 1.95 2.75 0.75 0.11 |
| Cao độ tự nhiên | 11.65 11.65 11.61 11.43 11.43 11.43 11.43 11.35 11.56 11.56 10.88 10.88 11.56 11.56 11.30 |
| Khoảng cách mia | 3.63 8.45 1.50 1.42 1.03 3.19 0.22 0.54 0.22 9.80 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 4.82 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.58 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.72 m2
Diện tích móng BTXM : 0.96 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.41 m2
Đào Thay đất : 1.64 m2

Cọc: D31
KM1+434.85

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.30 m2
Đào rãnh : 1.08 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.05 m2

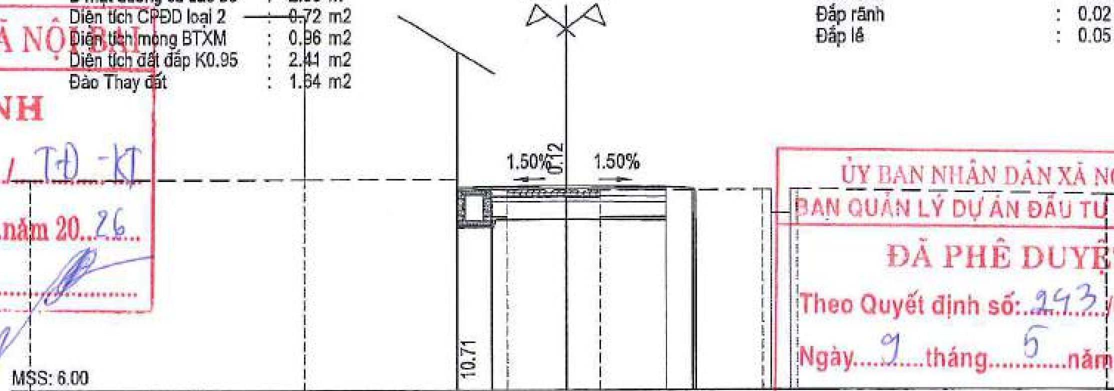


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.63 11.62 11.64 11.67 11.63 11.60 11.55 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.07 2.75 0.75 0.08 |
| Cao độ tự nhiên | 11.85 11.85 11.85 11.85 11.63 11.55 11.55 11.54 11.55 11.55 10.90 10.90 11.57 11.57 11.40 11.40 |
| Khoảng cách mia | 0.01 7.69 4.26 1.40 1.64 0.94 4.55 0.22 0.54 0.22 8.52 0.01 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | | | | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-25 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 5.04 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.69 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.76 m2
Diện tích móng BTXM : 1.01 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.52 m2
Đào Thay đất : 1.54 m2

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.19 m2
Đào rãnh : 0.96 m2
Đắp rãnh : 0.03 m2
Đắp lề : 0.12 m2

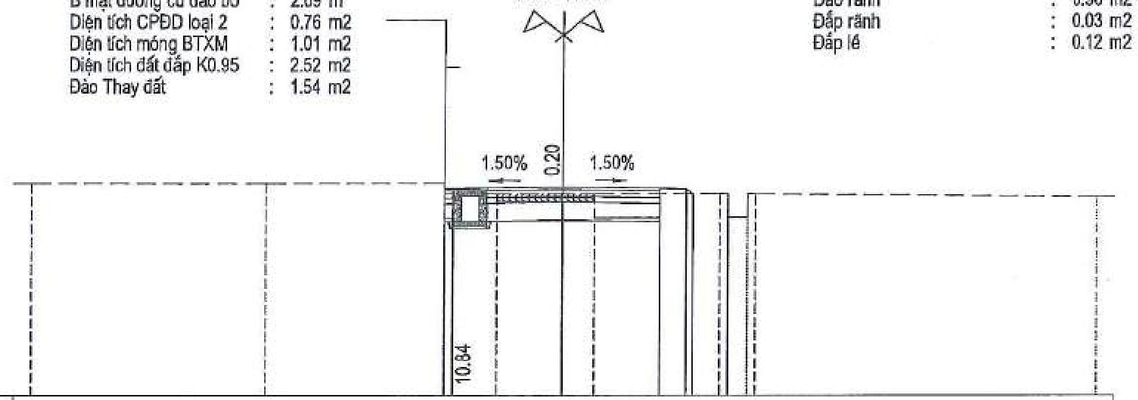


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.95 11.75 11.80 11.76 11.73 11.60 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 3.26 2.75 0.75 0.19 |
| Cao độ tự nhiên | 11.90 11.90 11.90 11.90 11.60 11.60 11.60 11.60 11.60 11.60 10.95 10.95 11.60 11.60 11.50 |
| Khoảng cách mia | 0.01 6.60 5.13 1.45 1.81 0.88 3.58 0.22 0.55 0.22 9.55 |

B mặt đường làm mới : 5.76 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 5.76 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.86 m2
Diện tích móng BTXM : 1.15 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.88 m2
Đào Thay đất : 0.00 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.76 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 4.90 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.00 m2

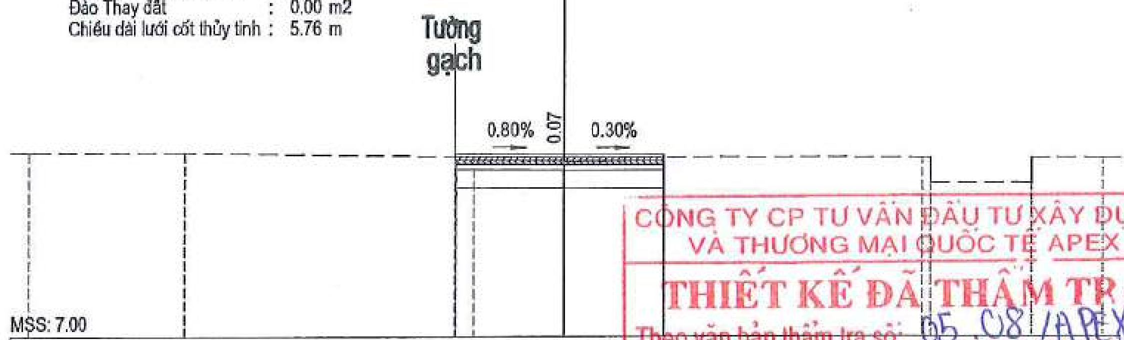


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 12.07 12.05 12.04 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 2.99 2.77 |
| Cao độ tự nhiên | 12.11 12.11 12.00 12.00 11.98 11.95 11.95 11.25 11.25 11.95 11.95 |
| Khoảng cách mia | 4.41 7.56 0.53 2.50 9.99 0.22 2.78 2.01 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 0.21 m
B mặt đường tận dụng : 5.43 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.03 m2
Diện tích móng BTXM : 0.04 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.11 m2
Đào Thay đất : 0.00 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.61 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.07 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.19 m2
Đào rãnh : 1.08 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2

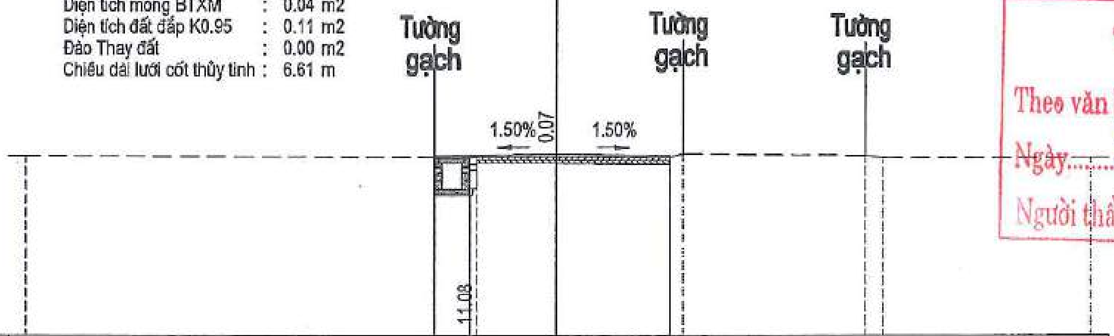


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 12.00 12.01 12.05 12.00 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 2.42 3.22 |
| Cao độ tự nhiên | 12.00 11.95 11.98 11.98 11.95 12.06 12.00 11.94 11.94 |
| Khoảng cách mia | 11.61 1.18 2.21 3.22 0.36 5.11 0.48 5.83 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 0.60 m
B mặt đường tận dụng : 1.64 m
B mặt đường trên rãnh : 1.94 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 1.51 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.09 m2
Diện tích móng BTXM : 0.12 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.30 m2
Đào Thay đất : 0.00 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 4.18 m

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.08 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.49 m2
Đào rãnh : 1.99 m2
Đắp rãnh : 0.03 m2

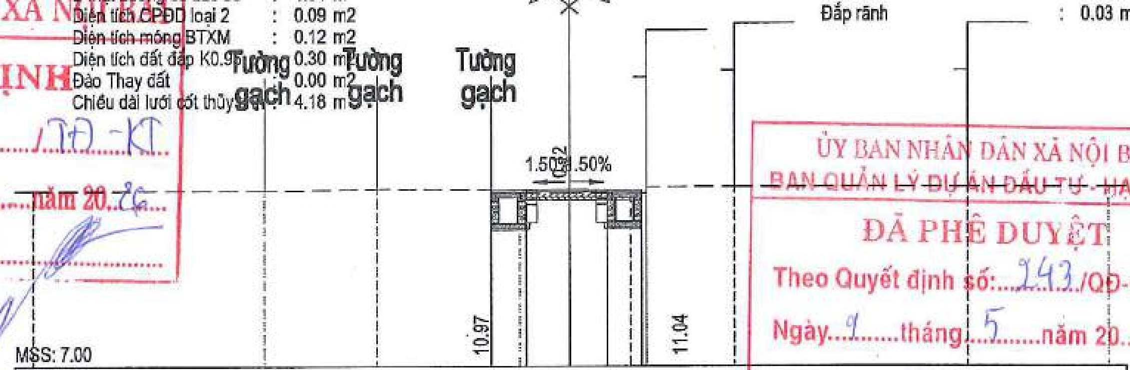


| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.93 11.91 11.93 11.94 11.93 11.91 11.82 |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 1.21 1.03 0.97 |
| Cao độ tự nhiên | 11.89 11.89 11.95 11.93 11.82 11.82 11.82 11.82 11.82 12.00 12.00 12.00 12.00 |
| Khoảng cách mia | 6.47 3.14 3.21 0.81 1.37 1.68 0.45 2.45 6.49 3.93 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ<br>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ<br>TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-26 |
| 2 | | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 0.60 m
B mặt đường tận dụng : 2.35 m
B mặt đường trên rãnh : 1.94 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.62 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.09 m2
Diện tích móng BTXM : 0.12 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.30 m2
Đào Thay đất : 0.00 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tính : 4.89 m

Cọc: 73
KM1+487.55

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.50 m2
Đào rãnh : 2.03 m2
Đắp rãnh : 0.03 m2

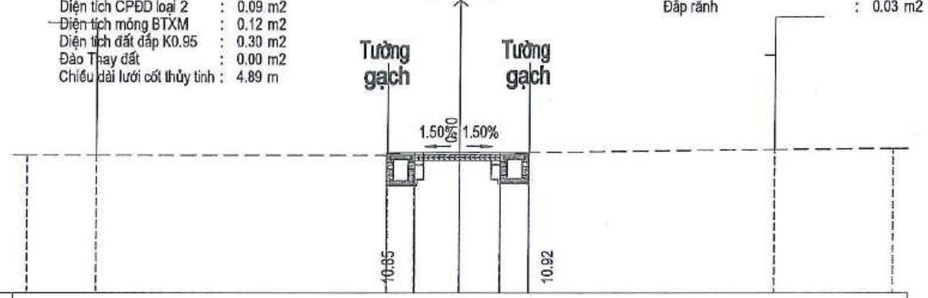


MSS: 7.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.78 | 11.80 | 11.82 | 11.80 | 11.78 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 | 1.55 | 1.40 | 0.97 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.70 | 11.70 | 11.70 | 11.72 | 11.72 | 11.72 | 11.72 | 11.80 | 11.90 | 11.93 | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách mia | 2.40 | 10.12 | 0.91 | 1.57 | 1.40 | 0.89 | 8.50 | 4.11 | | | | | | | | | | | | | | | | | |

B mặt đường làm mới : 0.98 m
B mặt đường tận dụng : 2.69 m
B mặt đường trên rãnh : 1.94 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.30 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.15 m2
Diện tích móng BTXM : 0.20 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.49 m2
Đào Thay đất : 0.82 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tính : 5.61 m

Cọc: 74
KM1+500.00

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.03 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.06 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 1.87 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2

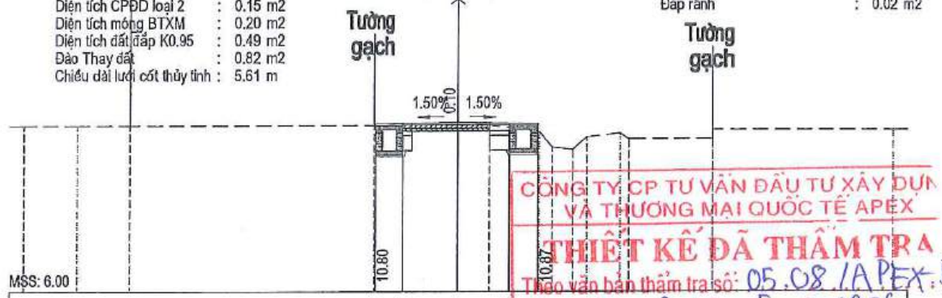


MSS: 6.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.73 | 11.75 | 11.77 | 11.75 | 11.73 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 | 1.87 | 1.80 | 0.97 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.66 | 11.66 | 11.66 | 11.66 | 11.67 | 11.67 | 11.67 | 11.45 | 10.92 | 10.84 | 11.27 | 11.40 | 11.20 | 11.20 | 11.51 | 11.51 | | | | | | | | | |
| Khoảng cách mia | 1.92 | 1.80 | 8.40 | 1.01 | 1.87 | 1.12 | 1.70 | 0.45 | 0.70 | 0.50 | 1.18 | 0.30 | 2.88 | 6.17 | | | | | | | | | | | |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX.BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 1.46 m
B mặt đường tận dụng : 2.50 m
B mặt đường trên rãnh : 1.94 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.62 m
Vét bùn : 0.68 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.22 m2
Diện tích móng BTXM : 0.29 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.73 m2
Đào Thay đất : 1.21 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tính : 5.90 m

Cọc: 75
KM1+514.17

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.12 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.10 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 1.24 m2
Đắp rãnh : 0.15 m2
Đắp lề : 0.99 m2

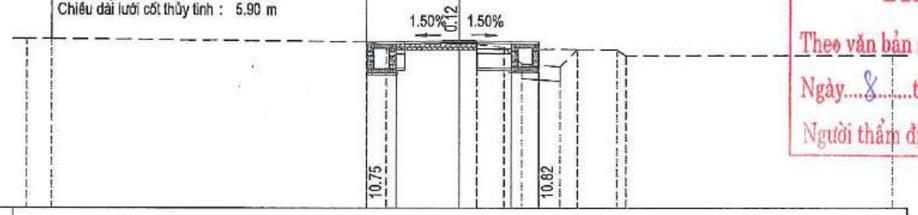


MSS: 6.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.68 | 11.67 | 11.69 | 11.72 | 11.69 | 11.68 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 | 2.18 | 1.78 | 0.97 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.78 | 11.78 | 11.68 | 11.60 | 11.60 | 11.60 | 11.49 | 10.92 | 10.83 | 11.42 | 11.40 | 11.20 | 11.20 | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách mia | 0.89 | 10.95 | 0.66 | 2.50 | 0.62 | 0.93 | 0.60 | 1.36 | 0.60 | 1.37 | 0.30 | 9.22 | | | | | | | | | | | | | |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - K
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 2.14 m
B mặt đường tận dụng : 2.16 m
B mặt đường trên rãnh : 1.94 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.91 m
Vét bùn : 0.55 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.32 m2
Diện tích móng BTXM : 0.43 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.07 m2
Đào Thay đất : 1.69 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tính : 6.24 m

Cọc: D35
KM1+528.34

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.29 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 1.06 m2
Đắp rãnh : 0.33 m2
Đắp lề : 0.15 m2

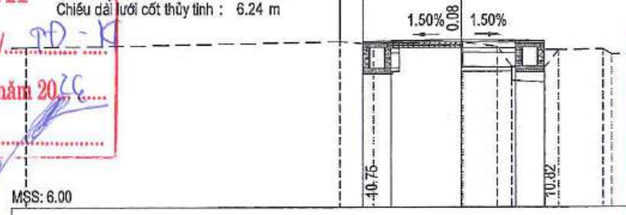


MSS: 6.00

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.67 | 11.68 | 11.72 | 11.69 | 11.68 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ thiết kế | 0.97 | 2.41 | 1.89 | 0.97 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ tự nhiên | 11.46 | 11.66 | 11.60 | 11.64 | 11.64 | 11.64 | 11.64 | 11.50 | 10.82 | 10.76 | 11.36 | 11.40 | 11.22 | 11.20 | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách mia | 10.83 | 0.79 | 1.36 | 3.02 | 0.65 | 1.21 | 0.50 | 1.10 | 0.50 | 1.56 | 0.30 | 9.78 | | | | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 7 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-27 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 2.78 m
B mặt đường tận dụng : 3.02 m
B mặt đường trên rãnh : 1.94 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.72 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.42 m2
Diện tích móng BTXM : 0.56 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.39 m2
Đào Thay đất : 2.29 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 7.74 m

Cọc: D36
KM1+533.42

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.49 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.04 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 1.10 m2
Đắp rãnh : 0.32 m2
Đắp lề : 0.41 m2

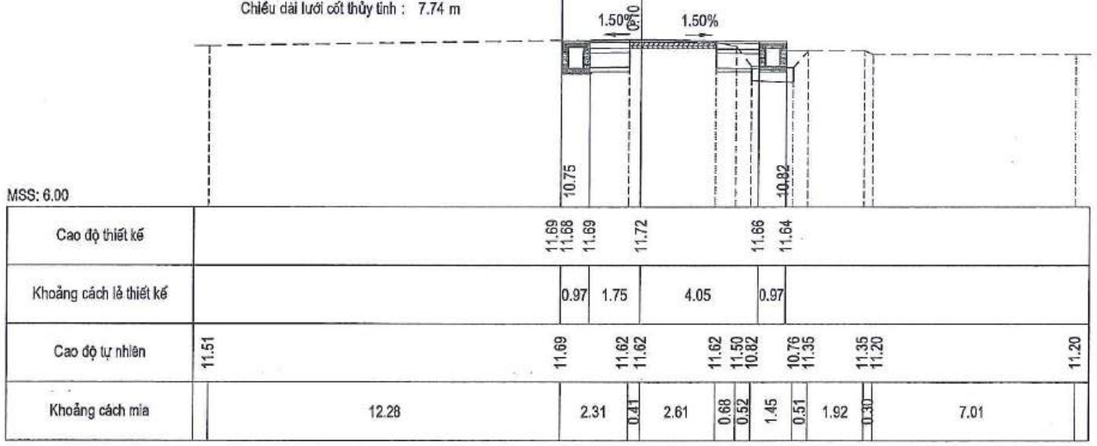


B mặt đường làm mới : 1.39 m
B mặt đường tận dụng : 3.22 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.51 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.21 m2
Diện tích móng BTXM : 0.28 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.69 m2
Đào Thay đất : 0.84 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.58 m

Cọc: 76
KM1+547.03

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.03 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.11 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.25 m2
Đắp lề : 0.06 m2

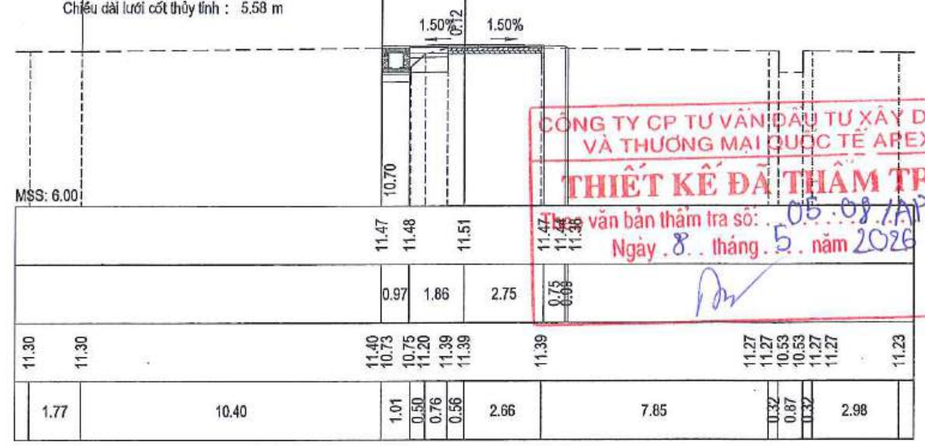


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 1.67 m
B mặt đường tận dụng : 3.10 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.47 m2
Đánh cấp : 0.05 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.25 m2
Diện tích móng BTXM : 0.33 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.64 m2
Đào Thay đất : 1.16 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.74 m

Cọc: 77
KM1+560.56

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.16 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.34 m2
Đắp lề : 0.20 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

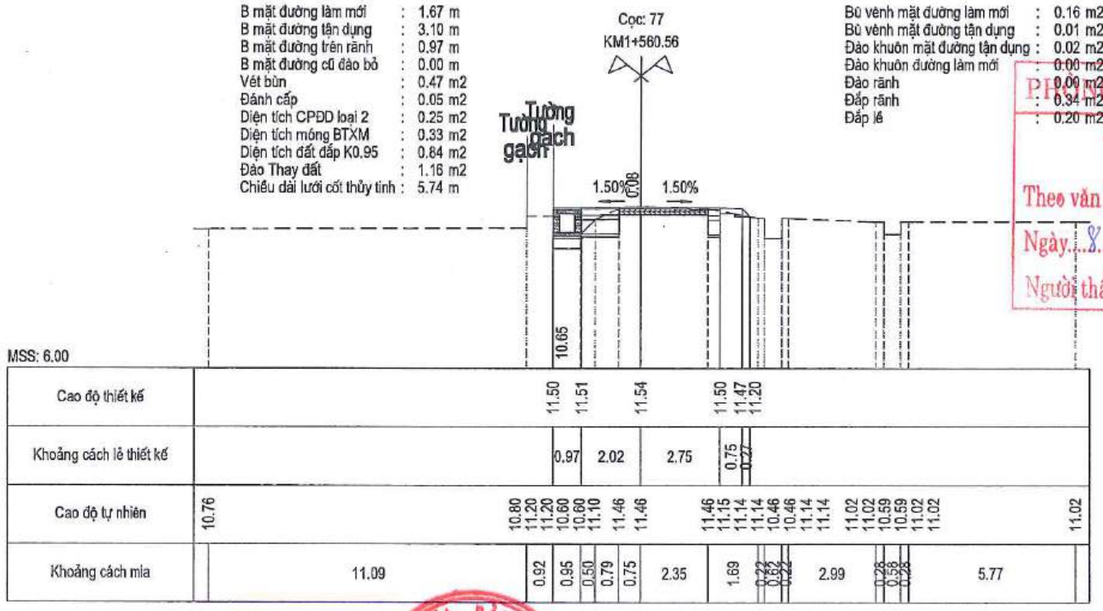


B mặt đường làm mới : 1.94 m
B mặt đường tận dụng : 2.95 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.38 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.29 m2
Diện tích móng BTXM : 0.39 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.97 m2
Đào Thay đất : 1.50 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 5.86 m

Cọc: 78
KM1+574.91

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.23 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.10 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.02 m2
Đắp rãnh : 0.38 m2
Đắp lề : 0.09 m2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

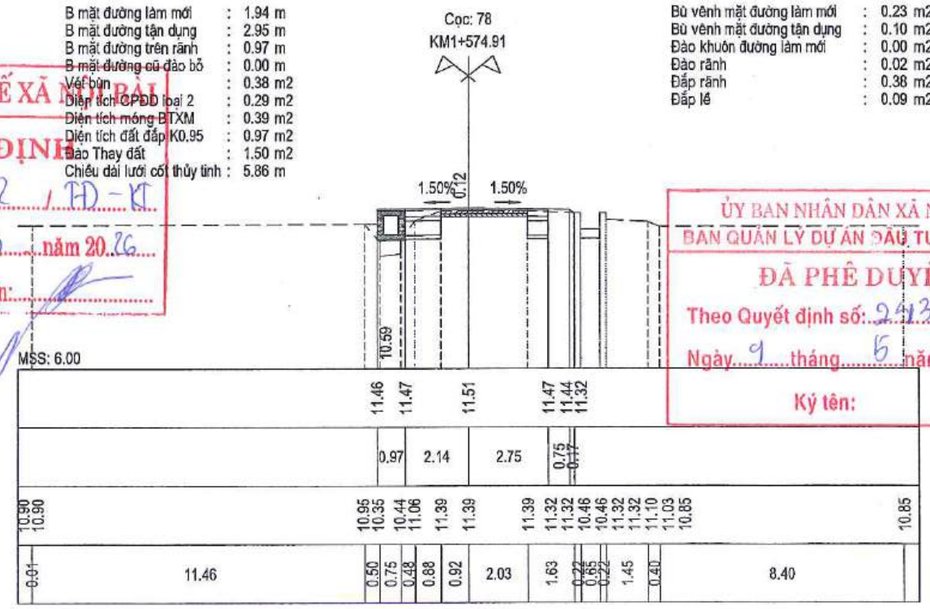


BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T4-TN-28 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |

## Cọc: 79 — KM1+590.65

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 2.20 m |
| B mặt đường tận dụng | : 2.95 m |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m |
| Vét bùn | : 0.32 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.33 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 0.44 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.10 m2 |
| Đào Thay đất | : 2.09 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 6.12 m |

| | |
|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.32 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.01 m2 |
| Đào khuôn mặt đường tận dụng | : 0.01 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đào rãnh | : 0.13 m2 |
| Đắp rãnh | : 0.25 m2 |
| Đắp lề | : 0.04 m2 |

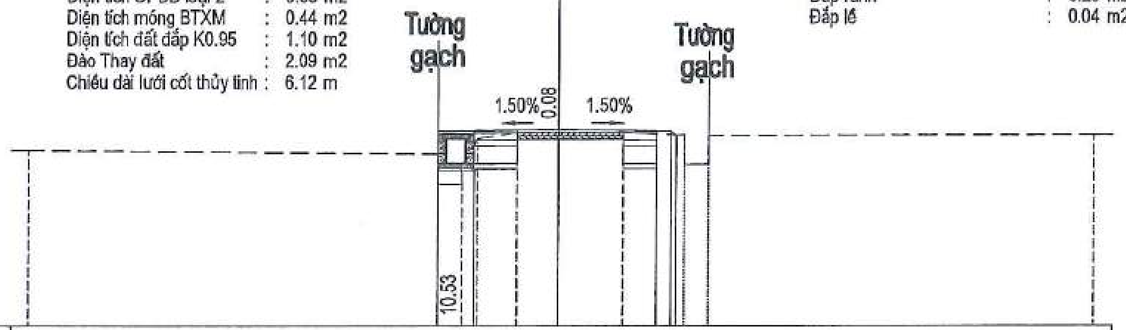


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.42 11.43 11.47 11.43 11.41 11.32 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.40 2.75 0.40 0.11 |
| Cao độ tự nhiên | 10.90 10.90 10.80 10.45 10.45 11.21 11.39 11.39 11.39 11.32 11.32 10.49 10.49 11.30 11.30 11.30 |
| Khoảng cách mia | 0.01 11.62 0.65 0.42 1.12 1.18 1.77 1.52 0.22 0.68 10.80 0.01 |

## Cọc: 80 — KM1+606.38

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 2.45 m |
| B mặt đường tận dụng | : 3.12 m |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m |
| Vét bùn | : 0.43 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.37 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 0.49 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.22 m2 |
| Đào Thay đất | : 2.24 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 6.54 m |

| | |
|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.41 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.13 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đào rãnh | : 0.02 m2 |
| Đắp rãnh | : 0.42 m2 |
| Đắp lề | : 0.02 m2 |

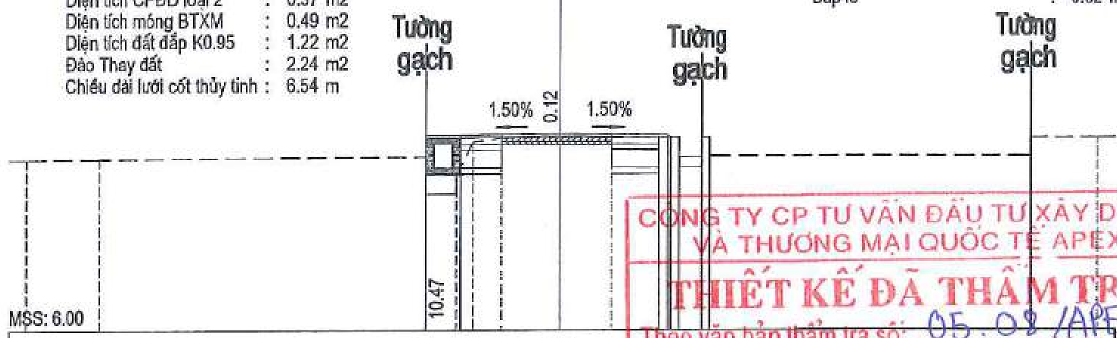


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.38 11.39 11.43 11.39 11.36 11.32 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.82 2.75 0.23 |
| Cao độ tự nhiên | 10.74 10.75 10.80 10.28 10.28 11.21 11.31 11.31 11.31 11.32 11.32 10.49 10.49 11.32 11.32 10.80 10.80 11.30 11.30 |
| Khoảng cách mia | 2.08 9.13 0.85 0.49 0.79 1.66 1.46 1.62 0.22 0.64 0.22 8.93 1.91 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## Cọc: D37 — KM1+612.46

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 3.18 m |
| B mặt đường tận dụng | : 6.17 m |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m |
| Vét bùn | : 0.45 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.48 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 0.64 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.59 m2 |
| Đào Thay đất | : 2.85 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 10.32 m |

| | |
|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.56 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.01 m2 |
| Đào khuôn mặt đường tận dụng | : 0.04 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đào rãnh | : 0.01 m2 |
| Đắp rãnh | : 0.42 m2 |

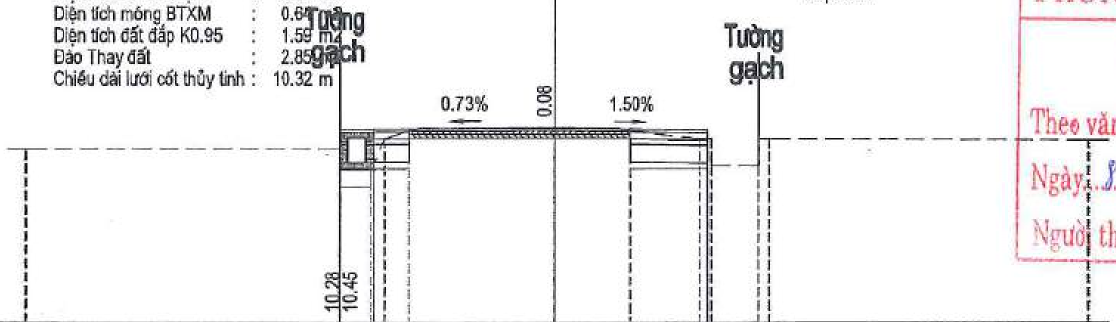


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.37 11.38 11.42 11.36 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 5.09 4.26 |
| Cao độ tự nhiên | 10.83 10.83 10.83 10.28 10.28 11.12 11.34 11.34 11.34 11.12 11.12 10.36 10.36 11.12 11.12 11.07 11.07 |
| Khoảng cách mia | 0.04 8.90 0.90 0.40 0.67 4.09 2.08 1.97 0.33 1.32 0.32 8.93 0.05 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
**THẨM ĐỊNH**
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## Cọc: 82 — KM1+619.58

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 2.67 m |
| B mặt đường tận dụng | : 3.02 m |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m |
| Vét bùn | : 0.27 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.40 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 0.53 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.33 m2 |
| Đào Thay đất | : 2.08 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 6.66 m |

| | |
|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.18 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.12 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đào rãnh | : 0.14 m2 |
| Đắp rãnh | : 0.23 m2 |
| Đắp lề | : 0.03 m2 |

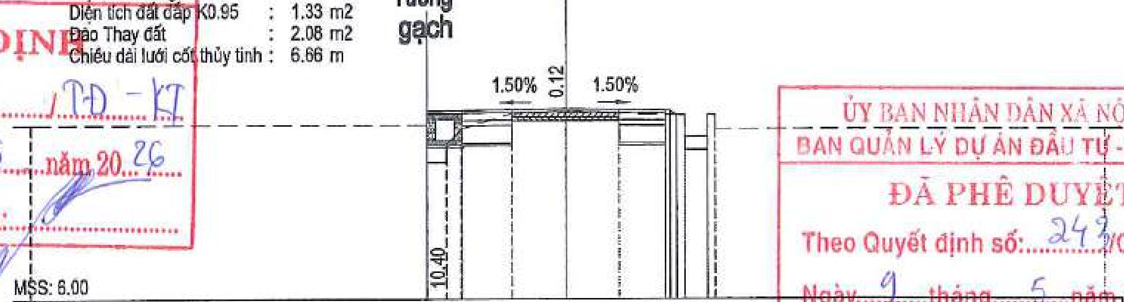


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.21 11.23 11.27 11.23 11.22 11.10 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.94 2.75 0.13 |
| Cao độ tự nhiên | 10.83 10.83 10.83 10.28 10.28 10.72 11.15 11.15 11.15 11.10 11.10 10.14 10.14 11.10 11.10 10.70 10.70 |
| Khoảng cách mia | 0.01 11.08 0.54 0.40 1.44 1.53 1.49 1.57 0.22 0.53 0.22 10.87 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 — SỐ HIỆU: T4-TN-29 |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 2.55 m
B mặt đường tận dụng : 3.05 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.38 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.38 m2
Diện tích móng BTXM : 0.51 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.27 m2
Đào Thay đất : 1.85 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.57 m

Cọc: 83
KM1+630.07

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.04 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.12 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.06 m2
Đắp rãnh : 0.37 m2
Đắp lề : 0.04 m2

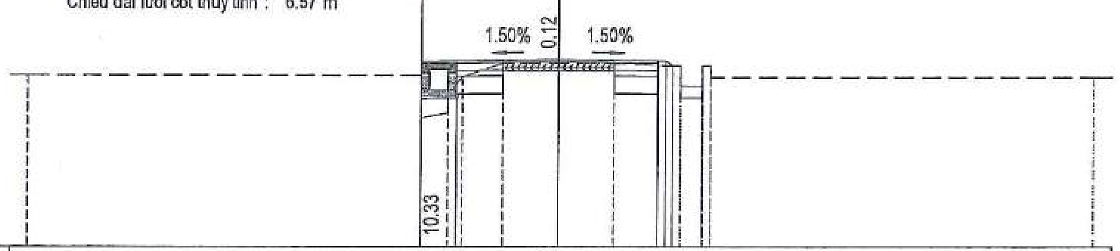


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.14 11.16 11.20 11.16 11.15 11.01 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.85 2.75 0.22 0.24 |
| Cao độ tự nhiên | 10.75 10.75 10.08 10.22 10.72 11.08 11.08 11.08 11.01 11.01 10.14 10.14 11.01 11.01 10.70 10.70 |
| Khoảng cách mia | 11.18 0.75 0.40 1.14 1.53 1.52 1.66 0.22 0.63 0.22 10.75 |

B mặt đường làm mới : 2.46 m
B mặt đường tận dụng : 3.04 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.52 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.37 m2
Diện tích móng BTXM : 0.49 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.23 m2
Đào Thay đất : 1.68 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.47 m

Cọc: 84
KM1+640.56

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.05 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.03 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.40 m2
Đắp lề : 0.05 m2

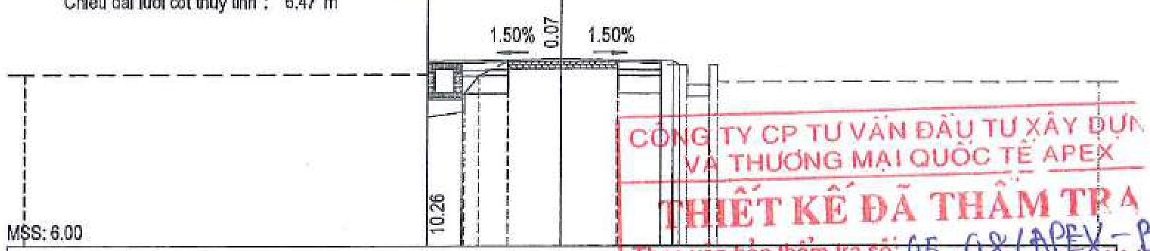


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.12 11.14 11.18 11.13 11.00 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.75 2.75 0.24 0.19 |
| Cao độ tự nhiên | 10.75 10.75 10.08 10.22 10.72 11.11 11.11 11.11 11.00 11.00 10.14 10.14 11.00 11.00 10.53 10.53 |
| Khoảng cách mia | 11.28 1.03 0.40 0.80 1.49 1.55 1.73 0.22 0.63 0.22 10.65 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCT8
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 2.26 m
B mặt đường tận dụng : 3.02 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.34 m2
Diện tích móng BTXM : 0.45 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.13 m2
Đào Thay đất : 1.66 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.25 m

Cọc: 85
KM1+660.56

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.06 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.09 m2
Đào rãnh : 0.41 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.03 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

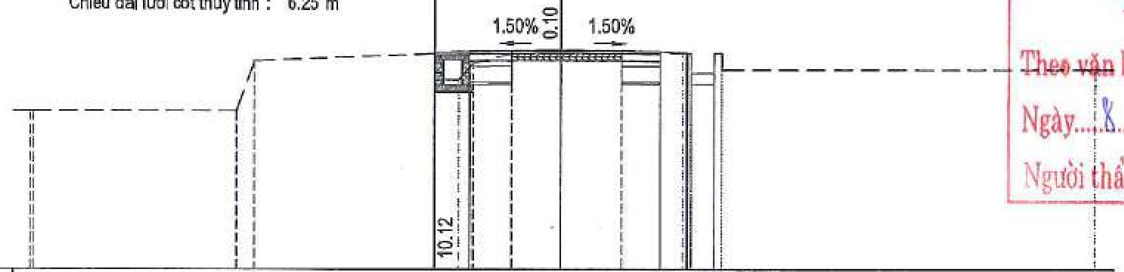


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 11.04 11.05 11.09 11.05 11.02 11.00 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.53 2.75 0.75 0.03 |
| Cao độ tự nhiên | 9.40 9.40 9.40 10.78 11.00 10.26 10.26 10.72 10.99 10.99 10.99 11.00 11.00 10.14 10.14 11.00 11.00 10.53 10.53 |
| Khoảng cách mia | 0.08 5.76 0.50 5.16 0.67 0.40 1.08 1.35 1.67 1.73 0.22 0.67 0.22 10.49 |

B mặt đường làm mới : 2.05 m
B mặt đường tận dụng : 3.07 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.29 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.31 m2
Diện tích móng BTXM : 0.41 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.03 m2
Đào Thay đất : 1.45 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.09 m

Cọc: 86
KM1+680.56

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.04 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.12 m2
Đào rãnh : 0.22 m2
Đắp rãnh : 0.10 m2
Đắp lề : 0.07 m2

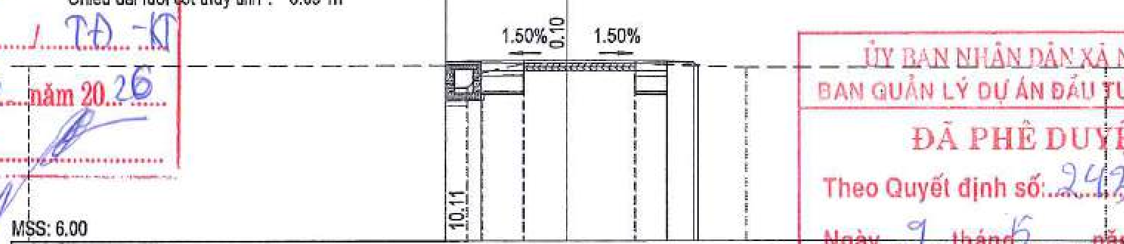


MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.89 10.99 11.00 11.04 11.00 10.97 10.88 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.37 2.75 0.75 0.13 |
| Cao độ tự nhiên | 10.89 10.89 10.25 10.25 10.67 10.94 10.94 10.94 10.83 10.83 |
| Khoảng cách mia | 11.66 0.58 0.40 1.16 1.20 1.87 3.13 10.00 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | | | | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-30 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 2.01 m |
| B mặt đường tận dụng | : 2.92 m |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m |
| Vét bùn | : 0.38 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.30 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 0.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.01 m2 |
| Đào Thay đất | : 1.39 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 5.90 m |

Cọc: 87
KM1+696.61

| | |
|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.03 m2 |
| Đào khuôn mặt đường tận dụng | : 0.00 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 0.18 m2 |
| Đào rãnh | : 0.11 m2 |
| Đắp rãnh | : 0.16 m2 |
| Đắp lề | : 0.03 m2 |

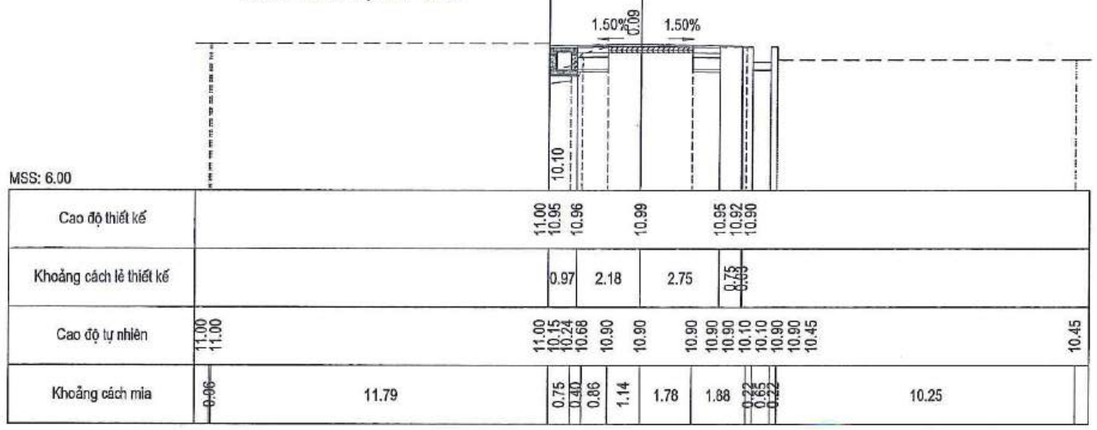


| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 2.17 m |
| B mặt đường tận dụng | : 3.16 m |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m |
| Vét bùn | : 0.44 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.33 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 0.43 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.08 m2 |
| Đào Thay đất | : 1.47 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 6.30 m |

Cọc: D38
KM1+712.66

| | |
|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Đào khuôn mặt đường tận dụng | : 0.04 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 0.22 m2 |
| Đào rãnh | : 0.02 m2 |
| Đắp rãnh | : 0.33 m2 |
| Đắp lề | : 0.01 m2 |

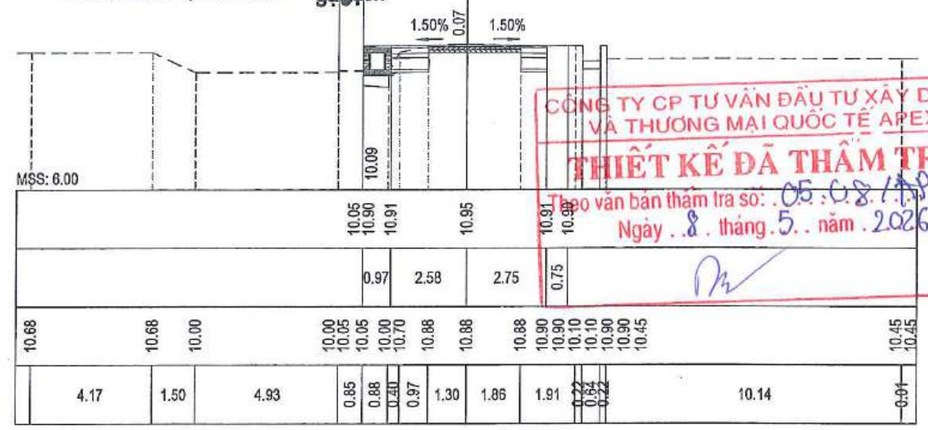


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/AP.EX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 2.01 m |
| B mặt đường tận dụng | : 3.06 m |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m |
| Vét bùn | : 0.54 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.30 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 0.40 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.00 m2 |
| Đào Thay đất | : 1.17 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 6.04 m |

Cọc: D39
KM1+720.45

| | |
|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.09 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 0.19 m2 |
| Đào rãnh | : 0.09 m2 |
| Đắp rãnh | : 0.25 m2 |
| Đắp lề | : 0.60 m2 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

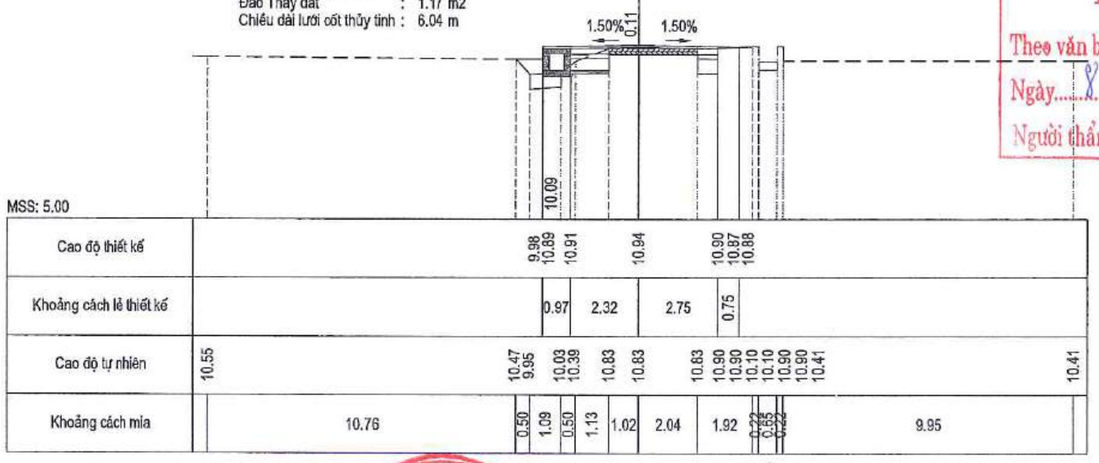


| | |
|---|---|
| B mặt đường làm mới | : 2.08 m |
| B mặt đường tận dụng | : 3.09 m |
| B mặt đường trên rãnh | : 0.97 m |
| B mặt đường cũ đào bỏ | : 0.00 m |
| Vét bùn | : 0.43 m2 |
| Diện tích CPĐD loại 2 | : 0.31 m2 |
| Diện tích móng BTXM | : 0.42 m2 |
| Diện tích đất đắp K0.95 | : 1.04 m2 |
| Đào Thay đất | : 1.26 m2 |
| Chiều dài lưới cốt thủy tinh | : 6.14 m |

Cọc: 88
KM1+734.75

| | |
|---|---|
| Bù vênh mặt đường làm mới | : 0.00 m2 |
| Bù vênh mặt đường tận dụng | : 0.09 m2 |
| Đào khuôn đường làm mới | : 0.17 m2 |
| Đào rãnh | : 0.05 m2 |
| Đắp rãnh | : 0.34 m2 |
| Đắp lề | : 0.36 m2 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

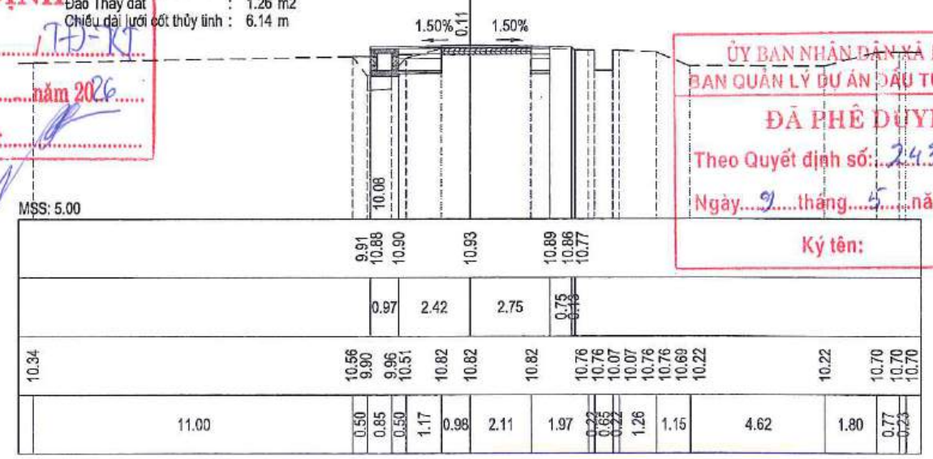


BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG |

| TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|
| TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-31 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 2.27 m
B mặt đường tận dụng : 3.01 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.46 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.34 m2
Diện tích móng BTXM : 0.45 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.14 m2
Đào Thay đất : 1.42 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.25 m

Cọc: 89
KM1+749.05

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.00 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.16 m2
Đào rãnh : 0.03 m2
Đắp rãnh : 0.38 m2
Đắp lề : 0.29 m2

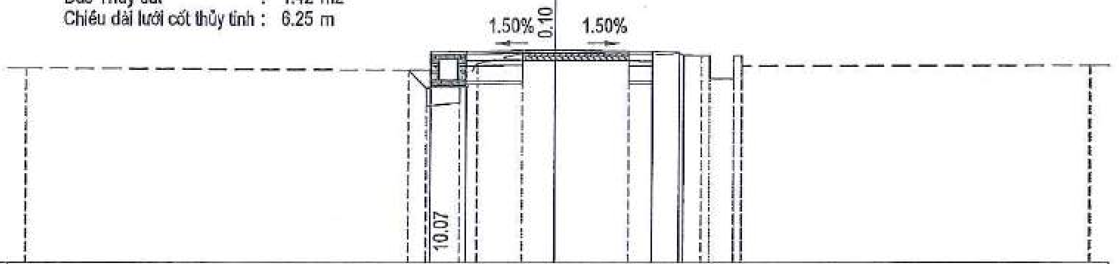


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.87 10.87 10.88 10.92 10.88 10.85 10.77 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.53 2.75 0.75 0.11 |
| Cao độ tự nhiên | 10.40 10.35 9.86 9.94 10.53 10.82 10.82 10.82 10.76 10.76 10.10 10.10 10.76 10.76 10.46 10.46 10.46 |
| Khoảng cách mia | 10.89 0.50 0.91 0.50 1.27 0.93 2.08 2.03 0.22 0.65 0.22 9.76 0.04 |

B mặt đường làm mới : 2.37 m
B mặt đường tận dụng : 3.01 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.70 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.36 m2
Diện tích móng BTXM : 0.47 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.18 m2
Đào Thay đất : 1.33 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.35 m

Cọc: 90
KM1+763.35

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.16 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.51 m2
Đắp lề : 0.35 m2

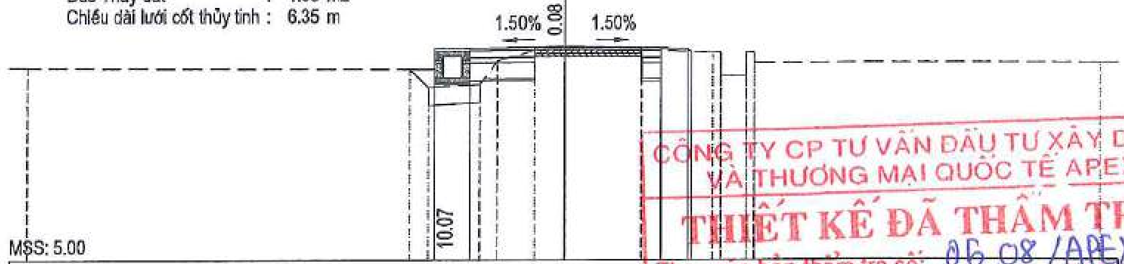


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 06.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.81 10.87 10.89 10.93 10.88 10.85 10.78 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.63 2.75 0.75 0.10 |
| Cao độ tự nhiên | 10.35 10.30 9.80 9.88 10.53 10.84 10.84 10.84 10.76 10.76 10.10 10.10 10.76 10.76 10.46 10.46 |
| Khoảng cách mia | 10.73 0.50 1.41 0.50 1.03 0.83 2.18 2.04 0.22 0.69 0.22 9.65 |

B mặt đường làm mới : 2.53 m
B mặt đường tận dụng : 2.95 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.80 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.38 m2
Diện tích móng BTXM : 0.51 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.27 m2
Đào Thay đất : 1.06 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.45 m

Cọc: D40
KM1+777.65

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.35 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.05 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.00 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.43 m2
Đắp lề : 0.07 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

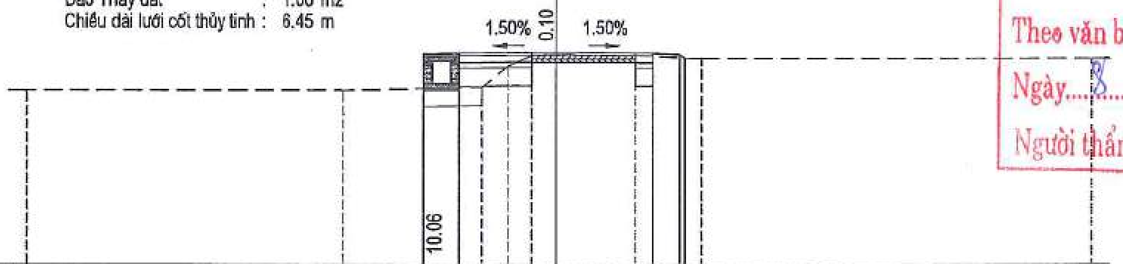


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.91 10.87 10.89 10.93 10.89 10.86 10.77 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.73 2.75 0.75 0.13 |
| Cao độ tự nhiên | 9.86 9.86 9.86 9.94 10.53 10.83 10.83 10.83 10.75 10.75 |
| Khoảng cách mia | 0.01 9.00 3.90 0.74 0.65 0.70 2.25 1.85 10.90 |

B mặt đường làm mới : 1.77 m
B mặt đường tận dụng : 3.73 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.45 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.27 m2
Diện tích móng BTXM : 0.35 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 0.89 m2
Đào Thay đất : 1.29 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.47 m

Cọc: D41
KM1+787.39

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.04 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.01 m2
Đào khuôn mặt đường tận dụng : 0.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.02 m2
Đắp rãnh : 0.44 m2
Đắp lề : 0.03 m2

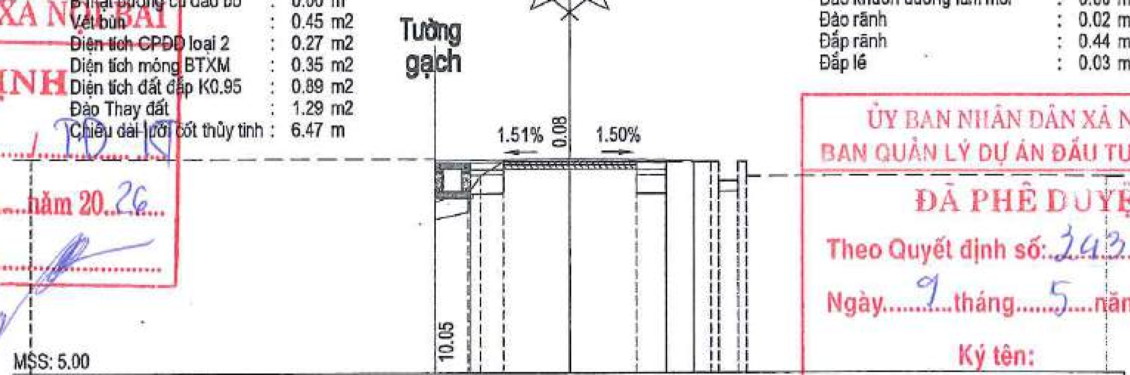


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.95 10.90 10.92 10.96 10.92 10.89 10.86 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.75 2.75 0.75 0.04 |
| Cao độ tự nhiên | 10.95 10.95 10.95 9.77 9.99 10.48 10.88 10.88 10.88 10.86 10.86 10.05 10.05 10.86 10.86 10.46 10.46 |
| Khoảng cách mia | 0.01 11.27 0.91 0.35 0.63 1.83 1.90 2.11 0.22 0.54 0.22 10.01 |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 / SỐ HIỆU: T4-TN-32 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 2.55 m
B mặt đường tận dụng : 3.05 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.51 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.38 m2
Diện tích móng BTXM : 0.51 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.27 m2
Đào Thay đất : 1.88 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.57 m

Cọc: 91
KM1+800.56

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.27 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.06 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.46 m2
Đắp lề : 0.05 m2

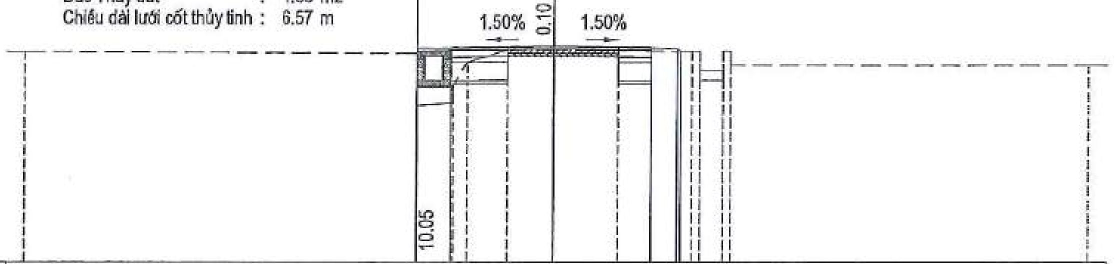


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.80 10.94 10.96 11.00 10.96 10.93 10.87 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.85 2.75 0.75 0.08 |
| Cao độ tự nhiên | 10.85 10.80 9.85 9.91 10.56 10.90 10.90 10.90 10.86 10.86 10.05 10.05 10.86 10.86 10.46 10.46 |
| Khoảng cách mia | 11.18 1.03 0.40 1.14 1.25 1.80 2.11 0.22 0.64 0.22 10.01 |

B mặt đường làm mới : 2.57 m
B mặt đường tận dụng : 3.09 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 0.00 m
Vét bùn : 0.52 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.39 m2
Diện tích móng BTXM : 0.51 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 1.29 m2
Đào Thay đất : 1.96 m2
Chiều dài lưới cốt thủy tinh : 6.63 m

Cọc: 92
KM1+817.86

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.29 m2
Bù vênh mặt đường tận dụng : 0.09 m2
Đào khuôn đường làm mới : 0.00 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.33 m2
Đắp lề : 0.05 m2

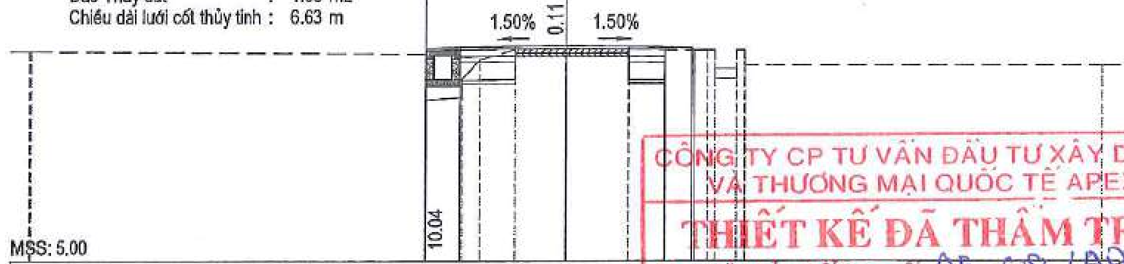


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.75 10.92 10.94 10.98 10.94 10.91 10.86 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.91 2.75 0.75 0.08 |
| Cao độ tự nhiên | 10.83 10.83 10.75 9.96 10.04 10.59 10.87 10.87 10.87 10.85 10.85 10.05 10.05 10.85 10.85 10.42 10.42 |
| Khoảng cách mia | 0.05 11.07 1.03 0.50 0.98 1.37 1.72 2.24 0.22 0.52 0.22 9.98 |

B mặt đường làm mới : 5.72 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.64 m
Vét bùn : 0.52 m2
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.86 m2
Diện tích móng BTXM : 1.14 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.86 m2
Đào Thay đất : 1.90 m2

Cọc: D42
KM1+835.16

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.28 m2
Đào khuôn đường làm mới : 3.40 m2
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.47 m2
Đắp lề : 0.05 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

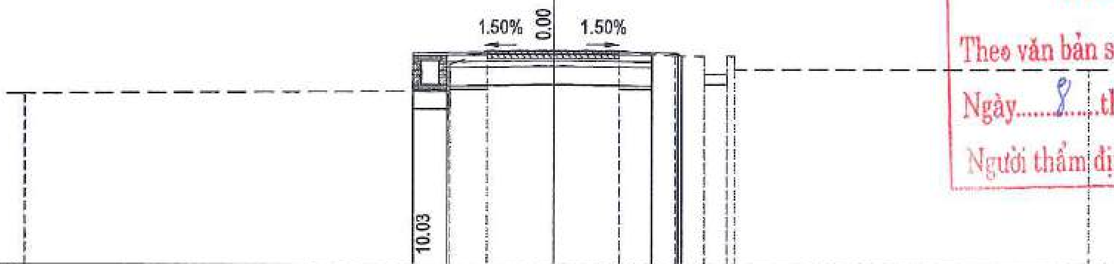


MSS: 5.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 9.84 10.90 10.92 10.96 10.92 10.89 10.82 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 2.97 2.75 0.75 0.10 |
| Cao độ tự nhiên | 9.77 9.85 10.59 10.96 10.96 10.96 10.88 10.88 10.03 10.03 10.82 10.82 10.43 10.43 |
| Khoảng cách mia | 12.11 1.06 1.83 1.81 1.61 0.81 0.53 0.22 9.92 |

B mặt đường làm mới : 4.53 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.77 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.68 m2
Diện tích móng BTXM : 0.91 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.27 m2
Đào Thay đất : 1.43 m2

Cọc: D43
KM1+843.30

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.28 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.07 m2
Đào rãnh : 1.02 m2
Đắp rãnh : 0.01 m2
Đắp lề : 0.15 m2

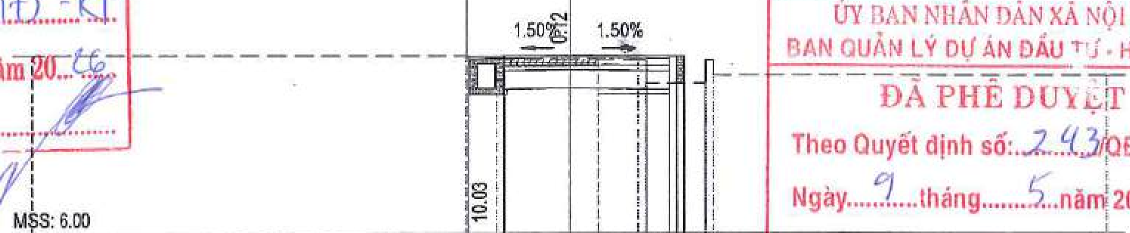


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

MSS: 6.00

| | |
|---|---|
| Cao độ thiết kế | 10.93 10.92 10.94 10.96 10.92 10.92 10.92 |
| Khoảng cách lề thiết kế | 0.97 1.78 2.75 0.20 0.22 |
| Cao độ tự nhiên | 10.94 10.94 10.84 10.84 10.84 10.81 10.81 10.16 10.16 10.81 10.81 10.39 10.39 |
| Khoảng cách mia | 12.17 0.85 1.98 0.79 1.10 0.22 1.67 0.22 11.00 |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ<br>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ<br>TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI<br>ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-33 |
| 2 | | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

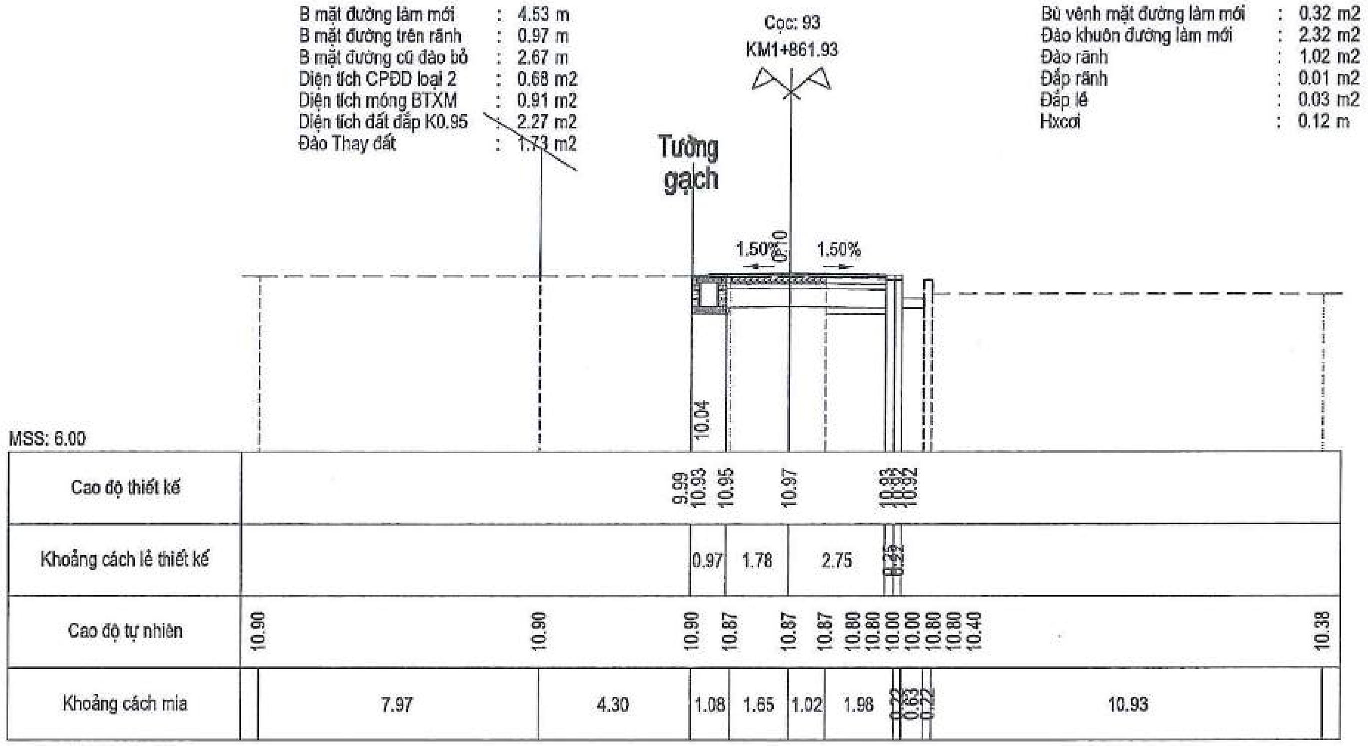


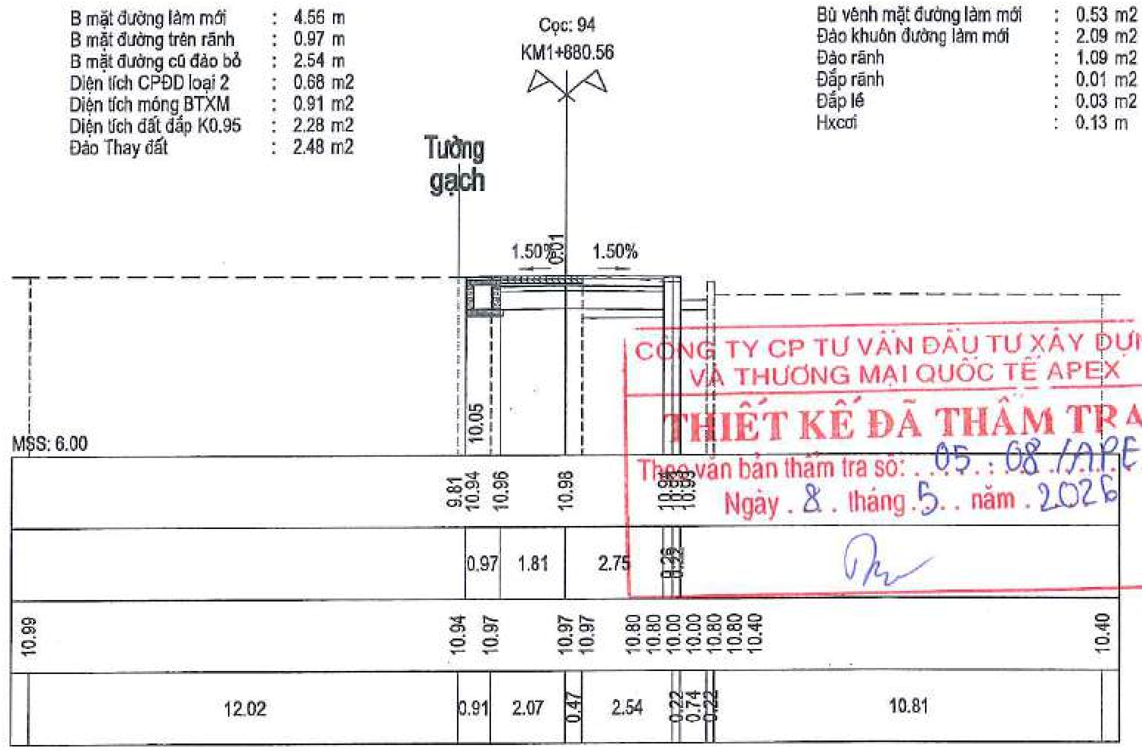


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

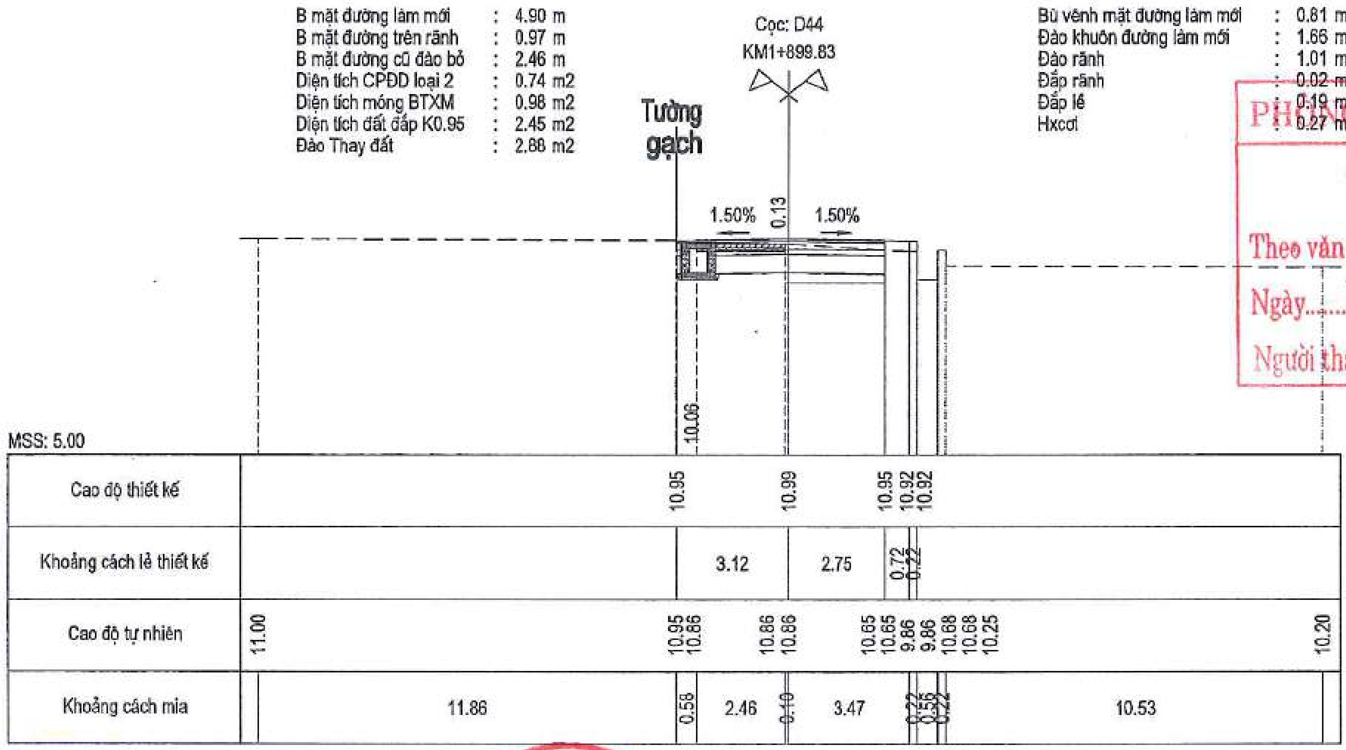


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

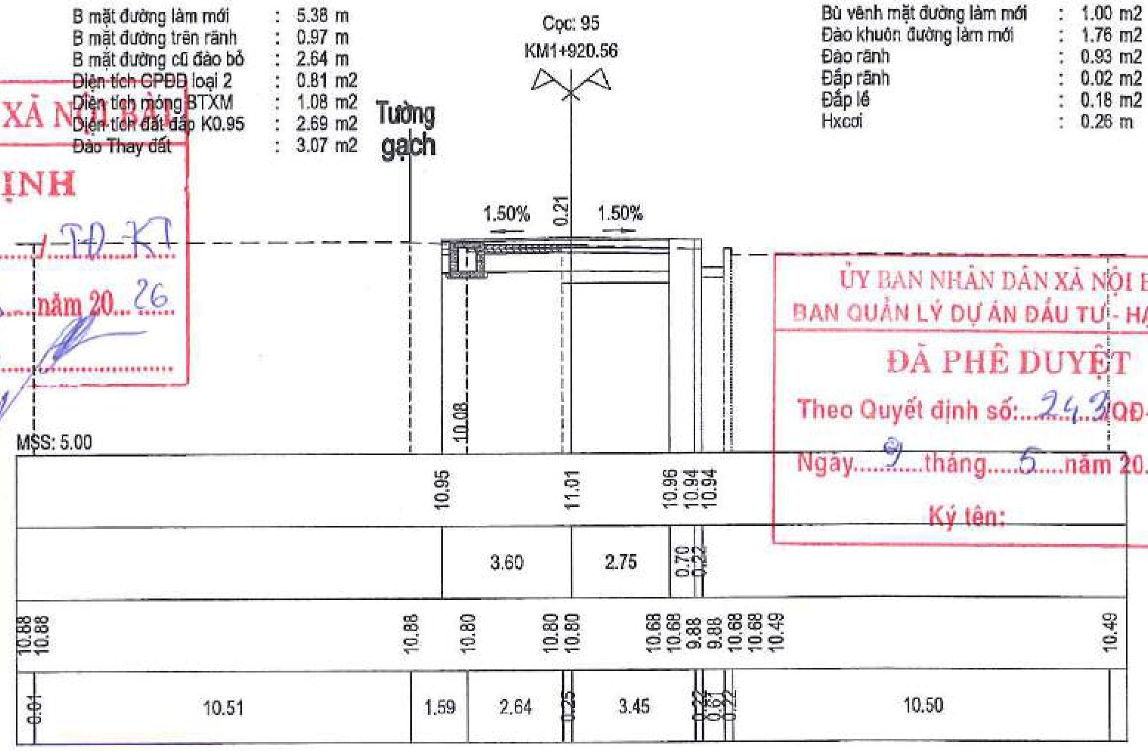


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | | | | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-34 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 5.38 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.76 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.81 m2
Diện tích móng BTXM : 1.08 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.69 m2
Đào Thay đất : 3.18 m2

Cọc: 96
KM1+934.48

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.14 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.59 m2
Đào rãnh : 0.88 m2
Đắp rãnh : 0.01 m2
Đắp lề : 0.27 m2
Hxcơi : 0.29 m

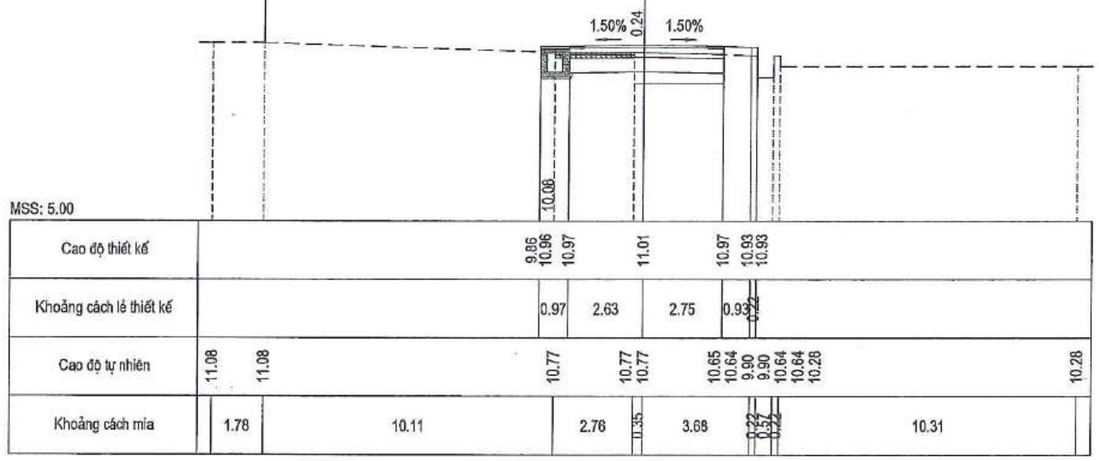


B mặt đường làm mới : 5.61 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.02 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.84 m2
Diện tích móng BTXM : 1.12 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.81 m2
Đào Thay đất : 3.62 m2

Cọc: D45
KM1+948.39

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.29 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.02 m2
Đào rãnh : 1.02 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.31 m2
Hxcơi : 0.29 m

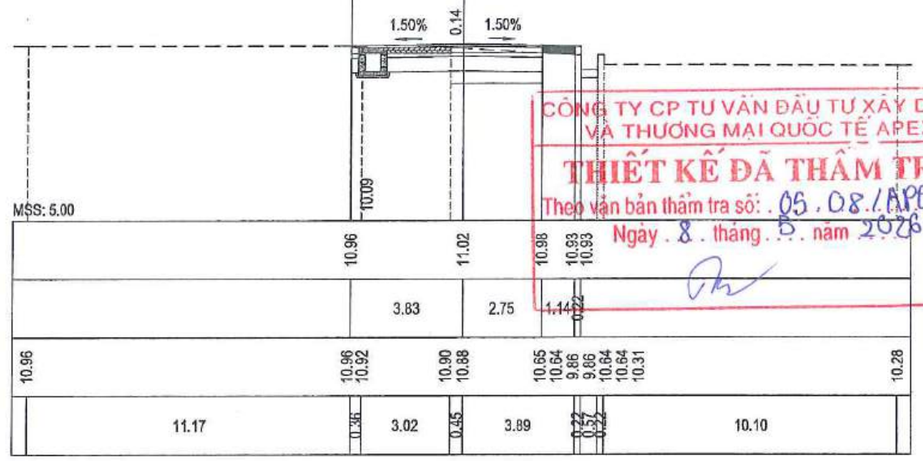


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 5.61 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.95 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.84 m2
Diện tích móng BTXM : 1.12 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.80 m2
Đào Thay đất : 3.68 m2

Cọc: 97
KM1+962.48

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.17 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.90 m2
Đào rãnh : 1.02 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.31 m2
Hxcơi : 0.28 m

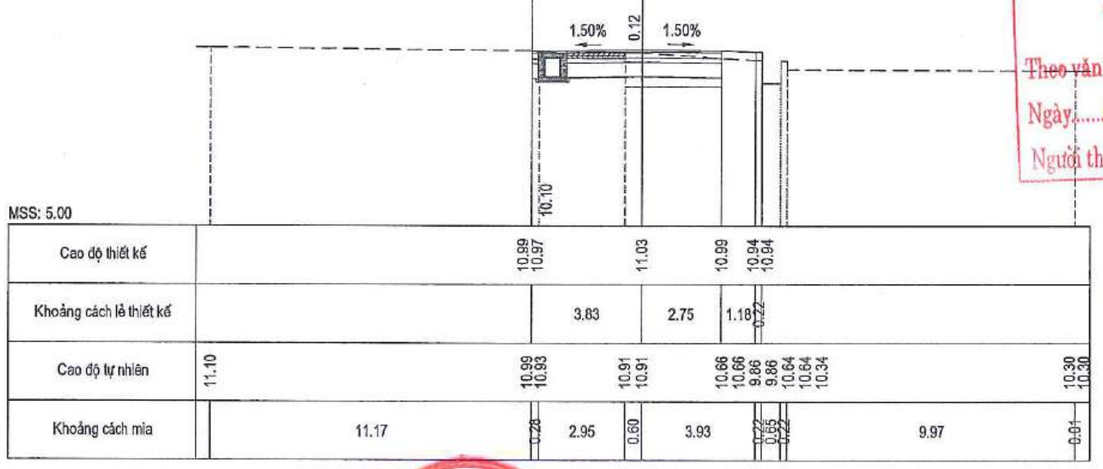


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TTD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

B mặt đường làm mới : 5.38 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.76 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.81 m2
Diện tích móng BTXM : 1.08 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.69 m2
Đào Thay đất : 3.80 m2

Cọc: 98
KM1+976.43

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.02 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.79 m2
Đào rãnh : 1.09 m2
Đắp rãnh : 0.01 m2
Đắp lề : 0.24 m2
Hxcơi : 0.24 m

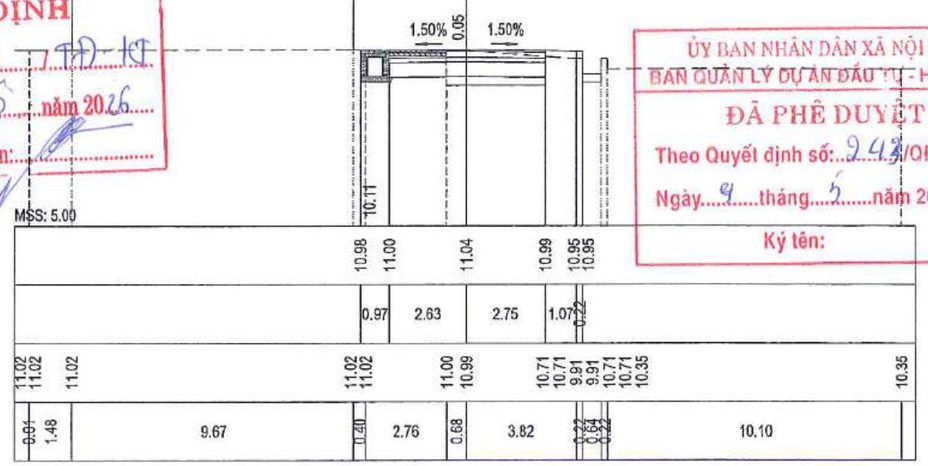


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
U.B.N.D XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

**TÊN BẢN VẼ**
**TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-35 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

B mặt đường làm mới : 5.53 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.75 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.83 m2
Diện tích móng BTXM : 1.11 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.77 m2
Đào Thay đất : 3.60 m2

Cọc: D46
KM1+990.38

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.92 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.69 m2
Đào rãnh : 1.02 m2
Đắp rãnh : 0.03 m2
Đắp lề : 0.14 m2
Hxcơi : 0.15 m

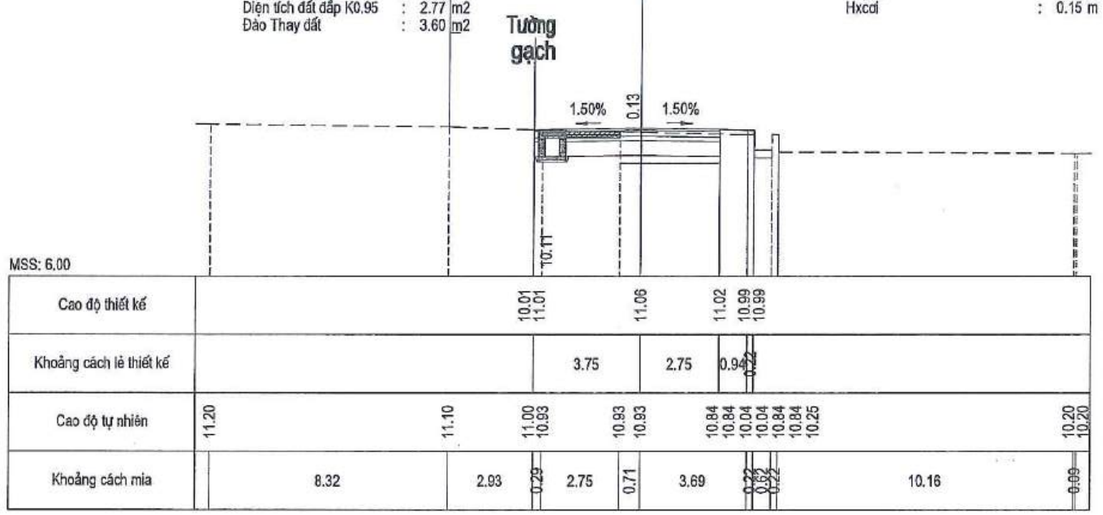


B mặt đường làm mới : 5.41 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 2.71 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.81 m2
Diện tích móng BTXM : 1.08 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.71 m2
Đào Thay đất : 3.34 m2

Cọc: 99
KM2+002.88

Bù vênh mặt đường làm mới : 0.79 m2
Đào khuôn đường làm mới : 1.70 m2
Đào rãnh : 1.06 m2
Đắp rãnh : 0.02 m2
Đắp lề : 0.16 m2
Hxcơi : 0.17 m

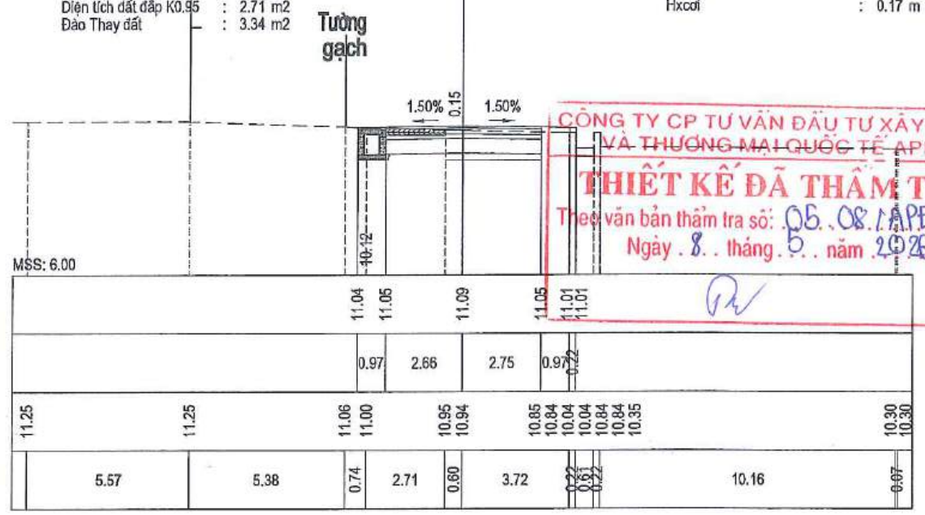


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

B mặt đường làm mới : 5.48 m
B mặt đường trên rãnh : 0.97 m
B mặt đường cũ đào bỏ : 3.49 m
Diện tích CPĐD loại 2 : 0.82 m2
Diện tích móng BTXM : 1.10 m2
Diện tích đất đắp K0.95 : 2.74 m2
Đào Thay đất : 2.89 m2

Cọc: 100
KM2+015.38

Bù vênh mặt đường làm mới : 1.09 m2
Đào khuôn đường làm mới : 2.29 m2
Đào rãnh : 1.02 m2
Đắp rãnh : 0.01 m2
Đắp lề : 0.33 m2
Hxcơi : 0.35 m

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

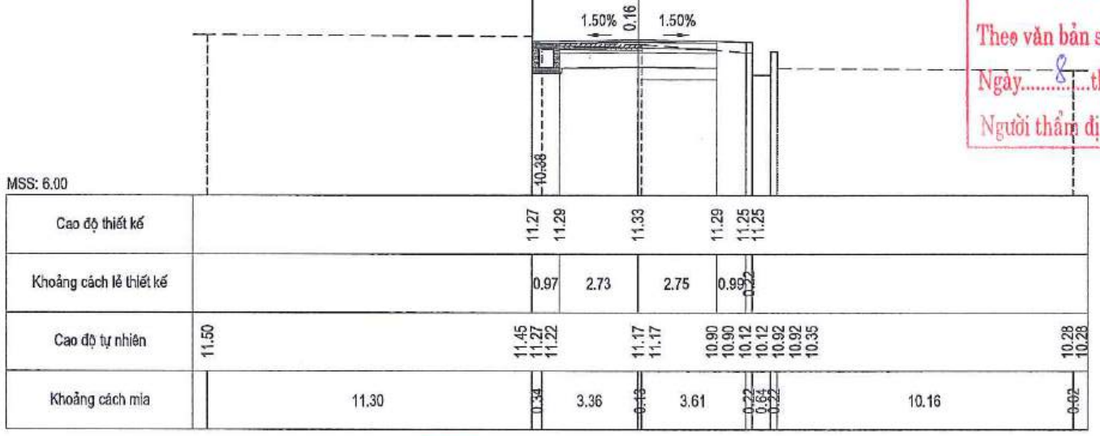


Cọc: 101
KM2+022.36

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

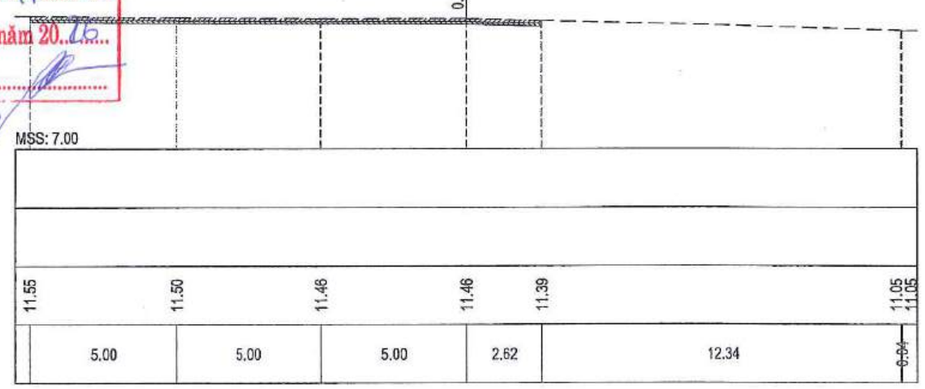


| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC NGANG CHI TIẾT: TUYẾN 4

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1:200 | SỐ HIỆU: T4-TN-36 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

Bảng tổng hợp khối lượng : Tuyến 4

| Tên cọc | K.Cách lẻ | Diện tích: B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Vét bùn | Vét hữu cơ | Đánh cấp | Đào kênh | Đắp kênh | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Diện tích đất đắp K0.95 | Đào Thay đất | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường làm mới | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh | Đào tường chắn | Đắp tường chắn | Đắp lề | Hxcơi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 0.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | 0.00 | 6.95 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.90 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.24 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 5.15 | 0.00 | 1.95 | 0.00 | 0.00 | 2.73 | 1.16 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.90 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 2.92 | 0.61 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 4.49 | 0.00 | 2.05 | 0.00 | 0.00 | 2.49 | 1.17 | 0.00 | 0.00 | 0.28 | 0.00 | 0.00 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 2.98 | 1.52 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 4.48 | 0.00 | 1.89 | 0.00 | 0.00 | 2.58 | 0.00 | 0.12 | 0.03 | 0.10 | 1.82 | 0.00 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.04 | 0.50 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 4.81 | 0.00 | 2.08 | 0.00 | 0.00 | 2.71 | 0.01 | 0.05 | 0.37 | 0.15 | 0.26 | 0.00 |
| | 14.74 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.09 | 0.67 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 5.16 | 0.00 | 2.03 | 0.00 | 0.00 | 2.77 | 0.00 | 0.02 | 0.58 | 0.28 | 0.31 | 0.00 |
| | 15.51 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.10 | 0.58 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 4.58 | 0.00 | 2.04 | 0.00 | 0.00 | 2.77 | 1.28 | 0.00 | 0.00 | 0.31 | 0.00 | 0.00 |
| | 15.51 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D1 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.09 | 1.36 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 3.81 | 0.00 | 2.03 | 0.00 | 0.00 | 2.60 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.43 | 0.00 | 0.00 |
| | 10.55 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.05 | 0.95 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 3.74 | 0.00 | 1.99 | 0.00 | 0.00 | 2.46 | 0.17 | 0.03 | 0.00 | 0.35 | 0.00 | 0.00 |
| | 10.55 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.07 | 0.86 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 4.16 | 0.00 | 1.96 | 0.00 | 0.00 | 2.41 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.10 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.28 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.19 | 1.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 3.45 | 0.00 | 1.94 | 0.00 | 0.00 | 2.68 | 0.00 | 0.06 | 0.00 | 0.13 | 0.16 | 0.00 |
| | 13.28 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.29 | 0.91 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 3.53 | 0.00 | 1.84 | 0.00 | 0.00 | 2.55 | 0.17 | 0.05 | 0.00 | 0.21 | 0.02 | 0.00 |
| | 13.28 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.17 | 0.68 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 3.05 | 0.00 | 1.85 | 0.00 | 0.00 | 2.20 | 0.57 | 0.02 | 0.00 | 0.08 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.28 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.09 | 0.36 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 3.96 | 0.00 | 1.75 | 0.00 | 0.00 | 2.34 | 0.48 | 0.02 | 0.53 | 0.25 | 0.00 | 0.00 |
| | 15.88 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 3.49 | 0.69 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 2.43 | 0.00 | 1.61 | 0.00 | 0.00 | 2.60 | 0.42 | 0.02 | 0.08 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 15.88 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | | 7.00 | 0.00 | 0.00 | 4.05 | 0.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 1.40 | 3.50 | 3.05 | 0.00 | 1.18 | 0.00 | 0.00 | 3.26 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.03 | 0.00 |
| | 8.08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D2 | | 8.79 | 0.00 | 0.00 | 6.79 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.32 | 1.76 | 4.40 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 6.86 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.23 |
| | 5.17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | | 5.50 | 0.00 | 0.00 | 4.21 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.82 | 1.10 | 2.75 | 1.29 | 0.00 | 0.51 | 0.00 | 0.00 | 3.10 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.13 | 0.59 |
| | 17.50 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | | 5.50 | 0.00 | 0.00 | 3.10 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.82 | 1.10 | 2.75 | 2.30 | 0.00 | 0.94 | 0.00 | 0.00 | 2.38 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.10 | 0.57 |
| | 17.50 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | | 5.50 | 0.00 | 0.00 | 3.18 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.82 | 1.10 | 2.75 | 2.38 | 0.00 | 0.89 | 0.00 | 0.00 | 2.57 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.04 | 0.52 |
| | 20.09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 20 | | 5.50 | 0.00 | 0.00 | 3.08 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.82 | 1.10 | 2.75 | 2.74 | 0.00 | 0.90 | 0.00 | 0.00 | 2.65 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.34 |
| | 20.09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 21 | | 5.50 | 0.00 | 0.00 | 3.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.82 | 1.10 | 2.75 | 2.82 | 0.00 | 0.89 | 0.00 | 0.00 | 2.68 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.33 |
| | 20.09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D2a | | 5.50 | 0.00 | 0.00 | 3.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.82 | 1.10 | 2.75 | 2.75 | 0.00 | 0.86 | 0.00 | 0.00 | 2.59 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.32 |
| | 20.09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D2b | | 0.84 | 4.66 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.13 | 0.17 | 0.42 | 0.97 | 5.50 | 0.28 | 0.15 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.18 | 0.32 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 24 | | 2.40 | 3.10 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.36 | 0.48 | 1.20 | 2.71 | 5.50 | 0.84 | 0.01 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.23 | 0.34 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | | 2.38 | 3.12 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.36 | 0.48 | 1.19 | 2.80 | 5.50 | 0.88 | 0.00 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.19 | 0.32 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 26 | | 2.38 | 3.12 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.36 | 0.48 | 1.19 | 2.63 | 5.50 | 0.93 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.20 | 0.29 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 27 | | 2.51 | 2.99 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.38 | 0.50 | 1.26 | 3.03 | 5.50 | 1.06 | 0.10 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.20 | 0.26 |
| | 14.14 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | | 2.53 | 2.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.38 | 0.51 | 1.27 | 3.19 | 5.50 | 1.10 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.15 | 0.22 |
| | 14.77 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | | 5.50 | 0.00 | 0.00 | 3.11 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.82 | 1.10 | 2.75 | 2.98 | 0.00 | 0.91 | 0.00 | 0.00 | 2.76 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.06 |
| | 14.77 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D3 | | 5.03 | 0.00 | 0.47 | 2.64 | 0.22 | 0.00 | 0.00 | 0.49 | 0.22 | 0.75 | 1.01 | 2.51 | 2.71 | 0.00 | 0.79 | 0.00 | 0.00 | 2.14 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.00 |
| | 18.16 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30 | | 2.45 | 2.60 | 0.45 | 0.00 | 0.49 | 0.00 | 0.00 | 0.65 | 0.53 | 0.37 | 0.49 | 1.23 | 2.51 | 5.50 | 0.89 | 0.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 18.16 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | | 2.23 | 2.68 | 0.50 | 0.00 | 0.44 | 0.00 | 0.00 | 0.21 | 0.47 | 0.34 | 0.45 | 1.12 | 2.24 | 5.50 | 0.58 | 0.05 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.40 | 0.00 |
| | 19.50 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D4 | | 1.67 | 3.32 | 0.51 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.15 | 0.20 | 0.25 | 0.33 | 0.84 | 1.92 | 5.50 | 0.55 | 0.05 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 12.59 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 32 | | 1.31 | 3.28 | 0.91 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.30 | 0.23 | 0.20 | 0.26 | 0.66 | 1.55 | 5.50 | 0.39 | 0.00 | 0.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 12.59 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D5 | | 1.04 | 3.59 | 0.87 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.28 | 0.23 | 0.16 | 0.21 | 0.52 | 1.05 | 5.50 | 0.26 | 0.01 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 12.17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 33 | | 1.26 | 3.37 | 0.87 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.34 | 0.25 | 0.19 | 0.25 | 0.63 | 1.33 | 5.50 | 0.31 | 0.00 | 0.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 12.17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | | 2.18 | 3.32 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.28 | 0.23 | 0.33 | 0.44 | 1.09 | 1.49 | 5.50 | 0.35 | 0.04 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 2.65 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D6 | | 1.51 | 3.02 | 0.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.29 | 0.23 | 0.23 | 0.30 | 0.76 | 1.71 | 5.50 | 0.41 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 12.62 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | | 1.50 | 3.13 | 0.97 | 0.00 | 0.38 | 0.00 | 0.00 | 0.34 | 0.32 | 0.23 | 0.30 | 0.75 | 1.64 | 5.60 | 0.44 | 0.00 | 0.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.88 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | | 1.54 | 3.14 | 0.97 | 0.00 | 0.35 | 0.00 | 0.00 | 0.32 | 0.27 | 0.23 | 0.31 | 0.77 | 1.66 | 5.65 | 0.50 | 0.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.88 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D7 | | 1.64 | 3.14 | 0.97 | 0.00 | 0.38 | 0.00 | 0.00 | 0.29 | 0.21 | 0.25 | 0.33 | 0.82 | 1.65 | 5.75 | 0.57 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 10.86 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | | 4.60 | 0.00 | 0.97 | 3.03 | 0.39 | 0.00 | 0.00 | 0.40 | 0.20 | 0.69 | 0.92 | 2.30 | 1.31 | 0.00 | 0.61 | 0.00 | 0.00 | 2.31 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 10.86 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Khối lượng

| B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Vét bùn | Vét hữu cơ | Đánh cấp | Đào kênh | Đắp kênh | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Diện tích đất đắp K0.95 | Đào Thay đất | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường làm mới | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh | Đào tường chắn | Đắp tường chắn | Đắp lề | Hxcơi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 48.65 | 48.30 | 0.00 | 22.52 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 7.30 | 9.73 | 24.33 | 35.79 | 0.00 | 13.55 | 0.00 | 0.49 | 18.97 | 7.69 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 97.30 | 0.00 | 0.00 | 42.01 | 4.24 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 14.60 | 19.46 | 48.65 | 67.00 | 0.00 | 27.80 | 0.00 | 0.00 | 36.28 | 16.12 | 0.00 | 0.00 | 1.95 | 0.00 | 0.00 |
| 140.00 | 0.00 | 0.00 | 59.00 | 21.30 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 21.00 | 28.00 | 70.00 | 89.70 | 0.00 | 39.40 | 0.00 | 0.00 | 50.70 | 11.70 | 1.20 | 0.30 | 3.80 | 18.20 | 0.00 |
| 140.00 | 0.00 | 0.00 | 60.20 | 20.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 21.00 | 28.00 | 70.00 | 92.90 | 0.00 | 39.70 | 0.00 | 0.00 | 52.90 | 0.10 | 1.70 | 4.00 | 2.50 | 20.80 | 0.00 |
| 103.18 | 0.00 | 0.00 | 45.16 | 8.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.46 | 20.64 | 51.59 | 73.46 | 0.00 | 30.29 | 0.00 | 0.00 | 40.39 | 0.07 | 0.52 | 7.00 | 3.17 | 4.20 | 0.00 |
| 108.57 | 0.00 | 0.00 | 48.00 | 9.69 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.29 | 21.71 | 54.29 | 75.53 | 0.00 | 31.56 | 0.00 | 0.00 | 42.96 | 9.93 | 0.16 | 4.50 | 4.58 | 2.40 | 0.00 |
| 108.57 | 0.00 | 0.00 | 48.00 | 15.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.29 | 21.71 | 54.29 | 65.06 | 0.00 | 31.56 | 0.00 | 0.00 | 41.64 | 10.16 | 0.00 | 0.00 | 5.74 | 0.00 | 0.00 |
| 73.85 | 0.00 | 0.00 | 32.39 | 12.19 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.08 | 14.77 | 36.93 | 39.83 | 0.00 | 21.21 | 0.00 | 0.00 | 26.69 | 1.06 | 0.16 | 0.00 | 4.11 | 0.00 | 0.00 |
| 73.85 | 0.00 | 0.00 | 32.28 | 9.65 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.08 | 14.77 | 36.93 | 41.67 | 0.00 | 20.84 | 0.00 | 0.00 | 25.69 | 0.90 | 0.16 | 0.00 | 2.37 | 0.00 | 0.00 |
| 92.96 | 0.00 | 0.00 | 41.57 | 13.68 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.94 | 18.59 | 46.48 | 50.53 | 0.00 | 25.90 | 0.00 | 0.00 | 33.80 | 0.00 | 0.40 | 0.00 | 1.53 | 1.06 | 0.00 |
| 92.96 | 0.00 | 0.00 | 43.03 | 14.01 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.94 | 18.59 | 46.48 | 46.35 | 0.00 | 26.10 | 0.00 | 0.00 | 34.73 | 1.13 | 0.73 | 0.00 | 2.26 | 1.20 | 0.00 |
| 92.96 | 0.00 | 0.00 | 42.89 | 10.56 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.94 | 18.59 | 46.48 | 43.69 | 0.00 | 24.50 | 0.00 | 0.00 | 31.54 | 4.91 | 0.46 | 0.00 | 1.93 | 0.13 | 0.00 |
| 92.96 | 0.00 | 0.00 | 41.57 | 6.91 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.94 | 18.59 | 46.48 | 45.55 | 0.00 | 23.90 | 0.00 | 0.00 | 30.18 | 6.97 | 0.27 | 3.52 | 2.19 | 0.00 | 0.00 |
| 111.16 | 0.00 | 0.00 | 52.25 | 8.34 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.67 | 22.23 | 55.58 | 50.74 | 0.00 | 26.68 | 0.00 | 0.00 | 39.22 | 7.15 | 0.32 | 4.84 | 2.46 | 0.00 | 0.00 |
| 111.16 | 0.00 | 0.00 | 59.87 | 7.07 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.67 | 22.23 | 55.58 | 43.51 | 0.00 | 22.15 | 0.00 | 0.00 | 46.53 | 3.33 | 0.16 | 0.64 | 0.48 | 8.18 | 0.00 |
| 63.79 | 0.00 | 0.00 | 51.87 | 0.81 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.57 | 12.77 | 31.92 | 12.32 | 0.00 | 4.77 | 0.00 | 0.00 | 40.88 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.28 | 0.93 |
| 36.94 | 0.00 | 0.00 | 33.61 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.53 | 7.39 | 18.48 | 3.33 | 0.00 | 1.32 | 0.00 | 0.00 | 25.79 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.41 | 1.89 |
| 96.25 | 0.00 | 0.00 | 63.96 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 14.35 | 19.25 | 48.13 | 31.41 | 0.00 | 12.69 | 0.00 | 0.00 | 47.95 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.01 | 9.36 |
| 96.25 | 0.00 | 0.00 | 54.95 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 14.35 | 19.25 | 48.13 | 40.95 | 0.00 | 16.01 | 0.00 | 0.00 | 43.31 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.23 | 9.54 |
| 110.00 | 0.00 | 0.00 | 62.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.40 | 22.00 | 55.00 | 51.20 | 0.00 | 17.90 | 0.00 | 0.00 | 52.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.60 | 8.60 |
| 110.00 | 0.00 | 0.00 | 61.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.40 | 22.00 | 55.00 | 55.60 | 0.00 | 17.90 | 0.00 | 0.00 | 53.30 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.70 | 6.70 |
| 110.00 | 0.00 | 0.00 | 60.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.40 | 22.00 | 55.00 | 56.70 | 0.00 | 17.50 | 0.00 | 0.00 | 52.70 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.10 | 6.50 |
| 63.40 | 46.60 | 0.00 | 30.40 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.50 | 12.70 | 31.70 | 37.20 | 55.00 | 11.40 | 1.50 | 0.00 | 25.90 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.40 | 6.40 |
| 32.40 | 77.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.90 | 6.50 | 16.20 | 36.80 | 110.00 | 11.20 | 1.60 | 0.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.10 | 6.60 |
| 47.80 | 62.20 | 0.00 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 7.20 | 9.60 | 23.90 | 55.10 | 110.00 | 17.20 | 0.10 | 0.40 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.20 | 6.60 |
| 47.60 | 62.40 | 0.00 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 7.20 | 9.60 | 23.80 | 56.30 | 110.00 | 18.10 | 0.30 | 0.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.90 | 6.10 |
| 48.90 | 61.10 | 0.00 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 7.60 | 9.80 | 24.50 | 56.60 | 110.00 | 19.90 | 1.30 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.00 | 5.40 |
| 35.63 | 42.14 | 0.00 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.37 | 7.14 | 17.80 | 43.98 | 77.77 | 15.27 | 0.92 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.47 | 3.32 |
| 59.30 | 21.93 | 0.00 | 22.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 8.06 | 11.89 | 29.69 | 45.57 | 40.62 | 14.84 | 0.23 | 0.00 | 19.94 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.55 | 2.22 |
| 77.76 | 0.00 | 3.47 | 42.46 | 1.62 | 0.00 | 0.00 | 3.62 | 1.62 | 11.59 | 15.58 | 38.85 | 42.02 | 0.00 | 12.55 | 0.00 | 0.00 | 35.74 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.59 | 0.59 |
| 67.92 | 23.61 | 8.35 | 23.97 | 6.45 | 0.00 | 0.00 | 4.90 | 6.81 | 10.17 | 13.62 | 33.96 | 47.40 | 49.94 | 15.25 | 0.36 | 0.00 | 19.43 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.18 | 0.00 |
| 42.49 | 47.94 | 8.44 | 0.60 | 8.44 | 0.00 | 0.00 | 2.36 | 9.08 | 6.45 | 8.54 | 21.34 | 43.13 | 99.88 | 13.35 | 0.82 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.63 | 0.00 |
| 38.03 | 58.50 | 10.73 | 0.60 | 4.29 | 0.00 | 0.00 | 13.26 | 6.53 | 5.75 | 7.61 | 19.11 | 40.56 | 107.25 | 11.02 | 0.98 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.90 | 0.00 |
| 18.76 | 41.55 | 8.94 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.42 | 2.71 | 2.83 | 3.71 | 9.44 | 21.84 | 69.25 | 6.92 | 0.31 | 0.25 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 14.79 | 43.25 | 11.21 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.12 | 2.90 | 2.27 | 2.96 | 7.43 | 16.37 | 69.25 | 4.08 | 0.05 | 0.38 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 14.00 | 42.35 | 10.59 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.62 | 2.92 | 2.13 | 2.80 | 7.00 | 14.48 | 66.94 | 3.47 | 0.05 | 0.37 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 20.93 | 40.71 | 5.29 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.94 | 2.92 | 3.18 | 4.20 | 10.47 | 17.10 | 66.94 | 4.02 | 0.24 | 0.30 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 4.96 | 8.53 | 1.30 | 0.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.46 | 0.62 | 0.75 | 1.00 | 2.48 | 4.29 | 14.60 | 1.02 | 0.09 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 18.84 | 38.50 | 12.84 | 0.60 | 3.38 | 0.00 | 0.00 | 10.20 | 3.44 | 2.88 | 3.76 | 9.45 | 20.97 | 69.49 | 5.32 | 0.19 | 0.25 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 21.10 | 43.51 | 13.46 | 0.60 | 5.07 | 0.00 | 0.00 | 4.58 | 4.09 | 3.19 | 4.23 | 10.55 | 22.90 | 78.08 | 6.52 | 0.28 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 22.07 | 43.58 | 13.46 | 0.60 | 5.07 | 0.00 | 0.00 | 4.23 | 3.33 | 3.33 | 4.44 | 11.03 | 22.97 | 79.12 | 7.40 | 0.49 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 33.86 | 17.05 | 10.53 | 16.45 | 4.18 | 0.00 | 0.00 | 3.75 | 2.23 | 5.10 | 6.79 | 16.94 | 16.07 | 31.22 | 6.41 | 0.16 | 0.00 | 12.54 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 51.04 | 0.00 | 10.53 | 16.45 | 2.12 | 0.00 | 0.00 | 7.49 | 1.90 | 7.66 | 10.21 | 25.52 | 36.38 | 0.00 | 14.93 | 0.00 | 0.00 | 12.54 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI — BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | BẢNG KHỐI LƯỢNG XUẤT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:1000 | SỐ HIỆU: T4-KL-01 |
| 2 | | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT — M.S.D.N: 0102517412 — KIM ANH - TP. HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 943/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

Bảng tổng hợp khối lượng : Tuyến 4

Diện tích

| Tên cọc | K Cách lẻ | B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Vét bùn | Vét hữu cơ | Đánh cấp | Đào kênh | Đắp kênh | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Diện tích đất đắp K0.95 | Đào Thay đất | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường làm mới | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh | Đào tường chắn | Đắp tường chắn | Đắp lề | Hcơi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| D8 | | 4.80 | 0.00 | 0.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.98 | 0.15 | 0.72 | 0.96 | 2.40 | 5.39 | 0.00 | 2.14 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.14 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | | 5.23 | 0.00 | 0.97 | 0.00 | 0.59 | 0.00 | 0.00 | 0.19 | 0.40 | 0.78 | 1.05 | 2.62 | 5.26 | 0.00 | 2.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.14 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | | 5.48 | 0.00 | 0.97 | 0.00 | 0.52 | 0.00 | 0.00 | 0.15 | 0.37 | 0.82 | 1.10 | 2.74 | 5.47 | 0.00 | 3.07 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 4.59 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D9 | | 7.35 | 0.00 | 0.97 | 0.00 | 0.87 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.12 | 1.10 | 1.47 | 3.68 | 7.31 | 0.00 | 4.19 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 5.03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 40 | | 6.24 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.35 | 1.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.94 | 1.25 | 3.12 | 3.03 | 0.00 | 3.24 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.04 | 0.03 | 0.00 | 0.00 |
| | 15.14 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 41 | | 5.27 | 0.00 | 0.97 | 0.00 | 0.47 | 1.16 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.79 | 1.05 | 2.64 | 2.72 | 0.00 | 2.43 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.17 | 0.08 | 0.03 | 0.03 | 0.35 | 0.00 |
| | 15.14 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 42 | | 5.27 | 0.00 | 0.97 | 0.00 | 0.49 | 1.12 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.79 | 1.05 | 2.64 | 2.87 | 0.00 | 2.12 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.12 | 0.11 | 0.05 | 0.04 | 0.33 | 0.00 |
| | 17.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D10 | | 5.27 | 0.00 | 0.97 | 0.00 | 0.15 | 1.47 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.79 | 1.05 | 2.64 | 2.54 | 0.00 | 1.75 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.27 | 0.09 | 0.09 | 0.05 | 0.00 | 0.00 |
| | 19.60 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D11 | | 5.27 | 0.00 | 0.97 | 0.00 | 0.15 | 1.46 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.79 | 1.05 | 2.64 | 2.42 | 0.00 | 1.36 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.24 | 0.12 | 0.11 | 0.06 | 0.00 | 0.00 |
| | 16.20 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 43 | | 7.46 | 0.00 | 2.45 | 0.00 | 1.67 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.12 | 1.49 | 3.73 | 6.51 | 0.00 | 1.67 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 3.89 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 44 | | 4.08 | 0.00 | 1.94 | 0.00 | 0.42 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.61 | 0.82 | 2.04 | 3.71 | 0.00 | 0.81 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.83 | 0.23 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 15.07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 45 | | 3.86 | 0.00 | 1.84 | 0.00 | 0.50 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.55 | 0.73 | 1.83 | 3.37 | 0.00 | 0.89 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.11 | 0.29 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 5.53 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 46 | | 7.79 | 0.00 | 0.97 | 7.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.17 | 1.56 | 3.89 | 0.79 | 0.00 | 0.15 | 0.00 | 0.00 | 5.81 | 1.04 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 7.40 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 47 | | 5.06 | 0.00 | 0.97 | 5.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.76 | 1.01 | 2.53 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.84 | 0.97 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 12.71 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 48 | | 4.83 | 0.00 | 0.97 | 2.98 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 0.97 | 2.41 | 2.01 | 0.00 | 0.44 | 0.00 | 0.00 | 2.62 | 1.09 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.09 |
| | 12.71 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D14 | | 2.30 | 2.60 | 0.97 | 1.27 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.34 | 0.46 | 1.16 | 2.15 | 5.87 | 0.51 | 0.05 | 0.00 | 0.28 | 1.04 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.11 |
| | 13.97 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 49 | | 2.25 | 2.80 | 0.97 | 1.27 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.34 | 0.45 | 1.12 | 1.62 | 5.62 | 0.38 | 0.11 | 0.00 | 0.25 | 1.02 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.04 | 0.28 |
| | 16.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 50 | | 2.02 | 2.98 | 0.97 | 1.27 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.30 | 0.40 | 1.01 | 1.57 | 5.97 | 0.21 | 0.11 | 0.00 | 0.25 | 1.04 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.14 |
| | 16.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D15 | | 1.79 | 3.07 | 0.97 | 1.17 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.27 | 0.36 | 0.90 | 1.49 | 5.83 | 0.20 | 0.02 | 0.01 | 0.26 | 1.04 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.08 | 0.15 |
| | 15.68 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 51 | | 2.07 | 3.26 | 0.97 | 1.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.31 | 0.41 | 1.03 | 1.49 | 6.29 | 0.22 | 0.11 | 0.00 | 0.41 | 0.99 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.14 |
| | 15.68 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 52 | | 1.93 | 3.26 | 0.97 | 1.27 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.29 | 0.39 | 0.97 | 1.61 | 6.16 | 0.31 | 0.00 | 0.04 | 0.27 | 1.05 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.11 | 0.20 |
| | 15.68 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 53 | | 1.97 | 3.26 | 0.97 | 1.27 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.30 | 0.39 | 0.98 | 1.76 | 6.22 | 0.39 | 0.01 | 0.02 | 0.26 | 1.05 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.10 | 0.16 |
| | 15.68 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D16 | | 4.84 | 0.00 | 0.97 | 3.14 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 0.97 | 2.42 | 1.82 | 0.00 | 0.46 | 0.00 | 0.00 | 2.57 | 1.03 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.11 | 0.15 |
| | 15.38 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 54 | | 4.85 | 0.00 | 0.97 | 3.10 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 0.97 | 2.42 | 1.96 | 0.00 | 0.56 | 0.00 | 0.00 | 2.44 | 1.08 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.10 | 0.16 |
| | 15.38 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D17 | | 4.84 | 0.00 | 0.97 | 3.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 0.97 | 2.42 | 2.09 | 0.00 | 0.66 | 0.00 | 0.00 | 2.22 | 1.02 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.10 | 0.14 |
| | 17.25 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 55 | | 4.81 | 0.00 | 0.97 | 3.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 0.96 | 2.41 | 1.86 | 0.00 | 0.55 | 0.00 | 0.00 | 2.32 | 0.97 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.15 |
| | 17.25 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D18 | | 4.89 | 0.00 | 0.97 | 3.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 0.98 | 2.45 | 1.86 | 0.00 | 0.52 | 0.00 | 0.00 | 2.35 | 1.03 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.18 |
| | 15.41 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 56 | | 5.05 | 0.00 | 0.97 | 3.07 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.76 | 1.01 | 2.53 | 2.07 | 0.00 | 0.40 | 0.00 | 0.00 | 2.32 | 0.87 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.08 |
| | 15.41 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D19 | | 1.85 | 2.86 | 0.97 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.30 | 0.40 | 0.99 | 1.84 | 5.81 | 0.42 | 0.01 | 0.01 | 0.28 | 1.10 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.08 |
| | 15.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 57 | | 2.12 | 2.82 | 0.97 | 0.30 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.32 | 0.42 | 1.06 | 1.87 | 5.91 | 0.37 | 0.04 | 0.01 | 0.28 | 1.08 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.00 |
| | 15.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D20 | | 1.82 | 3.19 | 0.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.27 | 0.36 | 0.91 | 1.25 | 5.98 | 0.18 | 0.05 | 0.03 | 0.51 | 1.11 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.08 |
| | 15.68 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D21 | | 1.89 | 2.86 | 0.97 | 1.48 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.28 | 0.38 | 0.96 | 1.30 | 5.82 | 0.14 | 0.10 | 0.00 | 0.44 | 1.05 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.00 |
| | 15.40 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 58 | | 5.76 | 0.00 | 0.97 | 3.50 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.88 | 1.15 | 2.88 | 2.93 | 0.00 | 0.31 | 0.05 | 0.00 | 2.35 | 1.13 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.19 |
| | 15.92 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 59 | | 5.35 | 0.00 | 0.97 | 2.87 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.80 | 1.07 | 2.67 | 3.04 | 0.00 | 0.32 | 0.00 | 0.00 | 1.72 | 1.12 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.22 |
| | 15.92 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D22 | | 4.85 | 0.00 | 0.97 | 2.41 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 0.97 | 2.42 | 2.83 | 0.00 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 1.27 | 1.09 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.28 |
| | 14.82 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 60 | | 4.83 | 0.00 | 0.97 | 2.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 0.97 | 2.42 | 2.77 | 0.00 | 0.24 | 0.00 | 0.00 | 1.43 | 1.12 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.01 | 0.22 |
| | 14.82 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 61 | | 4.70 | 0.00 | 0.97 | 2.50 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.70 | 0.94 | 2.35 | 2.66 | 0.00 | 0.25 | 0.00 | 0.00 | 1.40 | 1.13 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.25 |
| | 13.90 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D23 | | 4.84 | 0.00 | 0.97 | 2.75 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 0.97 | 2.42 | 2.72 | 0.00 | 0.26 | 0.00 | 0.00 | 1.70 | 1.19 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.21 |
| | 13.05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 62 | | 4.81 | 0.00 | 0.97 | 2.70 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 0.96 | 2.41 | 2.56 | 0.00 | 0.26 | 0.00 | 0.00 | 1.42 | 1.04 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.18 |
| | 13.05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 63 | | 5.34 | 0.00 | 0.97 | 3.01 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.80 | 1.07 | 2.67 | 2.91 | 0.00 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 1.77 | 1.07 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.14 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 64 | | 5.96 | 0.00 | 0.97 | 3.18 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.89 | 1.19 | 2.98 | 3.64 | 0.00 | 0.65 | 0.00 | 0.00 | 1.99 | 1.11 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.11 | 0.16 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 65 | | 5.29 | 0.00 | 0.97 | 2.88 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.79 | 1.06 | 2.65 | 3.59 | 0.00 | 0.89 | 0.00 | 0.00 | 1.63 | 1.05 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.15 | 0.15 |
| | 20.29 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Khối lượng

| B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Vét bùn | Vét hữu cơ | Đánh cấp | Đào kênh | Đắp kênh | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Diện tích đất đắp K0.95 | Đào Thay đất | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường làm mới | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh | Đào tường chắn | Đắp tường chắn | Đắp lề | Hcơi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 65.90 | 0.00 | 12.75 | 0.00 | 3.88 | 0.00 | 0.00 | 7.69 | 3.61 | 9.85 | 13.21 | 32.93 | 69.97 | 0.00 | 31.14 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 70.38 | 0.00 | 12.75 | 0.00 | 7.29 | 0.00 | 0.00 | 2.23 | 5.06 | 10.61 | 14.13 | 35.22 | 70.50 | 0.00 | 37.25 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 30.11 | 0.00 | 4.55 | 0.00 | 3.26 | 0.00 | 0.00 | 0.35 | 3.49 | 4.50 | 6.03 | 15.05 | 29.97 | 0.00 | 17.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 34.20 | 0.00 | 2.44 | 0.00 | 3.07 | 3.65 | 0.00 | 0.00 | 2.82 | 5.13 | 6.54 | 17.10 | 26.01 | 0.00 | 18.69 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.10 | 0.08 | 0.00 | 0.00 |
| 87.13 | 0.00 | 7.34 | 0.00 | 6.21 | 19.76 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.10 | 17.41 | 43.60 | 43.53 | 0.00 | 42.92 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.29 | 0.61 | 0.53 | 0.45 | 2.65 | 0.00 |
| 79.79 | 0.00 | 14.69 | 0.00 | 7.27 | 17.26 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.96 | 15.99 | 39.97 | 42.32 | 0.00 | 34.44 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.20 | 1.44 | 0.66 | 0.53 | 5.15 | 0.00 |
| 91.17 | 0.00 | 16.78 | 0.00 | 5.54 | 22.40 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.67 | 18.17 | 45.67 | 46.80 | 0.00 | 33.48 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.37 | 1.73 | 1.30 | 0.78 | 2.85 | 0.00 |
| 103.29 | 0.00 | 19.01 | 0.00 | 2.94 | 28.71 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.48 | 20.58 | 51.74 | 49.81 | 0.00 | 30.48 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.00 | 2.06 | 1.96 | 1.08 | 0.00 | 0.00 |
| 103.11 | 0.00 | 27.70 | 0.00 | 14.74 | 11.83 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.47 | 20.57 | 51.60 | 64.23 | 0.00 | 24.54 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.94 | 9.23 | 0.89 | 0.49 | 0.00 | 0.00 |
| 22.45 | 0.00 | 8.54 | 0.00 | 4.07 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.36 | 4.49 | 11.22 | 17.93 | 0.00 | 4.82 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.61 | 2.43 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 58.32 | 0.00 | 29.24 | 0.00 | 6.93 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 8.74 | 11.68 | 29.16 | 53.35 | 0.00 | 12.81 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 14.62 | 3.92 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 31.86 | 0.00 | 6.06 | 19.47 | 1.38 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.76 | 6.33 | 15.82 | 11.50 | 0.00 | 2.88 | 0.00 | 0.00 | 16.06 | 5.94 | 0.80 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 47.55 | 0.00 | 7.18 | 49.38 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 7.14 | 9.51 | 23.75 | 2.92 | 0.00 | 0.56 | 0.00 | 0.00 | 35.71 | 7.44 | 0.07 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 62.85 | 0.00 | 12.33 | 57.25 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.41 | 12.58 | 31.39 | 12.77 | 0.00 | 2.80 | 0.00 | 0.00 | 41.05 | 13.09 | 0.25 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.57 |
| 45.31 | 16.52 | 12.33 | 27.01 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 6.74 | 9.09 | 22.62 | 25.44 | 37.30 | 6.64 | 0.32 | 0.00 | 18.30 | 13.54 | 0.25 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.27 |
| 31.78 | 38.32 | 13.55 | 17.74 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.75 | 6.36 | 15.85 | 27.73 | 81.65 | 6.22 | 1.12 | 0.00 | 3.55 | 14.39 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 0.28 | 2.58 |
| 34.60 | 45.48 | 16.81 | 20.70 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.22 | 6.93 | 17.36 | 27.63 | 95.09 | 4.81 | 1.79 | 0.00 | 4.08 | 16.78 | 0.33 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 3.26 |
| 31.05 | 40.31 | 15.81 | 19.89 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.65 | 6.19 | 15.57 | 24.21 | 96.17 | 3.34 | 1.06 | 0.08 | 4.18 | 16.95 | 0.24 | 0.00 | 0.00 | 1.06 | 2.36 |
| 30.26 | 49.55 | 15.21 | 20.54 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.59 | 6.04 | 15.13 | 22.66 | 95.62 | 3.29 | 1.02 | 0.08 | 5.25 | 16.92 | 0.16 | 0.00 | 0.00 | 1.18 | 2.27 |
| 31.36 | 51.04 | 15.21 | 21.32 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.70 | 6.27 | 15.68 | 24.30 | 97.61 | 4.16 | 0.88 | 0.31 | 5.33 | 15.89 | 0.16 | 0.00 | 0.00 | 1.41 | 2.67 |
| 30.58 | 51.27 | 15.21 | 19.91 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.63 | 6.12 | 15.37 | 26.34 | 97.06 | 5.49 | 0.08 | 0.47 | 4.18 | 16.46 | 0.16 | 0.00 | 0.00 | 1.65 | 2.82 |
| 53.39 | 26.72 | 15.21 | 34.57 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 8.08 | 10.66 | 26.73 | 27.99 | 48.76 | 6.66 | 0.08 | 0.16 | 22.19 | 16.31 | 0.16 | 0.00 | 0.00 | 1.65 | 2.43 |
| 74.42 | 0.00 | 14.90 | 47.92 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.21 | 14.90 | 37.17 | 29.03 | 0.00 | 7.83 | 0.00 | 0.00 | 38.48 | 16.05 | 0.23 | 0.00 | 0.00 | 1.61 | 2.36 |
| 74.42 | 0.00 | 14.90 | 46.85 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.21 | 14.90 | 37.17 | 31.10 | 0.00 | 9.37 | 0.00 | 0.00 | 35.79 | 15.97 | 0.31 | 0.00 | 0.00 | 1.54 | 2.30 |
| 83.23 | 0.00 | 16.73 | 51.75 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.51 | 16.65 | 41.66 | 34.07 | 0.00 | 10.44 | 0.00 | 0.00 | 39.18 | 17.16 | 0.35 | 0.00 | 0.00 | 1.47 | 2.50 |
| 83.68 | 0.00 | 16.73 | 51.92 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.51 | 16.73 | 41.82 | 32.00 | 0.00 | 9.23 | 0.00 | 0.00 | 40.28 | 17.25 | 0.35 | 0.00 | 0.00 | 1.12 | 2.67 |
| 76.59 | 0.00 | 14.95 | 46.92 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.48 | 15.33 | 38.37 | 30.28 | 0.00 | 7.09 | 0.00 | 0.00 | 35.98 | 14.64 | 0.15 | 0.00 | 0.00 | 0.85 | 1.85 |
| 54.17 | 22.04 | 14.95 | 25.66 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 8.17 | 10.86 | 27.12 | 30.13 | 44.77 | 6.32 | 0.08 | 0.08 | 19.88 | 15.18 | 0.15 | 0.00 | 0.00 | 0.85 | 1.23 |
| 32.39 | 44.87 | 16.33 | 4.42 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.90 | 6.48 | 16.20 | 29.31 | 92.58 | 5.94 | 0.40 | 0.16 | 4.11 | 17.22 | 0.32 | 0.00 | 0.00 | 0.87 | 0.63 |
| 31.13 | 47.48 | 16.33 | 2.37 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.66 | 6.16 | 15.56 | 24.65 | 93.93 | 4.35 | 0.40 | 0.52 | 6.00 | 17.30 | 0.32 | 0.00 | 0.00 | 0.55 | 0.83 |
| 29.09 | 48.22 | 15.21 | 11.50 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.31 | 5.80 | 14.58 | 19.99 | 92.51 | 2.51 | 0.86 | 0.24 | 7.45 | 16.93 | 0.31 | 0.00 | 0.00 | 0.31 | 0.63 |
| 69.21 | 22.91 | 15.02 | 38.55 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 8.82 | 11.84 | 29.54 | 32.74 | 45.05 | 3.54 | 0.77 | 0.00 | 21.59 | 16.67 | 0.39 | 0.00 | 0.00 | 0.39 | 1.47 |
| 80.44 | 0.00 | 15.44 | 50.71 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.21 | 17.67 | 44.18 | 47.52 | 0.00 | 5.17 | 0.00 | 0.00 | 32.40 | 17.91 | 0.40 | 0.00 | 0.00 | 0.49 | 3.26 |
| 81.19 | 0.00 | 15.44 | 42.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.18 | 16.24 | 40.52 | 46.73 | 0.00 | 4.78 | 0.00 | 0.00 | 23.80 | 17.59 | 0.32 | 0.00 | 0.00 | 0.18 | 3.98 |
| 71.73 | 0.00 | 14.38 | 36.53 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 10.74 | 14.34 | 35.86 | 41.50 | 0.00 | 3.85 | 0.00 | 0.00 | 20.01 | 16.38 | 0.30 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 3.71 |
| 70.62 | 0.00 | 14.38 | 37.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 10.52 | 14.16 | 35.35 | 40.24 | 0.00 | 3.63 | 0.00 | 0.00 | 20.97 | 15.67 | 0.30 | 0.00 | 0.00 | 0.22 | 3.46 |
| 66.39 | 0.00 | 13.48 | 36.48 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.94 | 13.27 | 33.15 | 37.39 | 0.00 | 3.54 | 0.00 | 0.00 | 21.56 | 16.12 | 0.35 | 0.00 | 0.00 | 0.28 | 3.20 |
| 62.97 | 0.00 | 12.66 | 35.56 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.46 | 12.59 | 31.52 | 34.45 | 0.00 | 3.39 | 0.00 | 0.00 | 20.30 | 14.55 | 0.33 | 0.00 | 0.00 | 0.46 | 2.61 |
| 66.23 | 0.00 | 12.66 | 37.26 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.02 | 13.25 | 33.15 | 35.69 | 0.00 | 3.52 | 0.00 | 0.00 | 20.81 | 13.77 | 0.26 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 2.15 |
| 113.09 | 0.00 | 19.40 | 61.90 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.90 | 22.60 | 56.50 | 65.50 | 0.00 | 9.30 | 0.00 | 0.00 | 37.60 | 21.60 | 0.50 | 0.00 | 0.00 | 1.70 | 3.00 |
| 112.58 | 0.00 | 19.40 | 60.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.80 | 22.50 | 56.30 | 71.70 | 0.00 | 15.40 | 0.00 | 0.00 | 38.20 | 21.70 | 0.50 | 0.00 | 0.00 | 2.60 | 3.10 |
| 103.38 | 0.00 | 19.66 | 58.33 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.52 | 20.79 | 51.74 | 71.42 | 0.00 | 19.88 | 0.00 | 0.00 | 33.28 | 21.61 | 0.41 | 0.00 | 0.00 | 2.23 | 1.52 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 82/TĐ KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | BẢNG KHỐI LƯỢNG XUẤT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI<br>ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:1000 / SỐ HIỆU: T4-KL-02 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

Bảng tổng hợp khối lượng : Tuyến 4

| Tên cọc | K.Cách lẻ | Diện tích: B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Vét bùn | Vét hữu cơ | Đánh cấp | Đào kênh | Đắp kênh | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Diện tích đất đắp K0.95 | Đào Thay đất | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường làm mới | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh | Đào tường chắn | Đắp tường chắn | Đắp lề | Hcoi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| D24 | | 4.90 | 0.00 | 0.97 | 2.87 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.74 | 0.98 | 2.45 | 3.51 | 0.00 | 1.05 | 0.00 | 0.00 | 1.65 | 1.09 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.00 |
| | 19.71 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 66 | | 5.71 | 0.00 | 0.97 | 3.70 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.86 | 1.14 | 2.86 | 3.26 | 0.00 | 0.84 | 0.00 | 0.00 | 2.38 | 1.08 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.11 | 0.00 |
| | 16.26 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 67 | | 5.11 | 0.00 | 0.97 | 3.15 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.77 | 1.02 | 2.55 | 2.98 | 0.00 | 0.62 | 0.00 | 0.00 | 1.66 | 1.08 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.09 | 0.00 |
| | 16.26 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D25 | | 4.64 | 0.00 | 0.97 | 2.59 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.70 | 0.93 | 2.32 | 2.83 | 0.00 | 0.42 | 0.00 | 0.00 | 1.61 | 1.13 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.00 |
| | 14.85 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 68 | | 4.66 | 0.00 | 0.97 | 2.65 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.70 | 0.93 | 2.33 | 2.70 | 0.00 | 0.26 | 0.00 | 0.00 | 1.36 | 1.03 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.00 |
| | 16.32 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 69 | | 4.69 | 0.00 | 0.97 | 2.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.70 | 0.94 | 2.34 | 2.24 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.88 | 1.08 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.00 |
| | 16.32 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 70 | | 4.71 | 0.00 | 0.97 | 2.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.71 | 0.94 | 2.35 | 2.08 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.95 | 1.08 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.00 |
| | 13.04 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 71 | | 4.73 | 0.00 | 0.97 | 2.61 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.71 | 0.95 | 2.36 | 2.05 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.89 | 1.05 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.00 |
| | 13.04 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D26 | | 4.78 | 0.00 | 0.97 | 2.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 0.96 | 2.39 | 1.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.32 | 1.05 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.00 |
| | 6.86 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D27 | | 4.92 | 0.00 | 0.97 | 2.75 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.74 | 0.98 | 2.46 | 1.64 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.50 | 1.03 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.00 |
| | 19.42 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D28 | | 4.82 | 0.00 | 0.97 | 2.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 0.96 | 2.41 | 1.64 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.28 | 1.02 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.04 | 0.00 |
| | 5.17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D29 | | 4.86 | 0.00 | 0.97 | 2.78 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 0.97 | 2.43 | 1.66 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.61 | 1.16 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.00 |
| | 3.55 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D30 | | 4.70 | 0.00 | 0.97 | 2.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.70 | 0.94 | 2.35 | 1.72 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.28 | 1.07 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.00 |
| | 13.77 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D31 | | 4.82 | 0.00 | 0.97 | 2.58 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.72 | 0.96 | 2.41 | 1.64 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.30 | 1.08 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.00 |
| | 11.32 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 72 | | 5.04 | 0.00 | 0.97 | 2.49 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.76 | 1.01 | 2.52 | 1.54 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.19 | 0.96 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.12 | 0.00 |
| | 11.32 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D32 | | 5.76 | 0.00 | 0.00 | 5.76 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.86 | 1.15 | 2.88 | 0.00 | 5.76 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.90 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 6.87 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D33 | | 0.21 | 5.43 | 0.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.04 | 0.11 | 0.00 | 6.61 | 0.00 | 0.08 | 0.07 | 0.19 | 1.00 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 10.75 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D34 | | 0.60 | 1.64 | 1.94 | 1.51 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.09 | 0.12 | 0.30 | 0.00 | 4.18 | 0.00 | 0.08 | 0.00 | 0.49 | 1.99 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.08 | 0.00 |
| | 12.45 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 73 | | 0.60 | 2.35 | 1.94 | 0.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.09 | 0.12 | 0.30 | 0.00 | 4.89 | 0.00 | 0.05 | 0.00 | 0.50 | 2.03 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 12.45 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 74 | | 0.98 | 2.69 | 1.94 | 0.30 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.15 | 0.20 | 0.49 | 0.82 | 5.61 | 0.03 | 0.06 | 0.00 | 0.00 | 1.87 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 14.17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 75 | | 1.46 | 2.10 | 1.94 | 0.62 | 0.68 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.22 | 0.29 | 0.73 | 1.21 | 5.90 | 0.12 | 0.10 | 0.00 | 0.00 | 1.24 | 0.15 | 0.00 | 0.00 | 0.99 | 0.00 |
| | 14.17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D35 | | 2.14 | 2.18 | 1.94 | 0.91 | 0.55 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.32 | 0.43 | 1.07 | 1.69 | 6.24 | 0.29 | 0.00 | 0.02 | 0.00 | 1.05 | 0.33 | 0.00 | 0.00 | 0.15 | 0.00 |
| | 5.08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D36 | | 2.78 | 3.82 | 1.94 | 0.00 | 0.72 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.42 | 0.56 | 1.39 | 2.29 | 7.74 | 0.49 | 0.04 | 0.00 | 0.00 | 1.10 | 0.32 | 0.00 | 0.00 | 0.41 | 0.00 |
| | 13.51 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 76 | | 1.39 | 3.22 | 0.97 | 0.00 | 0.51 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.21 | 0.28 | 0.69 | 0.04 | 5.58 | 0.03 | 0.11 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.25 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.00 |
| | 13.53 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 77 | | 1.67 | 3.10 | 0.97 | 0.00 | 0.47 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.25 | 0.33 | 0.84 | 1.10 | 6.74 | 0.16 | 0.01 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.34 | 0.00 | 0.00 | 0.20 | 0.00 |
| | 14.36 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 78 | | 1.94 | 2.85 | 0.97 | 0.00 | 0.30 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.29 | 0.39 | 0.97 | 1.50 | 5.86 | 0.23 | 0.10 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.38 | 0.00 | 0.00 | 0.09 | 0.00 |
| | 15.73 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 79 | | 2.20 | 2.55 | 0.97 | 0.00 | 0.32 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.33 | 0.44 | 1.10 | 2.09 | 6.12 | 0.32 | 0.01 | 0.01 | 0.00 | 0.13 | 0.25 | 0.00 | 0.00 | 0.04 | 0.00 |
| | 15.73 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 80 | | 2.45 | 3.12 | 0.97 | 0.00 | 0.43 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.37 | 0.49 | 1.22 | 2.24 | 6.64 | 0.41 | 0.13 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.42 | 0.00 | 0.00 | 0.02 | 0.00 |
| | 6.08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D37 | | 3.18 | 6.17 | 0.97 | 0.00 | 0.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.48 | 0.64 | 1.59 | 2.85 | 10.32 | 0.56 | 0.01 | 0.04 | 0.00 | 0.01 | 0.42 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 7.12 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 82 | | 2.57 | 3.02 | 0.97 | 0.00 | 0.27 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.40 | 0.53 | 1.33 | 2.08 | 6.66 | 0.18 | 0.12 | 0.00 | 0.00 | 0.14 | 0.23 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.00 |
| | 10.49 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 83 | | 2.55 | 3.05 | 0.97 | 0.00 | 0.38 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.38 | 0.51 | 1.27 | 1.85 | 6.57 | 0.04 | 0.12 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.37 | 0.00 | 0.00 | 0.04 | 0.00 |
| | 10.49 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 84 | | 2.46 | 3.04 | 0.97 | 0.00 | 0.52 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.37 | 0.49 | 1.23 | 1.68 | 6.47 | 0.05 | 0.00 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.49 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.00 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 85 | | 2.26 | 3.02 | 0.97 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.34 | 0.45 | 1.13 | 1.66 | 6.25 | 0.00 | 0.06 | 0.00 | 0.09 | 0.41 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.00 |
| | 20.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 86 | | 2.65 | 3.07 | 0.97 | 0.00 | 0.29 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.31 | 0.41 | 1.03 | 1.45 | 6.09 | 0.00 | 0.04 | 0.00 | 0.12 | 0.22 | 0.10 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.00 |
| | 16.05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 87 | | 2.81 | 2.52 | 0.97 | 0.00 | 0.38 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.30 | 0.40 | 1.01 | 1.39 | 5.90 | 0.00 | 0.03 | 0.00 | 0.18 | 0.11 | 0.16 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.00 |
| | 16.05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D38 | | 2.17 | 3.16 | 0.97 | 0.00 | 0.44 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.33 | 0.43 | 1.08 | 1.47 | 6.20 | 0.00 | 0.00 | 0.04 | 0.22 | 0.02 | 0.31 | 0.00 | 0.00 | 0.01 | 0.00 |
| | 7.79 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D39 | | 2.01 | 3.06 | 0.97 | 0.00 | 0.54 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.30 | 0.40 | 1.00 | 1.17 | 6.04 | 0.00 | 0.09 | 0.00 | 0.19 | 0.09 | 0.25 | 0.00 | 0.00 | 0.60 | 0.00 |
| | 14.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 88 | | 2.40 | 3.09 | 0.97 | 0.00 | 0.43 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.31 | 0.42 | 1.04 | 1.26 | 6.14 | 0.00 | 0.09 | 0.00 | 0.17 | 0.05 | 0.34 | 0.00 | 0.00 | 0.36 | 0.00 |
| | 14.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 89 | | 2.27 | 3.01 | 0.97 | 0.00 | 0.46 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.34 | 0.45 | 1.14 | 1.42 | 6.25 | 0.00 | 0.05 | 0.00 | 0.16 | 0.03 | 0.38 | 0.00 | 0.00 | 0.29 | 0.00 |
| | 14.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 90 | | 2.37 | 3.01 | 0.97 | 0.00 | 0.70 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.36 | 0.47 | 1.18 | 1.33 | 6.35 | 0.16 | 0.01 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.51 | 0.00 | 0.00 | 0.35 | 0.00 |
| | 14.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D40 | | 2.53 | 2.65 | 0.97 | 0.00 | 0.80 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.38 | 0.51 | 1.27 | 1.06 | 6.45 | 0.35 | 0.05 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.43 | 0.00 | 0.00 | 0.07 | 0.00 |
| | 9.74 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D41 | | 1.77 | 3.73 | 0.97 | 0.00 | 0.46 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.27 | 0.35 | 0.89 | 1.29 | 6.47 | 0.04 | 0.01 | 0.02 | 0.00 | 0.02 | 0.44 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 13.17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 91 | | 2.55 | 3.05 | 0.97 | 0.00 | 0.51 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.38 | 0.51 | 1.27 | 1.88 | 6.57 | 0.27 | 0.06 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.46 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.00 |
| | 17.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 92 | | 2.57 | 3.09 | 0.97 | 0.00 | 0.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.39 | 0.51 | 1.29 | 1.96 | 6.63 | 0.29 | 0.09 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.33 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.00 |
| | 17.30 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D42 | | 5.72 | 0.00 | 0.97 | 3.64 | 0.52 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.86 | 1.14 | 2.86 | 1.90 | 0.00 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 3.40 | 0.00 | 0.47 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.00 |
| | 8.13 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D43 | | 4.53 | 0.00 | 0.97 | 2.77 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.68 | 0.91 | 2.27 | 1.43 | 0.00 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 2.07 | 1.02 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.15 | 0.00 |
| | 18.63 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 93 | | 4.53 | 0.00 | 0.97 | 2.67 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.68 | 0.91 | 2.27 | 1.73 | 0.00 | 0.32 | 0.00 | 0.00 | 2.32 | 1.02 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.12 |
| | 18.63 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 94 | | 4.65 | 0.00 | 0.97 | 2.54 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.68 | 0.91 | 2.20 | 2.48 | 0.00 | 0.63 | 0.00 | 0.00 | 2.09 | 1.09 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.03 | 0.13 |
| | 19.28 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D44 | | 4.90 | 0.00 | 0.97 | 2.45 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.74 | 0.98 | 2.45 | 2.88 | 0.00 | 0.81 | 0.00 | 0.00 | 1.66 | 1.01 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.19 | 0.27 |
| | 20.72 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 95 | | 5.38 | 0.00 | 0.97 | 2.64 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.81 | 1.08 | 2.69 | 3.07 | 0.00 | 1.00 | 0.00 | 0.00 | 1.76 | 0.93 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.18 | 0.26 |
| | 13.92 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 96 | | 5.38 | 0.00 | 0.97 | 2.76 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.81 | 1.08 | 2.69 | 3.18 | 0.00 | 1.14 | 0.00 | 0.00 | 1.59 | 0.88 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.27 | 0.29 |
| | 13.92 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D45 | | 5.61 | 0.00 | 0.97 | 3.02 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.84 | 1.12 | 2.81 | 3.62 | 0.00 | 1.29 | 0.00 | 0.00 | 2.02 | 1.02 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.31 | 0.29 |
| | 14.09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 97 | | 5.61 | 0.00 | 0.97 | 2.95 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.84 | 1.12 | 2.80 | 3.68 | 0.00 | 1.17 | 0.00 | 0.00 | 1.90 | 1.02 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.31 | 0.28 |
| | 13.95 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 98 | | 5.38 | 0.00 | 0.97 | 2.76 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.81 | 1.08 | 2.69 | 3.80 | 0.00 | 1.02 | 0.00 | 0.00 | 1.79 | 1.09 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.24 | 0.24 |
| | 13.95 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| D46 | | 5.53 | 0.00 | 0.97 | 2.75 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.83 | 1.11 | 2.77 | 3.80 | 0.00 | 0.92 | 0.00 | 0.00 | 1.69 | 1.02 | 0.03 | 0.00 | 0.00 | 0.14 | 0.15 |
| | 12.50 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 99 | | 5.41 | 0.00 | 0.97 | 2.71 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.81 | 1.08 | 2.71 | 3.34 | 0.00 | 0.79 | 0.00 | 0.00 | 1.70 | 1.06 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0.16 | 0.17 |
| | 12.50 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 100 | | 5.48 | 0.00 | 0.97 | 3.49 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.82 | 1.10 | 2.74 | 2.89 | 0.00 | 1.69 | 0.00 | 0.00 | 2.29 | 1.02 | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0.33 | 0.35 |
| | 0.00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 101 | | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | 2,003.16 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| K.Cách lẻ | Khối lượng: B mặt đường làm mới | B mặt đường tận dụng | B mặt đường trên rãnh | B mặt đường cũ đào bỏ | Vét bùn | Vét hữu cơ | Đánh cấp | Đào kênh | Đắp kênh | Diện tích CPĐD loại 2 | Diện tích móng BTXM | Diện tích đất đắp K0.95 | Đào Thay đất | Chiều dài lưới cốt thủy tinh | Bù vênh mặt đường làm mới | Bù vênh mặt đường tận dụng | Đào khuôn mặt đường tận dụng | Đào khuôn đường làm mới | Đào rãnh | Đắp rãnh | Đào tường chắn | Đắp tường chắn | Đắp lề | Hcoi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19.71 | 104.56 | 0.00 | 19.12 | 64.75 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 15.77 | 20.89 | 52.33 | 66.02 | 0.00 | 18.63 | 0.00 | 0.00 | 39.72 | 21.39 | 0.49 | 0.00 | 0.00 | 1.77 | 0.00 |
| 16.26 | 87.97 | 0.00 | 15.77 | 55.69 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.25 | 17.56 | 43.98 | 50.89 | 0.00 | 11.87 | 0.00 | 0.00 | 34.63 | 17.56 | 0.41 | 0.00 | 0.00 | 1.63 | 0.00 |
| 16.26 | 79.27 | 0.00 | 15.77 | 47.48 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.95 | 15.05 | 39.59 | 47.24 | 0.00 | 8.46 | 0.00 | 0.00 | 28.37 | 17.97 | 0.33 | 0.00 | 0.00 | 0.98 | 0.00 |
| 14.85 | 69.05 | 0.00 | 14.40 | 39.65 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 10.46 | 13.81 | 34.53 | 41.06 | 0.00 | 5.05 | 0.00 | 0.00 | 22.05 | 16.04 | 0.30 | 0.00 | 0.00 | 0.74 | 0.00 |
| 16.32 | 76.30 | 0.00 | 15.83 | 42.84 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.42 | 15.26 | 38.11 | 40.31 | 0.00 | 2.12 | 0.00 | 0.00 | 26.44 | 17.22 | 0.33 | 0.00 | 0.00 | 0.73 | 0.00 |
| 16.32 | 76.70 | 0.00 | 15.83 | 42.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.51 | 15.34 | 38.27 | 35.25 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 31.25 | 17.63 | 0.33 | 0.00 | 0.00 | 0.81 | 0.00 |
| 13.04 | 61.55 | 0.00 | 12.65 | 34.10 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.26 | 12.32 | 30.71 | 26.93 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 25.04 | 13.89 | 0.26 | 0.00 | 0.00 | 0.65 | 0.00 |
| 13.04 | 62.01 | 0.00 | 12.65 | 36.38 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.32 | 12.45 | 30.97 | 23.93 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 27.45 | 13.69 | 0.26 | 0.00 | 0.00 | 0.65 | 0.00 |
| 6.86 | 33.27 | 0.00 | 6.65 | 19.62 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.01 | 6.65 | 16.54 | 10.84 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.53 | 7.13 | 0.14 | 0.00 | 0.00 | 0.34 | 0.00 |
| 19.42 | 94.58 | 0.00 | 18.84 | 51.95 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 14.18 | 18.84 | 47.29 | 30.86 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 46.41 | 19.91 | 0.39 | 0.00 | 0.00 | 1.07 | 0.00 |
| 5.17 | 25.02 | 0.00 | 5.01 | 13.86 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.75 | 4.99 | 12.51 | 8.53 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.64 | 5.64 | 0.10 | 0.00 | 0.00 | 0.28 | 0.00 |
| 3.55 | 16.97 | 0.00 | 3.44 | 9.25 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.54 | 3.39 | 8.48 | 6.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 8.68 | 3.96 | 0.07 | 0.00 | 0.00 | 0.23 | 0.00 |
| 13.77 | 65.55 | 0.00 | 13.36 | 34.63 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.78 | 13.08 | 32.77 | 23.13 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 31.53 | 14.80 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 0.76 | 0.00 |
| 11.32 | 55.81 | 0.00 | 10.98 | 29.03 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 8.38 | 11.15 | 27.90 | 18.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 25.41 | 11.55 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 0.96 | 0.00 |
| 11.32 | 61.13 | 0.00 | 5.49 | 47.83 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 9.17 | 12.23 | 30.56 | 8.72 | 32.60 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 40.13 | 5.43 | 0.17 | 0.00 | 0.00 | 0.68 | 0.00 |
| 6.87 | 20.51 | 18.65 | 3.33 | 19.79 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.06 | 4.09 | 10.27 | 0.00 | 42.49 | 0.00 | 0.00 | 0.24 | 17.48 | 3.71 | 0.07 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 10.75 | 4.35 | 38.00 | 15.64 | 8.12 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.65 | 0.86 | 2.20 | 0.00 | 58.00 | 0.00 | 0.43 | 0.38 | 3.66 | 16.50 | 0.27 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 12.45 | 7.47 | 24.84 | 24.15 | 13.26 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.12 | 1.49 | 3.74 | 0.00 | 56.46 | 0.00 | 0.81 | 0.00 | 6.16 | 25.02 | 0.37 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 12.45 | 9.84 | 31.37 | 24.15 | 5.73 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.49 | 1.99 | 4.92 | 5.10 | 65.36 | 0.19 | 0.68 | 0.00 | 3.11 | 24.28 | 0.31 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| 14.17 | 17.29 | 36.77 | 27.49 | 6.52 | 4.82 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.62 | 3.47 | 8.64 | 14.30 | 81.55 | 1.06 | 1.13 | 0.00 | 0.00 | 22.03 | 1.20 | 0.00 | 0.00 | 7.01 | 0.00 |
| 14.17 | 25.51 | 33.02 | 27.49 | 10.84 | 8.71 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.83 | 5.10 | 12.75 | 20.55 | 88.01 | 2.80 | 0.71 | 0.14 | 0.00 | 16.30 | 3.40 | 0.00 | 0.00 | 8.08 | 0.00 |
| 5.08 | 12.50 | 13.16 | 9.86 | 2.31 | 3.23 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 1.88 | 2.51 | 6.25 | 10.11 | 35.51 | 1.98 | 0.10 | 0.05 | 0.00 | 5.46 | 1.66 | 0.00 | 0.00 | 1.42 | 0.00 |
| 13.51 | 28.30 | 42.46 | 19.80 | 0.00 | 8.37 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.29 | 5.72 | 14.15 | 21.30 | 90.64 | 3.54 | 1.02 | 0.00 | 0.00 | 7.49 | 3.88 | 0.00 | 0.00 | 3.20 | 0.00 |
| 13.53 | 20.70 | 42.75 | 13.12 | 0.00 | 6.63 | 0.00 | 0.34 | 0.00 | 0.00 | 3.11 | 4.13 | 10.35 | 13.53 | 76.59 | 1.29 | 0.81 | 0.14 | 0.00 | 0.00 | 3.99 | 0.00 | 0.00 | 1.76 | 0.00 |
| 14.36 | 25.92 | 43.44 | 13.93 | 0.00 | 6.16 | 0.00 | 0.36 | 0.00 | 0.00 | 3.80 | 5.17 | 13.00 | 18.10 | 83.29 | 2.80 | 0.79 | 0.14 | 0.00 | 0.14 | 5.17 | 0.00 | 0.00 | 2.08 | 0.00 |
| 15.73 | 32.56 | 46.40 | 15.26 | 0.00 | 5.51 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.88 | 6.53 | 16.28 | 28.24 | 94.22 | 4.33 | 0.87 | 0.08 | 0.00 | 1.18 | 4.95 | 0.00 | 0.00 | 1.02 | 0.00 |
| 15.73 | 36.57 | 47.74 | 15.26 | 0.00 | 5.90 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.51 | 7.31 | 18.25 | 34.06 | 99.57 | 5.74 | 1.10 | 0.08 | 0.00 | 1.18 | 5.27 | 0.00 | 0.00 | 0.47 | 0.00 |
| 6.08 | 17.12 | 28.24 | 5.90 | 0.00 | 2.68 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.58 | 3.44 | 8.64 | 15.47 | 51.25 | 2.95 | 0.43 | 0.12 | 0.00 | 0.09 | 2.55 | 0.00 | 0.00 | 0.06 | 0.00 |
| 7.12 | 20.83 | 32.72 | 6.91 | 0.00 | 2.56 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.13 | 4.17 | 10.40 | 17.55 | 60.45 | 2.63 | 0.46 | 0.14 | 0.00 | 0.53 | 2.31 | 0.00 | 0.00 | 0.11 | 0.00 |
| 10.49 | 27.38 | 31.84 | 10.18 | 0.00 | 3.41 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.09 | 5.45 | 13.64 | 20.61 | 69.39 | 1.15 | 1.26 | 0.00 | 0.00 | 1.05 | 3.15 | 0.00 | 0.00 | 0.37 | 0.00 |
| 10.49 | 26.28 | 31.94 | 10.18 | 0.00 | 4.72 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.93 | 5.25 | 13.11 | 18.51 | 68.39 | 0.47 | 0.63 | 0.16 | 0.00 | 0.31 | 4.04 | 0.00 | 0.00 | 0.47 | 0.00 |
| 20.00 | 47.20 | 60.60 | 19.40 | 0.00 | 5.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 7.10 | 9.40 | 23.60 | 33.40 | 127.20 | 0.50 | 0.60 | 0.30 | 0.90 | 4.10 | 4.20 | 0.00 | 0.00 | 0.80 | 0.00 |
| 20.00 | 43.10 | 60.90 | 19.40 | 0.00 | 2.90 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 6.50 | 8.60 | 21.60 | 31.10 | 123.40 | 0.00 | 1.00 | 0.00 | 2.10 | 6.30 | 1.20 | 0.00 | 0.00 | 1.00 | 0.00 |
| 16.05 | 32.68 | 45.07 | 15.57 | 0.00 | 5.38 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.90 | 6.50 | 16.37 | 22.79 | 96.22 | 0.00 | 0.56 | 0.00 | 2.41 | 2.65 | 2.09 | 0.00 | 0.00 | 0.80 | 0.00 |
| 16.05 | 33.54 | 45.79 | 15.57 | 0.00 | 6.58 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.06 | 6.66 | 16.77 | 22.95 | 97.91 | 0.00 | 0.24 | 0.32 | 3.21 | 1.04 | 3.93 | 0.00 | 0.00 | 0.32 | 0.00 |
| 7.79 | 16.28 | 24.23 | 7.56 | 0.00 | 3.82 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 2.45 | 3.23 | 8.10 | 10.20 | 48.06 | 0.00 | 0.35 | 0.16 | 1.60 | 0.43 | 2.26 | 0.00 | 0.00 | 2.38 | 0.00 |
| 14.30 | 29.24 | 43.97 | 13.87 | 0.00 | 6.94 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.38 | 5.86 | 14.59 | 17.37 | 87.09 | 0.00 | 1.29 | 0.00 | 2.57 | 1.00 | 4.22 | 0.00 | 0.00 | 6.88 | 0.00 |
| 14.30 | 31.10 | 43.62 | 13.87 | 0.00 | 6.36 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.65 | 6.22 | 15.59 | 19.16 | 88.59 | 0.00 | 1.00 | 0.00 | 2.36 | 0.57 | 5.15 | 0.00 | 0.00 | 4.65 | 0.00 |
| 14.30 | 33.18 | 43.04 | 13.87 | 0.00 | 8.29 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.01 | 6.58 | 16.59 | 19.66 | 90.09 | 1.14 | 0.43 | 0.07 | 1.14 | 0.21 | 6.36 | 0.00 | 0.00 | 4.58 | 0.00 |
| 14.30 | 35.04 | 42.61 | 13.87 | 0.00 | 10.73 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 5.29 | 7.01 | 17.52 | 17.09 | 91.52 | 3.65 | 0.43 | 0.07 | 0.00 | 0.00 | 6.72 | 0.00 | 0.00 | 3.00 | 0.00 |
| 9.74 | 20.94 | 32.53 | 9.45 | 0.00 | 6.09 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 3.17 | 4.19 | 10.52 | 11.44 | 62.92 | 1.90 | 0.29 | 0.10 | 0.00 | 0.10 | 4.24 | 0.00 | 0.00 | 0.49 | 0.00 |
| 13.17 | 28.45 | 44.65 | 12.77 | 0.00 | 6.32 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.28 | 5.86 | 14.22 | 20.87 | 85.87 | 2.04 | 0.46 | 0.13 | 0.00 | 0.13 | 5.93 | 0.00 | 0.00 | 0.53 | 0.00 |
| 17.30 | 44.29 | 53.11 | 16.78 | 0.00 | 8.91 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 6.66 | 8.82 | 22.14 | 33.22 | 114.18 | 4.84 | 1.30 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 6.83 | 0.00 | 0.00 | 0.87 | 0.00 |
| 17.30 | 71.71 | 26.73 | 16.78 | 31.49 | 9.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 10.81 | 14.27 | 35.90 | 33.39 | 57.35 | 4.93 | 0.78 | 0.00 | 29.41 | 0.00 | 6.92 | 0.00 | 0.00 | 0.87 | 0.00 |
| 8.13 | 41.67 | 0.00 | 7.89 | 26.06 | 2.11 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 6.26 | 8.33 | 20.86 | 13.54 | 0.00 | 2.28 | 0.00 | 0.00 | 22.24 | 4.15 | 1.95 | 0.00 | 0.00 | 0.81 | 0.00 |
| 18.63 | 84.39 | 0.00 | 18.07 | 50.67 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.67 | 16.95 | 42.29 | 29.44 | 0.00 | 5.59 | 0.00 | 0.00 | 40.89 | 19.00 | 0.19 | 0.00 | 0.00 | 1.68 | 1.12 |
| 18.63 | 84.67 | 0.00 | 18.07 | 48.53 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 12.67 | 16.95 | 42.38 | 39.22 | 0.00 | 7.92 | 0.00 | 0.00 | 41.08 | 19.65 | 0.19 | 0.00 | 0.00 | 0.56 | 2.33 |
| 19.28 | 91.19 | 0.00 | 18.70 | 48.20 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 13.66 | 18.22 | 45.60 | 51.67 | 0.00 | 12.92 | 0.00 | 0.00 | 36.15 | 20.24 | 0.29 | 0.00 | 0.00 | 2.12 | 3.86 |
| 20.72 | 106.50 | 0.00 | 20.10 | 52.84 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 16.06 | 21.34 | 53.25 | 61.64 | 0.00 | 18.75 | 0.00 | 0.00 | 35.43 | 20.10 | 0.41 | 0.00 | 0.00 | 3.83 | 5.49 |
| 13.92 | 74.89 | 0.00 | 13.50 | 37.58 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.28 | 15.03 | 37.44 | 43.50 | 0.00 | 14.89 | 0.00 | 0.00 | 23.32 | 12.60 | 0.21 | 0.00 | 0.00 | 3.13 | 3.83 |
| 13.92 | 76.49 | 0.00 | 13.50 | 40.23 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.48 | 15.31 | 38.28 | 47.33 | 0.00 | 16.91 | 0.00 | 0.00 | 25.13 | 13.22 | 0.21 | 0.00 | 0.00 | 4.04 | 4.04 |
| 14.09 | 79.04 | 0.00 | 13.67 | 42.06 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.84 | 15.78 | 39.52 | 51.43 | 0.00 | 17.33 | 0.00 | 0.00 | 27.62 | 14.37 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 4.37 | 4.02 |
| 13.95 | 76.66 | 0.00 | 13.53 | 39.83 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.51 | 15.35 | 38.29 | 52.17 | 0.00 | 15.28 | 0.00 | 0.00 | 25.74 | 14.72 | 0.21 | 0.00 | 0.00 | 3.84 | 3.63 |
| 13.95 | 76.10 | 0.00 | 13.53 | 38.43 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 11.44 | 15.28 | 38.00 | 51.62 | 0.00 | 13.53 | 0.00 | 0.00 | 24.27 | 14.72 | 0.28 | 0.00 | 0.00 | 2.65 | 2.72 |
| 12.50 | 68.38 | 0.00 | 12.13 | 34.13 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 10.25 | 13.69 | 34.25 | 43.38 | 0.00 | 10.69 | 0.00 | 0.00 | 21.19 | 13.00 | 0.31 | 0.00 | 0.00 | 1.88 | 2.00 |
| 12.50 | 68.06 | 0.00 | 12.13 | 38.75 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 10.19 | 13.63 | 34.06 | 38.94 | 0.00 | 11.75 | 0.00 | 0.00 | 24.94 | 13.00 | 0.19 | 0.00 | 0.00 | 3.06 | 3.25 |
| 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| Tổng | 8,201.65 | 2,498.27 | 1,534.11 | 3,470.39 | 419.64 | 103.51 | 0.70 | 131.43 | 66.09 | 1,230.57 | 1,640.40 | 4,102.17 | 4,839.82 | 4,750.19 | 1,428.56 | 39.78 | 7.83 | 2,510.39 | 1,131.67 | 148.50 | 30.26 | 42.46 | 231.47 | 101.50 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỞNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BẢNG KHỐI LƯỢNG XUẤT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1:1000 | SỐ HIỆU: T4-KL-03 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# HẠNG MỤC THOÁT NƯỚC TUYẾN 4

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P
X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

NỘI BÀI: NĂM 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

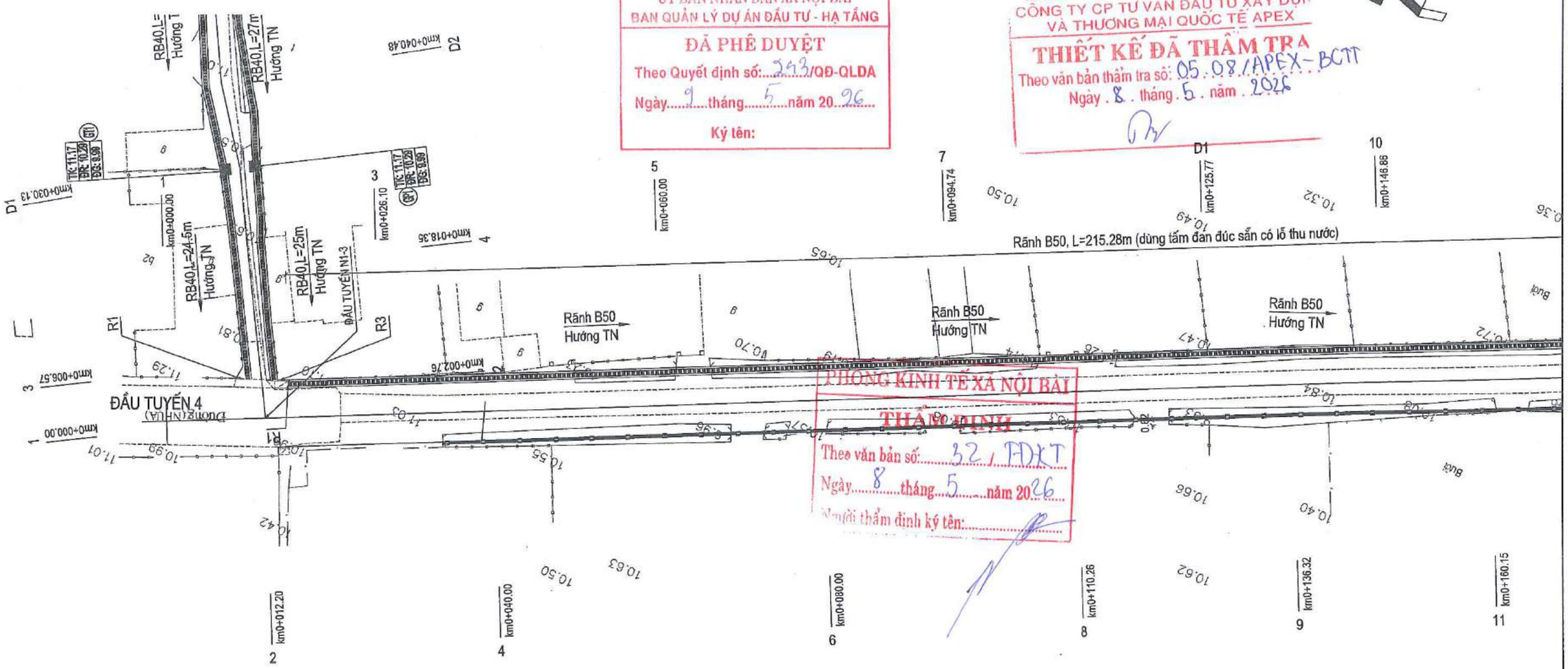


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐKT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP6 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA; ĐR: 9.40 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH; ĐG: 9.10 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m, Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T4-BDTN-01 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

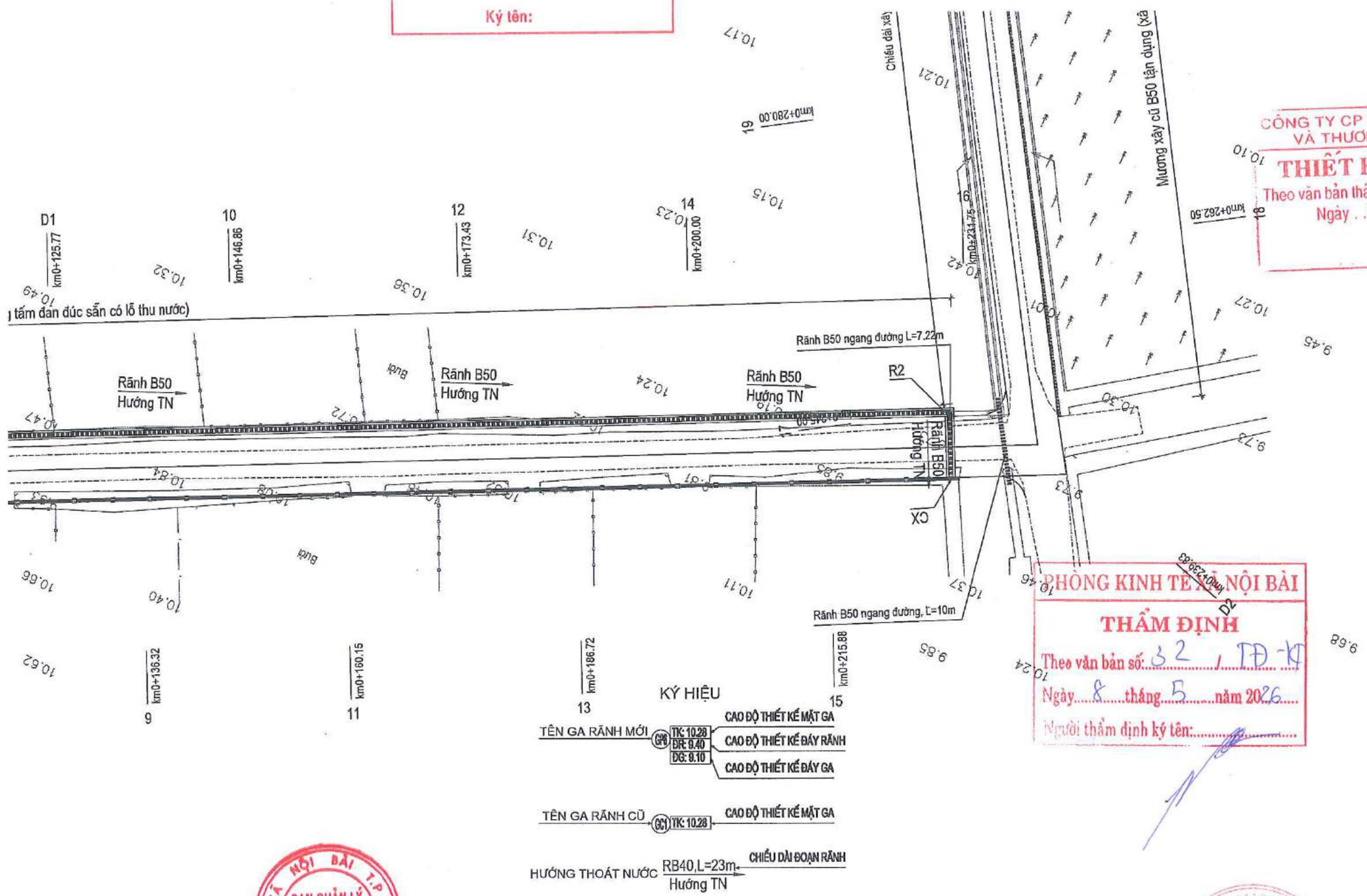


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08.(APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP0 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA; DR: 0.40 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH; DG: 0.10 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m, Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T4-BDTN-02 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

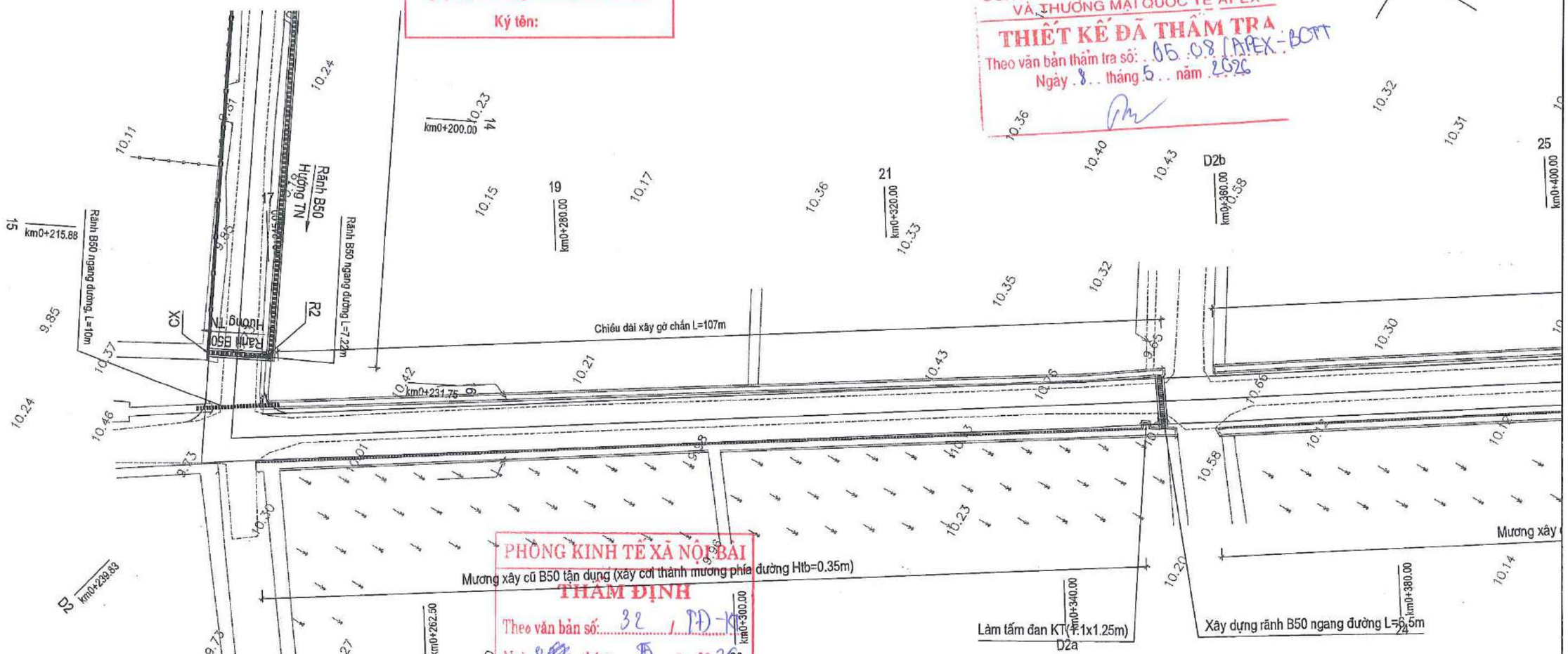


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP8 — TK: 10.28 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA) — ĐR: 9.40 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH) — ĐG: 9.10 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA)

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m (CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH) — Hướng TN

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-03 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

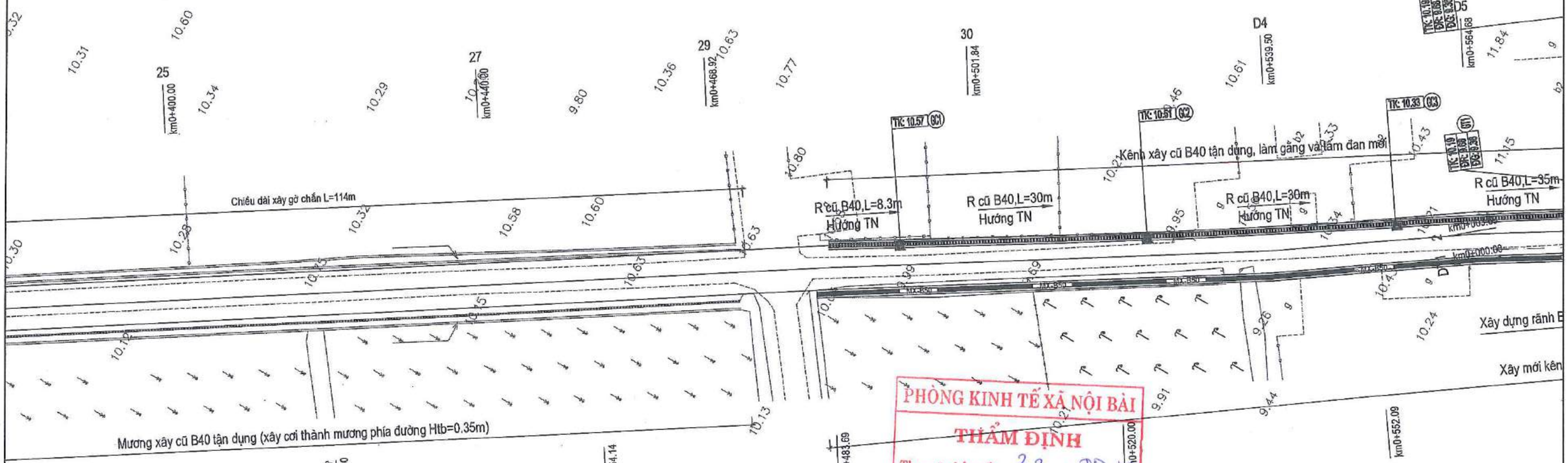


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GC6 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA; ĐRC: 9.40 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH; ĐG: 9.10 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m, Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-04 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

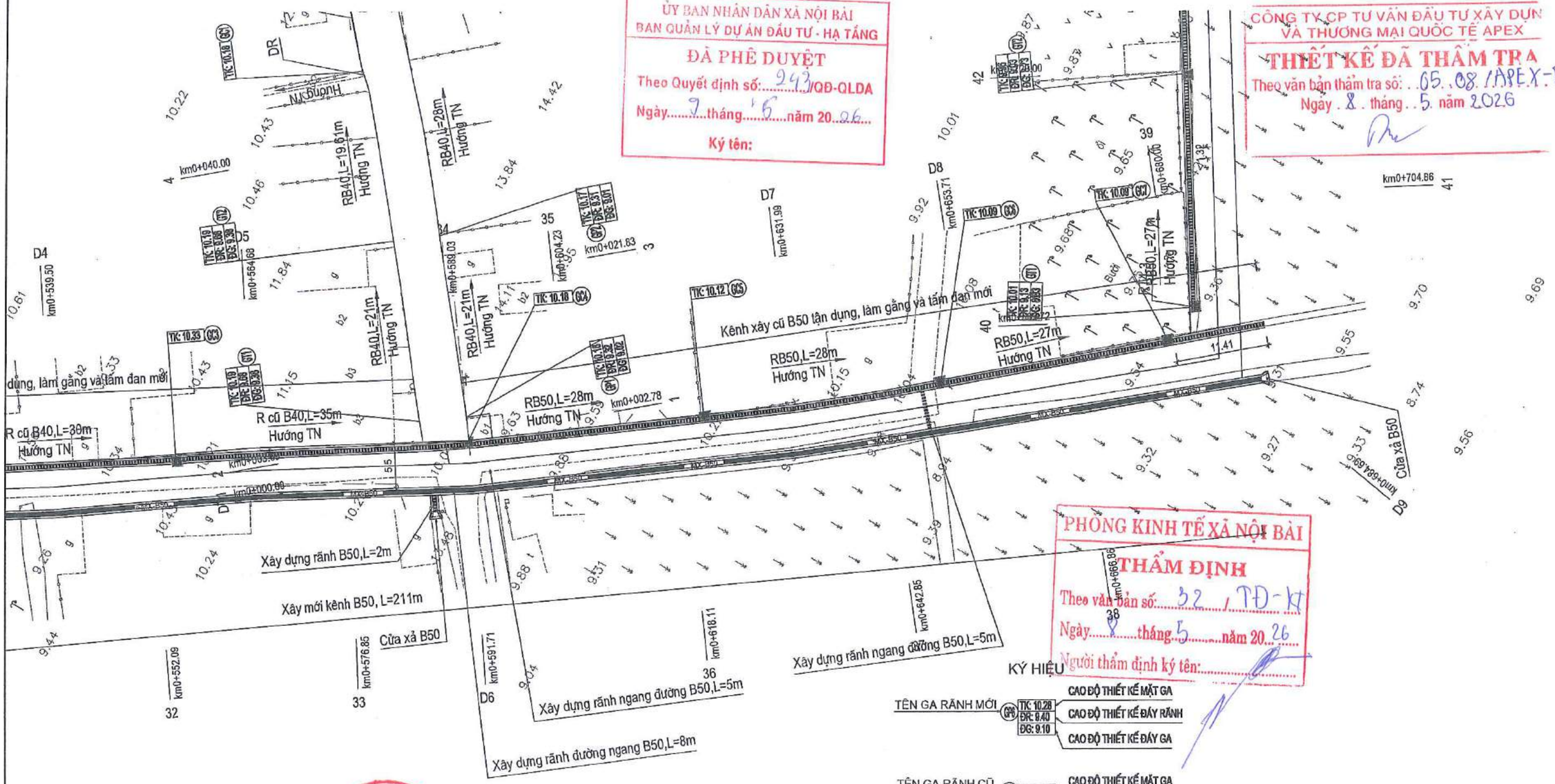


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP6 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA; ĐRC: 9.40 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH; ĐG: 9.10 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m, Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T4-BDTN-05 |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

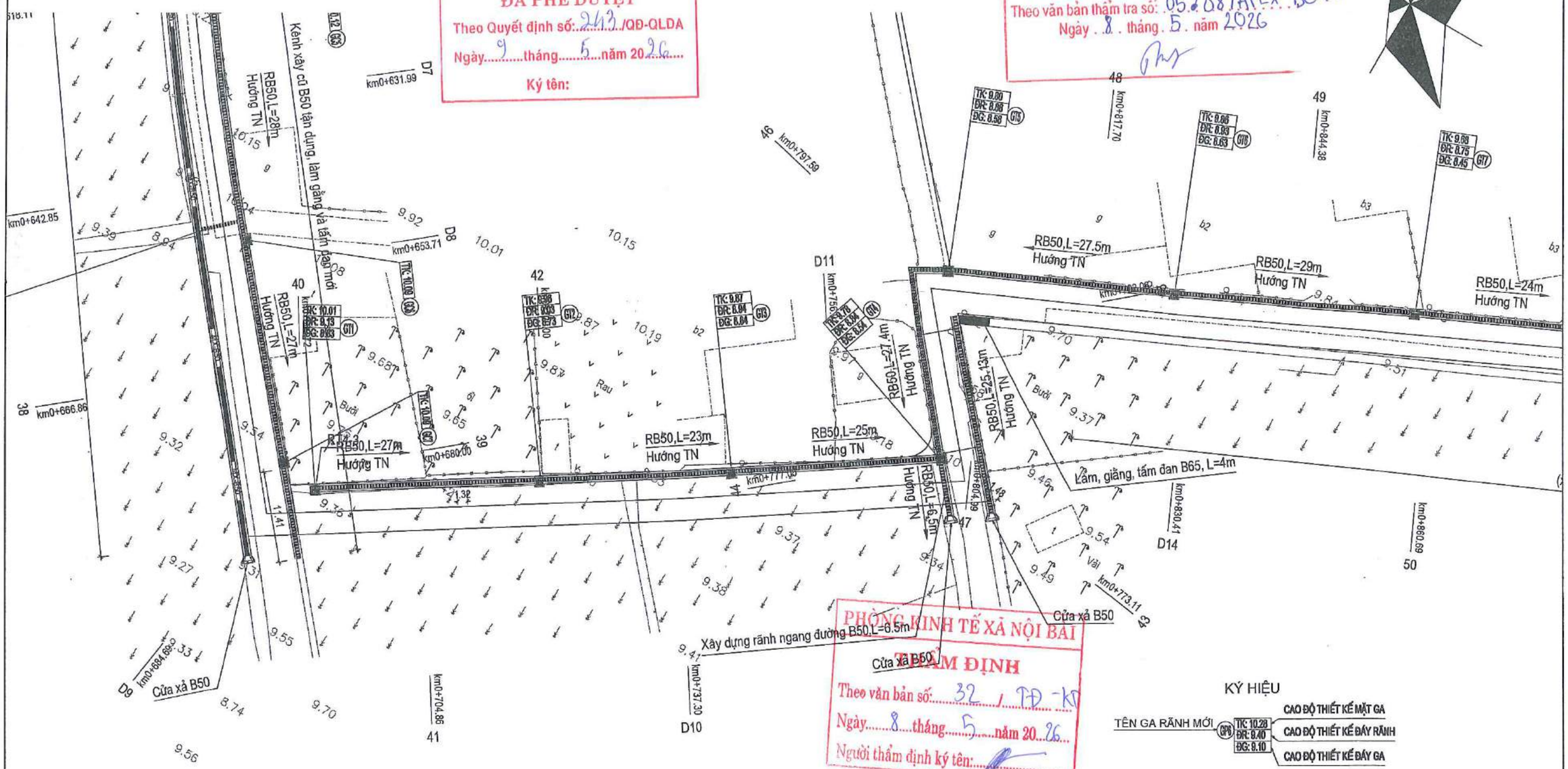


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## KÝ HIỆU

| | | |
|---|---|---|
| TÊN GA RÃNH MỚI (GM) | TK: 10.28 | CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA |
| | ĐR: 9.40 | CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH |
| | ĐG: 9.10 | CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA |
| TÊN GA RÃNH CŨ (GC) | TK: 10.28 | CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA |
| HƯỚNG THOÁT NƯỚC | RB40,L=23m Hướng TN | CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH |

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT — PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-06 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

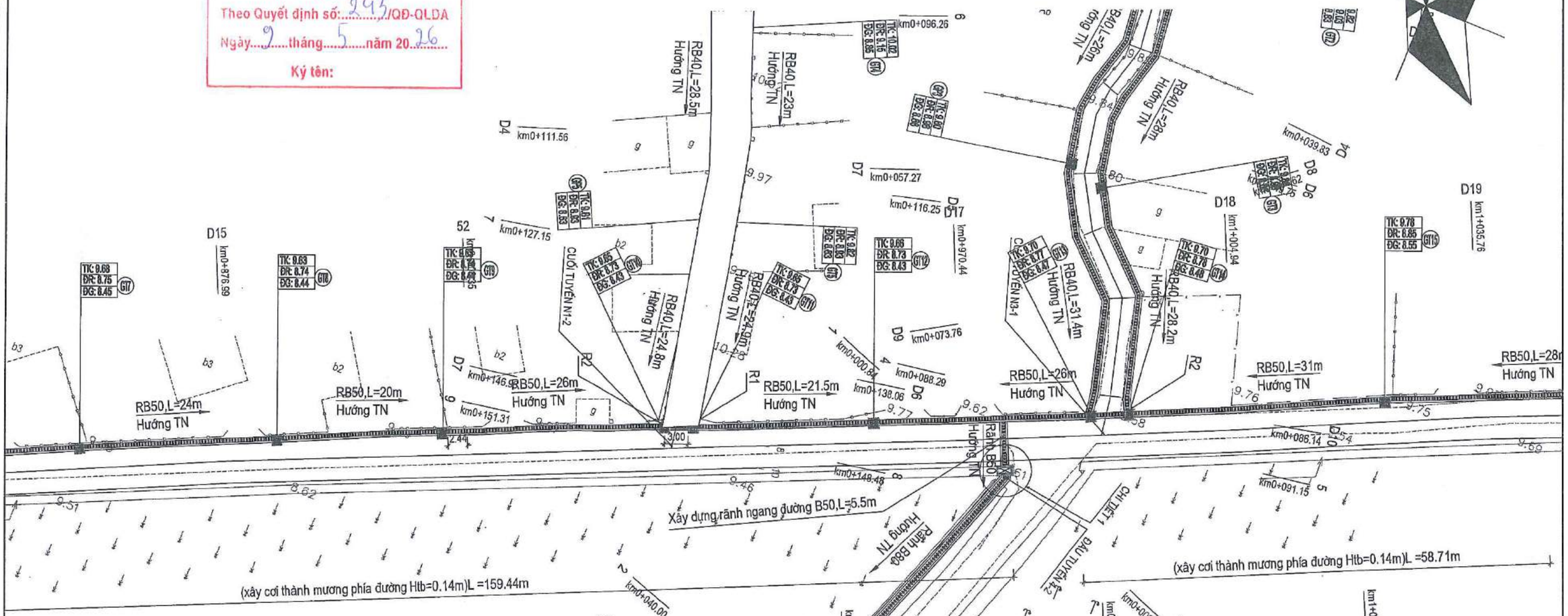


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08 / APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP6 — TK: 10.28 / ĐR: 9.40 / ĐG: 9.10
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m Hướng TN
- CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-07 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

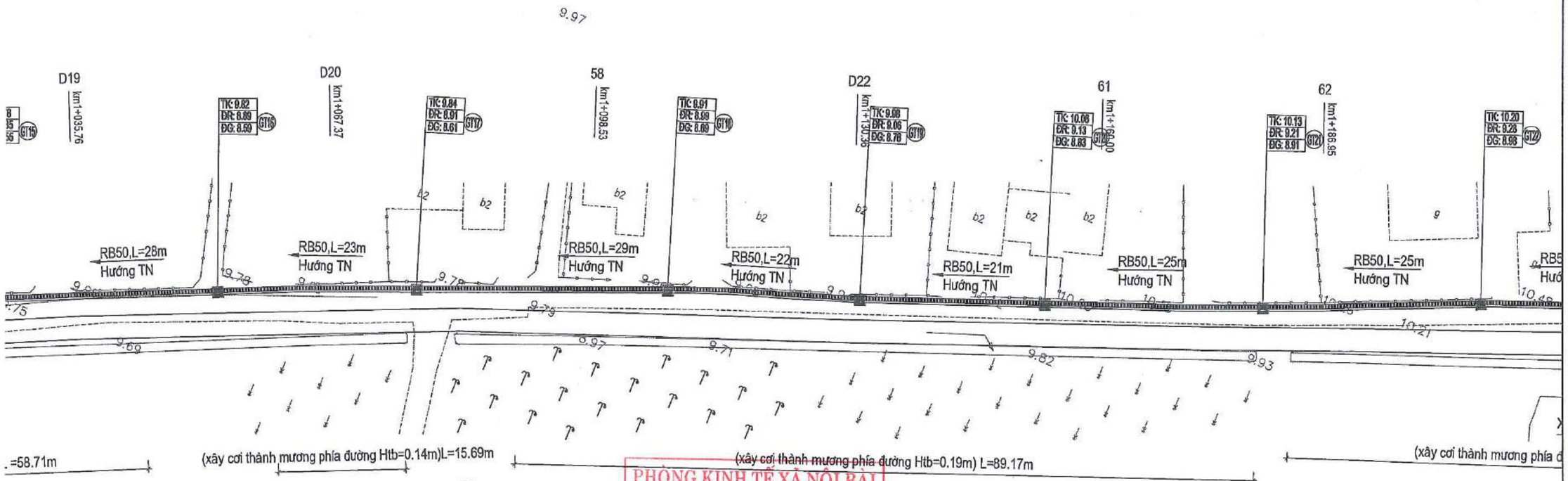


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08 /APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GR6 — TK: 10.28 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA) — ĐR: 9.40 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH) — ĐG: 9.10 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA)

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m (CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH) — Hướng TN

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T4-BDTN-08 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

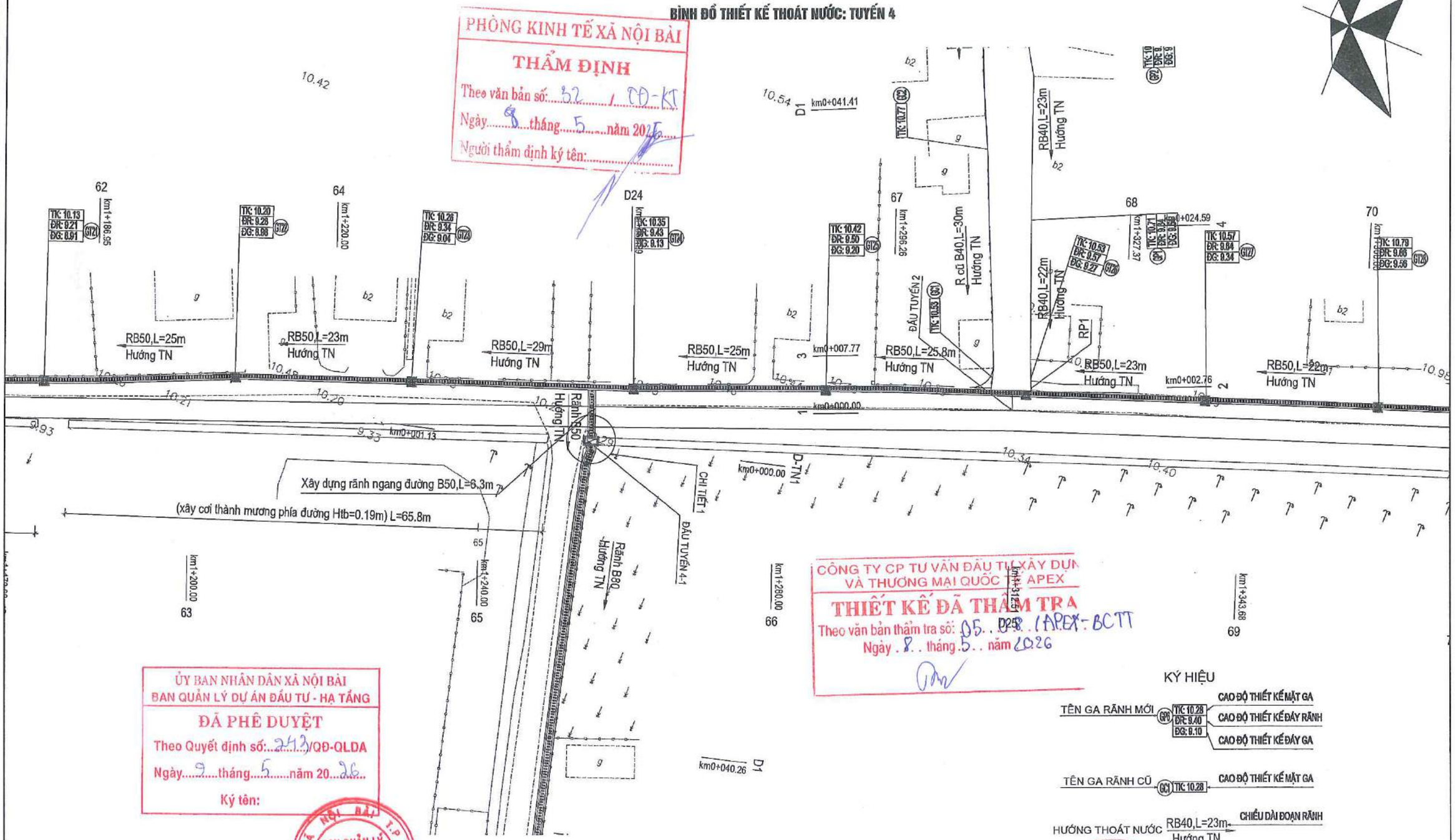


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.../APEX-BCTT
Ngày .8.. tháng .5.. năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP6 — TK: 10.28 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA) — ĐR: 9.40 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH) — ĐG: 9.10 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA)

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-09 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 58 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

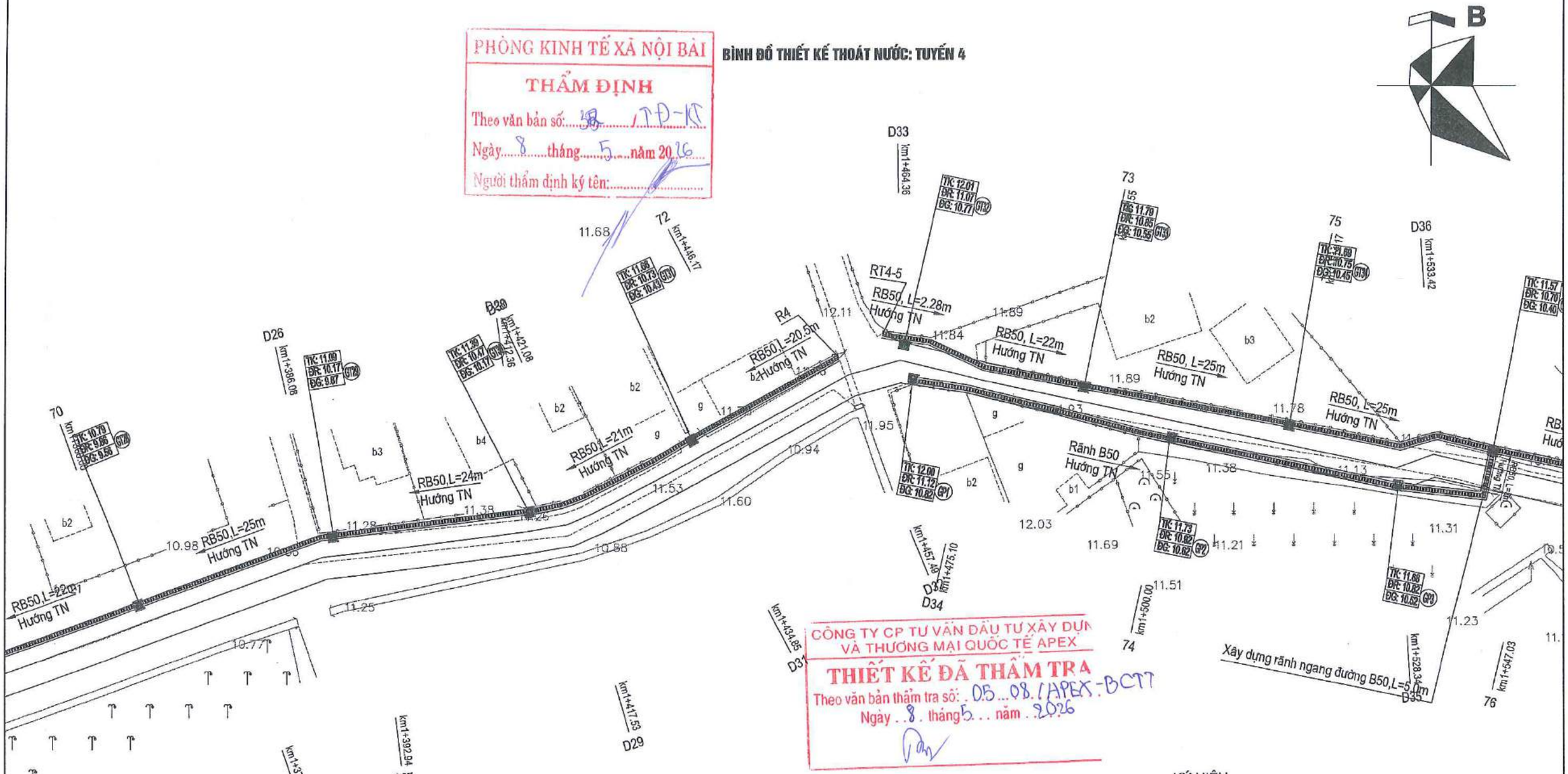


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05...08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

## KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP6 — TK: 10.28 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA) — ĐR: 9.40 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH) — ĐG: 9.10 (CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA)

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m (CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH) — Hướng TN

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-10 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

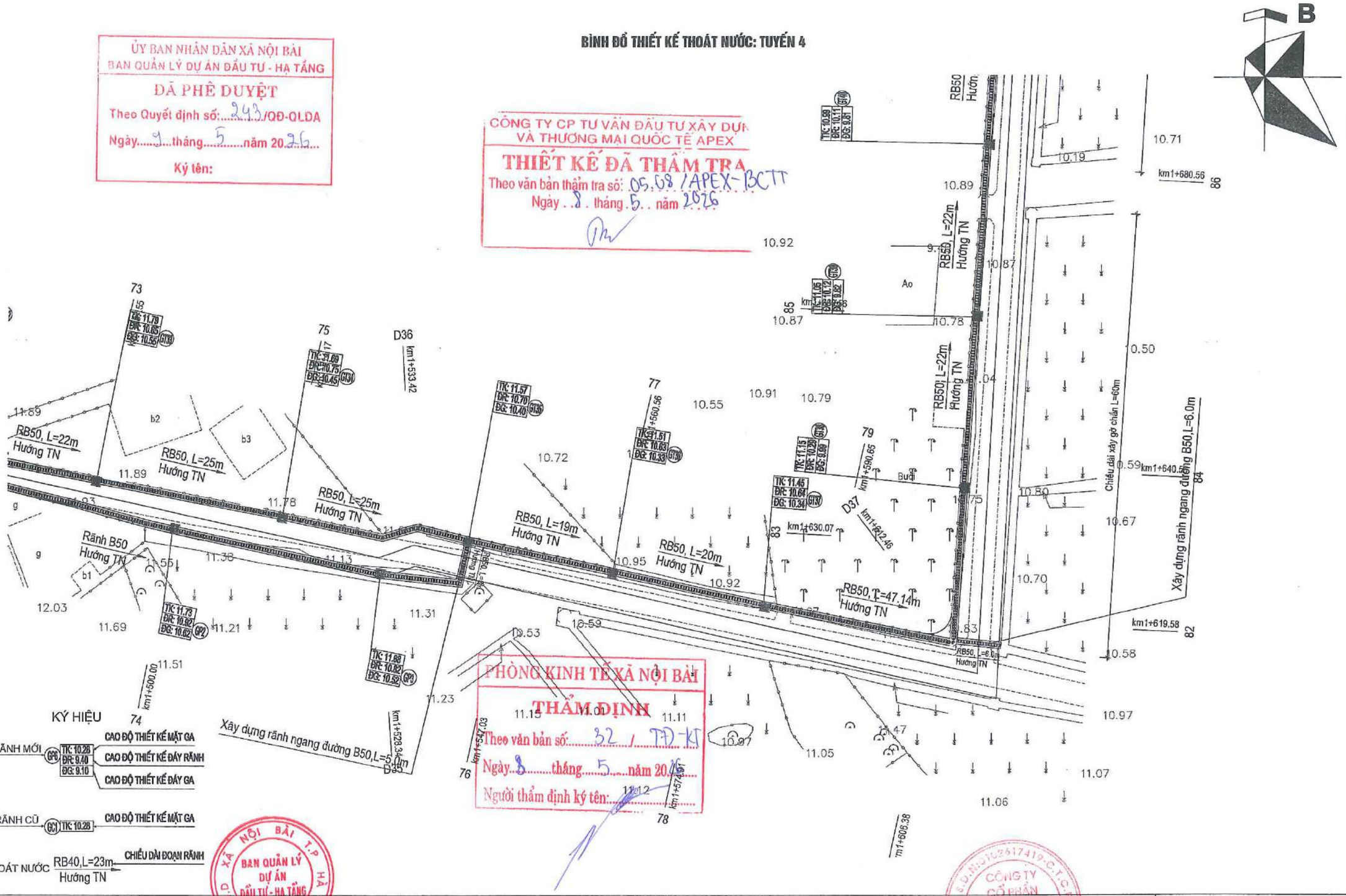


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | |

| TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|
| BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-11 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

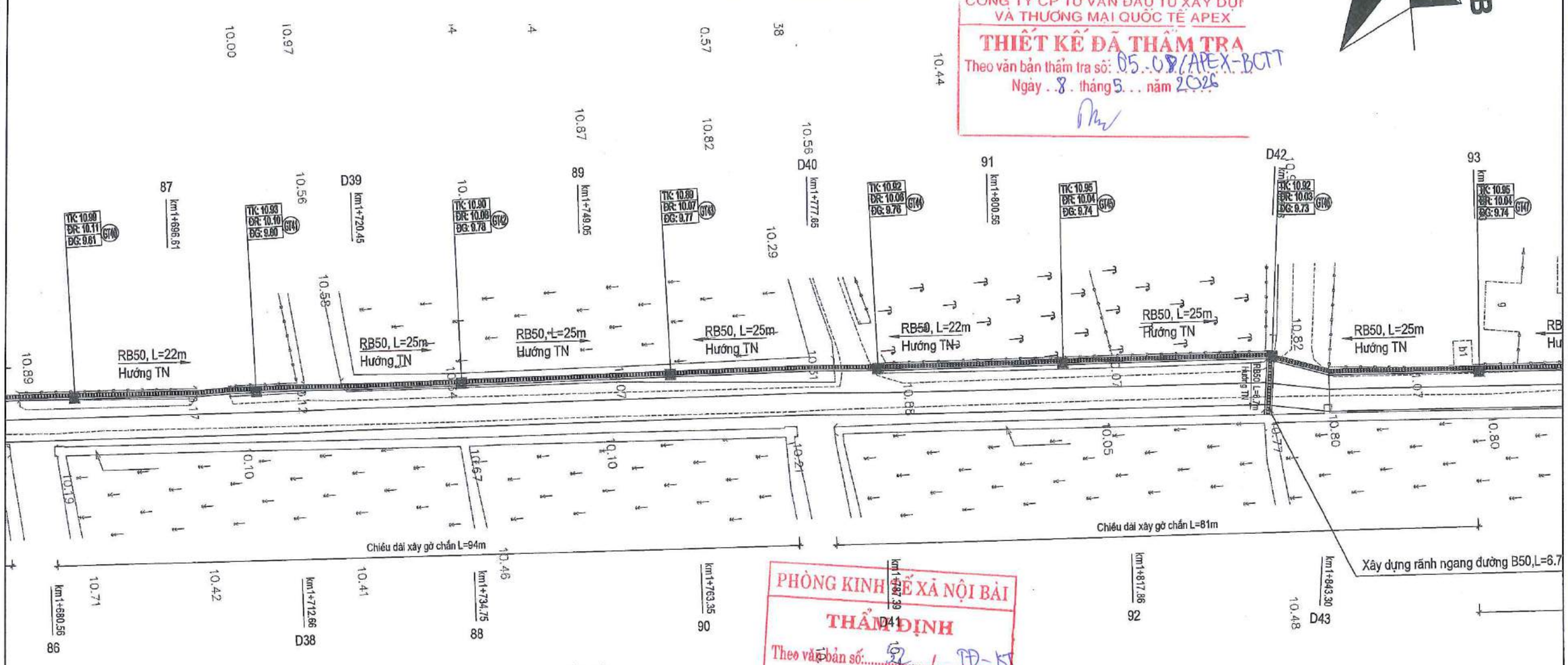


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 92 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GP6 — TK: 10.28 / ĐR: 9.40 / ĐG: 9.10
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m — Hướng TN
- CHIỀU DÀI BOẠN RÃNH

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-12 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05-08-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

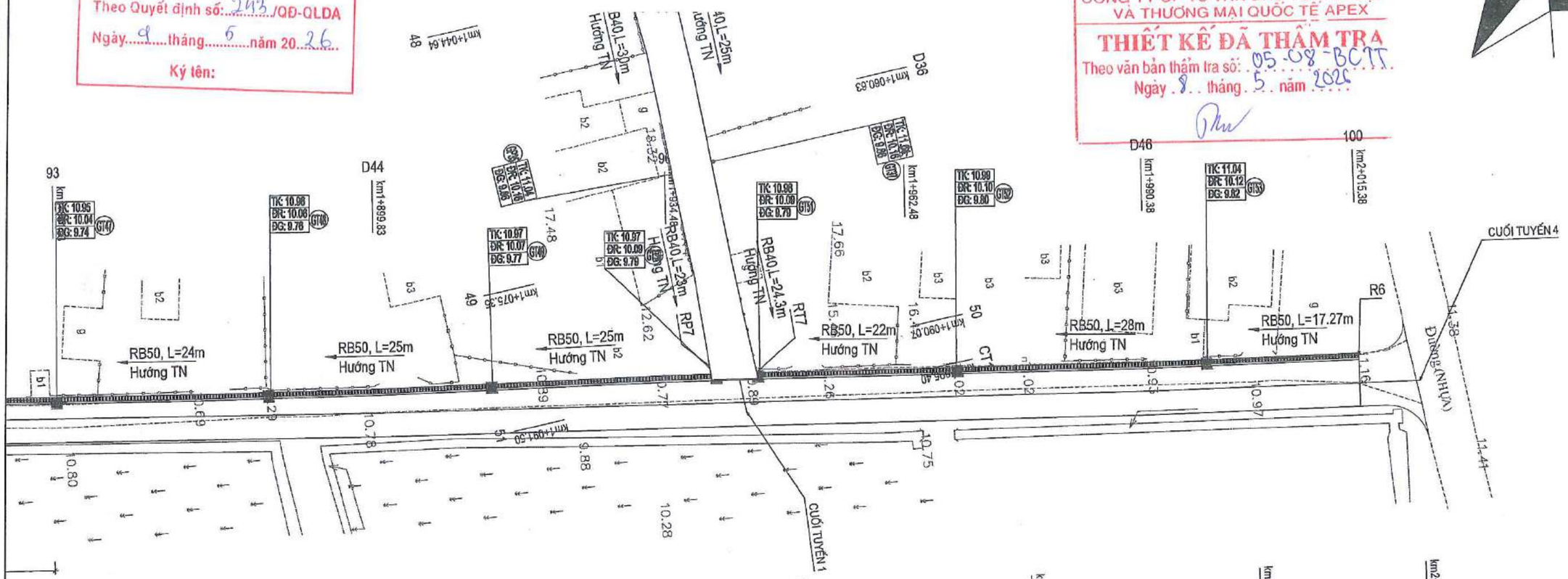


KÝ HIỆU

TÊN GA RÃNH MỚI — GR6 — TK: 10.28 / ĐR: 9.40 / ĐG: 9.10
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY GA

TÊN GA RÃNH CŨ — GC1 — TK: 10.28 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ MẶT GA

HƯỚNG THOÁT NƯỚC — RB40,L=23m Hướng TN — CHIỀU DÀI ĐOẠN RÃNH

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI — BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDTN-13 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH TRÁI ĐOẠN 1

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

KM0+0.00 — KM0+222.50 — Rãnh ngang đường

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.72% | 0.02% | | | | 0.17% | | 0.19% | | | 0.15% | | 0.19% | | 0.21% | | 0.00% | |
| | 11.09 | 53.90 | | | | 30.26 | | 36.64 | | | 26.57 | | 26.57 | | 28.25 | | | 9.23 |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 10.05 | 9.97 | 9.97 | 9.96 | 9.96 | 9.94 | 9.91 | 9.88 | 9.86 | 9.84 | 9.82 | 9.80 | 9.78 | 9.75 | 9.72 | 9.69 | 9.69 | 9.69 |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 11.17 | 11.09 | 11.09 | 11.08 | 11.08 | 11.05 | 11.03 | 11.00 | 10.98 | 10.96 | 10.94 | 10.92 | 10.89 | 10.87 | 10.84 | 10.81 | 10.74 | 10.74 |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 11.17 | 11.09 | 11.09 | 11.08 | 11.08 | 11.05 | 11.03 | 11.00 | 10.98 | 10.96 | 10.94 | 10.92 | 10.89 | 10.87 | 10.84 | 10.81 | 10.81 | 10.81 |
| Khoảng cách lẻ | | 11.09 | 13.90 | 20.00 | 20.00 | 14.74 | 15.51 | 15.54 | 10.55 | 10.55 | 13.28 | 13.28 | 13.28 | 13.28 | 15.88 | 12.37 | 2.01 | 7.22 |
| Lý trình cọc | 0.00 | 11.09 | 24.99 | 44.99 | 64.99 | 79.73 | 95.25 | 110.79 | 121.33 | 131.88 | 145.17 | 158.45 | 171.73 | 185.02 | 200.89 | 213.27 | 215.28 | 222.50 |
| Tên cọc | R1 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | D1 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 17 | R2 | CX |
| Hướng thoát nước | → | → | → | → | → | → | → | → | → | → | → | → | → | → | → | → | | |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T4-01 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH TRÁI ĐOẠN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

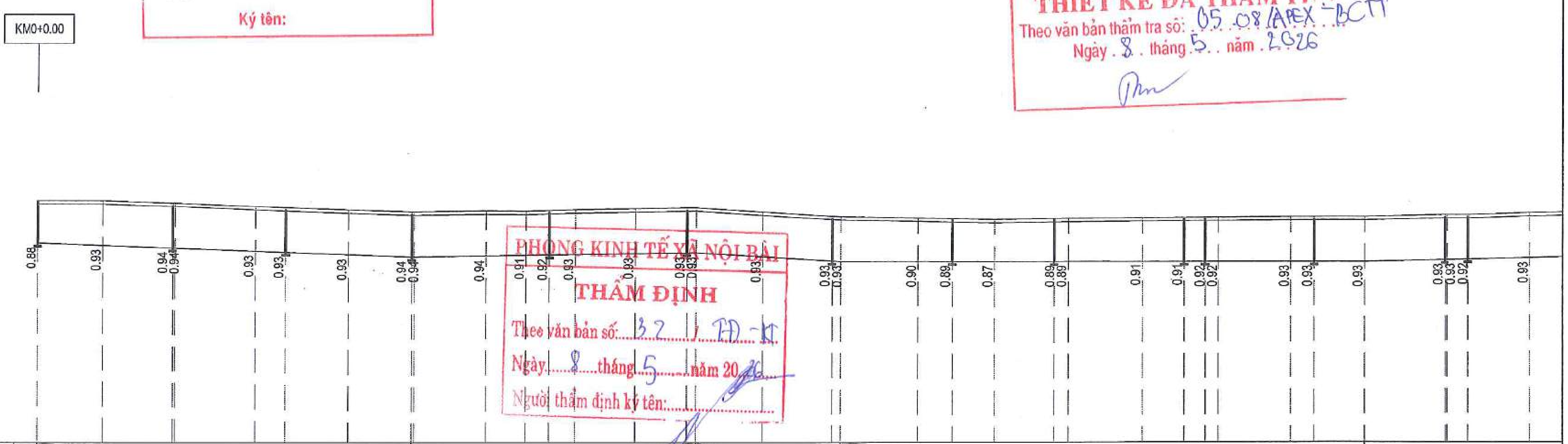


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | Chiều dài |
|---|---|
| 0.37% | 78.96 |
| 0.15% | 59.48 |
| 0.63% | 30.24 |
| 0.01% | 109.82 |
| 0.23% | 65.32 |

| Tên cọc | Lý trình cọc | Cao độ thiết kế đáy rãnh | Cao độ thiết kế mặt rãnh | Cao độ thiết kế mặt đường | Khoảng cách lẻ |
|---|---|---|---|---|---|
| GT1 | 0.00 | 9.13 | 9.94 | 10.01 | |
| 41 | 13.69 | 9.08 | 9.94 | 10.01 | 13.69 |
| GT2 | 28.32 | 9.03 | 9.89 | 9.96 | 14.63 |
| 42 | 28.83 | 9.02 | 9.89 | 9.96 | 0.50 |
| D10 | 46.10 | 8.96 | 9.82 | 9.89 | 17.27 |
| GT3 | 52.64 | 8.94 | 9.80 | 9.87 | 6.54 |
| D11 | 65.66 | 8.89 | 9.75 | 9.82 | 13.02 |
| 44 | 78.96 | 8.84 | 9.71 | 9.78 | 13.30 |
| GT4 | 79.54 | 8.84 | 9.71 | 9.78 | 0.58 |
| 45 | 94.61 | 8.86 | 9.73 | 9.80 | 15.07 |
| 46 | 102.87 | 8.88 | 9.72 | 9.79 | 8.26 |
| GT5 | 107.68 | 8.88 | 9.73 | 9.80 | 4.81 |
| 47 | 113.05 | 8.89 | 9.75 | 9.82 | 5.37 |
| 48 | 125.76 | 8.91 | 9.77 | 9.84 | 12.71 |
| GT6 | 136.50 | 8.93 | 9.79 | 9.86 | 10.74 |
| D14 | 138.44 | 8.93 | 9.79 | 9.86 | 1.94 |
| 49 | 152.38 | 8.84 | 9.70 | 9.77 | 13.94 |
| GT7 | 166.82 | 8.75 | 9.61 | 9.68 | 14.44 |
| 50 | 168.69 | 8.74 | 9.60 | 9.67 | 1.87 |
| D15 | 185.02 | 8.74 | 9.57 | 9.64 | 16.33 |
| GT8 | 192.14 | 8.74 | 9.56 | 9.63 | 7.12 |
| 51 | 200.74 | 8.74 | 9.54 | 9.61 | 8.60 |
| GT9 | 213.46 | 8.74 | 9.56 | 9.63 | 12.72 |
| 52 | 216.42 | 8.74 | 9.56 | 9.63 | 2.96 |
| 53 | 232.11 | 8.73 | 9.57 | 9.64 | 15.69 |
| GT10 | 240.78 | 8.73 | 9.58 | 9.65 | 8.67 |
| GT11 | 245.10 | 8.73 | 9.58 | 9.65 | 4.32 |
| D16 | 247.81 | 8.73 | 9.58 | 9.65 | 2.71 |
| 54 | 263.17 | 8.73 | 9.59 | 9.66 | 15.36 |
| GT12 | 267.92 | 8.73 | 9.59 | 9.66 | 4.75 |
| D17 | 278.51 | 8.73 | 9.59 | 9.66 | 10.59 |
| 55 | 295.24 | 8.77 | 9.63 | 9.70 | 16.73 |
| GT13 | 295.76 | 8.77 | 9.63 | 9.70 | 0.52 |
| GT14 | 300.06 | 8.78 | 9.63 | 9.70 | 4.30 |
| D18 | 312.99 | 8.81 | 9.67 | 9.74 | 12.93 |
| | | | | | 1… |

Hướng thoát nước

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 |
| 1 | | | | | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | SỐ HIỆU: TDR-T4-02 |
| 2 | | | | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | | | | | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH TRÁI ĐOẠN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 20 26
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 20 26
Người thẩm định ký tên:

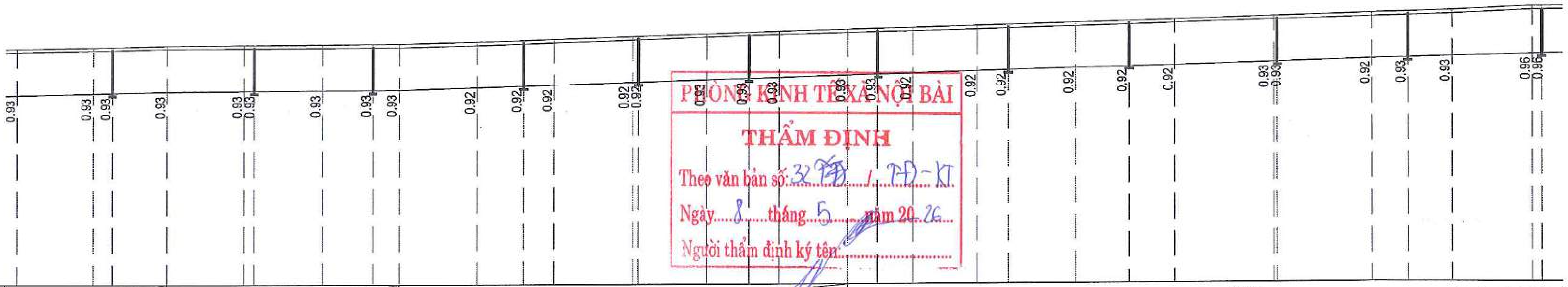


| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | Chiều dài |
|---|---|
|  | 65.32 |
| 0.06% | 47.39 |
| 0.31% | 90.89 |
| 0.27% | 169.88 |

| Tên cọc | Lý trình cọc | Cao độ thiết kế đáy rãnh | Cao độ thiết kế mặt rãnh | Cao độ thiết kế mặt đường | Khoảng cách lẻ |
|---|---|---|---|---|---|
| D18 | 312.99 | 8.81 | 9.67 | 9.74 | 15.39 |
| 56 | 328.38 | 8.84 | 9.70 | 9.77 | 4.00 |
| GT15 | 332.38 | 8.85 | 9.71 | 9.78 | 11.45 |
| D19 | 343.83 | 8.88 | 9.74 | 9.81 | 15.84 |
| 57 | 359.67 | 8.89 | 9.75 | 9.82 | 2.03 |
| GT16 | 361.70 | 8.89 | 9.75 | 9.82 | 13.78 |
| D20 | 375.48 | 8.90 | 9.76 | 9.83 | 10.54 |
| GT17 | 386.02 | 8.91 | 9.77 | 9.84 | 5.20 |
| D21 | 391.22 | 8.91 | 9.77 | 9.84 | 15.55 |
| 58 | 406.77 | 8.96 | 9.81 | 9.88 | 9.57 |
| GT18 | 416.34 | 8.99 | 9.84 | 9.91 | 6.36 |
| 59 | 422.70 | 9.01 | 9.86 | 9.93 | 15.91 |
| D22 | 438.60 | 9.06 | 9.91 | 9.98 | 1.06 |
| GT19 | 439.66 | 9.06 | 9.91 | 9.98 | 13.76 |
| 60 | 453.42 | 9.10 | 9.96 | 10.03 | 8.56 |
| GT20 | 461.98 | 9.13 | 9.99 | 10.06 | 6.26 |
| 61 | 468.24 | 9.15 | 10.01 | 10.08 | 13.88 |
| D23 | 482.12 | 9.19 | 10.05 | 10.12 | 6.18 |
| GT21 | 488.30 | 9.21 | 10.06 | 10.13 | 6.87 |
| 62 | 495.17 | 9.23 | 10.08 | 10.15 | 13.06 |
| 63 | 508.23 | 9.26 | 10.11 | 10.18 | 6.39 |
| GT22 | 514.62 | 9.28 | 10.13 | 10.20 | 13.62 |
| 64 | 528.24 | 9.31 | 10.16 | 10.23 | 10.70 |
| GT23 | 538.94 | 9.34 | 10.19 | 10.26 | 9.30 |
| 65 | 548.24 | 9.37 | 10.22 | 10.29 | 20.29 |
| D24 | 568.53 | 9.42 | 10.28 | 10.35 | 0.73 |
| GT24 | 569.26 | 9.43 | 10.28 | 10.35 | 18.98 |
| 66 | 588.24 | 9.48 | 10.33 | 10.40 | 7.34 |
| GT25 | 595.58 | 9.50 | 10.35 | 10.42 | 8.91 |
| 67 | 604.49 | 9.52 | 10.38 | 10.45 | 16.30 |
| D25 | 620.79 | 9.57 | 10.46 | 10.53 | 1.91 |
| GT26 | 622.70 | 9.57 | 10.46 | 10.53 |  |

Hướng thoát nước

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T4-03 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH TRÁI ĐOẠN 2

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05..08/APEX-BCTT
Ngày ..8. tháng .5. năm 2026

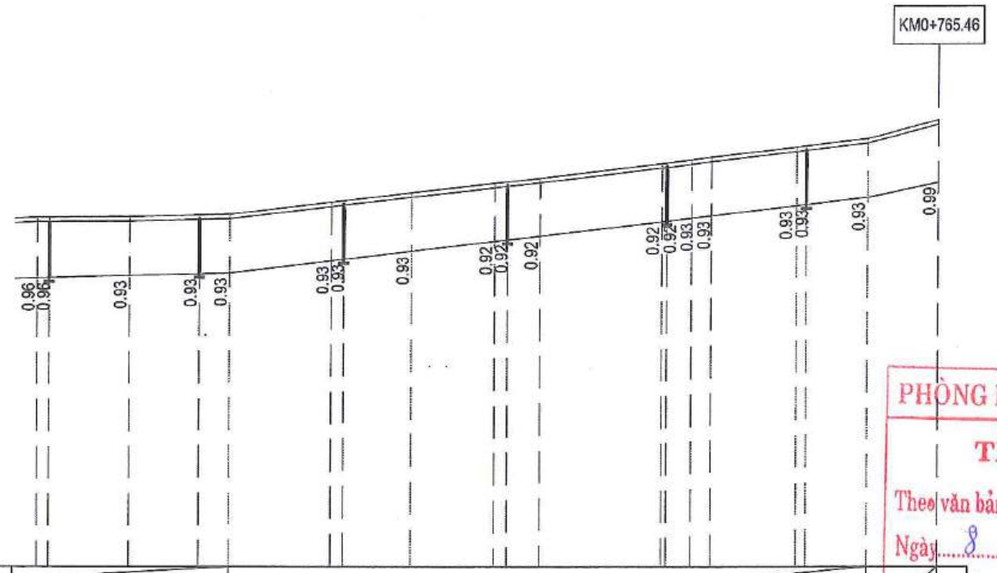


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 1.17% | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 2.11% | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 102.10 | 11.37 |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 9.57 9.57 | 9.61 | 9.64 | 9.65 | 9.84 9.86 | 9.99 | 10.15 10.17 | 10.23 | 10.46 10.47 | 10.51 10.55 | 10.71 10.73 | 10.84 | 11.08 | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 10.46 10.46 | 10.47 | 10.50 | 10.51 | 10.70 10.72 | 10.85 | 11.00 11.02 | 11.08 | 11.31 11.32 | 11.37 11.41 | 11.57 11.59 | 11.70 | 12.00 | | | | | | | | | | | | |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 10.53 10.53 | 10.54 | 10.57 | 10.58 | 10.77 10.79 | 10.92 | 11.07 11.09 | 11.15 | 11.38 11.39 | 11.44 11.48 | 11.64 11.66 | 11.77 | 12.07 | | | | | | | | | | | | |
| Khoảng cách lẻ | 1.91 | 12.98 | 11.34 | 4.97 | 16.32 | 2.03 | 11.01 | 13.32 | 1.99 | 15.16 | 19.35 | 0.81 | 4.00 | 3.15 | 13.67 | 1.51 | 9.79 | 11.37 | | | | | | | |
| Lý trình cọc | 620.79 622.70 | 635.68 | 647.02 | 651.99 | 668.31 670.34 | 681.35 | 694.67 696.66 | 701.82 | 721.17 721.98 | 725.98 729.13 | 742.79 744.30 | 754.09 | 765.46 | | | | | | | | | | | | |
| Tên cọc | D25 GT26 | 68 | GT27 | 69 | GT28 70 | 71 | D26 GT29 | D27 | GT30 D28 | D29 | D30 | GT31 D31 | 72 | R4 | | | | | | | | | | | |
| Hướng thoát nước | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4 |
| 1 | | | CHỦ ĐẦU TƯ | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 — SỐ HIỆU: TDR-T4-04 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH TRÁI ĐOẠN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 20 26
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 20 26
Người thẩm định ký tên:

KM0+0.00

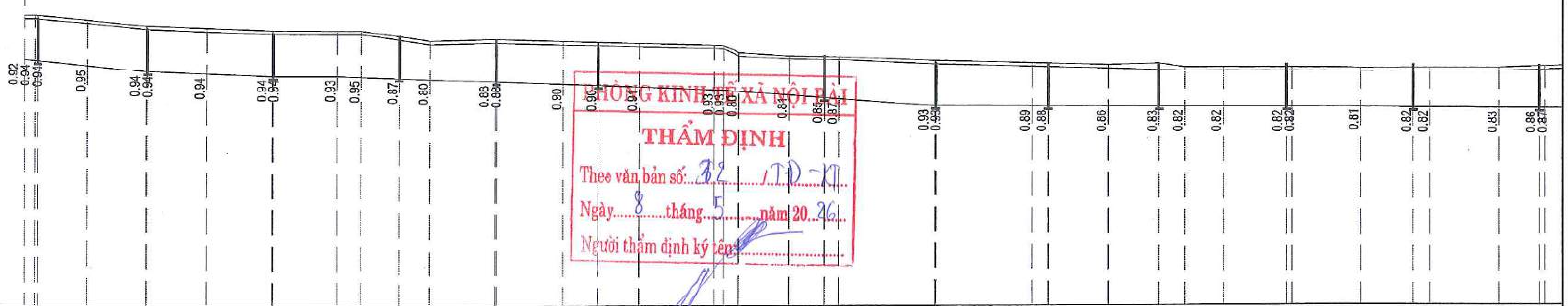


| | |
|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.97% / 26.06; 0.38% / 26.62; 0.00% / 13.38; 0.37% / 80.78; 0.75% / 44.01; 0.05% / 174.87 |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 11.10 11.08 11.07 10.97 10.85 10.85 10.80 10.75 10.75 10.75 10.73 10.70 10.68 10.63 10.63 10.57 10.55 10.52 10.46 10.45 10.43 10.35 10.29 10.27 10.12 10.12 10.11 10.11 10.10 10.10 10.09 10.09 10.08 10.08 10.07 10.07 10.07 10.06 10.06 10.05 |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 11.95 11.95 11.94 11.85 11.72 11.72 11.67 11.62 11.62 11.61 11.61 11.50 11.41 11.44 11.44 11.40 11.38 11.36 11.32 11.31 11.16 11.09 11.08 11.07 10.98 10.98 10.93 10.92 10.89 10.86 10.84 10.84 10.83 10.83 10.81 10.82 10.82 10.82 10.85 10.85 |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 12.02 12.02 12.01 11.92 11.79 11.79 11.74 11.69 11.69 11.68 11.68 11.57 11.48 11.51 11.51 11.47 11.45 11.43 11.39 11.38 11.23 11.16 11.15 11.14 11.05 11.05 11.00 10.99 10.96 10.93 10.91 10.91 10.90 10.90 10.88 10.89 10.89 10.89 10.92 10.92 |
| Khoảng cách lẻ | 2.33 0.61 10.70 12.42 0.20 12.25 14.07 0.10 13.38 5.03 7.81 6.48 13.53 0.31 14.05 7.27 8.46 15.74 2.10 3.02 10.49 7.32 3.17 20.00 0.15 19.85 3.47 12.58 10.74 5.29 7.79 13.23 1.09 14.30 10.93 3.37 14.35 8.60 1.16 |
| Lý trình cọc | 0.00 2.33 2.94 13.64 26.06 26.26 38.51 52.58 52.68 66.07 71.09 78.90 85.38 98.91 99.22 113.27 120.54 129.00 144.74 146.84 149.87 160.36 167.68 170.85 190.85 191.00 210.85 214.32 226.90 237.64 242.93 250.73 263.96 265.05 279.35 290.28 293.65 308.00 316.60 317.76 |
| Tên cọc | RST32 D33 D34 73 GT33 74 75 GT34 D35 D36 GT35 76 GT36 77 78 GT37 79 80 82 D37 83 GT38 84 85 GT39 86 GT40 87 GT41 D38 D39 GT42 88 89 GT43 90 D40 GT44 D41 |
| Hướng thoát nước | □→ □→ □→ □→ □→ □→ □→ □→ □→ □→ □→ □→ □→ □ |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN:<br>CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ:1/1000,1/100 | SỐ HIỆU:TDR-T4-05 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT – M.S.D.N: 0102617419 – Q. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH TRÁI ĐOẠN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 242/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32/TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

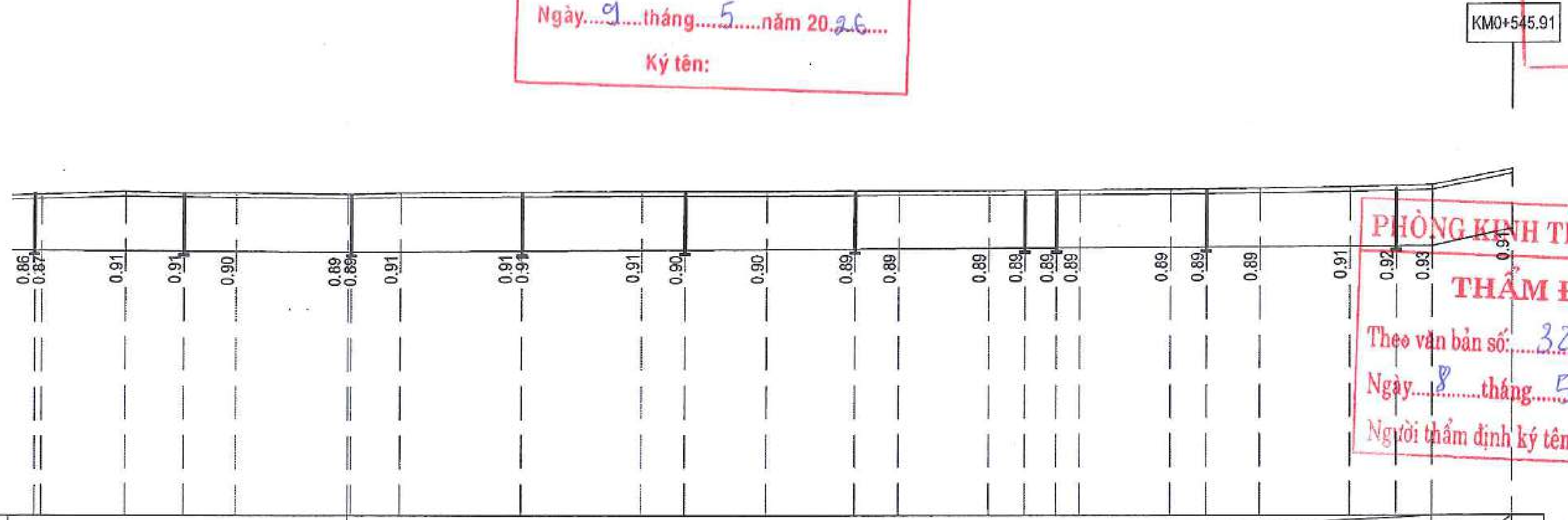


Độ dốc thiết kế đáy rãnh: 0.05% – 167.69; 2.08% – 12.50

| Tên cọc | Lý trình cọc | Cao độ thiết kế đáy rãnh | Cao độ thiết kế mặt rãnh | Cao độ thiết kế mặt đường | Khoảng cách lẻ |
|---|---|---|---|---|---|
| GT44 | 316.60 | 10.06 | 10.85 | 10.92 | 0 |
| D41 | 317.76 | 10.05 | 10.85 | 10.92 | 1.16 |
| 91 | 330.89 | 10.05 | 10.89 | 10.96 | 13.13 |
| GT45 | 339.92 | 10.04 | 10.88 | 10.95 | 9.03 |
| 92 | 348.19 | 10.04 | 10.87 | 10.94 | 8.27 |
| GT46 | 365.72 | 10.03 | 10.85 | 10.92 | 17.53 |
| D42 | 366.24 | 10.03 | 10.85 | 10.92 | 0.52 |
| D43 | 374.02 | 10.03 | 10.87 | 10.94 | 7.78 |
| 93 | 392.50 | 10.04 | 10.88 | 10.95 | 18.48 |
| GT47 | 392.56 | 10.04 | 10.88 | 10.95 | 0.06 |
| 94 | 411.13 | 10.05 | 10.89 | 10.96 | 18.57 |
| GT48 | 417.88 | 10.06 | 10.89 | 10.96 | 6.75 |
| D44 | 430.41 | 10.06 | 10.89 | 10.96 | 12.53 |
| GT49 | 444.20 | 10.07 | 10.90 | 10.97 | 13.79 |
| 95 | 451.11 | 10.08 | 10.90 | 10.97 | 6.91 |
| 96 | 465.03 | 10.08 | 10.90 | 10.97 | 13.92 |
| GT50 | 470.52 | 10.09 | 10.90 | 10.97 | 5.49 |
| GT51 | 475.34 | 10.09 | 10.91 | 10.98 | 4.82 |
| D45 | 478.95 | 10.09 | 10.91 | 10.98 | 3.61 |
| 97 | 493.05 | 10.10 | 10.92 | 10.99 | 14.10 |
| GT52 | 498.66 | 10.10 | 10.92 | 10.99 | 5.61 |
| 98 | 507.00 | 10.11 | 10.93 | 11.00 | 8.34 |
| D46 | 520.93 | 10.11 | 10.95 | 11.02 | 13.93 |
| GT53 | 527.98 | 10.12 | 10.97 | 11.04 | 7.05 |
| 99 | 533.41 | 10.12 | 10.98 | 11.05 | 5.43 |
| R6 | 545.91 | 10.38 | 11.22 | 11.29 | 12.50 |

Hướng thoát nước

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4

TỶ LỆ: 1/1000,1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T4-06
HOÀN THÀNH | NĂM 2026

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
KÊNH PHẢI ĐOẠN 1

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

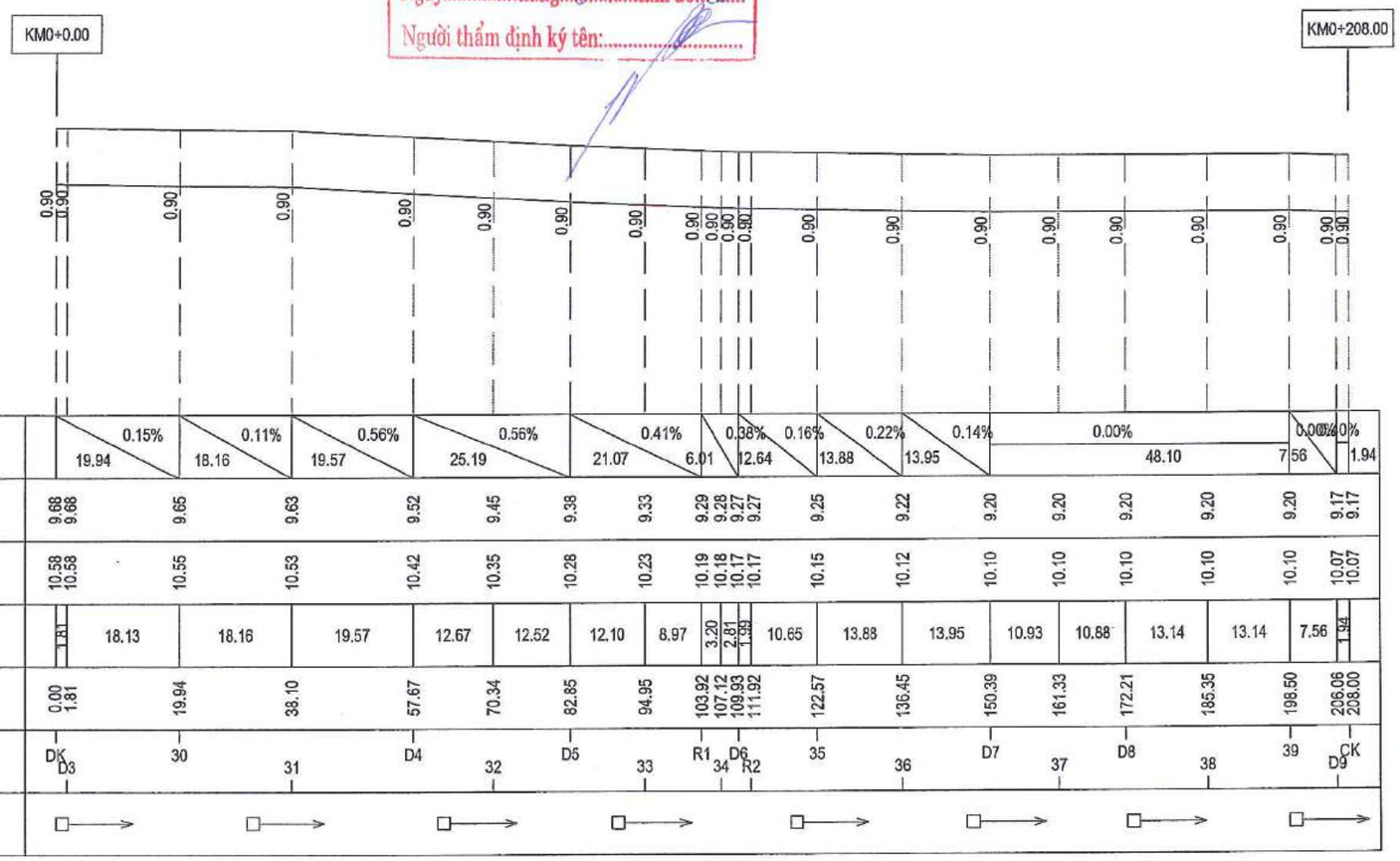


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4 |
| | | | | | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 — SỐ HIỆU: TDR-T4-07 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH CŨ TRÁI ĐOẠN 1

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

KM0+0.00 — KM0+207.27

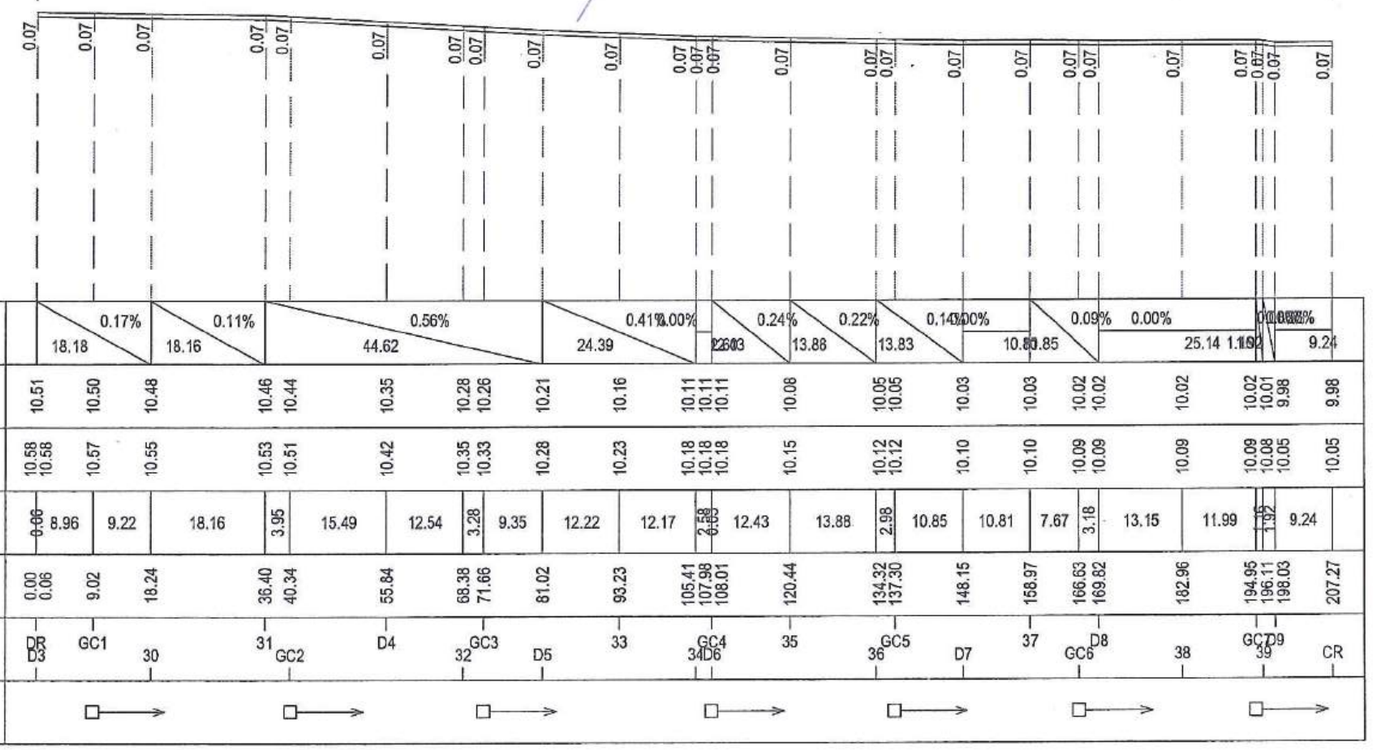


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG — U.B.N.D XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT — M.S.D.N: 0102617419-C.T.C.P — THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**TÊN BẢN VẼ**
TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T4-08 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH PHẢI ĐOẠN 1

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

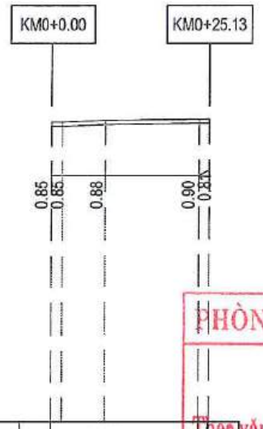


| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.00% | 5.78% | 23.57 | 1.56 |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 8.90 8.90 | 8.90 | | 8.90 8.89 |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 9.68 9.68 | 9.71 | | 9.73 9.73 |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 9.75 9.75 | 9.78 | | 9.80 9.80 |
| Khoảng cách lẻ | 1.67 | 6.83 | 15.07 | 1.56 |
| Lý trình cọc | 0.00 1.67 | 8.50 | | 23.57 25.13 |
| Tên cọc | CX 43 | 44 | | DR 45 |
| Hướng thoát nước | ← □ | | | ← □ |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

# HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000,1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T4-09 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4
RÃNH PHẢI ĐOẠN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

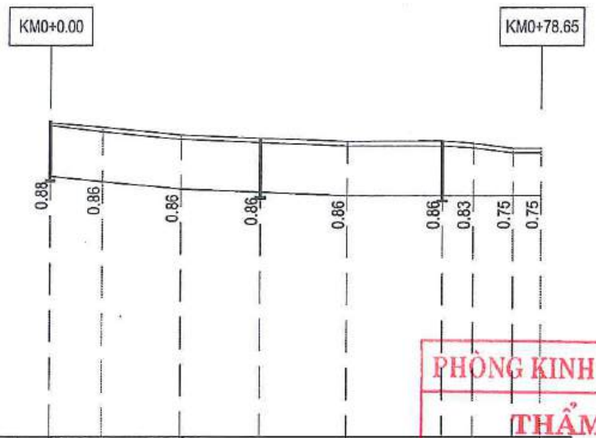


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Độ dốc thiết kế đáy rãnh | 0.96% | | 0.38% | | 0.00% | | | | | |
| | 21.08 | | 26.62 | | 60.98 | | | | | |
| Cao độ thiết kế đáy rãnh | 11.12 | 11.04 | 10.92 | 10.87 | 10.82 | 10.82 | 10.82 | 10.82 | 10.82 | |
| Cao độ thiết kế mặt rãnh | 11.93 | 11.83 | 11.71 | 11.66 | 11.61 | 11.61 | 11.58 | 11.50 | 11.50 | |
| Cao độ thiết kế mặt đường | 12.00 | 11.90 | 11.78 | 11.73 | 11.68 | 11.68 | 11.65 | 11.57 | 11.57 | |
| Khoảng cách lẻ | | 8.59 | 12.49 | 12.45 | 14.17 | 15.09 | 4.87 | 6.39 | 4.61 | |
| Lý trình cọc | 0.00 | 8.59 | 21.08 | 33.53 | 47.70 | 62.79 | 67.66 | 74.04 | 78.65 | |
| Tên cọc | R5 (GP1) | D34 | 73 | 74 (GP2) | 75 | D35(GP3) | D36 | R6 | R7 | |
| Hướng thoát nước | → | | → | | → | | → | | | |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ:1/1000,1/100 | SỐ HIỆU:TDR-T4-10 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4

**BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH B50**

| STT | Tên ga, tên cọc | Khoảng cách lẻ (a) | Cao độ mặt đường | Cao độ mặt rãnh (b) | Cao độ đáy rãnh (c) | Chiều cao rãnh | Chiều cao trung bình (e) | i=a*e |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đoạn 4-1 (Trái tuyến)** | | | | | | | | |
| 1 | R1 | 0.00 | 11.17 | 11.17 | 10.05 | 1.12 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | 3 | 11.09 | 11.09 | 11.09 | 9.97 | 1.12 | 1.12 | 12.42 |
| 3 | 4 | 13.90 | 11.09 | 11.09 | 9.97 | 1.12 | 1.12 | 15.57 |
| 4 | 5 | 20.00 | 11.08 | 11.08 | 9.96 | 1.12 | 1.12 | 22.40 |
| 5 | 6 | 20.00 | 11.08 | 11.08 | 9.96 | 1.12 | 1.12 | 22.40 |
| 6 | 7 | 14.74 | 11.05 | 11.05 | 9.94 | 1.11 | 1.12 | 16.44 |
| 7 | 8 | 15.51 | 11.03 | 11.03 | 9.91 | 1.12 | 1.12 | 17.30 |
| 8 | D1 | 15.54 | 11.00 | 11.00 | 9.88 | 1.12 | 1.12 | 17.40 |
| 9 | 9 | 10.55 | 10.98 | 10.98 | 9.86 | 1.12 | 1.12 | 11.81 |
| 10 | 10 | 10.55 | 10.96 | 10.96 | 9.84 | 1.12 | 1.12 | 11.81 |
| 11 | 11 | 13.28 | 10.94 | 10.94 | 9.82 | 1.12 | 1.12 | 14.88 |
| 12 | 12 | 13.28 | 10.92 | 10.92 | 9.80 | 1.12 | 1.12 | 14.88 |
| 13 | 13 | 13.28 | 10.89 | 10.89 | 9.78 | 1.11 | 1.12 | 14.81 |
| 14 | 14 | 13.28 | 10.87 | 10.87 | 9.75 | 1.12 | 1.12 | 14.81 |
| 15 | 15 | 15.88 | 10.84 | 10.84 | 9.72 | 1.12 | 1.12 | 17.78 |
| 16 | 17 | 12.37 | 10.81 | 10.81 | 9.69 | 1.12 | 1.12 | 13.86 |
| 17 | R2 | 2.01 | 10.81 | 10.81 | 9.69 | 1.12 | 1.12 | 2.25 |
| 18 | CX | 7.22 | 10.81 | 10.74 | 9.69 | 1.05 | 1.09 | 7.83 |
| | **Tổng** | **222.50** | | | | | | **248.66** |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

**BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH B50**

| STT | Tên ga, tên cọc | Khoảng cách lẻ (a) | Cao độ mặt đường | Cao độ mặt rãnh (b) | Cao độ đáy rãnh (c) | Chiều cao rãnh | Chiều cao trung bình (e) | i=a*e |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đoạn 4-2 (Trái tuyến)** | | | | | | | | |
| 1 | GT1 | 0.00 | 10.01 | 9.94 | 9.13 | 0.81 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | 41 | 13.69 | 10.01 | 9.94 | 9.08 | 0.86 | 0.83 | 11.43 |
| 3 | GT2 | 14.63 | 9.96 | 9.89 | 9.03 | 0.86 | 0.86 | 12.60 |
| 4 | 42 | 0.51 | 9.96 | 9.89 | 9.02 | 0.87 | 0.87 | 0.44 |
| 5 | D10 | 17.27 | 9.89 | 9.82 | 8.96 | 0.86 | 0.87 | 14.94 |
| 6 | GT3 | 6.54 | 9.87 | 9.80 | 8.94 | 0.86 | 0.86 | 5.61 |
| 7 | D11 | 13.02 | 9.82 | 9.75 | 8.89 | 0.86 | 0.86 | 11.17 |
| 8 | GT4 | 13.30 | 9.78 | 9.71 | 8.84 | 0.87 | 0.86 | 11.51 |
| 9 | 44 | 0.58 | 9.78 | 9.71 | 8.84 | 0.87 | 0.87 | 0.50 |
| 10 | 45 | 15.07 | 9.80 | 9.73 | 8.86 | 0.87 | 0.87 | 13.11 |
| 11 | 46 | 8.26 | 9.79 | 9.72 | 8.88 | 0.84 | 0.86 | 7.06 |
| 12 | GT5 | 4.81 | 9.80 | 9.73 | 8.88 | 0.85 | 0.85 | 4.08 |
| 13 | 47 | 5.37 | 9.82 | 9.75 | 8.89 | 0.86 | 0.86 | 4.60 |
| 14 | 48 | 12.71 | 9.84 | 9.77 | 8.91 | 0.86 | 0.86 | 10.93 |
| 15 | GT6 | 10.74 | 9.86 | 9.79 | 8.93 | 0.86 | 0.86 | 9.22 |
| 16 | D14 | 1.94 | 9.86 | 9.79 | 8.93 | 0.86 | 0.86 | 1.67 |
| 17 | 49 | 13.94 | 9.77 | 9.70 | 8.84 | 0.86 | 0.86 | 11.99 |
| 18 | GT7 | 14.44 | 9.68 | 9.61 | 8.75 | 0.86 | 0.86 | 12.42 |
| 19 | 50 | 1.87 | 9.67 | 9.60 | 8.74 | 0.86 | 0.86 | 1.61 |
| 20 | D15 | 16.33 | 9.64 | 9.57 | 8.74 | 0.83 | 0.85 | 13.80 |
| 21 | GT8 | 7.12 | 9.63 | 9.56 | 8.74 | 0.82 | 0.82 | 5.86 |
| 22 | 51 | 8.60 | 9.61 | 9.54 | 8.74 | 0.80 | 0.81 | 6.95 |
| 23 | GT9 | 12.72 | 9.63 | 9.56 | 8.74 | 0.82 | 0.81 | 10.28 |
| 24 | 52 | 2.96 | 9.63 | 9.56 | 8.74 | 0.82 | 0.82 | 2.42 |
| 25 | 53 | 15.69 | 9.64 | 9.57 | 8.73 | 0.84 | 0.83 | 13.02 |
| 26 | GT10 | 8.67 | 9.65 | 9.58 | 8.73 | 0.85 | 0.84 | 7.31 |
| 27 | GT11 | 4.32 | 9.65 | 9.58 | 8.73 | 0.85 | 0.85 | 3.66 |
| 28 | D16 | 2.71 | 9.65 | 9.58 | 8.73 | 0.85 | 0.85 | 2.30 |
| 29 | 54 | 15.36 | 9.66 | 9.59 | 8.73 | 0.86 | 0.86 | 13.14 |
| 30 | GT12 | 4.75 | 9.66 | 9.59 | 8.73 | 0.86 | 0.86 | 4.08 |
| 31 | D17 | 10.59 | 9.66 | 9.59 | 8.73 | 0.86 | 0.86 | 9.11 |
| 32 | GT13 | 16.73 | 9.70 | 9.63 | 8.77 | 0.86 | 0.86 | 14.39 |
| 33 | 55 | 0.52 | 9.70 | 9.63 | 8.77 | 0.86 | 0.86 | 0.45 |
| 34 | GT14 | 4.30 | 9.70 | 9.63 | 8.78 | 0.85 | 0.86 | 3.68 |
| 35 | D18 | 12.93 | 9.74 | 9.67 | 8.81 | 0.86 | 0.86 | 11.05 |
| 36 | 56 | 15.39 | 9.77 | 9.70 | 8.84 | 0.86 | 0.86 | 13.24 |
| 37 | GT15 | 4.00 | 9.78 | 9.71 | 8.85 | 0.86 | 0.86 | 3.44 |
| 38 | D19 | 11.45 | 9.81 | 9.74 | 8.88 | 0.86 | 0.86 | 9.85 |
| 39 | 57 | 15.84 | 9.82 | 9.75 | 8.89 | 0.86 | 0.86 | 13.62 |
| 40 | GT16 | 2.03 | 9.82 | 9.75 | 8.89 | 0.86 | 0.86 | 1.75 |
| 41 | D20 | 13.78 | 9.83 | 9.76 | 8.90 | 0.86 | 0.86 | 11.86 |
| 42 | GT17 | 10.54 | 9.84 | 9.77 | 8.91 | 0.86 | 0.86 | 9.04 |
| 43 | D21 | 5.20 | 9.84 | 9.77 | 8.91 | 0.86 | 0.86 | 4.47 |
| 44 | 58 | 15.55 | 9.88 | 9.81 | 8.96 | 0.85 | 0.86 | 13.29 |
| 45 | GT18 | 9.57 | 9.91 | 9.84 | 8.99 | 0.85 | 0.85 | 8.13 |
| 46 | 59 | 6.36 | 9.93 | 9.86 | 9.01 | 0.85 | 0.85 | 5.40 |
| 47 | D22 | 15.91 | 9.98 | 9.91 | 9.06 | 0.85 | 0.85 | 13.52 |
| 48 | GT19 | 1.06 | 9.98 | 9.91 | 9.06 | 0.85 | 0.85 | 0.90 |
| 49 | 60 | 13.76 | 10.03 | 9.96 | 9.10 | 0.86 | 0.86 | 11.79 |
| 50 | GT20 | 8.56 | 10.06 | 9.99 | 9.13 | 0.86 | 0.86 | 7.35 |
| 51 | 61 | 6.26 | 10.08 | 10.01 | 9.15 | 0.86 | 0.86 | 5.38 |
| 52 | D23 | 13.88 | 10.12 | 10.05 | 9.19 | 0.86 | 0.86 | 11.93 |
| 53 | GT21 | 6.18 | 10.13 | 10.06 | 9.21 | 0.85 | 0.86 | 5.30 |
| 54 | 62 | 6.87 | 10.15 | 10.08 | 9.23 | 0.85 | 0.85 | 5.85 |
| 55 | 63 | 13.06 | 10.18 | 10.11 | 9.26 | 0.85 | 0.85 | 11.10 |
| 56 | GT22 | 6.39 | 10.20 | 10.13 | 9.28 | 0.85 | 0.85 | 5.42 |
| 57 | 64 | 13.62 | 10.23 | 10.16 | 9.31 | 0.85 | 0.85 | 11.55 |
| 58 | GT23 | 10.70 | 10.26 | 10.19 | 9.34 | 0.85 | 0.85 | 9.11 |
| 59 | 65 | 9.30 | 10.29 | 10.22 | 9.37 | 0.85 | 0.85 | 7.92 |
| 60 | D24 | 20.29 | 10.35 | 10.28 | 9.42 | 0.86 | 0.86 | 17.35 |
| 61 | GT24 | 0.73 | 10.35 | 10.28 | 9.43 | 0.85 | 0.86 | 0.63 |
| 62 | 66 | 18.98 | 10.40 | 10.33 | 9.48 | 0.85 | 0.85 | 16.15 |
| 63 | GT25 | 7.34 | 10.42 | 10.35 | 9.50 | 0.85 | 0.85 | 6.25 |
| 64 | 67 | 8.91 | 10.45 | 10.38 | 9.52 | 0.86 | 0.86 | 7.63 |
| 65 | D25 | 16.30 | 10.53 | 10.46 | 9.57 | 0.89 | 0.87 | 14.26 |
| 66 | GT26 | 1.91 | 10.53 | 10.46 | 9.57 | 0.89 | 0.89 | 1.70 |
| 67 | 68 | 12.98 | 10.54 | 10.47 | 9.61 | 0.86 | 0.88 | 11.36 |
| 68 | GT27 | 11.34 | 10.57 | 10.50 | 9.64 | 0.86 | 0.86 | 9.74 |
| 69 | 69 | 4.97 | 10.58 | 10.51 | 9.65 | 0.86 | 0.86 | 4.27 |
| 70 | 70 | 16.32 | 10.77 | 10.70 | 9.84 | 0.86 | 0.86 | 14.03 |
| 71 | GT28 | 2.03 | 10.79 | 10.72 | 9.86 | 0.86 | 0.86 | 1.75 |
| 72 | 71 | 11.01 | 10.92 | 10.85 | 9.99 | 0.86 | 0.86 | 9.49 |
| 73 | D26 | 13.32 | 11.07 | 11.00 | 10.15 | 0.85 | 0.86 | 11.39 |
| 74 | GT29 | 1.99 | 11.09 | 11.02 | 10.17 | 0.85 | 0.85 | 1.69 |
| 75 | D27 | 5.16 | 11.15 | 11.08 | 10.23 | 0.85 | 0.85 | 4.39 |
| 76 | D28 | 19.35 | 11.38 | 11.31 | 10.46 | 0.85 | 0.85 | 16.45 |
| 77 | GT30 | 0.81 | 11.39 | 11.32 | 10.47 | 0.85 | 0.85 | 0.69 |
| 78 | D29 | 4.00 | 11.44 | 11.37 | 10.51 | 0.86 | 0.86 | 3.42 |
| 79 | D30 | 3.15 | 11.48 | 11.41 | 10.55 | 0.86 | 0.86 | 2.71 |
| 80 | D31 | 13.67 | 11.64 | 11.57 | 10.71 | 0.86 | 0.86 | 11.75 |
| 81 | GT31 | 1.51 | 11.66 | 11.59 | 10.73 | 0.86 | 0.86 | 1.29 |
| 82 | 72 | 9.79 | 11.77 | 11.70 | 10.84 | 0.86 | 0.86 | 8.41 |
| 83 | R4 | 11.37 | 12.07 | 12.00 | 11.08 | 0.92 | 0.89 | 10.12 |
| | **Tổng** | **765.46** | | | | | | **654.53** |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 . 08 / APEX-BCTT
Ngày . 8 . tháng 5 . năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 263 /QĐ-QLDA
Ngày 7 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH TRUNG BÌNH

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/1000, 1/100 | SỐ HIỆU: TDR-T4-11 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TRẮC DỌC RÃNH TUYẾN 4

**BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH B50**

| STT | Tên ga, tên cọc | Khoảng cách lẻ (a) | Cao độ mặt đường | Cao độ mặt rãnh (b) | Cao độ đáy rãnh (c) | Chiều cao rãnh | Chiều cao trung bình (e) | i=a*e |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đoạn 4-3 (Trái tuyến)** | | | | | | | | |
| 1 | R5 | 0.00 | 12.02 | 11.95 | 11.10 | 0.85 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | D33 | 2.33 | 12.02 | 11.95 | 11.08 | 0.87 | 0.86 | 2.01 |
| 3 | GT32 | 0.61 | 12.01 | 11.94 | 11.07 | 0.87 | 0.87 | 0.53 |
| | D34 | 10.70 | 11.92 | 11.85 | 10.97 | 0.88 | 0.88 | 9.39 |
| | 73 | 12.42 | 11.79 | 11.72 | 10.85 | 0.87 | 0.87 | 10.86 |
| | GT33 | 0.20 | 11.79 | 11.72 | 10.85 | 0.87 | 0.87 | 0.18 |
| | 74 | 12.25 | 11.74 | 11.67 | 10.80 | 0.87 | 0.87 | 10.65 |
| | GT34 | 14.07 | 11.69 | 11.62 | 10.75 | 0.87 | 0.87 | 12.25 |
| | 75 | 0.10 | 11.69 | 11.62 | 10.75 | 0.87 | 0.87 | 0.09 |
| | D35 | 13.38 | 11.68 | 11.61 | 10.75 | 0.86 | 0.86 | 11.58 |
| | D36 | 5.03 | 11.68 | 11.61 | 10.73 | 0.88 | 0.87 | 4.37 |
| | GT35 | 7.81 | 11.57 | 11.50 | 10.70 | 0.80 | 0.84 | 6.56 |
| | 76 | 6.48 | 11.48 | 11.41 | 10.68 | 0.73 | 0.77 | 4.96 |
| | 77 | 13.53 | 11.51 | 11.44 | 10.63 | 0.81 | 0.77 | 10.42 |
| | GT36 | 0.31 | 11.51 | 11.44 | 10.63 | 0.81 | 0.81 | 0.25 |
| | 78 | 14.05 | 11.47 | 11.40 | 10.57 | 0.83 | 0.82 | 11.51 |
| | GT37 | 7.27 | 11.45 | 11.38 | 10.55 | 0.83 | 0.83 | 6.04 |
| | 79 | 8.46 | 11.43 | 11.36 | 10.52 | 0.84 | 0.84 | 7.07 |
| | 80 | 15.74 | 11.39 | 11.32 | 10.46 | 0.86 | 0.85 | 13.38 |
| | D37 | 2.10 | 11.38 | 11.31 | 10.45 | 0.86 | 0.86 | 1.81 |
| | 82 | 3.02 | 11.23 | 11.16 | 10.43 | 0.73 | 0.80 | 2.40 |
| | 83 | 10.49 | 11.16 | 11.09 | 10.35 | 0.74 | 0.74 | 7.71 |
| | GT38 | 7.32 | 11.15 | 11.08 | 10.29 | 0.79 | 0.76 | 5.59 |
| | 84 | 3.17 | 11.14 | 11.07 | 10.27 | 0.80 | 0.79 | 2.51 |
| | 85 | 20.00 | 11.05 | 10.98 | 10.12 | 0.86 | 0.83 | 16.60 |
| | GT39 | 0.15 | 11.05 | 10.98 | 10.12 | 0.86 | 0.86 | 0.13 |
| | 86 | 19.85 | 11.00 | 10.93 | 10.11 | 0.82 | 0.84 | 16.67 |
| | GT40 | 3.47 | 10.99 | 10.92 | 10.11 | 0.81 | 0.82 | 2.83 |
| | 87 | 12.58 | 10.96 | 10.89 | 10.10 | 0.79 | 0.80 | 10.07 |
| | GT41 | 10.74 | 10.93 | 10.86 | 10.10 | 0.76 | 0.77 | 8.30 |
| | D38 | 5.29 | 10.91 | 10.84 | 10.09 | 0.75 | 0.75 | 3.99 |
| | D39 | 7.79 | 10.91 | 10.84 | 10.09 | 0.75 | 0.75 | 5.84 |
| | GT42 | 13.23 | 10.90 | 10.83 | 10.08 | 0.75 | 0.75 | 9.93 |
| | 88 | 1.09 | 10.90 | 10.83 | 10.08 | 0.75 | 0.75 | 0.82 |
| | 89 | 14.30 | 10.88 | 10.81 | 10.07 | 0.74 | 0.75 | 10.65 |
| | GT43 | 10.93 | 10.89 | 10.82 | 10.07 | 0.75 | 0.74 | 8.13 |
| | 90 | 3.37 | 10.89 | 10.82 | 10.07 | 0.75 | 0.75 | 2.52 |
| | D40 | 14.35 | 10.89 | 10.82 | 10.06 | 0.76 | 0.76 | 10.83 |
| | GT44 | 8.60 | 10.92 | 10.85 | 10.06 | 0.79 | 0.77 | 6.65 |
| | D41 | 1.16 | 10.92 | 10.85 | 10.05 | 0.80 | 0.79 | 0.92 |
| | 91 | 13.13 | 10.96 | 10.89 | 10.05 | 0.84 | 0.82 | 10.77 |
| | GT45 | 9.03 | 10.95 | 10.88 | 10.04 | 0.84 | 0.84 | 7.59 |
| | 92 | 8.27 | 10.94 | 10.87 | 10.04 | 0.83 | 0.83 | 6.90 |
| | D42 | 17.53 | 10.92 | 10.85 | 10.03 | 0.82 | 0.83 | 14.46 |
| | GT46 | 0.52 | 10.92 | 10.85 | 10.03 | 0.82 | 0.82 | 0.43 |
| | D43 | 7.78 | 10.94 | 10.87 | 10.03 | 0.84 | 0.83 | 6.46 |
| | 93 | 18.48 | 10.95 | 10.88 | 10.04 | 0.84 | 0.84 | 15.52 |
| | GT47 | 0.06 | 10.95 | 10.88 | 10.04 | 0.84 | 0.84 | 0.05 |
| | 94 | 18.57 | 10.96 | 10.89 | 10.05 | 0.84 | 0.84 | 15.60 |
| | GT48 | 6.75 | 10.96 | 10.89 | 10.06 | 0.83 | 0.84 | 5.63 |
| | D44 | 12.53 | 10.96 | 10.89 | 10.06 | 0.83 | 0.83 | 10.40 |
| | GT49 | 13.79 | 10.97 | 10.90 | 10.07 | 0.83 | 0.83 | 11.42 |
| | 95 | 6.91 | 10.97 | 10.90 | 10.08 | 0.82 | 0.82 | 5.69 |
| | 96 | 13.92 | 10.97 | 10.90 | 10.08 | 0.82 | 0.82 | 11.41 |
| | GT50 | 5.49 | 10.97 | 10.90 | 10.09 | 0.81 | 0.82 | 4.48 |
| | GT51 | 4.82 | 10.98 | 10.91 | 10.09 | 0.82 | 0.82 | 3.93 |
| | D45 | 3.61 | 10.98 | 10.91 | 10.09 | 0.82 | 0.82 | 2.96 |
| | 97 | 14.10 | 10.99 | 10.92 | 10.10 | 0.82 | 0.82 | 11.56 |
| | GT52 | 5.61 | 10.99 | 10.92 | 10.10 | 0.82 | 0.82 | 4.61 |
| | 98 | 8.34 | 11.00 | 10.93 | 10.11 | 0.82 | 0.82 | 6.86 |
| | D46 | 13.93 | 11.02 | 10.95 | 10.11 | 0.84 | 0.83 | 11.56 |
| | GT53 | 7.05 | 11.04 | 10.97 | 10.12 | 0.85 | 0.84 | 5.95 |
| | 99 | 5.43 | 11.05 | 10.98 | 10.12 | 0.86 | 0.85 | 4.63 |
| | R6 | 12.50 | 11.29 | 11.22 | 10.38 | 0.84 | 0.85 | 10.62 |
| | Tổng | 545.91 | | | | | | 446.52 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 943/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 08 tháng 5 năm 2026

**BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH B50**

| STT | Tên ga, tên cọc | Khoảng cách lẻ (a) | Cao độ mặt đường | Cao độ mặt rãnh (b) | Cao độ đáy rãnh (c) | Chiều cao rãnh | Chiều cao trung bình (e) | i=a*e |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đoạn 4-1 (Phải tuyến)** | | | | | | | | |
| 1 | CX | 0.00 | 9.75 | 9.68 | 8.90 | 0.78 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | 43 | 1.67 | 9.75 | 9.68 | 8.90 | 0.78 | 0.78 | 1.30 |
| 3 | 44 | 6.83 | 9.78 | 9.71 | 8.90 | 0.81 | 0.79 | 5.43 |
| 4 | 45 | 15.07 | 9.80 | 9.73 | 8.90 | 0.83 | 0.82 | 12.36 |
| 5 | DR | 1.56 | 9.80 | 9.73 | 8.99 | 0.74 | 0.79 | 1.22 |
| | Tổng | 25.13 | | | | | | 20.31 |
| **Đoạn 4-2 (Phải tuyến)** | | | | | | | | |
| 1 | R5 | 0.00 | 12.00 | 11.93 | 11.12 | 0.81 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | D34 | 8.59 | 11.90 | 11.83 | 11.04 | 0.79 | 0.80 | 6.87 |
| 3 | 73 | 12.49 | 11.78 | 11.71 | 10.92 | 0.79 | 0.79 | 9.87 |
| 4 | 74 | 12.45 | 11.73 | 11.66 | 10.87 | 0.79 | 0.79 | 9.83 |
| 5 | 75 | 14.17 | 11.68 | 11.61 | 10.82 | 0.79 | 0.79 | 11.20 |
| 6 | D35 | 15.09 | 11.68 | 11.61 | 10.82 | 0.79 | 0.79 | 11.92 |
| 7 | D36 | 4.87 | 11.65 | 11.56 | 10.82 | 0.76 | 0.77 | 3.77 |
| 8 | R6 | 6.39 | 11.57 | 11.50 | 10.82 | 0.68 | 0.72 | 4.60 |
| 9 | R7 | 4.61 | 11.57 | 11.50 | 10.82 | 0.68 | 0.68 | 3.13 |
| | Tổng | 78.65 | | | | | | 61.20 |
| Tổng 4-1(T) | | 222.50 | | | | | | 248.66 |
| - Chiều cao trung bình rãnh B50: | | | | | 1.12 | m | | |
| Tổng đoạn còn lại | | 1415.15 | | | | | | 1182.57 |
| - Chiều cao trung bình rãnh B50: | | | | | 0.84 | m | | |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| MIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | BẢNG TÍNH CHIỀU CAO RÃNH TRUNG BÌNH |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | TỶ LỆ:1/1000,1/100 — SỐ HIỆU:TDR-T4-12 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X97CM

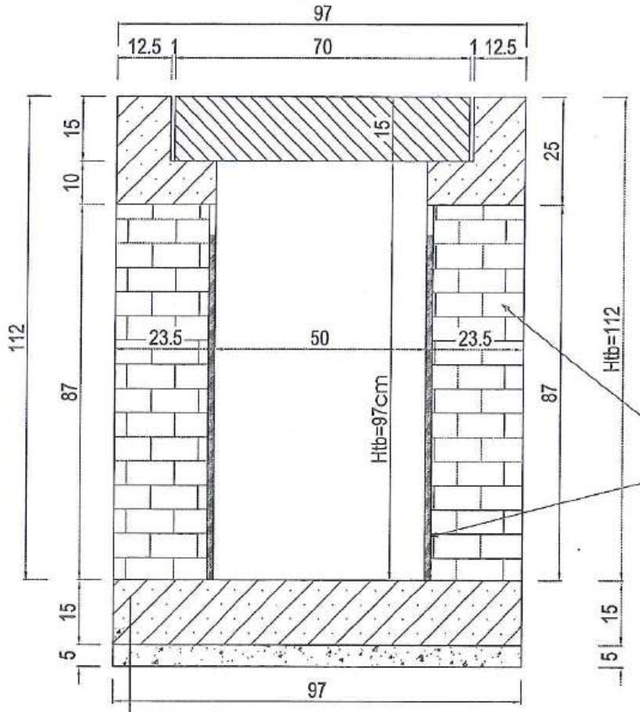


Xây gạch không nung vữa mác #75.

Trát rãnh vữa mác #75 dày 1.5cm.

Móng BTXM M150 dày 15 cm

Ni lon lót

Cát đệm dày 5cm

## MẶT CẮT III - III

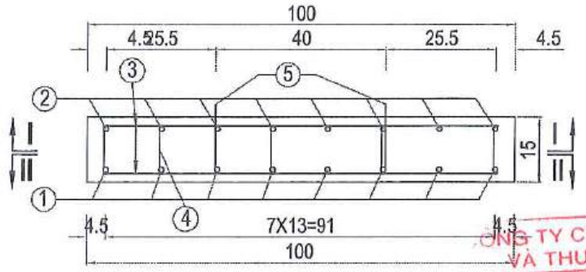


## CẤU TẠO TẤM ĐẬY RÃNH (KT: 100x70x15)

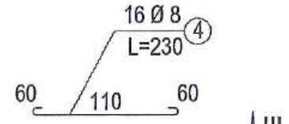


## MẶT CẮT I - I (LƯỚI TRÊN)

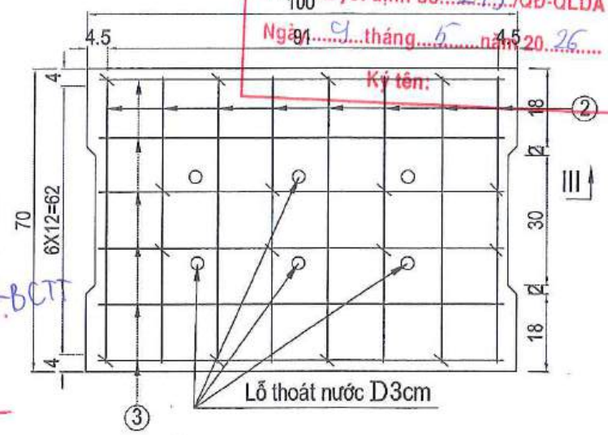


## CHI TIẾT THÉP

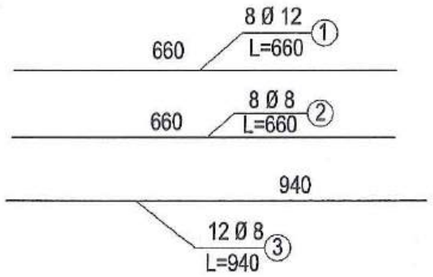


## CẤU TẠO MÓC CẨU

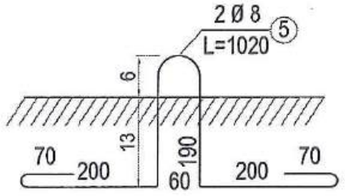


## MẶT CẮT II - II (LƯỚI DƯỚI)

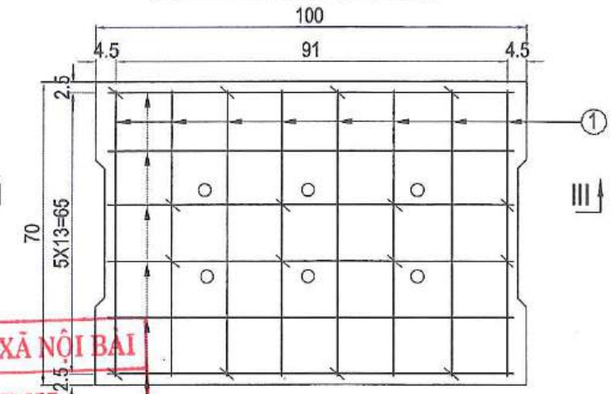


## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

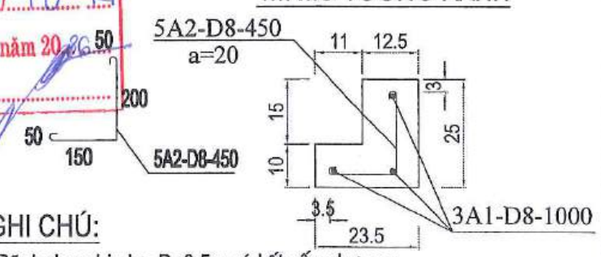


### BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 BẢN ĐẬY RÃNH KT(100X70X15)CM

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài 1 thanh | Số thanh | Khối lượng | Đơn vị |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 12 | 660 | 8 | 4,69 | Kg |
| 2 | 8 | 660 | 8 | 2,08 | Kg |
| 3 | 8 | 940 | 12 | 4,45 | Kg |
| 4 | 8 | 230 | 16 | 1,45 | Kg |
| 5 | 8 | 1020 | 2 | 0,80 | Kg |
| Bê tông M250# | | | | 0,105 | $m^3$ |
| Ván khuôn | | | | 0,51 | $m^2$ |

### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

### BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=0,5M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,383 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,740 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

### GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp đệm cát dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh KT:100x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.06/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH HOÀN TRẢ B50CM TUYẾN 1 |
| 1 | | | | | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 — SỐ HIỆU: T4-CT- 01 |
| 3 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |
| | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC 16-1.97M, CHIỀU DÀI L=7.22M

Y BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X90CM

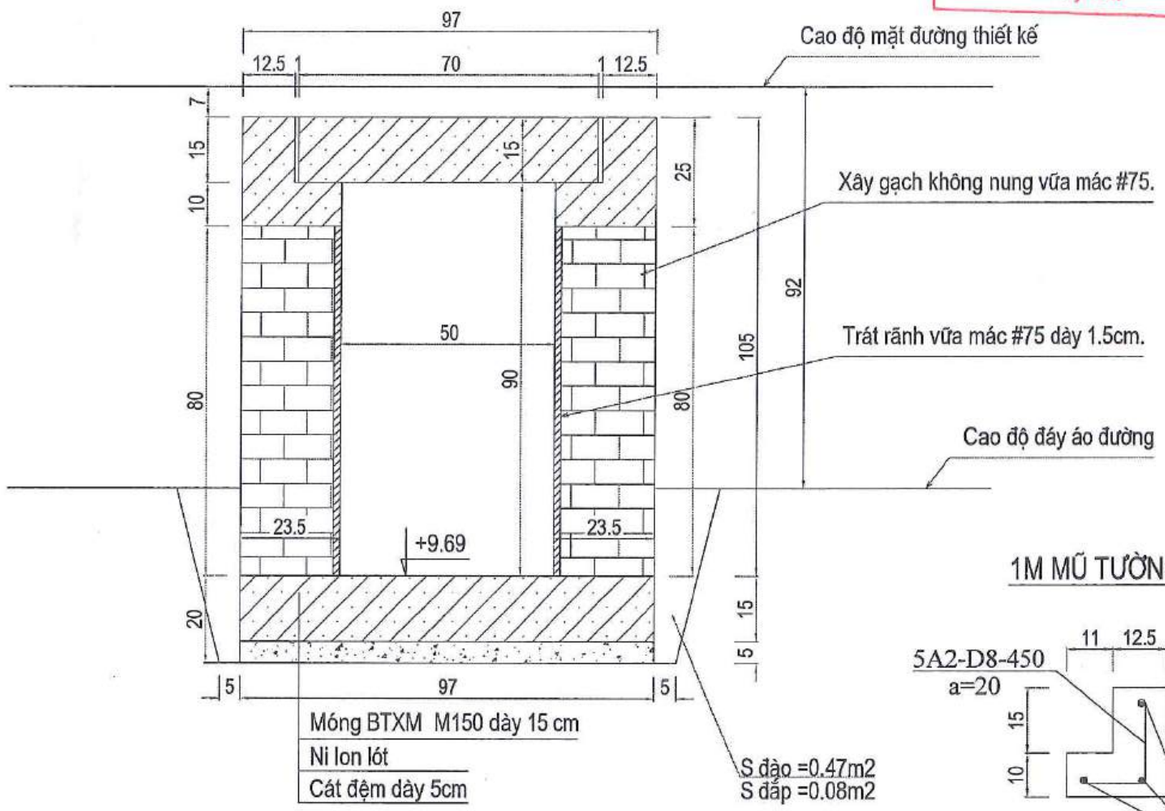


## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,9)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,352 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,600 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / PĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

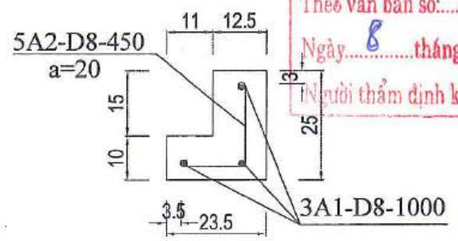


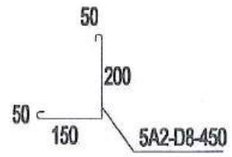


### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 02 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC 16+4.31M, CHIỀU DÀI L=10M

BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰN VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08 /APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X33CM

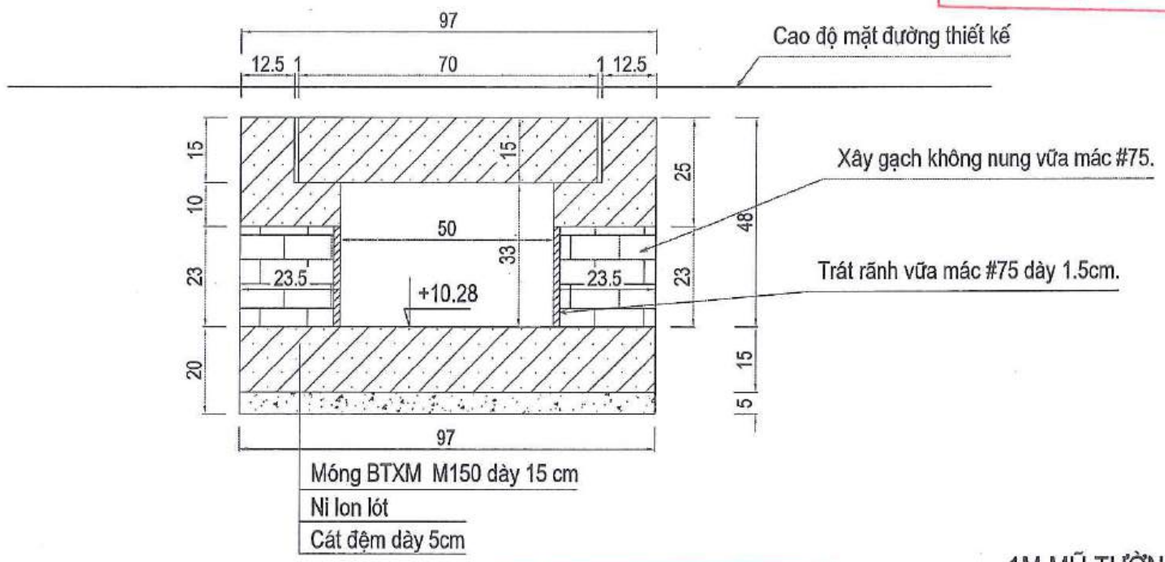


## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,33)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,101 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 0,460 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

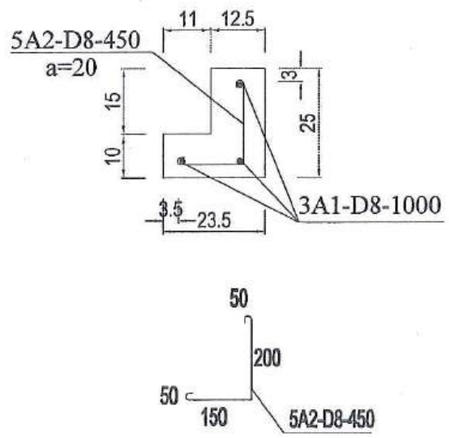


### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT-03 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC D2A+12.65M, CHIỀU DÀI L=6.5M

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X67CM

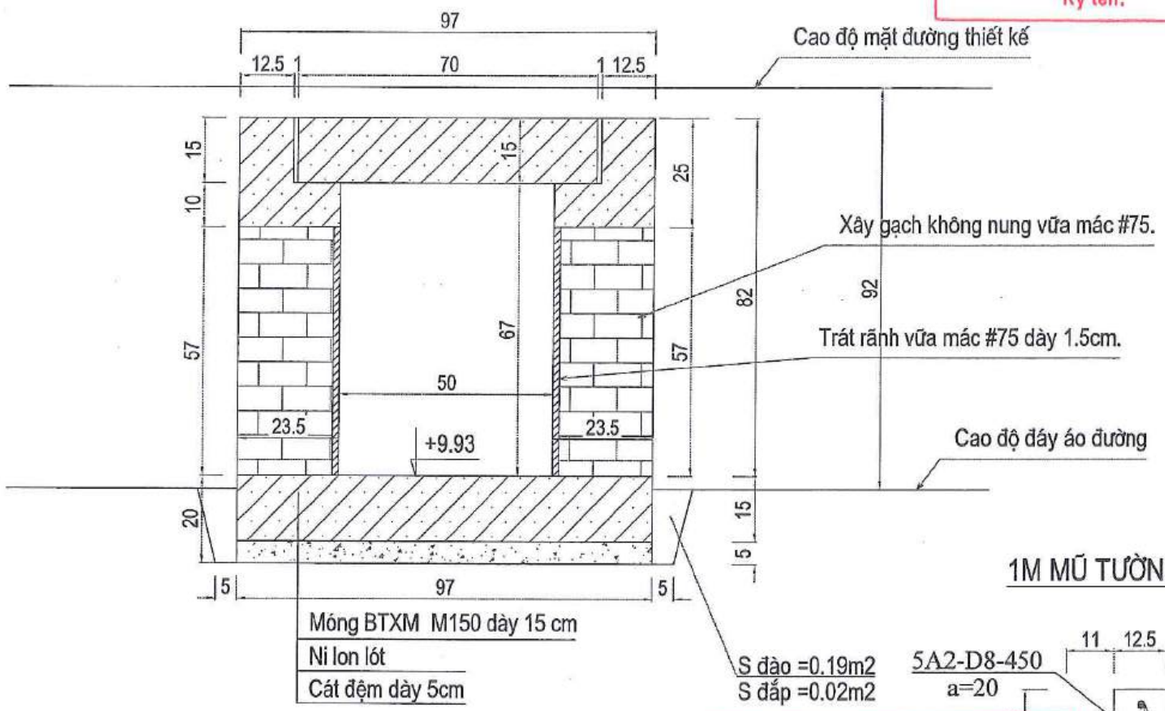


## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,67)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,251 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,140 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

S đào =0.19m2
S đắp =0.02m2

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

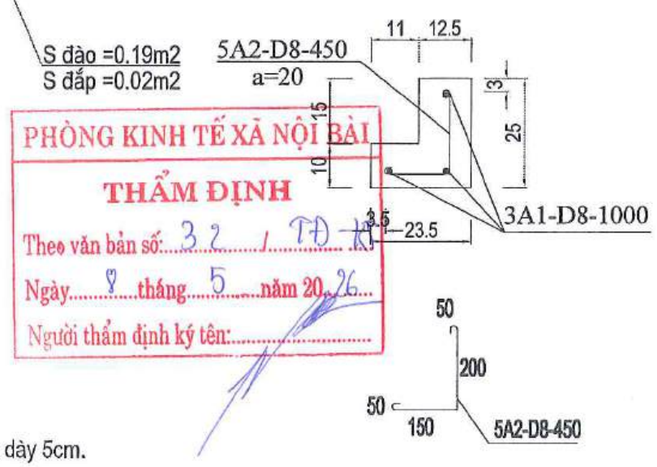


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 04 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC D6+2.28M CHIỀU DÀI L=5M VÀ CỌC 37+5.23M CHIỀU DÀI L=5M

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X32CM

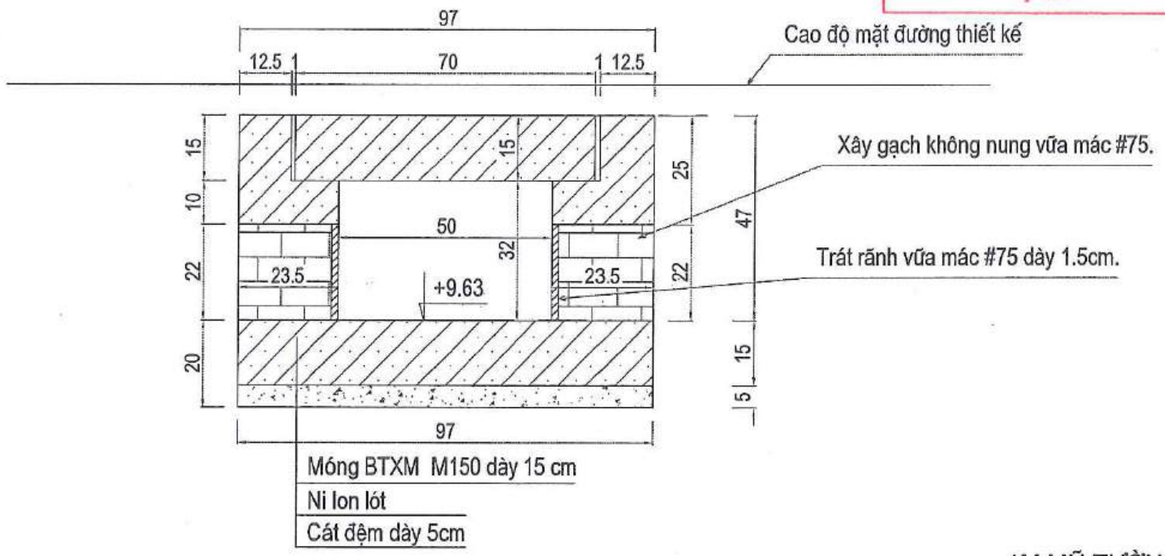


## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,32)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,097 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 0,440 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

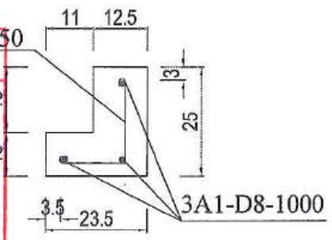


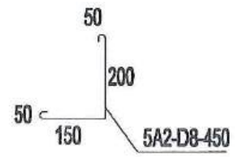


### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 / SỐ HIỆU: T4-CT- 05 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC 43-2.57M, CHIỀU DÀI L=6.5M

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X72CM

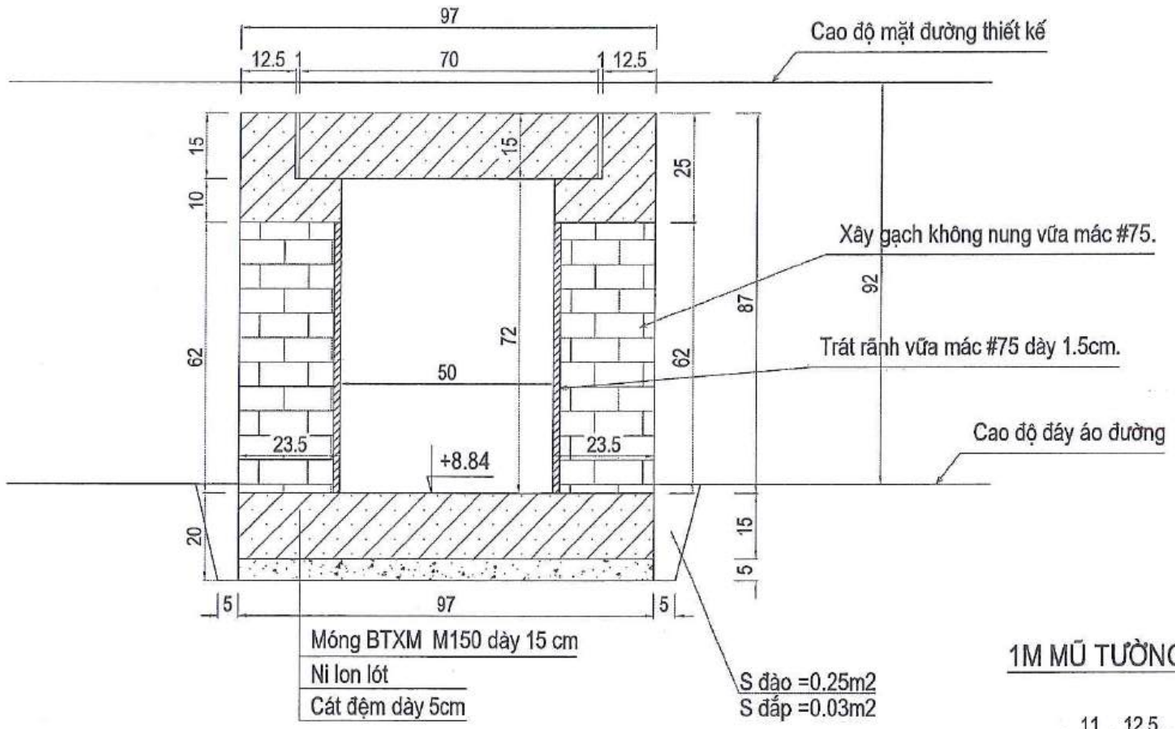


### BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,72)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,273 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,240 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 213/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

### 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

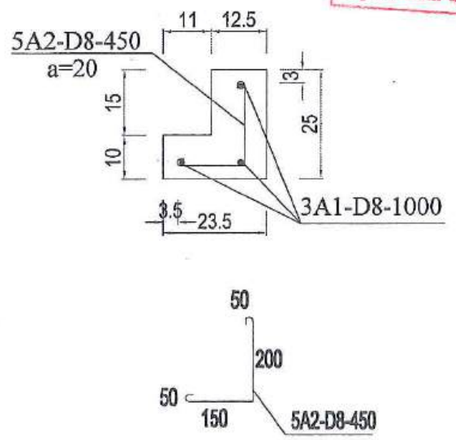


### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

### GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 06 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC D17+5.67M, CHIỀU DÀI L=5.5M

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X71CM

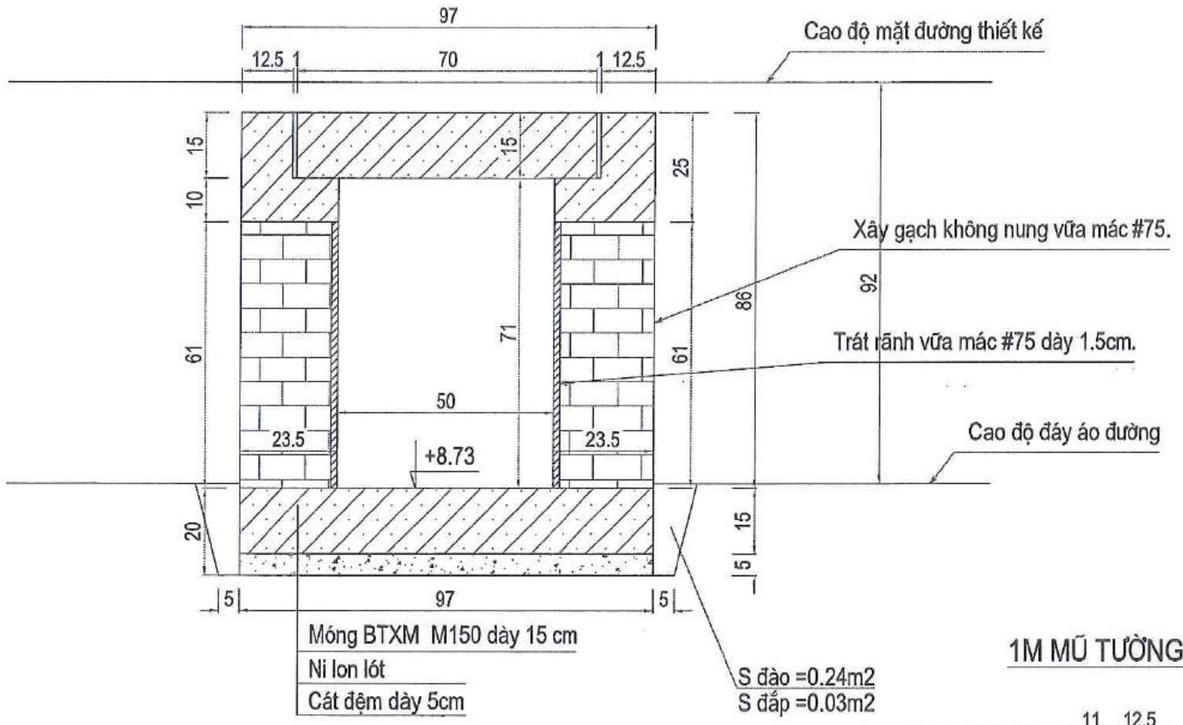


## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,71)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,268 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,220 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

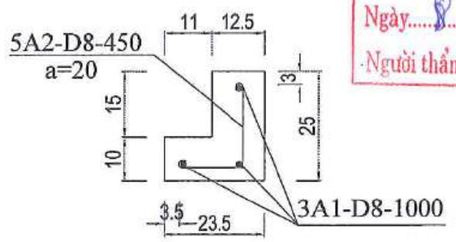


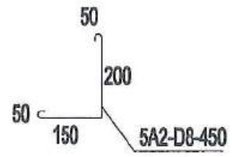


## BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 07 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC D24-5.17M, CHIỀU DÀI L=6.3M

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X65CM

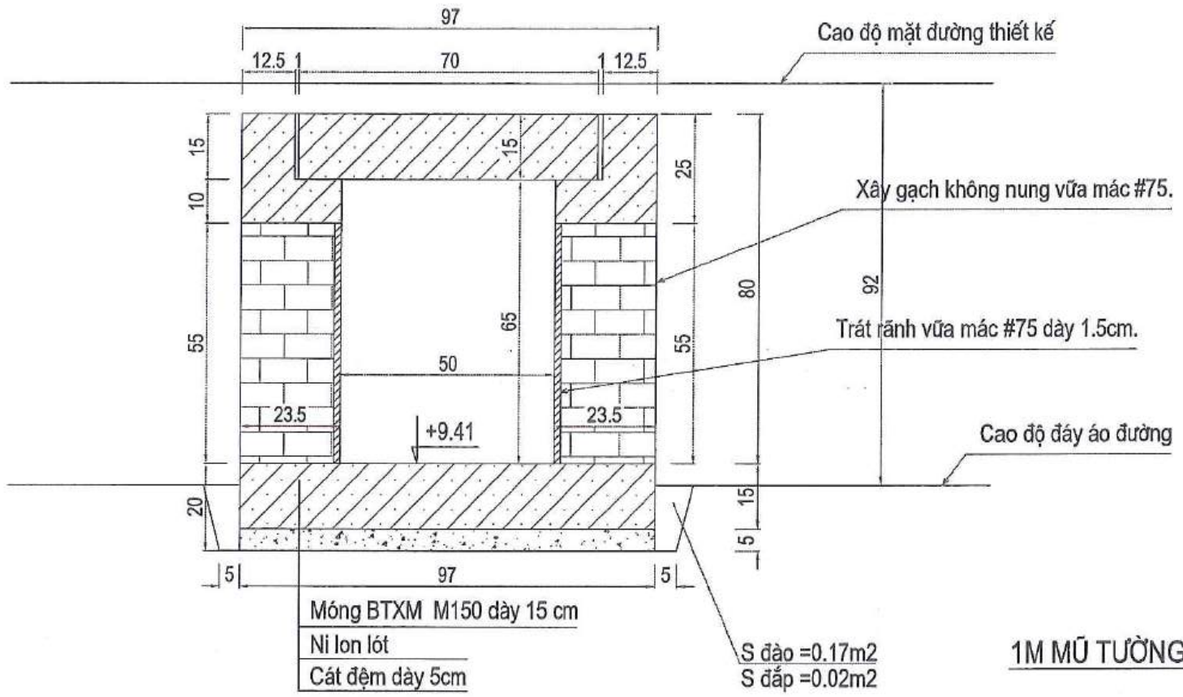


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 .08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

### BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,65)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,242 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,100 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

### 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

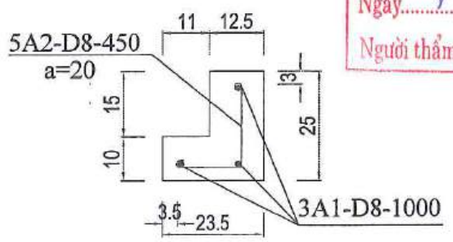


### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

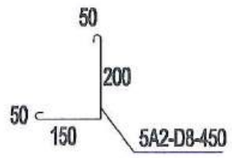


### GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 08 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC D36+7.18M, CHIỀU DÀI L=5M

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 . 08/ APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X53CM

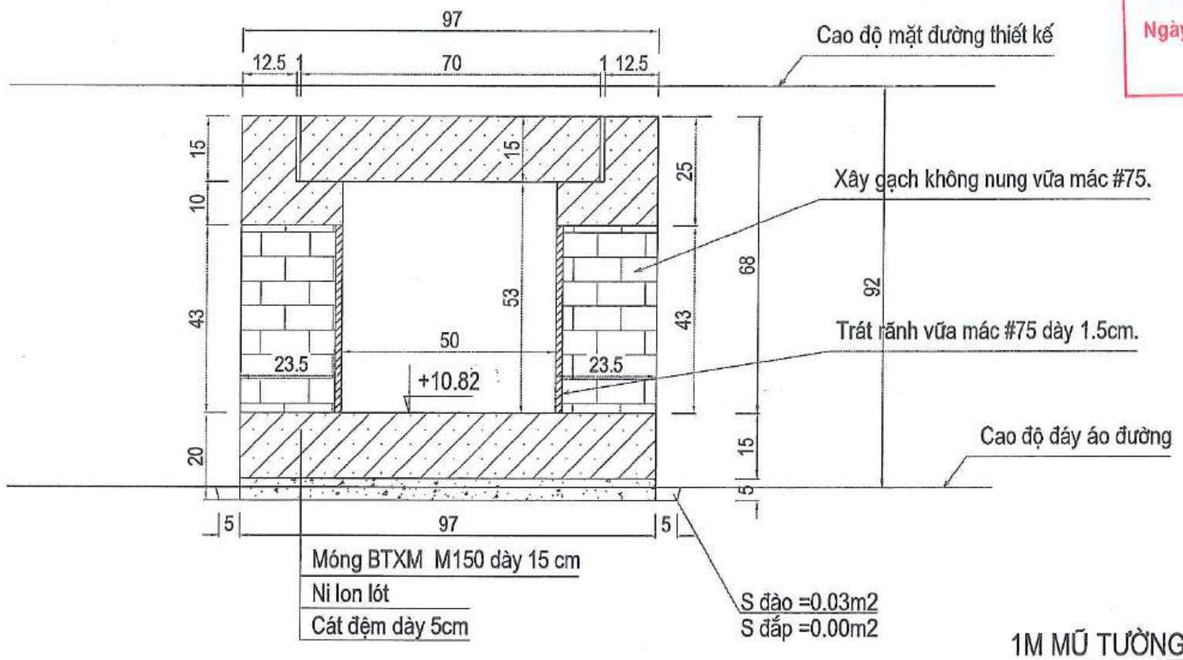


## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,53)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,189 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 0,860 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / T-D-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

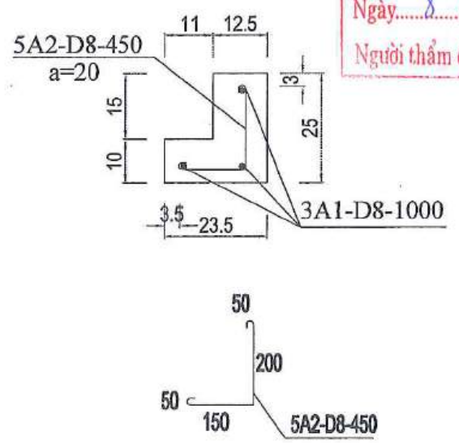


## BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 09 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC D37+4.12M, CHIỀU DÀI L=6M

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X60CM

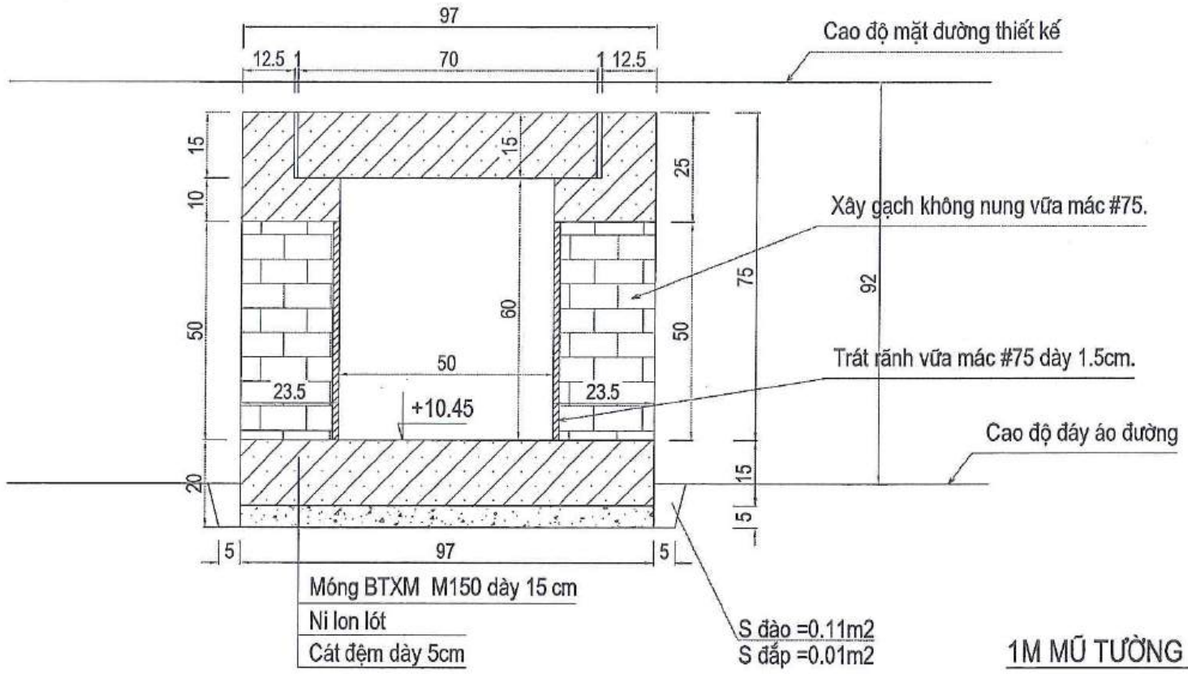


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

### BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,6)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,264 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,200 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

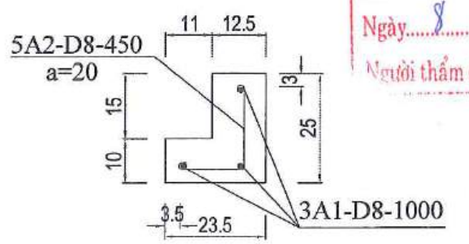


### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

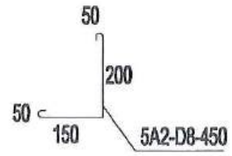


## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/15 — SỐ HIỆU: T4-CT- 10 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC D42+0.5M, CHIỀU DÀI L=6.7M

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X58CM

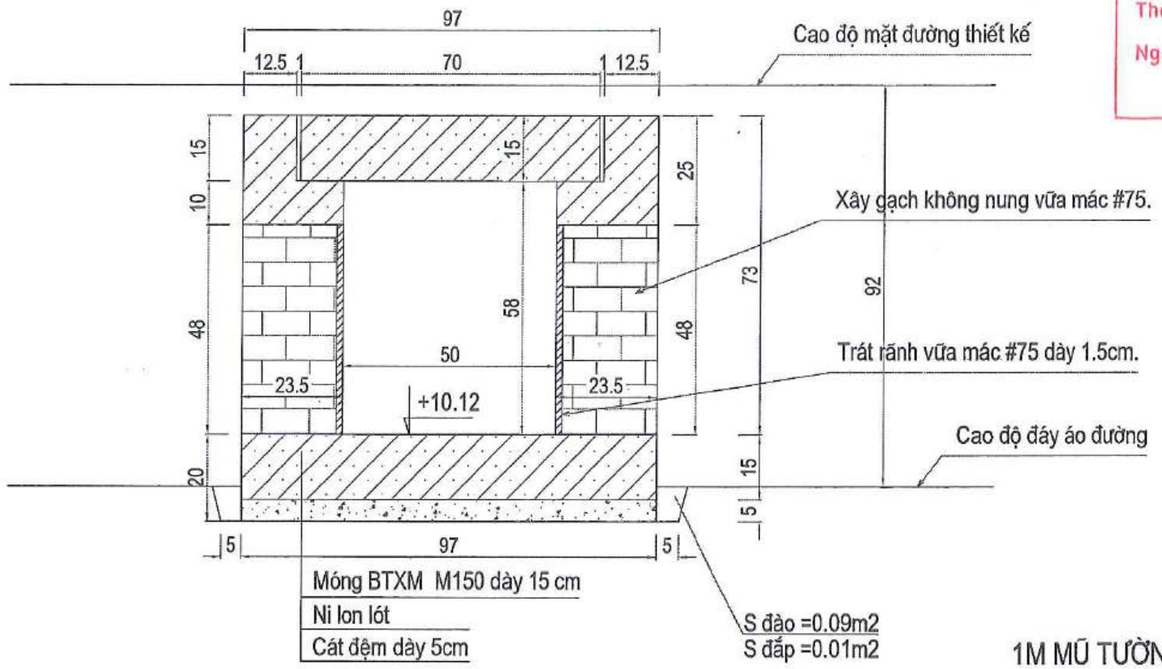


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

### BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,67)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,211 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 0,960 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /BĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

### 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

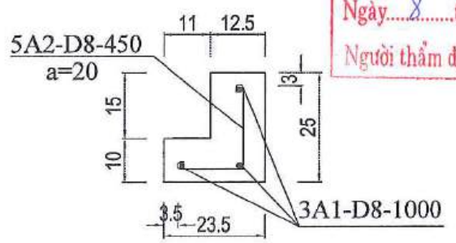


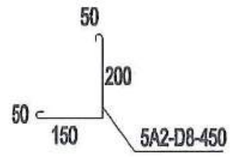


### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

### GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 11 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH NGANG ĐƯỜNG TẠI CỌC D6 (BÊN PHẢI TUYẾN NỐI VỚI KÊNH) CHIỀU DÀI L=8+2=10M

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X75CM

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

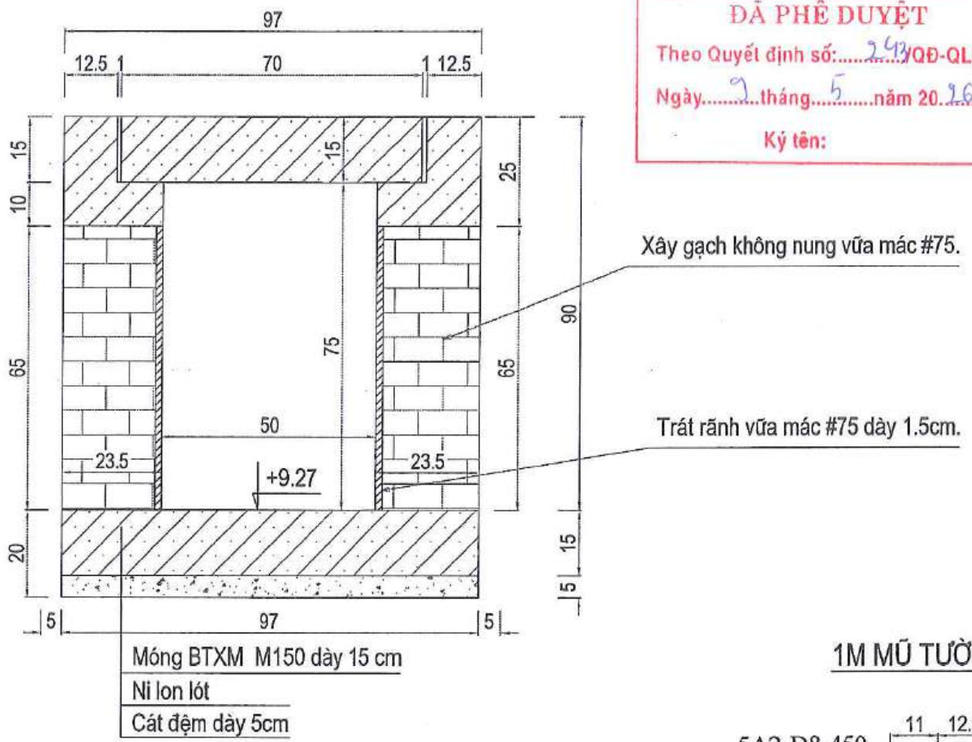


## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,75)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,286 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,300 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

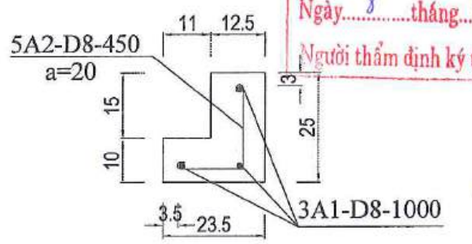


## BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

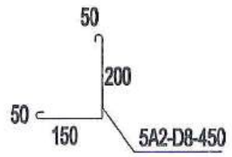


## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 12 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# RÃNH DỌC TUYẾN 4 BÊN TRÁI

## CẮT NGANG RÃNH GẠCH XÂY BXH=50X69CM

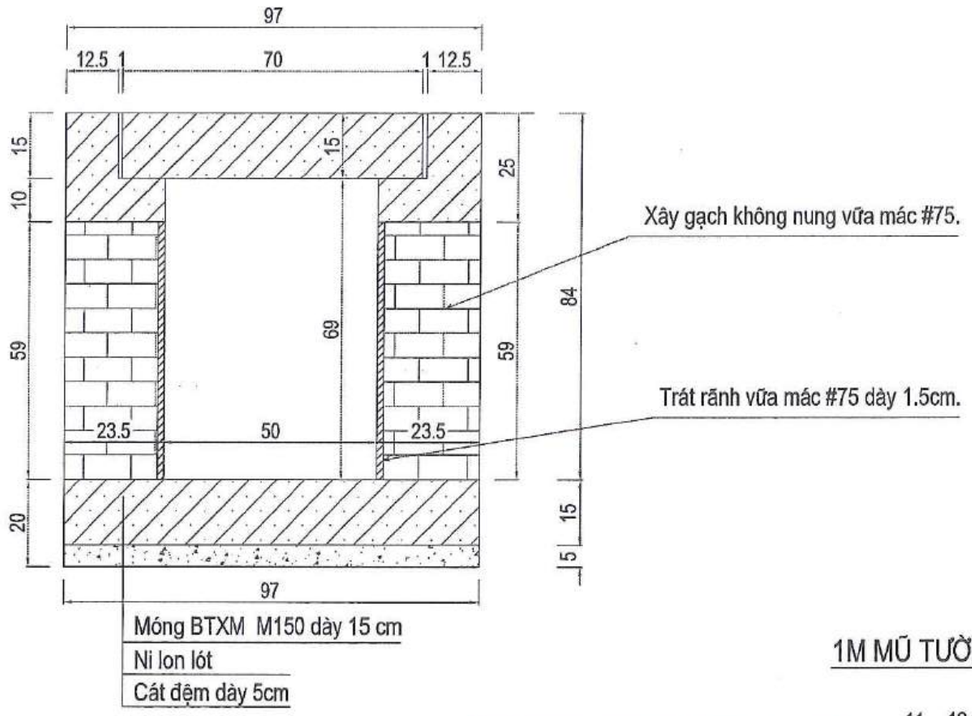


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH XÂY B=(0,5X0,69)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |
| 3 | Gạch xây thân rãnh | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,260 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 1,180 |
| 5 | Bê tông đáy rãnh | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,146 |
| 6 | Ván khuôn đáy rãnh | Ván khuôn | $m^2$ | 0,300 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,049 |

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

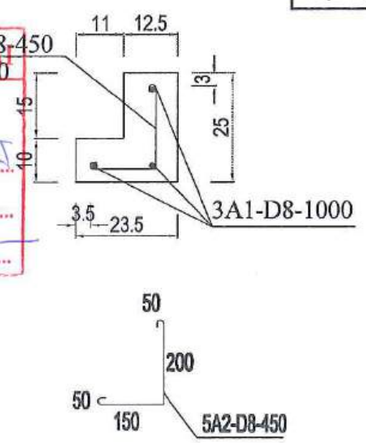


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc chịu lực B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch không nung vữa mác #75.
- Đáy rãnh BTXM mác 150# dày 15cm, trên lớp cát đệm dày 5cm.
- Tấm đạy rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | | | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 13 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## CẮT NGANG RÃNH THAY GIẰNG, TẤM ĐAN BXH=50X40CM

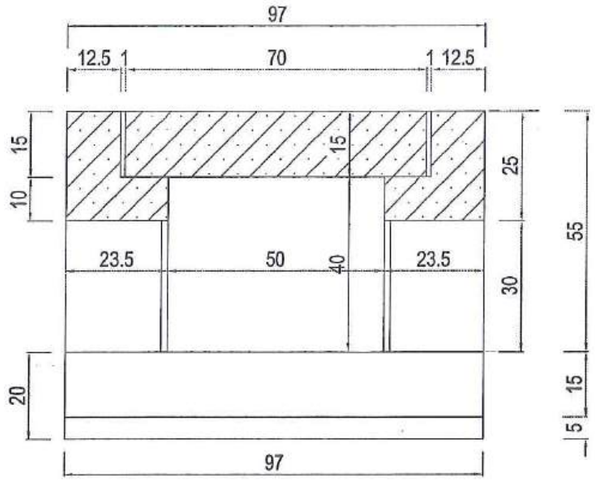


## CẮT NGANG RÃNH CŨ BXH=50X70CM

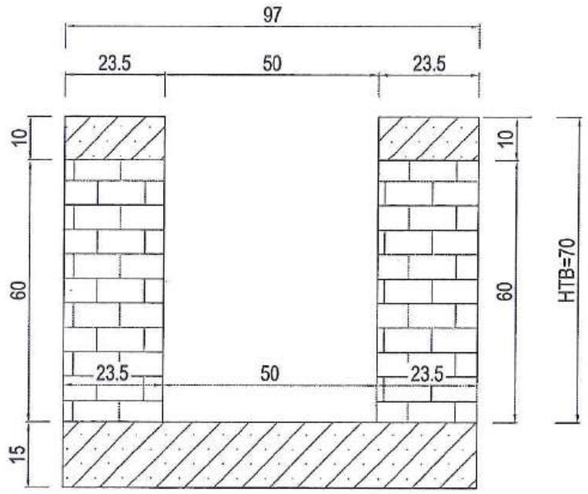


| BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH B=0.5M | | | | |
|---|---|---|---|---|
| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

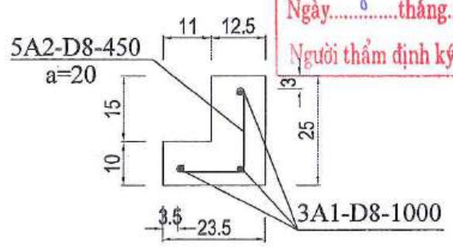


BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

## GHI CHÚ:

- Rãnh dọc cũ B=0.5m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch tận dụng.
- Thay tấm đan rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x70x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

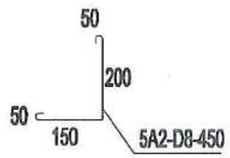


BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 14 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

TẤM ĐAN RÃNH B50

## MẶT CẮT III - III

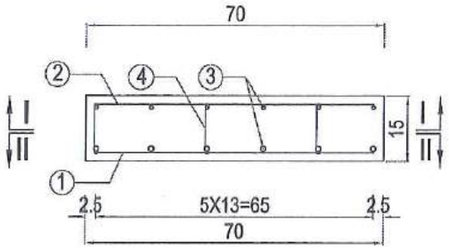


## CHI TIẾT THÉP

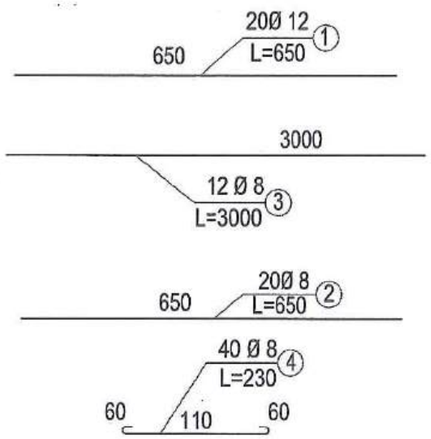


| BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 TẤM ĐAN RÃNH ĐỔ TRỰC TIẾP KT(300X70X15)CM | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài 1 thanh | Số thanh | Khối lượng | Đơn vị |
| 1 | 12 | 650 | 20 | 11,54 | Kg |
| 2 | 8 | 650 | 20 | 5,13 | Kg |
| 3 | 8 | 3000 | 12 | 14,21 | Kg |
| 4 | 8 | 230 | 40 | 3,63 | Kg |
| Bê tông M250# | | | | 0,315 | $m^3$ |
| Ván khuôn | | | | 1,5 | $m^2$ |

## CẤU TẠO TẤM ĐAN RÃNH ĐỔ TRỰC TIẾP TÍNH CHO ĐƠN NGUYÊN 3M

### MẶT CẮT II - II (LƯỚI DƯỚI)

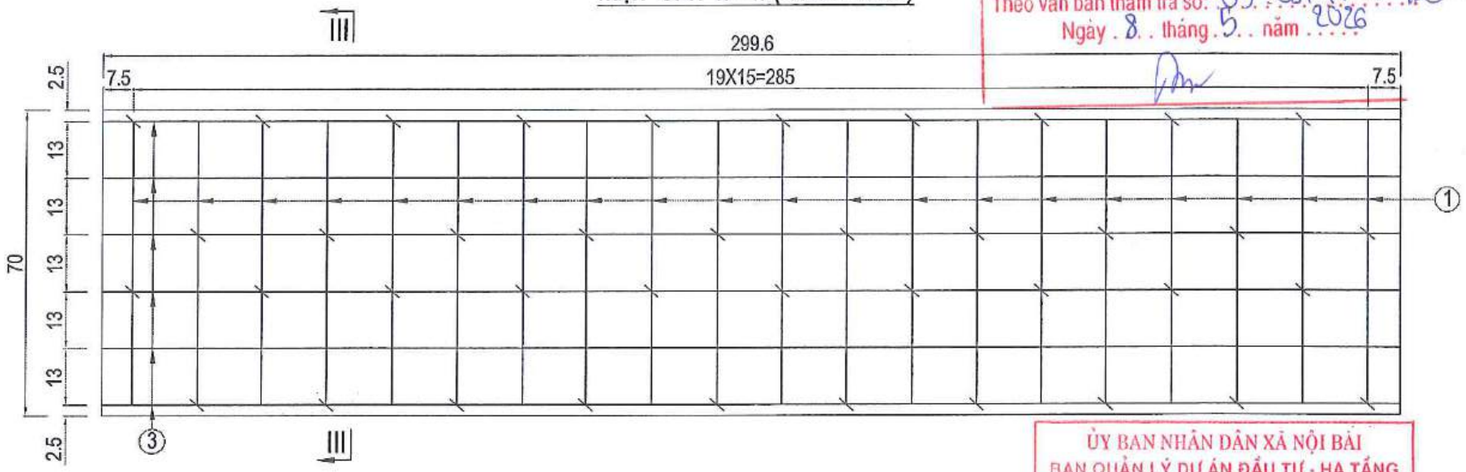


### MẶT CẮT I - I (LƯỚI TRÊN)

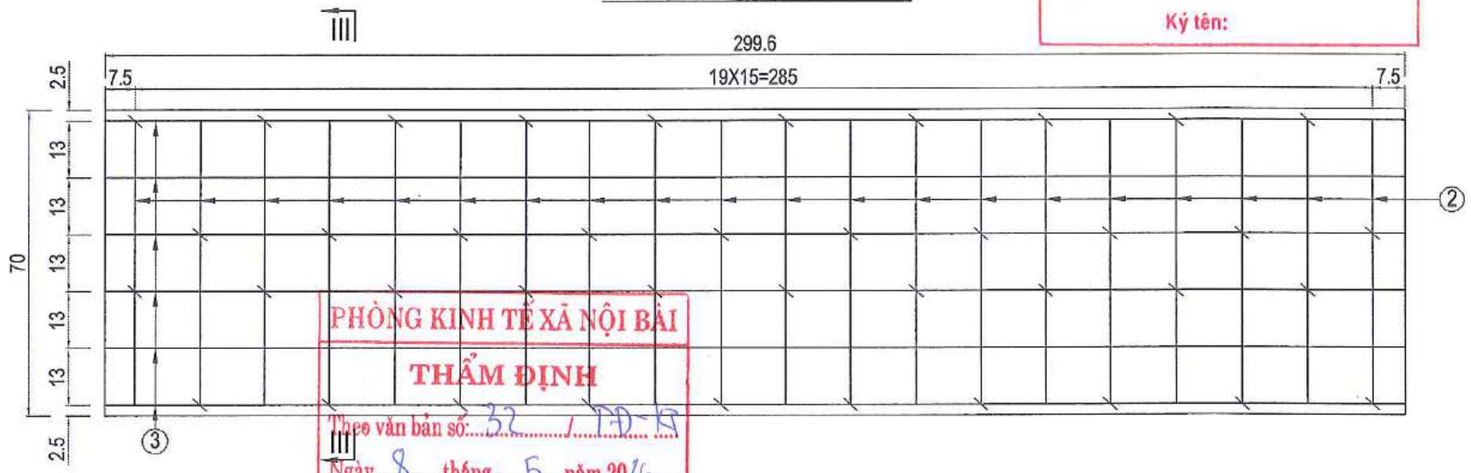


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT TẤM ĐAN RÃNH B50CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 15 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# MẶT BẰNG HỐ GA (RÃNH MỚI B50)- ĐẤU NỐI 1 CỬA RÃNH (SỐ LƯỢNG:2 CÁI)

## MẶT BẰNG HỐ GA

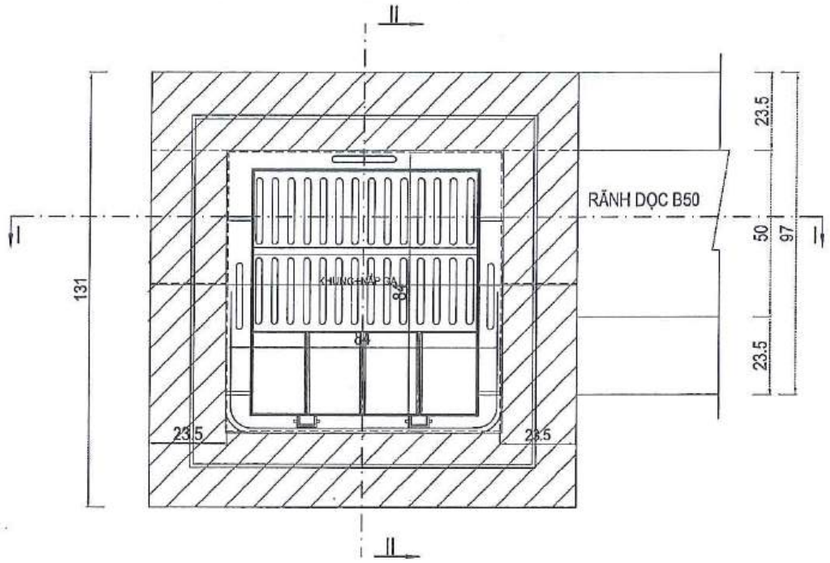


## MẶT CẮT II - II

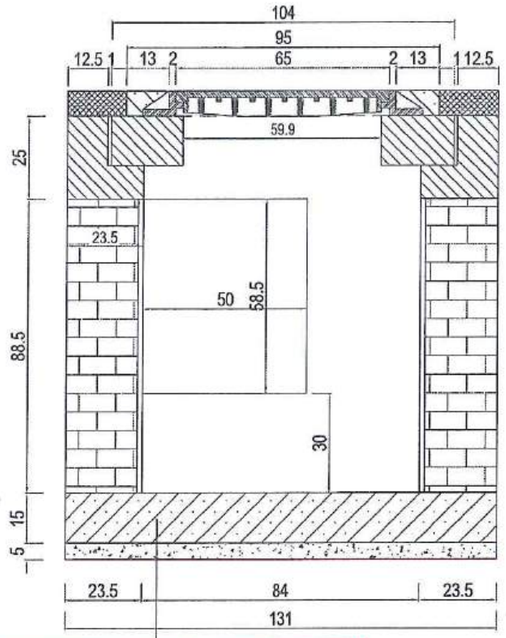


## MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP GA

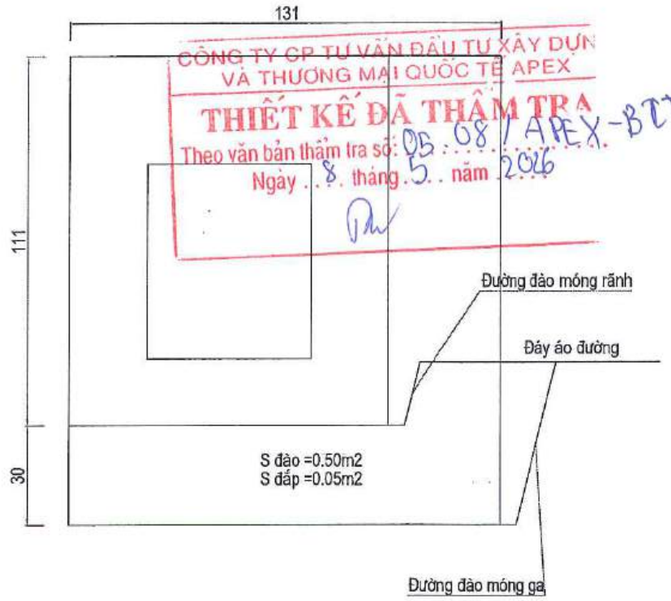


## MẶT CẮT I - I

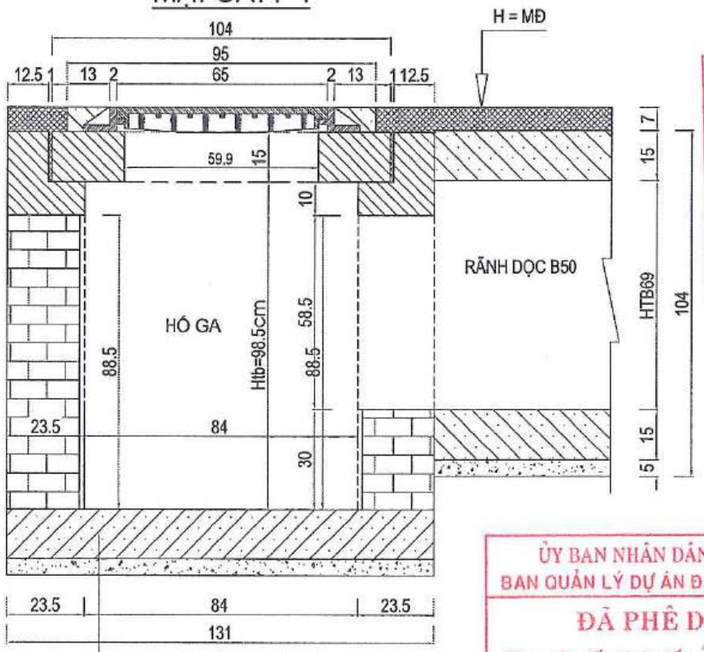


| |
|---|
| Móng BTXM M150 dày 15 cm |
| Ni lon lót |
| Cát đen đệm dày 5 cm |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BTTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| |
|---|
| Móng BTXM M150 dày 15 cm |
| Ni lon lót |
| Cát đen đệm dày 5 cm |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 HỐ GA B50

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,143 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 2,150 |
| 3 | Gạch xây hố ga | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,773 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 3,88 |
| 5 | Bê tông đáy hố ga | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,257 |
| 6 | Ván khuôn móng | Ván khuôn | $m^2$ | 0,786 |
| 7 | Cát đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,086 |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | HỐ GA B50 (LOẠI 1) | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-CT- 16 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# MẶT BẰNG HỐ GA (RÃNH MỚI B50)- ĐẤU NỐI 2 CỬA RÃNH (SỐ LƯỢNG: 43 CÁI)

## MẶT BẰNG HỐ GA

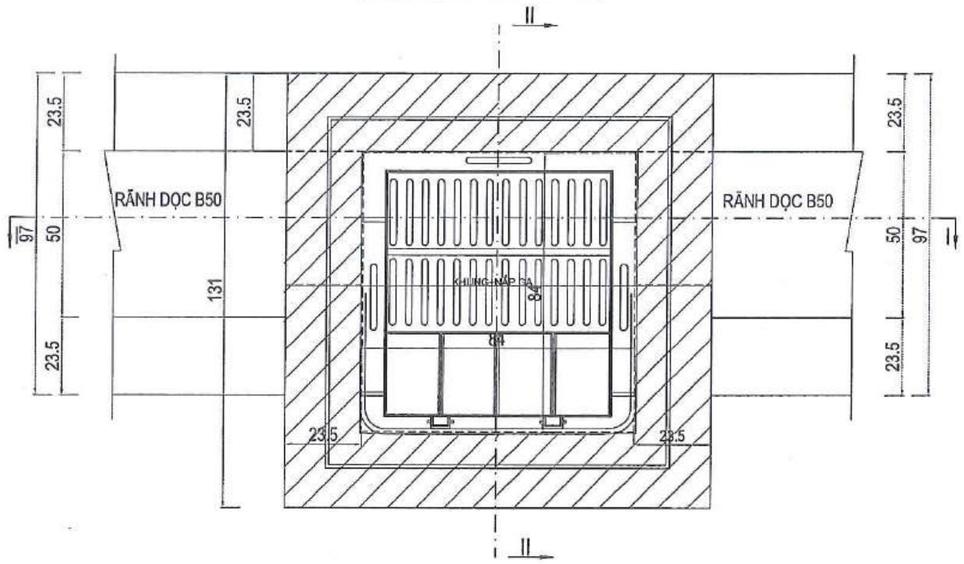


## MẶT CẮT II - II

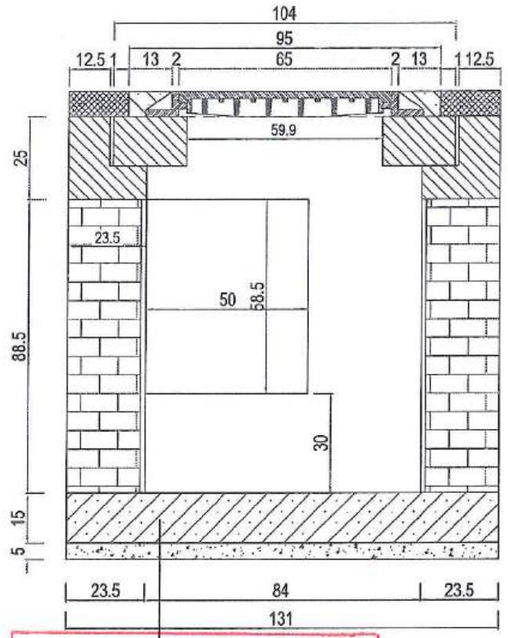


## MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP GA

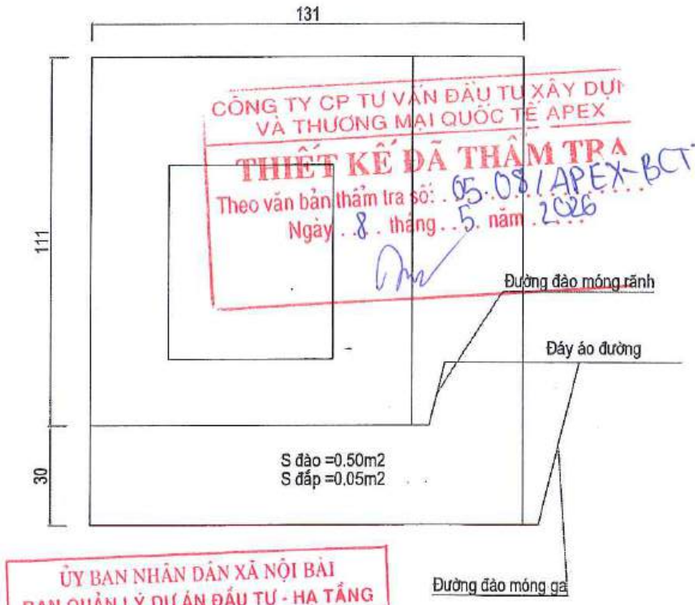


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## MẶT CẮT I - I

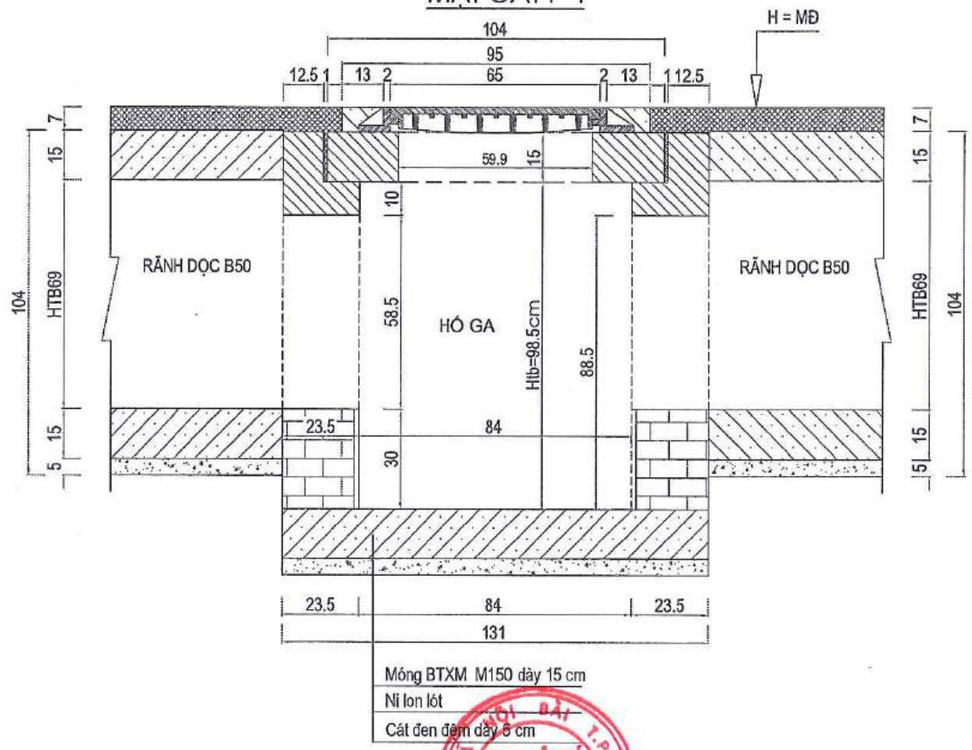


PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TTD-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 HỐ GA B50

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,143 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 2,150 |
| 3 | Gạch xây hố ga | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,709 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 3,96 |
| 5 | Bê tông đáy hố ga | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,257 |
| 6 | Ván khuôn móng | Ván khuôn | $m^2$ | 0,786 |
| 7 | Cát đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,086 |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | HỐ GA B50 (LOẠI 2) | |
| 1 | | | | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-CT- 16A |
| 3 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

# MẶT BẰNG HỐ GA (RÃNH MỚI B50) - ĐẤU NỐI 3 CỬA RÃNH (SỐ LƯỢNG:11 CÁI)

## MẶT BẰNG HỐ GA

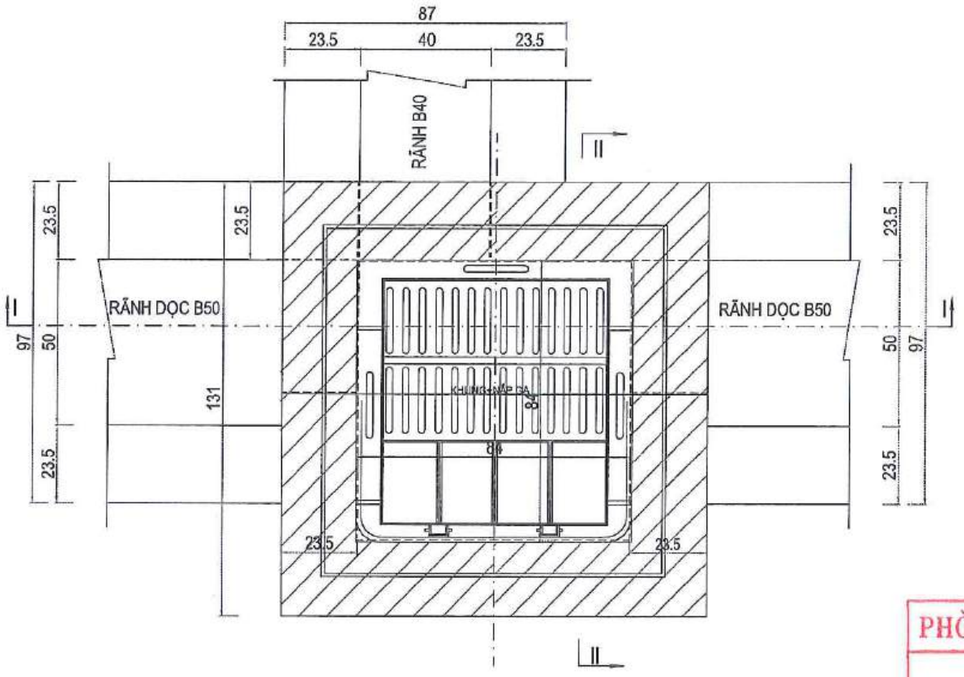


## MẶT CẮT II - II

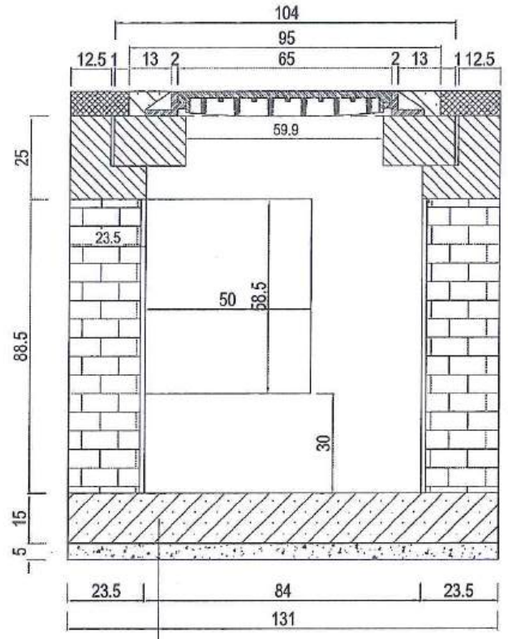


## MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP GA

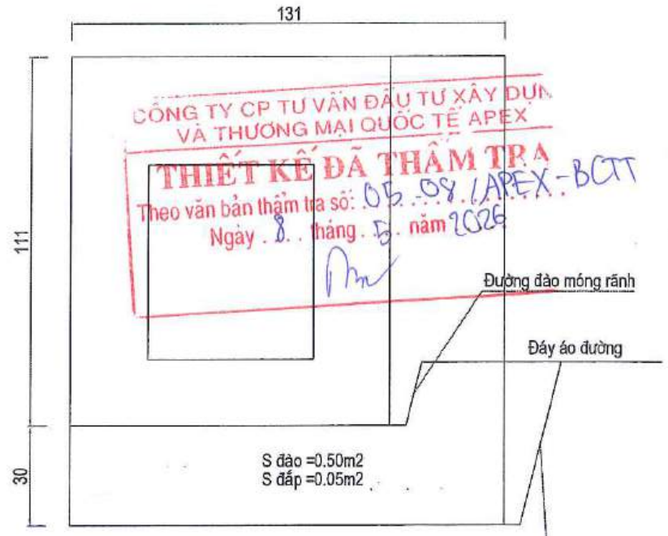


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## MẶT CẮT I - I

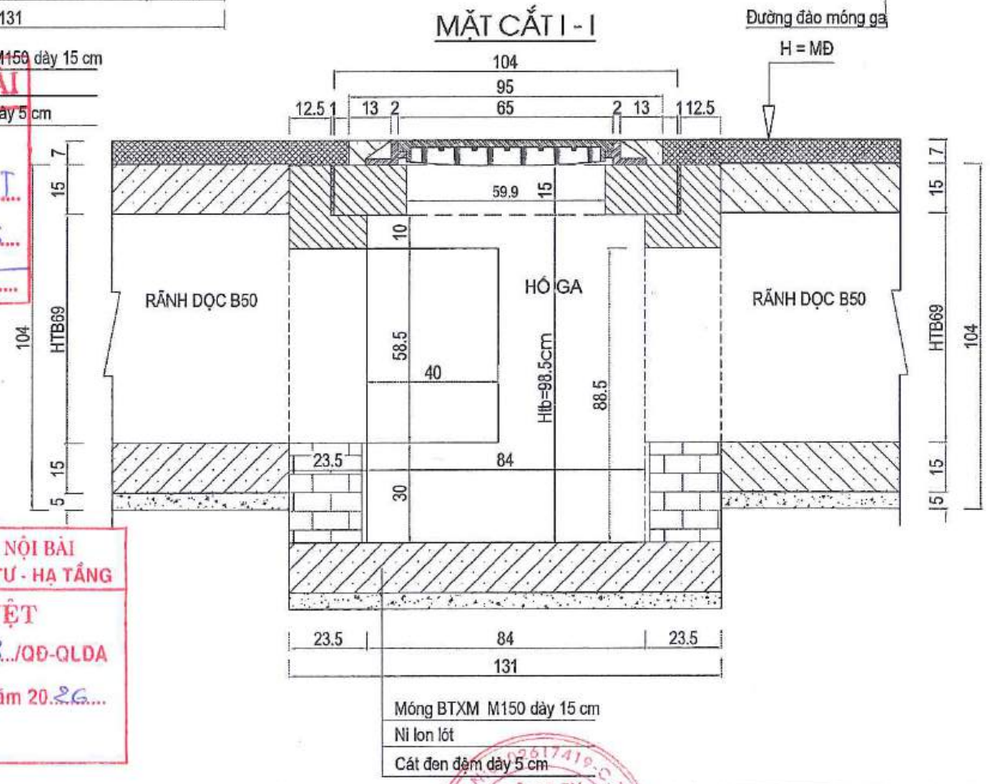


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 HỐ GA B50

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,143 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 2,150 |
| 3 | Gạch xây hố ga | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,657 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 4,07 |
| 5 | Bê tông đáy hố ga | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,257 |
| 6 | Ván khuôn móng | Ván khuôn | $m^2$ | 0,786 |
| 7 | Cát đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,086 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI - TP HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
HỐ GA B50 (LOẠI 3)

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-CT- 16B |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# MẶT BẰNG HỐ GA (RÃNH CŨ B50) - ĐẤU NỐI 2 CỬA RÃNH (SỐ LƯỢNG:4 CÁI)

## MẶT BẰNG HỐ GA

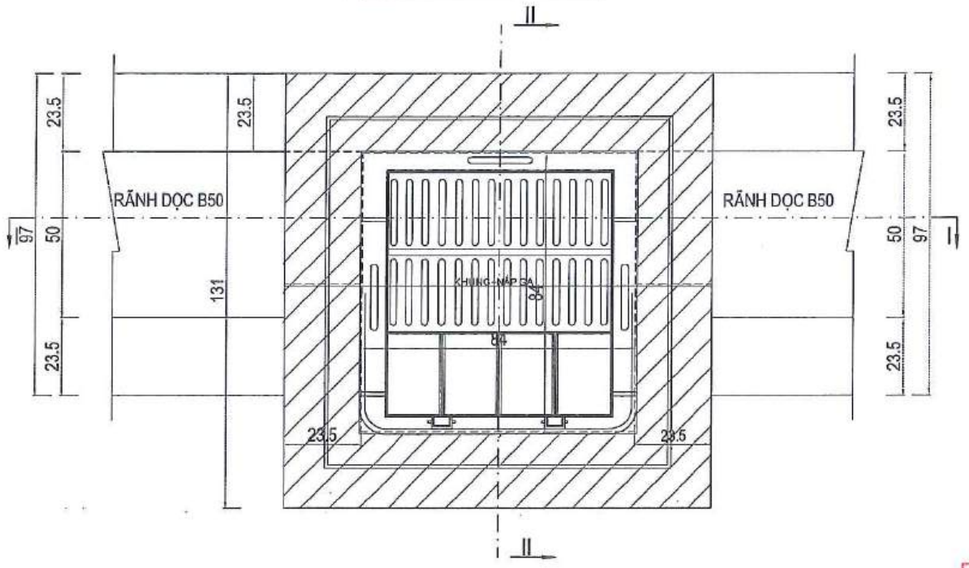


## MẶT CẮT II - II

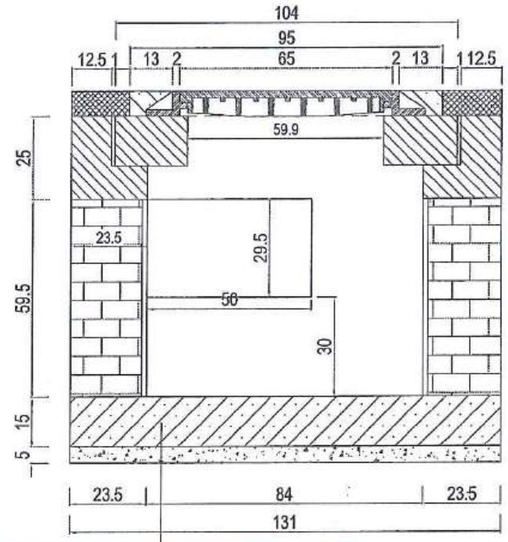


## MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP GA

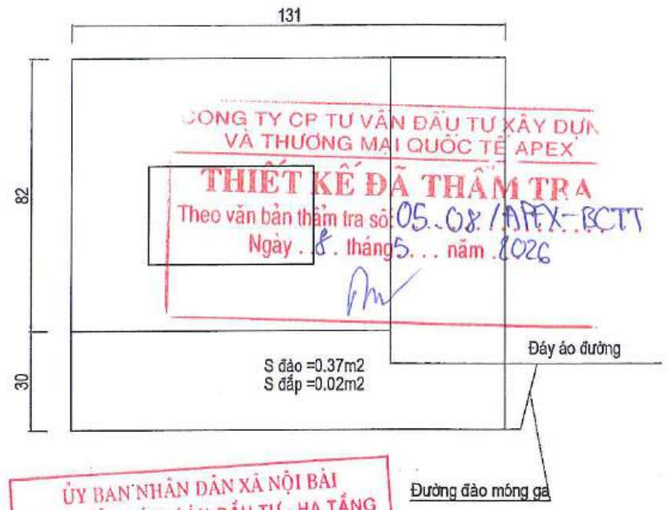


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## MẶT CẮT I - I

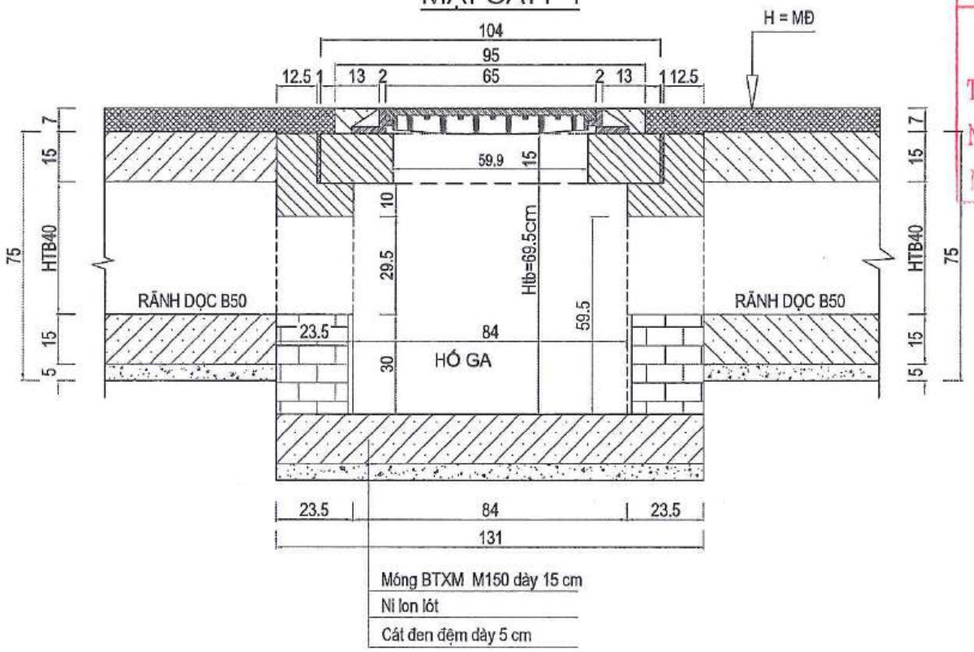


PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 943/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

## BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 HỐ GA B50

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,143 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 2,150 |
| 3 | Gạch xây hố ga | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,498 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 2,74 |
| 5 | Bê tông đáy hố ga | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,257 |
| 6 | Ván khuôn móng | Ván khuôn | $m^2$ | 0,786 |
| 7 | Cát đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,086 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
HỐ GA B50 (LOẠI 2)

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-CT- 17 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## CẮT NGANG RÃNH CŨ BXH=40X60CM

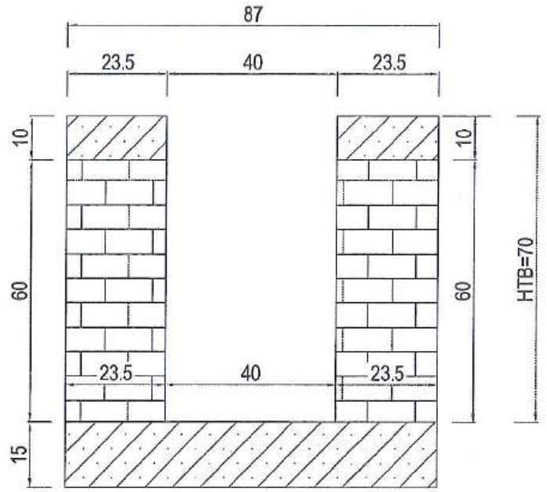


## CẮT NGANG RÃNH THAY GIẰNG, TẤM ĐAN BXH=40X50CM

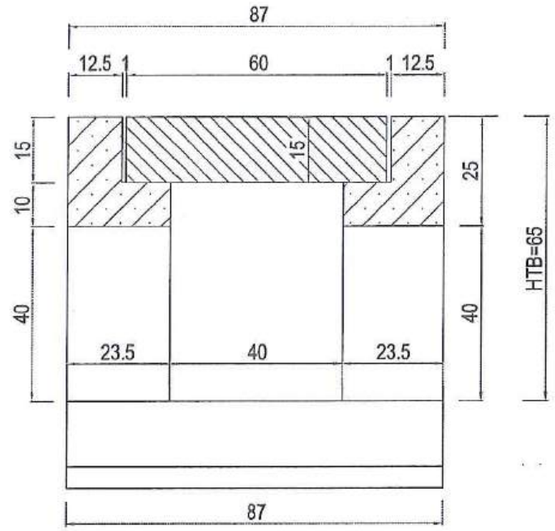


## 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

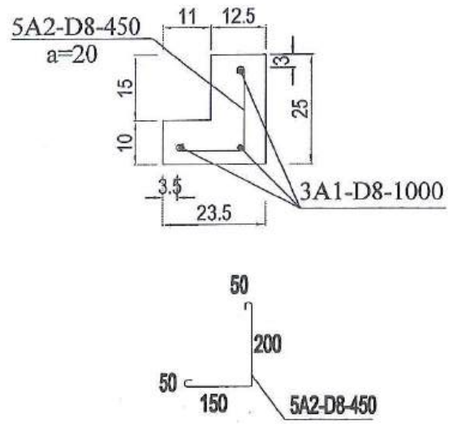


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX.-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

### BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH SỬA CHỮA BXH=(0,4X0,5)M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |

### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

### GHI CHÚ:

- Rãnh dọc cũ B=0.4m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch tận dụng.
- Thay tấm đan rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:300x60x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH B40CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 18 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# CẤU TẠO TẤM ĐAN RÃNH ĐỔ TRỰC TIẾP TÍNH CHO ĐƠN NGUYÊN 3M

## MẶT CẮT III - III

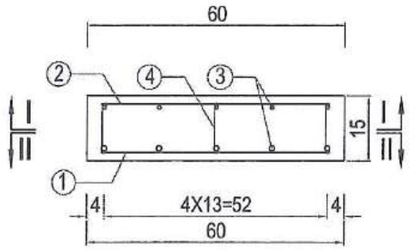


## MẶT CẮT II - II (LƯỚI DƯỚI)

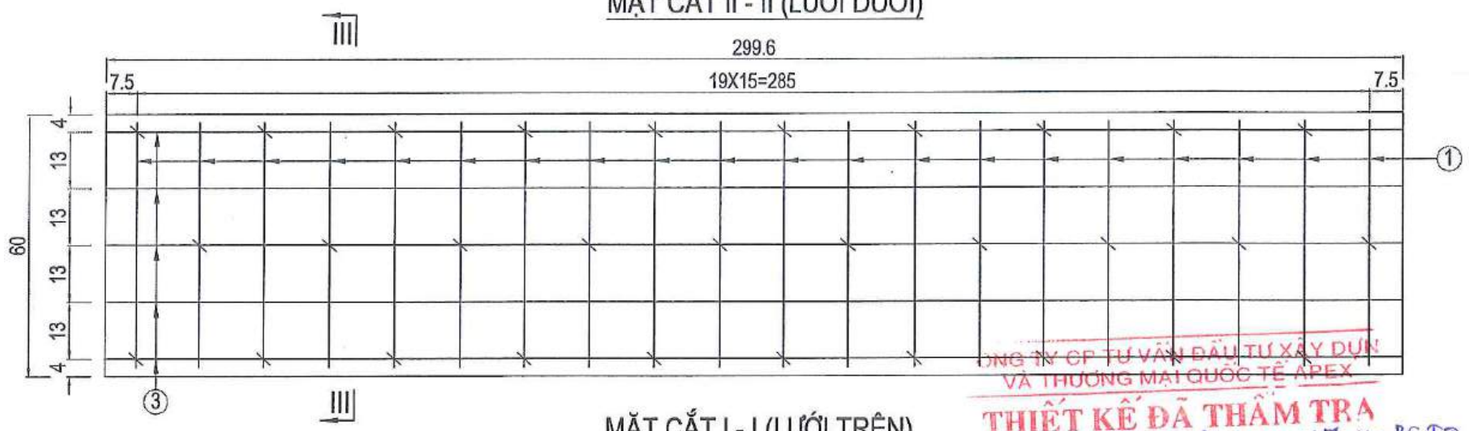


## MẶT CẮT I - I (LƯỚI TRÊN)

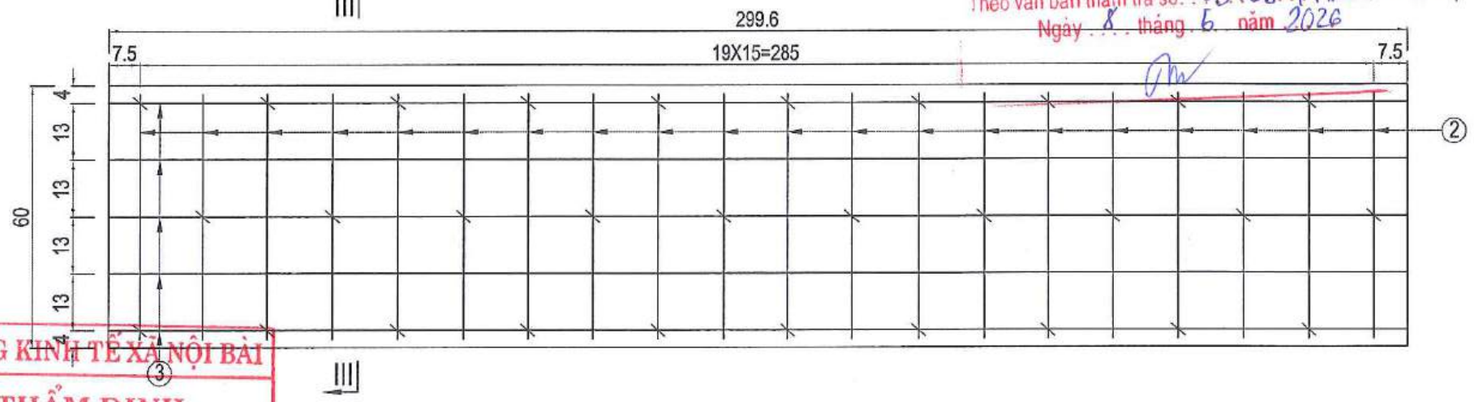


## CHI TIẾT THÉP

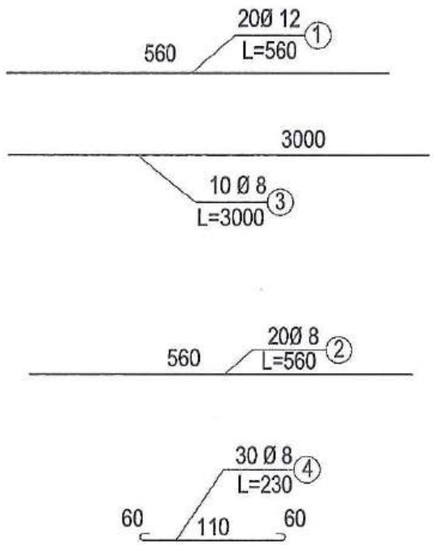


| BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 TẤM ĐAN RÃNH ĐỔ TRỰC TIẾP KT(300X60X15)CM | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài 1 thanh | Số thanh | Khối lượng | Đơn vị |
| 1 | 12 | 560 | 20 | 9,94 | Kg |
| 2 | 8 | 560 | 20 | 4,42 | Kg |
| 3 | 8 | 3000 | 10 | 11,84 | Kg |
| 4 | 8 | 230 | 30 | 2,72 | Kg |
| Bê tông M250# | | | | 0,27 | $m^3$ |
| Ván khuôn | | | | 1,2 | $m^2$ |

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 6 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT TẤM ĐAN RÃNH B40CM |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 / SỐ HIỆU: T4-CT- 19 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH / NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | |

(HỐ GA CỦA RÃNH CŨ GẠCH XÂY BXH=40X50CM) - ĐẤU NỐI 2 CỬA RÃNH, SỐ LƯỢNG 3 CÁI

## MẶT BẰNG HỐ GA

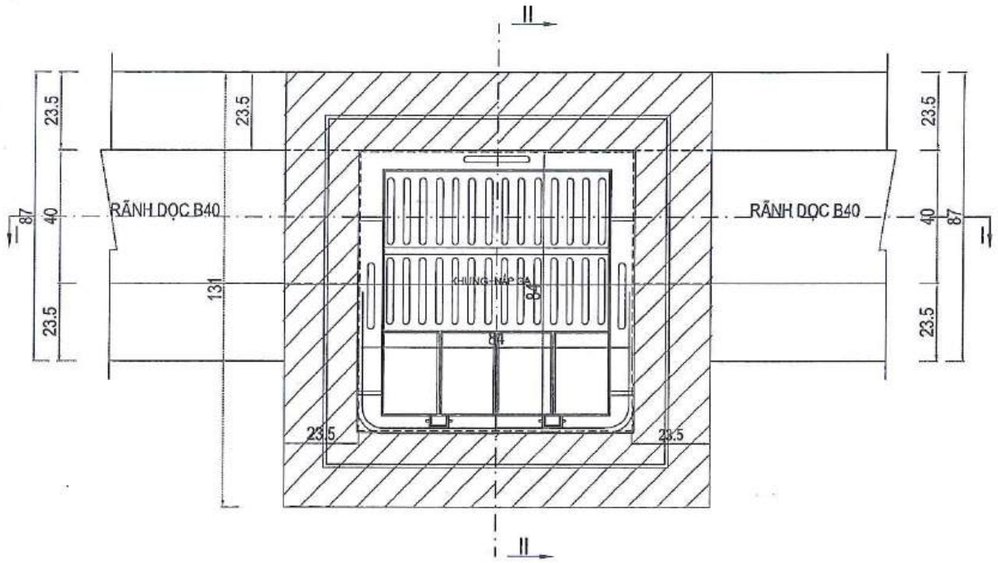


## MẶT CẮT II - II

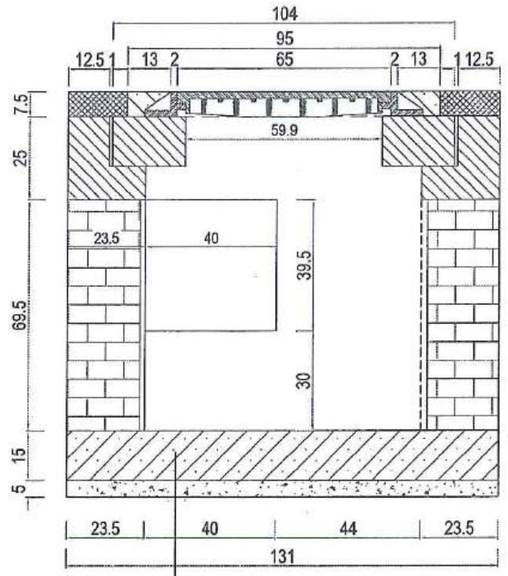


Móng BTXM M150 dày 15 cm
Ni lon lót
Cát đen đệm dày 5 cm

## MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP GA

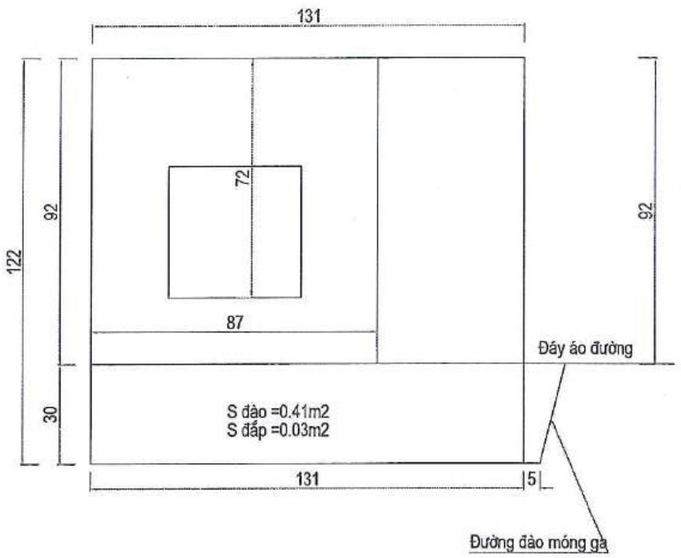


## MẶT CẮT I - I

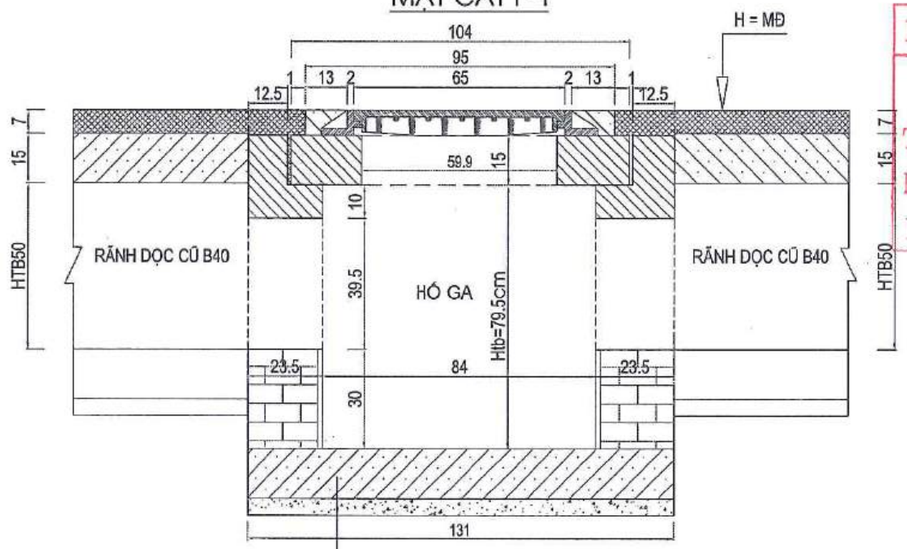


Móng BTXM M150 dày 15 cm
Ni lon lót
Cát đen đệm dày 5 cm

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 HỐ GA

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,143 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 2,150 |
| 3 | Gạch xây hố ga | Vữa mác 75# | $m^3$ | 0,588 |
| 4 | Vữa trát rãnh | Vữa mác 75# | $m^2$ | 3,196 |
| 5 | Bê tông đáy hố ga | Bê tông M150# | $m^3$ | 0,257 |
| 6 | Ván khuôn móng | Ván khuôn | $m^2$ | 0,786 |
| 7 | Cát đen đệm | đầm chặt | $m^3$ | 0,086 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 247/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI - TP HÀ NỘI

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC |
| CTTK THOÁT NƯỚC | NGUYỄN TUẤN DŨNG | |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | |
| KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG |

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

TÊN BẢN VẼ: HỐ GA B40 MỚI

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-CT-20 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 203/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# TẤM ĐAN ĐẦU CỐNG BÊN PHẢI TUYẾN 4 TẠI CỌC D2A+10.72M (LÝ TRÌNH KM0+350.72)

## MẶT CẮT III - III

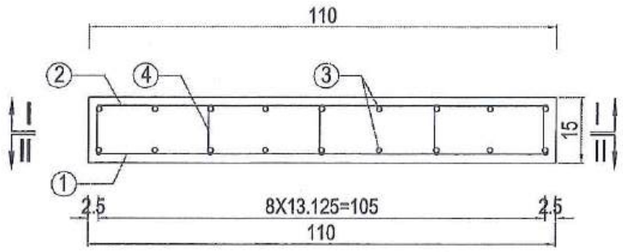


## MẶT CẮT II - II (LƯỚI DƯỚI)

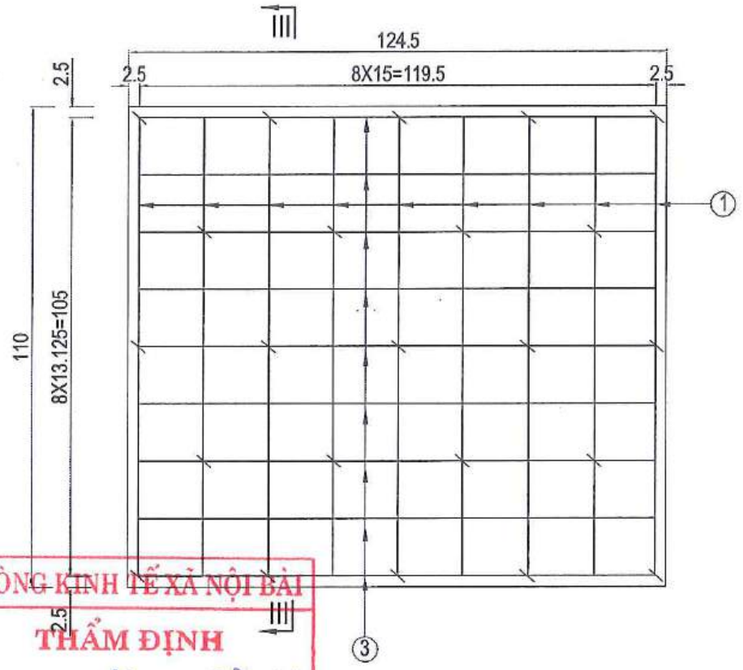


## MẶT CẮT I - I (LƯỚI TRÊN)

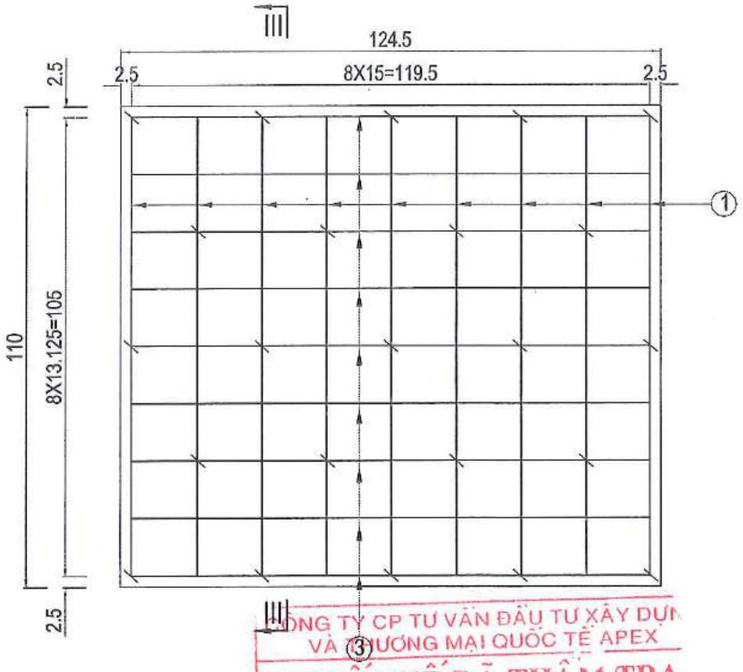


## CHI TIẾT THÉP

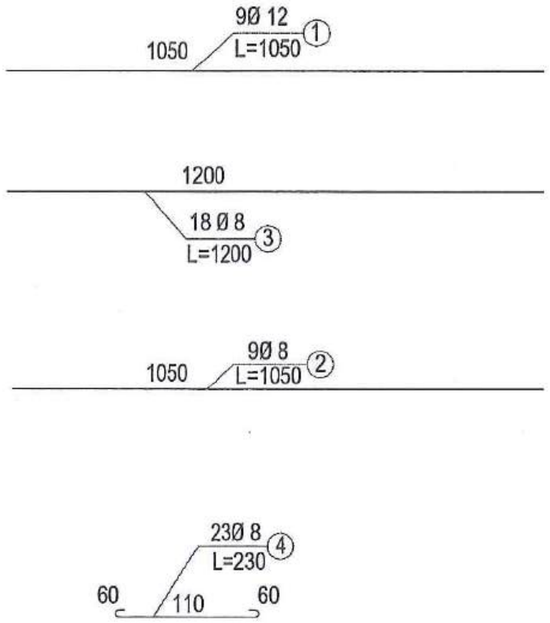


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08.1APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

| BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 TẤM ĐAN KÊNH B65 KT(125X110X15)CM | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài 1 thanh | Số thanh | Khối lượng | Đơn vị |
| 1 | 12 | 1050 | 9 | 8,39 | Kg |
| 2 | 8 | 1050 | 9 | 3,73 | Kg |
| 3 | 8 | 1200 | 18 | 8,52 | Kg |
| 4 | 8 | 230 | 23 | 2,09 | Kg |
| Bê tông M250# | | | | 0,206 | $m^3$ |
| Ván khuôn | | | | 0,705 | $m^2$ |

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT TẤM ĐAN KÊNH B65CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 21 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

## CỐT THÉP TẤM ĐAN HỐ GA ĐẶT MÉP ĐƯỜNG

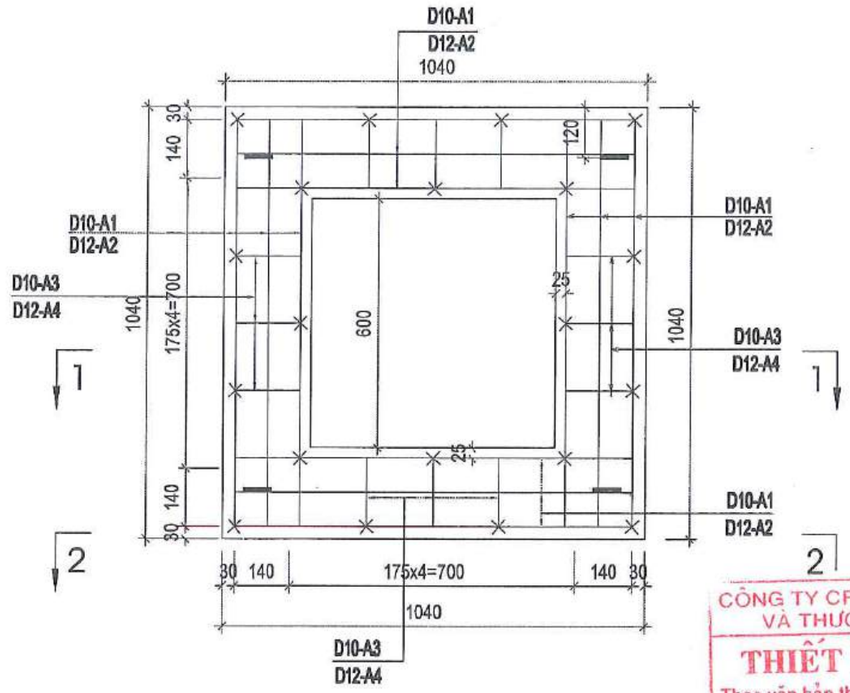


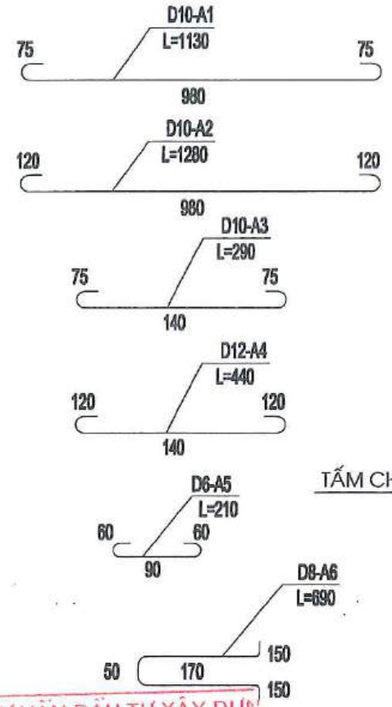


## NẮP GA THÂN VUÔNG BẰNG COMPOSITE CÓ BẢN LỀ (LOẠI TẢI TRỌNG 25 TẤN)

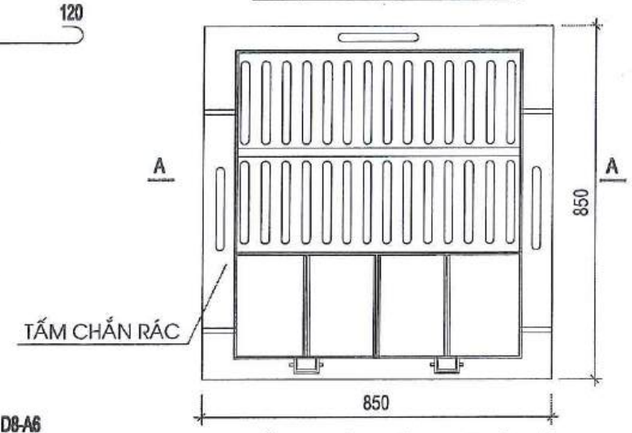


## NẮP GA THÂN VUÔNG, CÓ BẢN LỀ MẶT CẮT A-A

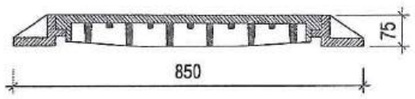


## MŨ TƯỜNG HỐ GA

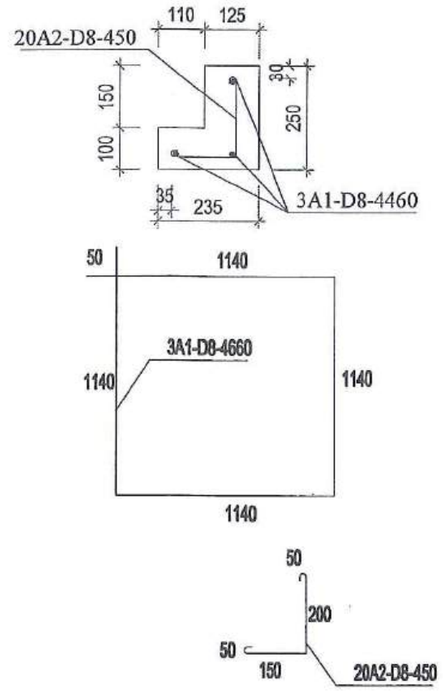


## MẶT CẮT 1 - 1

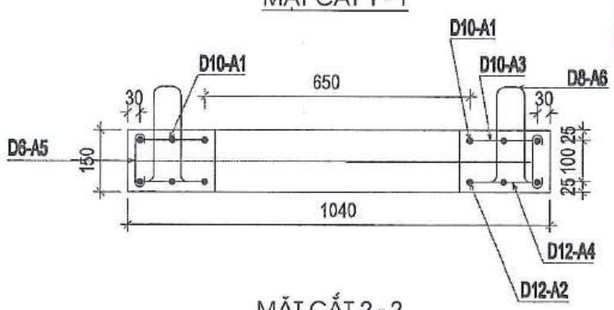


## MẶT CẮT 2 - 2

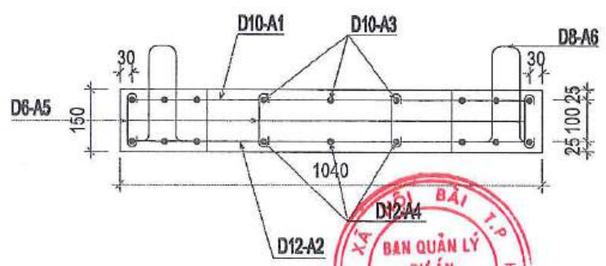


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TTr-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 223/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

**BẢNG KHỐI LƯỢNG CHO 1 TẤM NẮP HỐ GA (MÉP ĐƯỜNG) BÊ TÔNG CHỊU LỰC KT (1.04X1.04X0.15)M, TƯỜNG MŨ BTCT 01 HỐ GA**

| Loại tấm nắp | Tên thanh (A) | Đường kính (mm) | Chiều dài (mm) | Số lượng | Tổng chiều dài (m) | Trọng lượng riêng (kg/m) | Tổng trọng lượng (kg) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Khối lượng nắp hố ga | 01 | 10 | 1130 | 12 | 13.56 | 0.617 | 8.37 |
| | 02 | 12 | 1280 | 12 | 15.36 | 0.888 | 13.64 |
| | 03 | 10 | 290 | 12 | 3.48 | 0.617 | 2.15 |
| | 04 | 12 | 440 | 12 | 5.28 | 0.888 | 4.69 |
| | 05 | 6 | 210 | 20 | 4.20 | 0.222 | 0.93 |
| | 06 | 8 | 690 | 4 | 2.76 | 0.395 | 1.09 |
| | Ván khuôn (m2) | 0.984 | Bê tông M250# (m3) | 0.108 | Tổng cộng | Thép CB300-V | 18.33 |
| | | | | | | Thép CB240-T | 12.54 |
| Cốt thép tường mũ 01 hố ga | A1 | 8 | 4660 | 3 | 13.98 | 0.395 | 5.517 |
| | A2 | 8 | 450 | 20 | 9 | 0.395 | 3.552 |
| | Ván khuôn (m2) | 2.150 | Bê tông M200# (m3) | 0.143 | Tổng cộng | Thép CB300-V | - |
| | | | | | | Thép CB240-T | 9.069 |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

**CHỦ ĐẦU TƯ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
NẮP ĐAN, TƯỜNG MŨ HỐ GA MÉP ĐƯỜNG

TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT-22
HOÀN THÀNH | NĂM 2026

## KÊNH CŨ B65 BÊN PHẢI TUYẾN 4 TẠI CỌC 46 ( LÝ TRÌNH: KM0+797.59)

### KÊNH CŨ B65

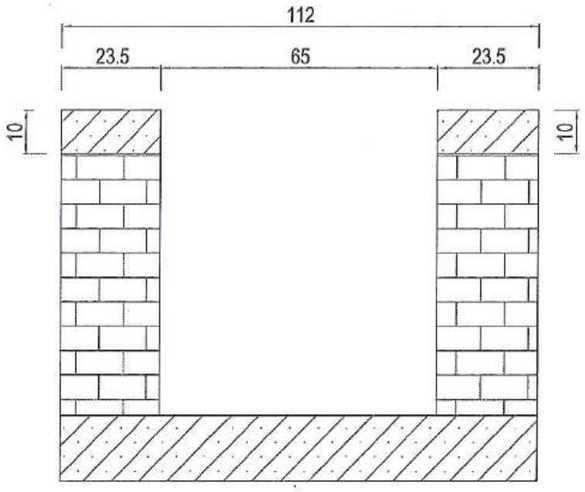


### CẮT NGANG RÃNH THAY GIẰNG, TẤM ĐAN KÊNH B=65CM

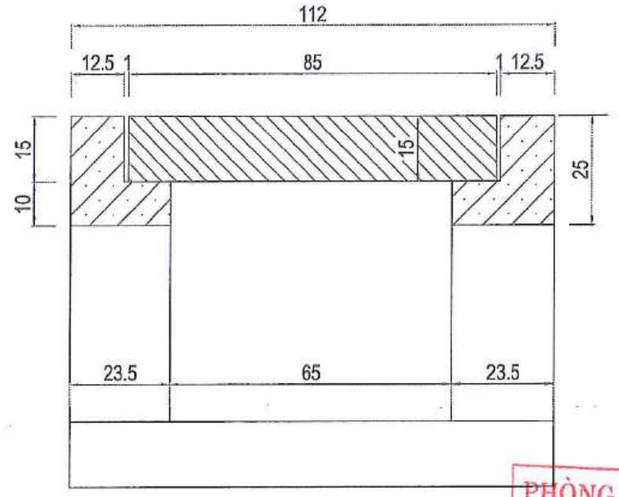


### 1M MŨ TƯỜNG RÃNH

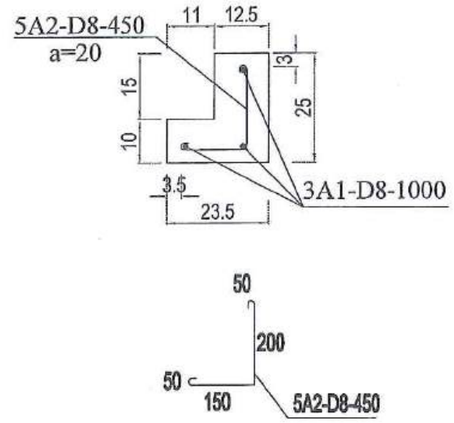


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05 - 08 / APEX - BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 52 / BD - KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

### BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M DÀI RÃNH SỬA CHỮA B=0,65M

| STT | Hạng mục | Quy cách | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bê tông mũ tường | Bê tông M200# | $m^3$ | 0,085 |
| 2 | Ván khuôn mũ tường | Ván khuôn | $m^2$ | 1,000 |

### BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CHO 1 M MŨ TƯỜNG

| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài | Số lượng | Tổng chiều dài | Trọng lượng riêng | Tổng trọng lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (A) | (mm) | (mm) | | (m) | (kg/m) | (kg) |
| A1 | 8 | 1000 | 3 | 3 | 0.395 | 1.185 |
| A2 | 8 | 450 | 5 | 2.25 | 0.395 | 0.889 |

### GHI CHÚ:

- Rãnh dọc cũ B=0.65m có kết cấu như sau.
- Thân rãnh xây gạch tận dụng.
- Thay tấm đan rãnh đổ trực tiếp đơn nguyên KT:400x80x15cm.
- Kích thước bản vẽ ghi cm, cốt thép ghi mm.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 233/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | CHI TIẾT RÃNH CŨ B40CM | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG | | TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 23 |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# CẤU TẠO TẤM ĐAN RÃNH ĐỔ TRỰC TIẾP TÍNH CHO ĐƠN NGUYÊN 4M

## MẶT CẮT II - II (LƯỚI DƯỚI)

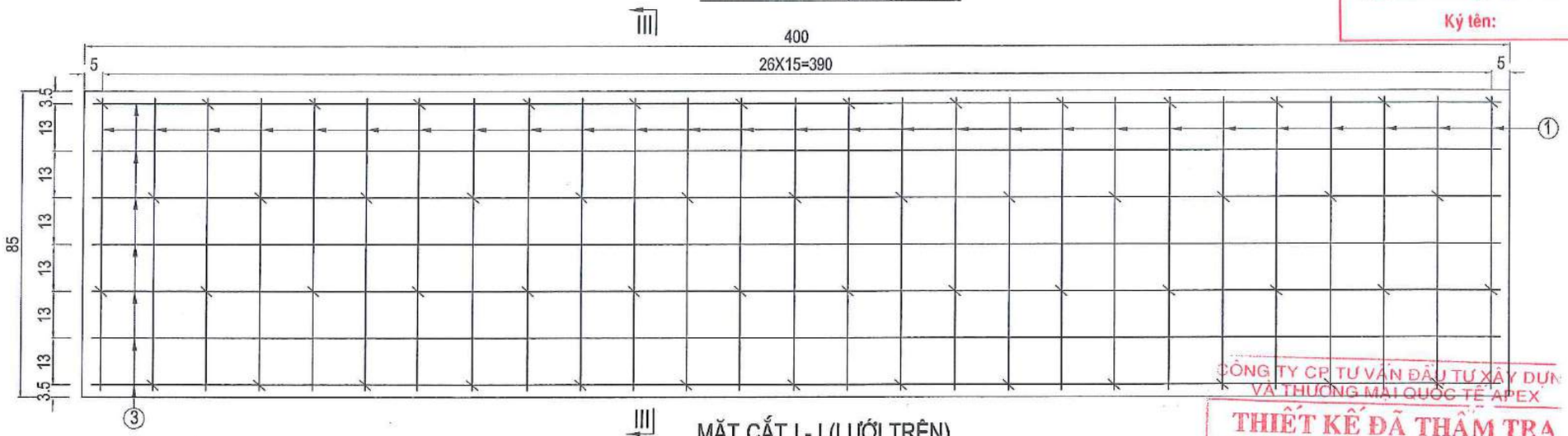


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

## MẶT CẮT I - I (LƯỚI TRÊN)

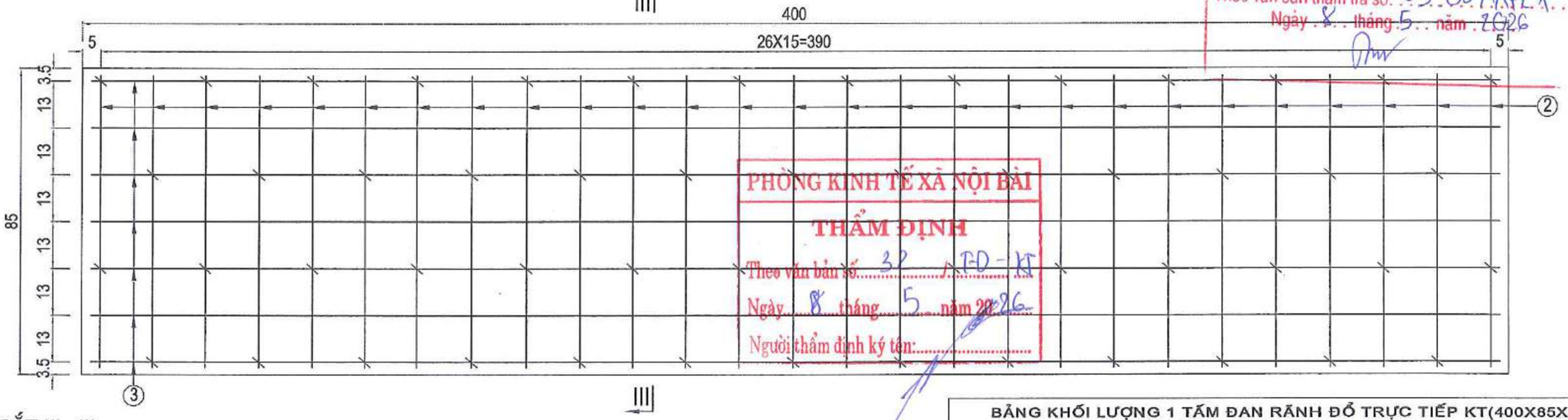


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

## MẶT CẮT III - III

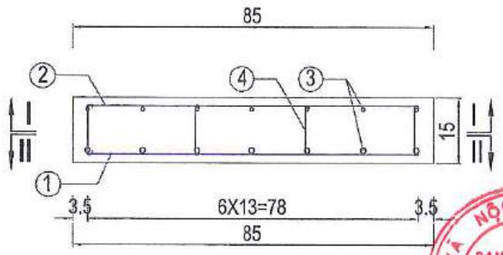


## CHI TIẾT THÉP

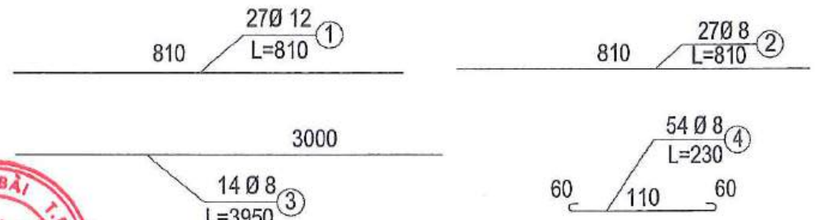


| BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 TẤM ĐAN RÃNH ĐỔ TRỰC TIẾP KT(400X85X15)CM | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tên thanh | Đường kính | Chiều dài 1 thanh | Số thanh | Khối lượng | Đơn vị |
| 1 | 12 | 810 | 27 | 19,42 | Kg |
| 2 | 8 | 810 | 27 | 8,63 | Kg |
| 3 | 8 | 3950 | 14 | 21,82 | Kg |
| 4 | 8 | 230 | 54 | 4,90 | Kg |
| Bê tông M250# | | | | 0,51 | $m^3$ |
| Ván khuôn | | | | 2,6 | $m^2$ |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**CHI TIẾT TẤM ĐAN RÃNH B65CM**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/15 | SỐ HIỆU: T4-CT- 24 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# CẤU TẠO GIÀN PHAI RÃNH B50 TẠI CỌC D42+0.5M THUỘC TUYẾN 4

MẶT CẮT DỌC

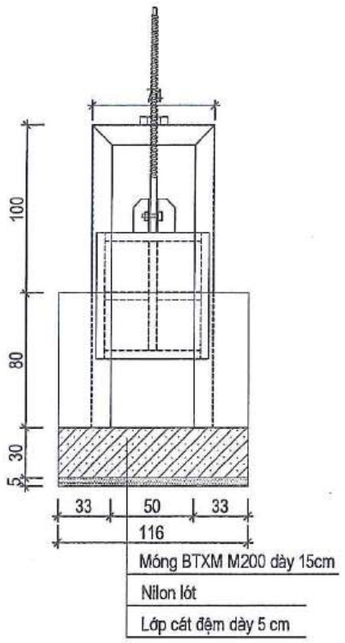


MẶT CẮT NGANG

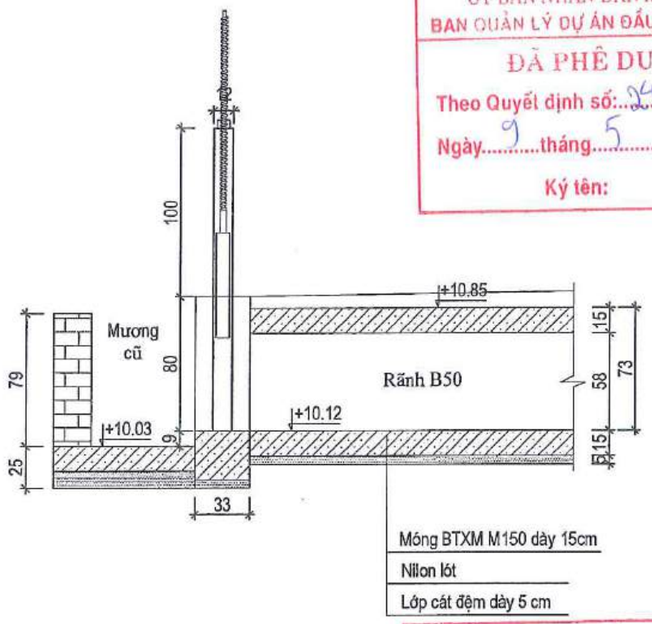


CHI TIẾT GIÀN PHAI

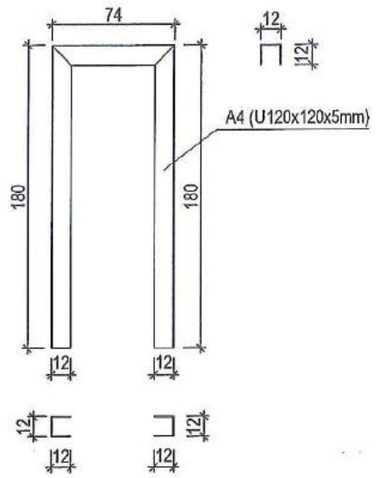


CÁNH PHAI

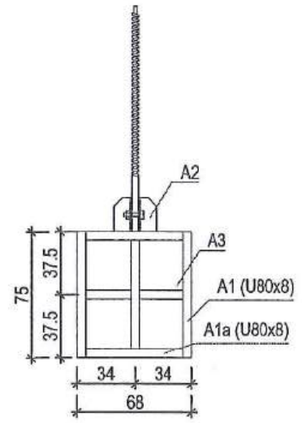


THÉP U80X8

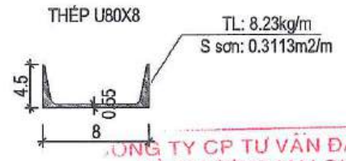


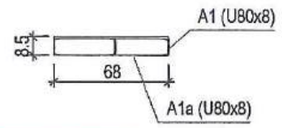


MẶT BẰNG GIÀN PHAI

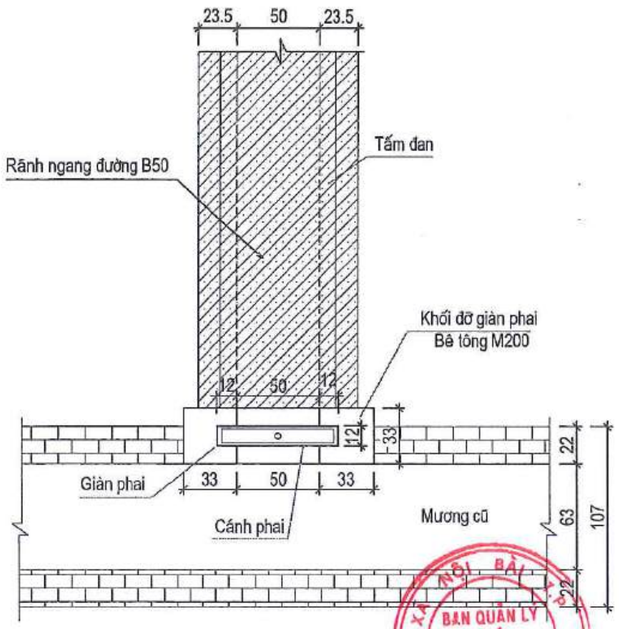


CHI TIẾT A2

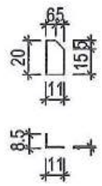


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 31 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08 / APEX - SCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

GHI CHÚ:
- Kích thước bản vẽ là cm,
- Thép hình theo TCVN 7571-2006
- Cánh phai sơn chống rỉ 1 nước và sơn màu nâu đỏ 2 nước

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 1 GIÀN PHAI, CÁNH PHAI

| Ký hiệu | Kích thước mm | Số thanh | Chiều dài cm | TLDV kg/m3 | Khối lượng Thép (kg) |
|---|---|---|---|---|---|
| Vitme loại V0 | | | | | 1 bộ |
| A1 | U80x8 | 3 | 75 | 8.23 | 18.52 |
| A1a | U80x8 | 3 | 68 | 8.23 | 16.79 |
| A2 | 195x200x10 | 2 | | 7850 | 6.12 |
| A3 | 750x680x5 | 1 | | 7850 | 20.02 |
| A4 | 120x120x5 | 1 | 434 | 7850 | 61.32 |
| Sơn | Sơn chống gỉ 1 nước, màu 2 nước (m2) | | | | 5.64 |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
CẤU TẠO GIÀN PHAI RÃNH B50

TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-GP-02
HOÀN THÀNH | NĂM 2026

# CẤU TẠO GIÀN PHAI RÃNH B50 TẠI CỌC D37+4.12M THUỘC TUYẾN 4

MẶT CẮT DỌC

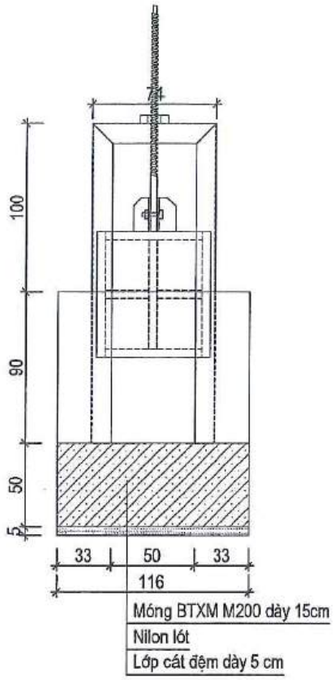


MẶT CẮT NGANG

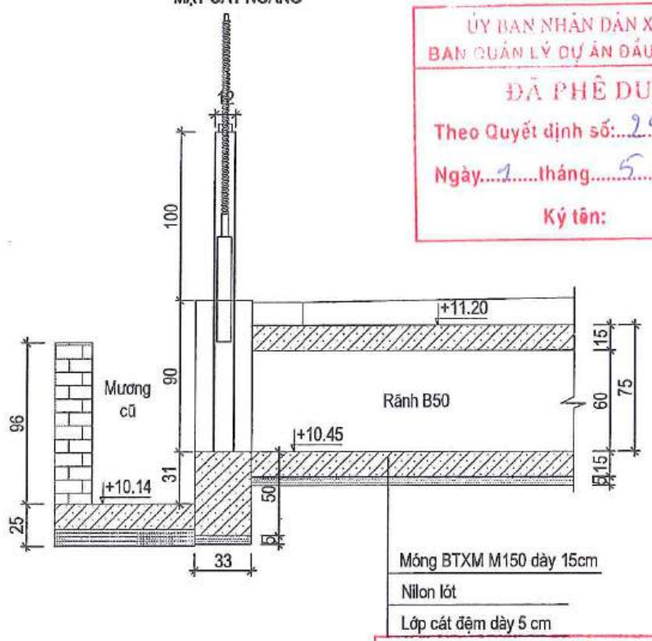


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 1 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CHI TIẾT GIÀN PHAI

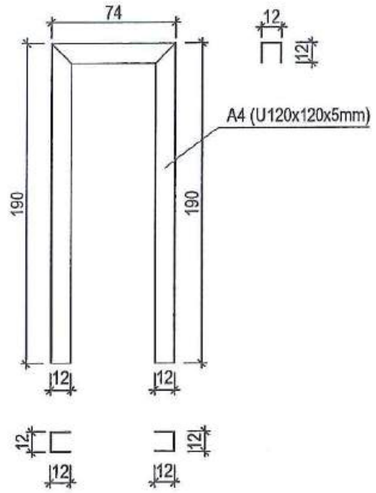


CÁNH PHAI

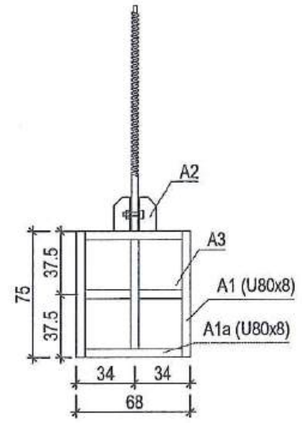


THÉP U80X8

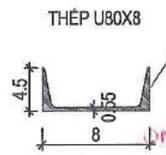


TL: 8.23kg/m
S sơn: 0.3113m2/m

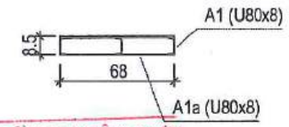


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

MẶT BẰNG GIÀN PHAI

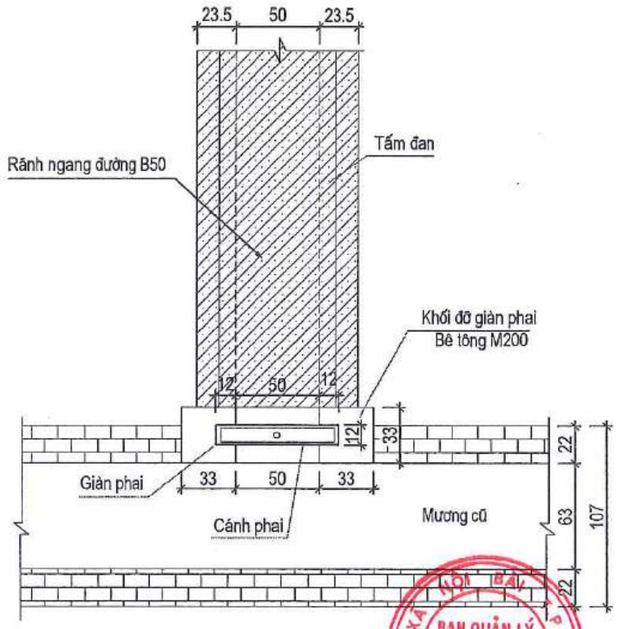


CHI TIẾT A2

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

GHI CHÚ:
- Kích thước bản vẽ là cm,
- Thép hình theo TCVN 7571-2006
- Cánh phai sơn chống rỉ 1 nước và sơn màu nâu đỏ 2 nước

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU 1 GIÀN PHAI, CÁNH PHAI

| Ký hiệu | Kích thước mm | Số thanh | Chiều dài cm | TLDV kg/m3 | Khối lượng Thép (kg) |
|---|---|---|---|---|---|
| Vitme loại V0 | | | | | 1 bộ |
| A1 | U80x8 | 3 | 75 | 8.23 | 18.52 |
| A1a | U80x8 | 3 | 68 | 8.23 | 16.79 |
| A2 | 195x200x10 | 2 | | 7850 | 6.12 |
| A3 | 750x680x5 | 1 | | 7850 | 20.02 |
| A4 | 120x120x5 | 1 | 454 | 7850 | 64.15 |
| Sơn | Sơn chống gỉ 1 nước, màu 2 nước (m2) | | | | 5.78 |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CTTK THOÁT NƯỚC | | NGUYỄN TUẤN DŨNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ: CẤU TẠO GIÀN PHAI RÃNH B50

TỶ LỆ: 1/20 | SỐ HIỆU: T4-GP-02

HOÀN THÀNH | NĂM 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT TUYẾN 4

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
M.S.D.N: 0102617419 - C.T.C.P
X. KIM ANH - TP. HÀ NỘI

NỘI BÀI: NĂM 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

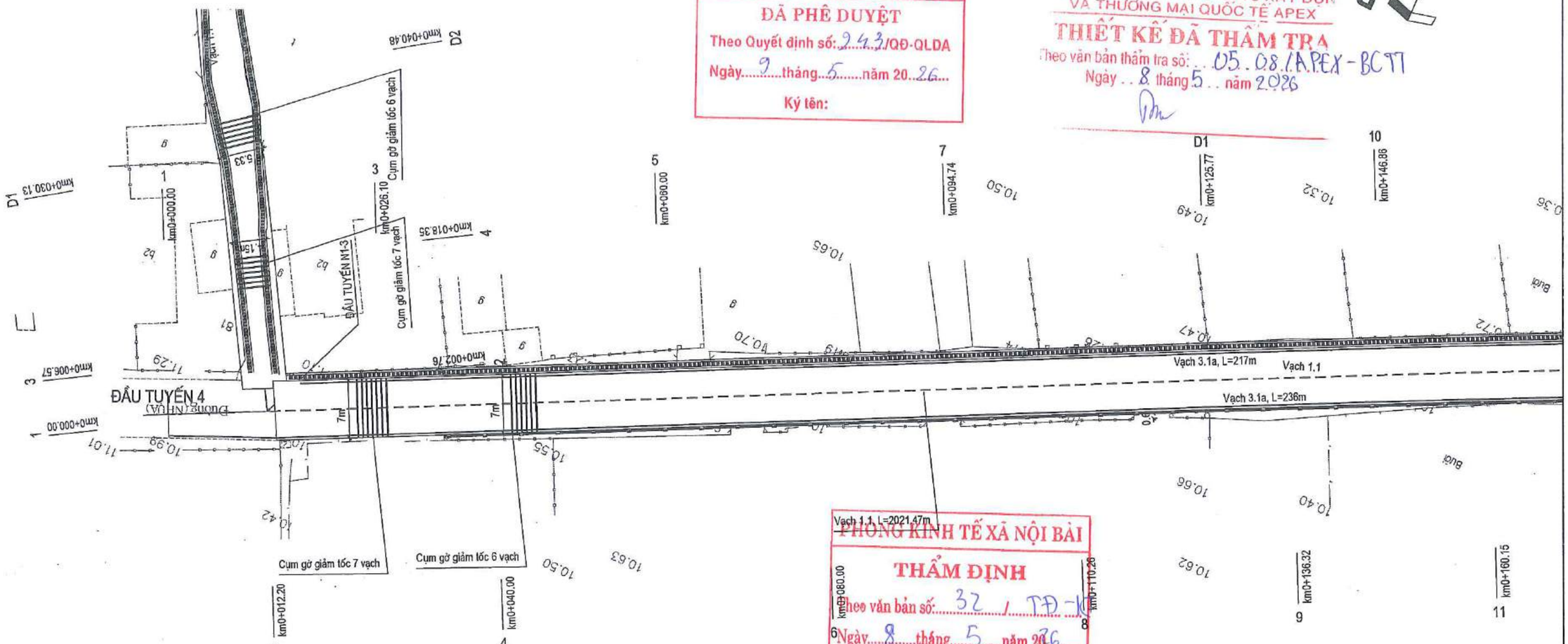


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-01 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Quyết định số: 143/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX - BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

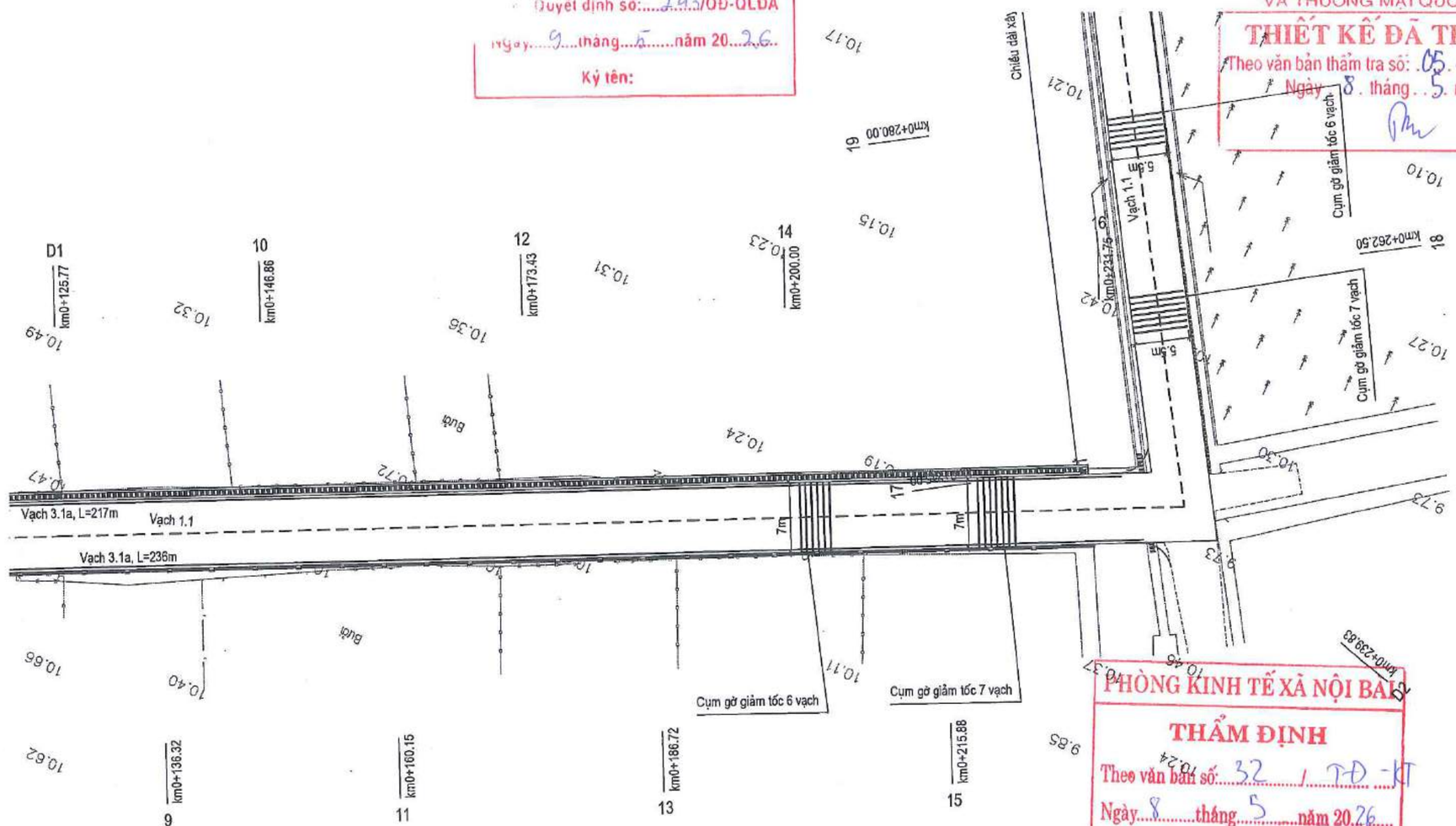


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ - KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-02 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 7 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BGTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

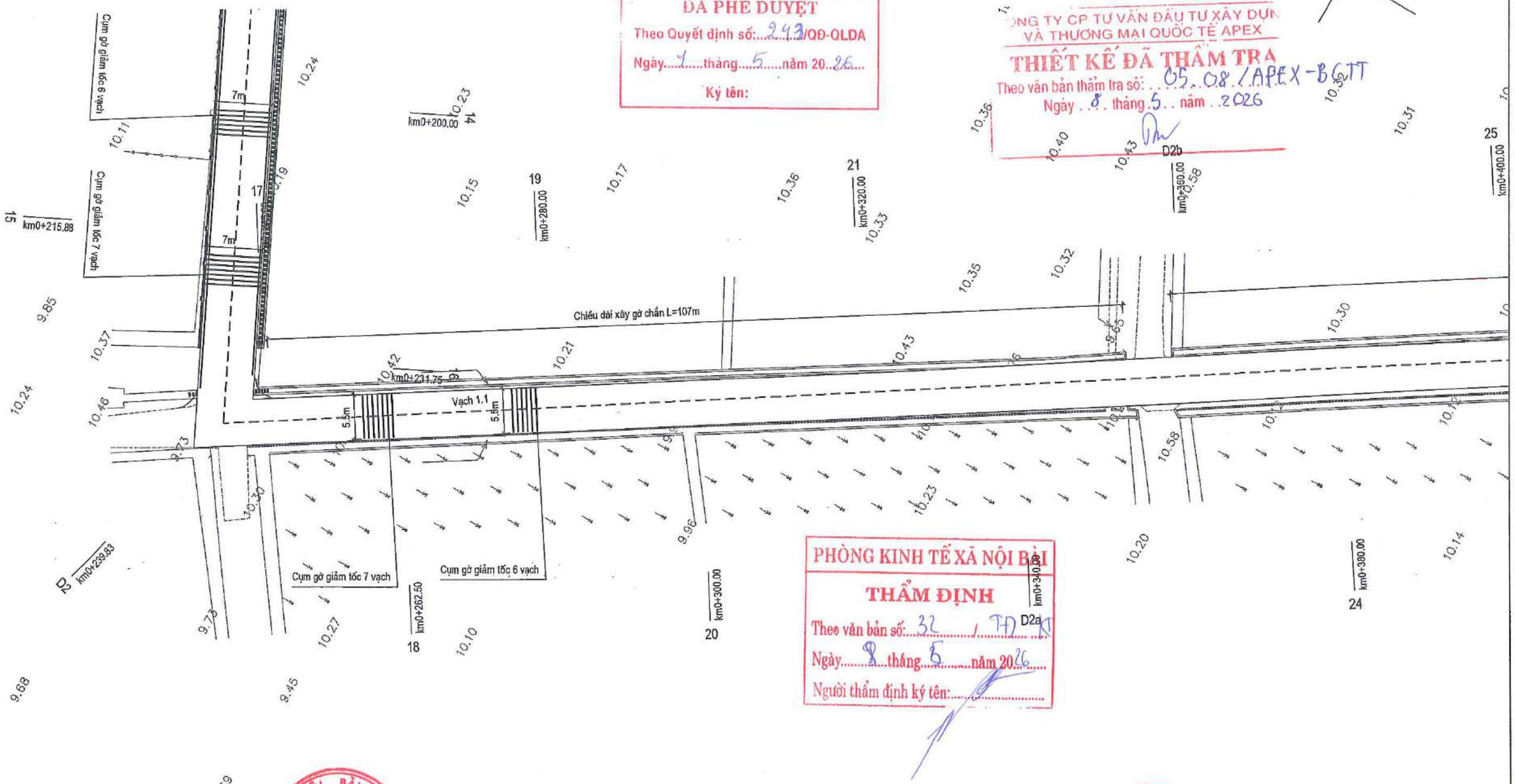


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TTD
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-03 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 7 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/1-APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

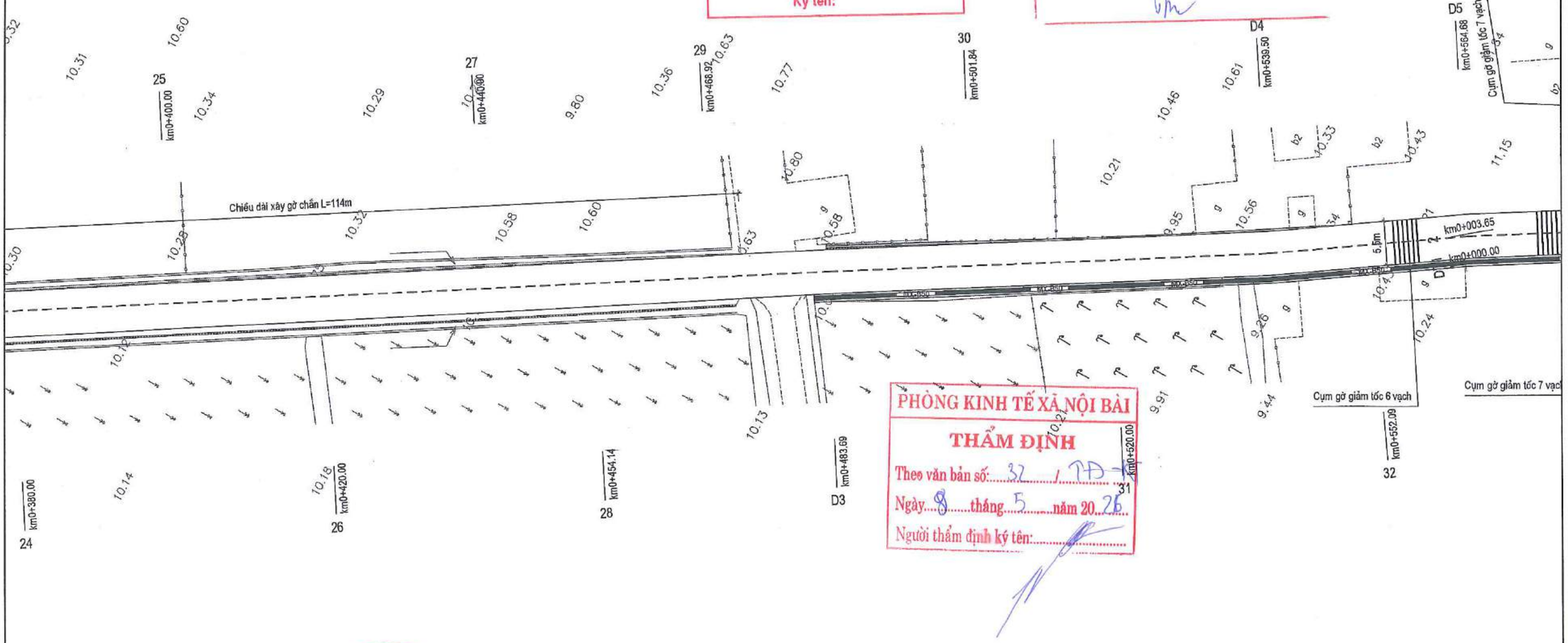


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-TC
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-04 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

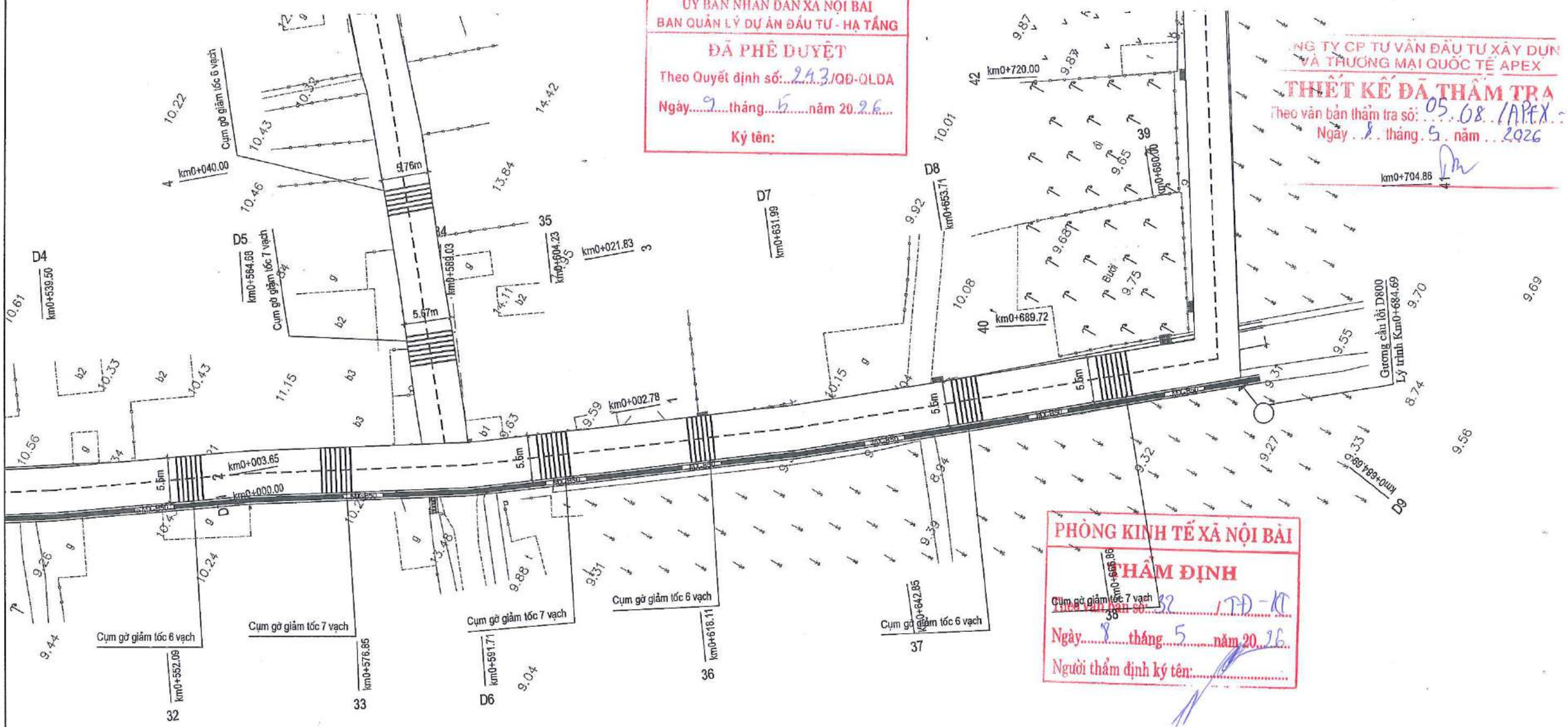


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>NGUYỄN THẾ LONG | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-05 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

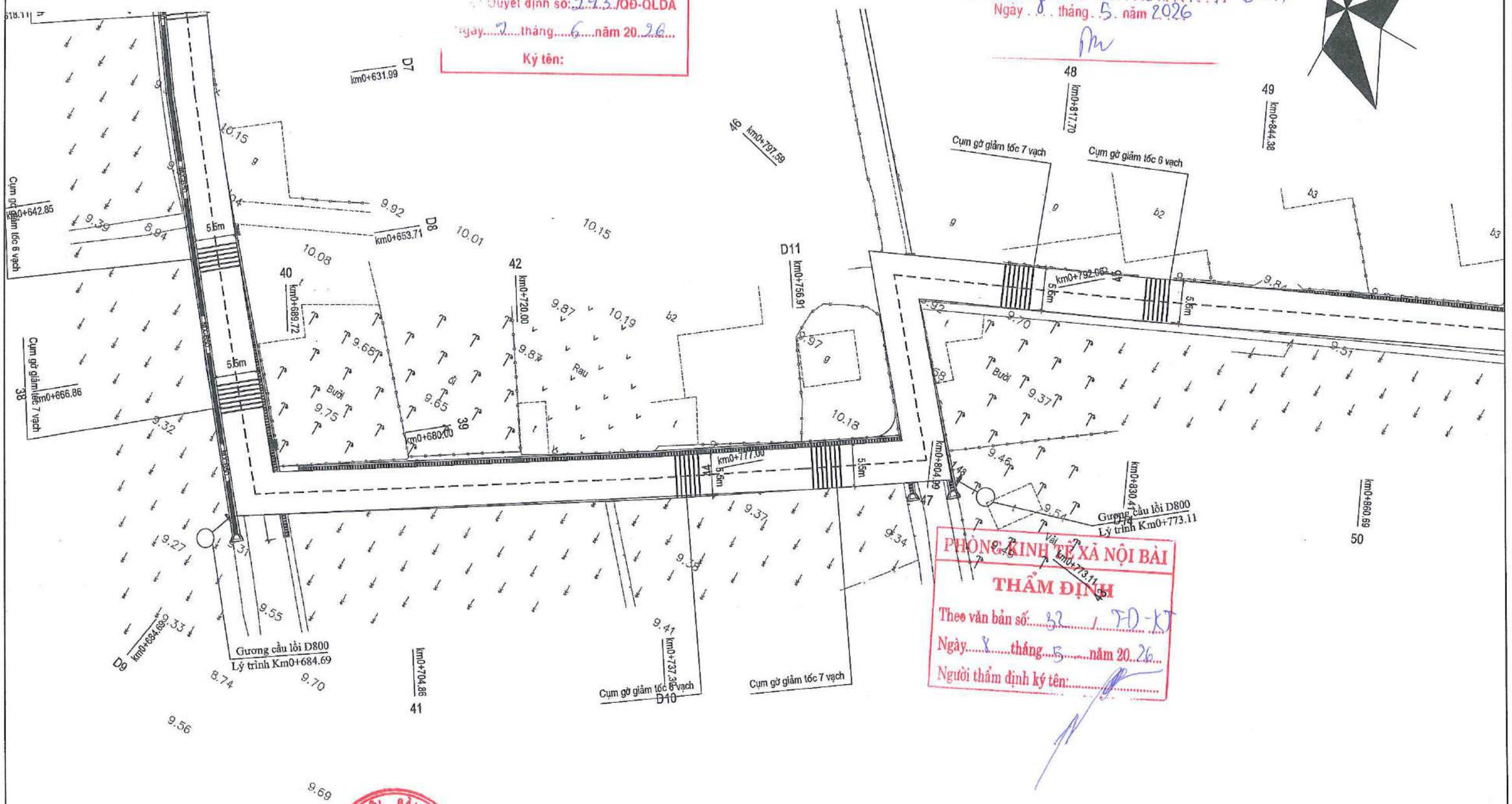


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-06 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 7 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.. 08 /APEX-BCTT
Ngày . 8 . tháng 5 . năm 2026

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

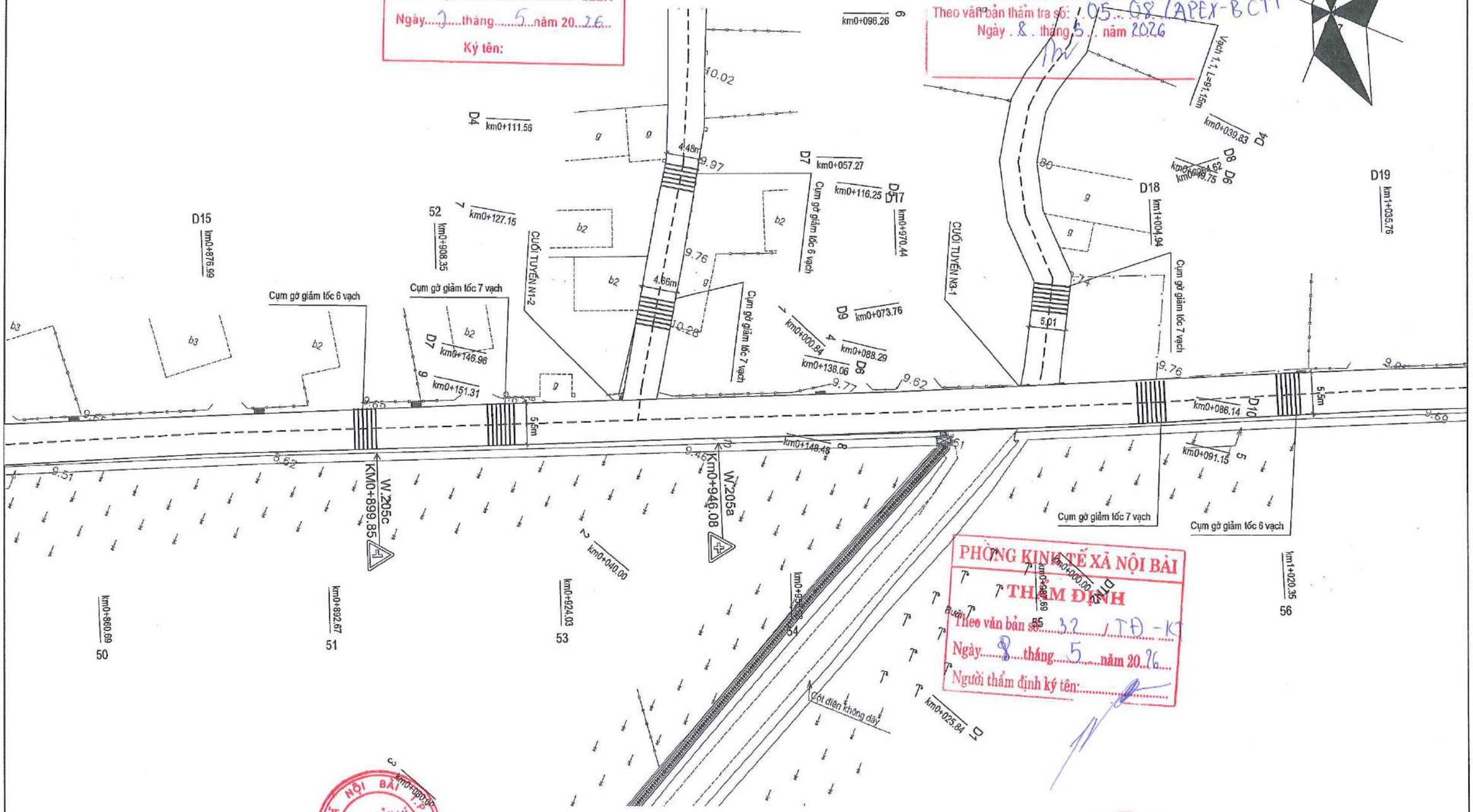


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-07 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

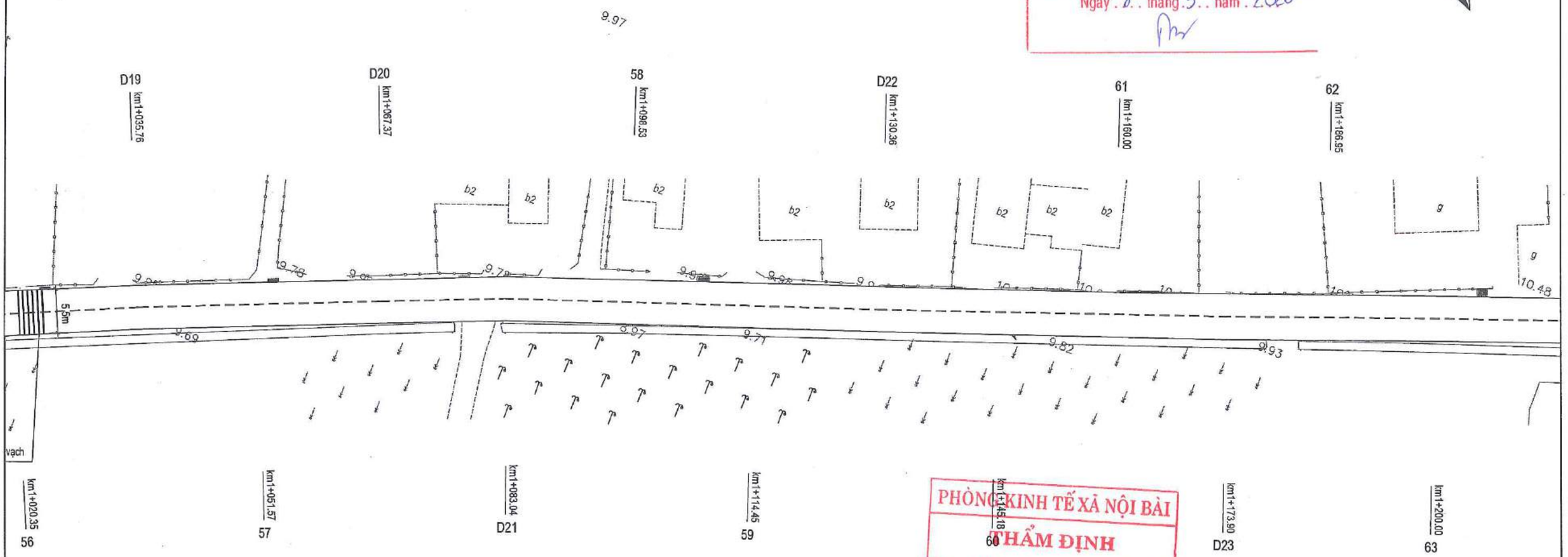


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-08 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

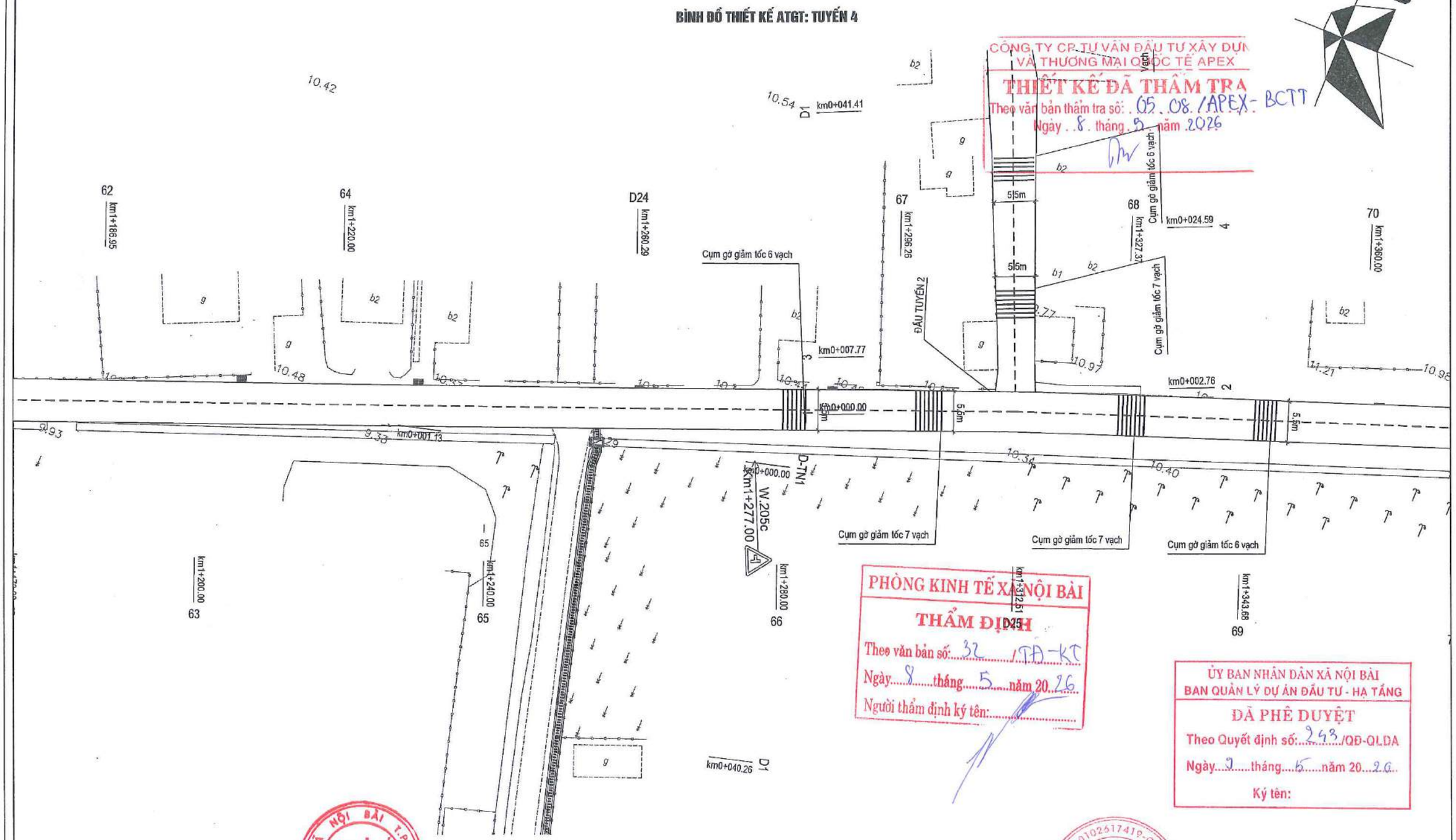


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08./APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 /TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ<br>PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | | |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-09 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08 /APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

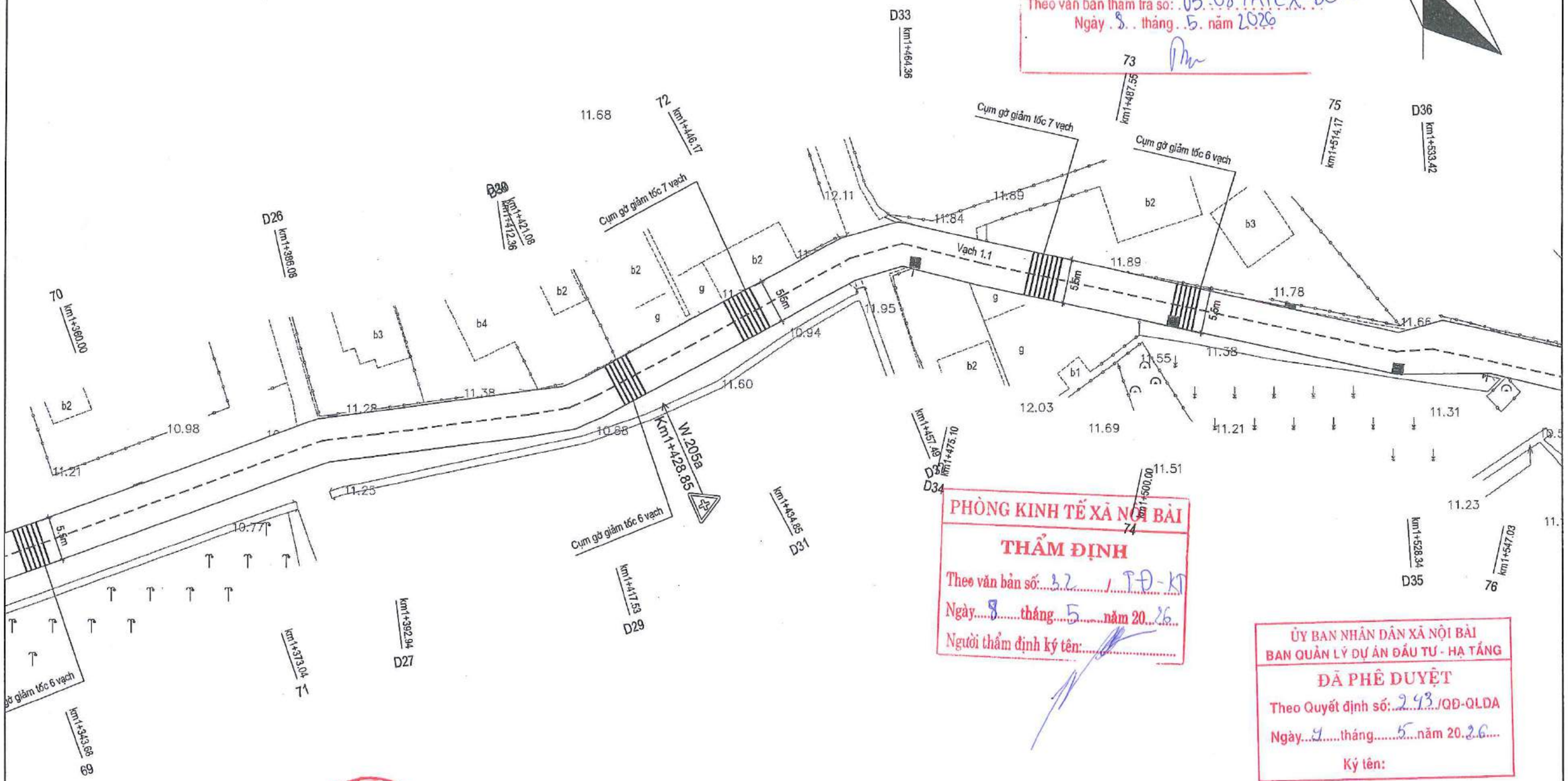


PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243 /QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHÓ GIÁM ĐỐC | TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | |
| 2 | | | | | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 — SỐ HIỆU: T4-BDGT-10 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM: THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH — NĂM 2026 |

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

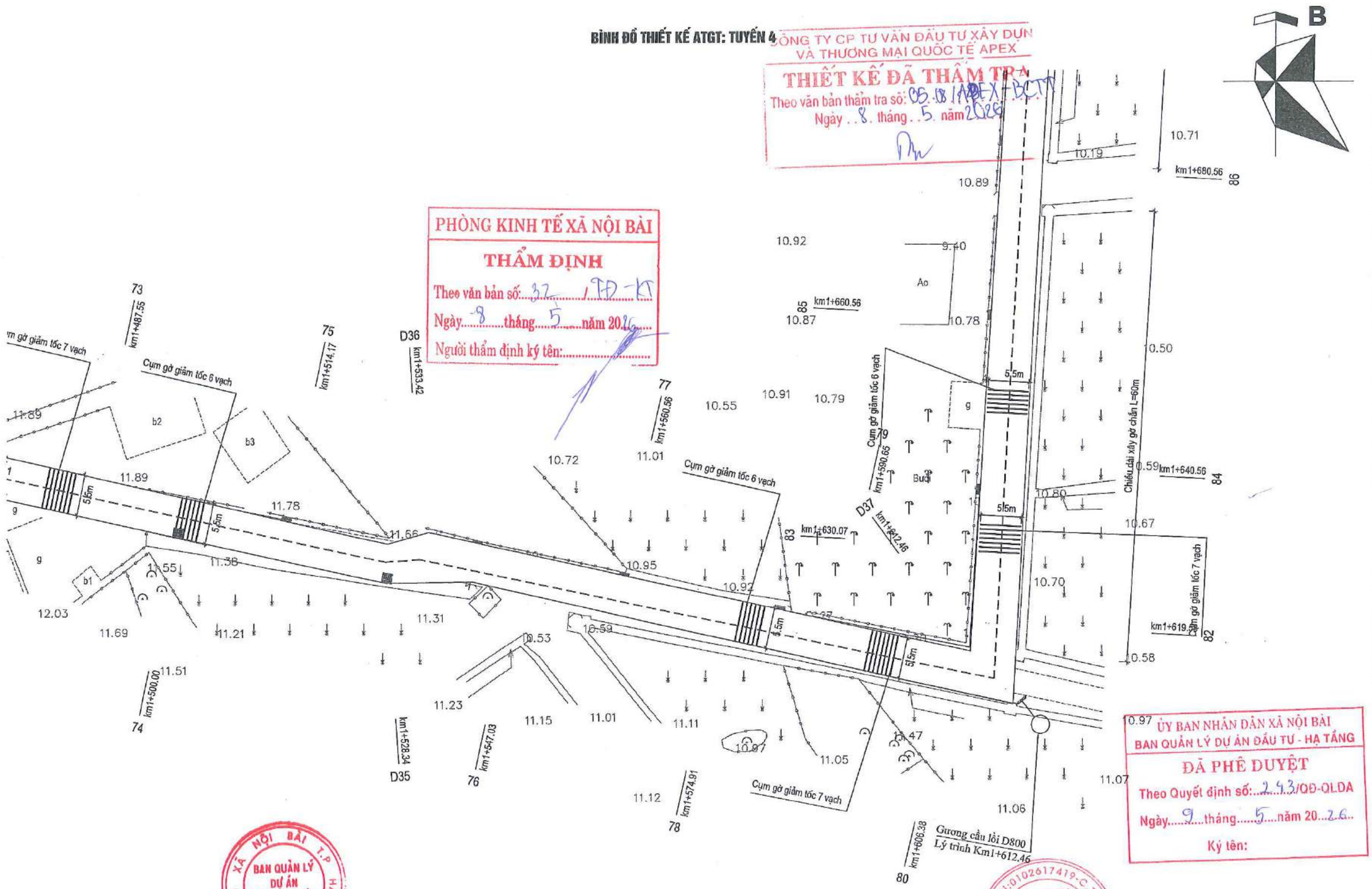


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 243/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-11 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN | NGUYỄN THẾ LONG | | |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN | | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

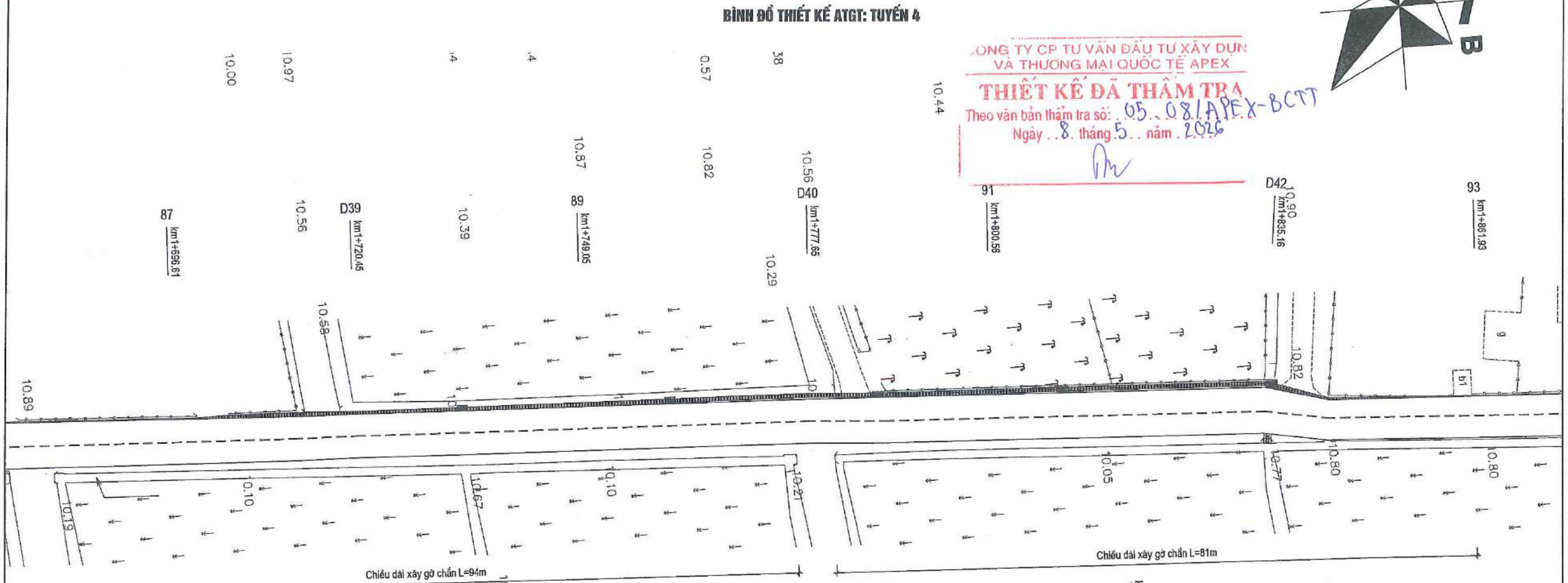


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05..08/APEX-BCTT
Ngày ..8. tháng 5.. năm .2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / TĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 249/QĐ-QLDA
Ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

| HIỆU CHỈNH | | | CHỦ ĐẦU TƯ | HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG | CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | NGUYỄN NGỌC SƠN | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | TÊN BẢN VẼ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH | BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI | | CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | ĐÀO VĂN TRƯỜNG | PHÓ GIÁM ĐỐC | BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4 | |
| 1 | | | ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | DỰ ÁN: | THIẾT KẾ | NGUYỄN VĂN THUẬN | | TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-12 |
| 2 | | | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT | CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI | KIỂM TRA | NGUYỄN NGỌC SƠN | NGUYỄN THẾ LONG | HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |
| 3 | | | SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026 | ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI | | | | | |

# BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4

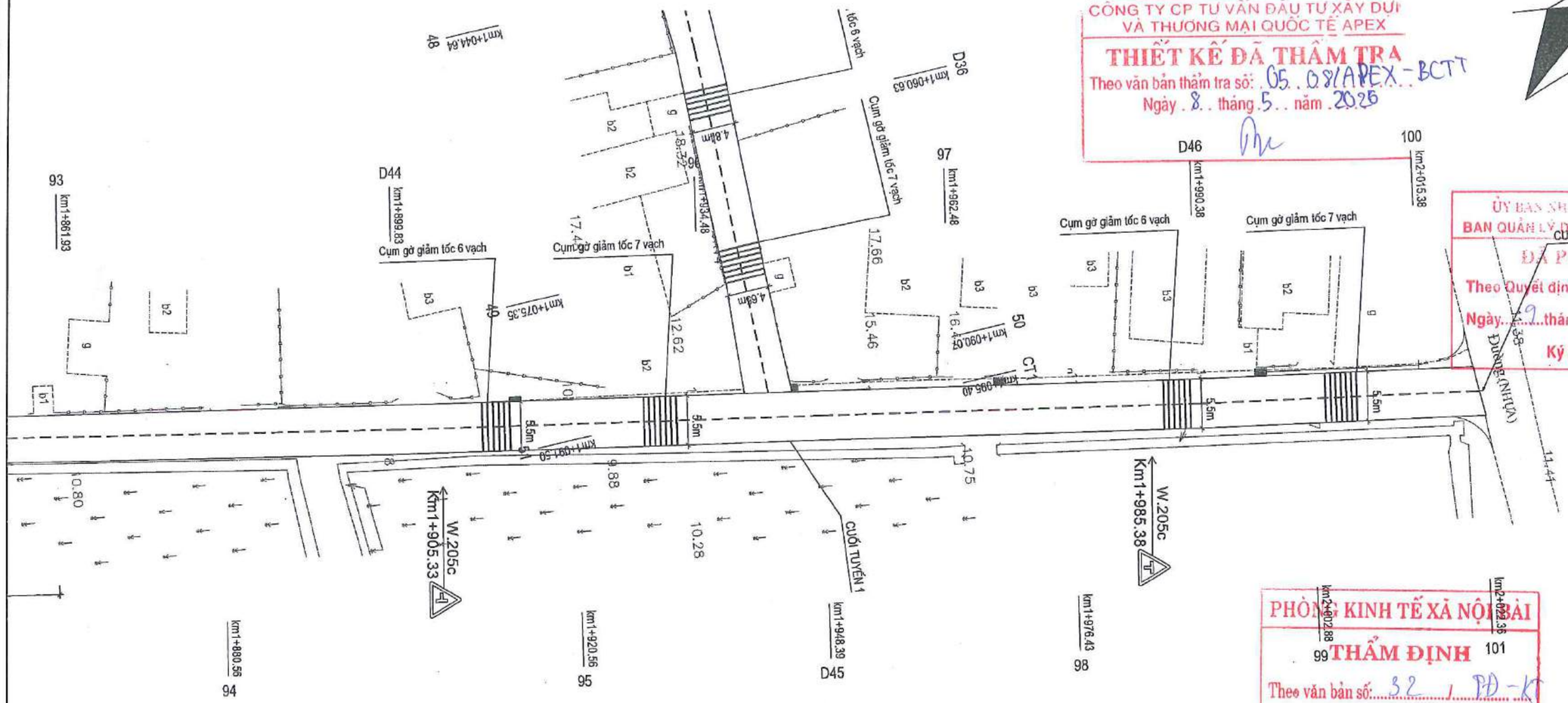


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ APEX
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 05.08/APEX-BCTT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NỘI BÀI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 293/QĐ-QLDA
Ngày 12 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NỘI BÀI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 32 / PĐ-KT
Ngày 8 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên:

**Bảng thống kê khối lượng vạch sơn gờ giảm tốc, biển báo (Tuyến 4)**

| STT | Loại sơn | Diễn giải | Khối lượng | Đơn vị |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Vạch sơn gờ giảm tốc dày 6mm | 7*(7*2+6*2)/2+5.5*(7*16+6*16)/2 = | **663** | m |
| 2 | Vạch sơn gờ giảm tốc dày 2mm | 7*(7*2+6*2)/2+5.5*(7*16+6*16)/2 = | **663** | m |
| 3 | Vạch tim đường V1.1 | 2021.47 | **2021.47** | m |
| 4 | Vạch tim đường V3.1a | 236+217 = | **453** | m |
| 5 | Biển đường giao nhau (tam giác) | | **6** | biển |
| 6 | Biển gương cầu lồi D800 | | **3** | biển |

| HIỆU CHỈNH | | |
|---|---|---|
| LẦN | NGÀY THÁNG | NỘI DUNG HIỆU CHỈNH |
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ NỘI BÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ ĐẠI VIỆT
SỐ HỢP ĐỒNG: 48/2026/HĐ-TV NGÀY 24/03/2026

**HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI
ĐỊA ĐIỂM : THÔN YÊN NINH, XÃ NỘI BÀI, TP HÀ NỘI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | | NGUYỄN NGỌC SƠN |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | | ĐÀO VĂN TRƯỜNG |
| THIẾT KẾ | | NGUYỄN VĂN THUẬN |
| KIỂM TRA | | NGUYỄN NGỌC SƠN |

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ LONG

TÊN BẢN VẼ
**BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ATGT: TUYẾN 4**

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ: 1/500 | SỐ HIỆU: T4-BDGT-13 |
| HOÀN THÀNH | NĂM 2026 |